VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
Viện Sử học

QUỐC SỬ DI BIÊN

國史遺編

PHAN THÚC TRỰC
潘叔直

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

QUỐC SỬ DI BIÊN

Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ DI BIÊN
國史遺編

PHAN THÚC TRỰC
潘叔直

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
Hà Nội - 2009

QUỐC SỬ DI BIÊN
國史遺編

PHAN THÚC TRỰC
潘叔直

Bản dịch: TỔ BIÊN DỊCH VIỆN SỬ HỌC
Người dịch: ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
Hiệu đính và chú thích: HOA BẰNG

Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

VÀI LỜI VỀ VĂN BẢN BỘ QUỐC SỬ DI BIÊN

Bộ *Quốc sử di biên* này, Tổ Biên dịch Viện Sử học chúng tôi căn cứ theo bản sách in của Phòng Nghiên cứu Đông Nam Á xuất bản ngày tháng 10 năm 1965 để biên dịch.

Theo như ông Trần Kinh Hòa viết ở bài "*Quốc sử di biên đích biên giả dữ nội dung*" 國史遺編的編者與內容 (Tác giả và nội dung sách *Quốc sử di biên*)[1], đặt ở đầu sách thì trước khi cho in, Phòng Nghiên cứu đã "đem nguyên văn, hiệu đính cả toàn diện". Nguyên văn có những chữ Nôm và những chữ viết đơn đặc biệt của Việt Nam tuy đã được Phòng Nghiên cứu "cứ theo nguyên văn in ra", còn một số chữ không đọc được thì đánh dấu O để tồn nghi, nhưng bản in của Phòng Nghiên cứu còn để lại cho độc giả một số khó khăn là những lỗi ấn loát không đính chính.

Thí dụ: Trang 101, bài văn tế Tống Hậu (vợ Gia Long): "gian quan" lại nhầm là "gian khai", "sằn, đồ" nhầm là "tân nữ, đồ"; bốn chữ "Nhân tự phong lưu" đáng phải đặt liền với đầu câu "Túc ung bí Chu hoa chi bách lạng" ở dòng dưới thì

---

[1]. Toàn văn Bản dịch in trong phần 2 của sách này.

lại xếp lộn lên dòng trên, và thêm hai chữ "hựu viết..." lạc lõng vào đó, làm cho cả một đoạn văn lộn xộn, vô nghĩa!

Trang 112, "thôi điệt" nhầm là "thôi kinh".

Trang 166, "thính cấp phiếu văn" nhầm là "thính cấp túc văn".

Trang 183, "tây bắc" nhầm là "nhi bắc".

Trang 279, "Cửu An hà" nhầm là "Nghệ An hà".

Trang 303, nhắc lại truyện Ân Quang hầu (Trần Công Hiến), chúng tôi thấy trùng điệp phần chép cuối năm Tân Mùi (1811) đời Gia Long, nên đã lược bỏ đi.

Trang 371, "Siêu loại" nhầm là "Khởi loại".

Trang 379, "Ngũ tỉnh" nhầm là "Ngọc tỉnh".

Trang 391, "thời" nhầm là "tuân"...

Nghiêm trọng hơn nữa:

Trang 233, việc quân Nguyễn tiến công Nông Văn Vân ở Vân Trung, bản in của Phòng Nghiên cứu lại đặt cước chú vào chỗ đánh Lê Văn Khôi ở Gia Định.

Cuối sách, trang 398, việc Bạch Xuân Nguyên trong cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi đáng phải đặt sang dòng khác, đứng riêng một sự kiện lịch sử; đằng này không thế, phần in nhầm, phần sót chữ, nguyên thư xếp chung một dòng và một câu dài thế này: "... Bộ, Viện, Các thần tấu chỉnh cung toàn ngự chế Nguyên do thư lại tiến, v.v...".

Do những sai sót như trên đã đưa ra làm thí dụ, chúng tôi phải làm thêm một việc là sửa sai cho nguyên thư.

Trong *Quốc sử di biên*, tác giả Phan Thúc Trực có những chú thích về chữ dùng trong văn bản hoặc một số năm can chi để tham khảo. Về cơ bản, chúng tôi vẫn trung thực với nguyên

tác, chỗ nào là chú thích của nguyên tác thì đặt trong hai ngoặc đơn để là "nguyên chú", còn chỗ nào là lời chua của chúng tôi thì đặt trong hai dấu [ ] để tiện phân biệt. Dẫu vậy, có những chú thích, khi đã dịch sang tiếng Việt được rõ nghĩa rồi, hoặc có chỗ nào thấy là sai nhầm do lỗi ấn loát, thì chúng tôi chủ động lược bỏ đi. Thí dụ: hai chữ "lượng am" (như *lượng am*), nguyên tác có chú thích khá dài, nhưng đã dịch là "chỗ vua cư tang" thì không cần thiết phải dịch lời chú thích của tác giả nữa.

Để đính chính những chữ tên người, tên đất bị in nhầm, hoặc để làm rõ thêm sự kiện lịch sử hay điển tích Hán văn, chúng tôi có tham khảo các sách dưới đây:

Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhất kỷ, Đệ nhị kỷ, Đệ tam kỷ;

Đại Nam liệt truyện;

Quốc triều hương khoa lục;

Quốc triều khoa bảng lục;

Bắc sử;

Tứ thư;

Ngũ kinh;

Minh đô sử;

Quang Trung, Anh hùng dân tộc;

v.v...

Hà Nội, ngày 2 tháng 7 năm 1968

HOA BẰNG

TÁC GIẢ VÀ NỘI DUNG SÁCH
QUỐC SỬ DI BIÊN

Triều Nguyễn Việt Nam từ Thế Tổ (Gia Long 1802-1819) đánh đổ triều Nguyễn Tây Sơn (1777-1802) mà thống nhất ba kỳ ta ở về sau, những vua thừa kế là Thánh Tổ (Minh Mệnh 1820-1840), Hiến Tổ (Thiệu Trị 1841-1847), Dực Tông (Tự Đức 1848-1883) đều là vua hiền thủ thành: dậy sớm, ăn muộn, nuôi dân sinh sôi; cho dân yên nghỉ, lấy việc giữ nước được yên làm chức vụ mình. Nhưng tiếc rằng từ Thánh Tổ trở đi, dùng chính sách bài ngoại cực đoan, không có nước ngoài giao thông buôn bán; nghiêm cấm đàn áp đạo Thiên chúa. Mặt khác, lại không tăng cường cận đại hóa và thể chế Nhà nước, để nước Pháp mượn cớ mà xâm chiếm, thôn tính. Bởi thế, Dực Tông mất chức chưa bao lâu, Việt Nam trở thành nước bảo hộ của Pháp. Nước Pháp đã cướp được Việt Nam rồi, vẫn ôn tồn với triều Nguyễn, nhưng nghĩ cách dùng hết thủ đoạn để tước đoạt thực quyền của triều Nguyễn. Những hoàng đế nối sau phần nhiều cũng đều yếu đuối không hề có chút chí khí hăng hái tự cường, chỉ giữ xuông cái ngôi trống mà thôi. Nhân đó lòng dân chia lìa chống lại, triều Nguyễn mất hết địa vị lãnh đạo nhân dân Việt Nam.

Đến tháng 8 năm 1945, quân Nhật đầu hàng, cuộc chiến tranh Thái Bình Dương kết thúc, Việt Minh chớp thời cơ giành chính quyền thống nhất ba kỳ. Vua đời thứ 13 là Vĩnh Thụy (Bảo Đại) dưới áp lực của Việt Minh đã tuyên bố thoái vị; triều Nguyễn sụp đổ, diệt vong. Tính từ Thế Tổ thế là được hơn 140 năm. Điều đáng chú ý là 240 năm trước khi Thế Tổ lên ngôi, ông tổ xa đời của nhà Nguyễn là Nguyễn Hoàng với tư cách trấn thủ, đã vào Thuận Hóa ở trong Nam mở cõi, gây cơ nghiệp. Về sau con cháu kế thừa dựng riêng thể chế chính quyền sánh ngang với Chúa Trịnh ở miền Bắc, trở thành thời đại Nam - Bắc đối lập gần 200 năm. Trong khoảng ấy, chúa Nguyễn mặt ngoài dẫu theo chính sách triều Lê, nhưng các đời xưng chúa, xưng vương, trên thực tế đã hình thành một quốc gia độc lập. Nước ta, Trung Quốc cùng Nhật Bản gọi vùng chúa Nguyễn là nước Quảng Nam, người châu Âu thì gọi là "Giao Chỉ China". Chúa Nguyễn các đời dều phát triển về phương Nam, chiếm hết đất cũ Chiêm Thành. Một mặt, lại lợi dụng sự giúp đỡ của số đông người Trung Quốc di cư hồi cuối Minh đầu Thanh mà chiếm cứ đất của Cao Miên. Đến cuối thế kỷ XVII, từ Quảng Trị đến đất châu thổ tam giác sông Mê Công đều thuộc về chúa Nguyễn. Nay nếu đem thời đại chúa Nguyễn tính cộng vào thì có thể nói xã tắc nhà Nguyễn tổng cộng dài đến 387 năm, là một vương triều rất lâu dài trong lịch sử Việt Nam. Triều Nguyễn đối với lịch sử Việt Nam, sự cống hiến rất lớn là ở chỗ mở mang đất nước. Thực tế, bờ cõi một nửa Việt Nam là nhờ chúa Nguyễn đã khai thác. Nhưng về mặt trái, triều Nguyễn đối với lịch sử Việt Nam, có tội rất to là đem non sông gấm vóc kia dâng đứt cho nước Pháp, khiến Việt Nam mất chủ quyền quốc gia đến 80 năm

đằng dẵng! Đến nay thế lực nước Pháp dầu đã cáo lui, nhưng không ngờ nhân dân Việt Nam lại phải ở dưới chính cục Nam - Bắc phân tranh, chịu những nỗi đau khổ nồi da xáo thịt!

Những sách chủ yếu nhất trong lịch sử triều Nguyễn là bộ *Thực lục* và *Liệt truyện* do triều đình Nguyễn sắc sai biên soạn, kể có:

Đại Nam thực lục - Tiền biên (12 quyển) chép những sự kiện lịch sử phát triển và kinh dinh ở Trung, Nam Kỳ của các đời chúa Nguyễn khoảng 220 năm từ Nguyễn Thái tổ Nguyễn Hoàng, Mậu Ngọ năm thứ 1 (1558), đến Định Vương năm Đinh Dậu (1777).

Đại Nam liệt truyện - Tiền biên (69 quyển) chép tiểu sử các hậu, phi, hoàng tử và chư thần đời các chúa Nguyễn.

Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ nhất kỷ (Thực lục về Thế tổ Cao hoàng đế, 60 quyển), khoảng từ Mậu Tuất năm thứ nhất (1778) đến tháng 4, Nhâm Tuất năm thứ 23 (1802), chép việc tranh dấu với chính quyền Tây Sơn (quyển 1 đến 16), có khoảng từ tháng 5, Nhâm Tuất Gia Long năm thứ nhất (1802) đến tháng 12, Kỷ Mão Gia Long (1819) chép lịch sử triều Gia Long.

Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ nhị kỷ (Thực lục) về Thánh tổ Nhân hoàng đế, 220 quyển, chép lịch sử triều Minh Mệnh, từ Canh Thìn, Minh Mệnh năm thứ nhất (1820) đến Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 (1840).

Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ tam kỷ (Thực lục về Hiến tổ Chương hoàng đế, 72 quyển), chép lịch sử triều Thiệu Trị từ Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất (1841) đến tháng 2 năm Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 (1847).

Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ tứ kỷ (Thực lục về Dực tông Anh hoàng đế, 70 quyển) chép lịch sử triều Tự Đức và triều Hiệp Hòa từ tháng 9 năm Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) đến tháng 10 năm Quý Mùi, Tự Đức thứ 36 (1883).

Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ ngũ kỷ (Thực lục về Giản tông Nghị hoàng đế, 8 quyển) chép lịch sử triều Kiến Phúc từ tháng 11 năm Quý Mùi, Tự Đức thứ 36 (1883) đến tháng 8 năm ất Dậu, Kiến Phúc thứ nhất (1885).

Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ lục kỷ (Thực lục về Cảnh tông Thuần hoàng đế, 11 quyển), chép lịch sử triều Hàm Nghi và triều Đồng Khánh từ tháng 8 năm ất Dậu, Hàm Nghi thứ nhất (1885) đến tháng 12 năm Mậu Tý, Đồng Khánh năm thứ 3 (1888).

Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập (33 quyển), chép các truyện hậu phi, hoàng tử, công chúa, tôn thất, quý thích, chư thần, Ngụy tập (Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Huệ, Nguyễn Quang Toản) và ngoại quốc (Cao Miên, Xiêm La, Thủy Xá, Hỏa Xá, Miến Điện, Nam Chưởng, Chiêm Thành, Vạn Tượng) dưới triều Gia Long.

Đại Nam chính biên liệt truyện, tập 2, chép các truyện hậu phi, hoàng tử, công chúa, tôn thất, quý thích, chư thần, trung nghĩa, hạnh nghĩa, liệt nữ, ẩn dật và nghịch thần, dưới bá triều Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức (chú 1)[1].

Các kỷ[2] và các truyện trên đây đều do Quốc sử quán của vương cung Thuận Hóa phân biệt cho khắc in, đóng thành

---

[1] Từ chú 1 đến chú 8 dưới đây đều là những chú thích của tác giả Trần Kinh Hòa, chúng tôi cũng theo nguyên thứ tự của ông mà đặt số cho mỗi bài.

[2] Tức là từ *Đệ nhất kỷ* đến *Đệ lục kỷ* không kể *Đệ thất kỷ* chưa in.

sách. Còn bộ phận trở về sau Đệ lục kỷ ở đây, năm Bảo Đại thứ 10 (1925) cũng biên tập thành *Đệ lục kỷ phụ biên* cùng với *Đệ thất kỷ*, đem trình vua Bảo Đại.

Đệ lục kỷ phụ biên là Thực lục về hai phế đế Thành Thái và Duy Tân.

Đệ thất kỷ thì là Thực lục về vua Khải Định.

Đệ lục kỷ phụ biên, cộng 26 quyển: quyển 1 đến quyển 19 nhặt chép các đại sử ký triều Thành Thái, từ năm Kỷ Sửu Thành Thái thứ nhất (1889) đến năm Đinh Mùi Thành Thái thứ 19 (1907); quyển 20 đến quyển 28 lặt lượm các sự kiện lịch sử dưới triều Duy Tân khoảng từ tháng giêng năm Mậu Thân, Duy Tân thứ nhất (1908) đến tháng 5 năm Bính Thìn Duy Tân thứ 19 (1916).

Đệ thất kỷ, cộng 10 quyển, trình bày các sự kiện lịch sử dưới triều Khải Định từ tháng 6 năm Bính Thìn Khải Định năm thứ nhất (1916) đến năm ất Sửu Khải Định thứ 10 (1925).

Duy 2 bộ này đều chưa in, chỉ viết thành 6 bộ: chia để ở điện Kiền (Càn) Thành 1 bộ, Ngự tiền Văn phòng 1 bộ, Sử quán 2 bộ, Bộ Giáo dục và Thư viện Bảo Đại mỗi nơi 1 bộ, đều không cho người ngoài xem (chú 2).

Thể tài *Đại Nam thực lục* và *Liệt truyện* đều theo phương thức sử biên niên, trước chép năm can chi, niên hiệu và ngày, rồi sau chua thuật các việc. Mà những quyển nội dung rất đầy đủ nhất, thu lượm sự kiện lịch sử được nhiều nhất, thì là *Thực lục chính biên* kỷ thứ 2. *Đệ nhị kỷ* (Thực lục triều Minh Mệnh) thứ 2 là kỷ thứ nhất; *Đệ nhất kỷ* (Thực lục triều Gia Long) thứ nhất đến *Đệ Tam kỷ* (Thực lục triều Thiệu Trị) và *Đệ tứ kỷ* (Thực lục triều Tự Đức). Từ

Việt Nam thuộc Pháp trở về sau, *Đệ ngũ kỷ* trở đi, sự chép *Thực lục* bị giản hóa, nhất là những việc quan hệ đến Pháp - Việt, chỉ cố ý bẻ cong, hoặc lược bớt, hoặc tránh mà không cho nói. Còn các sự việc lịch sử khác vì triều đình nhà Nguyễn không nắm được thực quyền, các chính lệnh đều do phủ Tổng đốc[1] nước Pháp ban bố, cho nên những việc đáng chép vào *Thực lục* cũng rất bị hạn chế. Bởi thế biết rằng *Đại Nam thực lục*, phần có giá trị sử liệu vào hàng đầu chỉ là *Thực lục tiền biên* và *Thực lục chính biên. Đệ nhất kỷ*, *Đệ nhị kỷ*, *Đệ tam kỷ*, *Đệ tứ kỷ*, cùng với *Liệt truyện tiền biên*, *Liệt truyện chính biên* sơ tập và nhị tập cũng là từng phần trước khi thuộc Pháp mà thôi. Còn phần từ *Đệ ngũ kỷ* trở về sau chỉ đáng để làm sử liệu tham khảo.

Những tài liệu căn cứ để làm *Thực lục* và *Liệt truyện* là bản chữ son của triều Nguyễn, bao quát các sắc dụ, biểu, tấu, các pháp lệnh các đời triều Nguyễn, cùng với các giấy tờ công văn và báo cáo việc quan này khác. Những tập sử liệu này đều do người biên tập đã chỉnh lý lại. Những số ký hiệu đều theo hai bộ *Mục lục châu bản* về triều Gia Long và triều Minh Mệnh (sơ tập) do ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam của Trường Đại học Thuận Hóa đã in và phát hành (chú 3).

Những sách *Thực lục* và *Liệt truyện* này vốn là thư tịch triều Nguyễn, vẫn không công khai, nên các trường đại học, thư viện và các sở nghiên cứu trên thế giới lưu giữ không được nhiều. Giáo sư Tùng Tín Quảng, trường Đại học Khánh Ứng nước Nhật Bản, năm 1933 khi du hành đến

---

[1]. Tức phủ Toàn quyền Đông Dương.

Việt Nam, có kiếm được bộ *Thực lục* và *Liệt truyện*, chia tặng cho các trường đại học trứ danh nước Nhật. Duy gần đây ở Việt Nam ngọn lửa chiến tranh lan tràn và kéo dài làm cho sử sách triều Nguyễn bị tổn thất không ít. Bởi thế bộ *Thực lục* hoàn chỉnh của Việt Nam đã khó tìm được. Sở Nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa trường Đại học Khánh Ứng nhìn thấy tình hình như vậy, bèn đặt kế hoạch đem toàn bộ *Thực lục* và *Liệt truyện* cho in lại.

Từ năm Chiêu Hòa (Nhật Bản) thứ 36 (1961) đến nay đã in lại được *Đại Nam thực lục I* (*Thực lục tiền biên*, *Liệt truyện tiền biên*), *Đại Nam thực lục II* (Thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 1 đến quyển 22) và *Đại Nam thực lục IV* (*Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập), cộng 3 sách.

Trừ những chính sử do nhà nước làm của triều Nguyễn nói trên, người ta còn thấy nhiều loại sử ký, văn tập, địa chí và tạp ký do nhân sĩ Việt Nam đời Nguyễn làm ra, đều có thể dùng làm tư liệu nghiên cứu về sử triều Nguyễn. Nay đem phạm vi thu hẹp lại, chỉ chuyên nói về những sử sách không phải quan sử thì không bộ nào có tính chất trọng yếu bằng *Quốc sử di biên* do Phan Dưỡng Hạo (*Thúc Trực*) đã biên tập.

Về sách *Quốc sử di biên*, hiện nay Viễn Đông học viện của nước Pháp[1] chỉ còn có một bản chép tay, ký hiệu A.1045 (chú 4). Bản sách này ngoài mặt đề là "Dưỡng Hạo hiệu đính tập *Quốc sử di biên*", không có bài *Tựa* và bài *Bạt*, nhưng toàn văn có chấm câu, sửa đổi một số chữ nhầm và

---

[1] Tức trường Bác cổ cũ. Từ ngày chúng ta tiếp quản, gọi tên là Thư viện Khoa học, nay là Viện Thông tin Khoa học Xã hội Việt Nam trực thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

thêm vào đó không ít những lời tham bổ hay phụ chú. Bởi thế biết rằng sách này là bản thảo chưa nhất định, người biên tập lúc còn sống chưa cho chỉnh lý được hoàn bị.

Dưỡng Hạo hoặc Hiệu là tên lúc trước của Phan Thúc Trực, quan Nội các đầu niên hiệu đời Tự Đức. Theo *Quốc triều đăng khoa lục*, quyển 1 do Cao Xuân Dục biên tập, thì khoa Đinh Mùi, Phan Dưỡng Hạo đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (Thám hoa) năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Sau đổi tên là Thúc Trực, quán xã Vân Tụ, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An, sinh năm Mậu Thìn (1808), đỗ Tú tài ứng Cống sinh, bổ Quốc tử giám sinh, nhậm chức Tập hiền viện Thị giảng, vâng mệnh đi tìm kiếm sách sót, tạ thế ở giữa đường, được truy tặng hàm Thị độc. Những sách làm để lại có: *Cẩm đình thi văn tập* (chú 5).

Ngoài ra, sách *Đại Nam chính biên liệt truyện*, tập 2, có chép: "Phan Thúc Trực, người An (Yên) Thành, tỉnh Nghệ An. Tiểu sử của Thúc Trực như sau: Cao tằng tổ đều đỗ Hương cống đời Lê. Cha là Vũ, gặp lúc cuối Lê, ẩn cư, dạy học; đầu năm Gia Long đỗ Tú tài, nhiều lần mở trường dạy học; hằng ngày thường đọc thuộc lòng kinh sử, người ta đều tôn là bậc Khổng nho. Thúc Trực được cha dạy, thông minh, học rộng, có tiếng hay chữ. Thi Hương hỏng mãi, bèn do chân Tú tài sung công được Quốc tử giám sinh. Năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, được trao chức Hàn lâm viện Trứ tác. Năm Tự Đức thứ 1 (1848), được cho vào Nội các, rồi đổi sang Tập hiền viện thị giảng, sung Kinh diên khởi cư chú. Làm thơ văn ứng chế nhiều lần đều được khen. Năm Tự Đức thứ 4 (1851), vâng mệnh đi Bắc Kỳ tìm kiếm sách sót; năm sau (1852), về đến Thanh Hóa, ốm chết, được truy tặng Thị

giảng Học sĩ. Trước đây, làng Phan Thúc Trực ở, có một dải sông Cẩm Giang nhiều năm bị lụt, ruộng bỏ hoang rậm, không cày cấy được. Thúc Trực đỗ rồi, về giúp dân khai ngòi, đắp bờ. Từ đấy, chứa hay tháo nước là tùy sự cần từng mùa, nhờ đó nông dân được lợi. Sau khi mất, người làng nhớ công, lập đền thờ. Tác phẩm có: *Diễn Châu phủ chí*, *Cẩm Đình hiệu tần thi tập*, *Bắc hành nhật Lan phả thi tập*. Lúc trước tên là Dưỡng Hạo, sau gọi tên tự là Thúc Trực. Con út là Vĩnh đỗ Cử nhân và Định đỗ Tú tài" (chú 6).

Như vậy, chúng ta có thể biết Phan Thúc Trực (1808-1852) là một vị quan tân tiến ưu tú đã biểu lộ tài năng ở cuối đời Thiệu Trị - đầu đời Tự Đức, rất được vua Tự Đức quý trọng. Có thể nói tiền đồ đang rực rỡ như gấm hoa. Chỉ tiếc vì chết trẻ chưa phát triển thi thố được hết hoài bão.

Trong các sách Phan Thúc Trực làm ra mà *Liệt truyện* nói đến có: *Diễn Châu phủ chí* hình như đã mất, hai quyển *Cẩm đình hiệu tần thi tập* và *Bắc hành nhật Lan phả thi tập* hình như hợp làm một quyển *Cẩm đình thi văn tập*. Viễn đông Học viện hiện còn một bộ (ký hiệu: A 1385). Những sách của họ Phan có quan hệ đến phương diện lịch sử, *Đại Nam liệt truyện* tuy chưa nói đến, nhưng ở kho sách Viễn đông Học viện, trừ *Quốc sử di biên* ra, còn có một bộ *Trần - Lê ngoại truyện* (ký hiệu A 1069) (chú 7). Sách này chắc là sử liệu bổ sung cho lịch sử triều Trần và triều Lê, cũng là *Ngoại truyện* mà trong *Quốc sử di biên* nhiều lần dẫn dụng.

Nội dung *Quốc sử di biên* chia làm 3 tập: Thượng, Trung, Hạ. Ba tập đều chép lên đầu mỗi tập câu *Quốc triều Đại Nam kỷ*, hoặc *Đại Nam kỷ*.

Tập Thượng đầu tiên nêu "*Tham bổ ngọc phả đế hệ*" chép

họ tên và chức vụ 15 người tổ tiên trước Nguyễn Hoàng và giản sử của Hoàng khảo Hiếu Khang hoàng đế (thân phụ Thế Tổ), rồi sau bắt đầu thuật những việc trọng đại dưới triều Thế tổ Cao hoàng đế từ Nhâm Tuất đến Gia Long năm thứ nhất (1802) đến Ất Mão năm thứ 18 (1819). Cuối tập có tham bổ phụ bài "Thế tổ tế Tống hậu". Tập Thượng này gồm 94 tờ, mỗi tờ 18 dòng, mỗi dòng đủ 20 chữ[1].

Tập Trung, trình bày những sự kiện lịch sử dưới triều Minh Mệnh, Thánh tổ Nhân hoàng đế khoảng từ Canh Thìn, Minh Mệnh năm thứ nhất (1820) đến Canh Tý năm thứ 21 (1840). Cuối tập có phụ lục: tham bổ *Ngoại truyện* (dẫn *Trần - Lê ngoại truyện*); chiếu dụ và bia ký, bổ đặt triều Gia Long và triều Minh Mệnh; các điều trong mục lục *Minh Mệnh chính yếu*; việc tổng trấn truyền cấm hào dân nhân lễ Đại khánh năm Đinh Hợi (1827) thượng dụ tháng 12, năm Minh Mệnh thứ 8; thơ của Đặng Văn Khải tỉnh Bình Thuận (nghĩa thơ văn có liên quan về dường biển Nam Dương); tập thơ *Phong trúc* của Ngô Thế Lân; bản tên các tổng, huyện, phủ thuộc các tỉnh Bắc Kỳ; thời khắc ngày đêm theo mặt trời mọc, lặn; bài biểu của Nguyễn Văn Thành (quận Thành) về luật lệ; những câu đối hay của các quan trong những năm Nhâm Thìn, Quý Tỵ; tình hình tỉnh Cao Miên cuối đời Minh Mệnh; thơ *Đa nam ngự chế* và thơ *Bình đài* của vua làm; cuối cùng là mấy lời về Lê Văn Khôi. Cả tập cộng 212 tờ.

Tập Hạ, trình bày những sự kiện lịch sử dưới triều Thiệu Trị Hiến tổ Chương hoàng đế từ Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất (1841) đến Đinh Mùi, năm Thiệu Trị thứ 7

---

[1]. Số tờ và số chữ đây là kể theo bản thảo của tác giả Phan Thúc Trực.

(1847). Cuối tập có phụ: tham bổ *Ngoại truyện*[1], việc lục tuyển khoa năm Bính Ngọ (1846)[2]. Tên các cung, điện, đài, các, đương lâu của hoàng gia tại Kinh thành Thuận Hóa, danh sách những người đỗ thi Đình khoa Giáp Thìn (1844), đầu đề văn sách khoa Đinh Mùi (1847) và danh sách những người đỗ thi Đình khoa ấy, tờ chiếu phong Hoàng thái tử năm Gia Long thứ 15 (1816); tên những người trong hoàng tộc được phong năm Gia Long thứ 16 (1817); tên các con trưởng công thần được phong năm Gia Long; bảng đỗ thi Đình năm Nhâm Dần (1842); mục lục ngự chế thi văn của vua Thiệu Trị, v.v... cộng 51 tờ .

Đúng như các kỳ *Đại Nam thực lục tiền biên*, thể tài chép sự của sách này cũng là lối sử biên niên. Những niên đại chép đấy là ba triều đầu nhà Nguyễn: Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị - bao quát sự kiện lịch sử trong khoảng 46 năm (1802-1847). Lại theo trên địa vực mà xét, những việc sách này thu lục trừ những sự việc có liên quan trực tiếp với triều đình nhà Nguyễn và với đô thành. Còn phần nhiều là việc có liên quan đến Bắc Kỳ hoặc phát sinh ở Bắc Kỳ. Do đấy có thể suy đoán rằng sách này được làm khoảng năm Tự Đức thứ 1 (1851) lúc Phan Thúc Trực vâng mệnh đi Bắc Kỳ tìm kiếm sách sót; còn nam làm xong sách này dẫu chưa đoán định được xác thực nhưng tóm lại vào khoảng sau khi đi Bắc và trước lúc mất, tức là khoảng năm Tự Đức thứ 4, thứ 5 (1851-1852) không còn nghi ngờ nữa.

---

[1] Tức *Trần Lê ngoại truyện* 陳黎外傳

[2] Tức là bản yết thị về trường quy khoa thi Bính Ngọ năm Thiệu Trị thứ 6 1846)

[3] Theo số tờ trong bản thảo của Phan Thúc Trực

Sách này chép việc phạm vi rất rộng, quan thiệp đến các phương diện, như: các chiếu lệnh, sắc dụ, pháp lệnh do triều Nguyễn ban phát ngự chế thi văn, sự kiến thiết và cải cách về chính sự và thể chế; việc nhiệm dùng hay bãi người điều động và thưởng phạt các văn vũ quan viên, những cuộc phản loạn và sự trấn áp, sự ngoại giao đi lại (bao gồm: việc triều Nguyễn triều cống nhà Thanh và nhà Thanh sắc phong các vua chúa triều Nguyễn, các việc thông thương, tuần du, kiến thiết, khoa học, thuế lệ và các thứ tai biến (thủy tai, bão, hạn hán, đói kém, động đất, hỏa tai), tật dịch, tục truyền, dật sự, thi văn, v.v... đều thu lục cả). Về các phương diện, có thể bổ sung hoặc tham dính cho các việc ghi chép ở *Chính biên* các đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và chính biên liệt truyện tập 1. Nay lược kể một số chỉ dụ để tham khảo.

1. Về quốc hiệu triều Nguyễn, đầu năm Gia Long đã đặt là Việt Nam. Mà *Quốc sử di biên* (tập Thượng) tháng 12 năm Gia Long 11 (1812), chép rằng: "Lấy lại quốc hiệu là Đại Việt". Tập Trung ngày 2 tháng 3 năm Minh Mệnh 19 (1838) lại chép rằng: "Bắt đầu đổi quốc hiệu là Đại Nam" và dẫn chiếu văn các câu: "Kỳ cải quốc hiệu viết Đại Nam, dĩ [Minh Mệnh] nhị thập niên vi thủy hoặc xưng Đại Việt Nam quốc diệc nghi"[1]. Về hai điều này, *Thực lục chính biên*, Đệ nhị kỷ tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 19 (1838), đối với điều sau đã chép kỹ càng và dẫn toàn văn bài chiếu sắc; nhưng *Thực lục chính biên*, Đệ nhất kỷ lại không hề nhắc đến điều trước.

2. *Quốc sử di biên* (tập Thượng) ngày 14 tháng 10 năm

---

[1]. Nay đổi quốc hiệu là Đại Nam kể bắt đầu từ năm Minh Mệnh thứ 20, hoặc gọi là "Đại Việt Nam" cũng được.

Gia Long 12 (1813) chép rằng: "Lập 5 trường thi Hương, đều chia 8 cửa". Mà *Thực lục chính biên, Đệ nhất kỷ*, chỗ cùng năm và tháng ấy chỉ thấy có việc nhiệm mệnh chức Đề điệu ở hai trường thi Thăng Long và Sơn Nam bằng Hương cống[1] 44 người.

3. *Quốc sử di biên* (tập Trung) năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), mùa thu, tháng 7, chép rằng: "Chiếu cấm thuốc phiện, tức là á phiến, do lái buôn Minh Hương dâng thuốc phiện cho Bắc thành Tổng trấn; Tổng trấn hút thuốc phiện say đến 5, 6 ngày không tỉnh, bỏ bê cả việc quan. Việc ấy đến tai vua. Vua xuống chiếu cấm thuốc phiện. Lái buôn nào chứa thuốc phiện thì phải tội, v.v...

Thực lục chính biên, Đệ nhị kỷ tháng 7 năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), cũng đề cập việc ấy, chép rằng: Thuốc phiện là thuốc độc từ ngoại quốc đem đến; những đứa du côn du đãng mới hút cho là phong lưu, tập quen rồi nghiện, không chừa được; quan thì bỏ chức, dân thì hết nghiệp, thậm chí gầy yếu sinh bệnh tổn tạng, thương sinh. Vậy nên bàn, nghiêm cấm đi!". Lúc ấy, đình thần bàn tâu: Bất luận quan hay dân, ai nghiện, hút, chứa, nấu hoặc bán thuốc phiện đều xử tội đồ; ai bắt được thì thưởng 20 lạng bạc; cha anh không ngăn cấm con em, xóm giềng biết mà không cáo tố đều xư phạt trượng...".

4. *Quốc sử di biên* (tập Trung) tháng 5 năm Minh Mệnh 19 (1838), đề cập đến việc Bố chính sứ tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai bắt được người đạo Giatô ở vườn Yên Trang, huyện Lang Tài, có chép: "Người ấy mặt vuông, mũi

---

[1]. Như cử nhân ngày nay.

to, râu tóc đều quăn, hay cười, hay nói, đối đáp với tỉnh thần nhanh lắm, và nói rằng theo đạo ấy thì trị được loạn". Mặt khác *Thực lục chính biên, Đệ nhị kỷ*, tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) cũng chép là bắt được đạo trưởng Giatô, nhưng không phải ở tỉnh Bắc Ninh, mà ở tỉnh Quảng Bình. Đoạn sách đó chép rằng: "Quảng Bình bắt được đạo trưởng Giatô là Bố-di-du Mô-linh và đạo trưởng người bản quốc là Vũ Đăng Khoa, Nguyễn Điển, đều giết cả... Sai truyền dụ các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa đều nghiên cứu thuộc hạ tra xét không cứ là người Tây dương hay người bản quốc, hễ ai làm đạo trưởng, đều bắt trị tội, v.v...".

5. *Quốc sử di biên* (tập Hạ) tháng 2 năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) có nói đến việc sai Thị lang Hoàng Tế Mỹ, Lang trung Lý Văn Phức đi sang nhà Thanh báo tang và cầu phong. Lại phụ lục việc Lý Văn Phức khi đến sứ quán Yên Kinh, thấy sứ quán ấy viết mấy chữ lớn "Việt di hội quán"[1] có nghiêm khắc bẻ trách tận mặt người Thanh vô lễ. Còn Thực lục chính biên, Đệ tam kỷ, tháng giêng năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), chỉ chép việc sắc sai sứ thần nhà Thanh báo tang và đơn kê các phẩm vật ban thưởng mà thôi.

Ngoài ra *Quốc sử di biên* về phương diện kỹ thuật, còn có một số đặc điểm nữa, thí dụ như:

1) Đối với một số tên người, sách này nói theo thói quen cổ lai của Việt Nam, cứ gọi chung chức với tên[2].

2) Tùy phần phụ thêm "tham bổ" để bổ sung những sự kiện lịch sử hữu quan. Lại dùng mục tham bổ Ngoại truyện

---

[1]. 越夷會館: Hội quán tiếp đón sứ Việt rợ mọi.

[2]. Thí dụ: Tú Bích, Thành quận (Quận công Nguyễn Văn Thành).

ở trang đầu những việc chép trong *Trần - Lê ngoại truyện* do Phan thị đã biên tập.

3) Chú trọng miêu tả những nét đặc điểm của nhân vật, đối với một nhân vật nào đó, sách này thường chép phụ thêm cả dật sự, giai thoại hoặc thi văn.

4) Biên chép nhật kỳ cũng tương đối kỹ càng, nhiều chỗ, ngoài năm và tháng, còn chép cả ngày nữa.

5) Đối với việc bí mật trong cung đình cũng chú ý. Thí dụ như vì vấn đề triều Gia Long lập thái tử mà biểu lộ sự đối lập giữa các trọng thần; việc vua Minh Mệnh đối với cận thần Hà Tông Quyền (*Thực lục* chép là Hà Quyền) tín dụng, sủng ái và hậu quả thế nào; vấn đề nối ngôi lúc vua Minh Mệnh, vua Thiệu Trị mất, đều có đề cập.

Nói chung, đối với cùng một sự kiện lịch sử, *Quốc sử di biên* với *Thực lục* trong sự chép việc nêu nguồn gốc giải thích hoặc phân tích đương nhiên có chỗ giống nhau, nhưng những chỗ khác biệt với *Thực lục* cũng không ít. Việc này đáng để thức tỉnh những người nghiên cứu sử triều Nguyễn khi làm công tác nghiên cứu, rất không nên chỉ dẫn dụng *Thực lục* mà cho là đủ, thực cần phải dẫn chứng lẫn nhau về sử liệu giữa những ghi chép của *Thực lục* cùng với *Quốc sử di biên* hoặc các sử Nhà nước hay tư gia khác.

Quốc sử di biên chép việc sở dĩ khác với *Thực lục*, vì sách của Phan Thúc Trực là tác phẩm có tính chất bổ dật[1]. *Thực lục* có điều đáng được chú ý là *Thực lục* bấy lâu bị coi là đối tượng bổ dật của *Quốc sử di biên*, trong các kỷ của *Thực lục*, trừ *Thực lục tiền biên* làm xong năm Thiệu Trị

---

[1] Bổ dật. 補逸 bổ sung những sự việc lịch sử đáng phải chép mà để sót.

thứ 4 (1844), *Thực lục chính biên, Đệ nhất kỷ* làm xong năm Tự Đức thứ nhất (1848) (trước 4 năm Phan Thúc Trực mất), còn *Thực lục đệ nhị kỷ* làm xong tháng 11 năm Tự Đức thứ 17 (1864), *Đệ tam kỷ* làm xong tháng 7 năm Tự Đức thứ 32 (1879), *Chính biên Liệt truyện sơ tập* làm xong và phân biệt dâng lên năm Thành Thái thứ nhất (1889); mặt khác *Thực lục chính biên, Đệ nhất kỷ* hoàn thành năm Tự Đức thứ nhất (1848), danh sách những người biên soạn không thấy có tên Phan Thúc Trực. Do những điều trên đây mà suy ra thì việc biên tập *Quốc sử di biên* chắc không liên quan với việc biên soạn *Thực lục* của Quốc sử quán. Rõ ràng hoàn toàn tác phẩm có tính chất tư riêng của Phan Thúc Trực, được viết sau khi vâng mệnh vua Tự Đức đi Bắc Kỳ năm Tự Đức thứ 4 (1851) nhân tìm sách sót.

Căn cứ như truyện chép ở *Chính biên Liệt truyện*, nhị tập được dẫn trên thì Phan Thúc Trực vào năm Tự Đức thứ nhất (1848), vâng mệnh phục vụ ở Nội các, rồi thăng Tập hiền viện Thị giảng, sung Kinh diên khởi cư chú. Vì chức trách mình làm, Phan đối với các sự tình và chiều hướng hoạt động của nội bộ triều Nguyễn tất là hiểu biết đầy đủ và nắm được nguồn tin tức chính xác, cho nên những điều Phan đã ghi chép có độ tin cậy rất cao, đáng được sử gia coi trọng.

Mọi người trong Phòng Nghiên cứu Đông Nam Á là Triệu Hiệu Tuyên, Lưu Gia Câu, Mộc Thôn Tông Cát và Đoàn Khoáng đều nhận xét rằng, *Quốc sử di biên* chiếm được địa vị trọng yếu trong loại sử triều Nguyễn và bộ sử này được học giới coi trọng, nên nay đem nguyên văn hiệu đính toàn diện, rồi cho in và phát hành, để cung cấp một bộ tín sử có giá trị cho giới sử học (chú 8).

Ngày 24 tháng 5 năm 1965

TRẦN KINH HÒA cẩn chí
Viết tại Phòng Nghiên cứu Đông Nam Á
Sở Nghiên cứu Tân Á

Phụ chú:

1) Hai tài liệu nghiên cứu về sử An Nam của Giáo sư Tùng Bản Tín Quảng Bibliographie Annamite và *Đại Nam thực lục* phụ *Đại Nam thực lục mục lục*. Sử học, quyển 15, số 1.

2) Trần Kinh Hòa: *Thuận Hóa thành nghiên cứu lữ hành tạp ký*. Đại Loan văn hóa, quyển thứ 3, số thứ 5, trang 13-14.

3) Về hiện trạng và kinh qua chỉnh lý châu phê của triều Nguyễn, xin tham khảo Chen Ching Ho, Tran Kinh Hoa: The Jmperial archives of the Nguyen Dynasty, Journal of Southeast. Asian History vol.3, n°2, p.111-128, 1962; ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập thứ 1, Triều Gia Long, p. IX-LIII.

4) Sách của Giáo sư Tùng Bản Tín Quảng: *Hà Nội Phật quốc Cực Đông học viện sở tàng An Nam bản thư mục*. Tạp chí Sử học, quyển 13, số 4, trang 192.

5) Cao Xuân Dục: *Quốc triều đăng khoa lục*, quyển nhất. Tủ sách dịch thuật, Bộ Quốc gia giáo dục, 1962, trang 94.

6) *Đại Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 36, tờ 6a - 7a.

7) Sách của Giáo sư Tùng Bản Tín Quảng: *Thư mục*, sách đã dẫn trên, trang 192.

8) Bản sách cơ bản dùng để hiệu đính *Quốc sử di biên* chính là bản sách chụp ảnh của Viễn Đông học viện. Viện Khảo cổ ở Sài Gòn - Việt Nam đem bản chụp ảnh ấy cho Phòng Nghiên cứu Đông Nam Á chúng tôi và cho được xuất bản. Nay xin kính cẩn ghi cảm ơn Viện ấy. Đối với những chữ Nôm và chữ viết đơn đặc biệt của Việt Nam mà *Quốc sử di biên* đã chép, chúng tôi phần nhiều cứ theo nguyên văn mà in ra; còn những chữ không đọc được thì đánh dấu O để tỏ tồn nghi, đợi sau này sẽ bổ đính.

Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

QUỐC SỬ DI BIÊN

TẬP THƯỢNG

DƯỠNG HẠO
hiệu đính biên tập

Tham bổ: Ngọc phả

Đế hệ

Các đời trước:

Nguyễn Bặc (Khai quốc công thần. Thái tể. Định quốc công triều Đinh).

Nguyễn Đê (Đô hiệu điểm triều Lý).

Nguyễn Viễn (Tả tướng quốc triều Lý).

Nguyễn Phụng (Tả đô đốc triều Lý).

Nguyễn Nộn (Hoài Vũ viễn Hiếu vũ đại thắng vương).

Nguyễn Thế Tứ (Đô hiệu điểm triều Trần).

Nguyễn Nạp Hòa (Đại tướng quán triều Trần).

Nguyễn Công Luật (Hữu hiệu điểm triều Trần).

Nguyễn Minh Du (Du cẩn vương triều Trần).

Nguyễn Biện (Quản tráng).

Nguyễn Chiếm (Quản nội).

Nguyễn Trừ (Quang hầu triều Lê).

Nguyễn Công Duẩn (Hành quốc lão triều Lê).

Nguyễn Như Trác (Phó quận công triều Lê).

Nguyễn Văn Thao (Trừng quốc công triều Lê).

Qua 15 đời đến Chiêu huân Tĩnh công Nguyễn Kim, thờ Cung hoàng triều Lê, làm quan đến Hữu vệ điện tiền tướng quân, tước An tĩnh hầu, đón lập Trang tông [triều Lê].

Hoàng khảo là Hiếu Khang hoàng đế (con thứ 3 Hiếu Vũ vương, húy Kỳ, tự Phúc Luân, sinh ngày 24 tháng 4 năm Quý Sửu, niên hiệu Long Đức triều Lê). Tháng 5 năm Ất Dậu, Hiếu Vũ vương mất, Hiếu Khang theo thứ tự[1] được nối ngôi Chúa, Hữu tướng quân Xác làm Phó (Xác là con thứ 7 của Hiếu Vũ vương). Quyền thần Trương Phúc Loan lợi dụng Hiếu Định vương còn nhỏ tuổi (Hiếu Định là con thứ 4 [Hiếu Vũ vương], lập lên làm Chúa, cho nên Hiếu Khang cùng quận Xác đều bị hại. Hiếu Khang thọ 33 tuổi, táng lăng Cơ Thánh, xã Cư Chính. Hiếu Khang sinh 5 con trai: trưởng là Trang công Phúc Hạo, thứ hai là Uy công Phúc Đồng, thứ ba là Thế tổ[2], thứ tư là Nghị công Phúc Mân, thứ năm là Tướng công Phúc Điển. Bốn công đều chết sớm, không có con kế tự. Nay thờ ở Tả vu nhà Thái miếu và thờ chung ở đền Triển Thân. Hiếu Khang có 2 con gái: chị vua là Ngọc Tú, không có con trai; em gái vua là Ngọc Du, lấy chồng là Hậu quân Bình tây Tham thặng đại tướng quân tặng phong Thái phó Vũ quốc công.

Từ triều Lê, niên hiệu Chính Trị năm Mậu Ngọ, Thái

---

1. Nguyên thư: 庶 (*thứ* là con vợ lẽ), chúng tôi ngờ là chữ *thứ* (次) in nhầm, nên mới dịch là *thứ tự*.

2. Tên niên hiệu của Nguyễn Phúc Ánh

tổ[1] dựng nghiệp Chúa đến Gia Long năm Đinh Sửu, cộng 250 năm.

Triều Gia Long
Quốc triều Đại Nam kỷ
Thế tổ Cao hoàng đế

Húy Chủng, tự Phúc Ánh, người xã Gia Miêu, huyện Tống Sơn; sinh ngày 15 tháng giêng năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng triều Lê (1762). Tiên tổ là Thái úy Tích Trung công, giúp vua Lê Thánh Tông; Đài Lang công giúp Trương Dực đế; Hoằng Dụ công giúp Đà Dương vương. Triệu tổ Chiêu huân Tĩnh công[2] đón lập Trang Tông; Thái tổ Cẩn nghĩa công tôn lập Trung Tông, niên hiệu Chính trị đời Anh Tông (Mậu Ngọ - 1558), gây cơ sở ở Thuận Hóa. Qua các đời Hiếu Văn (Quý Sửu), Hiếu Chiêu (Ất Hợi), Hiếu Ninh (Ất Tỵ), Hiếu Vũ (Mậu Ngọ), Hiếu Định (Ất Dậu) 8 đời chống đối với chúa Trịnh. Dẫu Nam - Bắc cai trị riêng, nhưng vẫn theo chính sách nhà Lê. Đời Cảnh Hưng (Quý Tỵ), Tây Sơn Nguyễn Nhạc dấy quân, Hiếu Đinh chạy vào Nam (Ất Mùi), Thế Tổ nhiếp chính, lên ngôi Chúa (Canh Tý), từ nước Xiêm về lấy lại Gia Định (Mậu Thân); năm Kỷ Mùi, lấy lại Quy Nhơn, năm Tân Dậu khôi phục thành Phú Xuân; năm Nhâm Tuất (1802) lấy được cả Thăng Long, thống nhất Nam - Bắc, đóng kinh đô ở Phú Xuân. Năm Giáp Tý (1804), đặt quốc hiệu là Việt Nam. Năm Bính Dần (1806), lên ngôi Hoàng đế, đến năm Kỷ Mão (1819), cộng 18 năm, thọ 58 tuổi, táng tại lăng Thiên Thụ.

---

[1]. Tức Nguyễn Hoàng.

[2]. Tức Nguyễn Kim.

Nhâm Tuất (1802), Gia Long năm thứ nhất (phụ: Tây Sơn Nguyễn Quang Toản Bảo Hưng năm thứ 2. Năm ấy Tây Sơn bị diệt vong, Thanh, Gia Khánh năm thứ 7).

Mùa Xuân, tháng giêng, mồng một ngày Quý Dậu, Thế Tổ đánh bại Tây Sơn ở Đông Hải. Năm trước (1801), đại quân đóng ở sông Gianh, nghe nói Quang Toản vào Nam, lập tức triệt bỏ đồn, lui giữ Đông Hải (tức Lũy Thầy), chia quân thủy phục ở thượng lưu sông Gianh. Bọn ngụy Tổng quản Châu, đô Phong và đô đốc Nguyên không để ý đem quân và voi sang sông, mở đất đến Đông Hải. Đại quân[1] vẫn im lặng không động. Quân sĩ bọn Châu đến dưới lũy, nhổ chông đến vài ngày. Đại quân đem đá lớn, cây gỗ vót nhọn, từ trên lũy lao xuống: quân Tây Sơn bị chết nhiều. Đến đây, Đặng Đình Thường[2] xin làm tiên phong ra đánh. Bèn bắn súng mở lũy, đại chiến hồi lâu: quân nghĩa dũng và đội Bắc khách bên Tây Sơn đều thua; đô đốc Nguyên, đô đốc Trung, đô đốc Nhuận đều thua chết. Quân và voi chạy tán loạn cả. Quân phục ở thượng lưu vụt nổi dậy, đánh chặn ngang, thu được áo giá, đồ nghi trượng và thuyền không kể xiết. Ngụy Đồng nghị là Nguyễn Ưng đều hàng. Toản cùng Tư Mã Tứ và đô đốc Phong đều chỉ kịp chạy được thoát thân, về giữ Cầu Dinh. Tổng quản Châu chạy sang Ai Lao, tìm đường về Vĩnh Dinh[3]. Thế Tổ khen công Đặng Đình Thường, cho thăng chức Quản lý quân vụ, phong tước Thường chính hầu.

Tây Sơn Toản về từ Nghệ An. Toản đến Cầu Dinh, quân

---

[1]. Từ đây trở xuống, hễ nói "đại quân" là chỉ quân nhà Nguyễn.

[2]. Có sách chép là Đặng Trần Thường.

[3]. Vĩnh dinh: tức Vinh ngày nay.

bại trận dần dần đến họp, mười phần còn một. Bèn phát tiền kho Nghệ An cho các tướng sĩ. Em Toản là Thùy sai Tư mã Dụng đón Toản về Bắc Kinh[1]. Rồi sức sai đinh phu Nghệ, Thanh và Sơn Nam chẹn lấp các cửa biển; các huyện, trấn thuộc Bắc Kinh sửa sang đồ chiến thủ. Tây Sơn Toản cho Thọ Khê Nguyễn Công Độ làm Đốc học Bắc Kinh.

Khảo hạch các khóa sinh từ năm Kỷ Mùi (1779) trở lại, và sĩ nhân soạn quyển ứng khảo vào bốn tháng trọng[2] năm ấy (1802).

Hiệu sinh Tây Sơn tên là Thái, huyện Gia Định, dấy quân ở Lôi Châu cướp được 7 thuyền cư thủy, phá đồn Phả Lại, giết lợn hội ẩm, sổ lợn bị chó tha mất, họ cho là điềm chẳng lành. Sau đó quân trấn Kinh Bắc ập đến, chém tướng hiệu là Đỗ Đình Thái. Thái thua chạy, ẩn trong ruộng lúa, rồi trốn vào Phao Sơn. Quan Kinh Bắc đuổi, không bắt được bèn cho Nguyễn Duy Viên xã Bình Ngô làm Chỉ huy đồng tri, đôn đốc đinh phu 8 tổng giữ trấn.

Tháng 2, mồng một, ngày Nhâm Dần, Tây Sơn Toản sai Nguyễn Đăng Sở sang nhà Thanh, xin quân cứu viện (Đăng Sở) theo đường Quảng Đông tiến đi, đến trạm Thông Nguyên, vua nhà Thanh được phủ Thái Bình phi tâu rằng: Quang Toản nước Nam cùng quốc trưởng Nông Nại (農奈長國) đánh nhau, gió đông nam to, thuyền quân Nông Nại không lợi đóng ở cửa biển. Quang Toản nhiều lần bị thua to, sợ có thể đến thất thủ Thăng Long! Nhà Thanh cho người

---

1. Bắc Kinh tức Bắc Thành (Thăng Long)

2. Nguyên văn 四仲 Tứ trọng tức là trọng xuân (tháng 2), trọng hạ (tháng 5), trọng thu (tháng 8), trọng đông (tháng 11)

bảo sứ bộ đi về tỉnh Quảng Tây, đến quán Sa Tính xuống thuyền. Kế đó tiếp được dụ chỉ rằng: Hai nước đánh nhau đương khẩn cấp, bọn công sứ ấy bất tất phải diệu vợi tiến Kinh, hãy cho về Nam Quan để tỏ ý thể tất. Đăng Sở trở về, cảm khái ngâm thơ, có câu rằng:

Nguyên văn chữ Hán:

萍梗此身曾履曆

桑滄底局幾推移

Phiên âm:

Bình ngạnh thử thân tằng lý lịch;

Tang thương đề cục kỷ thôi di.

Nghĩa là:

Bèo bọt thân này qua trải mấy;

Bể dâu cuộc ấy đổi thay hoài.

[Nguyễn Quang] Toản nhà Tây Sơn lại sai các trấn Bắc Kinh, điền bổ ngạch lính. Từ trước những lính vào binh ngạch, vô luận chết hay trốn đều cho tự thú để điền bổ ngạch thiếu.

Ngày Bính Dần (25), hào trưởng làng Tây Đam[1] là Trương Chí dấy quân ở Bắc Kinh.

Chí cùng các tướng hẹn đánh Bắc Kinh, bèn mật sai người dán yết tờ hịch ở Cửa Nam, lại dụ bảo cư dân phố phường đều lánh về quê quán. Ngày 25 tháng ấy, cho 50 tráng sĩ bí mật giả làm lái buôn, chia ra ngủ ở chợ Đại Kinh; đến nửa đêm, phát hỏa đốt ngoại thành từ Cửa Nam đến sau nhà Giám hơn nghìn nhà, vào phá dinh Tư mã

---

[1] Tây Đam, tức gọi làng Đam thuộc huyện Hoài Đức ngày nay.

Dụng, giết người canh cửa. Đề lĩnh Thái đem quân lùng bắt, đóng các cửa ô lại, trung nã bắt được Trương Chí, đem chém, tịch thu gia sản.

Tây Sơn sai Tổng quản Nguyễn Minh Châu giữ Nghệ An, Tư mã Nguyễn Văn Dụng giữ Thanh Hoa. Châu đóng ở đồn Hỏa Hiệu, đô đốc Lượng làm phó; Dụng đóng ở doanh Dương Xá, đề đốc Thái làm phó.

Tháng 3, Đinh Sửu ngày mồng 7. Tiến sĩ đời cựu Lê là Nguyễn Trọng Tông đánh nhau với Tây Sơn ở Phao Sơn bị thua trận. Tông từ khi khởi binh năm Canh Thân (1800), lấy 2 Giám sinh ở xã Điền Trì, Kiệt Đặc làm mưu sĩ. Lũ Trần Huy Dao (con của Châu) đều quy phụ. Đến bấy giờ, đóng quân ở bãi Chám[1] xã Sùng Nghiêm, làm ba sở nhà chòi ở Lạc Sơn. Ngày 9 tháng ấy, quân trấn Hải Dương đi đánh, đưa thư cho trấn Kinh Bắc cùng tiến quân, giao chiến trên sông khoảng Triều Dương và Phả Lại. Hai viên vũ phân[2] ở Quế Dương và Gia Định[3] đều trúng đạn chết. Quân hai trấn đóng đồn ở Lâu Khê, Nghinh Môn, đằng trước tiếp giáp 3 tổng Nam Giản. Tông sai người đi áp tải lương thực từ huyện Chí Linh, đi về qua núi Nam Tào, quân Tây Sơn bắt được, hỏi biết hết tình hình. Ngày 14, Đông trấn[4] phục quân ở thượng lưu sông Nam Giản, cho một đội quân từ hạ lưu khiêu chiến. Quân của Tông không có kỷ luật, bị quân

---

[1]. Nguyên văn: 橄欖洲 Cảm lãm châu.

[2]. Vũ phân: tức vũ phân suất, chức quan võ ở cấp huyện của nhà Tây Sơn phụ trách quân sự trong một huyện.

[3]. Sau đổi Gia Bình.

[4]. Đông trấn: trấn Hải Dương.

Đông trấn đánh dập gãy. Bắc trấn[1] và đô đốc Mạnh đốc quân đuổi bắn. Đến Bình Tân, quân Tông bị bại vong. Quân 2 trấn bèn đốt 3 tổng, lấy gia súc, sản vật đem về.

Thành Bắc Kinh của Tây Sơn bị sụt lở, bấy giờ mưa dầm hơn 10 ngày, thành Cửa Đông bị sụt lở dài hơn 30 trượng: đắp rồi lại lở. Người ta cho là điềm chẳng lành.

Thế Tổ cho đặt đàn tế trận vong tướng sĩ. Vì trận đánh Quy Nhơn, phụ mã[2] và trấn Lễ[3] tử tiết, nên sai văn quan làm văn tế Quốc âm để tế.

Mùa hạ, tháng 4, ngay Nhâm Dần (mồng 2), Bac Kinh của Tây Sơn rét buốt lắm.

Thế Tổ cho những lính Tây Sơn đã đầu hàng về Bac Trong số quân tàn của Tây Sơn trước sau bị bắt chọn lấy những người cường tráng thì dùng, còn ốm yếu hơn 800 người, cấp thuyền, lương, muối và giấy "phiếu tích" cho về. Tin này đồn đi đến đâu, Bắc Kinh đều náo động.

Tháng 5, mồng một, ngày Canh Ngọ, Thế Tổ đổi niên hiệu, tiến lấy trấn Nghệ An.

Tán lý Đặng Đình Thường xin đổi niên hiệu, tiến quan đánh lấy Nghệ An. Thế Tổ nghe theo. Lấy ngày tháng ấy đổi năm Cảnh Hưng thứ 63 làm Gia Long thứ nhất (1802). Truyền hịch cho hào mục, quan viên, quân, dân các xứ Bắc Hà, đại lược nói: Tây Sơn tham của cải, nặng hình phạt, tan dân hại vật. Nay có 6 điều cáo giới yết thị để mọi người biết

---

[1]. Bắc trấn: trấn Kinh Bac.

[2]. Chỉ Võ Tánh.

[3]. Trấn Lễ: tức Lễ bộ Thượng thư Ngô Tòng Chu.

và tuân theo. Rồi sai Chưởng tiền quân bình tây đại tướng quân Thanh quận công (Nguyễn Văn Thành) quản đốc bộ Binh; Chưởng tả quân bình tây đại tướng quân Duyệt quận công (Lê Văn Duyệt) quản đốc chu sư[1]. Phó tướng Thần vũ quân Kính đức hầu (Nguyễn Hoàng Đức) đều đem quân và voi tiến đánh Nghệ An, phá tan được. Đi đến huyện đồn nào thì đâu đó đều sợ oai mà chạy. Những hào kiệt là bọn Nguyễn Trọng Tông và Trần Huy Dao (đã nói ở trên) đều đến cửa quân xin chịu tiết chế. Tây Sơn Toản nghe tin, sợ quá, phát đinh phu đóng kè lập đồn ở Phao Sơn; chẹn lấp cửa sông Cẩm Cơ. Những bến đò ngang quanh thành, chỉ cho mỗi bến 2 thuyền, còn đều bắt chầu trực ở bến Vạn Xuân đề phòng sự bất ngờ xảy ra. Lại sai các trấn đề cử hào mục, người nào xứng đáng thì gia thăng chức vị ngôi thứ, theo bản trấn làm việc công.

Tây Sơn Toản hạ lệnh cho các trấn sửa lại Văn Miếu. Quốc Oai và Từ Sơn thuộc Tây Sơn bị lụt.

Tháng 6, Thế Tổ tiến lấy trấn Thanh Hoa.

Đại quân từ Vĩnh Dinh tiến đi, mà chu sư thì đã vượt cửa biển Thần Phù. Ngụy Tư mã Dụng xuất phát từ dinh Dương Xá, đánh nhau với đại quân ở Hào Môn. Quân nghĩa dũng Tây Sơn đều thua chạy, lui giữ núi Tam Điệp[2] lại bị thua. Dụng trốn vào trong núi, cùng với Đề lĩnh Thái đội nắng mà đi hơn 10 ngày, về đến Vụ Hoàng[3]. Đô đốc An cùng lũ Trương Chiêm và Trương Hoan đều đầu hàng [quân Nguyễn].

---

1. Chu sư 舟師 chỉ thuyền chiến và thủy binh.

3. Nay thuộc Nam Định.

Hoàng tử nhà Lê tên là Đạt, đem quân ứng nghĩa. Thế Tổ cho giữ đồn Trấn Ninh.

Ngày Nhâm Tý (ngày 13). Thế Tổ tiến lấy trấn Sơn Nam.

Châu Cầu đô đốc Tú tự tử. Đô đốc Thọ đình hầu đầu hàng.

Tổng quản Nguyễn Minh Châu chống đánh ở Nghênh Môn thuộc Vụ Hoàng, quân thua, lui giữ ty Hiến sát ở huyện Kim Động, đã thấy thuyền đại quân đầy sông, bèn lui giữ Hải Dương.

Ngày Ất Mão (ngày 16), Tây Sơn Toản chạy đi Lạng Giang. Ngày 15 tháng ấy, Toản trước sai em là Thùy cùng Tư mã Tứ đem quân Ngũ bảo sang sông Bồ Đề[1] đi trấn Kinh Bắc, sửa cung phủ, làm cầu phao ở sông Cầu và sông Thương, lấy đường chạy đi Lạng Giang. Ngày 16, Toản cùng em là Thiệu đội mưa mà đi, sai Tư mã Dụng đem quân Vũ lâm, Đô đốc Di đem quân Dực lâm đều cầm gươm vàng, kích bạc; Thiếu úy Lương, Đô đốc Thận cùng đi theo. Đến Bắc trấn, nghe nói tiên phong đại quân đã vào thành Thăng Long; mà hào mục bốn phương đón đánh, quân dân lìa tan, vừa đi vừa chửi, bèn chạy cả lên Lạng Giang. Đến Thọ Xương, cầu bị dân phá. Toản ngoái nhìn những người tư hữu, than rằng: "Lũ ngươi ngày thường tuyên giương đức hóa, không biết làm được việc gì; mà để dân tình như thế!". Bèn cưỡi voi sang sông. Người đi theo chỉ còn vài trăm.

(Làng Phương Độ có tên lái Điền thấy thuyền Toản có nhiều vàng ngọc của báu, đến giữa dòng sông, làm đắm thuyền; sau ngầm sai người ở vạn mò lấy được cả, thành ra giàu có. Lúc Điền chết, vợ quyên của làm hậu thần xã Phương Độ, tư hiệu là Hậu Điền, có dựng bia đá ghi lại. Sau

---

[1]. Tức bến Gia Lâm.

tư thông với đồng sư, dân Phương Độ bỏ ngôi hậu thần, phá vỡ bia, người đàn bà ấy lại đến cửa trấn làm người coi chợ).

Tư mã Dụng, Đề lĩnh Thái từ Châu Cầu chạy về Kinh Bắc, đánh nhau với đại quân ở Xuân ổ, bị thua, chạy, trốn ẩn ở xã Hội Phụ. Dụng bị đại quân bắt được; sĩ tốt trốn đi. Thái bỏ binh khí, đến cửa đại quân xin hàng. Bấy giờ đám cướp ở các nơi đều nổi dậy, đánh giết dồn trưởng, chia đường đón bắt quân thất trận, mượn tiếng là hưởng ứng vọng đại quân: tiếng súng, tiếng trống huyên náo khắp bốn mặt.

Tây Sơn Thùy chạy đi Trụ Hữu, đến cầu Quất Lâm tự tử.

Thuỵ nghĩ đất Trụ Hữu, huyện Bảo Lộc núi sông hiểm yếu, muốn tìm đường đến đấy để cố thủ, bèn từ Trấn Bắc ra đi. Hào mục Bảo Lộc là bọn tri Bẩm, giáo Lạng, suất Đằng đuổi theo. Thùy đến đồn Như Thiết, bảo quân sĩ rằng: "Lũ ngươi tiễn ta đến Trụ Hữu, ta cho về cả. Đừng sợ khó nhọc nhé!". Quân sĩ đều vâng dạ, rồi cắm giáo ở cửa dồn, vỗ tay reo to, một chốc tẩu tán, chỉ còn vài mươi người. Thùy đi đến cầu Quất Lâm, biết sự thế nguy bách, không thể mưu toan gì được, bèn trước chém ngựa, giết vợ, tự thắt cổ chết. Hào mục là bọn Trần Huy Dao lấy đầu dâng đại quân, bêu lên ở phố Hàng Gà.

Ngày Bính Thìn (ngày 17), đại quân tiến lấy trấn Kinh Bắc.

Bấy giờ hào mục tên là Hoàn vây đánh vòng quanh Bắc Trấn. Ngụy chánh quân đêm đốt công đường, phá vòng vây chạy ra, dóng giữ Đình Bảng, hào mục xua đuổi.

Ngày 18, bọn trẻ con thừa lúc trống rỗng, xông vào trong trấn vơ vét khí giới, của cải cùng với các thứ kiệu, võng, chiếu, đệm, đồ thắng ngựa và ngựa bạch của Toản. Thiệu bỏ lại. Hào mục đánh nhau to với ngụy trấn ở Đình Bảng, Xuân Lũng. Tiên phong đại quân vừa đến nơi, bắt ngụy Trấn đem về.

Ngày Đinh Tỵ (ngày 18), hào mục các huyện đánh nhau với Tổng quản Tây Sơn là Nguyễn Minh Châu ở Thuận An, bắt được Châu.

Châu giữ Hải Dương, quân còn vài trăm, ngựa vài mươi con, đem tiền kho phát cho tướng sĩ. Ngày 16 tháng ấy, đi tắt sang Bắc Trấn, đến xã Vương Xá (nay là Nghĩa Xá), phủ Thuận An, bị hào mục Đông - Bắc đuổi đánh. Châu vừa đánh vừa đi. Chiều đến đồng cũ Trạm Lộ có rừng và chằm có thể dựa được. Châu thu quân, tự giữ, bắn súng chống đánh. Hào mục vây đến vài vòng. Từ lúc xế chiều đến đêm, quân Châu mỏi mệt, tan dần. Châu biết sự thế không làm gì được, bèn trước giết thê thiếp, đốt áo mặc, binh khí, khói lửa rực trời. Đến mờ sáng, những kẻ vây đánh càng nhiều, Châu một mình chạy sang làng Bảo Khám, ném thanh gươm vàng đang cầm, mọi người tranh nhau cướp lấy. Châu bèn vào trong ao Trạm Lộ, bị trúng 2 phát đạn. Chúng bắt được Châu đem dâng đại quân. Châu khai hết các thứ khí giới và tư trang bị mất. Cuối cùng bị chém.

Ngày ấy, quận Duyệt tiến lấy thành Thăng Long.

Duyệt từ Sơn Nam tiến đến Thăng Long, các đồn huyện đều sợ oai, trốn chạy, gươm không phải dính máu, chợ không phải đổi hàng. Ngày 18 tháng ấy, Duyệt vào trong thành. Ngụy Tư mã Tứ, Đốc trấn Bàn, Đổng lý Thận, Đô hộ[1] Giáp và Thống tướng Đức đều bị bắt, giao cho ngục lại giam giữ kiên cố. Huy Ích và Thì Nhậm chạy về làng Thụy Khuê núi Sài Sơn; đại quân bắt được, đều đánh bằng roi, cho về. Đô đốc Quang từ Tuyên Quang chạy về, đến xã Đông Kiêu, bị hào mục huyện

---

[1]. Đô hộ: 都戶 chức quan phụ trách về việc hộ như thuế khóa, tài chính

Yên Lãng cướp mất thuyền. Phong[1] bèn đến cửa quân xin hàng. Tư dị[2] Nguyễn Trung Nghĩa, Tiết độ Nguyễn Công Tuyết đem thủy quân trốn ra biển. Đô đốc Trận, Đô đốc Di lại hàng, nhưng vì cớ phan phúc, lập tức bị đem chém.

Ngày ấy yết bảng ở cửa thành hiểu dụ quân và dân rằng: "Phàm tướng giặc thua vỡ đã chạy, những vây cánh phụ tòng của chúng còn ẩn náu ở dân gian, chưa chịu quy thuận, thì bất luận là người Nam Hà hay Bắc Hà, dân xã nên dẫn đến cửa quân giải nộp sống, không được nhân thù oán mà tự tiện giết đi, cũng không được dung túng chứa chấp".

Nhân đó lại dụ các ngụy quan rằng: đạo thuận với nghịch, lẽ vua với thù, dẫu đứa trẻ ba thước cũng hiểu rõ ở trước mắt. Nhưng hang cùng, núi sâu, anh hùng không đất dụng võ, uy thế bức bách, có người cầu an thoát nạn mà ra làm quan. Vợ đói, con rét, tráng sĩ còn mặt nào, lợi lộc bắt buộc, có người cũng vì nghèo mà đi làm việc. Những nhân viên văn võ ngụy Tây[3] nên sớm đến cửa quân trực đợi bái yết. Người nên tìm người cũ, sử dụng sẽ tùy theo tài năng".

Lại cấm răn quan quân các dinh đồn, cần giữ ước thúc, không được cậy thế quấy nhiễu, hiếp dâm phụ nữ, cướp bóc của dân.

Lại dụ hào mục các xứ: hãy đến cửa quân, đợi bái yết ngự giá, sẽ được tùy tài bổ dùng. Không được tụ tập dân gian, sách nhiễu lương thực, bắt lính, pháp luật không được đâu.

---

[1]. Nguyên thư trên chép là Quang, đây in là Phong, vậy không rõ chính tên là Quang hay ngược lại.

[2]. Tư dị: chức quan phụ trách việc học.

[3]. Chỉ những quan văn, quan võ triều Tây Sơn.

Lại nói: "Sổ sách binh, dân, là việc nên làm trước của Nhà nước. Nay đại quân lấy được thành Thăng Long mà tất cả sổ sách đều không thấy, tất là lũ giặc mang đi giấu giếm gửi ở nhà dân. Vậy đều nên đem đến cửa quân trình nộp. Lại nữa lũ giặc vỡ trốn, các hạng voi, ngựa, khí giới phần nhiều bỏ ở dân gian. Ai có thì nên đem đến cửa quân dâng nộp, nếu ai cố tình giấu giếm, để người khác tố giác, thì pháp luật không dễ dàng khoan tha đâu, nên lập tức tuân hành.

Ngày Canh Thân (ngày 21), Thế Tổ xa giá đến thành Thăng Long. Hào mục bắt anh em Quang Toản đem dâng. Trước đấy, Thiệu và Toản chạy đến Lạng Giang, đến đình Phương Lan, tùy tùng còn hơn 100 người. Tổng trưởng[1] An Mẫu là Vũ Thám và Trần Huy Dao ở Kinh Than đem hào mục 2 huyện Phượng Nhãn, Lục Ngạn đến vây. 3 ngày không bắt được. Chợt thấy đại quân đến, sợ quá, tướng sĩ túm ba tụm năm đều tan chạy. Toản, Thiệu cưỡi voi vào ẩn trong rừng sâu. Lúc ấy có tên "thị Cuồng"[2] hét voi đứng lại, tổng Thám sấn vào, bắt được Toản, Thiệu đem dâng đại quân. Thế Tổ sai chém đầu ở trường bắn, cho đem vợ Toản là Lê Thị Ngọc Bình vào trong cung. Bọn tổng Thám, Huy Dao dâng ngụy tù, binh khí và của báu đều theo cao thấp, ban thưởng có cấp bậc.

Tên "thị Cuồng" trước trú ngụ ở chợ Thương, nuôi vài mươi kẻ ăn xin, sớm tối cầm canh, đánh kẻng sành, để làm hiệu lệnh. Đến bấy giờ được thưởng 3 mẫu ruộng, nêu tên là Trung Nghĩa.

---

[1]. Tổng trưởng: như chánh tổng sau này.

[2]. Thị cuồng: 市 狂 kẻ điên ở chợ.

Bàn công bình Tây, thăng Chưởng tả quân Lê Văn Duyệt làm Điều vát quận công; Chưởng hiệu quân Lê Tông Chất làm Thượng tướng quân, tước quận công; Chưởng trung quân Phạm[1] Văn Trương là Thượng tướng quân, tước quận công; Chưởng tiền quân Lê[2] Hoàng Đức làm Đại tướng quân, tước quận công. Gia Định trấn lưu trấn kiêm Trưởng đà Hộ bộ sự Nguyễn Văn Liên chưởng Chấn vũ quân, tước quận công; Chưởng cơ Nguyễn Phúc Thăng làm Quốc thúc quận công. Tiền quân Nguyễn Văn Thành thăng Trung quân, và Phó tướng Long vân hầu Nguyễn Tiến Bảo, An lộc hầu Nguyễn Đình Đắc, Hộ bộ Nguyễn Phúc Khiêm, Hình bộ Phạm Văn Việp, Thự Binh bộ Đặng Đình Thường (*Tham bổ*: chánh doanh thuộc nội quản Bắc thành về nhà, sau khi bình Tây cai quản bách nghệ công tượng - theo chiếu ngày 23).

Chấn chỉnh quan lại trong Kinh và ngoài trấn.

Các quan văn võ triều Lê trước và quan ngụy Tây ra hàng, đến cửa quân bái yết, đều tùy tài bổ dùng. Tiến sĩ Bùi Huy Bích, Nhữ Công Điền, Phạm Quý Thích, Lê Huy Du, Lê Huy Trâm, Nguyễn Huy Lý, Nguyễn Bá Lăm, Nguyễn Cát, Lê Đình Hiển, Nguyễn Trọng Tông, Lê Trọng Thế, Lê Duy Thản, Nguyễn Thì Ban, Ngô Thế Lịch, Nguyễn Du, Nguyễn Trung Cần, Nguyễn Đăng Sở và các quận công ở các làng Cát Đằng, Thần Đầu, Thanh Nê, Bảo Từ, Nhân Mục[3], La Mỗ, Bình Vọng đều đón xe vua, bái tạ mừng. Vua đều cho được miễn thuế thân, dao dịch. Huy Bích, Công

---

[1]. Đây theo nguyên thư, phần trên chép là Nguyễn Văn Trương.

[2]. Đây theo nguyên thư, phần trên chép là Nguyễn Hoàng Đức.

[3]. Nguyên thư in là Nhân Thư 仁 瞧

Chân đều từ về. Còn Quý Thích làm trợ giáo Bắc Thành, Huy Du làm Đốc học Bắc Thành, Huy Trâm làm Đốc học Kinh Bắc; Huy Lý, Bá Lãm, Trọng Thế, Đình Hiền nối nhau làm Đốc học. Trọng Tông làm Hiệp trấn Kinh Bắc, Duy Thản làm Hiệp trấn Lạng Sơn. Bắc Thành có thơ nói về việc này rằng: "Tiến sĩ triều Lê hai bốn người, tám người chân, tám người ngụy, tám người dở chân dở ngụy, như nay liệt bỏ khăn trùm đầu, chưa biết ai trái và ai phải". Lại cho: Thủ khoa Nguyễn Tuấn làm Cần chính đại học sĩ kiêm Thái thường tự khanh, Viên ngọc hầu Vũ Trinh làm Hình bộ tham tri. Hoa đình hầu Vũ Cơ làm Trợ giáo Kinh Bắc. Tụy xã Kim Đôi làm Hiệp trấn Yên Quảng, Mậu Lâm xã Phù Chẩn hiệp trấn Hưng Hóa, Thản xã Hương La hiệp trấn Lạng Sơn, Quý Hoàn tri phủ Lạng Giang, Nguyễn Hạo tri phủ Kiến Hưng, Nguyễn Đình Tông tri phủ Thuận An; hàng thần: Nguyễn Đình Lượng, Nguyễn Viết Hưng làm Hộ bộ Đô đốc; Cảnh xuân hầu án sát Lạng Sơn; Đô đốc Ngữ luận hầu án sát Kinh Bắc; Đô đốc Phụng, Đô đốc Dưỡng và Trương Chiêm, Trương Hoan, Trương Khiết đều giữ chức Điển binh. Lại các sĩ thứ đón xe vua dâng lời điều trần, hễ được vua cho là phải, đều sắc cho quyền tri phủ, huyện và vào Viện Hàn lâm.

Tham bổ: Mỗi Trấn thủ, Hiệp trấn và Tham hiệp đều cho voi 1.000 binh (tức là 10 cơ). Mỗi phủ có Tri phủ, Đốc phủ, cho coi 500 lính. Huyện có Tri huyện, huyện nào gần phủ trị thì cho Tri phủ kiêm lý mà bãi lính huyện. Còn lính 5 doanh Thần sách thì trực vệ kinh thành (tức là vệ binh). Quân bộ nón vàng của cố thái tử, chia thuộc về các trấn gọi là dội Minh uy và đội Túc uy.

Sai Đô đốc An đi thanh tra các trấn.

Cấm chứa chấp trộm cướp. Xét hỏi những sự tàn tệ của dân. Tìm thu sách vở, bản đồ và khí giới của ngụy Tây.

Phiên thần là Phượng ở Tây Lĩnh và Châu ở Tụ Long đến dâng sản vật địa phương, đồ báu và thuốc bắc. Họ vẫn mặc phẩm phục thời Lê cũ, đội mũ lá, áo màu thâm. Vua sắc cho Phượng làm án sát trấn Sơn Tây, phong Chấn uy tướng quân.

Hữu bộ Nguyễn Đình Lượng dâng bài hát "Bình tây" (bằng Quốc âm).

Chiếu cho viên chức và quân lính ứng nghĩa, người Bắc Hà, đều về quê thăm gia quyến (đi về hạn cho 10 tháng).

Chiếu việc án tụng tạm theo hình luật đời Hồng Đức. Và chiếu rằng: "Tiến lấy Bắc Thành, đặt quan chia chức; về điều luật, kiện tụng, chưa kịp san định được. Vậy hãy tạm thời đưa ra đại thể 15 điều, truyền cho quan liêu trong ngoài tuân theo mà làm. Còn thẩm đoán mọi việc đều châm chước thi hành theo *Hình luật Hồng Đức* triều Lê, đợi sau sẽ nghị định".

Rồi cho Thần Vũ quân phó tướng quân Kinh Đức hầu và Hình bộ tham tri Trực Lượng hầu quyền giữ các việc từ tụng và giặc cướp.

Thế Tổ về thăm làng Gia Miêu, yết lăng tẩm. Chiếu định lệ thờ cúng nhà Thái miếu: làm lễ vào ngày mồng 1, trong bốn tháng mạnh[1] (duy tháng mạnh xuân dùng ngày mồng 8). Trước lễ tế 3 ngày, cấm hành hình và sát sinh; ngày quốc kỵ, trước 1 ngày, cấm hành hình và sát sinh;

---

[1]. Mạnh xuân 孟春 (tháng giêng), mạnh hạ 孟夏 (tháng 4), mạnh thu 孟秋 (tháng 7), mạnh đông 孟冬 (tháng 10).

ngày chính kỵ, cấm quan, dân không được yến ẩm, ca xướng và mặc đồ đỏ, tía.

Chiếu: Văn võ cựu thần và hương cống sĩ nhân nhà Lê cũ yết kiến. Bài chiếu đại lược nói rằng: "Đảng ngụy dẹp yên cả rồi, Vũ công cả định, sửa sang chính trị, thực ở lúc này. Nhân tài một đời há nên cùng nát với cây cỏ? Nay nên bảo nhau: tùy theo đường đi xa gần, hạn đến thượng tuần tháng 9, đều đến hành tại, do Thành quận công cùng với Thường chính hầu, Viên ngọc hầu, Lễ bộ Chiêu nghĩa hầu và Tả sử Việp quang hầu dẫn lên tiến yết, để xem lời nói, thử công việc, tùy tài bổ dùng. Không kể gì trước thuộc ngụy hay không thuộc ngụy".

Chiếu thu điền tô và thuế đinh vụ đông ở Bắc Thành. Bài chiếu đại lược nói rằng: "Trước đây, Tây Sơn tiếm loạn, thuế nặng, sưu cao, dân không chịu nổi! Ta đã soi xét, để lòng thương dân. Nay nhờ uy trời trừng trị kẻ có tội, cứu dân, cũng nên khoan dung, điêu dịch để đáp lòng dân mong muốn. Nhưng đại binh đi đến đâu, thu lại thành trấn, tiền, lương các kho đều bị bọn giặc cướp bóc hết cả. Sự chi phí về quần, áo, lương, muối cho quan, quân đều không lấy gì chi cấp. Hiện nay quân nhu rất là khẩn thiết. Vậy tạm nghị: các trấn Bắc Thành, về đinh điền, tô dung và các thứ thuế, hãy tạm theo ngạch cũ năm Tân Sửu[1] mà thu thuế vụ đông năm nay. Còn như thuế vụ hạ, ai đã nộp cho ngụy Tây, hiện có bằng chứng, thì đều cho chiếu trừ; ai chưa nộp và còn thiếu bao nhiêu thì nên nhất thể đem nộp để được quyền thời cấp dụng. Các dân xã có thuế biệt nạp, thì các thứ vải trắng, sa, vải lạ, mộc, lụa, muối, giấy trắng

---

[1]. Tân Sửu: tức năm Lê Hiển Tông Cảnh Hưng 42 (1731).

đều theo như lệ cũ mà nộp thuế bản nghệ. Còn các thứ thuế tơ sống, gang, buồm, chiếu và diêm tiêu đều phải nộp thuế chợ, cho quan Đồ gia chiếu thu để sung quân dụng. Các thứ dầu và sơn sống đều cứ suất số chia làm 4 thành, cứ theo như cũ nộp một thành bằng bản vật làm thuế bản nghệ, còn 3 thành nộp bằng tiền làm thứ thị cố. Chiếu cói, nộp thuế bản nghệ một phần tám, còn 7 phần nộp bằng tiền.

Ngày mồng 8, chiếu sở tại nay đã bình định yên ổn. Răn cấm các viên chức, quân lính, chi vệ hiệu thuyền các quân doanh thủy bộ, không được rông rỡ cướp bóc những tệ nhiễu dân, cộng có 8 điều cấm. Nếu ai quen thói cũ, phạm pháp, đều giải nộp Duyệt quận công xét xử trị tội.

1) Bắc hà, đàn ông, đàn bà quần áo chưa đổi bỏ lối cũ, không được thấy người ăn mặc dị dạng mà quấy nhiễu nhau.

2) Những hồ ao công tư, không được tự tiện vào đánh cá.

3) Về tre và gỗ, đã có ngạch phải nộp, không được tự tiện đốn đẵn.

4) Phường chợ phố xá, không được chiếm lấy, dỡ phá.

5) Tài vật nhà dân, nếu bị bọn giặc cướp đoạt thì từ 21 tháng 6 trở về trước đều không xét hỏi nữa, nhưng nay viên chức và quân lính không được nghe lời ngụy quan, đưa dẫn, bắt bớ quấy nhiễu.

6) Ngụy quan đã đầu hàng, tội trước không hỏi nữa, viên chức và quân lính không được sách nhiễu, ép lấy gia tài.

7) Mua hàng hóa và thực phẩm, theo giá trả tiền, không được mua ép, bức lấy.

8) Viên chức và quân lính ở doanh trại đều theo quân thứ làm việc, không được uống rượu, quấy nhiễu nhân dân.

Tháng 8, ngày mồng 9, vua đến Văn Miếu Bắc thành làm lễ tế định. Trăm quan nghi trượng theo hầu. Thế tổ yết miếu, túc bái. Chiếu định lễ tế đinh tháng 2, tháng 8, trước 3 ngày đều cấm hành hình, sát sinh. Văn Miếu các trấn đều cúng tế vào ngày ấy. Đốc học, trợ giáo, theo như cũ cứ bốn tháng trọng, khảo khóa học trò, cho miễn sưu dịch một năm rưỡi. Các học trò có câu rằng:

Nguyên văn chữ Hán:

一貫行程三貫路

十年燈火半年除

Phiên âm:

Nhất quán hành trình tam quán lộ;

Thập niên đăng hỏa bán niên trừ.

Nghĩa là:

Một quan tiền đi đường, ba quan đút lót;

Mười năm đèn sách, nửa năm trừ sưu.

Ngày 19, sai đại thần chọn lựa kiểm số ngạch lính (phụ sách *Chính yếu* chép: Kinh trực, 3 đinh lấy 1 lính. Chia làm Thần quân, Cấm quân, Doanh quân, Thủy quân). Tờ chiếu đại lược nói rằng: "Giữ nước, không thể không có quân lính. Cổ nhân đặt ra phủ binh, vệ binh, đặt lính ở trong dân[1], cũng là lấy điều bảo vệ dân làm việc đầu tiên. Nay theo mệnh trời, lấy lại bờ cõi cũ, nên theo phép cổ, đất đai này, nhân dân này, nên đem quy cách chế ngự, vẫn theo sổ thường hành năm Giáp Dần (1794), 7 đinh lấy một, chia lập quân chi, hiệu, đội, theo cận tiện thay phiên nhau giữ địa

---

1. Nguyên văn: Ngụ binh ư nông (寓兵於農).

phận: trước là cho quen thủy thổ, sau là quân ta giữ dân ta, như con em bảo vệ cha anh, chân tay gìn giữ đầu mắt". Bèn sai: Tả quân tuyển lính Bắc trấn, Tiền quân tuyển lính Tây trấn, Trung quân tuyển lính Nam trấn, Hậu quân tuyển lính Đông trấn. Việc xong, dẫn bái điện đình.

Lại rằng: "Nên chiếu sổ thường hành, giữ công bằng, chọn lấy con nhà đa đinh cường phú. Nên khai rõ năm sinh, họ tên, quán chỉ các lính, để tiện phân bổ quân thứ. Theo luyện lâu ngày thì trận đồ tinh thuộc, đội ngũ chỉnh tề. Không được theo thói cũ lấy 5, 6 năm làm một khóa. Không được tự tiện thế cấp, đến nỗi sớm bổ chiều thay, quân ngũ không tinh, v.v...".

Thần, thứ[1] dâng biểu xin vua lên ngôi hoàng đế. Vua không nghe. Các quan văn võ cùng với thân thuộc vua Lê, chúa Trịnh và phiên thần, dâng sớ xin vua lên ngôi hoàng đế.

Vua xuống chiếu bảo rằng: "Từ xưa, các đời nối lên xưng đế, xưng vương, tôn hiệu khác nhau; mà việc làm vua cả nước, nuôi dân như con, nghĩa ấy vẫn là một. Vừa rồi, ngụy Tây xướng nghịch, ngôi vua nhà Lê bị mất hơn 20 năm, quốc thống sai trái! Lúc ta ở Gia Định, vẫn nặng lòng nghĩ đến xã tắc sinh dân, nên trước hết hãy chính ngôi vương để hiệu lệnh thiên hạ, thống thuộc nhân tâm. Đến lúc thu phục được kinh Phú Xuân, chọn ngày tốt, đặt niên hiệu, cũng đã tỏ việc đổi mới cho tai nghe mắt thấy đều mới mẻ. Nay kẻ nguyên ác đã bị bắt, vũ công đã làm xong. Sĩ nhân thiên hạ, con cháu vua Lê, chi phái chúa Trịnh, công thần các tộc, vũ ban, vũ thuộc, phiên thần và thổ thù, trước sau

---

[1]. Thần (臣): bầy tôi; thứ (庶): dân chúng.

dâng sớ đều xin sớm lên đế vị. Cái tình suy tôn đều là thành khẩn thắm thiết. Từ Triệu Vũ đế đến Đinh, Lý, Trần, Lê bấy lâu xưng đế, *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* rành rành chép vào sử sách. Nhưng ta nghĩ: Nước nhà mới dựng, vết thương chưa lành, dân bị tật khổ chưa hồi sức, phong tục kiêu bạc chưa biến đổi khắp cả, chính sự là người và những mối tệ hại, chưa được sửa chữa hết. Tất cả dân tình quốc kế trù tính đương cần là sao cho được to lớn thịnh vượng. Vậy há nên uốn theo dân tình, nghiễm nhiên tự đương lấy đế vị". Bèn bác bỏ chương sớ ấy để tỏ ra còn châm chước thêm bớt.

Chiếu thu dùng chi phái vua Lê, chúa Trịnh. Cho con Lê Duy Tiên là Duy Hoán làm Diên tự công, thờ cúng lăng miếu nhà Lê, tế bằng cỗ Thái lao. Sau dời miếu nhà Lê đến xã Bố Vệ. Hoán được liệt vào ban thứ thượng công, vào chầu không bái và phong Lê Duy Đạt làm tiết chế thủy bộ chư quân, kiêm chưởng nội ngoại binh điền, Bình chương quân quốc thái úy Đạt quận công, trấn thủ Thanh Hoa. Đối với họ Trịnh, cũng cấp cho ngụ điền lộc, lại ban thêm quan tước.

Thế tổ định giá về Kinh đô Phú Xuân. Cho quận Duyệt công theo hầu[1]. Giải anh em Quang Toản và các tướng (Diệu, Dũng, Bàn, Tứ, Thận, Giáp, Đức) vào Nam. Cho quốc thúc Phúc Thăng cùng Trung quân Thành, Tán lý Thường và Phó tướng Đức lưu giữ thành Thăng Long, được tùy nghi làm việc. Hữu hộ Lượng dâng bài *Hồi loan khúc*.

Mùa đông, tháng 10, dâng tù binh ở Thái miếu. Tháng ấy, ngày 6, tế Trời, Đất; ngày 7, yết Thái miếu, đem anh em Toản và bọn Diệu, Dũng giết đi, bêu đầu. Nhạc, Huệ cũng bị đào mả,

---

[1]. Tức Tả quân Lê Văn Duyệt.

chém xác. Triều Tây Sơn bị diệt vong. Tây Sơn từ năm Quý Tỵ (1773), Nguyễn Nhạc dấy quân, qua Nguyễn Huệ đến Nguyễn Quang Toản năm Nhâm Tuất, cộng 30 năm.

Bá cáo thiên hạ thần dân. Chiếu rằng: "Trẫm nghe: Vì chín đời mà báo thù, là nghĩa lớn kinh Xuân - Thu; cứu muôn dân mà đánh kẻ có tội, là chí nhân của vương giả. Truân đã hanh, bổ lập công to, Hanh[1] phát hãn, để truyền hiệu cả.

Nhà nước ta: Hà Trung đúc khí tốt, Miêu Ngoại phát điềm lành (xem Trang Tông)[2]. Qua Tiên vương gây dựng nền to, nhân hậu cùng truyền một mạch; đến Liệt thánh sáng nối công cả, thái bình gần hai trăm năm. Ngẫu nhiên đời giữa vận truân, đến nỗi ngoan dân nổi loạn: chiếm cứ thành ấp, độc hại sinh dân. Nhạc, Huệ về sau, Nguyễn Trát (tên Toản) về trước, tội ác không phải một ngày; Thuận Quang vào Nam, sông Gianh ra Bắc, tai hại đến cả mọi nơi. Trẫm nghiến răng quốc thù, đau lòng dân bệnh, dời đổi nhiều nơi, dấy quân tất Hữu Nhưng như Ha Thiếu; khẳng khai mưu toan, hơn mưu Bạch Thủy cứu Hán Quang. Bởi trời bắt lo nghĩ rồi giao cho đại nhậm, nên ta cũng ẩn nhẫn để đợi thời. Vận hội tái hưng đã hợp, quân sĩ tiến đánh liền ra. Năm Mậu Thân (1788) về từ Xiêm La, tiến lấy Gia Định; năm Kỷ Mùi (1799) tiến lấy Quy Nhơn. Tháng 5 năm Tân Dậu (1861) tiến lấy Phú Xuân. Ngụy đảng vội vàng, một ngựa chạy ra Bắc. Từ đấy một dải Hoành Sơn, lấy lại hết đất

---

1. Truân 屯, Hanh 亨: tên hai quẻ trong *Kinh Dịch*.

2. Nguyên thư chua "Kiến Trang Tông", có lẽ tác giả tham khảo *Lê sử*, chỗ chép về Lê Trang Tông có chua về gốc gác tổ nhà Nguyễn.

cũ. Chỉ còn một toán cô quân của nghịch Diệu còn giữ lũy về. Ta nghĩ: Trừ ác phải quét tận sào huyệt, mà căm thù phải sửa tốt vũ khí. Quân giáp công vừa qua Lũy Thầy, giặc trốn hết lại mất Bàn Thành. Chúng đã liều mạng mà ẩn vào rừng, ta bèn đem quân đi Bắc phạt.

Ngày tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), ta đem tướng sĩ thẳng sang sông Gianh, nhân gió mà thế dữ như đốt lông, hẹn ngày mà thu công như chẻ trúc. Các đồn giặc ở Hoan, Ái lập tức san bằng; lũ giặc cùng là Diệu, Dũng nối nhau mắc cạm. Một dường như sấm vang chớp bủa, các thành đều ngói sụt tro bay. Bắt hết đảng ngụy, trừ tiệt tội nhân. Quét sạch dâm gian gầm trời sáng trong. Ngựa lục phi khải hoàn, cảnh núi sông sinh sắc. Đấy là nhờ thượng đế giúp thuận, chín miếu hiển linh, các tướng tuyên lạo, ba quân cố sức mới được như thế. Ngày tháng năm nay, kính cáo dâng tù binh để trả thù cho xã tắc, hả giận cho thần nhân. Bá cáo gần xa, khiến cho đều biết".

Tham bổ: theo luật chính yếu phạm, gọi là nghịch; thứ yếu phạm, gọi là ngụy; dưới nữa là phỉ, ngụy cừ, lại là phạm, là kiếp. Ngụy thì đóng cũi, phạm thì xích tay.

Ban hành lịch Vạn toàn. Lịch này trên bày sao tốt, dưới bày hung tinh, và thêm cả phép bát môn chọn ngày tốt. Ấn đóng lịch có khắc những chữ "Trị lịch minh thời chi bảo". Bỏ thời tiết 12 nguyệt lệnh, mà biên rõ những nhật kỳ cấm giới, ghi bằng chữ son. Lệ cứ tháng 9 đóng ấn, tháng 11 ban lịch, tháng 12 ban cấp cho các dân xã đổi chữ "mang chủng" trong lịch là tiết "mang hiện"[1].

---

[1]. Vì tránh húy chữ "chủng" (種) là tên của vua Gia Long.

Sai Hoa đình hầu Nguyễn Cát sang sứ nhà Thanh báo tin thắng trận và cầu phong. Nguyễn Cát đi đến đường Đà Miên, gặp ngụy sứ là Nguyễn Đăng Sở từ Giang Tây về, cùng nhau hội bàn, ngâm thơ.

Cát họa thơ có câu:

Nguyên văn chữ Hán:

他鄉眉鬢渾如孟

故國風光不改前

Phiên âm:

Tha hương my mấn hồn như mộng;

Cố quốc phong quang bất cải tiền.

Nghĩa là:

Đất khách râu mày như giấc mộng;

[illegible]

Sở tỏ đến Lạng Sơn, trấn quan bắt giải về Bắc Thành, chuyển giu vào Kinh bái yết. Thế tổ tha tội, lưu vài tháng, cho về, lại được cùng Giải nguyên xã Hồi Bão là Nguyễn Quốc Bảo làm Tiếp bạn[1].

Điều động đinh phu 4 phủ trấn Kinh Bắc sửa đường sứ giả đi qua công quán và chuẩn bị các thứ cung đốn. Từ Bắc Thành đến Lạng Sơn làm 7 trạm là: Cầu Lim (Tiên Du), Cầu Mỹ (Yên Việt), Cần Dinh (Bảo Lộc), Hòa Lạc (Hữu Lũng), Lý Nhân (Ôn Châu), Mai Pha (Lạng Trấn), Đồng Đăng (Văn Uyên). Vì sứ nhà Thanh theo lệ cũ, đến Bắc Thành tuyên phong, không chịu vào Phú Xuân.

---

[1]. Tiếp bạn. 接伴một chức làm nhiem vụ đon tiếp sứ giả [nhà Thanh].

Quý Hợi năm thứ 2 (1803),
(Thanh, Gia Khánh năm thứ 8)

Mùa xuân tháng giêng, lấy ngày 15 tháng giêng làm Vạn thọ Thánh tiết, phố phường Kinh trấn đều treo đèn; trước 3 ngày, ngày chính và sau 3 ngày, cộng 7 ngày, đều cấm hành hình, sát sinh. Sau đổi là tiết Thiên thụ.

Lấy Tả quân Quận công Duyệt làm quan Tổng trấn Gia Định, tổng chưởng quân vụ và dân thứ vụ các trấn Biên Hòa, Phan An, Định Tường, Vĩnh Thanh[1] sau lại có Hà Tiên làm phụ trấn. Rồi đổi huyện Gia Định, trấn Kinh Bắc làm huyện Gia Bình.

[Duyệt] dâng biểu xin lập cháu gọi bằng chú là [Lê] Văn Yến làm con thừa kế.

Lấy Trung quan Quận công Thành làm quan Tổng trấn Bắc Thành. Tổng chưởng quan dân thứ việc trong 11 trấn và phủ Hoài Đức. Về sau, lại đặt phó tổng trấn, và đặt riêng trấn quan ở Thanh, Nghệ.

Quận Thành thân định điều ước Bắc Hà.

Định điền chiếu y sổ năm Canh Tuất (1790): ai đi lính thì lấy 60 tuổi làm hạn. Có sự trốn thiếu, thì quan phân suất tư bộ Binh bắt vợ con, cha mẹ, anh em, thân thuộc chọn người cường tráng trong họ điền thế vào. Nếu không chọn được người trong họ, rồi mới cho xã ấy chọn người trong xã điền thế ngạch lính ấy. Sau lại đổi là: bộ Binh sai câu khám 3 kỳ không được, lập tức tịch biên tên lính ấy, cho người khác điền thế.

---

[1] Vĩnh Thanh: sau đổi Vĩnh Long

Sở tại có Bắc khách trú và người thổ ở các châu đến ký ngụ đều phải khai thực.

Những viên văn thuộc ngụy Tây ở Viện Hàn lâm phần nhiều vắng thiếu, không ứng bậc. Vua cho người đòi bắt, hoặc theo thói cũ, ngụy xưng chức sắc, đều cấm. Những viên sắc, giám sinh và sinh đồ trước, đều giáng xuống làm hạng dân.

Địa phương nào có trộm, cướp, lụt lội, hỏa tai, động tĩnh thế nào, mỗi tháng một kỳ phủ, huyện đều phải trình. Dân xã nào biệt nạp các thuế thủy sản, thổ sản, thời ngụy trước cho 2 tháng 1 lần, nộp mỗi kỳ 2 tháng; từ nay cho 4 tháng 1 lần nộp, mỗi kỳ 4 tháng.

Xứ nào có đập nước, bãi cát mới bồi, đều phải trình báo đăng bạ. Thuế cửa ải, bến đò, chính tuần, chi tuần, đều đến ngày tháng chạp cho phú thương đấu giá, trình bộ Hộ tâu lĩnh chữ ngự phê.

Phàm các phú thuế đóng gói đã có ngạch thường. Xã trưởng nên cùng dân chiếu tính thu nộp. Nộp được bao nhiêu, đều biên làm 2 bản, giao cho chấp chiếu làm bằng, để phòng sự kiện cáo lôi thôi.

Lệ cũ có xướng ca trong dịp hương ẩm và vào đám thờ thần. Xã nào thờ Thượng đẳng thần thì cho 5 thẻ, xã nào thờ Trung đẳng, Hạ đẳng thần thì cho 3 thẻ, để bớt phí tổn. Đến như trống, kèn, hỏa pháo, thuộc vào quân khí, thả diều sáo, bỏ nghề làm ăn, nhất thiết đều cấm. Dân gian sở tại đều tùy theo vườn, ao, chỗ cao ráo thì trồng ngô, chỗ bằng thấp thì trồng khoai và trồng rau, dưa, hoa quả để phòng khi mất mùa đói. (Dân xiêu tán mới về, ba lần khám định thành ngạch, phạt những tổng không chiêu nạp lưu dân).

Tháng 2, Quận Thành kinh lý các trấn.

Trước đây, tháng giêng chọn ngày tốt, tập hợp linh các trấn đến Bắc Thành tế cờ, duyệt binh. Ngày 21 tháng ấy, kinh lý các trấn: dẹp giặc, vỗ yên dân, khảo xét quan lại. Bấy giờ Cảnh xuân hầu ở trấn Lạng Sơn bất hòa với Hiệp trấn Lê Duy Thản. Thản mật xui phiên thần[1], đem những việc Cảnh xuân làm trái pháp tố cáo với Quận Thành. Cảnh xuân phải tội xử tử.

Quan phủ Nam Sách can việc tư gian với con gái Cống Lý huyện Thanh Hà, phải xử trảm, người con gái đó cho voi giẫy.

Hiệp trấn Kinh Bắc Nguyễn Duy Tông bị quan huyện Văn Giang tố cáo. Quận Thành xét được thực tang. Tông đổ cho Trấn thủ và Tham hiệp. Bởi thế ba người đồng liêu đều bị cách chức.

Quận Thành sai in sách *Thánh dụ quảng huấn* của nhà Thanh. Vua nhà Thanh năm Ung Chính thứ 2 (1724), lấy sách *Hiếu kinh diễn nghĩa*, đặt bài *Dụ quảng huấn*. Quận Thành sai thợ khắc in: phần trên in chính văn chữ to, phần dưới dịch ra bài ca bằng quốc âm, đem chứa ở nha Giám Bắc Thành. Lại sai phủ, huyện, vệ viên, giám sinh và sinh đồ các trấn đúc chuông, khánh ở Văn Miếu sở tại. Chuông: rộng 1 thước 8 tấc, khánh rộng 1 thước 8 tấc.

Bấy giờ Quận Thành yêu văn học. Nguyễn Hồng ở Hải Dương, Phạm Hổ[2] ở Đan Loan, Vũ Dĩnh ở Mộ Trạch, Phạm Hoành Hải, Vũ Nghị và Uông Sĩ Độ ở Sơn Nam, Nguyễn Hú

---

[1]. Tức thổ tù.

[2]. Nguyên thư in là Phạm Hiệu (Hiệu 號 và Hổ 虎 tự dạng giống nhau nên dễ nhầm).

ở Gia Châu, Cao Huy Diệu ở Phú Thị, Nguyễn Quốc Thực ở Hồi Bão đều là môn hạ, làm bạn hàn lâm, nổi tiếng tài tử.

Đổi huyện Phù Khang làm huyện Phù Ninh (vì tránh miêu húy).

Tháng 3, ngày Quý Sửu (ngày 19), trấn Kinh Bắc mưa đá.

Ngày Tân Dậu (ngày 27) lại mưa đá (lúa và đâu phần nhiều bị tổn hại).

Mùa hạ, tháng 5, đắp lại kinh thành.

Phú Xuân từ khi Tây Sơn tiếm loạn, thành và hào đều thay đổi; đến bây giờ theo cũ sửa sang lại. Lấy núi Ngọc Trinh làm tiền án, chùa Thiên Mụ làm hậu trấm. Sai Quận Duyệt công coi việc ấy. Lấy 5 vạn lính Bắc Thành vào xây đắp. Dựng các điện Thái Hòa, Cần Chính, Kiền Nguyên, Khôn Đức, Phụng Thiên, Trường Thọ [cung], Thái Nghiêm, Thanh Hòa, Hoằng Văn, Tuyên Võ, Dưỡng Tâm. Lại có Từ Thọ đường, Trường Khánh cung. Lại có Minh Viễn nhật tân lâu, Quang Minh điện, Phụ Văn các, Thanh Phong các. Lại có Quang Thu viên, Tứ Chiếu đình, Trùng Tâm tạ, Tả túc vu, Hữu túc vu, Hưng Khánh môn, Hải đài, Thủy tạ. Những tòa chính điện thì lợp ngói ngũ sắc, đóng đinh mai hoa, trang sức bằng đồng đỏ, thềm đá 9 bậc. Tả hữu vu đặt vị thứ cửu phẩm bằng gạch. Ngày đại triều, tông nhân đứng trung đường, văn võ đều theo phẩm trật đứng hai bên tả hữu. Ngoài ra có phủ các hoàng thân, và công đường các quan Lục bộ, đều có biển thếp vàng. Tháng 8 năm ấy, công việc xong, cho các người phục dịch về, cho chư quan về Bắc Thành.

Sửa miếu ở quý hương và các sơn lăng. Lăng Trường Nguyên ở Quý Hương, các lăng Trường Cơ, Trường Thái,

Trường Thiệu đều ở xã La Khê; lăng Trường Diễn ở xã Hải Cát; lăng Trường Diên ở xã Thiên Sơn; lăng Trường Hưng ở xã Hải Cát; lăng Trường Mậu, lăng Trường Thanh đều ở xã Kim Ngọc; lăng Trường Phong ở xã Định Môn; lăng Cơ Thánh ở xã Cư Chính.

Tham bổ: Miếu quý hương 3 gian, 2 chái lại 4 gian thờ phối hưởng. Lập Thái miếu (Lệ tế, xem tập *Tuyển thắng*), có tả hữu lưỡng vu. Lại có đền Dục Đức, đền Tống Công, đền Triển Thân, đền Viên Miếu. Lại có miếu công thần, đông tự, tây tự, tả vu, hữu vu, thờ 288 vị. Dựng Văn Miếu ở nhà Quốc tử giám. Đổi Quốc tử giám ở Bắc Thành làm Phủ thành học đường, bỏ cái biển vàng "Đại học môn".

Đổi phủ Triệu Phong là Đô thành Thừa Thiên phủ. Lấy Quảng Đức, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam làm 4 doanh trực lệ. Lấy Nghệ An, Thanh Hoa, Ninh Bình (phía bắc 4 doanh), Quảng Ngãi, Bình Định, Phú An, Bình Hòa, Bình Thuận (phía nam 4 doanh) làm 8 trấn gần Kinh Kỳ, đổi doanh là trấn...; lấy châu huyện cai quản tổng, chánh phó tổng các xã, thôn. Dưới trấn thì quan phủ kiêm lý huyện hạt).

Thành Thăng Long lĩnh các trấn là Hải Dương, Sơn Nam, Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh, Quảng Yên, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa (phía bắc Ninh Bình 12 thành).

Thành Gia Định lĩnh các trấn là Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên (phía nam Bình Thuận 6 thành). Rồi đổi phủ Phụng Thiên thuộc Bắc Thành làm phủ Hoài Đức (thống trị) hai huyện Quảng Đức và Vĩnh Thuận.

Tổng cộng: một kinh thành, 2 lĩnh thành [tổng trấn], 4

doanh, 24 trấn, 57 phủ, 201 huyện, 41 châu, 22 thuộc châu, 4.163 tổng, 16.452 (nay cũng có tăng giảm) xã, thôn, phường, trạm, trại, vạn, ấp, giáp, động, sách đổi định những tên trùng nhau. Đắp thành, đào hào, đặt các quan lại (đã nói rõ ở phần *Quan chế*). Địa giới nam giáp nước Cao Miên, bắc giáp Đại Thanh, bề dài cộng 968.320 tầm, 2 thước 5 tấc (thành 3.586 dặm, 92 tầm). Đồ bản rất rộng, từ lúc mở nước đến đây chưa bao giờ có (đã nói ở phần *Địa dư*, sau chia làm Nam Kỳ, Bắc Kỳ).

Hai trấn Hải Dương, Sơn Nam thuộc Bắc Thành bị đại hạn. Các huyện Tân Minh[1] bị hạn dã hơn cả: nước giếng đến cạn, dân có người tranh nhau lấy nước ao, đánh nhau đến chết, gây thành kiện tụng.

Mùa thu, tháng 7, ngày Nhâm Dần, có khí trắng suốt mặt trời (chủ điều có chiến tranh).

Các trấn Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc đều bị lụt to. Mưa lâu không tạnh, các huyện Yên Lạc, Yên Lãng trấn Sơn Tây và các huyện Yên Phong, Kim Hoa trấn Kinh Bắc đều bị nước tràn ngập. Bảy phủ huyện Thường Tín trấn Sơn Nam vỡ đê, trước sau nước tràn ngập đến 13 lần; lúa trôi, cây đổ, nhà dân chìm ngập.

Quận Thành sai bồi đắp các đê, xây các cống. Các huyện ven sông điều động đinh phu mang mai, cuốc và sọt ngày đêm phòng đê. Những dân xã có cống mương công tư thì đều sửa lại như cũ. Nếu cống đê nào bị vỡ đều bồi đắp lại y nguyên.

Ngày 18, Quận Thành định sổ lính kỳ tháng 4. Những viên chức trong sổ đinh nếu có sắc, lệnh đóng dấu son, hoặc

---

1. Nay là Tiên Lãng.

văn sai[1] chưa chua vắt vai[2] nên kê rõ đích thực; lại đến trường bộ Binh, cước chú[dưới chữ họ tên]. Việc xong lại lĩnh ấy. Còn các hạng biệt nạp, chiếu số đinh trong xã bao nhiêu phân loại khai rõ vào sổ. Ngạch lính kỳ tháng 4 năm ấy trong sổ tấu bạ chia làm mấy hạng giáp ất có cước chú họ, tên, tuổi, quân, giáp và điểm chỉ rõ ràng đích xác, từ đó hàng năm cứ lấy đây làm lệ thường. Hạng người nộp thuế biệt nạp không phải chịu binh dao. Còn lính nào thuộc quan nào, tháng nào, cấp phát lương ngạch, đều 4 tháng phát một lần, phải trình đơn với đô ty cai trưng mở khóa kho, phát lương cho. Sai bãi kỳ 4 tháng, đổi định làm kỳ cả năm.

Phạm Vũ Hàn can tội điêu ngoa, phải tội sung vào trường voi. Hàn là người xã Đông xuyên, huyện Tiên Minh, đời ngụy Tây làm Hữu quản lý huyện Chân Lộc. Đến đây, ăn bạc hối lộ của người phủ đạo Trà Lân, đến Kinh mưu cầu miễn thuế sáp; lại làm đơn vu khống Điển quân Tường và 2 viên phân thủ phủ Anh Sơn và phủ Đức Quang hà nhiễu các khoản. Đã sai quan đến thanh tra tại chỗ và giao đình nghị xét hỏi. Tội trạng của Hàn đã rõ, đáng lẽ phải xử tử, nhưng Thế tổ nghĩ tên Hàn là dân mới quy phụ, nên giảm nhẹ xuống 1 bậc, cho sung vào trường voi suốt đời. Rồi sai niêm yết việc này ở cửa các trấn, để răn kẻ điêu ngoa.

Núi Tam Đảo thuộc huyện Minh Nghĩa, trấn Sơn Tây ở Bắc Thành bị lở.

---

1. Văn sai: bằng cấp.

2. Nguyên văn: 肩注 (kiên chú). Theo lối phong kiến, hễ người nào có chức sắc thì bên "vai" mấy chữ họ tên ở trong sổ đinh hoặc trên các giấy tờ việc công, người ta thường chua chức tước vào để cho phân biệt (thí dụ: Nguyễn Văn Kèo, Hàn lâm thị giảng), gọi là "chua vắt vai".

Tháng 8, Quận Thành đặt chức Tuần trấn và Tuần tổng (ngăn ngừa trộm cướp).

Ngụy tiết độ Nguyễn Văn Tuyết làm loạn. Quận Thành dẹp yên. Các tướng ngụy Tây là Tiết độ Nguyễn Văn Tuyết, cùng với lũ Chỉ huy Vân và Đô đốc Mạnh tụ họp dư đảng, lập con Đại vương Thiện là Long làm chúa, xưng theo niên hiệu Bảo Hưng, viện dẫn vài trăm thuyền biển của Thiên địa hội (đã nói ở năm Đinh Tỵ)[1] đánh lấy được trấn Cô Dũng, giết Trấn quan, róc xương, tràn vào 7 huyện phủ Kinh Môn. Quận Thành sai phó tướng Long cùng Trấn quan Hải Dương đi đánh dẹp. Ngày 21, đánh nhau to ở xã Vân Độ huyện Thanh Lâm. Tháng 9, quan trấn Kinh Bắc chống cự ở Phao Sơn, Trấn Huy Dao chống cự ở chùa Sùng Lệ. Tán lý Thường xin phá cầu ván ở sông Lực Đáp, để ngăn đường giặc chạy, lại lấy cây cau già cắm lấp cửa sông và lấy cây củi lấp lại để ngăn thuyền biển, cản phá được quân giặc. Tán lý Thường thời thường nói rằng: "Ta bày mưu quyết thắng, đáng là Tử Phòng đời nay".

Bộ Hộ tâu sổ đinh điền.

Năm ấy, số đinh thực nạp là 465.058 suất; sổ điền thổ thực trưng là 3.073.017 mâu, 7 sào, 2 thước, 7 tấc. Về sau, mỗi năm cũng có tăng giảm.

Đắp lại thành Thăng Long [mùa hạ năm Giáp Tý (1804) khởi công; mùa thu năm Ất Sửu (1805) thành công]. Vua sai quận Thành trông coi việc ấy. Trong là hoàng thành, lấy

---

[1]. Một hội đảng thành lập từ đời Khang Hy (1662-1772) nhà Thanh, mục đích lật đổ Mãn Thanh, khôi phục nhà Minh, hoạt động mãi đến đời Kiền (Càn) Long (1736-1795). Sau đó lại có Tam hợp hội, người ta cho là chi nhánh của Thiên địa hội.

cửa Đoan môn điện Kính thiên làm chính giữa (xem phần chép về Lý Thái Tổ). Đằng trước xây cột cờ gọi là kỳ đài[1] cao 100 thước ta. Ngoài thành mở 7 cửa, trên cửa có chòi, đều có cột đồng trụ. Quanh thành dẫn nước sông Tô Lịch làm hào: lấp chỗ thấp, mở chỗ hẹp, không tránh chỗ lồi lõm (duy phía tây nam hẹp thì bồi lại). Trên hào, xây gạch làm cầu. Chân thanh rộng 7 trượng, mặt thanh rộng 2 trượng, trong làm 5 bậc, trên đặt nữ tường[2] và lỗ châu mai. Kiểu thành khuất khúc như hoa hồi. Dỡ tháp Báo Thiên và chùa Đằng Châu, lấy gỗ đá để xây thành, nhẵn nhụi như mài. Các doanh, vệ ngang dọc như bàn cờ. Chỗ đất không thì trồng mít, chuối, các thứ. Đặt chợ lớn ở cửa chính đông. Chia đặt phố xá, đường đi, cốt lấy vuông và thẳng. Ngoài cùng, đắp đất trồng tre làm lũy. Tùy tiện mở đặt các cửa ô, trên cửa có chòi canh. Từ Trần, Lê về trước chưa bao giờ làm được như thế. Công việc đắp xây thành này, trước dùng đinh phu 2 huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận, thứ đến lấy đinh phu những xã không đủ suất số chọn lính, thứ nữa lấy đến dân biệt nạp, sau lại lấy đến đinh phu có ruộng tư hoặc ăn ruộng công, xây đắp 3 năm mới xong. Dựng bia đá ở dưới cột cờ. Rồi đổi tên Thăng Long (昇 龍) là Thăng Long (昇 隆), lấy nghĩa là thăng bình, long thịnh.

Tham bổ: Bia thành Thăng Long có bài minh rằng:

Phiên âm:

Tướng duy long đỗ,

---

[1]. Kỳ đài: 旗 臺 nguyên thư in nhầm là "Điện đài" 碩 臺 .

[2]. Nữ tường: 女 牆 thành nhỏ và thấp, xây trên mặt thành xưa để nấp bắn địch qua các lỗ nhỏ.

Hình thắng tư tại.
Tản Viên thị duy,
Thu lương vi đái.
Lịch đại hữu tác,
Trạch tư sảng khải.
Văn vật tầm thiên,
Giang sơn bất cải.
Hách hách minh mệnh,
Dụng quyến nã vương.
Nghĩa lữ Tây bình,
Thiên thanh Bắc dương.
Lục phi tiến tất,
Quan dân tỉnh phương.
Mạnh thần kiến tiết
Chức thử phong cương.
Dao phục thần hoạch,
Tu quyết thành dịch.
Tái lượng sự cơ,
Trùng minh quy hoạch.
Tứ đồ nguy nga,
Bách diệp dịch dịch.
Hoàng uy viễn chấn,
Vương độ tăng khuyếch.
Bảo chưởng chi hùng,
Vĩnh điện giao phong.
Dãng bình tuần đạo,

Bức tấu đồng phong.
Thành dĩ danh hiển,
Địa dĩ thế long.
Nùng sơn, Nhị thủy,
Trường minh thánh công.

Dịch nghĩa:

Đất kiểu bụng rồng,
Hình thế nhất đây.
Núi Tản là cột,
Sông Nhị là đai.
Các triều đóng đô,
Là nơi sáng khải.
Văn vật biến thiên,
Non sông không đổi.
Mệnh trời sáng tỏ,
Giúp hoàng triều ta.
Quân nghĩa bình Tây,
Tiếng thiêng dậy Bắc.
Ngựa lục phi tới,
Còn xét dân phương.
Sai quan dựng cờ,
Coi giữ phong cương.
Trên vâng mưu thánh,
Sửa đắp thành làng.
Bèn tính sự cơ,

Đặt rõ quy hoạch.
Bốn bề đồ sộ,
Muôn đời nguy nga.
Uy trời xa dậy,
Phép vua thêm to.
Bảo vệ hùng cường,
Vững mãi Nam phương.
Đường vua bằng phẳng,
Bánh xe thong dong.
Thành đổi tên hay,
Đất theo thế thịnh.
Núi Nùng, sông Nhị,
Ghi mãi thánh công.

(*Về Thăng Long*, tham khảo Lịch sử triều Lý Thái Tổ)

Tháng 9 (ngày 18), Thế tổ ngự thăm thành Thăng Long. Trước đây, Khâm sứ Nguyên Cát sang nhà Thanh dâng quốc thư cầu phong. Vua Thanh nhận cho. Lại xin đổi quốc hiệu An Nam làm Nam Việt quốc. Vua Thanh không nghe, chỉ cho đổi làm Việt Nam quốc và theo lệ trước, đến thành Thăng Long tuyên phong; ngày 22 tháng 8, đã sai văn thần viết sắc. Nguyễn Cát về làm biểu tâu lên; cho nên ngự giá đến Thăng Long, sức rõ công việc tiếp sứ. Lại hạ chiếu cho Đốc học các trấn và nhiêu học bậc cao đến nhật kỳ ứng trực cùng quan hậu tiếp đón sứ để dự bị làm các tiên trát ứng đối với sứ sang tuyên phong.

Thiết lập Tràng Tiền ở thành Thăng Long, đúc tiền Gia Long thông bảo. Lại xuống chiếu cho các lái buôn có đồng đỏ

đem bán, đều phải đến chợ Tràng Tiền, trình giám đốc định giá đồng, sung chia cho các lò đúc tiền. Còn các thợ bạc, thợ đúc 2 xã Trang Liệt và Đại Bái muốn mua đồng thau đúc đồ dùng, cũng phải đến chợ ấy mà mua. Nếu ai mua bán riêng với nhau, việc phát giác đều phải tội nặng.

Mùa đông, tháng 10, đốc học Hải Dương là Lê Trọng Thể bị bãi chức. Bấy giờ Đốc học các trấn khảo khóa học trò vào các tháng trọng. Đến đấy, thi chung cả ở thành Thăng Long, học trò trấn Hải Dương phần nhiều bị hỏng. Thể vì dụng tình lấy đỗ hay đánh hỏng, cho nên bị bãi chức.

Bổ Nguyễn Quỳ xã Thọ Khê làm Đốc học Hải Dương (Quỳ là Giám sinh triều Lê trước, Trì huyện Phù Khang). Lại bổ Nguyễn Phác xã Bình Vọng làm Trợ giáo (Phác là Giám sinh triều Lê trước, cùng Trấn quan khắc in bộ *Bắc sử thông giám* ở Hải học đường do Án quang hầu Trần Công Hiến lập ra).

Chiếu cho dân gian nhà giàu, nhà nghèo giúp đỡ lẫn nhau. Những tiền nợ công tư từ năm Canh Thân (1840) trở về trước đều cho hoãn 3 năm, không được thúc bách đòi hỏi.

Tháng 11 (ngày 26), chiếu xét kỹ điển lễ thờ cúng bách thần. Bách thần các dân thờ có sắc phong tặng cũ đều đem nộp tại bộ Lễ, cho khai sự tích công đức bách thần; vị nào đích thực là thần chân chính mới giao sắc về cho phụng sự.

Đặt hộ lấy quế ở phủ Thanh Đô (nay là phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Bấy giờ quan phủ Thanh Đô tâu rằng địa phương Quan Da, Lang Chánh, Tầm Châu và Thọ Xuân có 24 cây quế tốt. Bèn sai hàng thần là Triều Thái (xem năm Nhâm Tuất) coi giữ, cấp 200 đạo sắc để trồng tên, thuê khách trú lấy quế: một nửa nộp thuế Nhà nước, một nửa chi tiền công lấy quế.

Phép lấy quế: đào đất bốn chung quanh cây quế, chặt củi đốt, bỏ từ bụng người trở xuống không lấy, còn trên thì nảy mực ngang thẳng, rồi lấy dao rạch ra, đợi cho khô nhựa lấy ra, phơi chỗ dâm. Thanh quế nào ở về phía đông là thượng hạng, ở phía tây nam là trung hạng, phía bắc là hạ hạng. Lại, quế Quan Da vân nhỏ, chỉ thẳng thì tốt, thứ đến quế Lang Chánh, Tằm Châu và Thọ Xuân, thứ nữa đến quế Quỳ Châu và Quảng Nam vân to.

Chiếu định ngạch lương tháng cho quan quân. Tùy theo huân cấp, nhiều ít khác nhau. Lương mỗi người 1 phương gạo, 1 quan tiền; tháng thiếu thì giảm đi, tháng nhuận thì không phát lương. Nếu ai làm công việc gì thì cấp thêm lương cho. Thường thường tính toán, phân tích từng ly từng tí. Hạ lệnh nấu cơm thử cho 30 người ăn, không hết 1 phương gạo, bèn sai đóng phương nhỏ đi. Thu hay phát đều cứ đó làm chuẩn. Bấy giờ lính đội Minh Uy, Túc Uy kiêu ngạo thường tức giận nói: "Tháng thiếu, bớt lương đi thì phải, tháng nhuận không phát lương là nghĩa gì!".

Lệ phát muối: mỗi trăm phương gạo, phát 1 phương muối, một phương gạo chia 60 bữa, mỗi bữa 1 đồng cân 5 phân 5 ly muối. Phương có 10 thưng, nặng 40 cân 1 lạng.

Lại định phép quan quân đổi nhau đi thú. Tùy theo cận tiện, cứ 3 năm một lần đổi. Hàng năm vận tiền và gạo Bắc Thành để cấp cho Đô thành. Cho trưởng đà[1] cầu đảo gió thuận, không lần nào không linh ứng. Thường nói rằng ta quy hoạch sắp đặt, muốn tăng không muốn giảm, ba năm trở về trước là Kiệt Trụ, ba năm trở về sau là Nghiêu Thuấn.

---

[1]. Trưởng đà: người phụ trách cầm lái trong một chiếc thuyền vận tải của nhà nước.

Lại có một thuyết nói rằng: Tiền và gạo tháng thiếu, cấp cho quan, không cấp cho quân; tháng nhuận, cấp cho quân, không cấp cho quan.

Cho Lễ bộ Chiêu nghĩa hầu Đặng Đức Siêu quản lĩnh công việc chiêm hậu[1]; Nguyễn Ngọc Lân trở xuống 10 người làm Chiêm hậu quản quan. Tước bỏ tước bá, tước tử.

Phụ: Mùa hạ, mùa đông mở trường thu thuế. Lệ có: tiền thuế thân, tiền đầu quan, tiền cước mễ, tiền thập vật, tiền khoán kho, tiền canh, thóc cửa đình và thóc giáo phường. Cho một kỳ 20 ngày phải trước nộp hạng tiền này cho đủ ngữ; kỳ 2 tháng phải nộp chánh tô cho đủ ngữ. Nếu xã nào không nộp đúng hạn, thì phủ huyện sai đốc thúc đóng nộp. Về đồn điền, điền thổ ngụ lộc của ngụy Tây trước, đều chiếu đẳng lệ thu thuế.

Giáp Tý năm thứ 3 (1804),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 9.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Tân Sửu (ngày 11), sứ nhà Thanh sang phong vương. Chánh sứ là Quảng Tây đề hình án sát ty Tề đại nhân, giữ Tấu tán tương công việc tuyên phong, Quảng Tây Thái Bình phủ họ Vương, theo xe bẩm việc. Tham quân phủ Thái Bình họ Vương lấy ngày Giáp Ngọ (mồng 4) tháng ấy mở cửa Nam Quan. Ngày Tân Sửu (ngày 11) đến thành Thăng Long. Ngày Quý Mão (ngày 13) đến điện Kính Thiên tuyên sắc.

Sắc rằng: "Phụng thiên thừa vận hoàng đế có chế văn rằng: Trẫm nghĩ phong tước chia đất, thường yêu sùng ân

---

[1]. Chiêm hậu: 占 候Quan chuyên trách về khí tượng và thiên văn.

cho khắp. Mở nước nối nhà, chọn dựng dốc lòng trung trinh. Vỗ cõi xa ở nơi hàng nhạn, giữ cả bốn phương; giữ phép cả đối với hoàn cầu làm gương muôn nước. Nơi yên phục dâng cống, theo phép tổ nộp lòng thành; công với dân thì dùng, giữ nước tuân sửa hậu độ, rộng tới ải tía, ban ơn đân đen. Bởi vỗ yên dân, mới ban ơn cả.

Ngươi, tên bày trượng dịch, cõi gần Long Biên. Đem quân đánh kẻ thù, hả giận bắt giặc trốn. Bầy mưu mô bắt tấn, im sóng cá kình, vượt biển cả mà đến chầu, vào dâng trĩ trắng. Thực lòng hướng hóa, kẻ trung thành. Đã xem biểu tâu, bèn ban ân chiếu. Gần bên Lưỡng Quảng, cho được giữ lấy nghiệp xưa. Riêng cõi Nam giao lại để làm nơi phiên quốc. Tên không theo cả[1], rõ ràng khu hoạch biên ngung: mệnh cả mới ra, mãi mãi tỏ lòng cung thuận. Xe mui nghiêm mệnh, cờ tiết ngựa ruổi buổi sao mai. Cõi Việt đón ơn, hàm sắc gió đưa từ trời xuống. Cột đồng ghi quận Chu Diên, triều cống giữ chức. Dòng nước khơi sông Bạch Hạc, chống giữ bền lòng. Xem đồ kinh đời Cảnh Đức (Tống Chân Tông) vẫn cõi Loa Thành. Theo tước hiệu đời Thuần Hy[2], bèn bàn đã nữu[3]. Tất cả đồ đem dâng, cám ơn phong tước nên tỏ lòng hiếu ngọc. Bảo dân biết thời tiết, đến trước thềm mình mà bái lĩnh lịch ban.

Nay phong ngươi làm Việt Nam quốc vương, ban cho ấn mới.

Than ôi! Đây là phép, đây lời dạy, một mình ta mừng các nước yêu lâu. Nhà nọ mất, nhà kia lên, người các nước

---

[1]. Chỉ việc đổi quốc hiệu là Việt Nam.

[2]. Tống Hiếu Tông phong vua Lý làm An Nam quốc vương.

[3]. Ấn phong có núm đúc hình con đà.

nghĩ mệnh trời không dễ. Vương nên kính theo phép tốt, thể hết lòng trung. Giữ phiên bang tân tạo, về hoàng cực đại đồng. Cương thổ nhất định, cẩn phép độ mà săn sóc mới nên; điển chương noi theo, sửa giáo hóa mà không đổi tục cũ. Giữ lòng tốt, làm việc tốt, kiếp kiếp hưởng phúc to; coi dân ngươi, yêu nước ngươi, đời đời có đức tốt. Kính cẩn đấy, chớ bỏ hoài mệnh ta". (Bấy giờ là ngày 22 tháng 8 năm Gia Khánh thứ 8).

Giờ Tỵ ngày hôm ấy, sứ nhà Thanh sang sông, đóng ở công quán Gia Quất (tức là Quán Phụ) rồi về nước. Thế tổ tặng sứ Khâm sai 10 lạng quế. Sai tán lý Đặng Đình Thường và hai Trấn quan Kinh Bắc, Lạng Sơn đi hộ tống. Ngày 25 đến Nam Quan.

Trước dây, Doãn Trắc, con Doãn Hựu[1], Trường phái hầu triều Lê, xin theo quốc sứ Nguyễn Cát làm hành nhân, để tiện thăm vua và cha. Đến Yên Kinh, tìm đến Doãn Hựu. Hựu dặn Doãn Trắc về nước, làm biểu xin đem hài cốt vua Lê về. Thế tổ ưng thuận. Doãn Trắc bèn gửi thư cho Hựu (xem thêm ở dưới).

Thăng: Sứ thần Nguyễn Cát làm Lễ bộ Tả thị lang, Chánh lễ sự, Hàn lâm Vũ Dĩnh làm Thiêm sự.

Ngày Bính Ngọ, dời đắp trấn thành Hải Dương. Sai trấn thủ Cương vũ hầu đốc coi việc ấy. Giữa thành đặt nhà vọng bái. Thành xây hình bát giác, mở 4 cửa. Đặt nữ tường, đào hào, bắc cầu trên hào, vọng lâu trên thành xây cột cờ, mở chợ và đường phố đều theo kiểu thành Thăng Long nhưng bé hơn. Trước thành đặt ở xã Tiểu Động huyện Chí Linh và

---

[1]. Lê Doãn Hựu, tức Lê Quỳnh.

ở xã Mao Điền huyện Cẩm Giàng; nay dời đặt vào đầu cõi Hàm Giang và Bình Lao, thành rộng độ 200 mẫu. Phá tháp Đồ Sơn lấy gạch đá, lấy đinh phu bốn huyện quanh trấn làm việc. Đổi trấn cũ làm đồn phủ Thượng Hồng.

Ngày Kỷ Dậu (ngày 19). Chiếu định hương lệ các trấn Bắc Thành. Tờ chiếu đại lược rằng: "Nước là do các hương đảng họp lại mà thành. Từ làng đến nước, hóa dân thành tục, là việc trước nhất của chính sự vương giả. Gần đây giáo hóa suy đồi, làng không tục tốt, nối noi đã lâu, đắm đuối càng sâu. Những việc ăn uống giá thú, táng tế, Thần, Phật phần nhiều là tiếm lễ, trái phép, tốn của cải, hại sức người. Hào mục mượn cớ để đục khoét hạng dân bần cùng, dồn đến bước đường tụ tán. Tệ ấy cần phải sửa đổi lại. Nay châm chước thêm bớt, cắt bỏ chỗ thái quá, để tâm lấy thích trung, làm định lệ hương đảng mãi mãi, khiến cho ai nấy đều tuân theo, để đỡ tốn dân và hậu phong tục, gọi là thể định". Rồi in thành sách ban hành (trong có 4 điều, 12 tờ). Chưa bao lâu, quân nhân hay vin thể định, quấy rối dân gian, đến nỗi gây thành án ngục. Điều cấm do đấy cũng dần dần lỏng lẻo.

Ngày Tân Hợi (ngày 21), Thế tổ ngự giá về Kinh.

Cho Nguyễn Trọng Tông vào chầu hầu. Lại sai Tổng binh Lập hộ tống thợ mộc, thợ đá Đồ gia về Kinh, doanh tạo cung khuyết.

Thả ngụy sứ Nguyễn Đăng Sở về quê (Sở về ẩn ở xã Cam Lộ, huyện Thanh Hà).

Khai khẩn rừng Đình Bảng[1] làm ruộng công.

Sơn lãng Lý Bát đế ở rừng Đình Bảng (xem kỷ nhà Lý)

---

[1]. Tức rừng Bảng.

cây cối rậm rạp; lũ giặc cướp thường ẩn tụ ở đó làm nơi sào huyệt. Xương trâu, xương lợn rất nhiều. Quận Thành tâu xét phá hủy rừng ấy, lấy gỗ làm việc kiến thiết, đem đất ấy làm công điền. Vua y cho.

Chiếu cầu lời nói thẳng.

Lập viện Giáo phường.

Lấy hiệu sinh xã Cảnh Thụy là Giám Trương làm Đào nương quản giáp. Chọn trong số người 20 tuổi trở xuống (xem kỷ nhà Trần), 7 đinh lấy một để hầu khi Kinh trấn có việc yến nhạc, một đội 50 người. Bấy giờ có quản giáp là Hoa Tiến can việc diễn tuồng chê bai chính sự đương thời, bị xử tử.

Đắp thành trấn Sơn Nam. Trấn Sơn Nam thượng ở Châu Cầu, trấn Sơn Nam hạ ở Vị Hoàng; cho Phó tướng Đức trông coi việc ấy, đều phỏng theo kiểu thành trấn Hải Dương.

Tháng 3, ngày 8, phiên thần Thái Nguyên là Ma Danh Cúc vào cướp Bắc Biên. Cúc ở mỏ sơn trại Huống thượng, rừng rậm hiểm trở, suối lạnh quanh co. Cúc chiêu tập lính thổ Cao Lan bản cày ruộng, chứa thóc, đặt kho tàng thành phủ ở động Bắc Cấn, tự xưng quận công cùng bọn Lãnh Phượng, Chỉ huy Vân và Đô đốc Mạnh triều Tây Sơn (xem năm Đinh Hợi), họp quân lấn cướp các huyện Hữu Lũng và Bảo Lộc. Quan trấn Kinh Bắc và đầu mục Sơn chống cự lại. Quan Bắc thành từ trấn Thái Nguyên đánh úp đằng sau: bắt được mẹ và vợ Cúc. Rồi sai sứ dụ hàng. Cúc nói: "Triều đình có thiên binh vạn mã, ta có thiên sơn vạn thủy, đợi ta hãy đánh một trận để so sức được thua, nếu thất bại sẽ đầu hàng. Nay tạm tha mày[1], còn đến nữa, ta sẽ chém đầu!". Vợ

---

[1] Chỉ sứ giả đến dụ hàng

Cúc vốn là người thủy cơ, quan quân giam lại, hỏi cớ gì theo giặc. Vợ Cúc làm ca khúc để tự trình (xem năm Tân Mùi).

Trấn Kinh Bắc bị nạn hoàng trùng rất dữ. Quận công Thành sai phủ huyện đi khám thực (lúa, đậu bị tổn thương nhiều).

Mùa hạ, tháng 4, ngày Kỷ Tỵ (mồng 10), Bắc Thành đại hàn. Vì cớ Trưởng đà ra khơi cầu gió bắc.

Tháng 4 (mồng 7), bắt đầu định quan chế. Việc này ở năm Tân Tỵ nhưng bỏ sót.

Tháng 5 (ngày 21), ban học quy mới. Chiếu cho tập làm chiếu, chế, biểu và thơ, phú..., đại thể hơi giống nhau, không cần đưa quy thức riêng. Lại sai chánh phó Đốc học nhà Quốc tử giám là Phan Toàn Thịnh, Trương Viết Ưng và Nguyễn Chí Lý đính soạn hai bản *Kinh nghĩa* và *Văn sách* ban hành cho các sĩ tử học tập.

Cố Lê công chúa Ngọc Hân mất. Năm Bính Ngọ (1786) đời Cảnh Hưng, vua Lê gả Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ, đến lúc ngụy Tây mất, Ngọc Hân lui về quê mẹ ở xã Phù Ninh; đến bấy giờ chết. Hàng thần làm quan ở huyện Đông Ngàn xin cho làm lễ an táng. Vua ưng cho. Dân Phù Ninh lập đền thờ bà.

Tháng 6, Bắc Thành bị lụt. Mưa lâu không tạnh, nước sông Nhị Hà tràn ngập vào ngoại thành Thăng Long. Ngày 17 tháng ấy, bão to, trôi mất người và súc vật. Đê sông Đào Hòa bị vỡ dài hơn 100 trượng, nước tràn vào các huyện Đông An, Văn Giang, Cẩm Giàng. Quận Thành sức lấy đinh phu đắp lấp. Rồi sức ven sông và các đê, chỗ nào có cây to đều đẵn bỏ đi để phòng cây đổ, vỡ đê.

Mùa thu tháng 7, hào mục huyện Võ Nhai là Tuấn Diệu mưu đồ làm loạn. Quan quân bắt được Chiêu Đức giết đi.

cây cối rậm rạp; lũ giặc cướp thường ẩn tụ ở đó làm nơi sào huyệt. Xương trâu, xương lợn rất nhiều. Quận Thành tâu xét phá hủy rừng ấy, lấy gỗ làm việc kiến thiết, đem đất ấy làm công điền. Vua y cho.

Chiếu cầu lời nói thẳng.

Lập viện Giáo phường.

Lấy hiệu sinh xã Cảnh Thụy là Giám Trương làm Đào nương quản giáp. Chọn trong số người 20 tuổi trở xuống (xem kỷ nhà Trần), 7 đinh lấy một để hầu khi Kinh trấn có việc yến nhạc, một đội 50 người. Bấy giờ có quản giáp là Hoa Tiến can việc diễn tuồng chê bai chính sự đương thời, bị xử tử.

Đắp thành trấn Sơn Nam. Trấn Sơn Nam thượng ở Châu Cầu, trấn Sơn Nam hạ ở Vị Hoàng; cho Phó tướng Đức trông coi việc ấy, đều phỏng theo kiểu thành trấn Hải Dương.

Tháng 3, ngày 8, phiên thần Thái Nguyên là Ma Danh Cúc vào cướp Bắc Biên. Cúc ở mỏ sơn trại Huống thượng, rừng rậm hiểm trở, suối lạnh quanh co. Cúc chiêu tập lính thổ Cao Lan bản cày ruộng, chứa thóc, đặt kho tàng thành phủ ở động Bắc Cấn, tự xưng quận công cùng bọn Lãnh Phượng, Chỉ huy Vân và Đô đốc Mạnh triều Tây Sơn (xem năm Đinh Hợi), họp quân lấn cướp các huyện Hữu Lũng và Bảo Lộc. Quan trấn Kinh Bắc và đầu mục Sơn chống cự lại. Quan Bắc thành từ trấn Thái Nguyên đánh úp đằng sau: bắt được mẹ và vợ Cúc. Rồi sai sứ dụ hàng. Cúc nói: "Triều đình có thiên binh vạn mã, ta có thiên sơn vạn thủy, đợi ta hãy đánh một trận để so sức được thua, nếu thất bại sẽ đầu hàng. Nay tạm tha mày[1], còn đến nữa, ta sẽ chém đầu!". Vợ

---

[1] Chỉ sứ giả đến dụ hàng

Cúc vốn là người thủy cơ, quan quân giam lại, hỏi có gì theo giặc. Vợ Cúc làm ca khúc để tự trình (xem năm Tân Mùi).

Trấn Kinh Bắc bị nạn hoàng trùng rất dữ. Quận công Thành sai phủ huyện đi khám thực (lúa, đậu bị tổn thương nhiều).

Mùa hạ, tháng 4, ngày Kỷ Tỵ (mồng 10), Bắc Thành đại hàn. Vì có Trưởng đà ra khơi cầu gió bắc.

Tháng 4 (mồng 7), bắt đầu định quan chế. Việc này ở năm Tân Tỵ nhưng bỏ sót.

Tháng 5 (ngày 21), ban học quy mới. Chiếu cho tập làm chiếu, chế, biểu và thơ, phú..., đại thể hơi giống nhau, không cần đưa quy thức riêng. Lại sai chánh phó Đốc học nhà Quốc tử giám là Phan Toàn Thịnh, Trương Viết Ưng và Nguyễn Chí Lý đính soạn hai bản *Kinh nghĩa* và *Văn sách* ban hành cho các sĩ tử học tập.

Cố Lê công chúa Ngọc Hân mất. Năm Bính Ngọ (1786) đời Cảnh Hưng, vua Lê gả Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ, đến lúc ngụy Tây mất, Ngọc Hân lui về quê mẹ ở xã Phù Ninh; đến bấy giờ chết. Hàng thần làm quan ở huyện Đông Ngàn xin cho làm lễ an táng. Vua ưng cho. Dân Phù Ninh lập đền thờ bà.

Tháng 6, Bắc Thành bị lụt. Mưa lâu không tạnh, nước sông Nhị Hà tràn ngập vào ngoại thành Thăng Long. Ngày 17 tháng ấy, bão to, trôi mất người và súc vật. Đê sông Đào Hòa bị vỡ dài hơn 100 trượng, nước tràn vào các huyện Đông An, Văn Giang, Cẩm Giàng. Quận Thành sức lấy đinh phu đắp lấp. Rồi sức ven sông và các đê, chỗ nào có cây to đều đẵn bỏ đi để phòng cây đổ, vỡ đê.

Mùa thu tháng 7, hào mục huyện Võ Nhai là Tuấn Diệu mưu đồ làm loạn. Quan quân bắt được Chiêu Đức giết đi.

Trước đây, thôn Phúc, xã Hoa Lâu, huyện Võ Nhai, có người đàn bà là Nguyễn Thị Hân, sinh 1 con trai, mới lên 4 tuổi, hai gò má đều có nốt ruồi trắng, trước đỉnh có ba nốt ruồi đỏ, tự cho là "Thánh con". Tuần Diệu tôn lên làm chúa, ngụy xưng là Chiêu Đức, tụ họp đồ đảng. Quan quân tiến đánh, chúng đều tẩu tán. Thị Hân ôm Chiêu Đức ẩn trong hang sâu. Quân Thái Nguyên không biết tung tích, đốt đuốc đuổi tìm. Từ lúc hoàng hôn vào trong hang khuất khúc không biết bao nhiêu dặm, bắt được mẹ con Chiêu Đức, đến lúc ra cửa hang thì trời đã rạng đông rồi. Đóng gông xích tay, giải đến Bắc Thành, đem nộp cả một mũ đỏ, một cờ vàng, một cờ trắng cùng với hơn mười người và Tuần tổng, Xã khán. Quận công Thành nghĩ rằng trẻ thơ không biết gì, giết đi vô ích; nhưng mẹ nó nhẹ dạ đến theo mưu giặc, mướn cái thai lạ để làm mê hoặc người ta, nếu bao dung không xử vào pháp luật, sợ mọi người lại lấy cớ là nó bất tử, phiến hoặc lần lữa thì để lo về sau không nhỏ. Ngày mồng 3 tháng 9, đem chém luôn cả Chiêu Đức, bêu đầu ở chợ Cửa Đông, rồi niêm yết các cửa trấn cho mọi đám giặc biết răn sợ.

Tháng 8, Trường phái hầu triều Lê cũ là Doãn Hựu đem hài cốt vua Lê từ nhà Thanh về.

Trước đây, vua tôi nhà Lê ngụ cư bên nhà Thanh (Tân Hợi - 1791) tản mát chỉ còn vài mươi người. Những người đi theo phần nhiều lấy vợ Trung Quốc, sinh con. Bọn Hựu bị giam giữ lâu ở phương Bắc, chỉ còn một cái mũ rách đội đã hơn 10 năm. Năm Canh Thân (1800), đầu triều Gia Khánh[1] được tha ra ở ngoài. Hựu mới biết là vua Lê đã chết, bèn

---

[1]. Bấy giờ là năm Gia Khánh thứ 5.

làm lễ thành phục. Năm Nhâm Tuất (1802), nghe nói ngụy Tây mất nước. Hựu nhiều lần khẩn khoản xin đem hài cốt vua Lê về, nhưng triều Thanh không trả lời. Đến lúc quốc sứ sang cầu phong, con Hựu là Trắc xin theo làm hành nhân để thăm vua và cha. Thế tổ vẫn biết tiếng Hựu, liền chuẩn y lời tâu của Trắc. Trắc đến Trác Châu, vừa gặp Hựu ra chờ đón sứ. Cha con gặp nhau mừng lắm!

Hựu có câu thơ:

Nguyên văn chữ Hán:

才聞每謂人欺我

及見驚呼汝是誰

Phiên âm:

Tài văn mỗi vị nhân khi ngã;

Cập kiến kinh hô nhữ thị thùy!

Nghĩa là:

Nghe tin có con đến thăm, cứ tưởng là người ta nói dối;

Đến khi gặp con, lại kinh sợ hỏi mày là ai.

Nhân đó Hựu cũng đi đến Yên Kinh, theo khâm sứ bái yết vua Thanh. Vua Thanh khen ngợi cho rằng cha là trung thần, con là hiếu tử, ban thưởng rất hậu. Đến lúc sứ về, Hựu dặn Trắc làm biểu dâng Thế tổ xin cho về nước và xin đem hài cốt vua Lê về an táng. Thế tổ y cho. Trắc bèn viết thư cho Hựu làm biểu xin vua Thanh, vua Thanh cũng ưng thuận và thả cả những người tòng vong bị lưu đày cho về nước. Ngày 24, tháng 3 năm ấy, Hựu lấy áo mũ quan tài cải cát vua Lê, quốc mẫu, nguyên

tử[1] và các người đi theo là bọn Nhạ Hành lớn nhỏ 18 cỗ ván.

Hựu làm thơ khóc vua Lê có câu rằng:

Nguyên văn chữ Hán:

雲暗龍髯無覓處

雪封馬鬣又開時

Phiên âm:

Vân ám long nhiêm vô mịch xứ;

Tuyết phong mã lạp hữu khai thời.

Nghĩa là:

Râu rồng mây ám tìm đâu thấy!

Mao ngựa tuyết che có lúc tan.

Vua Thanh sai ghi tiêu chí chia làm 3 đợt; lại sai các quan châu huyện hộ tống. (Chia 3 đợt: vợ con các người theo hầu đi đợt đầu; quan tài hài cốt đi đợt giữa; các người tòng vong còn sống đi đợt cuối).

Tháng 7, đến cửa Nam Quan, vào trấn Lạng Sơn, làm lễ tế điện ở ngoài thành. Hiệp trấn Nguyễn Duy Thản (Tiến sĩ xã Hương La) cùng cựu thần và các Tù trưởng đều đến viếng khóc.

Ngày 26, Hựu trước về thành Thăng Long yết kiến Quận Thành, quỳ dài không lạy, và nói: "Chưa được lạy vua, không dám lạy tôn công". Hựu lột mũ ra, nhận tội. Quận Thành vẫy tay, chỉ chỗ mời ngồi, ban nước trà. Hựu tạ rằng: "Nước mất, không hay dựng lại, tôi là tội nhân của tôn công, nay thấy tôn công, tôi toát mồ hôi thấm áo. Duy hài cốt cố quân, chưa được tấc đất để an táng, xin tôn công

---

[1]. Nguyên tử: Là con đầu của vua Lê Chiêu Thống do bà Nguyễn Thị Kim sinh.

tán thành cho". Quận Thành nói: "Lo gì việc ấy. Nhà vua mong ông như khát mong nước uống, thường nói khi ông về, vào yết kiến ngay, nói chuyện dăm bảy ngày. Công việc cố quân, tôi bảo đảm với ông làm cho thành tựu". Hựu ở đấy 3 ngày, văn võ mới cũ lần lượt đến hỏi thăm. Hựu nhân từ tạ, ra yết kiến Tán lý Thường. Thường trông thấy, gọi ngay là Khổng Minh. Hựu từ tạ. Thường lại gọi là Tử Phòng. Hựu nói: "Tướng công gặp gỡ minh quân, làm được như chí ý mình, mới có thể xứng đáng với cái danh Tử Phòng. Tôi không bì kịp được đâu". Bèn từ về.

Ngày 6 tháng 8, Hựu từ Thăng Long tiện đường về quê, cùng các người thân, bạn cũ vui vầy rượu, tỏ tình cảm ơn. Ngày 7, yết nhà thờ bản tông, rồi để tang người thím (vợ Doãn Trọng). Ngày 12, Hựu lại đến Thăng Long, bẩm Quận Thành xin vào Kinh dâng tờ tâu lên Thế tổ, được Thế tổ cho đem hài cốt vua Lê về chôn ở làng Bố Vệ. Ngày 24 tháng 9, Quận Thành điều động lính Bắc Thành và đinh phu các huyện đến trấn Lạng Sơn, đón hài cốt vua Lê về thành Thăng Long, đặt làm lễ tế điện ở nhà Diên tự công. Những quan triều Lê cũ và các quan văn võ đều mặc áo trắng đến viếng. Các hài cốt của Đinh Nhạ Hành trở xuống đều cho thân quyến chiếu theo tiêu chí, nhận đem về mai táng.

Hoàng hậu người xã Tỳ Bà[1] từ chùa Lã vào (Kỷ Dậu) viếng tang vua. Khóc với Doãn Hựu hỏi về thân thế mình nên thế nào. Hựu bảo: "Chết theo tiên quân, là thượng kế; về lăng tẩm để giữ đèn hương thờ vua, là kế thứ hai". Hậu bèn uống thuốc độc chết. Bấy giờ mới 40 tuổi.

---

[1]. Hậu người xã Tỳ Bà, huyện Lương Tài, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, tên là Nguyễn Thị Kim.

Tán lý Thường khóc, có câu rằng:

Nguyên văn chữ Hán:

節義殘燈下

綱常一酌中

Phiên âm:

Tiết nghĩa tàn đăng hạ;

Cương thường nhất chước trung.

Nghĩa là:

Tiết nghĩa dưới ngọn đèn tàn;

Cương thường trong chén thuốc độc.

Vua xuống chiếu tặng 4 chữ "Thủ trinh tuẫn tiết".

Ngày 28 tháng 10, Quận Thành đưa tang vua Lê, đến xã Bố Vệ. Hiệp trấn Thanh Hoa làm lễ an táng. Rồi phụ táng bà hậu Tỳ Bà vào đấy. Thần chủ của Hậu được thờ ở tả vu miếu nhà Lê. Lại vì Hậu làm nhà dựng bia ở bản quán, cho 2 người coi mộ.

Hựu từ Thanh Hoa về, vào lạy tạ ơn Quận Thành rồi từ về, bỏ ăn 3 ngày, đến ở chùa Đại Đồng làm sư. Có câu thơ:

"Phật tổ dung vi sơ đệ tử;

Hoàng vương hứa tác cựu nhàn dân".

Nghĩa là:

"Phật tổ cho làm đệ tử mới;

Hoàng vương cho làm dân cựu nhàn".

Năm ấy đã 55 tuổi, Hựu thường nói với bạn cũ là Nguyễn Huy Phác người xã Đạo Tú: "Hựu này như con gái lục song (chỉ nơi thôn dã), đã không nhan sắc đẹp, lại không kỹ năng khéo, có chàng trai ngang tàng lấy làm vợ, đã là

mười phần vinh hạnh rồi. Nay chồng chết sớm chỉ nên ở góa giữ vẹn danh tiết. Nếu không thì thành ra cái gì". Phác cho là khéo thí dụ (lấy chữ trong *Mạnh tử*).

Nhưng Hựu tính hẹp hòi, thấy ai có lỗi nhỏ cũng đều chỉ trích không bỏ qua; do đấy người ta không phục. Lại dụng tâm lý tà. Lúc đi sang Bắc, những ruộng ao các con bán đi, đều nhất nhất đòi về! Lại hỏi nợ cho người, làm hại người lương thiện; bởi thế nhiều người oán. Người đời cho rằng Hựu là người có 3 đoạn khác nhau!

Phụ: Ngô Vi Quý có câu đối khóc viếng vua Lê:

Nguyên văn chữ Hán:

書奔不洗千秋史

追謚何開九尺旌

Phiên âm:

Thư bôn bất tẩy thiên thu sử.

Truy thụy hà quan cửu xích tinh.

Nghĩa là:

Chép đã xuất bôn, không rửa được sách sử nghìn năm.

Truy thụy mẫu đế, quan hệ gì đến mình tinh chín thước!

Tham bổ: Đầu năm Canh Thân (1800) lúc được thả ra ở ngoài. Hựu có thơ tự thuật:

Phiên âm:

Nam quan nhi chấp[1] thập dư niên,

Ưu ốc hồng chiêm giáng tự thiên.

Trạc phát nan thù tân vũ lộ,

---

[1]. Chữ *Tải truyện* (nguyên chú)

Hồi đầu khủng phụ cựu giang san.
Trung hồn tha nhật dư ân bổ,
Khổ tiếp như kim túc chí toàn.
Hồng nhật phương thăng cao chiếu chúc,
Khẳng giao ký địa hữu đề quyên.

Dịch nghĩa:

Mũ nan giam giữ quá mười đông,
Ơn mới trời cho rất thắm nồng.
Đếm tóc khó đền ơn vũ lộ,
Quay đầu e phụ cảnh non sông.
Hồn trung ngày khác đền ơn nặng,
Tiết khổ, giờ đây thỏa tấm lòng.
Vầng nhật mới lên cao rọi sáng,
Há cho đất ký cuốc kêu ròng.

Năm Giáp Tý (1804), lễ cải táng vua Lê, Hựu có thơ tự thuật:

Phiên âm:

Tốn quốc truy tư Bắc hạnh niên,
Mạo kỳ vĩnh thán[1] lệ quyên liên!
Yếm khan Tuân Lịch hòa phân địa[2]
Cảm khái Bao Tư sỉ cộng thiên.
Chấp đích dĩ tòng, ta vãng hĩ!
Phan niên mạc đãi bội thê nhiên!
Phủ kim thương dã nghinh thiêu ngự,

---

[1]. Chữ *Quốc phong* [Kinh Thi] (nguyên chú).

[2]. Chữ *Tả truyện* (nguyên chú).

Cảnh cảnh thương tâm, túc bất tiền!

Dịch nghĩa:

Nhớ năm bỏ nước đi sang Bắc,
Tình kỳ xơ xác hạt châu rơi.
Chán coi Tuân Lịch hòa chia đất,
Cảm khái Bao Tư chẳng chung trời.
Cương ngựa theo hầu, gian khổ thế!
Râu rồng không kịp, cảm thương hoài.
Nay từ Thương Ngô đưa bóng thánh,
Bước đi một bước một bồi hồi.

Năm ấy, an táng vua Lê, có bài văn tế:

Để tang vua cũ,
Cổ lễ phép thường.
Buồn nhớ lúc cương ngựa ra đi,
Lại tưởng khi gò mao than thở,
Việc khác Triệu Tống[1] hang tuyết càng thương.
Tình khác Chu Biền, trời băng thêm cảm,
Lúc trước mới nghe tin thác, chỉ giữ cung ô hào[2].
Ngày nay gần tiếp xe về, lại buồn nghe tiếng hạc,
Than ôi! Vin râu rồng không kịp, thương xót nhường nào!
Dâng canh tảo lễ thường, tỏ lòng kính nhớ.

Hoàng hậu nhà Lê, người xã Tỳ Bà, huyện Lang Tài, là em gái Phượng thái hầu, sinh năm Kỷ Dậu đời Cảnh Hưng, năm

---

[1]. Tống Cao Tông (nguyên chú).

[2]. Điển vua Hoàng đế (nguyên chú).

Tân Sửu vào cung, năm Bính Ngọ[1] sinh con trai; đến đây tự tử, chôn phụ bên cạnh lăng vua Lê. Có thơ khóc rằng:

Phiên âm:

Tứ bách niên bại trị hóa thuần,
Thiên giáo chính hậu nhậm di luân.
Tam sinh khổ vị giai quân lão,
Nhất tử thành danh liệt phụ thân.
Tòng nhất nghĩa tinh ban lệ nữ[2],
Mỵ tha tình trọng khôn mao nhân[3].
Huy âm thiên cổ chiêu thanh sử,
Cảnh cảnh quang hồi húc nhị tần[4].

Dịch nghĩa:

Trải bốn trăm năm trị hóa thuần,
Trời sai bà hậu gánh di luân.
Cùng vua cay đắng duyên ba kiếp!
Tuẫn tiết thành danh vẻ một thân.
Theo chồng nghĩa nặng Tương phi trước,
Không đổi tình duyên Vệ nữ gần.
Tiếng tốt ngàn năm ghi thanh sử,
Rực rỡ sáng soi Thuấn nhị tần.

---

[1]. Dưới chữ Bính Ngọ丙 午 (nguyên chú) có chua "trập nhị" 廿 二, có lẽ muốn chỉ năm Bính Ngọ (1756) Tỳ Bà 22 tuổi.

[2]. Điển vợ vua Thuấn (nguyên chú).

[3]. Chữ Vệ phong [Kinh Thi] (nguyên chú).

[4]. Nhị tần: chỉ Nga Hoàng và Nữ Anh, 2 con gái của vua Đường Nghiêu đàng vua Ngu Thuấn Nga Hoàng làm hậu, Nữ Anh làm phi.

Trí huyện Lang Tài là Nguyễn Đăng Sĩ dựng bia đá. Quan Bắc Thành có câu đối viếng:

Nguyên văn chữ Hán:

五八旬祝地捐身,千古倫常照宇宙

十六載移夫沒子,一腔義烈答君王

Phiên âm:

Ngũ bát tuần[1] chúc địa quyên thân, thiên cổ luân thường chiêu vũ trụ.

Thập lục tải di phu một tử, nhất xoang nghĩa liệt đáp quân vương.

Nghĩa là:

Bốn mươi tuổi, thề đất bỏ mình, nghìn thuở luân thường soi vũ trụ.

Mười sáu năm, xa chồng bỏ con, một lòng nghĩa liệt đáp quân vương.

Lại có bài văn tế:

Gan dạ sắt đá,

Tiết tháo băng sương.

Mười chín năm trước sau, người trọn vẹn trong trời đất.

Ba trăm năm cương thường, bậc tiết phụ từ xưa nay.

Tiếng thơm vang tới triều đình,

Nêu khen vẻ vang làng cũ.

Ngày tháng 11 năm ấy, cựu Bình chương Nguyễn Huy Túc có làm bài *Tiêu cung tuẫn tiết hành*, đại lược như sau:

---

[1]. Bốn mươi tuổi (nguyên chú).

Phiên âm:

Thuận An, Lang Tài thuộc Thiên Đức,
Cổ nhân mệnh ấp hiệu Tỳ Bà.
Cổ khúc[1] tri hà tại,
Đại đê[2] loát bỉ mạo như hoa.
Cự ý thiên cơ tương xảo tấu,
Tể thần hỗ tất tiên đề tâu.
Đại Thanh hoàng đế chuẩn Nam hoàn,
Tự phùng Giáp Tý trung thu hậu,
Tín lai hoàng cự tiện thân nghinh,
Thường san đốn giảm hoa dung sấu.
Thiều thiều chu tiếp độ Lô Giang,
Kiệu, tản, sênh, tiêu nhập tự đường.
Sĩ thứ ngưng mâu chiêm lỗ bộ,
Thần liêu thức lệ hiến quỳnh tràng.
Khuê trung vị huống miêu nan tận...
Tiện tương lễ phục cán hương thang.
Cải khâm nhất đổ cân bào dạng,
Liễm nhẫm ngưng mâu bái ngọc sàng.
Trướng lý hồi thân từ nữ chủ[3],
Cam tương trấm độc ốc can trường!

---

[1]. Khúc tỳ bà của Chiêu Quân 昭 君 (nguyên chú).

[2]. Thiệu nam 召 南 |Kinh Thi| (nguyên chú).

[3]. Quán nhân: 館 人 (nguyên chú).

Thuyết náo, hoàng thiều[1] giai hãi dị;
Nghiễn văn, tỉnh thự diệc thê lương!
Hồng cẩm, thanh phù[2] vinh tặng phúng;
Diệm tư, ỷ cú điệt xưng dương.
Diệu tai! Nhất tử cầu nhi đắc[3],
Tử đắc thanh danh, vạn cổ hương!
Ế bỉ xuân khuê như ngọc hảo.
Mộ vũ triêu vân vô túc đạo[4],
Hoàng kim hoành đái[5] kỷ hà nhân?
Siểm my bình thời tứ gian xảo.
Nhất triêu thế biến chung cự dị,
Chu y, Chu quan[6] khinh như thảo.
Túy trung nhất hát, giác hàn tâm!
Lãnh sư gia tiên, ưng diễn mạo!
Kỷ tằng phấn đại bật cao hình,
Quái đắc huỳnh cư tỳ Tiết giáo.
Thượng tỷ ba thi cù đãi cát,
Bàng kê Tương lĩnh trúc sinh ban.

---

[1]. Già và trẻ: 老 童(nguyên chú).

[2]. Thanh phù: 青 蚨tên một thứ tiền (nguyên chú).

[3]. Chỉ Bá Di, Thúc Tề 伯 夷, 叔 齊 (nguyên chú).

[4]. Chữ Sở từ 楚 辭(nguyên chú).

[5]. Chỉ Điền Đan 田 單 (nguyên chú): người đời Chiến quốc.

[6]. Chỉ Phạm Chất 范 質 (nguyên chú): người đời Tống, Tiến sĩ đời Hậu Đường (923-935)

Ký hữu cổ nhân hành sở chí,
Cự vô kim nhật đắc kỳ nan?

Dịch nghĩa:
Thuận An, Lang Tài thuộc Thiên Đức,
Người xưa đặt tên là Tỳ Bà.
Khúc hát Chiêu Quân[1] không thấy tiếng,
Đẹp ví Đại Đế[2] mặt như hoa.
Ngờ đâu cơ trời lại theo thế,
Tể thần hầu giá trước đề tấu,
Đại Thanh hoàng đế cho về Nam,
Vừa năm Giáp Tý tiết Trung thu,
Được tin, vội vã đi đến đón.
Bữa ăn thường giảm, mặt hoa gầy.
Xa xăm chèo thuyền sang sông Lô
Kiệu, tán, sáo, kèn vào nhà thờ.
Nhân dân gián mắt trông lỗ bộ[3],
Thần liêu gạt lệ dâng chén quỳnh.
Tình cảnh trong phòng tả khó hết
Bèn đem lễ phục giặt nước hương.

---

1. Chiêu Quân: cung nữ đẹp đời Hán, một trong "Tứ đại mỹ nhân" trong lịch sử Trung Quốc.

2. Khúc nhạc Đại Đế: chỉ người con gái đẹp đất Đại Đế.

3. Lỗ bộ: Nghi vệ của nhà vua

Cởi khăn trông lên áo long cổn,
Vén áo, cúi đầu, lạy ngọc sàng[1].
Từ chủ nhà[2], quay về trong trướng
Bèn đem thuốc độc rót gan vàng.
Nghe chuyện trẻ già đều hoảng hốt
Tin đến, tỉnh thự cùng buồn rầu.
Gấm đỏ, tiền xanh, đem phúng tặng
Văn hay, lời đẹp đều tán dương.
Khoe thay! Một chết cầu mà được,
Chết được thanh danh vạn đời thơm.
Thán ở buồng xuân đẹp như ngọc,
Mưa chiều, mây sớm, nói chi nữa
Vàng deo ngang lưng, bao nhiêu người
Ngay thường siểm nịnh, rông gian xảo?
Một mai thế biến, giá chuông dời,
Áo mũ nhà Chu rẻ như bèo,
Đương say, một hét, rùng mình sợ
Chỗ lạnh quất roi cũng mặt dày
Bao giờ son phấn giúp luật hình,
Lại được quỳnh cư dạy phong hóa
Trên ví thơ Phong cù đỡ dây cát
Gần coi núi Tương lệ rảy trên ban.

---

[1]. Ngọc sàng: 玉 床Bàn thờ.

[2]. Chỉ chủ nhà chỗ bà Tỳ Bà hậu ở trọ (nguyên chú).

Đã có người xưa làm chí mình,
Há không người nay làm việc khó.
Vua Thanh lại cho chữ tiêu chí "Mã đồng"[1],
dưới chia hai hàng chua rằng:
臨 難 不 苟,
殉 節 孤 忠
(Lâm nạn bất cẩu,
tuẫn tiết cô trung).
Nghĩa là:
Gặp nạn không chịu cầu an,
Ôm lòng cô trung mà tuẫn tiết.
Lúc về nước, Huy Túc làm bài
"Mã đồng chống đỡ cho vua"
(馬 童 扞 君 誄 - Mã đồng hãn quân lụy) như sau:
Phiên âm:
Trung tai, Mã đồng!
Tráng tai, Mã đồng!
Khuyển tâm[2] luyến chủ,
Báo vĩ tùy nhung
Thốn đan viên tượng
Nhất khích nghĩ phong.

---

[1]. Người hầu ngựa của Lê Chiêu Thống, tên là Nguyễn Văn Quyên chạy theo Chiêu Thống sang nhà Thanh, rồi chết ở đó..

[2]. Cấp Ám (nguyên chú): người Bộc Dương, triều Hán, tính kiêu ngạo, nhưng khí tiết, từng giữ chức Thái thú quận Đông Hải. Vua Hán Vũ đế khen Cấp Ám là "Bề tôi của Xã tắc" 社 稷 之 臣 (Xã tắc chi thần).

Phó mệnh như hộc[1]
Địch nghị như hùng[2]
Chí kích bất tỵ
Hổ lý bất hung
Nộ trương đường tý
Tràng toái lang phong.
Mã sách thù tổ[3]
Tuấn dự minh hồng
Long thuẫn khắc tuận,
Mã kỵ tinh trung[4].
Bỉ hà nhân:
Minh mâu[5] dân quốc,
Cầm độc[6] chương phùng
Doanh dăng siểm mị
Chỉ lộc gian hùng[7]

---

1. Tử Nghi (nguyên chú): Quách Tử Nghi đời Đường, có công lớn trong dẹp loạn An Lộc Sơn, Sử Tư Minh triều vua Đường Túc Tông, được phong tước Lạc Dương vương, tên thường gọi Quách Tử Nghi là Quách Phần dương. Khi mất, Tử Nghi được ban thụy là Trung Võ

2. Mục thệ 牧誓 (nguyên chú): Tên thiên "Mục thệ" trong Kinh Thư. Vua Trụ bị chết trong trận đánh với Chu Vũ vương ở Mục Dã.

3. Mã Viện (nguyên chú).

4. Sách Lễ ký (nguyên chú).

5. Sách Tiểu nhã (nguyên chú).

6. Sách Lễ ký (nguyên chú).

7. Triệu Cao (nguyên chú): Hoạn quan đời Trần, có sức khỏe, gian hùng.

Hạp sử chi thịnh mã phấn niệu
Bác mã nanh trùng
Cảm mạnh cừ danh viết "Trung tráng công".
Dịch nghĩa:
Trung thay Mã đồng!
Giỏi thay Mã đồng!
Một tấm khuyển tâm mến chúa
Cảm thương báo vì tòng nhung
Trung như voi vượn
Nghĩa tựa kiến ong
Theo lệnh như chim hộc
Đánh dữ như con hùng
Chim cắt đánh không sợ
Xéo đuôi hàm không chùn
Giơ tay bọ ngựa,
Đánh lui nọc ong
Thỏa lòng bọc da ngựa
Tiếng tốt được ghi công
Theo vua tử tiết
Má mới nêu trung
Kìa bao kẻ mọt hại dân nước,
Áo mũ mà chim muông
Nhặng xanh dèm nịnh
Kiệu ngựa gian hùng
Chỉ đáng bưng cứt đái,
Đuổi ruồi muỗi cho Mã đồng.
Nay xin tặng hiệu là Trung tráng công.

Lại làm thơ viếng rằng:
Bài thứ nhất
Phiên âm:
Thê thê cơ lữ hàm gian quan
Thuyết kháo băng thiên bất giác hàn.
Thất bộ[1] bi trung ưu chủ nạn,
Không quyền hữu huyết tiễn cường gian.
Đỉnh hồ hữu phận phan nhiêm khứ,
Đồng trụ vô tâm khỏa cách hoàn.
Bát tự tinh đề hà lẫm lẫm
Yên đài yểm diện, Việt khai nhan.
Dịch nghĩa:
Bấy lâu lưu lạc lắm gian nan
Hang tuyết, trời sương, chẳng biết hàn.
Bảy bước tỏ lòng lo việc chúa,
Tay không nóng máu chốt cường gian.
Hồ dỉnh râu rồng may với kịp,
Cột đồng da ngựa phải đến hang!
Tám chữ vua Thanh cho lẫm liệt[2],
Yên Đài giấu mặt rạng người Nam[3].

---

[1]. Mao Toại (nguyên chú): người đời Chiến quốc, thực khách Bình Nguyên quân. Khi Bình Nguyên quân bàn kế hợp tung với Sở vương, Sở vương chưa quyết. Mao Toại vung gươm uy hiếp Sở vương và nói: "Ra ngoài bảy bước (thất bộ), tính mạng từ trong tay vua, nhưng trong bảy bước mạng vua lại ở tay tôi". Sở vương chấp nhận hợp tung.

[2]. Chỉ tám chữ "Lâm nạn bất cẩu, tuẫn tiết cố trung" nói trên.

[3]. Yên Đài: Kinh đô nhà Thanh, câu này ý nói: Mã đông đã làm rạng mặt nở mày cho người Việt Nam, đồng thời cũng làm người Thanh phải hổ thẹn vì đã lừa gạt Lê Chiêu Thống.

Bài thứ hai

Phiên âm:

Cơ đích truy tùy tự Bắc viên
Tuyết sương vạn lý hiệu tòng khôn.
Hiệp trì[1] khẳng hứa quyền gian lại,
Phấn cử ninh vong dũng sĩ nguyên.
Tâm đát hồ khâu[2] quy nghĩa cốt,
Loại tương mã lạp điếu trung hồn,
Cuồng đồng Vệ xã vô đa nhượng,
Thiên cổ linh nhân ký mộ môn.

Dịch nghĩa:

Theo cầm cương ngựa Bắc phương hồi
Muôn dặm tuyết sương hết phận tôi.
Không để cường gian chèn cạnh nữa,
Thà đem dũng khí mất đầu thôi.
Lòng thương cáo chết đem xương nghĩa,
Rượu viếng hồn trung trước mả coi.
Cuồng đồng Vệ xã không hơn mấy,
Ghi mả Mã đồng đến vạn đời.

(Các bài trên đây lấy ở sách *Hiên trang văn kiến lục*).

Quận Thành thống nhất các đồ cân, đo, lường ở các trấn Bắc Thành: dâu dó đều theo kiểu mẫu Nhà nước của nhà đồ

---

[1]. Chi Vọng Chi (nguyên chú): tức Thái phó Tiên Vọng Chi, thường hay ỷ thế là thầy dạy cũ của vua Hán, hống hách với đồng liêu.

[2]. Hồ Khâu: nghĩa từ câu 狐 子 正 其 丘 首 "Hồ tử chính kỳ khâu thủ": Con cáo nằm ngay đầu về gò khi nó sắp chết, sau thường nói cáo chết quay đầu về núi.

(đồ gia): cân "tư mã bố" 1 cái, cân "bách lục" 2 cái, thước quan đồng 1 cái, thước kinh quan đồng 4 cái, thước quan mộc 1 cái, thước kinh quan môn 10 cái, chữ hiệu bằng đồ sắt 1 cái: hoặc lưu ở trấn, hoặc phát cho các nha.

Tham bổ: sách *Uyên giám loại hàm* chép rằng: đời Hán Vũ đế, Hề Cánh ở quán Bạch Ngọc làm thước to; tương truyền là thước quan đời Hán.

Quận Thành còn đúc thước đạc điển mới bằng đồng (Quảng Bình trở vào dùng thước ấy) và thước Kinh (Nghệ An trở ra dùng thuốc ấy).

Quận Thành cấm rõ 4 điều, đại lược rằng: "Từ lâu loạn ly mãi, dân phong điêu bạc. Các quan trấn, các quan huyện đối với các điều khuyến giới chưa hay tự mình nêu gương để mọi người làm theo! Nay truyền xuống 4 điều:

1. Những kẻ vẫn hay gian phi trộm cướp, cho sở tại khai giấy.

2. Tổng trưởng nào cẩn thận giữ được không có giặc cướp, thì thưởng cho áo khoác dài, khăn và quần.

3. Cho gian phi hoàn lương.

4. Những kẻ gian phỉ phạm tội nhiều lần đều biết quy phục thì cho tòng quân ứng vụ.

Rồi đó bãi chức tuần tổng năm trước.

Mùa đông, tháng 11 (đêm 12), huyện Kim Thành ở Bắc Thành động đất. Huyện Phượng Nhãn, ngụy Tú Bích làm loạn. Quận Thành đi đánh, dẹp yên.

Bích, dưới thời ngụy Tây, tụ đảng (Đinh Tỵ, 1797), chưa bao lâu, ra thú. Đến lúc thiên hạ đại định, Bích chiếm giữ 3 tổng huyện Lục Ngạn, đồ đảng suy tôn làm Hậu thần. Các hạt Vĩnh Ninh, Hổ Lao, Mai Sao và Nam Điện đều không nộp thuế cho Nhà nước. Lại liên kết với Tổng Thảo, người

Trản Đồng, phò lập làm ngụy Thiên Vương, đánh Tòng Vũ và Chú Độ; lại đánh phá trại Vạn Niên. Quận Thành sai Bắc Thành thống trấn cùng Kinh Bắc trấn thủ đi tiễu. Ngày 15 tháng ấy, đánh nhau ở Hoa Lam và phá tan được Thiên Vương chạy vào núi Tượng Lan. Người An Mẫu là Triều Hiến bắt giải đến quan quân. Quan quân bèn đốt phá các địa phận Cổ Niên, Trản Đồng[1], Hoa Lam, thu lấy gia súc tài sản. Bích trốn về tam tổng; dư đảng tụ tập ở Phao Sơn, lại bị quan quân phá vỡ: mọi người đều giải tán (xem thêm ở dưới).

Học sĩ Nguyễn Tuấn bị miễn quan.

Triệu Tán lý Đặng Đình Thường về triều.

Lại đặt Khâm thiên giám. Cho Dĩnh hương hầu Đặng Đức Siêu làm quản lĩnh, Bá tước Nguyễn Ngọc Lân trở xuống 11 người làm ở Khâm thiên giám. Trong những nhật kỳ cấm giới, dân gian có việc hiếu hay ngày giỗ đều cho thi hành không phải theo cấm lệ[2].

Sai quan nhà đồ (đồ gia) đúc bạc: bạc nén, bạc lạng đều khắc 6 chữ "Trung bình công giáp khám thực", định giá mỗi lạng bạc 1 quan 5 tiền.

Ất Sửu năm thứ 4 (1805), Thanh, Gia Khánh năm thứ 10.

Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 4, mặt trời, mặt trăng đều đỏ.

---

[1]. Chén đồng.

[2]. Nghĩa là được sát sinh, không bị cấm.

Đê hai huyện Thanh Trì, Thượng Phúc ở Bắc Thành đều vỡ. Chiếu phát tiền kho Bắc Thành, thuê dân bồi đắp.

Ngày mồng 9, chiếu Bắc Thành làm lại sổ điền. Tờ chiếu đại lược nói rằng: "Điền thổ là chính sách trọng đại lớn của Nhà nước. Thi hành được tốt, dân mới được nhờ ơn. Nay ruộng đất các xứ hình như có cao trũng bất đồng, thời tiết cày cấy phải phân biệt rõ ràng, ruộng mùa và ruộng chiêm để tiện dân nộp thuế", sai mỗi trấn 3 viên Hộ ty lệ thuộc trấn quan làm việc sổ điền, sắp xếp hạng ruộng. Dân xã sở tại đem cả điền bạ đến trấn dinh nộp khai tinh tường, đích xác, hạn trong 2 tháng làm xong. Làm thành ba bản: Giáp, Ất, Bính.

Ngày mồng 10, đào sông Thiên Đức: từ xã Xuân Oanh đến xã Yên Thường bấy lâu đã bị nghẽn lấp, dòng nước không thông. Đến đây đào khơi: rộng 4 tầm, sâu 2 trượng 8 thước. Chưa bao lâu, lại bị bồi lấp, chung quy vẫn không thành công.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 12, dời xây thành trấn Kinh Bắc và thành trấn Sơn Tây.

Thành Kinh Bắc trước ở xã Thị Cầu, nay dời đến đầu 2 xã An Xá, Niệm Xá; rồi đổi trấn cũ làm đồn. Thành Sơn Tây trước ở xã Cam Giá, nay dời đến đầu 2 xã Thuần Nghệ, Phú Nhi. Các trấn Thanh Hóa, Nghệ An, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Yên Quảng cũng đều đắp thành.

Tháng 6, ngày 16, Tán lý Đặng Đình Thường từ Kinh về Bắc Thành, phụng ban hơn 10 điều. Đình Thường lấy các bạn Lê Quý Kiệt (Diên Hà), Lê Danh Phát (xã Công Ngư thuộc huyện Yên Lãng) và thủ khoa Huy Đán làm tân hữu, thảo luận điển cố. Phát hay thơ, thường ngâm thơ rằng:

Phiên âm:

Mã khấu khởi trân Cô trúc thạch

Ưng dương phi tiện Vị dương tuyền.

Sự cầu thái chuyết phương tri xảo

Học đáo như ngu thủy tự hiền.

Dịch nghĩa:

Giữ ngựa, há khen đá Cô trúc

Cắt đánh, ai chê cầu Vị xuyên.

Việc cần rất vụng, mới biết khéo.

Học đến như ngu, mới thực hiền.

Trước kia Phát, Đán dạy học ở huyện Từ Liêm, giảng lễ từ nhượng ấp tốn. Giám sinh họ Nguyễn nghe tiếng, đến chơi. Hai người đón tiếp cẩn thận. Ngồi ổn định rồi, Nguyễn Giám sinh lấy cẳng tay đánh mỗi người 3 cái. Hai người quỳ mà hỏi đánh vì cớ gì, Nguyễn nói: "Hai ông hiểu lễ, có biết ai đặt ra lễ không?". Hai người nói: Thánh nhân đặt ra. Nguyễn nói: "Lễ được đặt ra đầy đủ là do Chu Vũ vương và Chu công. Hai ông hiểu lễ mà đặt tên là Phát và Đán, thì lễ ở đâu?".

Bắc Thành có nạn chó dại.

Mùa thu, tháng 7, mồng 10, bắt đầu đặt viên Đông đường và viên Tây đường ở các phủ: mỗi phủ đặt Đông đường và Tây đường đều 1 viên. Mỗi huyện đặt thêm 1 viên Hành huyện.

Các huyện thuộc phủ Thường Tín và phủ Khoái Châu bị nước lụt. Thường Tín thì từ Thượng Phúc và Phú Xuyên, Khoái Châu thì Kim Động và Thiên Thị.

Hoàng giáp đời Lê cũ là Nhữ Công Điền mất.

Tháng 8, ngày mồng 1, sai Quận Thành xem xét đường xá các trấn. Chiếu rằng: "Địa dư trong hạt đường xá, cửa đi, bến đò, chỗ bằng, chỗ hiểm, nơi xa, nơi gần đều nên kinh lý tường tất. Vừa rồi, các đường Bắc Thành, duy Sơn Nam thượng và Kinh Bắc, Lạng Sơn, về quan lộ, hành cung, công quán và đường trạm, trấn quan dẫu đã xem xét đo đạc tầm thước, lược biên thành bản tâu lên, nhưng trong khoảng đường đi qua phủ huyện nào, phủ huyện nào thuộc vào đường nào, vẫn chưa rõ ràng tường tận. Đến như lộ trình các trấn đều chưa đo đạc. Khanh nên truyền bảo các trấn: chiếu theo đường quan lộ địa phương và đường giao thông thủy bộ đều nhất nhất, đo rõ tầm thước, biên chú sự tích cốt được chu tất. Đến tháng giêng sang năm làm bản đệ tấu.

Tham bổ: sách *Địa dư toàn tập* chép: Từ cửa tây bắc đô thành đến thành Thăng Long, 36 trạm (1.096 dặm, 275 tầm). Từ Thăng Long đến đất nhà Thanh lại 7 trạm (246 dặm, 142 tầm, cộng 1.373 dặm[1]. Từ đô thành đến Thăng Long, đi gấp thì 3 ngày, đi gấp vừa thì 5 ngày, đi bộ thường thì 8 ngày, đi chậm thì 9 ngày. Từ cửa đông nam đô thành đến thành Gia Định 60 trạm (1.812 dặm, 275 tầm). Từ Gia Định đến nước Cao Miên lại 3 trạm (360 dặm, 120 tầm), cộng 2.172 dặm, bình 315 tầm, 2 thước. Từ đô thành đến thành Gia Định đi gấp thì 5 ngày, đi gấp vừa thì 7 ngày, đi bình thường thì 12 ngày, đi chậm thì 25 ngày.

Quận Thành dựng Khuê Văn các ở Hoài Đức học đường ở phía ngoài phương tỉnh trước sân Văn Miếu. Vân Canh Trần Bá Lãm dâng bài phú về Khuê Văn các.

---

[1]. Tính thừa 1 dặm, vì: 1.096 + 276 = 1.372 dặm, không rõ nguyên thư in nhầm ở con số nào.

Tháng 9, ngày mồng 1, kẻ cướp giết Lê Doãn Hựu và con là Tốt, bấy giờ xã Bình Ngô có tướng cướp là Bi, tự xưng là Bắc sứ súy, thời thường ẩn hiện cướp bóc, gặp lúc Bi đốt phá làng Ngâm Điền, lấy được nhiều súc sản; Hựu đem gia đồng đón đường cướp lấy. Bi căm giận sâu sắc, đêm ấy đem quân vào nhà Hựu đốt phá, đâm Hựu vài mươi vết thương. Quan phủ Nguyễn Đình Tốn đến lập sinh án, được 15 ngày sau thì Hựu chết, lại lập tử án. Con Hựu là Trắc và Tốt định báo thù cho cha, lẻn ra đi, thường đem binh khí tùy thân. Bi lại đặt mai phục, đâm chết Tốt ở cánh đồng.

Quận công Thành sai quan đến viếng, cho tiền và gạo để táng tế. Nguyễn Đăng Sở làm văn tế:

Bản dịch:

"Hươu lá chuối[1], rắn trong hang

Trâu còn non, ngựa mọc sừng[2].

Nghìn vạn dặm ba đào không hại, ngờ đâu đến bến lại đắm thuyền!

Hai tám năm sương tuyết không sờn, sao chửa đến hàn, tàn cội bách.

Chỉ lưu nghĩa liệt ở nhân gian,

Không thẹn quân thần ở dưới đất.

Xác vùi chín suối, thiêng liêng tinh sảng đường vẫn còn,

---

[1]. Nguyên văn: 蕉鹿 Tiêu lộc: Theo tích cổ người nước Trịnh đi bán củi, đột nhiên gặp con hươu, sợ quá đánh chết. Sau đó, giấu con hươu vào cái ao cạn, rồi lấy lá chuối phủ lên. Phút chốc, người đó quên hẳn nơi giấu hươu, coi là một giấc mộng.

[2]. Nguyên văn: 童牛角馬 Đồng ngưu giốc mã: Trâu không sừng, ngựa mọc sừng, dụ chỉ sự vô lý, trái lẽ tự nhiên

Thần về từ đường, lều cỏ minh thành để thỏa.

Lại có câu đối:

Văn thừa tướng cô trung, cố hương cánh toại hoàng quan nguyện.

Tô trung lang đại tiết, thắng quốc nan khi bạch phát tâm.

Nghĩa là:

Văn thừa tướng[1] cô trung, thỏa nguyện mũ vàng về làng cũ.

Tô trung lang[2] đại tiết, còn đem tóc bạc nhận triều xưa.

Và:

Cơ tại dĩ phi Thương, quy phạm mạc năng du quyết chí.

Tô hoàn do thị Hán, lân đài hà sỉ điện chư thần.

Nghĩa là:

Cơ tử sống, Thương mất rồi! Thiên Hồng phạm vẫn không quên chí cũ.

Tô Vũ về, Hán còn đó! gác Kỳ lân há thẹn kém chư thần.

Ngày Trùng cửu, sấm vang to (lại ngày Tân Mùi).

Quận Thành bắt được giặc là Nguyễn Tình và Cao Văn Dụng, giết đi. Nguyễn Tình người Hải Dương, ngụy xưng niên hiệu Chính Thuận; Cao Văn Dụng người Sơn Tây, ngụy xưng niên hiệu Cảnh Nguyên, đều ngầm mưu làm việc trái phép. Quận Thành đi đánh bắt được, đem chém, bá cáo các trấn.

Ngày 23, giặc Tú Bích đến đánh cướp huyện Thanh Lâm, Trấn thủ Hải Dương dẹp yên. Tú Bích xâm phạm

---

[1]. Văn thừa tướng: 文 承 相 tức Văn Thiên Tường, người đời nhà Tống.

[2]. Tô trung lang: 蘇 郎 中 tức Tô Vũ đời Hán Vũ đế đi sứ sang Hung Nô, bị giam cầm 19 năm, sau mới trở về.

huyện Thanh Lâm, quản phủ Nam Sách đi đánh, bị thua, chạy. Trấn thủ Hải Dương đến cứu. Lại tư trấn Kinh Bắc đóng giữ ở Phao Sơn, Hà Liễu, lại lấy 200 lính của Vệ Đình và Nguyễn Hiển đồn Ha Hộ cùng với 300 quân của phụ đạo Quản Chiếu, đóng giữ Trụ Hựu. Tú Bích trốn vào Tam tổng, quan quân đánh khép lại. Bích cởi bỏ áo, chạy thoát. Dư đảng trốn vào núi Huyền Đinh, Linh Sơn. Quân hai trấn rút về bản trấn.

Cho Nguyễn Ngọc Lân, Phan Văn Toàn làm Khâm thiên giám chánh, phó. Hà Văn Trinh trở xuống 12 người làm Chiêm hậu quan.

Năm ấy, tế thần các cửa biển. Chiếu hằng năm tháng Mạnh xuân, các doanh trấn chọn ngày tốt, sửa lễ tam sinh tế thần các cửa biển. Từ đô thành đến Quảng Yên cộng 15 cửa biển (xem tập *Tuyển thắng*).

Bính Dần năm thứ 5 (1806),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 11.

Mùa xuân, tháng giêng, sớm mồng 1, gió, mưa, rét lắm.

Tháng 2, chiếu: Những tiền lính vay nợ, không được bắt dân xã trả. Bấy giờ việc thổ mộc nhiều, binh đinh sưu dịch những phí, tùng thiếu phải vay tiền. Nhưng riêng các doanh đều cho lính vay lấy lãi. Lính không trả nợ được, trút tội cho dân xã. Do đấy có dân đến phải xiêu tán. Cho nên có tờ chiếu này.

Tháng 3, dựng đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc. Đàn Nam Giao ở xã Dương Xuân, cửa nam đô thành, tế chung thiên thần, địa kỳ, đem thần vị Thái tổ tế phối hưởng. Lại đặt 8 đàn phụ: Tả nhất: đàn Anh Minh; hữu nhất: đàn Dạ Minh, tả nhị: Chu

Thiên tinh tú; hữu nhị: Sơn, Hải, Xuyên, Trạch; tả tam: Vân, Vũ, Phong Lôi; hữu tam: Khưu, Lăng, Phần diễn; tả tứ: Thái tuế, Nguyệt tướng; hữu tứ: Thiên hạ thần kỳ.

Đàn Xã tế Thổ thần, lấy thần Câu Long phối hưởng. Đàn Tắc tế thần Thóc, lấy Hậu tắc phối. Hai đàn Xã, Tắc cùng một nền, ở cửa tây đô thành. Theo phép đời xưa, dùng đất năm sắc đắp nền. Về sau, các trấn đều lập đàn Xã Tắc, tế vào ngày Mậu đầu tiên trong tháng 2 và tháng 8. Các ngày tế Nam Giao, Xã Tắc đều có nhật kỳ cấm giới.

Quận công Thành ra lệnh cho các xã đều đặt hương hào. Bãi tuần tổng mà đặt hương hào, đều dùng người bản thổ để làm, vì cho rằng họ biết rõ những trộm cướp và hiểu dân tình ngay, gian (xem thêm tháng 7).

Ngày 20, trấn Kinh Bắc mưa cát vàng.

Cho Quận Thành lập quân tiền hô, Vệ binh cầm nghi trượng, chọn lấy những người đủ tiên chuẩn to lớn, đẫy đà, sức vóc khỏe mạnh, cao 3 thước 7 tấc, đều cho đội mũ đầu hổ, mặc áo bào gấm, đi ủng đen gọi là "quân tiền hô". Mỗi khi [Quận Thành] ra thành, thì cho hét ba tiếng; người đi phải cho tránh ra, người ngồi phải đứng dậy. Bấy giờ trong số Chưởng ngũ quân, Bình tây, Đại tướng, duy có ông Duyệt và ông Thành được cao quý hơn cả, Bắc Thành gọi Quận Thành là "Chúa trấn".

Mùa hạ, tháng 4, Bắc Thành có lệ khí.

Bà đồng Cầu Dót hay mượn chuyện thần quái làm mê hoặc dân chúng. Quận Thành ra lệnh nghiêm cấm đồng cốt.

Tháng 5, ngày 2, Thế tổ lên ngôi Hoàng đế ở đô thành. Đại xá [các tội phạm], cho trong năm ấy giảm 5 phần 10 điền tô và thuế thân dung, giảm 4 phần 10 thuế biệt nạp thổ sản.

Tháng ấy, ngày 7, tế Trời, Đất; ngày 9, cáo thái miếu; ngày 12, lên ngôi. Ngày ấy, các quan Bắc Thành vọng bái đúng như nghi lễ. Truy tôn Vũ vương, Định vương, Khang vương; chưa bao lâu lại truy tôn làm đế, hậu.

Bắc Thành đại hạn và có sâu cắn lúa. Quận Thành sai quan đến cầu đảo đền Sĩ Vương, được mưa.

Tháng 6, sách phong hoàng hậu Tống thị. Hậu sinh ra cố Thái tử Anh Duệ[1]. Thái tử sinh ra Ứng Hòa công Mỹ Đường và Thái Bình công Mỹ Thùy. Đệ nhị cung Ngọc Đang sinh Phúc Đởm[2], Phúc Đài và Thiệu Hóa công (năm Kỷ Mùi). Đệ tam cung Ngọc Bình sinh Quảng Uy công (con thứ 12), Thường Tín công (thứ 14). Quận Duyệt thường nói về việc làm con kế vị ấy. Vua dẫn chuyện Ngụy Báo[3], Bạc Cơ[4] để giải đáp nghi vấn. Lại có Ninh Viễn công, Điện Bàn công và Phúc Lộc công đều là tước công, được mở phủ, đặt nhà học (phủ hoàng tử trên nóc đặt quả bầu, phủ hoàng nữ trên nóc đặt hoa sen).

Mùa thu, tháng 7 (đêm mồng 7), Hải Dương và Sơn Nam vỡ đê, nước tràn vào các huyện Văn Giang, Gia Lâm và Đông An (Yên).

---

[1]. Tức Hoàng tử Cảnh.

[2]. Tên của Minh Mệnh.

[3]. Ngụy Báo: Người cuối đời Tần, khi nhà Ngụy mất, Ngụy Báo chạy ra nước ngoài. Sau Sở Hàn vương lấy được Ngụy, cho Ngụy Báo làm Ngụy Vương. Sau này Ngụy Báo chạy về với nhà Hán, rồi lại phản nhà Hán, Hàn Tiên đánh bắt được Báo. Hàn vương cho Báo làm Thái thú, bị quân Sở vây rồi Báo bị giết.

[4]. Bạc Cơ: khi Ngụy Báo được lập làm Ngụy Vương, mẹ Bạc Cơ là Ngụy Áo đưa vào Nội cung nhà Ngụy. Ngụy Báo bị bắt, Bạc Cơ lại được vào Nội cung nhà Hán. Hán Cao tổ triệu Bạc Cơ vào châu, sinh ra Hán Văn đế. Văn đế lên ngôi, Bạc Cơ được phong Đại Thái hậu, sau tôn là Hoàng Thái hậu.

Quận Thành bắt được ngụy Hải Bích, giết đi. Sư Hải Bích ở chùa An Lạc, đem câu sấm Hoàng Giang làm mê hoặc mọi người, lập cậu bé Chiêu Đài, gọi là Bạch Xỉ chân nhân, lấy Trung Thự làm chủ súy, ngầm làm loạn. Việc bị phát giác, Hải Dương Cường vũ hầu cùng doanh phủ Kinh Môn bắt giải đến Bắc Thành đem chém đi.

Người xã Đông Quất, huyện Hiệp Sơn là Nguyễn Trọng Phan cùng bọn đồ Hốt, đồ Quý thờ Nguyễn Trọng Tông xã Địa Linh làm thầy, thường có những việc xảy ra ở Yên Phụ và Hoàng Thành; đến bấy giờ quy phụ sư Hải Bích. Quan quân bắt được, Phan làm tờ biểu trần tình và khúc văn ca để tự thú. Quận Thành tha tội cho.

Quận Thành bãi chức hương hào, đặt chánh phó trưởng tổng (chánh tổng kiểm sát gian phỉ, phó tổng đốc thúc việc điền, lương, thuế).

Mùa đông, tháng 11 (ngày 24), vua triệu Quận Thành vào chầu. Cho Phó tướng Long Vân hầu Nguyễn Tiến Bảo tạm làm Tổng trấn Bắc thành.

Cho Lê Quý Hằng, Tri phủ Lạng Giang. Hằng là em Bảng nhãn Lê Quý Đôn. Khoảng giữa niên hiệu Cảnh Hưng, dỗ Hương tiến, thường làm sách *Độc sử biện nghi*, vài trăm điều. Đến bấy giờ vào bái yết vua, được bổ Tri phủ. Hằng thường bảo Tây Đường rằng: "Dân khổ, chỉ vì binh đao, điền thuế. Bọn ta không hay khoan dung cho dân được một phần, thì nên xét xử các việc kiện cáo, khiến cho ngay, công được phân minh; lúc về nhà, dân không nói gì được nữa, cũng không mất tiếng là người quan lại tốt".

Đinh Mão năm thứ 6 (1807),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 12.

Mùa xuân, tháng 2, Đốc học Kinh Bắc là Lê Huy Trâm chết. Cho Trần Bá Lãm xã Vân Canh thay thế.

Ngày 11, chiếu: Lại đặt phép khoa cử, Đốc học. Trợ giáo các trấn lấy học quy mới khảo duyệt sĩ nhân.

Tháng 3, ngày mồng 5, chiếu: Các trấn Bắc thành đổi bổ sổ đinh thường hành. Tờ chiếu đại lược rằng: "Tiên triều ta lập ra pháp chế, cốt cho dân nhân đều có danh ngạch; đến tuổi thì đăng bạ, già yếu thì thải loại, là để phân biệt làng đông người, làng ít người và để phú dịch được công bằng. Các đời vẫn noi theo hơn 200 năm. Nay bản đồ thống nhất, Nam Bắc đồng văn. Từ Quảng Bình trở vào đều đã làm theo phép cũ. Duy Nghệ An trở ra, còn theo lệ thường hành (xem thêm năm Đinh Tỵ), sinh thêm không tính, chết đi không trừ, gắn chắc cố định, làng nào nhẹ thì vẫn nhẹ, làng nào nặng thì vẫn nặng, thậm chí có làng riêng chịu nặng quá, dẫn đến xiêu tán. Vậy bây giờ chính là lúc nên một phen sửa lại. Sở tại phải căn cứ vào nhân khẩu trong xã từ chức sắc đến quân và dân đều biên vào sổ đinh để rõ nhân số.

1) Về chức sắc văn giai, võ giai: Võ giai từ công, hầu, bá, tử, nam đến các chức vị nhập lưu đã được khâm ban sắc, thị, chiếu văn và đã có công đồng truyền làm thêm chức gì, hoặc làm hạng nhiêu, thì đều chiếu theo thứ tự liệt làm hạng "ngoại tiêu sai"[1].

2) Văn võ quan trong chánh giai và tản giai: từ tòng thất phẩm trở lên thì cho các con được làm quan viên, liệt vào hạng "ngoại tiêu sai".

---

[1]. Ngoại tiêu sai: 外銷差 xem mục "Tham bổ" ở dưới.

3) Quan chức nhà Lê cũ, văn võ ban từ tòng lục phẩm trở lên, và khoa mục Tiến sĩ, Hương cống, không làm ngụy quan, đều được kế tiếp liệt vào hạng "ngoại tiêu sai". Còn văn thuộc, võ thuộc, lại thuộc, Tư thiên, Thái y và các chức tạp lưu không phải chánh ban, đều liệt vào hạng dân thứ.

4) Những quan văn võ triều Lê cũ, từ tòng tam phẩm trở lên, hiện có con mà cha em đều không làm ngụy quan cũng cho con ấy được kế tiếp liệt vào hạng "ngoại tiêu sai". Nếu không phải là người chánh ban thì cho vào hạng dân thứ.

5) Quân sĩ nên liệt vào hạng lính ngoại tiêu sai

6) Những người nào nhận văn sai[1] các nha làm chức gì, đều nên chua vắt vai, liệt làm hạng "biệt tính"[2].

7) Đinh khẩu từ 18 tuổi trở lên, 59 tuổi trở xuống, đều nên chua rõ họ, tên và tuổi biên vào sổ đinh.

8) Gia cư hay ngụ cư ở địa phận xã, thôn, phường, trang, trại, vạn, sách sở nào nên cho theo đúng địa phận đang ở mà biên vào thực bạ".

Tham bổ: Hạng "ngoại tiêu sai" là những người được miễn sưu lính và thuế thân tiền đầu quan, gạo cước và tiền điệu. Hạng "biệt tính" là những người được miễn một nửa [các khoản nói trên].

Ngày 15, giặc cướp giết quản phủ Lạng Giang. Bấy giờ Lạng Giang nhiều giặc cướp. Quản phủ đi tuần đêm, chúng phục binh giết chết. Ngụy Thiên Cẩu ở xã La Phù kiệt hiệt hơn cả. Thiên Cẩu cùng với Bắc Súy và Tú Bích ngày đêm hoành hành, không kiêng sợ gì.

---

[1]. Văn sai: 文 差như văn bằng.

[2]. Biệt tính: 別 併xem mục "Tham bổ" ở dưới.

Quận Thành từ Kinh về Bắc thành.

Hiệp trấn Kinh Bắc được miễn chức. Cho Văn Huỳnh thay thế. Hiệp trấn cũ lên ung ở lưng, xin từ chức, cho nên được miễn chức. Huỳnh là người Thuận Hóa, lúc dưới triều ngụy Tây làm Đề lại, sau ra thú, vì liệu việc thường đứng vào hàng ưu, được cấp làm văn hàn; chưa bao lâu quyền Hiệp trấn Lạng Sơn, đến bấy giờ thăng Hiệp trấn Kinh Bắc.

Quận Thành định đặt lệ thuế da trâu. Mỗi năm, mỗi xã lớn nộp 3 tấm da trâu, xã vừa 2 tấm, xã nhỏ 1 tấm.

Tháng 4, Trấn thủ Kinh Bắc là Ngữ Luận hầu bắt được giặc Ngụy Thiên Cẩu ở xã La Phù giết đi. Trước kia, La Phù xưng hiệu Thiên Cẩu tụ đảng ở Sơn Tây, cướp bóc địa phương La Mỗ, Sơn Lộ. Chánh vệ Sơn Tây đi đánh bị thua. Ngày 8 tháng ấy, Tuần tổng xã Hồi Bão là Đặng Chiểu, dụ Thiên Cẩu vào núi Mông Sơn cùng đi săn, nhân mật báo quan Bắc Trấn vây bắt. Ngày 9, Thiên Cẩu cùng Chiểu uống rượu, đánh bạc, chợt nghe có tiếng nhạc ngựa, cho người đi dò xem thì ra binh trấn đã họp cả các vùng xung quanh rồi. Cẩu tuốt gươm chực chém Chiểu. Chiểu lội qua ao, chạy thoát. Cẩu đốt làng Hồi Bão, đánh loạn xạ với lính trấn, giết được một viên đội Túc uy, sĩ tốt phần nhiều bị thương. Trấn quan bắt được Cẩu ở trước trận, đem chém đi.

Chuẩn giảm tô thuế năm ấy cho Bắc Thành. Vì việc làm sổ đinh, cho giảm tô ruộng 2 phần 10, thuế thổ sản 4 phần 10.

Tháng 6, ngày 4, Quận Thành bắt được ngụy Bắc Súy làng Bình Ngô giết đi. Bắc Súy vốn cùng Tú Bích bất hòa, ngầm đến ở làng Vương Xá. Con tuần Hân mưu đánh úp, bèn cho em gái vào làm tỳ thiếp của Bắc Súy. Chưa bao lâu, Bắc Súy phải bệnh "bạch thiệt". Con tuần Hân phi báo đội Chu Mã đến vây,

bắt được Bắc Súy, giải đến Bắc Thành. Bắc Súy chửi vua quan mãi không thôi. Bèn cho voi giày, bêu đầu.

Ngày 15, Hàn lâm cung phụng sứ triều Lê trước là Nguyễn Như Hán chết. Hán là người xã Hội Xuyên, huyện Gia Lộc, đỗ Hương tiến[1], đầu đời Cảnh Hưng (1740-1786) làm Hàn lâm cung phụng sứ, đời Chiêu Thống (1783-1789) làm Đề lĩnh. Đến lúc quốc biến, làm trương huyện; nhiều lần dấy binh ứng nghĩa không thành công. Ở nhà dạy học, học trò đến hơn 400 người. Năm ấy vua cho triệu làm Khảo viện quan, Hán cáo ốm, không đi. Chợt một hôm, bảo người nhà may áo mới, làm văn tế tự thuật rằng: "Khoa mục thì Quốc tử Giám sinh, làm quan thì Nội hàm cung phụng, thủ tiết lúc lịch triều thay đổi. Thực có thể gọi là bậc hoàn nhân". Rồi đề minh tinh, tự hiệu là Hoàn tiết tiên sinh. Hán không ốm mà chết, thọ 63 tuổi, nay làm Phúc thần làng Đình Bảng. Con cháu nối đời làm hào trưởng.

Có thần giáng ở Châu Cầu trấn Sơn Nam. Trước đây, Trấn thủ Sơn Nam đẵn cây gạo ở trước miếu Cô nàng, cư dân bị dịch chết nhiều. Trấn thủ bèn đặt đàn cầu đảo. Chợt có tên trà đồng nhảy ra trước đàn, tự xưng là Cô nàng, gọi Trấn thủ trách mắng. Trấn thủ từ tạ, trà đồng cầm bút ngâm thơ, phú hơn 10 bài, lời và điệu đều đẹp. Người ta đua nhau truyền tụng. Trấn thủ làm lại miếu ấy.

Tham bổ: Bài phú như sau:

Phiên âm:

Cảnh tinh xản xán, cam vũ phân phân,

Cửu thập thiều quang xuân viện vũ.

---

[1]. Hương tiến tức là Cử nhân sau này.

Tam thiên thế giới tuyệt hoàn trần.

Điêu đẩu[1] tinh tinh, xao động Châu Giang chi nguyệt;

Hương yên đảo đảo, phi khai Tượng lĩnh chi vân.

Thiên lý quan sơn du tử, nhất chu thi tửu tao nhân.

Ngũ đẩu trần hoàng túc đôi thành, tiếu sát lung trung đa thiểu khách;

Bách thiên tuyết, bạch vân truy xuất, quản thương vật ngoại thị phi thân.

Hà xứ Long Hồ độ cảnh, ngẫu nhiên Đông phố vấn tân.

Nhất diệp chu, minh nguyệt chiếu nhân, tỉnh khước dị mê chi huyễn cảnh.

Thiên hoa bút, hàn giang lạc đẩu, ngâm tàn bất lão chi giai xuân.

Đàm tiếu phong sinh, tọa thượng phất hồng trần vạn hộc.

Cát hung băng phán, mộng trung phân hắc thổ thập phần.

Tôn tiền hữu tửu năng lưu khách.

Đăng hạ vô thi khả thoại thần.

Hà nhân vấn cập Giang Đông,

Mễ giá trọng thanh tiền chi tuyển;

Từ nhĩ lạc đàm lãng uyển[2], mặc lệ huy bạch bích chi văn.

Trần vĩ phi nhi ngọc án yên hồi, hạc giá loan xa bức tấu;

Kình thanh hưởng nhi kim môn hoa điểm, long lâu phượng trướng tân phân.

---

[1]. Điêu đẩu: 銚斗 Đồ bằng kim loại to như cái đấu dùng trong quân lính, ban ngày để thổi cơm, ban đêm gõ làm hiệu lệnh cầm canh.

[2]. Lạc uyển: 樂苑vườn rộng lớn, chỉ cảnh tiên bao la.

Ngọc dát vân gian chi quan lý, châu thùy phong ngoại chi tấn thân.

Nhân gian thiên thượng nhất ban, tự cổ công hầu đô thị mộng.

Hải giác thiên nhai vạn lý, như kim phú quý kỷ thành nhân.

v.v...

Dịch nghĩa:

Sao to ngời sáng, mưa ngọt êm đềm.

Chín chục thiền quang xuân viện vũ

Ba ngàn thế giới cách trần gian.

Keng keng tiếng kẻng, gõ động mặt trăng Châu Giang;

Ngào ngạt khói thơm, hé mở đám mây Tượng Lĩnh.

Ngàn dặm quan san du tử, một thuyền thi tửu tao nhân.

Năm đấu bụi, thóc vàng so đống, buồn cười nhiều ít kẻ trong lồng.

Trăm bài tuyết, mây trắng đùn ra, thương thay phải trái thân ngoài cõi.

Chỗ nào sang bến Long Hồ, ngẫu nhiên hỏi đò Đông Phố.

Thuyền một lá, trăng sáng soi chung, đánh thức người mê trong ảo cảnh;

Bút nghìn hoa, sông hàn sao lạc, ngâm tàn bất lão buổi thanh xuân.

Cười nói gió xuân, trên chỗ ngồi quét bụi hồng muôn hộc.

Cát hung vắng rã, trong giấc mộng chia đất đen mười phần.

Chén đầy còn rượu hay lưu khách, đèn sáng không thơ chỉ nói thần.

Giang Đông ai hỏi đến, giá gạo đắt mấy thành tiền;

Lãng uyển tự vui cười, nét chữ quý hơn bạch bích.

Phất trần vẩy mà án ngọc khói bay, giá phượng xe loan xum họp;

Chày kình khua mà cửa vàng hoa rụng, lầu rồng trướng hạc trang hoàng.

Ngọc cài đai mũ trên mây,

Châu trĩu dải đai trước gió.

Nhân gian thiên thượng một loài, tự cổ công hầu đều giấc mộng.

Góc biển chân trời vạn dặm, ngày nay phú quý mấy người nhân!

v.v...

Mùa thu, tháng 8 (ngày 30), sao Chổi mọc phương tây, chân sao chỉ phía đông nam; đến giữa tháng 9 mới lặn.

Mùa đông, tháng 10 (ngày 12), ngày Canh Thìn. Mở 6 trường thi Hương: Thừa Thiên, Nghệ An, Hải Dương, Sơn Nam, Hoài Đức, Kinh Bắc. Mỗi trấn một trường đều 4 cửa. Các trấn ngoài, các thí sinh tiện đâu xin phụ thí đó, quy thức điều lệ thì dựa phép thi triều Lê mà thêm bớt. Xướng danh phúc hạch rồi mới treo bảng. Sau một ngày, quan trường vâng mệnh ban cho Hương cống mới mỗi người một mũ Tú tài, một khăn lưới, một áo giao lĩnh, một áo khách, một cái xiêm, một đôi hia và một đôi tất. Sau 2 ngày, quan trấn bày hương án ngự tọa ở trước sân hoàng cung bản trấn, làm rạp để ban yến. Rồi Đề điệu, Giám thí và Giám khảo về Kinh phục mệnh. Làm danh sách tâu lên, mỗi trường 3 bản, khai rõ tên các người đỗ, nộp bộ Lễ xin Chỉ đóng ấn thu lưu. Bộ Lễ theo lệ, khâm tống về xã dân.

Những người dự trúng tứ trường, tam trường, cho liệt vào hạng ngoại tiêu sai; những người trúng nhị trường, nhất trường, cho miễn sưu dịch: 6 năm hoặc 3 năm.

Hương cống khoa ấy: Thanh Hóa 2

Nghệ An 19

Hải Dương 5, thủ khoa Tạ Xá.

Sơn Nam 20, thủ khoa người Hội Triều.

Sơn Tây 20, thủ khoa là Bá Kiên.

Kinh Bắc 7, thủ khoa là Huy Trạc.

Tổng cộng 73 người.

Học trò vào trường thi, đều cho đeo hầu bao, mặc áo thâm, khăn nhiễu thấm, quần vải hoặc lụa, đen trắng tùy dùng. Những người có tang từ 1 năm trở lên, đều không được đi thi.

Sơn Nam ngụy Xiển Văn làm loạn. Tổng Trung, người Chân Định, nhà giàu, phò lập Trịnh Vân, con Đoan Nam vương Trịnh Tông, mời Tiến sĩ Thanh Nê làm quân sư. Dực tường hầu thống lĩnh thủy sư, ngầm kết đảng năm Đinh Tỵ với Thiên địa hội và các hào mục Kiến Xương, Nghĩa Hưng, Thiên Trường, đánh phá các phủ huyện, ngụy xưng là Xiển Văn đạo. Bởi thế, từ Quần Anh, Hoa Trường, Thanh Lan, Đông Hồ về Bắc, Đường Hào, Trang Liệt về Nam, đường xá bị nghẽn. Phó tướng Long Vân hầu[1] đi đánh, bị giặc vây. Quận Thành vừa đến thì giải vây được. Giặc lui giữ cửa biển Ninh Cường. Triều đình phát quân, lược định các phủ, thu lấy gia súc tài sản của giặc. Trấn thủ Sơn Nam bị cách chức.

---

[1]. Tước phong của Nguyễn Tiến Bảo.

Cung tỳ Lê Thị Trúc can tội trá mạo dấu Chu tỷ[1], phải xử tử. Thị Trúc là người huyện Đông Ngàn, vợ Chánh vệ, tuổi đã 40, vào hầu phủ cung Phù Ninh. Đến đây, trá mạo sắc lệnh cho họ ngoại vua, nói phụng chỉ sửa nhà thờ Phù Ninh, đi lấy tiền kho các trấn. Hành nghi và kẻ hầu hạ rất sang. Trước qua Thanh Hoa lấy của công 20 quan tiền, lại ra Bắc Thành bức Hộ tào lấy 8.000 quan tiền, gặp việc đầy tớ Thị Trúc mua ép ở chợ Cửa Đông, bị người trong chợ tố cáo, có người ấp Phù Ninh làm chứng việc giả mạo. Phó thống đồn đem việc bẩm lên. Quận Thành giam lại, tra hỏi, nó xưng ra Thị Trúc, đem giấy có đóng dấu Chu tỷ ra nghiệm thực. Khâm đệ tấu trạng vào Kinh, xét ra Thị Trúc quả là trá mạo, phải tội voi giày.

Tháng 12, Bắc Thành đại hạn.

Khắc sách *Đại học diễn nghĩa*.

Mậu Thìn năm thứ 7 (1808), Thanh, Gia Khánh năm thứ 13.

Mùa xuân, tháng giêng, Bắc Thành chợ lớn bị cháy.

Định phép thay phiên đi thú ở các trấn, hạn là 6 năm.

Tháng 2, ngày 18, Quận Thành đặt đàn chẩn tế ở Bắc Thành. Lại làm miếu hội đồng ở núi Sư Sơn, huyện Vĩnh Thuận (tế vào ngày Thượng mậu tháng 2).

Tri huyện Nghi Dương vì thiếu thuế, bị giam. Y là người làng Thịnh Liệt, văn thuộc của Quận Thành, đỗ Hương cống, được bổ Tri huyện. Đến đây huyện hạt thiếu thuế, Nhà nước phải giam ở Hộ tào, bị lính bộ Lại cùm sát chân (xem thêm năm Nhâm Tý). Y vịnh thơ nhạo rằng:

---

[1]. Chu tỷ: 朱璽 ấn ngọc của vua đóng dấu son gọi là Chu tỷ.

Người xưa than gẫy lưng (Đào Tiềm),
Nay ta bị đau cẳng.
Gãy lưng chỉ vì gạo,
Đau cẳng cũng vì thóc.
Lớn nhỏ đều vương thần,
Ai vinh mà ai nhục.

Lại có thơ rằng:

Ngày xưa ngồi trường thí,
Ngày nay ngồi trường lương.
Trường thí hiềm ngày ngắn,
Trường lương khố ngày dài.
(Sau được đổi đi Nam Sách).

Tháng 3, ngày Đinh Mùi (ngày 11), giờ Dậu, Sơn Nam, Kinh Bắc cùng ngày ấy, đều động đất.

Ngày 16, ngụy Xiển Văn đánh phá Hải Dương. Quân Thiên địa hội từ Quần Anh vào Cổ Dũng. Trấn thủ Hải Dương chống giặc ở Chí Linh, bị thua, lui giữ làng Lực Đáp, huyện Thanh Lâm. Giặc vào làng Bình Độ, huyện Thanh Hà. Quan trấn Kinh Bắc đóng quân ở chùa Sùng Nghiêm để chống giặc. Giặc bèn vào làng Vô Song. Trấn thủ Sơn Nam dẫn đầu hào mục là phủ Bình và Ba Trang, đem đinh phu đến đánh, bị giặc đuổi, chạy về giữ Nguyễn Xá. Giặc lại lấy được Đông Hồ. Bởi thế, địa phận Hà Đồng và Gia Hộ đều là cõi giặc.

Công ngư Lê Văn Vát theo giặc (xem năm Ất Sửu). Quan quân lùng bắt được, đem giết đi.

Bấy giờ hào mục bốn phương họp quân, mua ngựa, tạo cờ bằng những điềm sao Chổi và động đất, người xưng phò vua

Lê, kẻ xưng tôn chúa Trịnh, ai cũng cho mình là đắc sách. Bắc Thành ra lệnh giới nghiêm. Chợ phố bất thần kinh hoàng tan vỡ. Bởi thế, những bọn giặc nhỏ nhân cơ hội bắt cóc người để lấy của, hoặc đào mộ lấy hài cốt để đòi chuộc, ngày tán, đêm tụ, phủ huyện không thể chế ngự được.

Văn thuộc làng Nguyệt Áng cho rằng vận loạn chưa yên, làm bài "Điểm mê khúc"[1]. Quận Thành cho đem bài ấy bá cáo các trấn. Có người hiếu sự lại làm bài "Đề tỉnh khúc"[2] để đáp lại.

Sơn Tây, Kinh Bắc, Thanh Hóa có nhiều đám giặc nổi dậy. Trương Đài (con rể Quận Thạc), người làng Giao Cốc, Sơn Tây dấy quân ở Lâm Thao.

Tuần Đông, Tuần Tây, người huyện Đan Phượng dấy quân ở huyện Tam Dương.

Thanh Hoa phiên thần là Lang Trinh, Lang Hồ, nguyên là họ Đinh (xem thêm năm Đinh Hợi) giữ đất Sơn Âm vùng Mường, tích trữ tiền, thóc, nhân đổi họ là Quách.

Người Kinh Bắc là Triều Thạch, Tuần Xích dấy quân ở Trú Hựu.

Người Lại Khê là Tổng Trại dấy quân ở Lục Ngạn.

Lý Hồng, Lý Thao dấy quân ở Đình Bảng, hợp quân với Tú Bích, Đinh Tập ngụy xưng là Thuận đức, chia quân đóng đồn ở rừng ngang (Hoành Lâm), chiếm cứ các huyện Mỹ Lương, Chương Đức và Lạc Thổ. Tán lý Thường cử cháu là

[1,2]. Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập, quyển 21, tờ 28a-b, thì bài "Điểm mê khúc" là do Nguyễn Văn Thành sai Trần Hựu làm, và bài đáp lại của nhân dân là "Tố khuất khúc", nội dung tố cáo quan lại đương thời tham nhũng, nên có nhiều cuộc nổi dậy chống lại.

Trương Sầm đi đánh giặc. Sầm lại cùng giặc liên hòa. Thường xin đi đánh Sầm, bắt được Sầm, giam vào ngục, rồi xử tử tại chợ.

Tham bổ: Trương Vát và Trương Sầm đều giam, đến năm Canh Ngọ (1810) mới chém.

Mùa hạ, tháng 4 (ngày mồng 4). Ngụy Xiển Văn đánh cướp phủ Thái Bình, vào đồn Kỷ. Trấn thủ Sơn Nam và quan thống đồn đem voi đến đánh. Giặc lui giữ cửa biển Quỳnh, sau hết lương thực tan rã.

Ngày 21, ngụy thống lĩnh Thanh đánh cướp phủ Thuận An. Phó tướng Long Vân hầu dẹp yên. Thanh, người huyện Thanh Lâm, tự xưng Trung quân thống lĩnh cùng Thủ Lệnh xã Phương Độ, Tiền Tri xã Vạn Tư, Tuần Quế xã Cổ Bi, Tú Thước ở Sơn Tây và Suất Vi xã Trà Lâm và Tổng Liêm xã Bình Ngô đều dấy quân.

Ngày 22 tháng ấy, đến đánh phá đồn Phương Khai, phủ Thuận An, đốt phố ngoài thành. Đồn trưởng đóng cửa, chống giữ. Giặc không vào được, bèn lui giữ xã Trà Lâm, kiếm lương ăn.

Ngày 23, quan Bắc Thành sang sông, tiến đánh; trấn quan Kinh Bắc từ Đông Hồ tiến đánh, cùng giặc đánh nhau to ở Thanh Hoài, Yên Việt. Giặc lui giữ huyện Thanh Lâm.

Ngày 26, giặc lại đến đóng đồn từ Quảng Thị, Đại Bái đến Tam Á, Khương Tự, đưa giấy các huyện đòi tiền và gạo.

Ngày 29, phó tướng sang sông, tiến đánh, trấn quan Kinh Bắc từ Thụ Triền tiến quân đánh nhau to với giặc ở xã Bảo Khám, Đông Khôi, An Định, Bình Ngô phóng hỏa đốt nhà, giết người, khói lửa mù trời, 2 voi của đội Túc Uy bị thương nặng, chết. Quan quân đuổi theo đến xã Văn Thai (huyện Cẩm Giàng). Bọn giặc theo đường Nhân Chi, Kiếp

Bạc giải tán. Ngụy Thanh và Thủ Lệnh đến hàng, dâng 2 cái mộc, 1 con ngựa. Quản phủ Thuận An vì có công, được thăng Đô úy.

Bấy giờ chiến trường ở huyện Gia Bình, dân phần nhiều tan trốn. Quan Bắc Trấn tuần hành chiêu an, khiến dân trở về an cư làm nghề cũ. Lại cho giảm 3 phần 10 điền tô và thuế điệu vụ hạ năm ấy.

Tháng 5, sinh cháu vua.

Tháng 6, Đốc học Kinh Bắc Trần Bá Lãm vì có tang cha, xin miễn chức. Vua cho: Nguyễn Huy Lý xã Mỗ Đoàn thay làm Đốc học, phong Lý tri bá; Lý Trần Tấn làm trợ giáo, phong Tấn ngọc nam.

Cha Bá Lãm đỗ Hương cống giữa niên hiệu Cảnh Hưng, thi Hội 3 khoa không đỗ, thường bảo con rằng: Cây xuân ấy, ta đã lay mãi rồi, con hãy gắng sức vì ta mà nhổ bật nó lên! Sau Lãm quả đỗ Chế khoa đời Chiêu Thống. Cha ngoài 70 tuổi, chết.

Con Bá Lãm là Bá Kiên đỗ Giải nguyên trường Sơn Tây, làm Đốc học trợ giáo Kinh Bắc, kiêm các xứ Thái Nguyên, Cao Bằng. Năm Tân Mùi (1811), Tấn thăng Đốc học Sơn Nam, lấy Quang Tố thay làm trợ giáo.

Mùa đông, tháng 10, Hiệp trấn Kinh Bắc là Huy, vì lạm mất tiền kho công, bị tội xử tử. Vì nhân dân nộp khoán tiền thóc, không đúng thực số, bị Đề lĩnh tố giác, nên phải tội. Các thư lại trở xuống đều phải tội đồ đi cắt cỏ voi. Quan trấn thủ ốm chết, cũng phải xử phạt roi. Cho Thượng thư bộ Hình ở Bắc Thành thay làm Trấn thủ Kinh Bắc.

Lấy cống sĩ làm Đông đường ở các huyện. Hồi quốc sơ, các quan đông tây đường phủ huyện (xem năm Ất Sửu) phần

nhiều dùng Hương cống cũ và những người văn hàn làm chức ấy. Đến đây, mới bổ Hương cống mới làm Đông đường, đều ban cho 2 chiếc áo. Có người thực thụ, có người quyền nhiếp, mãn khóa thì thăng Tri phủ. Các chức Hiệp trấn, Tham hiệp không đủ người, bèn dùng hương cống cũ và các người văn hàn làm các chức ấy. Những văn thuộc của Quận Thành là bọn Nguyễn Quốc Bảo[1] (người xã Hồi Bão), Ngô Bá Lãng, Uông Sĩ Độ, Vũ Nghị, Phan Hoành Hải 27 người đều dự vào chức ấy.

Kho thành Thái Nguyên bị cháy to.

Tham bổ: Lại có tài tử Nguyễn Hung là con Hương cống Thuần xã Liễu Xuyên, được Quận Thành yêu thương, năm 23 tuổi chết. Cống Thuyên có thơ viếng:

Nguyên văn chữ Hán:

樓望枌榆千里地

義分桃李一門情

Phiên âm:

Lâu vọng phần du thiên lý địa

Nghĩa phân đào lý nhất môn trình.

Nghĩa là:

Nghìn dặm phần du đương ngóng đợi

Một vườn đào lý vội chia lìa.

Kỷ Tỵ năm thứ 8 (1809),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 14.

Mùa xuân, tháng giêng. Hiệp trấn Kinh Bắc dụ Tú Bích

---

[1]. Nguyên thư in là Nguyễn Quốc Thực.

quy hàng. Trước bắt được vợ rồi dụ hàng. Bích yết kiến Quận Thành, Quận Thành muốn cho Bích làm quan. Bích không nhận, xin cho 2.000 nghĩa binh làm tiên phong, đi đánh đảng ngụy là Triều Thạch và Tổng Trại. Các giặc nhiều đám quy hàng.

Chiếu cho thuế thổ sản biệt nạp chia làm 2 kỳ 3 hạn. Thu kỳ tháng 7 bắt đầu thu, Xuân kỳ tháng 2 bắt đầu thu, đều cho cử bầu viên Tri thu (xem phần dưới).

Tháng 2, đô thành ở Kinh đô bị lở.

Tháng 3, Quận công Thành vì có tang mẹ, xin miễn chức. Văn võ ban cư tang, chỉ cho nghỉ 3 tháng rồi lại ra làm việc.

Mùa thu, tháng 7. Bắc Thành đại hạn. Sai quan đi khám những ruộng bị tiêu khô, cho giảm 5 phần 10 điền tô.

Tháng 8, ngày 17, giờ Dậu. Trống trời (sấm) kêu ở phía tây bắc.

Tháng 9, ngày mồng 5, bão to. Biển Đông dâng sóng, đê vỡ, nước mặn tràn vào các huyện Tiên Minh, Nghi Dương (Hải Dương), Thụy Anh, Thanh Quan (Sơn Nam) và các huyện Yên Quảng. Lúa bị ngập hết, hơn vài nghìn nhà bị trôi mất. Người và súc vật bị hại nhiều. Bắc Thành tải thóc đến phát chẩn.

Mùa đông, tháng 10. Sai Hình bộ Tham tri Vũ Trinh sang sứ nhà Thanh, mừng vua Gia Khánh thượng thọ ngũ tuần. (Trinh đi qua núi Tướng Đài, có thơ cảm khái, chép ở năm Kỷ Mùi. Lại có tập *Sứ trình*).

Tháng 11[1], Lạng Giang dời phủ lỵ đến làng Thọ Xương.

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là 十 月 "thập nguyệt" (tháng 10)

Thuận An dời phủ lỵ đến làng Trạm Lộ[1]. Vua triệu Đặng Đình Thương và Nguyễn Trọng Tông vào chầu.

Cho Phạm Quý Thích và Trần Bá Lãm làm Đốc học chánh phó Quốc Tử giám. Quý Thích thường làm truyện *Bần gia nghĩa khuyển ký* (貧家義犬記- Về con chó có nghĩa của nhà nghèo) và truyện *Vũ trùng tranh thắng* (羽蟲争勝 - Loại lông vũ và loài trùng húc nhau) để trào phúng bọn bề tôi trong thành xu nịnh.

Năm ấy, dân Bắc Thành đói to.

Quận Duyệt dụ Lang Âm đầu hàng. Trước sai thầy dạy của Âm là Chánh đốc dụ 3 con trai, 2 con rể đến giam lại, cho nên nó hàng.

Canh Ngọ, năm thứ 9 (1810),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 15.

Mùa xuân, tháng giêng (ngày 17), giờ Thân, hung khí đầy dẫy, lúc hoàng hôn, khí trời đỏ tía soi xuống đất rất sáng, giây lát có 4 đám mây đen, 2 dài 2 ngắn, từ góc tây bắc (kiền phương) ngước thẳng lên, đầu dần dần hướng về phía tây mà tan. Từ đấy, liền mấy tháng ngày nắng, đêm sương.

Hiệp trấn Tuyên Quang Nguyễn Tụ bị miễn quan. Tụ người xã Kim Đôi, huyện Cẩm Giàng, là học trò Nguyễn Cát. Năm Kỷ Mùi theo Cát vào Nam, đầu hàng, được thu dụng, bổ làm Hiệp trấn Yên Quảng, rồi đổi đi Tuyên Quang. vì phạm pháp, phải về làm hạng dân. Chưa bao lâu, lại được triệu vào chầu, bổ làm Hiệp trấn Hưng Hóa.

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là Trạm Trai.

Bắc Thành, phía đông nam, thủy triều không đến, nước biển cạn, thường có hỏa diệm nổi lên, cá tôm chết nổi. Dân dâng con tôm hùm dài hơn 1 trượng.

Tháng 2, Bắc Thành bị đói. Tạm hoãn việc thu tô thiếu và bắt lính trốn từ năm trước.

Cấm chê chọn tiền xấu. Bấy giờ tràng tiền đúc tiền (xem năm Quý Hợi), pha lẫn chì Cam Lộ vào tiền thường sứt mẻ (xem sách *Hán sử*). Những tiền cũ từ đời Trần, đời Lê trở về sau lại bị tượng cục tiêu hủy, không còn đồng nào. Dân gian mua bán khổ về chọn tiền. Cho nên mới cấm chọn tiền, ai phạm tội ấy phạt đánh roi: dân thì 30 roi, quan thì 60 roi.

Thự Chưởng hậu quân Lê Tông Chất làm Bắc Thành Hiệp tổng trấn, gọi là Quận hiệp. Phàm văn án đều phỏng bàn, chính sự lớn trước tâu sau làm. Ngày 28 tháng ấy bàn giao việc quan xong, Chất xin đem thóc kho Bắc Thành giảm giá bán cho dân đói, mỗi hộc thóc 1 quan tiền. Nơi nào bị tiêu khô 10 phần tổn 5 thì cho giảm thuế 5 phần 10; tổn 6 thì giảm 6 phần; tổn 7 trở lên thì cho miễn cả thuế điền. Lại tâu về nạn dân xiêu tán bị đói đương cần cứu tế. Xin hoãn khoa thi Hương.

Chiếu vận tải gạo thành Gia Định ra phát chẩn cho dân đói Bắc Thành. Sai Binh bộ hữu tham quân Thiều Quang hầu phát chẩn cho các hạng người tứ cùng[1] ở các phủ huyện: mỗi suất 1 phương gạo, 1 quan tiền.

Tháng 3, ngày mồng 2, huyện Yên Lãng mưa đá.

Cho: Chỉ huy Tường làm Trấn thủ Kinh Bắc; viên Chánh hình Bắc Thành làm Hiệp trấn.

---

[1]. Tứ cùng: 四窮 là 鰥寡孤獨quan, quả, cô, độc (nguyên chú).

Quận Duyệt công xin lập Ứng Hòa công[1] làm con nối ngôi. Vua không trả lời. Bấy giờ hoàng tử sinh ra mà có tài năng, thông minh, cưỡi ngựa giỏi, bắn súng tài, vua muốn lập làm con kế tự. Quận Duyệt xin lập đích tôn là Ứng Hòa công. Vua không nghe. Quận Duyệt ở trong triều quen tính thẳng bướng, hành nghi hay giản lược, không giữ nghi lễ cấp bậc: thường đánh chết con chó của vua và giết Trấn thủ Quảng Bình và tên Triệu Tử Long. Vua cũng đối đãi bằng sự khoan dung. Duyệt lại hay yêu thương sĩ tốt. Lính thú Bắc Thành mệt nhọc phần nhiều được nghỉ ngơi, cấp thêm cho tiền và gạo. Duyệt thường nuôi 30 tên người Lạo để theo hầu; nuôi cá ở đầm ao để mua vui. Lúc rỗi, cơ đội vào rừng trải cát bủa vây, theo vết chân hổ mà lùng bắt. Khi bắt được rồi thì đeo chuông vào cổ con hổ mà thả ra, hổ không dám rông rỡ làm dữ nữa. Cho nên Gia Định gọi Duyệt là "Quận công dạy hổ". Lại nuôi gà, chó, mỗi loại đến 100 con, cho 3 người cai đội trông coi việc ấy. Khi về quê ở Yên Lãng, Duyệt thường đem theo 1 con hổ, 50 con chó. Phụ lão, phụ nữ và trẻ con đi xem tới tấp như mắc cửi.

Nước Cao Miên cầu nội phụ (vì anh em tranh nhau làm vua, đánh nhau. Quận Duyệt đến cứu, cho nên người em quy phụ).

Vua cho đem của cải cho nước Xiêm, đền đáp công ơn giúp vua phục quốc.

Sai quan nhà đồ (đồ gia) đúc thùng đồng (cao và vuông đến 5 tấc, nặng 5 cân).

Mùa đông, từ tháng 10 đến tháng 12, không mưa.

Ngày 28, Quận Hiệp Lê Tông Chất đi kinh lược Sơn Nam.

---

[1]. Ứng Hòa công: con hoàng tử Cảnh.

Bấy giờ ngụy Xiển Văn ẩn hiện ở dải núi Hoành Sơn. Tướng của Xiển Văn là Ba Siêu rất mạnh tợn, thường đón đường cướp lấy của công. Quận Hiệp đem quân Thần sách đi kinh lược. Lúc ra đi, chém bọn Lê Phát, Trương Sầm và Vệ Kỵ bêu đầu ở bãi Đồng Nhân. Lấy đinh phu các huyện Hoài An, Chương Đức, Tiên Lữ, Phù Dung (nay đổi Phù Cử) và Quỳnh Côi đẵn cây, mở núi, cho hàng thần là Đề lĩnh Thái lấy đường vào Hoành Sơn, đóng đồn từ Hà Hồi đến núi Ngũ Quả. Cho hàng thần Đề lĩnh Thái đi theo đánh giặc.

Cho Đặng Đình Hòa làm Đề lĩnh Bắc Thành.

Hòa trước cùng ngụy Tây đối trận, bị súng bắn đá gãy cánh tay. Hòa rút gươm chặt cả cánh tay đi. Vua sai tướng khác đánh thay. Khi giặc lui, vua cho đúc đồng làm cánh tay giả. Trong quân gọi là "tướng Tay đồng". Lại vì Hòa mặt đen cũng gọi là "ông Đồng đen". Hòa, là người xã Quán Châu, to béo, râu dài.

Tham bổ: Hòa, lúc bé mồ côi và nghèo, đi ở làm "anh nhỏ" bế trẻ em đặt trong miếu thần, trèo lên cây bắt chim non gửi vào miếu. Chim bay đi mất. Hòa lập tức phá miếu, trốn sang ở làng bên, làm con nuôi, được đi học.

Cho Hộ bộ Thượng thư Mẫn chính hầu Lê Quang Định làm quản lĩnh Khâm thiên giám sự vụ.

Đào sông Kim Luông, dưới sông nhiều đá to. Sai lấy củi và cỏ đốt đá thành vôi. Dựng Hải đài lên bên sông ấy.

Tân Mùi, năm thứ 10 (1811),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 16.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 14. Quận Hiệp Lê Tông Chất cùng ngụy Xiển Văn đánh nhau ở Hoa Đình phủ Ứng

Thiên, quân Quận Hiệp thắng to.

Tháng 2 nhuận, ngày mồng 1, ban sắc cho bách thần Bắc Thành. Năm trước, chiếu dân các xã Bắc Thành thờ thần có sắc cũ các đời đều khai cho thực. Rồi chia làm 3 bậc thần: thượng, trung, hạ. Thần nào có sự tích công đức thì dựa vào sắc cũ, phong tặng thêm. Đến mùa xuân năm Ất Sửu (1805) đều cho lĩnh về. Đến đây, sai bộ Lễ là Nguyễn Cát và Vũ Dĩnh định rõ đẳng cấp để gia tặng. Duy những thần thượng đẳng được ban tiền tế, rồi sai quan lĩnh phái đến các trấn chia cấp, cho phép dân xã đem nghi trượng đến rước sắc. Mỗi đền 2 bản sắc: bản chính để thờ, bản sao để tuyên đọc rồi đốt đi. Còn các thần sự tích công đức không rõ đều thôi không ban sắc nữa (xem thêm năm Mậu Thân 1848).

Quan Lễ bộ là Nguyễn Cát và Vũ Dĩnh có tội, bị hình phạt.

Đối với sắc phong bách thần, về sự tích công đức, phần nhiều Cát thêm vào bớt ra, lại xếp Quận Việp công[1] vào hạng Thượng đẳng thần. Do đấy, phải tội, bị giam vào ngục, Cát tự tử. Dĩnh tự tiện viết sắc cho ông nội làm Phúc thần xã Mộ Trạch[2], bị dân tố giác. Vua xuống chiếu cho là gạt vua nhờn thần, tội nhân trong danh giáo, xử tử, bêu đầu ở bản quán 3 ngày.

Sao Chổi mọc phương tây (đuôi chỉ đông nam).

Mùa hạ, tháng 5. Quận Hiệp đi kinh lược các trấn Bắc Thành (đóng ở núi Tam Đảo).

---

[1]. Quận Việp: tước phong của Hoàng Ngũ Phúc, hoạn quan thời chúa Trịnh Sâm, dã cầm quân vào đánh Nam Hà, làm cho ngôi chúa của nhà Nguyễn đi đến nguy cơ sụp đổ.

[2]. 慕 澤 Tức làng Trầm, Bình Giang, Hải Hưng.

Mở vườn Hậu uyển ở đô thành. Tìm kiếm ở các trấn Bắc Thành lấy các cây nhãn, vải, mít, lựu và cỏ lạ hoa kỳ đem về trồng trong vườn.

Tháng 6, chiếu tìm điển cố các triều, tức là những chế độ điển chương thời trước. Ai đem dâng thì được nêu thưởng.

Cho cựu Giám sinh xã Kiệt Đặc làm Tham hiệp Kinh Bắc. Lại cho: cựu Lại viên xã Diên Trì Trần Quỹ làm Tri phủ Đoan Hùng; Nguyễn Công Sùng làm Tri phủ Bắc Hà; Đề lại Nguyễn Trí làm Tri phủ Lạng Giang; Nguyễn Chúc làm Quản phủ Thái Bình.

Tham bổ: Trí là người làng Nguyễn Thượng, trước làm Đề lại Lạng Giang, nhờ có Tuần Thiện giúp của, được thưởng Tri huyện, sau vì bắt được các tướng ngụy là Tuần Xích, Chánh Liễn, được thăng Tri phủ Bắc Hà. Đến bấy giờ, Tổng Trại, Bích Câu và Bích Hậu quấy rối Lạng Giang; Trí tự xin đi Lạng Giang, bắt bọn Tổng Trại. Quận Hiệp khen là hăng hái và cho đi. Trí cùng Nguyễn Hiển đánh Tổng Trại, đốt đồn của Trại. Chưa được bao lâu, Trí bị cho về làm hạng dân.

Chiếu sở tại khám xét Đường khách, tức là khách trú, cũng gọi là Minh hương. Hễ có buôn bán đi lại, phải lĩnh chứng chỉ, bằng phê.

Mùa thu, tháng 7 (ngày mồng 6), Bắc Thành lụt to. Trước đấy bão to, nước dầm mấy tháng, nước tràn ngập các trấn. Quận Hiệp quyền bổ thự Lê Duy Thản làm Đốc học Bắc Thành. Lại lấy Hành Hựu ở huyện xã Thanh Oai làm đồng tử sư (thầy dạy trẻ).

Triệu Lê Quý Kiệt huyện Diên Hà làm Thị trung trực học sĩ, Tham bồi Lễ bộ sự vụ, phong tước Lãng phái hầu.

Kiệt, người Phạm Thôn, là con Lê Quý Đôn (xem thêm năm Bính Thân), sinh năm Giáp Tuất, tự Duy Thanh, đỗ Hương cống, sống nhàn tản, sau bổ cai Tả tiệp quân, phong Dụ trạch hầu, gặp khi quốc biến. Kiệt lưu lạc nơi núi rừng. Vua khi mới lên ngôi, tìm người ẩn dật. Kiệt đến Kinh vào bái yết, dâng một tập điển cố. Vua triệu vào cho tấu đối trước mặt, nhân hỏi tình trạng Bắc Thành. Kiệt lúc về dâng biểu tâu bày. Vua khen là người vốn có học thuật uẩn súc, thông hiểu hiến chương, cho nên đặc cách trao cho chức ấy để dạy hoàng tử. Kiệt tự hiệu là Tư Đình đạo nhân.

Ngày 26, ban Chiếu định giá đồng, chì và thiếc. Đại lược nói: "Đồng và chì đúc tiền để dùng cho tiện lợi, nếu không định giá thì các lái buôn tích trữ đầu cơ, tài nguyên dễ bị bế tắc". Rồi định giá: khối đồng đỏ mỗi 100 cân giá 35 quan tiền, kẽm 100 cân giá 20 quan, chì 100 cân giá 10 quan, thiếc trắng 100 cân giá 24 quan. Lại định tháng giêng năm sau, đúc thứ tiền 7 phần. Cấm thuyền buôn không được mua bán riêng với nhau. Ai đem đến bán cho Nhà nước thì được miễn thuế.

Tháng 8, ngày 16, sao Chổi mọc phương tây bắc (đuôi chỉ chính bắc, sáng ngời hơn 1 trượng, đi ngược dần về phương đông quá sông Ngân Hà, đến tháng 11 mới lặn).

Phương tây mây nổi như bức thành. Ngày 25 tháng ấy, mây nổi; vào canh một 3 khắc, có khí đỏ như mặt trăng, từ phương nam trôi vào phương bắc, đuôi dài suốt trời. Đêm ngày 28, phương tây lại nổi mây thành, trên có đường trắng.

Tháng 9, Bắc Thành đại hạn. Vụ mùa, mưa dầm ngập lúa, đến đây đều biến làm tiêu khô.

Phó tướng Nguyễn Hoàng Đức chết. Đức vốn là người Bắc Kỳ, lúc bé bạn với Đặng Đình Thường, nhiều phen khởi

nghĩa, sau hàng đại quân (năm Canh Thân, 1800), được trao chức Chưởng tiền quân (năm Nhâm Tuất 1802).

Chiếu: sở tại nhân kiện cáo nhau mà thấy suất đinh có tăng thêm thì theo thứ tự cho đăng bạ; có người nào chết cũng cho cùng rút số đinh đi.

Dời tộc thuộc vua nhà Lê cũ vào ở đô thành, đều cấp cho lương tháng. Chỉ còn Duy Hoán và Duy Đạt ở lại Thanh Hoa.

Ngày 14, giờ Tuất, Hiếu Khang hoàng thái hậu mất ở cung Trường Thọ (thọ hơn 80 tuổi). Chiếu thần dân chế áo tang đều theo cấp bậc.

Ngày 20 tháng ấy, chiếu các người trong cung đều để trở 3 năm, đều theo lễ phục. Nội tôn nhân theo lễ để trở. Quan văn võ tam phẩm trở lên để trở "tề thôi"[1] 3 tháng. Quan Kinh dự bồi chầu táng thứ đều để tang theo lệ, các mệnh phụ cũng thế. Quan tứ phẩm trở xuống đội khăn vải trắng. Các quan doanh trấn ở ngoài, tam phẩm trở lên, nếu có việc công ở Kinh cũng mặc áo trở, về nhiệm sở thì thôi. Những quan không dự bồi chầu tang thứ chỉ cho đội khăn vải trắng 3 tháng thì thôi.

Các quan viên và mệnh phụ cung Trường Thọ để trở "tề thôi" 5 tháng, khi trừ phục lại ban cho khăn vải trắng, áo giao lĩnh vải trắng, đoạn việc thì thôi. Võ từ cai đội trở lên, văn từ cai hợp trở lên cũng thế.

Về những phục sắc đỏ, tía, quan văn võ tam phẩm trở lên, cấm 3 năm; quan, lại, quân, dân, cấm 1 năm. Còn việc quân, việc tế tự và việc giá thú, đều cho mặc cát phục; việc xong lại theo lệ cấm.

---

[1]. Tề thôi: 齊衰 không sơ gai, nhưng quần áo trắng xổ gấu.

Về việc giá thú, quan văn võ tam phẩm trở lên, cấm 3 tháng; quan, lại, quân, dân, cấm 1 tháng; dân thứ, cấm 15 ngày.

Về xướng ca, yến lạc, quan văn võ tam phẩm trở lên, cấm 3 năm; quan, lại, quân, dân, cấm 1 năm; dân thứ, cấm 3 tháng.

Việc triều hạ, các doanh trấn Bắc Thành và thành Gia Định từ tháng 10 đến tháng 12, gặp lễ sóc, vọng ở hoàng cung, đều châm chước về việc triều bái.

Ngày 24 [tháng 9]. Sấm phát tiếng lớn. Đô thành bão to. Bắc Thành nước mưa tràn ngập (sách *Ngũ hành truyện chí*: không phải mùa sấm mà có sấm, là điềm có giặc dã).

Chiếu: tha tô thiếu, bãi việc thổ mộc, rộng tha các món nợ đọng lâu năm và giảm thuế vụ đông năm ấy một nửa; giảm nhẹ xuống 1 bậc cho những tù bị giam.

Xét sĩ lại Bắc Thành: ai có văn học chính sự thì cho thăng chức có khác nhau.

Mùa đông, tháng 12 (ngày 10). Lại thu sắc bách thần ở Bắc Thành.

Ngày 14, phía tây bắc mây nổi như bức thành.

Ma Danh Cúc đi đánh úp Đồng Mỗ. Quân phủ Thiếu úy[1] Hương dụ Cúc hàng. Đầu năm Giáp Tý (1804), Cúc từ Thái Nguyên ra đánh úp trấn Sơn Tây, quan trấn thu quân, đóng cửa thành, bất động. Sau Cúc giả vờ làm quan phủ giao tù cho trấn Thái Nguyên, cướp sạch các kho tàng mà đi. Đến đây, dụ Thái úy[2] Hương chiêu hàng. Về sau, đến

---

[1]. Nguyên thư: ở đây in là 少 尉thiếu úy, đến dưới in là 太 尉 thái úy. Chưa rõ chữ nào đúng.

[2]. Như trên.

năm Quý Tỵ (1833), vợ Tuần Thiện dụ Cúc ra, quan trấn Lạng Giang bắt được Cúc.

Hiệp trấn Kinh Bắc cũ là Nguyễn[1] Trọng Tông chết. Đầu năm Kỷ Tỵ, Tông vào triều, chầu hầu lâu ngày, vua muốn cho làm Đốc học thành Gia Định. Tông cố từ, vua cho về Bắc, đến nhà thì chết.

Lại dùng Quận Thành giữ Chưởng trung quân (Quận Thành vốn giữ việc soạn "thân minh luật lệ").

Thăng: Vũ Trinh làm Thị trung học sĩ Trà Sơn hầu[2]; Trần Tỉnh làm Đông các học sĩ Dương Xuyên hầu. Trung quân chánh thống hậu đồn kiêm chưởng ngũ đồn tham quân sự, Khâm sai chưởng cơ hành Hải Dương trấn phủ Ân quang hầu bị miễn quan.

Giữa niên hiệu Cảnh Hưng triều Lê, ở Phúc Thị, Nguyễn Phúc đã sinh được 2 con gái; sau Phúc theo Quận Việp làm lính vào đánh Nam Hà,. lấy vợ người Quy Nhơn, sinh ra Ân quang hầu[3], nhân đó ở lại Quy Nhân. Chưa bao lâu, bỏ vợ con, theo Nguyễn Huệ ra Bắc, về Phúc Thị, ở với 2 con gái, làm ăn trở nên giàu có. Đến bấy giờ, Ân quang hầu tòng nghĩa, được làm Trấn thủ Hải Dương. Nhận xét vụ kiện 2 chị tranh nhau ruộng, Ân quang hầu mời Nguyễn Phúc đến hỏi, nhận ra cha, bèn về lập nhà thờ (xem thêm dưới đây).

---

[1]. Nguyên thư in là 黎 仲 綜 Lê Trọng Tông, phải là 阮 仲 綜Nguyễn Trọng Tông mới đúng.

[2]. Nguyên thư in là 采 山 侯Thái sơn hầu (采Thái và 茶Trà, tự dạng gần giống nhau).

[3]. Ân quang hầu: 恩 光 侯 tước được phong của Trần Công Hiến.

Nhâm Thân, năm thứ 11 (1812),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 17.

Mùa xuân, tháng giêng, táng Hiếu Khang hoàng thái hậu ở lăng Thụy Thành tại xã Định Môn, tọa tý hướng ngọ, tục gọi là núi Chén (Thái Sơn). Trước đây, sai Thị trung trực học sĩ Lê Quý Kiệt sửa sơn lăng; Quý Kiệt nói đào đến huyệt tất có đất ngũ sắc, rồi quả nhiên đúng. Vua cho là lạ, ngày càng khen thưởng. Đến lúc làm nhà bên mộ, mưa gió to, vua xẩy chân ngã, quan lại đều sợ tản đi. Phò mã Trương Văn Minh đỡ vua dậy đưa ra khỏi huyệt.

Thăng Lê Quý Kiệt làm Lễ bộ Hữu tham tri. Kiệt là người điềm tĩnh, hiếu cổ, giữ lễ. Các bạn đồng liêu phần nhiều không hợp. Lễ bộ Thiêm tri Nguyễn Trình từ khi đi sứ Trung Quốc về, thường thường chê bai Kiệt.

Đúc tiền 7 phân. Ngày tháng 3, ban cấp tiền mới đúc cho Bắc Thành, nhưng vẫn cấm chọn bỏ tiền xấu.

Triệu Quận Hiệp vào chầu (đến tháng 5 lại cho ra Bắc).

Tháng 3, Bắc Thành đại hạn. Cho giảm 2 phần 10 điền tô năm ấy, và hoãn thu thuế thiếu từ năm trước, chỉ thu thuế thân và tiền đầu lõi.

Bắt kẻ du đãng xã Quần Anh tên là Vũ. Hào mục Quần Anh là Tổng Vũ, âm mưu đánh trấn Vị Hoàng, bèn đặt chuông gỗ ở lòng sông, nói dối rằng chuông thần của Khổng Minh Không (xem sử về đời Lý Thần Tông) sắp nổi lên, mời trấn quan đến trai giới cầu đảo có thể lấy được chuông. Quan Trấn dò xét biết được việc trá mạo ấy, bèn bắt Tổng Vũ, giam vào ngục.

Lại đặt Tổng giáo các tổng. Chiếu: đến tháng 10 năm sau, thi Hương, chọn lấy những người trong tổng có văn

học phẩm hạnh đáng làm gương mẫu, cốt khảo hạch được người tốt.

Mùa hạ, tháng 6. Lấy lính Bắc Thành vào thú Gia Định (30.000 người).

Lập phép cho lính đổi nhau đi thú, lấy lính 10 cơ trong các phụ trấn làm việc đi thú ấy. Cho 6 tháng một lần đổi (xem thêm năm Ất Dậu).

Ban hành *Hoàng Việt luật lệ*. Bọn Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh và Trần Hựu vâng sắc thân minh luật lệ, làm 22 quyển, 368 điều. Đến năm Bính Tý (1816), phát cho quan lại các trấn và phủ huyện đều một tập, cho đem ra học tập.

Ngày 12, ngự chế bài Tựa rằng: "Trẫm nghĩ: Thánh nhân trị thiên hạ, hình phạt cùng với đức hóa, chưa từng bỏ lệch một bên nào. Bởi vì dân sinh ai cũng có lòng ham muốn, mà mọi việc xảy ra trên đời không có bờ bến, nếu không có pháp luật để ngăn ngừa thì không sao làm cho dân biết trao giáo hóa mà hiểu biết đức trạch. Cho nên, nói rằng "Hình phạt là cái công cụ để giúp cho chính trị". Câu ấy há là lời nói xuông hay sao? Luật pháp là cái lệ để xét đoán hình phạt. Đời xưa bàn việc theo phép, không dùng đến hình sự. Có phải là hình sự không nên làm đâu? Bấy giờ dân thuần phác, việc đơn giản, hoặc giả có thể sơ lược được. Nay, phong hội ngày xuống, sự dối trá ngày thêm, hình phạt không đủ trừ gian, điều khoản không đủ ứng dụng. Cho nên luật lệnh, điều lệ lần lượt phải tăng thêm, há chẳng phải vì đời xưa, đời nay khác nhau, mà pháp luật không thể thiếu được?

Quốc triều ta, từ các đời đến nay điển chương đã có toàn bộ. Từ khi Tây Sơn gây biến, cương thường pháp độ bị đổ nát, kẻ xảo ngụy thêm nhiều, vấn tắt thì việc hoặc có sót, giản lược thì

lẽ hoặc chưa minh. Kẻ ngu dại thì sợ mà trốn tránh, kẻ gian ngoan thì mượn cớ mà khinh nhờn! Lúc thẩm đoán thường hay dựa dẫm xê dịch không lấy gì làm căn cứ; người bị oan không kêu vào đâu được! Há chẳng phải là điều làm cho người nhân thương xót hay sao?

Trẫm nhờ thần linh của Liệt thánh, dẹp tan bọn tiếm loạn, thống nhất đất nước, sửa sang chỉnh đốn thường lấy giáo hóa làm việc đầu, đối với hình luật càng để ý. Trẫm xem *Hình thư* các đời: nước Việt ta từ Đinh, Lý, Trần, Lê dấy lên, mỗi đời có chế độ riêng, mà đủ nhất là đời Hồng Đức. Bắc triều từ Hán, Đường, Tống, Minh dấy lên về các sách luật lệnh, mỗi đời đều có sửa đổi, mà đủ nhất là nhà Đại Thanh. Bèn sai đình thần: dựa theo lệnh điển các triều đại, tham khảo điều luật Hồng Đức và Thanh triều, cân nhắc noi theo hoặc loại bỏ cốt cho đích đáng, làm thành bộ luật. Chính trẫm tự tay mình sửa chữa đính chính, ban hành khắp trong nước, khiến cho đều biết điển lệ cấm phòng sáng ngời như mặt trời, mặt trăng, không giấu giếm ai, điều luật trừng răn nghiêm ngặt như sấm sét, không ai dám phạm. Kẻ lại viên giữ những chức vụ được vâng làm minh pháp, mà dân ngu bướng thì dễ tránh, khó phạm, để trở thành người thiện, xa lánh tội lỗi, ra khỏi hình phạt đi vào giáo hóa không phạm vào công việc của quan hữu tư, chẳng can dự gì đến chính đạo, may ra có cuộc thịnh trị không phải dẫn đến việc hình, há chẳng nhờ vào luật này hay sao? Vậy sai viết để làm Tựa".

(Tổng lý trưởng có lỗi, phạt 80 trượng để răn; mãn 100 trượng thì phải bãi dịch, hoặc cho chuộc tội nộp tiền vào kho).

Bài biểu dâng luật của bọn Nguyễn Văn Thành chép riêng ở *Ngoại truyện*, quyển 5.

Mùa thu, tháng 7. Quốc Tử giám đốc học Thị trung học sĩ Thích An hầu Phạm Quý Thích bị miễn quan. Đầu năm Kỷ Tỵ (1809), vua triệu Quý Thích vào, cho làm Đốc học chính. Chưa bao lâu, vì ốm từ chức, chỉ vào triều yết trong những ngày sóc, ngày vọng[1]. Đến bấy giờ, xin về Bắc Thành; vua y cho.

Quý Thích ở Quốc Tử giám, thường nhớ nhà, có thơ rằng:

Thứ dân dĩ bị văn chương ngộ,
Cánh bả văn chương dục ngô thùy.

Nghĩa là:

Thân này đã bị văn chương lỡ,
Lại lấy văn chương muốn lỡ ai!

Lại có thơ rằng:

Công môn hữu hạnh kiên đào lý,
Thánh đại vô cùng xỉ mễ tiền.

Nghĩa là:

Cửa công may được trồng đào lý,
Đời thánh vô cùng tốn gạo tiền.

Lại có thơ:

Thành Bắc lệ chi kim chính thục,
Thành Nam dạ dạ bá lao đề[2].

Nghĩa là:

Quả vải Bắc Thành nay đã chín,
Thành Nam tu hú đêm đêm kêu.

---

[1]. Ngày sóc: 朔日 mồng một âm lịch hàng tháng.

Ngày vọng: 望日 ngày rằm (15) âm lịch hàng tháng.

[2]. Nguyễn Quốc Bảo (nguyên chú).

Tháng 9, Bắc Thành đại hạn. Chiếu trong Kinh và ngoài trấn dâng lời điều trần. Chiếu: bộ Hộ sửa lại điều lệ tuần ty.

Ngày 7 tháng ấy, công đồng nghị định rằng: Đặt ra tuần ty, là để thông thương, lợi dân, chuộng nghề gốc, ép nghề ngọn. Mà phép đánh thuế người đi buôn vẫn theo lệ thường, cứ thu một phần bốn mươi (1/40) để làm bình chuẩn. Nhưng giá hàng hóa chưa định, người thu thuế muốn lấy nhiều lời, thường thường nâng giá hàng cao lên, để thu quá mức, phần nhiều làm hại cho người buôn. Nay chiếu giá hàng hóa của tuần ty và nhà buôn khai ra, sửa sang đính chính lại, và kê rõ điều lệ để ban hành, khiến cho hàng hóa có giá nhất định, tuần ty không được tự ý hà khắc sách nhiễu, để nới rộng cho nhà buôn và khách lữ hành. Nếu tuần ty nào giấu biên bản nâng giá đánh thuế nặng thì cho thương nhân tố cáo ở quan địa phương sở tại bắt hỏi trị tội để khỏi mối tệ. Cứ 5 năm một lần khai đơn giá hàng hóa.

Tham bổ: Các sở tuần ty ở năm nội trấn:

Sơn Tây có Chánh tuần ở Trình Xá và các chi tuần là Bạch Hạc, Trang, Vũ Lương chánh tuần, bến đò ngang Định Hương và chi tuần ở Điệp.

Sơn Nam có chánh tuần ở Lãnh Trì và chi tuần ở Mễ Sở, Dưỡng Mông. Chính tuần Châu Cầu, bến đò ngang Cẩm Lãm và chi tuần ở Kệ, Hào Châu và Châu Xá.

Sơn Nam hạ có chánh tuần ở Vạn Ninh, chi tuần ở Diêm Hộ và Trà Lý.

Kinh Bắc có chánh tuần ở Cần Dịch, các chi tuần là Võ Giàng, Nhân Hữu, Lục Liễu, Thọ Xương và Hương La.

Hải Dương có chánh tuần ở Thuần Mỹ và các chi tuần ở Văn Trương, Thị Tranh[1], Lâu Khê, An Điền. Bến đò Lục

---

[1]. Thị tranh: nguyên thư in nhầm là Tông Tranh (vì Thị và Tông, tự dạng gần giống nhau).

Đầu và các chi tuần ở Chí Linh, Thanh Lâm, Dược Sơn, An Lâm và Mỹ Giang.

Giá hàng hóa ở 6 ngoại trấn, cũng theo 5 nội trấn mà thu thuế: trên từ gấm, đoạn, dưới đến thuốc bắc.

Phép cũ: Cứ vào cuối năm, cho lái buôn đấu giá, nộp Hộ bộ, trước trưng một nửa phần, cho làm Cai trưng.

Vũ dư lương: vị thuốc, thuộc loài đá, hình như trứng vịt, đập thì vỡ, trong có chất bột vàng, tục gọi là "chử khôi" là nhầm (xem thêm đời vua Dụ Tông). Danh biểu có chua rằng: núi Cối Kê có đá, trong có bột ăn được, gọi là "vũ dư lương".

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, sấm, chớp, mưa.

Tháng 11, bắt được ngụy Trịnh Vân ở Đình Bảng, giết đi. Đầu năm Đinh Mão (1807), Vân theo Tổng Trung làm loạn; đến bấy giờ, tản về xã Đình Bảng, quan quân bắt được giải vào Kinh. Vân cùng người vú nuôi đều bị xử tử. Ba Siêu ngủ ngày, cũng bị bắt.

Chiếu thay đổi phong tục, hoãn thu các thuế (cộng 120 điều). Tham hiệp trấn Kinh Bắc, Kiệt Đặc chết. Trước đây, can vụ để tù sổng, bị miễn quan; chưa bao lâu lại bắt được tên tù trốn ấy. Chiếu cho phục chức, chẳng bao lâu đến đây thì chết.

Đốc học Nguyễn Huy Lý có câu đối viếng rằng:

Niên thiếu duy hiền thư, trung gian vị quốc vong khu, viễn nghênh loan giá, cận tiếp long quang, Hải Đông duyệt nguyệt hiệp đô ty, thời vận bất lưu, quy nhi khởi kiều doanh, cứ sơn trại, thủ Sùng Nghiêm, thù tặc bất câu sinh, chu toàn du kỷ phong sương, trung nghĩa thử tâm thiên địa bạch.

Xỉ suy phùng thánh tác, kỷ độ lâm dân thụ chính, sơ đới quận đồng, kế khâm triều mệnh, Kinh Bắc tam đông tham

khổn ký, công danh thùy xứ, thoái nhi bồi sứ tiết, giám văn diễn hành, lĩnh nhung vụ, quyền cơ phương ỷ trọng, hốt thúc bách niên khưu lũng, anh hùng hà xứ giốc nhai bi!

Nghĩa là:

Tuổi trẻ đỗ hương tiến, trung gian vì nước quên mình, xa đón xe vua, gần tiếp ân sủng, Hải Dương đầy tháng lĩnh đô ty. Thời vận không lưu, về mà dậy Cầu Dinh, giữ sơn trại, giữ chùa Sùng Nghiêm, thù giặc không chung trời, chu toàn hơn một kỷ gió sương, trung nghĩa lòng này, đất rộng trời cao soi xét.

Tuổi già gặp thánh minh, mấy độ trị dân thi chính, trước làm việc quận, sau theo triều mệnh. Kinh Bắc ba năm làm việc trấn, công danh chốn nào, về mà bồi sứ tiết, lĩnh nhung vụ, quyền cơ đương ỷ trọng, phút chốc trăm năm gò đóng, anh hùng chốn nọ, chân trời góc biển âu sầu!

Bắc Thành, lúa thóc được mùa to. Thóc tẻ, mỗi gánh 5 tiền quý; thóc nếp, mỗi gánh 8 tiền. Từ năm Bính Tý (1756) đời Lê Cảnh Hưng đến đây, gần 60 năm mới lại được mùa to thế.

Tháng 12, đặt điếm Đoàn Đầu ở Chợ Đông, Bắc Thành, cấp dưỡng những kẻ ăn xin các trấn. Lại ban tiền kẽm ân tuất cho các phủ, huyện đều 50 quan. Hễ lữ khách đi qua bị bệnh hoặc chết thì lấy tiền ấy cấp cho. Cứ cuối năm, làm sổ sách tâu. Cấp cho Đoàn Đầu mỗi tháng 1 phương gạo, 1 quan tiền.

Lại gọi quốc hiệu là nước Đại Việt.

Trấn Thanh Hoa có động đất.

Đổi lịch *Vạn toàn* làm lịch *Hiệp kỷ*. Cho: Lễ bộ Thượng thư, Hoa Phong hầu Phạm Như Đăng quản lý Khâm thiên giám sự vụ; Hữu tham tri Chân Nguyên hầu Nguyễn Hữu

Thận làm Phó quản lý sự vụ; Hoàng Công Dương làm Khâm thiên giám phó; Lý Văn Cư trở xuống 11 người làm Chiêm hậu quan, đều phong tước bá. Từ đấy, nguyệt lệnh lịch pháp đều theo phép nhà Lê.

Quý Dậu năm thứ 12 (1813),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 18.

Mùa xuân, tháng giêng, lấp cửa biển Eo. Lấy lính Bắc Thành đắp lập cửa biển Eo, đóng cọc chắc chắn; hai bên bờ đặt đồn canh. Đến tháng 9, thả cho lính về.

Tháng 2, ngày 26, giờ Dần, Hải Dương và Kinh Bắc động đất.

Tháng 3, mồng 7, Hải Dương mưa ra lông (giống như lông lợn, lông chuột).

Ngày 29, ngụy Tuần Thái và Tuần Lộc đánh phá đồn Thiên Thi, quấy rối Tầm Châu và các địa phương Lang Tài, Sầm Khúc, Tân Kiều và Đường Cái. Tổng Thắng người Đặng Xá, được tôn làm Chủ súy.

Diên Tự công Lê Duy Hoán bị mất lương vì tội đánh giết người canh cổng, phải tước lương 1 năm, các hành nghi cũng bị giảm bớt.

Chia bổ các Cống sĩ làm Tri huyện, Tri phủ: Nguyễn Ngọc Trác xã Thượng Mão, Tri huyện Hoài An, lại đổi đi Hạ Hoa; Cao Huy Diệu xã Phú Thị làm Tri phủ Quốc Oai; Trần Bá Kiên xã Vân Canh làm Tri phủ Tam Đái; nhân lúc triệu vào tấu đối vì tránh nắng, phạm nghi lễ, phải phạt bổng, sau lại cho làm Tham bồi Hình bộ ký lục Gia Định. Vũ Quỳ xã An Dương, Tri huyện Kim Thành, trước dạy học ở Hải Dương, vì không kính với quan Hiệp trấn, phải phạt roi;

đến khoa Đinh Mão (1807) phụ thí trường Hoài Đức lấy đỗ, được bổ Tri huyện Kim Thành, không chịu lạy Hiệp trấn; Hiệp trấn trọng là người có khí tiết, miễn bái và ban trà; chưa bao lâu, vì có tang cha mẹ, xin miễn chức; lúc ở Hoài Đức, có phú thương cấp dưỡng, lại gả con gái cho; sau Vũ Quỳ đổi Tri huyện Từ Liêm. Phú, người Cầu Dát, Tri huyện Lang Tài. Lúc ấy Lang Tài nhiều dân xiêu tán thuế thiếu đọng mãi, bị Hộ tào quở trách. Phú nói rằng dân xiêu tán thuế thiếu, bởi từ viên huyện trước. Nếu ông muốn đủ thuế, xin sức cho tôi phá gia sản của dân để thu đủ thuế. Hộ tào mắng mãi không thôi. Phú không từ tạ, đi ra, đốt võng lọng, bỏ quan về. Viên đông đường Lang Tài đem việc ấy bẩm Quận Hiệp. Quận Hiệp sai lại viên đến nhà triệu ra. Khi Phú đến nơi, Quận Hiệp hỏi rằng: "Bỏ quan mà trốn, chẳng hóa ra bỉ bác triều chính à? Giận Hộ tào mà bỏ quan, còn khoa danh thì sao?". Phú từ tạ Quận Hiệp, bèn đổi đi Tri huyện Hạ Hoa. Phú vốn thích uống rượu, nhưng yên phận nghèo, giữ lòng ngay. Lúc mới đến Lang Tài, nhờ mẹ già dệt gai để sinh sống, không nuôi đầy tớ và nàng hầu. Cẩm Giàng có nhà mất trộm trâu, dân chúng đuổi thì thấy vết chân trâu vào huyện Lang Tài. Phú liền mua trâu đền dân để khỏi kiện nhau. Sau, đến năm Đinh Sửu (1817) mẹ chết, Phú cáo quan về. Đến lúc đoạn tang, được triệu vào Kinh. Vua định cho làm quan to, chưa thực hiện thì Phú chết ở Kinh. Phú thường có câu thơ rằng:

Bao sủng hạnh mông kim thượng phúc,
Tuần tuyên tự quý cổ Lương Tài.

Nghĩa là:

Khen thưởng được nhờ phúc kim thượng,
Tuần tuyên thẹn với cổ Lang Tài.

Lại có câu thơ rằng:

Xích tâm bất vị hoàng kim hắc,

Thiết diện ninh dung bạch tửu hồng.

Nghĩa là:

Lòng son không bị vàng làm nhọ,

Mặt sắt há vì rượu trắng hồng.

Lại có câu rằng:

Nỗ Chu đô đốc trị bách tính,

Sằn dã[1] thiên tâm niệm nhất phu.

Nghĩa là:

Đô đốc Nỗ Chu trị trăm họ,

Thiện tâm Doãn thương từng người.

Mùa hạ, tháng 5, Trợ giáo Sơn Nam là Ngô Đình Hương chết. Cho Từ Ô công thay thế.

Cấm chưởng khố Đề lĩnh không được biệt nạp công tô. Bấy giờ dân chúng hay đút lót Đề lĩnh để biệt nạp công tô, câu kết làm mất lệ, thường thường sinh ra kiện tụng, cho nên mới cấm.

Tháng 6, Bắc Thành, phương tốn có sao đỏ như lửa.

Cho: Lê Huy Du[2] làm Đốc học Bắc Thành; Tuần Quán

---

[1]. Sằn dã: cách đồng Hữu Sằn, nơi Y Doãn đi cày trước khi gặp vua Thành Thang, nhà Thương.

[2]. Lê Huy Du: người làng Bột Thượng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đỗ Tiến sĩ năm 1787, tục gọi "Ông nghè Bột". Khoa Kỷ Mão (1819), Du làm Giám thí trường Sơn Nam. Vì quen gò bó, cứng nhắc trong văn chương. Du đánh hỏng nhiều danh sĩ, cho nên họ bịa chuyện có Bột tinh (sao Chổi) mọc, làm văn tế trời, ám chỉ và đả kích "Nghè Bột". Trong có những câu "Bột ơi là bột, bể Bắc

làm Trợ giáo. Du là Tiến sĩ xã Bột Thượng, Quán là Hương cống xã Điền Trì, tuổi đều đã hơn 70.

Cho Cao Huy Diệu làm Lại bộ Thị lang. Chưa bao lâu, đổi làm Đốc học trấn Hà Tiên. Diệu đỗ Giải nguyên khoa Đinh Mão (1807), người xã Phú Thị.

Giảm 2 phần 10 thuế điền tô năm này.

Tờ chiếu lược rằng: "Trị nước cốt phải yên dân, mà yên dân trước phải nhẹ thuế"

Ngày 19, Quận Hiệp sửa lại Văn Miếu phủ Hoài Đức, Văn Miếu ở Quốc Tử giám nhà Lê cũ thay rui mè và ngói. Sửa chữa và sửa đền Khải Khánh.

Mùa thu, tháng 8, ngày 28. Bắc Thành bão to. Nước sông tràn vào các huyện Chương Đức, Duy Tiên; vỡ đê sông Vị Hoàng.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, mưa to, sấm sét.

Ngày 10, Quý Mão, lập 5 trường thi Hương, đều chia 8 cửa.

Năm Đinh Mão (1807) trước thi Hương, đều theo phép nhà Lê cũ, mở 6 trường đều 4 cửa. Khoa này dồn làm 5 trường: Thừa Thiên 1, Gia Định 1, Nghệ An 1, Sơn Nam 1, Thăng Long 1; còn các trấn khác tùy tiện phụ thí vào các trường. Giáp, ất, tả, hữu đều có 2 khu, chia 8 cửa. Ngày 10 tháng ấy vào trường, đến ngày 22 tháng 11 khoa thi mới xong (có thuyết nói Thanh Hoa, Nghệ An 2 trường dồn làm một).

Tháng 11, ngày 13, tế đàm Hiếu Khang hoàng thái hậu.

Mở khoa thi thư toán, chọn lấy lại thuộc.

---

không hai, trời Nam có một. Tứ hung kia, xem cũng không hơn! Năm quỷ nọ, chưa bằng một chút..." (xem toàn văn bằng chữ Nôm chép trong *Minh đô sử* (明都史), quyển 4, tờ 44b - 45a).

Tháng 12, bắt được ngụy Kiền Chính ở Thuận An. Quan quyền phủ bắt được giải nộp cho Quận Hiệp.

Cấm dân Bắc Thành không được dựng đền chùa mới và tô tượng, đúc chuông.

Cho: Lễ bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức quản lý Khâm thiên giám sự vụ; Nguyễn Hữu Thận vẫn làm phó.

Bổ: Trước kia chọn quan đi chấm trường thi, vua muốn sai Lê Quý Kiệt giám thí trường Nghệ An. Kiệt từ, nói là có lỗi. Vua khen là người không giấu lỗi.

Giáp Tuất năm thứ 13 (1814), Thanh, Gia Khánh năm thứ 19.

Mùa xuân, tháng 2, ngày 3. Hoàng hậu chết (mẹ Anh duệ Thái tử)[1]. Chiếu chế phục và cấm mặc mầu đỏ, mầu tía, xướng ca có thứ bậc khác nhau. Sai Lê Quý Kiệt xây sơn lăng (ở xã Định Môn, lăng tọa quý, hướng đinh).

Quy định thứ vị những học trò thi Hương: tứ trường, tam trường, ngôi thứ ở dưới viên tử, trên nhiêu thân.

Cho: Nguyễn Đẩu xã Yên Quyết làm Tri huyện Thanh Trì (đỗ Giải nguyên khoa Quý Dậu 1813); Nguyễn Bá Thiện xã Bình Ngô làm Tri huyện Thanh Liêm (thi phụ trường Thừa Thiên; đến năm Ất Hợi (1815), vì có tang, miễn quan, sau lại bổ Tri huyện Hoa Khê); Cao Huy Tố xã Phú Thị làm Tri huyện Cẩm Giàng; Lê Đạo Hoằng làm Tri huyện Phù Dung.

Mùa hạ, tháng 5, người nhà Thanh xin đong thóc (vì mất mùa, đói, nên sang xin đong thóc).

---

[1]. Anh duệ: tức Hoàng tử Cảnh.

Tháng 6, mồng 1, ngày Canh Thân, đầu giờ Mùi có Nhật thực, Mặt trời che không hết chỉ còn như cái lưỡi câu.

Bắc Thành mưa to. Sơn Nam, Sơn Tây đê vỡ.

Cho phiên thần Thái Nguyên là Triều Chấn làm án lĩnh. Án lĩnh cũ là Uy tự tiện làm những việc xa xỉ, bị Triều Chấn kiện hơn 10 điều. Án lĩnh Uy dâng voi vàng chuộc tội, được miễn nghị. Bèn đổi sai Triều Chấn làm án lĩnh. Lại cho em Triều Chấn làm Trung dũng thủ hiệu.

Khai mỏ Cam Lộ ở trấn Thái Nguyên. Sai Hiệp Trù trấn Hải Dương phát tiền công thuê đinh phu vài nghìn người khai mỏ, không thành công, bèn giam vào ngục.

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, Bắc thành Điều Vát quan bắt được ngụy Tuần Thái ở Sơn Nam, giải nộp Quận Hiệp. Bọn Tuần Lộc và Tổng Trại cũng hàng, đều đem chém cả. Điều Vát được thăng Chánh vệ.

Tháng 8, miễn 2 phần 10 thuế thiếu.

Cho Lễ bộ Thượng thư Hưng nhượng hầu Phạm Đăng Hưng quản lý Khâm thiên giám sự vụ (đổi định thời khắc, niên kỷ).

Xây Thọ lăng.

Ất Hợi, năm thứ 14 (1815), Thanh, Gia Khánh năm thứ 20.

Mùa xuân, tháng 2, ngày 7, Đông các Đại học sĩ Trần Bá Lãm chết ở Kinh. Năm Kỷ Tỵ (1809), Lãm với Quý Thích được triệu cùng đợt vào Kinh. Quý Thích đã được giải chức, về Bắc. Lãm ở Kinh, lo buồn thành bệnh, nhiều lần xin về Bắc an dưỡng, không được, đến lúc được phép thì đã ốm nặng, nhờ Học

sĩ Vũ Trinh đề minh tinh, chỉ viết "Đinh Mùi[1] khoa Tiến sĩ", không đề quan hàm[2]. Lấy Đỗ Trọng Dư xã Đại Mão làm nghĩa môn sinh, sai chủ việc tang lễ tế táng.

Táng Hoàng hậu ở lăng Thiên Thụ.

Ngày 27, ngụy Tú Bích lại làm phản, ngầm ẩn ở làng Ngọ Xá (Thượng Mão), huyện Siêu Loại. Quan trấn Kinh Bắc vây bắt, Bích phá vòng vây ra đánh, trốn về Phượng Nhãn. Phó tướng đuổi đánh, trúng đạn chết. Quan Bắc Trấn đốt phá làng Ngọ Xá.

Tháng 3, trấn Kinh Bắc mưa đá to bằng nắm tay.

Mùa hạ, tháng 4. Cho Lý Trần Tấn làm Đốc học trấn Sơn Nam hạ. Thượng Hộ là Khánh trạch hầu sai Lý Tấn hiệu đính sách *Chu dịch quốc âm ca*; Quý Thích viết bài *Tựa*.

Tháng 5, Linh Hà, Thanh Hoa và Sơn Nam đều bị nước tràn ngập.

Dự thu thuế thổ sản vụ đông.

Mùa thu, tháng 7, đặt đàn trai tiến ở đô thành, triệu sư Bắc Thành vào làm lễ; dùng tương, cà, rau, dưa ăn chay.

Lập trai đàn tế độ tướng sĩ trận vong.

Chuẩn định lệ Bắc Thành dâng cam làm lễ thưởng tân[3].

Mùa đông, tháng 10, ngày 18, giờ Tý, Kinh Bắc động đất.

Tháng 11, Bắc Thành cháy to.

---

[1]. Tức năm Lê Chiêu Thống nguyên niên (1787).

[2]. Trần Bá Lãm tỏ ý hoài niệm triều Lê, còn việc làm quan với triều Nguyễn chỉ là bất đắc dĩ, nên không viết quan hàm vào minh tinh.

[3]. Thưởng tân: 賞新 thưởng thức của mới.

Tháng 12, khắc in sách *Bắc sử thông giám* (theo bản "Quan hành Tham tụng Bùi Huy Bích").

Các nước phương xa đến cống: Hồng Mao, Vạn Tượng, Nam Chưởng, Trấn Ninh, Lợi Phú, Thuận Thành, Đa Hán, Hỏa Xá, Cam Lộ, Miến Điện, Ngô Cát, Lạc Hoàn, Lãng Sa các nước đến cống phương vật, đều ban cho khăn áo, tập nghi bái yết.

Tây dương dâng sắt mềm 5 lá. Cao Miên dâng đồ vàng bạc, gọi vua là "Thiên hoàng đế".

Tham bổ: nước Vạn Tượng bị nước Xiêm đánh, xin phụ với Tả quân (Lê Văn Duyệt), Tả quân tâu cho vào cống.

Bính Tý năm thứ 15 (1816),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 21.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 9, phương bắc có mây trắng như bức thành.

Ngày 20, giờ Tý, Kinh Bắc mưa đá.

Chiếu cho dân xiêu tán được phục nghiệp, thành án khám thực, đều cho chiêu tập, không được phiêu lưu mất tích.

Tháng 2, Bắc Thành đại hạn, cho miễn thuế điền. Chiếu rằng: "Trời không mưa, lúa mạ, ngũ cốc tiêu khô! Trẫm lo trước cho thiên hạ. Vậy cho những tô thuế thiếu từ năm Nhâm Thân (1812) trở về trước, nhất thiết tha hẳn. Từ năm Nhâm Thân về sau, cho tạm hoãn. Các án đại ngục đều cho xét lại, các án kiện nhỏ đều phải xử ngay. Duy những vụ án mạng cướp bóc và hối lộ không ở lệ này".

Ngày 21, cho Thống chế Bảo tuyền cục đại sứ Trương Văn Minh quản lĩnh Bắc Thành tiền tràng công vụ.

[Trương Văn Minh] lấy công chúa mới góa chồng, tái giá, gọi là Phò mã Ba.

Dựng lò ở cửa ô Tân Độ, đúc tiền Cam lộ. Minh nắm giữ mối lợi, trở thành giàu có, làm nhiều cửa nhà ở cửa ô Đông Tân, thường tranh hồ của họ Lê, đắp đất làm nhà cho khách trú ở thuê để lấy lợi gọi là phố "Tràng Tiền"[1]. Minh kiêm lĩnh Tả dồn binh và việc bách công.

Tràng tiền mới, mở 20 lò, dùng thợ 60 người, chia làm hạng lớn và hạng nhỏ. Lại dùng 15 người phụ nữ đếm tiền; mỗi tháng tiền thuê là 1.237 quan, 5 tiền; thợ mỗi suất 12 quan (cộng 720 quan): thợ cả mỗi suất 10 quan (cộng 300 quan), thợ nhỏ mỗi suất 6 quan (cộng 180 quan); phụ nữ mỗi suất 2 quan 5 tiền (cộng 37 quan 5 tiền).

Tháng 3, Hành tham tụng nhà Lê cũ là Bùi Huy Bích chết. Các bộ *Ngũ kinh*, *Tứ thư*, *Tính lý*, *Chu lễ* và *Thiếu vi*, các cửa hàng sách đều theo nguyên bản của họ Bùi[2] in ra, phát hành. Nhà nho trên đời quý các sách ấy.

Ngày 22, Bắc Thành mưa đá.

Quận Hiệp dựng nhà: Xiển Du đường ở Bắc Thành, dời phủ học đường phủ Hoài Đức sang phía đông Văn Miếu để làm chỗ học trò nghe giảng, cho học quan ở đấy, không được tùy tiện vào Văn Miếu như trước nữa.

Vua cho triệu Hoàng giáp cố Lê người xã Văn Xá là Nguyễn Du[3], nhưng Du không đến.

Binh bộ Thượng thư Đặng Đình Thường có tội, phải giam vào ngục. Vì không nộp điền tô, bị hào dân tố cáo, Đình Thường bị giải đến Kinh giam vào ngục và thu áo triều. Đình Thường

---

[1]. Nguyên văn chữ Hán: 寶泉鋪 (Bảo tuyền phố).

[2]. Tức bản in của Bùi Huy Bích.

[3]. Nguyễn Du 阮悠 này trùng tên với Nguyễn Du阮悠 là tác giả *Truyện Kiều*.

bực tức, bất đắc chí, hay nói ra những lời xấc xược, làm bài phú *Hàn vương tôn* để tự bày tỏ chí mình. Vua ghét.

Giam Trung quân Nguyễn Văn Thành vào ngục. Thành từ năm Tân Mùi (1811), ở Kinh, chầu hầu. Con là Thuyên đỗ Hương cống khoa Quý Dậu (gọi là cống Ba) lấy công chúa nhân thế kiêu căng xa xỉ, ngầm có chí khác, tôn phò hoàng tôn là Ứng Hòa công (Mỹ Đường), dùng người Thanh Hoa là Trương Hiệu và người xã Bút Sơn là Tham bồi Nghị làm gia khách. Hiệu và Nghi vì làm trái ý Thuyên phải tội, bèn chạy đến với Tả quân Lê Văn Duyệt, ngầm đem bài thơ và tờ hịch của Thuyên chiêu dụ hào kiệt phương Bắc, đưa cho Duyệt xem. Duyệt xếp thành tội trạng của Thuyên. Thuyên phải tội xử quyết. Bấy giờ, Tả quân ghi công bọn Nghi[1] cùng Hiệu, tâu vua việc Thành gây bè đảng, chống mệnh lệnh. Chiếu thu triều phục của Thành, giam vào ngục kiên cố. Thơ của Thuyên đưa cho thân cố rằng:

Phiên âm:

Văn đạo ái Châu đa tuấn kiệt,
Đoán nhân trắc tịch thiết cầu tư.
Bắc Hải phục long thiên lý viễn,
Triêu dương minh phượng cửu cao tri.
Thử hồi thu đắc sơn trung tể,
Tán ngã kinh luân chuyển hóa cơ.

Dịch nghĩa:

Nghe nói Ái Châu nhiều tuấn kiệt,
Khiến ta cạnh chiếu những mong người.

---

[1]. Nguyên thư ghi là Quý 貴, phải là Nghi 宜 mới đúng.

Rồng nằm Bắc Hải xa ngàn dặm,
Phượng gáy triêu dương động chín nơi.
Hồi nay muốn được tể trong núi,
Giúp ta xếp đặt chuyến cơ trời.

Thị trung Học sĩ Vũ Trinh có tội, phải an trí Quảng Nam. Vì Trinh chữa bậy sắc bách thần, phải lưu đày ở phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Trinh đến Hội An, dạy trẻ học để tự túc, người đến học rất đông, có hơn 10 người thi đỗ. Rồi lấy nữ tỳ của Nguyễn Sở làm vợ, sinh một con trai. Sau gặp ân xá, Trinh xin về. Các học trò tâu xin lưu lại, lập đền thờ sống. Đến năm Đinh Hợi (1827) mới được về.

Giảm 3 phần 10 điền tô năm ấy.

Mùa hạ, tháng 5, Thanh Hoa đói to. Chiếu cho các phủ, huyện đều đem thóc tô bán cho dân. Riêng đối với huyện Tống Sơn, đặc cách gia ân cho vay.

Làm sách phong cho Hoàng tử (chép riêng ở sau, vào giờ Dậu ngày 11 tháng 5 tuyên đọc sách phong).

Tháng 6, Bắc Thành đại hạn.

Lập Hoàng tử Đởm[1] làm Thái tử. Ngày 9 tháng ấy, làm lễ yết miếu; ngày 11 lập làm Thái tử, đổi tên là Hiệu, lúc ấy 26 tuổi. Tờ chiếu rằng: "Nghĩa Xuân thu nhất thống ở chính danh; mưu Thánh nhân để sau, trước dựng người nối. Nay Hoàng tử Hiệu thông minh, nhân, hiếu, có thể gánh vác được. Chí trẫm định sẵn, các quan cùng theo. Đã lớn tuổi lại có đức, thực là vì thiên hạ mà kén được người.

---

[1]. 膽 Đởm (Đảm), sau đổi 皓 Hiệu (cũng đọc Hạo), đều là tên của Minh Mệnh (1820-1840).

Hiệu ngời sáng, lại càng thêm nhuần, nối cho xã tắc được dài mãi phúc"[1].

Thái tử đã lập, ra ở cung Thanh Hoa. Vua cho biển chữ vàng là "Chấn hanh môn". Hoàng tử Đởm vốn có lòng độ lượng rộng rãi, lúc còn bé đọc sách mỏi mệt mà ngủ ngày, tên thị nhi lấy mực vẽ vào mặt, thình lình vua đến, thị nhi chạy trốn cả. Vua cho hoàng tử soi gương, rồi hỏi sao lại vẽ vào mặt. Hoàng tử tự nhận tội. Vua sai Cẩm y vệ đánh cho 3 roi. Hoàng tử trở dậy lạy tạ, không khóc. Các phi tần chạy đến ôm lấy và nói: "Ông vẽ thế nào vào mặt mình được, sao không biện bạch mà lại chịu phạt". Hoàng tử nói: "Ta vẫn biết là thị nhi đùa nghịch, nói rõ thì chúng tất bị tội. Thà ta chịu tội mà khoan tha cho lũ kia, há chả là việc thiện à?". Mọi người đều phục hoàng tử là người có độ lượng. Vua muốn lập làm thái tử, nhưng các quan bàn tán không nhất trí. Vua do dấy chần chừ không quyết định được, ngày đêm thường than thở trước ngọn đèn xanh. Chỉ có Quý Kiệt tán thành việc lập Đởm làm thái tử để giàng buộc lòng người. Bấy giờ thăng Ngọc Đương làm Chánh phi. Thần dân dâng tờ khải đều phải tránh tên húy thái tử và xưng là thần. Tiết Thiên thu[2] cấm hành hình, sát sinh.

Mùa thu, tháng 8, ngày 18, giờ Tuất, Thuận An động đất.

Cho Nguyễn Du xã Tiên Điền làm Lễ bộ Hữu thị lang. Do văn hàn được dùng, Du giỏi về từ phú Nôm, thường làm truyện Kim Vân Kiều, ví với cảnh mình làm quan xa nhà

---

[1]. Xem thêm toàn văn bài *Sách phong Hoàng thái tử* năm Gia Long thứ 15, trong phần *Tham bổ* ở cuối sách.

[2]. Tiết Thiên thu: sinh nhật của Thái tử Đởm.

mà không nên công trạng gì, được thiên hạ truyền tụng. Phạm Quý Thích viết *Lời tựa* cho truyện ấy.

Quận Hiệp dùng Đề lĩnh Thái làm An phủ phủ Hoài Đức.

Diên tự công Lê Duy Hoán có tội, bị giết.

Năm Quý Dậu trước, Hoán có tội bị tước bổng, thường uất ức không vui, ngầm nuôi sư Hà Liễu, làm ấn đồng giả. Việc phát giác, Hoán cùng vợ con bị giải vào Kinh, phải tội lăng trì, thây ném xuống Băng Hồ; gia đồng 13 người đều bị xử tử. Con nhỏ là Duy Lương trốn vào núi. Chiếu rằng: "Đã phong tước thượng công, lại hậu cấp lương bổng, xét vào lý, thì lấy oán báo đức; trách vào lòng, thì là lấy tôi thờ vua. Trẫm vẫn không muốn trị tội, nhưng đình thần bàn khép vào pháp luật...".

Ngụy chỉ huy Lục đánh cướp Sơn Nam, ngầm ẩn ở núi Tam Tinh rừng ngang, đám cướp của công, tôn Lê Đoàn làm chủ tướng. Các quan huyện Sơn Minh và Thanh Trì vì không phát giác, bị tội xử tử; vợ con đều phải sung công. Cha con Thủ lệnh xã Phương Độ thông thư tín với ngụy bị bắt, giam vào ngục, uống thuốc độc chết. Quan trấn Ninh Bình bắt được cha của Lục, đem giam vào ngục.

Định 2 hạn tô thuế: Điền tô vụ đông, vụ hạ, trách cứ tổng trưởng, xã trưởng. Thuế thổ sản vụ xuân, vụ thu, trách cứ hương hào chi thu, đều cho nộp thay bằng bạc tiền. Người đếm tiền mỗi 100 quan lấy 3 tiền. Tiền chuỗi xâu tiền, mỗi 100 quan lấy 7 tiền.

Tháng 9, ngày 26, giết Binh bộ Thượng thư Đặng Đình Thường. Trung quân Nguyễn Văn Thành tự tử.

Trước đây, bộ Hình dâng bản án lên, vua sai Lê Quý Kiệt phúc thẩm, rồi cho Thường và Thành mỗi người một

gói thuốc độc, một tấm khăn đỏ và một thanh đoản kiếm[1] bắt tự tử. Hoàng thái tử cố can, vua không nghe. Khi Cẩm y viện đem ban các thứ, Thường nói: "Ta không uống thuốc độc, ta không dùng gươm, không thắt cổ[2], xin đi chịu chém". Bèn chém Thường. Thành uống thuốc độc chết.

Hải Dương trấn thủ Ân quang hầu chết. Làm quan ở trấn 15 năm, ông mở Hải học đường, cùng Đốc học Trung chính bá Nguyễn Quỳ, Trợ giáo Thời bình nam Nguyễn Phác khảo đính sách *Bắc sử thi phú* và *Phong vật chí*[3]; đến đây phát bệnh ung thư, chết, sau làm Thần hoàng làng Phúc Thị.

Trấn thủ Sơn Nam vì có tang cha mẹ, miễn quan, cho Đề lĩnh Thái thay làm Trấn thủ (xem *Ngoại truyện*).

Quận Hiệp đắp đê mới ở Cửa Đông. Đê cửa ô Phúc Lâm Bắc Thành bị vỡ, nước tràn vào, bèn đắp đường thẳng ở Cửa Đông để ngăn nước.

Phong con vợ lẽ là Đài làm Kiến an công.

Đinh Sửu năm thứ 16 (1817),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 22.

Mùa xuân, tháng 2, ngày 23, trấn Kinh Bắc mưa đá.

Tháng 3, sai Hàn lâm Lê Quốc Trinh và Phan Huy Thực

---

[1]. Thường gọi là 三頒朝典 *Tam ban triều điển*: Theo điển lệ triều đình, được ban ba hình thức tự chết, thường những đại thần nhiều công lao khi bị tội tử hình mới được cho lựa chọn cách chết như vậy.

[2]. Tức sách 海洋風物志 *Hải Dương phong vật chí*. Nguyên thư lặp lại hai lần "bất tu dược, bất tu dược", rồi mới đến "bất tu cân", chúng tôi ngờ rằng 藥 "dược" (thuốc độc) dưới là chữ 劍 "kiếm" (gươm) mà sách in nhầm.

[3]. Như trên.

sang nhà Thanh dâng lễ cống. (Thực người Quốc Oai[1], con của Huy Ích).

Sách phong Hoàng tông 10 người[2].

Mùa hạ, tháng 4, mồng 1, ngày Giáp Tuất, giờ Mùi, có Nhật thực. Tháng ấy đại hạn, trước đây Khâm thiên giám tâu năm ấy tháng 4, tháng 10 có Nhật thực. Ban chiếu cho lễ hưởng tháng mạnh hạ và tháng mạnh đông, đều hoãn đến ngày mồng 4 các tháng ấy.

Ngày mồng 7, Quận Hiệp mộ hào mục đi tòng quân. Lúc bấy giờ ngụy chỉ huy Lục cùng các tù trưởng là Cửu lang, Thập lang đánh phá xã Khương Đình huyện Thanh Trì. Quận Hiệp bắt được hơn 20 người, đem chém cả. Rồi mộ hào mục Bắc Thành ai có thể đem quân nghĩa dũng đi đánh giặc thì cho làm cai đội và đều cấp lương tháng, biên vào hạng *Ngoại tiêu sai*.

Ngày 21, Bắc Thành cháy to, cháy lan đến phố khách Minh Mương, từ chiều đến nửa đêm mới tắt.

Ngày 29, Bắc Thành mưa ra cát vàng (kim sa).

Tháng 5, sông ở Gia Định, tức là Bến Nghé nước trong, uốn từ núi Côn Lôn, sắc nước đỏ ngầu; đầu năm Nhâm Tuất (1802) trong 3 ngày liền; đến đây lại trong 12 ngày. Hoàng tử sai quan văn hàn làm bài tụng *Hà thanh*.

Giảm 1 phần 10 điền tô vụ hạ năm ấy. Bấy giờ, giá thóc trong nhân dân mỗi hộc 1 quan 1 tiền, giá Nhà nước 1 quan 5 tiền. Cho nộp thóc 5 phần, nộp thay bằng tiền 4 phần.

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là 青 威 Thanh Oai.

[2]. Xem thêm mục *Sách phong Hoàng tông* năm Gia Long thứ 16 trong phần *Tham bổ* ở cuối sách.

Quan Thượng hình ở Bắc Thành vì điên đảo văn án, phải tội cách chức. Bấy giờ pháp luật nghiêm khắc, công khanh có tội lỗi đều bắt đeo gông sơn đỏ; có tội, phải phục xuống đất, vẽ vòng rồi đánh roi cho nhục. Có viên Hình tào giữ phép khoan thứ: mỗi khi đệ văn án, thì ăn chay, ở nhà riêng, xét đi xét lại rất kỹ, rồi mới đệ án. Nếu gặp lúc Quận Hiệp đương tức giận thì không nộp tù, đợi lúc nào vui cười mới nộp. Bấy giờ Bắc Thành có đến 500 người tù giam, ngày ngày sai đi gánh nước, cắt cỏ (viên Hình tào ấy cấp cho ăn uống, đói rét thì phát chăn chiên. Nếu có tù trốn, chỉ bắt tội một người thủ ngự. Viên ấy lại nghĩ: Việc quyết đoán hình ngục rất khó, có quan hệ đến ân đức. Thường sai đầy tớ mổ gà làm cơm. Viên ấy giấu cái gan gà đi, rồi thử dọa tra tấn tên đầy tớ thì hắn chối cãi, nhưng tra tấn mãi không thôi, hắn phải thú nhận). Viên Hình tào ấy mới than rằng: "Lòng người như sắt, phép quan như lò, thiên hạ há không có người bị oan hay sao?".

Mùa thu, tháng 7, đêm mồng 1, khắc dấu canh tiếng sấm nổ to.

Tháng 8, ngày mồng 1, sách phong Hoàng tông.

Tháng 8, Bắc Thành đại hạn.

Cấm giết thịt trâu bò. Lúc bấy giờ trâu bò phần nhiều chết dịch. Có chiếu: Từ tháng 6 trở đi, khai thực ở phủ, huyện, trâu của công cấp 5 quan, bò cấp 3 quan, đều cho trừ vào tiền thuế điền. Rồi cấm không được giết thịt trâu bò.

Mùa đông, tháng 10, mồng 1, ngày Tân Mùi, giờ Mão 7 phân, Nhật thực.

Tháng 12, giảm 5 phần 10 điền tô vụ đông. Lại chiếu: Tiền nợ từ năm Giáp Tuất trở về trước đều miễn, từ năm Giáp Tuất trở về sau, đều hoãn 1 năm.

Tháng 12, lấy ngày rằm tháng quý đông [tháng 12] làm tiết chạp.

Sắc phong tước hầu của con trưởng dòng đích các công thần (Vũ Tông Khánh trở xuống 10 người), xem thêm phần *Tham bổ*[1].

Mậu Dần năm thứ 17 (1818),
Thanh, Gia Khánh năm thứ 23.

Mùa xuân, Đốc học Hải Dương là Nguyễn Quỳ chết. Quỳ là cựu Giám sinh, người xã Thọ Khê, huyện Đông Ngàn, làm quan 14 năm, thọ 70 tuổi. Phạm Quý Thích làm bài văn tế.

Tháng 3, sai Trương Hiệu đi dò xét quan lại Bắc Thành. Hiệu đã nương tựa Lê Văn Duyệt, nhân xin làm con nuôi. Một hôm cùng Phó vệ tranh ngôi thứ, bị Văn Duyệt quở mắng. Hiệu đóng cửa đầy tháng, không ra mắt Duyệt. Duyệt đòi đến hỏi vì cớ gì. Hiệu nói chí khí cứng rắn của đại nhân so với Hiệu này thế nào. Duyệt hỏi: "Thế là thế nào?". Hiệu nói: "Đại nhân không dám tố cáo Quận Thành, thế mà Hiệu dám tố cáo, đại nhân không bằng Hiệu chỗ ấy". Duyệt vỗ tay, cười to. Lại thân yêu như cũ. Đến bấy giờ, Duyệt tâu cho Hiệu ra Bắc Thành dò xét các quan lại (sau Hiệu bị người nhà Quận Thành giết chết).

Cho Thị trung Phan Văn Thúy làm Thống chế cơ Mười.

Vận tải thóc thuế Bắc Thành vào Kinh, dùng 100 thuyền trường đà.

Đổi tên Quảng Văn đình Bắc Thành làm Quảng Minh đình (xem thêm phần sử viết về đời Lê Thánh Tông).

---

[1] Ở cuối sách, năm Gia Long thứ 16 (1817).

Mùa thu, tháng 8, trấn Kinh Bắc nước lụt. Bấy giờ mưa lâu không tạnh, vỡ đê sông Thiên Đức, xã Du Lâm phải dời sang bờ nam. Hai phủ Bắc Hà, Lạng Giang bị lụt.

Mùa đông, tháng 10, thăng Quận Hiệp Lê Tông Chất làm Tổng trấn Bắc Thành. Ngày 20 tháng ấy, Chất đi kinh lược các trấn, đến ngày 10 tháng 11 mới về.

Sửa đắp Bắc Thành và 2 huyện Vĩnh Thuận, Thọ Xương; sửa 5 cửa Đoan Dương và điện Kính Thiên. Quân 5 doanh sửa ngoại thành (đều y theo phần đất cũ).

Ngụy Chiêu Nham, Ba Khoa làm giặc. Nham người xã Giao Cốc, con Thạc Vũ hầu. Khoa người xã Quế ổ, anh con bác của Đề lĩnh Thái. Khoa theo quan Điều vát đem nghĩa dũng đi quân thứ, can tội giết người, quan Bắc Trấn giam vào ngục, bèn trốn thoát, cùng với Nham đi cướp bóc.

Tham bổ: Con Ngô Thế Lịch là Thanh, cũng cùng bọn Nham đi làm giặc. Quận Hiệp bắt Thế Lịch giam vào ngục.

Kỷ[1] Mão năm thứ 18 (1819), Thanh, Gia Khánh năm thứ 24.

Mùa xuân, tháng giêng, triệu Giám sinh nhà Lê cũ là Nguyễn Quốc Bảo ra làm Quốc tử Đốc học. Bảo người xã Hồi Bão, huyện Tiên Du, đỗ Giải nguyên đời Cảnh Hưng, là cha của văn hàn Quốc Thực. Bảo khi dạy học ở xã Đại Vi, ăn khoai và vừng. Người bản địa dâng gạo mới. Thê thiếp khinh bỉ khoai và vừng, Bảo răn là không nên.

Tả quân Lê Văn Duyệt đánh giặc Nghệ An, dẹp yên cả. Bấy giờ Nghệ An nhiều giặc, phủ huyện không trị được.

---

[1]. Nguyên thư chép là 乙 Ất.

Vua sai Duyệt đi đánh dẹp và chiêu an cho được tiện nghi làm việc. Duyệt đến trấn Nghệ An, sai Triều Thái (xem năm Quý Hợi), Âm Lang (xem năm Kỷ Tỵ) tìm bắt giết các tướng ngụy là Hiệp Lễ, Trương Bôi và Tống Nho, phủ dụ cư dân, các giặc đều ra hàng. Lê Trần Hiệu, người xã Phú Điền, huyện Đông Sơn cũng ra thú, được Duyệt thân yêu, cho làm mạc phủ[1]. Còn ngoài ra, kẻ sĩ và người dân nào có tài trí cũng đều được tuyển lựa để cử. Một cõi Nghệ An đều yên. Hiệu đến năm Kỷ Mão đỗ Giải nguyên khoa thi Hương và năm Nhâm Ngọ đỗ Tiến sĩ khoa thi Hội.

Tham bổ: Triều Thái và Âm Lang đều là thổ tù rừng Ngang, tuân theo mệnh lệnh triều đình. Thái đã được tước Quận công, mà Âm còn ở hàng dưới. Âm bèn mưu đồ riêng... Đến lúc Văn Duyệt chiêu thảo, Âm đến yết kiến, Duyệt cho lên tước Quân công, ngang hàng với Thái. Chưa bao lâu, chiêu mộ binh lính nổi loạn, đốt cướp trại Âm. Âm lại làm phản. Tướng giặc Thanh Miện là Tiền ra hàng.

Ngụy giặc chỉ huy Lục cướp Vân Sàng. Lục ngụy trang làm lính Bắc Thành đi hộ tống hàng hóa Nhà nước 200 hòm. Đêm nghỉ ở Vân Sàng, trấn quan trong thành Ninh Bình không biết, thong dong khoản tiếp. Lục xin tha tù nhận diện làm hiệu, phục binh trong hòm đều đổ ra, bắt trấn quan cõng cha (Lục) ra khỏi thành, lấy hết cả tiền kho mà đi, trấn quan không dám đuổi theo.

Tham hiệp Yên Quảng vì tội hống hách lấy tiền của dân, phải tội chết. Châu Vạn Ninh phần nhiều có ruộng hoang. Tham hiệp ức hiếp dân bắt khai làm thực điền, đòi ăn bạc tiền đến hàng nghìn, bị dân trong châu tố cáo. Quan

---

[1]. Mạc phủ: 幕 府 nơi làm việc của tướng súy, đây chỉ dinh thự của Lê Văn Duyệt.

xét xử là Thủ Dung xếp đặt thành án, Tham hiệp phải giam 1 năm. Tiểu thiếp của Tham hiệp trấn là Xuân Hương hay chữ, lại hiểu chính sự, bấy giờ gọi là tài nữ. Tham hiệp thường sai can thiệp việc bên ngoài. Thủ Dung vẫn ghét sẵn.

Mùa hạ, tháng 4, vua triệu Tổng trấn Bắc Thành là Lê Tông Chất vào chầu (đến tháng 9, Chất trở ra Bắc).

Mùa thu, tháng 8, Bắc Thành mưa to, lúa ngập hết.

Ngày 26, ngày Ất Mão, mặt trời xanh như chàm.

Tháng 9, gia phong Tả quân Lê Văn Duyệt làm Thái sư, lại phục chức Tổng trấn thành Gia Định.

Bắc Thành đều đặt tổng hào. Tổng trưởng ở đâu không làm nổi việc tuần phòng, thì lập riêng tổng hào. Mỗi tổng đều đặt 2 trạm để khám xét.

Mùa đông, tháng 10, ngày 11, Trợ giáo Bắc Thành là Lê Quỹ chết.

Tháng 11, giảm 2 phần 10 thuế vụ đông ở Bắc Thành.

Định phép ấm tử: Con quan Tam phẩm trở lên gọi là Nhiêm tử. Con quan Tứ phẩm gọi là Quan viên tử. Con quan Ngũ phẩm trở xuống gọi là Nhiêu nam.

Tham hiệp trấn Kinh Bắc là Quý chết ở Quảng Bình. Quý làm Đề điệu trường Thăng Long, vào Kinh phục mệnh, đi đến Quảng Bình thì ốm chết. Khoa ấy 5 trường thi Hương: Cao Huy Diệu coi trường Gia Định, Lê Huy Du coi trường Sơn Nam, Hồ Bảo Định coi trường Thăng Long, Quý làm Đề điệu. Học trò của trường làm câu vè rằng: "Quý khí vượng ở tây bắc, Sao Bột hiện ở đông nam". Lại có bài văn tế "Sao Bột"[1] và bài văn tế Phạm Đình Hổ . Sĩ phong kiêu bạc đều như thế!

Tháng 12, ngày 19, vua mất (thọ 58 tuổi). Quần thần

---

[1]. Chú thích về Lê Huy Du ở phần trên.

dâng tôn hiệu là Khai thiên hoằng đạo, Lập kỷ thùy thống, Thánh văn thần vũ, Tuấn đức long công, Chí nhân đại hiếu Cao hoàng đế, miếu hiệu Thế tổ.

Lại dâng tôn hiệu Hoàng hậu Tống thị: Thừa Thiên tá thánh, Hậu đức từ nhân, Gián cung trai hiếu, Dực chính Thuận đức Cao hoàng hậu.

Tham bổ: Bài văn Thế tổ tế Tống hậu, đại lược như sau: "Trâm cài theo lễ, hoa tai đeo nổi thi, rau vĩ nêu trung, rau tần tỏ tín. Chạy ngựa dựng nghiệp Chu, ngăn gấu đỡ vua Hán...". Lại như: "... Lúc tiềm lòng em trời xe mối, trinh khiết nối kinh thất. Khi yên cư hiền phụ nêu gương. Kiệm cần gây hóa Chu lương. Mười loạn thần[1] trong có ấp Khương, hai vợ hiền kiêm hai Nghiêu nữ. Gặp vận truân, được bạn khôn[2], gian nan theo cờ Khang Vũ, rửa nhục thù tám, chín đời tiên vương. Chim Hà Châu[3], bến Vĩ Nhuế[4], lặn lội trên đường Thục Tần, cũng phong trần ba mươi năm nước bạn[5]. Nghi phạm Hữu Sằn, Đồ Sơn[6], hòa thiện điều năm dây đàn Ngu Thuấn; phong lưu Thái Nhâm, Thái Tự[7], túc ung sáng trăm cỗ xe chu hoa. Gây dựng nên hoàng đồ từ áo tơi rừng cọ. Cần cù hơn khi về Tây Hử. Đoan trang thành nội tắc như ngọc cư hành, hóa đức trạch lưu thơ vịnh Nam cũ ", v.v...

---

[1]. Loạn thần: bề tôi giúp vua dẹp loạn.

[2]. Bạn khôn: chỉ vợ hiền (khôn: theo nghĩa quẻ khôn trong *Kinh Dịch*).

[3]. Lấy chữ Kinh Thi: "Quan quan thư cưu, tại hà chi châu", bài thơ nói lên hiền đức của vợ vua nhà Chu.

[4]. Chỉ vợ vua Thuấn có đức tốt.

[5]. Ý nói Tống thị đã theo Nguyễn Phúc Ánh lưu vong ở thành Vọng Các nước Xiêm hàng 30 năm.

[6]. Hữu Sằn: quê của bà Thái Tự, mẹ Chu Vũ Vương. Đồ Sơn: quê bà Nữ Vi, vợ vua Hạ Vũ.

[7]. Thái Nhâm: vợ Vương Khứ và là mẹ Văn Vương nhà Chu. Thái Tự: vợ Chu Văn Vương và là mẹ Chu Vũ Vương. Mấy bà trên đây đều là những hậu phi có hiền đức, đã giúp thành nghiệp vương cho nhà Hạ, nhà Chu. Tác giả bài văn tế dẫn dụng để sánh với Tống thị.

Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

QUỐC SỬ DI BIÊN

TẬP TRUNG

Quốc triều Đại Nam kỷ (triều Minh Mệnh), Thánh tổ Nhân hoàng đế (húy Đởm (Đảm), tự Hiệu, thái tử của Thế Tổ, sinh năm Tân Hợi (1791), tháng 4. Năm Bính Tý (1816) lập làm thái tử. Năm Canh Thìn lên ngôi hoàng đế, đến năm Canh Tý (1840) cộng 21 năm, thọ 50 tuổi. Chiếu xưng "Thừa Thiên hưng vận hoàng đế" đặt hiệu theo Đại Thanh là bắt đầu từ đây).

Canh Thìn, Minh Mệnh năm đầu (1820), Thanh, Gia Khánh năm 25.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, hoàng thái tử lên ngôi ở điện Thái Hòa, đổi niên hiệu, đại xá. Ngày 27 tháng 12 năm trước, kính cáo Giao Miếu; ngày 28, kính yết linh sàng. Đến đây, lên ngôi. Chiếu rằng: "Hiếu tử thảo với cha, chủ tế để phụng thờ tôn miếu, Thánh nhân đầu vạn vật, rủ áo niêm để theo nghìn kiền khôn. Cho nên tự nước trông vào một người, mà truyền tử theo đời tam đại. Mệnh trời ở đâu, thần khí có chủ. Lớn thay, Thánh tổ thần tôn ta: cõi nam gây nên, âu vàng dựng nước. Mưu tốt công to, sáng ngời từ trước, ơn sâu đức lớn để lại đời sau. Hoàng khảo ta vâng nhận mệnh lớn, lại dựng nghiệp to, cầm gươm đánh

giặc, đội mũ trị dân. Hơn hai trăm năm khai thác, võ công sáng rực từ xưa. Thân mười tám năm ân cần, đế đức với trời cùng lớn. Đỉnh Hiên Viên mới đúc xong, mà núi hồ không kéo lại được, Hoa Đường Nghiêu chợt vừa rụng, đến hang sâu cũng thấy đau thương. Thực hoàng thiên giáng tai ương cho cả nước, nên hoàng khảo để gánh nặng cho mình ta.

"Trẫm lấy đức mộng giữ ngôi nguyên lương, nghỉ bóng cây, cưỡi trên thuyền[1] dạy bảo kính theo khuôn phép; cày cấy ruộng, làm nhà cửa để mưu toàn việc dành cho nhờ ở mưu mô. Nghĩ gánh vác khó nhọc, thêm thương xót chừng nào! Bởi vô cùng mạnh cả, cũng vô cùng lo nghĩ, nỗi noi càng giữ lòng hiếu tư; mà đã được ngôi to, tất lại được tiếng hay, khó thác vinh theo thiên cố mệnh. Nay Chu công đại thần nội ngoại văn võ trăm quan dâng sớ khuyên trẫm sớm chính vị hiệu để theo lòng mong đợi của mọi người. Bởi thế, châm chước lễ văn, bớt thương thuận biến, lên ngôi hoàng đế ở điện Thái Hòa. Trẫm vâng mệnh sáng của trời, nhận mệnh sáng của hoàng khảo, vậy lấy năm nay làm Minh Mệnh năm đầu để chính huy xưng mà tỏ đại thống.

Than ôi, nối chí noi việc là hiếu tư, mong tuyên dương đức tốt liệt thánh; ăn mừng ban ơn về xuân thu, để thấm thía cả thứ dân. Vậy bá cáo rộng ra, cho mọi người nghe biết".

Có 16 điều ân xá khai ra sau đây:

1) Phàm dân ai thiếu tiền thuế sản vật từ năm Gia Long 18 trở về trước đều tha cả.

---

[1]. Nghỉ gốc cây, cưỡi trên thuyền: Đường Thái tông thấy Thái tử đứng dưới gốc cây thì bảo rằng: Cây gỗ theo dây mực thì thẳng, vua nghe lời can là thánh, thấy Thái tử cưỡi thuyền thì nói: Người có thể chở thuyền mà cũng có thể lật thuyền.

2) Tiền và thóc về các thuế đinh, thuế điền và thuế sản vật trong năm Minh Mệnh thứ nhất đều cho khoan miễn.

3) Hoàng đệ, hoàng điệt đã phong tước công đồng niên đều cấp thêm tuế bổng 500 quan, gạo 500 phương.

4) Các hoàng đế còn bé chưa phong tước công, đợi 3 năm trưởng thành, sẽ do bộ Lễ bàn tâu xin Chỉ sách phong.

5) Người nào trong họ tôn thất chưa có quan chức, sẽ do bộ Lễ hiệp cùng Tôn nhân phủ tra rõ tông phái xa gần, tâu lên đợi Chỉ, cấp thêm tiền và gạo có cấp bậc.

6) Văn võ quan viên từ tứ phẩm trở lên, ở ngoài từ tam phẩm trở lên đều cho thăng một cấp, đợi nghị định phụng hành.

7) Văn võ quan viên ở Kinh từ ngũ phẩm trở xuống, ở ngoài từ tứ phẩm trở xuống, hiện có lương bổng thực tiền, đều theo lệ tiền và gạo của bản bổng, lại cấp thêm cho một tháng lương nữa.

8) Văn võ quan viên từ tam phẩm trở lên, cha mẹ hiện còn, thì theo phẩm, chuẩn cho cáo sắc, nếu chết rồi, cũng theo phẩm, chuẩn cho phong tặng.

9) Con các quan văn võ tam phẩm trở lên, trừ con các công thần Vọng các đều định quan tước, rồi đều cho một con hưởng ấm, được vào Quốc tử giám học, tựu trung người nào đã trưởng thành có thể bổ dụng được, sẽ cho các đại thần cử, thì theo thứ tự dẫn kiến, tùy tài bổ dụng.

10) Trong số quan viên công thần Vọng các, trừ con cháu trưởng và dòng đích, tuổi đã trưởng thành, đã trao quan tước rồi, còn ai không có con cháu dòng đích, mà có con thứ hoặc cháu thứ, sẽ cho cai quản hoặc quan địa phương khai rõ lý lịch, cam kết, giao bộ Lễ xét thực chước định cấp cho quan tước hoặc cấp cho tiền và gạo.

11) Những công thần đã chết mà không có con cháu thừa tự, đều cho viên cai quản hoặc quan doanh trấn sở tại điều tra rõ về viên ấy, nếu người vợ hãy còn và thủ tiết, thì đem sự tình tư báo bộ Lễ tâu xin, sẽ cấp cho tiền và gạo để nuôi.

12) Các bách thần cả nước đều cho bộ Lễ tra rõ xin Chỉ phong tặng có cấp bậc.

13) Nhà Quốc tử giám trước đã đặt học hiệu, nay lại đặt thêm nhà, thêm phòng, phát lương cho các sinh viên, để tiện đọc sách tập văn.

14) Các trường hương thí khoa Kỷ Mão (1819) năm Gia Long thứ 18, trừ những người dự trúng tứ trường, tam trường đã được cho làm hạng ngoại tiêu sai[1] rồi, còn những người dự trúng nhị trường này cho miễn sưu lính 3 năm, người dự trúng nhất trường cho miễn sưu lính 2 năm.

15) Từ mờ sáng ngày tết Nguyên đán năm Minh Mệnh thứ nhất trở về trước, những người phạm tội quân lưu trở xuống, đã kết án hay chưa kết án, đều tha cả. Còn các tù tội chết có bao nhiêu người, đều giao bộ Hình tra rõ tội danh nặng nhẹ tâu lên, xin Chỉ khoan giảm có cấp bậc.

16) Các trộm cướp bất luận nặng hay nhẹ, thủ phạm hay tòng phạm, ai biết sửa lỗi đổi mới, thân đến doanh trấn các thành sở tại mà thú tội, đều cho khoan miễn.

Lúc đầu quốc triều, những bài từ mệnh phần nhiều dùng lẫn chữ Nôm. Từ đời Minh Mệnh về sau, đổi dùng giấy vàng viết chân phương trang nhã, văn chương trường thi và từ tấu của thần dân, chữ viết đều theo *Khang Hy tự điển*, không được viết kèm chữ thảo, cách thức càng phải tinh tường.

---

[1]. Ngoại tiêu sai: xem chú giải ở quyển Thương năm Gia Long.

Đổi khắc niên hiệu ở lịch (năm trước ban lịch đề là Canh Thìn, Gia Long năm thứ 19, nay đổi niên hiệu mới, bèn đổi khắc niên hiệu ở lịch.

Khắc in lịch Vạn niên theo lệ niên hiệu của Xuân Thu, khởi đầu từ Triệu Tổ năm Quý Tỵ (1533) trở đi, ban bố chữ thụy các miếu từ Triệu Tổ về sau cộng 20 chữ, có chữ khi làm văn thì viết thêm nét, có chữ khi làm văn thì đổi dùng chữ khác, địa danh, nhân danh gặp phải chữ húy không được dùng, lúc đọc đều phải kiêng âm. Chữ húy đức thánh Khổng Tử đổi làm chữ khưu (丘). Tên người không được đệm chữ "phúc" (福) , tên nào ở trên có chữ "ngọc" (玉), sau có chữ "nhật" (日), đều cho cải chính.

Tôn sinh mẫu làm thái hoàng hậu Hậu húy Ngọc Đương, người Hóa Châu, là con gái Tham tri Trọng, sinh ngày 27 tháng 11 năm Mậu Tý (1768), năm ấy 53 tuổi, rước lên ở cung Từ thọ, lấy sinh nhật làm tiết Thánh thọ [xem năm Tân Tỵ (1821)].

Tháng 2, quan trấn Kinh Bắc đánh các đám giặc ở châu Hữu Lũng, dẹp yên được. Giặc Thái Nguyên đến cướp tổng Xích Độ thuộc châu Hữu Lũng, trấn quan đi từ Trạng Thị ra đánh, bắt được giải về Bắc thành.

Cho Phó tướng Long vân hầu Nguyễn Tiến Bảo trấn thủ Vị Hoàng. Tháng 3, ngày mồng 4, Bắc thành tổng trấn Lê Tông Chất và Bảo tuyền đại sứ Trương Văn Minh vào châu (tháng 8 năm sau đều trở ra Bắc), chiếu các trấn phát thóc và tiền cho dân vay, vì khoai, đậu, lúa chiêm chưa chín, dân chúng phần nhiều thiếu ăn, cho hương trưởng sở tại tạm lĩnh thóc công cho dân ăn, đợi năm lúa chín trả gốc vào kho, quân dân đều kê 4 suất, cho vay 1 hộc thóc, 1 quan tiền.

Mùa hạ tháng 4 năm Tân Sửu, ngày 16 táng lăng Thiên

Thụ, cho Lê Quý Kiệt và doanh tượng quan tu tạo sơn lăng. Trước 3 ngày, cấm sát sinh, ngày ấy giờ Dậu, kính đặt huyền cung[1] ở xã Định Môn, tọa quý hướng đinh, dựng bia thần công. Quý Kiệt thường được vua vời không lấy cân cốt làm lễ, bị doanh tượng quan hặc. Quý Kiệt từ tạ, vua phải phân giải, từ đấy về sau, vua chỉ triệu một mình Quý Kiệt, doanh tượng quan không dám nói gì nữa.

Cho Lễ bộ Tham tri Lê Quý Kiệt kiêm Thái thường tự khanh, làm việc Hiệp trấn Sơn Nam thượng[2].

Chiếu cho các quan từ tam phẩm trở lên đều để cử những người hiền tài không cứ là thế tộc hay nhà hàn vi.

Lại triệu Tiến sĩ, Giám sinh nhà Lê cũ và những người có văn học uẩn súc có tài hạnh đầy đủ, dẫu đã thi trúng, quan phủ huyện sở tại cũng làm sổ dâng tâu. Lục lang xã La Mỗ, tam lang xã Sài Sơn và lũ Uông Sĩ Đỗ đều được dự cả. Vua cất nhắc lên làm Hàn lâm viện hiệu thảo. Tháng 5 định lệ cống sĩ làm hành tẩu. Bọn Phan Huy Thực đi sứ năm Đinh Sửu (1817) nhà Thanh về, có tập *Kinh sao* nói về quan chế, phép thi triều Thanh, và nói cống sĩ chia phái Lục bộ, tập điển chương, gọi là hành tẩu, có chiếu bàn thi hành. Bấy giờ mới triệu cả cống sĩ 3 trường, thi lại từ hàm tứ lục, ai trúng cách thí chia đi làm hành tẩu ở Lục bộ, ai thi hỏng thì cho về, từ đấy đặt làm phép thường.

Tháng 6 đại hạn, chiếu cầu người hiền lương, và tìm sách còn sót.

Ban biển thếp vàng cho trinh nữ phủ Lạng Giang là Hà thị.

---

[1]. Huyền cung: quan tài của vua.

[2]. Nguyên thư có chua "măn sư" (滿 師) ở dưới chỗ "Sơn Nam thượng hiệp trấn".

Hà Thị Biên người xã Thái Đào, huyện Yên Thế, thủ tiết mà chết, không chịu để kẻ cường bạo làm dâm ô, cho nên đặc cách nêu khen, để khuyến khích phụ nữ trong thiên hạ giữ trinh tiết.

Mùa thu, tháng 7, tuyển người bị cung hình (thiến) vào làm nội thị, tuổi từ 20 trở lên, 40 trở xuống, để sai khiến làm việc trong nội cung. Chiếu cấm hút thuốc phiện, tức là nha phiến (lại có tên là ả phù dung, có tác dụng là điều trung, tiêu đạo) do khách buôn Minh Hương dâng Tổng trấn Bắc thành. Tổng trấn hút thuốc ấy, say đến 5, 6 ngày không tỉnh, bỏ chính sự bê trễ. Việc ấy dâng đến tai vua. Vua hạ chiếu cấm: Khách buôn có ai giấu riêng, sẽ bị tội. (Hóa giá thuốc bắc có vị nha phiến, cao ni-a-phiên). Nay xét sách *Bản thảo* có cây anh túc, trong mùa nở hoa, dùng dùi tre chích lấy nhựa, chứa vào thứ đồ bằng bạc, lấy giấy bịt kín, phơi 24 ngày, thành từng phiến, nhân thế gọi là nha phiến, lại có tên khác biệt gọi là ả phù dung.

Đổi tên huyện Gia Định làm huyện Gia Bình, vì trùng tên với trấn Gia Định.

Tháng 8, dịch bệnh bùng phát. Chiếu ban cho thuốc ngự dụng và cấp tiền tuất. Lúc bấy giờ đô thành dịch bệnh phát to. Tháng 9, truyền nhiễm ra Bắc thành, quan dân các trấn chết đến hàng nghìn người. Ngày 13, vua nghĩ lo vì việc dân sinh không được yên ổn, sai bọn y quan Trịnh Hoài Đức biên những bài thuốc hay đem ban phát, lại phát thuốc viên và cho tiền tử tuất. Về sau, dân hay khai gian, thành ra kiện cáo nhau.

Làm lại sổ đinh.

Đúc tiền Minh Mệnh, cấm chọn chê tiền xấu.

Vua nhà Thanh mất, con là Huyền Trinh nối ngôi, đổi niên hiệu là Đạo Quang (1821-1850).

Cho giám sinh họ Đinh xã Kim Khê tham bồi bộ Lễ (người này là cha Đinh Phác).

Tháng 12, ngày mồng 1, chiếu hủy bỏ tiền 4 loại hiệu ngụy là các tiền Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh, Bảo Hưng, cho đem nộp vào quan để tiêu hủy, các lái buôn mua bán, hạn cho lưu hành trong 5 năm, ngoài hạn ấy thì cấm.

Sửa lại chùa Thiên Mụ, đúc chuông đồng và tượng Phật, vì chùa này là trấn long mạch đô thành.

Tham quân Chấn chết.

Sai Tham bồi bộ Hình[1] Trần Bá Kiên sang nhà Thanh cầu phong. Rồi chiếu Bắc thành sửa sang hành đài, công quán và đường xá để dự bị đón tiếp sứ sang tuyên phong.

Hình tào là Thiền bị miễn quan (vợ Thiều người xã Liễu Khê).

Tân Tỵ năm thứ 2 (1821), Thanh, Đạo Quang năm đầu.

Mùa xuân, tháng giêng, chiếu cho Sử quán làm sách *Liệt thánh thực lục* (9 quyển).

Tháng 2, Bắc thành lại phát dịch bệnh (phát thuốc và cấp tiền tuất như trước).

Đổi gọi "lính" là "binh", cho 2 năm một lần phát quần áo.

Cho: cựu Hương cống Cự xã Lạc Đạo làm Đốc học Kinh Bắc, Đạo thành nam tước làm trợ giáo.

Triệu Nguyễn Huy Lý vào làm Thị giảng.

---

[1]. Tham bồi bộ Hình: *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ*, quyển 5 chép là Thiêm sự bộ Hình.

Cho Nguyễn Đăng Sở làm Đốc học thành Gia Định.

Mùa hạ, tháng 5, lại triệu Học sĩ Phạm Quý Thích. Quý Thích cố từ không đến. Vua cho đem lụa súc và xe êm đến đón. Thích đi đến Thanh Hóa, dâng biểu cáo bệnh, lại về Bắc thành.

Mùa thu, tháng 7, mở ân khoa cộng 5 trường: Đô thành, Gia Định 2 trường thi vào tháng 7; Nghệ An, Thăng Long, Sơn Nam Hạ 3 trường thi vào tháng 9, đều hạn 1 tháng thi xong. Lấy các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu thi Hương; Sửu, Thìn, Mùi, Tuất thi Hội. Lại thi sách văn ở điện đình, cho cập đệ[1] xuất thân[2] có cấp bậc. Khoa ấy Cao Huy Diệu coi trường Sơn Nam hạ, Nguyễn Huy Lý coi trường Thăng Long, Phan Huy Thực coi trường Thanh Hoa. Quan đốc học các trấn đều sát hạch học trò trước một lần, lại cấm phụ thí và cấm người có tang 3 năm không được đi thi.

Tháng 8, cho Trương Văn Minh làm Bắc thành phó tổng trấn, Câu kê Dao quyền lĩnh việc tràng tiền.

Chiếu cho quân và dân ai có điều gì bất bình thì được đi kêu Bắc thành 5 nội trấn hạn 1 tháng, 6 ngoại trấn hạn 3 tháng.

Lại ban sắc cho bách thần Bắc thành (chỉ ban cho những thần có sự tích, công đức rõ ràng).

Tháng 9, vua ra Bắc thành, vì việc tiếp sứ sang tuyên phong, sai hoàng tử phụ xe, hoàng đệ hộ giá, qua huyện Tống Sơn, dựng bia lăng Trường Nguyên[3].

---

[1]. Tiến sĩ *cập đệ* là: tam khôi (trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa).

[2]. Tiến sĩ *xuất thân* là Hoàng giáp, còn từ Tiến sĩ *đồng xuất thân* đều là Tiến sĩ cả.

[3]. Lăng Trường Nguyên: mộ Nguyễn Kim ở Thanh Hóa.

Ngày 18 tháng 10, thuyền ngự từ sông Vị Hoàng đến hành tại Thăng Long, sĩ dân chiêm bái ở hai bên đường.

Ngày 19, các quan bái tạ, ngự giá đến đền Chân Vũ[1].

Ngày 20, cống sĩ tân khoa bái hạ.

Ngày 21, kỳ lão Bắc thành bái hạ. 70 tuổi trở lên đều cho mỗi người 2 quan 2 tiền 19 đồng, 90 tuổi trở lên cho thêm 1 tấm lụa, 100 tuổi trở lên cho thêm 1 lạng bạc. Quân 5 doanh được ban thêm tiền củi mỗi ngày 2 tiền.

Ngày 22, quân, dân các trấn bái hạ, những người quỳ tâu ở ngoài 5 cửa thành dâng sớ tấu có đến vài nghìn tờ. Vua sai các quan Lễ bộ và Hàn lâm[2] duyệt những tờ văn lý đáng tâu được 120 tờ. Ngày ấy, vua đi thuyền chơi Tây Hồ. Có người đón xe vua dâng lời điều trần và nói: "Bệ hạ đương lúc cư tang mà đi vui chơi, mở yến tiệc, mặc mầu đỏ tía, có trái điển lễ, cho nên mưa dầm hàng tuần không thấy hửng tạnh, rau dưa không thuận, trâu chó toi nhiều!". Vua đặc cách cho gọi người ấy đến hỏi han, ban cho rất hậu, rồi bảo: "Về lễ chế cư tang, gặp việc binh và việc tế tự, không cấm mặc đồ cát phục. Nhưng nghe lời nói của ông, người có khí huyết ai chẳng run sợ!". Bèn đặt trống "đăng văn" ở cửa động Bắc thành, lập tam pháp hành ty, cho dân nộp đơn kêu, hạn 5 ngày một kỳ, quan khâm phái nghe xét, xử đoán.

Hiệp trấn Sơn Nam thượng Lê Quý Kiệt can tội dung túng người nhà, nhưng được miễn nghị.

Kiệt cùng Chánh trấn tranh bàn về hộc đóng, chánh trấn

---

[1]. 真 武 : Chân Vũ, sau đổi là 鎮 武: Trấn Vũ.

[2]. Nguyên thư in là "...禮 番 韓 納Lễ phiên Hàn nạp..." (?).

bất bình. Nhân dò biết được việc người nhà Kiệt hà khắc sách nhiễu trái phép, chánh trấn bèn xui dân quỳ tâu ở nơi hành tại. Vua bảo Kiệt rằng: "Ông là người lão thành túc đức, trẫm vẫn đã biết, đặc cách cho bỏ việc này đi". Doanh tượng quan xin xét, Kiệt nói: "Tôi, phải để quan Kinh xét, chứ Hình tào Bắc thành không xét được tôi". Vua im lặng, đi vào. Nhân cho Kiệt lưu lại trong thành Thăng Long, sai tả vệ cung dưỡng, đợi khi hồi loan, sẽ giao đình thần bàn việc ấy.

Ngày 25, chiếu tìm sách lạ, cầu chiến sĩ. Dụ rằng: "Trẫm những lúc rảnh tay muôn việc, muốn xem điển tích để xét chế độ duyên cách, phong thổ dị nghi; trước đã sưu tầm mà sách sót còn nhiều. Nay lại sức truyền ai có sách lạ chứa ở nhà, không câu nệ văn tự thô kệch, ngôn ngữ ẩn húy, cho tâu lên ngự lãm, sẽ bàn khen thưởng...".

Lại dụ rằng: "Các ấp mười nhà, hẳn có người trung tín, nữa là Bắc thành là nơi văn hiến, đất rộng, dân đông, trước đã ban chiếu cử người hiền lương mà chưa nghe thấy người nào ứng tuyển! Hõặc giả người có thực tài thực học, không ai muốn biết, mà không chịu ra chăng? Nay trẫm nhân có việc ra ngoài Bắc, đỗ xe ở địa hạt này. Vậy trong 11 trấn và các xứ Thanh, Nghệ, ai là người học rộng, văn hay, quen thuộc điển cố, hoặc có một nghệ một tài có ích cho đời, đều cho đến hành tại, hoặc nơi quan bản hạt mà nộp đơn. Trẫm sẽ sai người sát hạch bàn việc bổ dụng, cho được thỏa chí nối danh, rạng rỡ cho cha mẹ".

Tham bổ Học sĩ Phạm Quý Thích, Sinh đồ xã Đan Loan, Phạm Hổ đều đến bái yết. Vua hỏi sách lạ, Quý Thích tâu rằng chỉ có sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh*. Phạm Hổ đem dâng sách *Lê gia văn phái* và sách *Hiến chương loại chí*; lại làm sách *Nhật dụng thường đàm*.

Chiếu cấm các tuần ty lấy thuế quá lệ.

Giảm 5 phần 10 thuế thân, thuế điệu năm ấy.

Tháng 12, ngày mồng 2, phương đông nam có mây trắng như bao thành.

Ngày 18, sứ thần nhà Thanh là Phan Củng Thần[1] đến. Củng Thần là Giang Tây đề hình án sát sứ, giờ Thân ngày ấy, tuyên sắc phong:

"Phụng thiên thừa vận hoàng đế chế rằng: Trẫm nghĩ tách thẻ phong vương, phiên bang, nhờ ơn yêu mến. Nối ngôi chủ tế, bốn biển còn đợi sủng vinh. Cho đất bọc cỏ, lục hợp đồng văn, xuân triều hạ tôn, chín nghi theo vị. Tuân theo phép cả, kiếp kiếp sinh thành, hay biết kính vâng, đời đời hưởng đức. Khôn duy rất vững, tốn lệnh xa tuyền. Vốn vẫn thuận cung, nên đeo ân sủng. Ngươi lễ nghi cẩn thận, mưu trước tốt lành, nối nghiệp cơ cừu, vững nền sông núi. Vừa được nối ngôi, bèn mong giữ nước, trông lên sân cây phong, đến cổng trời mà gõ cửa. Đem lòng thành biển quế, mang phương vật để dâng lên. Xa từ Long Biên xứ nóng, lại thu cống trĩ Việt Thường. Chăm về việc thỉnh mệnh, xét biết trung thành. Thương tới phương ly, bèn ban hiệu hoán. Núi gần, đất tốt, xin kính giữ nam giao; cõi mở Vân Đồn, được đội ơn Bắc khuyết. Nêu sáng thêm công trước, thương lấy dân đen, cố mở bảo người sau, giữ nền xã đỏ. Vùi chầu sân hướng Ngọ, ban ơn bồi thần, tính đường tỉnh phương canh (Giang Tây), bèn sai Khâm sứ, hòm ngọc ngời sáng,

---

[1]. Nguyên thư in là 潘 拱 振Phan Củng Chấn. Chúng tôi theo *Thực lục* và dựa vào chữ sách *Luận ngữ*, sửa là拱 辰Củng Thần (北 辰 居 其 所,而 眾 星 拱 之 - Bắc *thần* cư kỳ sở, nhi chúng tinh *củng* chi).

văn chương thấu đến thượng thai, cờ tiết tiến sang, mũ miện thẳng thông Nam cực, gió mát thổi cột đồng, sông hạc nhờ ơn củng dực. Mặt trời soi hoa bạc, sắc phượng đem mệnh ty luân. Nay phong ngươi làm Việt Nam quốc vương, ban cho cáo mệnh. Than ôi! Có khuôn phép, theo ông cha dốc lòng trung trinh; không nhãng không lười, dạy con cháu nhớ lời cẩn thận. Vương nên kính nhận mệnh tốt, thề hết lòng trung, tỏ chính sự mới, theo hóa đại đồng. Vui lòng sửa đức, làm trọn mưu hay, giữ nước yên nhà, chớ đổi phép trước. Lấy yên nuôi khôn, đối người trước mong báo đến cùng. Đến chầu dâng cống, duy theo cổ tôn hiền chuộng đức. Kính cẩn đấy! Chớ bỏ mất mệnh trẫm!".

Ngày 19, sứ thần đem trăm tấm gấm đoạn tế vua Thế Tổ. Văn tế rằng: "Nhớ thành công giữ đất, bao phong xét lòng tốt đến chầu. Ban ơn cả đến nơi, phúng viếng theo điển nghi tống tử. Ngươi, Việt Nam quốc vương ngôi hàng phên dậu, ơn vâng biển non, đem dâng phương vật, qua biển mà biển không phong ba, vỗ yên cõi bờ, chăm dân mà dân đều yên sở. Đương mong dài đón ân vinh, nào ngờ vội vàng rơi rụng! Bèn sửa di chương, sai đem lễ phúng. Than ôi! Thương vãn ca ở cõi vắng, trong nước công đức vẫn còn, để cõi đất cho con hiền, hết đời vinh ai đều đủ. Xin nhận ơn cả hâm hưởng thơm tho".

Ngày hôm ấy, sứ thần sang sông, đóng ở trạm Gia Quất rồi về nước.

Ngày 20, ngự giá về Kinh, cho Lê Quý Kiệt vào chầu hầu. Kiệt dâng biểu bày tỏ sự tình. Vua cho miễn nghị, sai đi hiệu lực ở Quảng Bình, chưa bao lâu triệu về, cho làm Hình bộ Tham tri, rồi về Bắc thành hưu dưỡng.

Chiếu cấm lưu hành sách *Thực lục tứ bình*[1], vì sách ấy chép phần nhiều phù phiếm, xa sự thực.

Đổi định quốc triều quan chế. Ở đô thành, dinh các quan Lục bộ đều có biển chữ thếp vàng. Bắc thành, chỉ đặt Lục tào, hoặc lấy Hình tào kiêm Lễ tào, Binh tào kiêm Lại tào, Hộ tào kiêm Công tào. Nếu thăng chuyển đều do thành trấn làm biểu tâu. Lục bộ theo phiên thứ mà cử tri, đợi Chỉ cất bổ, hoặc dùng lối gắp thăm, còn hành tẩu Lục bộ có phân biệt với Lục tào hoặc giữ từ chương, hoặc giữ kỷ cấp, hoặc trát báo kinh ngoài, hoặc công sai thành trấn. Hễ ai hiện do khoa mục xuất thân, tòng sự với quan kinh, thì cho hậu tuyển ở bên đều theo phiên thứ lâu ngày hay mới làm, được dẫn kiến ngự tiền, hỏi lý lịch, có đúng với lục đầu bài thì rồi sau mới bổ. Hoặc số hành tẩu thừa ra thì cho đi hậu bổ ở các thành, trấn, ai cũng phải quyền nhiếp, thí thự rồi mời thực thụ.

Võ ban thì gọi là sung biện, tất cả đều lấy kỷ lục 8 thứ làm một cấp, 2 cấp làm một phẩm. Thượng phẩm có lương tháng, 3 tháng một lần lĩnh lương, mỗi tháng 5 phương gạo 6 quan tiền, lại được tiền may áo quần, tiền dưỡng liêm, ai có tang cha mẹ không phải làm giấy tờ gì. Hạ phẩm thì ăn lương ngày, mỗi tháng một lần lĩnh lương, mỗi ngày 2 uyển gạo, 20 đồng tiền, tháng thiếu thì giảm lương 1 ngày. Những quan viên tản giai thì có phiến tấu, không được lên điện.

Ai làm việc công nhầm lỗi thì giáng cấp hoặc phạt bổng, vẫn lưu nhậm, tội nặng thì cách chức hoặc cho hiệu lực đi

---

[1]. Tức là *Bình tây thực lục*, *Bình hưng thực lục*, *Bình ninh thực lục* và *Bình nam thực lục*. Bốn sách này đều do chúa Trịnh sai phủ liêu làm để đề cao mình.

đánh giặc, gặp ân khánh thì được khai phục. Ai vì hối lộ tham tang phải tội, thì về nguyên quán, làm tráng hạng, chung thân không được dùng nữa.

Các quan phủ, huyện cuối năm tâu các án; cuối tháng phải khai mưa nắng, tình hình động tĩnh và giá thóc gạo. Các ngày tết và lễ đại khánh không phải dâng lễ bằng bạc.

Quan Kinh đi công sai, xưng là "Khâm phái viên", Lục bộ phụng chỉ xưng là "Lục tống", biểu sớ xưng là "Thanh minh", đàn hặc xưng là "Đề tham". Quan ngoại, 3 năm một lần vào chầu, 4 tháng mạnh, 2 tháng trọng thì dâng sớ thỉnh an.

Chú:

Tịch ký: gia tài súc sản đều khai theo giá Nhà nước cho dân tự chuộc nộp tiền vào kho.

Hiện lượng: lính coi kho và lại dịch đều cầm phương hộc..

Cáo hưu: văn giai phải 70 tuổi mới cho trí sĩ, võ giai 60 phải tuổi mới được miễn quan.

Tầm thường: 11 cấp.

Kỷ lục: 13 thứ.

Phụ bổ: Năm Gia Long thứ 3 (1804), tháng 4 ngày mồng 7, chiếu định quan chế.

Chiếu rằng: Trẫm nghĩ: quan chế các triều đại, duyên cách không giống nhau, đều là chia chức để làm việc. Nhớ từ tiên triều ta: chia đặt mọi quan đã có thành hiến. Từ khi loạn lạc đến đây, ngụy triều đặt nhiều quan chức, cũng là phiền nhũng. Nay võ công đã định, sửa lại quan danh, đã đặt 2 ban chỉnh đốn quan chế, nhân thời thêm bớt, bất tất câu nệ xưa nay, cốt cho thích nghi để mong mọi việc đều hay, trăm quan không

thiếu. Chuẩn cho thi hành, ai nấy đều nên vâng theo. Còn quan nào dự vào đặc ân gia phẩm tiến tước không ở lệ này [ban hành từ tháng 4 năm Bính Dần (1806)].

Văn giai:

Trên nhất phẩm: Tôn nhân phủ, Tôn nhân lệnh, Tam công[1].

Chánh nhất phẩm: Tôn nhân phủ, Tả hữu tôn chính, Tam thiếu[2].

Tòng nhất phẩm: Tham chính, Tham nghị, Thị trung đại học sĩ.

Chánh nhị phẩm: Lục bộ thượng thư, Đô sát viện, Tả hữu đô ngự sử.

Tòng nhị phẩm: Lục bộ Tham tri, Đô sát viện, Tả hữu phó đô ngự sử, Tán lý.

Chánh tam phẩm: Chánh thiêm sự, Thị trung trực học sĩ, chư điện trực học sĩ, chư điện học sĩ, chư trấn, hiệp trấn, các doanh công đường, Cai bạ, Ký lục.

Tòng tam phẩm: thiếu thiêm sự, chánh doanh cai bạ, chư quân thượng bảo khanh, thần sách quân tham quân.

Chánh tứ phẩm: Quốc tử giám đốc học, Lục bộ thiêm sự, Thượng bảo thiếu khanh, Đông các đại học sĩ, Tham quân doanh tham quân, Tham mưu, Trường thọ cung cai bạ, các trấn tham hiệp.

Tòng tứ phẩm: Quốc tử phó đốc học, Tuyên phủ sứ, Thị trung tham nghị, chư quân doanh điển quân, Cai bạ điển quân.

---

[1]. Tam công: 三公 Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

[2]. Tam thiếu: 三少 Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo.

Chánh ngũ phẩm: Thị nội tham luận, Thần sách quân tham luận, Hàn lâm thừa chỉ, Thị độc, Thị giảng, chế cáo, Thị thư, Tu soạn, Hàn lâm viện, chư trấn, doanh đốc học.

Tản giai ngũ phẩm: Khâm thiên gián giám chính, Thái y viện, Ngự y chính, Cai bạ tào.

Tòng ngũ phẩm: chư quân doanh tham luận, chư trấn doanh Phó đốc học, Biệt đạo, Cai bạ, Điển quân tham luận.

Tản giai tòng ngũ phẩm: chánh doanh tri bạ, Thị trung, Thị nội, Thần sách quân thư ký, Chư quân doanh thư ký, Cai án tri bạ, Trưởng đà tham luận, Trường thọ cung, Khôn đức cung, quốc gia chư biệt đạo cai bạ, tào ty thiện cai án, Lục bộ lệnh sử ty câu kê, quốc gia lệnh sử ty lệnh sử, tào ty câu kê, Khâm thiên giám giám phó, Thái y viện ngự y phó, Khâm thiên giám chiêm hậu.

Ngũ phẩm trở lên: lương mỗi tháng: gạo 10 phương, gạo nếp 20 phương. Tri huyện 5 cấp, mỗi 6 cấp thăng 1 phẩm.

Chánh lục phẩm: Tri phủ.

Tòng lục phẩm: Thị thư viện, cống sĩ viện.

Tản giai tòng lục phẩm: Lục bộ lệnh sử ty, Thị trung, Thị nội, Thần sách quân chư quân doanh, Trường Thọ cung, Khôn đức cung, quốc gia lệnh sử ty lệnh sử, Tào ty cai hợp, Thái y viện y chính, Chư trấn doanh nhị ty câu kê.

Chánh thất phẩm: Tri huyện, Tri châu.

Tản giai thất phẩm: Lục bộ lệnh sử ty, Thị trung, Thị thư, Thần sách quân, Trường thọ cung, Nhân đức cung, Chư quân doanh, Quốc gia lệnh sử ty lệnh sử, tào ty thủ hợp, Thái y viện y phó, Chư trấn doanh nhị ty cai hợp, Chư trấn doanh chiêm hậu, Cai hợp, nguyên đàn hải môn cai án, Tri bạ, bình luận, Chư biệt đạo cai hợp, Chư thủ sở cai án, Cai hợp.

Chánh bát phẩm: Trợ giáo, Nho học, Huấn đạo, Huấn đạo nhậm.

Tản giai tòng bát phẩm: Lục bộ lệnh sử ty trường, Thọ cung lệnh sử ty, Khôn đức cung lệnh sử ty, đồ gia sư ngụ ty bản ty, y viện lệnh sử, Tào sử chiêm hậu, lại ty, Chư trấn doanh nhị ty, Chư trấn, Doanh chiêm hậu ty, Chư biệt đạo, Chư thủ sở thủ hợp.

Chánh cửu phẩm: Quốc tử giám lễ sinh, Các phủ lễ sinh.

Tản giai tòng cửu phẩm: Chư trấn doanh nhị ty bản ty, Chư trấn doanh chiêm hậu, Chư biệt đạo, Chư thủ sở lệnh sử, Các phủ ký lục.

Vị nhập lưu: Ký huyện, Ký lục, Thuộc phủ huyện Đề lại, Pháp lục, Tướng thần, Cai phủ, Tào ký lục, Tào lương y... tước trở xuống: Ngoại khoa lương y, Cai trại, Tự thừa, Cai hợp, Thủ hợp tại gia.

Phẩm phục ban hành như sau:

Vị nhập lưu, sĩ tử thí trúng, hoặc mãn đại nhiêu học, hoặc 6 năm nhiêu học: mũ dùng phong cân, trước sau mũ thêu hoa bạc đều một cái, có mặc theo "thân phận" mình, giao lĩnh, sa đoạn các sắc xanh, lục, lam, đen, không bổ tử.

Thứ dân chưa làm quan: phàm có việc nghi lễ "gia quan"[1], mũ dùng phong cân sắc đen, không thêu hoa, áo dùng áo giao lĩnh màu thâm, giày, tất đều màu đen.

Võ giai:

Trên nhất phẩm: Tôn nhân phủ, Tôn nhân lệnh, Tam công.

---

[1]. Theo lễ chế phong kiến, con trai đến năm 20 tuổi thì làm lễ đội mũ, gọi là 加冠 "gia quan", tức lễ "quán"; từ đó, được kể là hạng *thân nhân*.

Chánh nhất phẩm: Tôn nhân phủ Tả hữu tôn chính, Chưởng tượng chánh, Tam thiếu, Thị trung, Đô thống chế, Chưởng quân, Chưởng phủ, Chưởng doanh.

Tòng nhất phẩm: Chư quân sư thực phủ sự, Thần sách quân đô thống chế, Thị trung phó đô Thống chế.

Chánh nhị phẩm: Phó tướng, Thần sách quân phó đô thống chế, Thị trung thống chế, Thị nội Thống chế, Thủy doanh Thống chế.

Tòng nhị phẩm: Phó thống chế, Thị trung vệ úy, Chưởng cơ.

Chánh tam phẩm: Thị nội vệ úy, Thần sách quân vệ úy, Thị trung phó vệ úy, Thị trung cai cơ, Chánh quản, Quốc gia cai cơ, Thị nội phó quản, Cai, Chánh đồn cai cơ, Chư trấn trấn thủ, Các doanh công đường lưu thủ.

Tòng tam phẩm: Thị nội phó vệ úy, Phó thủy doanh, Phó thủy doanh cai cơ, phó đồn cai cơ, Chánh tuần hải đô doanh, Chư quân doanh vệ úy.

Chánh tứ phẩm: Chư quân doanh chánh chi cai cơ, Chư quân doanh phó vệ úy, Chư quân chánh quản cơ, Thị nội cai cơ, Thần sách quân cai cơ, Trường thọ cung, khôn đức cung cai cơ, phó tuần hải đô doanh.

Tòng tứ phẩm: Chư quân doanh phó chi cai cơ, Phiên thần (chánh trưởng thiên, tuyên úy đại sứ cũng thế), Chư quân phó quản cơ, Phiên thần (Chánh quản cơ, Tuyên úy sứ cũng thế), Chánh phó quản, Tào cai cơ, Chư quân doanh cai cơ, Thị trung cai đội, Chánh phó quản quốc gia cai cơ, Giám thành sứ, An phủ sứ.

Chánh ngũ phẩm: Thị nội cai đội, Thần sách quân cai đội trường, Thọ cung cai đội, Khôn đức cung cai đội, Thuộc vương tử vương tôn cai đội, Thị trung cai đội trưởng, sơn

lăng, Thái miếu, Tư thiện cai đội, Chư quân doanh chánh hiệu úy, phiên thần (Chánh viên hiệu, viên hiệu, Tuyên úy đồng tri, Tuyên úy thiêm sự cũng thế), Chư quân doanh cai đội, Các biệt đạo phó chi, Các biệt đạo chánh hiệu úy, Tĩnh hải úy, Bưu kỵ úy.

Tản giai tòng ngũ phẩm: Đà trưởng, Chánh phó quản.

Chánh lục phẩm: Các từ đường ngoại trù phòng cai đội, Chư quân doanh phó đội, Phiên thần (Phó viên hiệu, Phó hiệu, Phòng ngự đồng tri thiêm sư, Chiêu thảo, Đồng tri thiêm sự cũng thế), Chư biệt đạo phó vệ úy, Tĩnh hải phó úy, Bưu kỵ phó úy, Các thuộc cai đội, Các trấn doanh cai đội, Các biệt đạo cai đội, Thủ sở cai đội, Các thuộc kiên cơ phó đội.

Tản giai chánh lục phẩm: Nguyên đầu, Hải môn cai đội, Thủ ngự, Trường đà cai đội, Bả lệnh cai đội, Tiểu hầu cai đội, Công khố cục chánh, Công xa cai đội, Cai đội tòng quân, Cai đội nhưng.

Tòng lục phẩm: Thị nội đội trưởng, Thị trung đội trưởng, Thần sách đội, Trường thọ cung đội trưởng, khôn đức cung đội trưởng, Thuộc vương tử vương tôn đội trưởng, Chư quân chánh đội trưởng, Phiên thần (Chánh thuộc hiệu cai đội cũng thế), Các luật đạo phó đội, Sơn lăng, Thái miếu, Tư thiện đội trưởng (từ đấy trở xuống đều tước bá), Các từ đường ngoại trù phòng đội trưởng, Các thuộc viên cơ đội trưởng, Các trấn doanh đội trưởng, Phiên thần cai đội tòng quân cũng thế), các biệt đạo đội trưởng, Thủ sở đội trưởng, Phiên thần (phó thuộc hiệu đội trưởng cũng thế).

Tản giai tòng lục phẩm: Chiêu lệnh phó đội, Tiểu hầu phó đội.

Tản giai tòng thất phẩm: Khám lý, Khám lý nhưng, Các

phủ đề đốc, Các khố đề lĩnh, đề lĩnh nhưng, Các phủ đề lĩnh, Tiểu hầu các cục tượng (Trường đà, Công khố, Bả lệnh, Công xa tiểu hầu), Đội trưởng tòng quân, Đội trưởng nhưng.

Tản giai tòng cửu phẩm: Tiểu hầu các cục tượng chánh ty quan, Tiểu hầu các cục ty quan, Cai đội trưởng nhưng.

Vị nhập lưu: Cai huyện, Cai thuộc, Phiên thần (Cai tài cũng thế), Cai tổng nhưng, Phó tổng nhưng, Các cục y thủ hạp.

Phẩm phục ban hành như sau:

Vị nhập lưu: mũ dùng tuy cân, trước sau mũ thêu hoa bạc đều một bông; áo mặc theo "thân phận" mình: sa đoạn, các sắc xanh, lục, lam, đen, không bổ tử; giày tất cũng như cửu phẩm.

Tham bổ: Nguyễn Hữu Thận (Hộ bộ thượng thư), Nguyễn Xuân Thục (Lễ bộ thượng thư), Đoàn Viết Nguyên (Binh bộ thượng thư), Nguyễn Khoa Minh (thự Hình bộ thượng thư), Trần Lợi Trinh (thự Lại bộ kiêm quản Tào chính), Lương Tiến Tường (Hữu bộ), Nguyễn Hựu Nghi (hữu Hình), Hoàng Kim Xản (hữu Công), Lê Đăng Liêm (Thông chính), Ngô Bá Nhân (Đại lý tự khanh, Biện lý Hình bộ).

Đến đây [triều Minh Mệnh] định lại quan chế (văn giai, võ giai đều có chánh tòng cửu phẩm) như sau:

Văn giai:

Chánh nhất phẩm: Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Hoằng văn, Cần chính, Tuyên vũ, Đông các đại học sĩ.

Tòng nhất phẩm: Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo, kiêm Thái tử tam thái[1], Hiệp biện đại học sĩ.

---

[1]. Tức là Thái tử thái sư, Thái tử thái phó, Thái tử thái bảo.

Chánh nhị phẩm: Thái tử Tam thiếu[1], Lục bộ Thượng thư, Đô sát viện Tả hữu đô ngự sử.

Tòng nhị phẩm: Lục bộ Tham tri, Đô sát viện tả hữu, Phó đô ngự sử.

Chánh tam phẩm: Nội các, Hàn lâm viên chưởng viện học sĩ, Thông chính ty, Thông chính sứ, Thái thường tự, Đại lý tự khanh, Thiêm sư phủ, Thiêm sự, Bố chính ty, Bố chính sứ, Thừa Thiên phủ phủ doãn.

Tòng tam phẩm: Quang lộc tự, Thái bộc tự khanh, Tào vận ty, Tào vận sứ, thương bạc ty, Thương bạc sứ, Thượng bảo khanh.

Chánh tứ phẩm: thông chính ty phó sứ, hồng lô tự khanh, thái thường tự, đại lý tự khanh, Quốc tử giám tế tửu, hàn lâm viện thị độc học sĩ, thiêm sự phủ thiêm sự, án sát ty, án sát sứ, Thừa Thiên phủ thừa.

Tòng tứ phẩm: Quang lộc, Thái bộc, Thượng bảo thiếu khanh, Quốc tử tư nghiệp, Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, Thị trung tham quân.

Chánh ngũ phẩm: Lục khoa cấp sự trung, Lục bộ thanh lại tự Lang trung, Thị nội, Tham quân, Hàn lâm viện thị độc, Khâm thiên giám chánh, Nội vụ phủ, Thanh thận ty Lang trung, Vũ khố thanh thận ty Lang trung, Tạo tác cục Lang trung, Thái y viện ngự y chánh, Chư thành doanh trấn đốc học.

Tòng ngũ phẩm: Hàn lâm viện thừa chỉ, Thị giảng, Thái y viện ngự y phó, Khâm thiên giám gián phó, Đô sát viện chư đạo, án sát ngự sử, Chư quân tham quân, Thần sách

---

[1]. Tức là Thái tử thiếu sư, Thái tử thiếu phó, Thái tử thiếu bảo.

tham quân, Thị trung tri bạ, Chư thành doanh trấn phó đốc học, các phủ Tri phủ.

Chánh lục phẩm: Lục bộ thanh lại ty chủ sự, Nội vụ phủ, Vũ khố thanh thận ty chủ sự, Khâm thiên giám ngũ quan chánh, Thừa Thiên phủ Tri huyện, Thông phán, Thương bạc ty, Tào vận ty, Thị nội tri bạ, Phủ đồng tri, Chư doanh thành doanh trấn thư ký, Cai án tri bạ.

Tòng lục phẩm: Hàn lâm viện tu soạn, Học chính, Thần sách, Tuần thành, Chư quân tri bạ, Tri huyện.

Chánh thất phẩm: Hàn lâm viện biên tu, Lục bộ thanh lại ty, Nội vụ thanh thận ty, Vũ khố thanh thận ty và Phân công phủ ty tư vụ, Giáo thụ, Khâm thiên giám linh đài quan, Thừa Thiên phủ tri sự, Huyện thừa, Chư thành doanh trấn, Tào vận ty và Thương bạc ty câu kê.

Tòng thất phẩm: Hàn lâm viện kiểm thảo, Thái y viện y chánh, Tri phủ sự, khâm thiên giám, Chư thành doanh trấn linh đài lang.

Chánh bát phẩm: Trợ giáo, Huấn đạo, Thừa Thiên, các phủ Điển lại, Lục bộ, Nội vụ, Vũ khố, Thân công phủ, Khâm thiên, Tào vận, Chư thành trấn nhị ty, Thương bạc, Từ tự, Sử quán và Thái y viện ngoại khoa chính thư lại.

Tòng bát phẩm: Hàn lâm viện điển bạ, Thái y viện y phó, Ngoại khoa phó, Cẩm y vệ thị trung, Y ngoại khoa thư lại, Huyện tri sự.

Chánh cửu phẩm: Lục bộ, Nội vụ, Vũ khố, Khâm thiên, Thị nội và Chư thành doanh trấn nhị ty thư lại, Quốc tử giám và các phủ lễ sinh huyện điển sử, Nguyên đầu, Hải khẩu điển sử, Thừa Thiên phủ lại ty, Phủ lại mục.

Tòng cửu phẩm: Hàn lâm viện thị chiếu, Thái y viện y

sinh, Ngoại khoa y sinh, Thần sách, Chư quân, Tuần thành y thư lại, Huyện lại mục.

Võ giai:

Chánh nhất phẩm: Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Chư quân đô đốc phủ chưởng phủ sự, Thị trung đô thống phủ.

Tòng nhất phẩm: Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo, kiêm Thái tử tam thái, Chư quân Đô đốc phủ thự phủ sự, Thần sách ngũ doanh đô thống chế.

Tham bổ: Trần Văn Cường (Thị trung hữu thống chế), Tống Phúc Lương (Chưởng thủy quân đô thống chế), Trần Văn Năng (Đô thống chế thự tiền quân), Nguyễn Văn Trí (Thần sách thống chế), Tôn Thất Bính (Thị trung tả thống chế), Trần Đăng Sủng (Thị trung tiền phong doanh thống chế), Phan Văn Thúy (Phó thống chế), Nguyễn Văn Xuân (Hữu quân phó tướng), Đoàn Đức Luận (Tượng quân thống chế, quản Hùng cự tam lưỡng vệ và ngũ chiến cơ).

Chánh nhị phẩm: Giá tiền thị vệ, Tả hữu thị vệ, chư quân Phó tướng, Thần sách ngũ doanh Phó đô thống chế, Thị trung tả hữu dực thống chế, Thị nội thần cơ doanh thống chế, chư quân Thống chế.

Tòng nhị phẩm: Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ ty chỉ huy sứ, Cẩm y vệ úy, Thị trung vệ úy, Chưởng cơ.

Chánh tam phẩm: nhất đẳng Thị vệ, Thị nội thần sách vệ úy, Cẩm y thị trung phó vệ úy, chư trấn Trấn thủ.

Tòng tam phẩm: Thị nội, Thần sách phó vệ, chư quân Vệ úy.

Chánh tứ phẩm: Nhị đẳng thị vệ, Tuần thành sứ, chư quân Phó vệ úy, Chánh quản cơ, Thân công phủ trưởng sử.

Tòng tứ phẩm: chư quân Phó quản cơ, Cẩm y vệ cai đội,

Tuần thành phó sứ, nguyên miếu từ tế ty từ tế sứ, Thần công phủ phó trưởng sử.

Chánh ngũ phẩm: Tam đẳng thị vệ, Thị nội, Thần sách cai đội, Thị trung phó đội, nguyên miếu từ tế ty từ tế phó sứ, chư trấn Cai cơ.

Tòng ngũ phẩm: Thân công phủ chư quân cai đội, miếu lang, Cẩm y, Thị trung, Thị nội chánh đội trưởng.

Chánh lục phẩm: Tứ đẳng thị vệ, chư trấn thuộc binh Cai đội, Thân công phủ chư quân Chánh đội trưởng.

Tòng lục phẩm: Ngũ đẳng thị vệ, Thị trung, Thị nội, Cẩm y, Thần sách đội trưởng.

Chánh thất phẩm: Thân công phủ chư quân đội trưởng, chư trấn thuộc binh Chánh đội trưởng, Chánh thiên hộ, Nội tạo các cục tượng chánh tri sự.

Tòng thất phẩm: Miếu thừa, phó thiên hộ, nội tạo các cục tượng phó tri sự.

Chánh bát phẩm: Các cục tượng Chánh tri sự, Chánh bát phẩm bá hộ.

Tòng bát phẩm: Các cục tượng phó tri sự, Bát phẩm bá hộ.

Chánh cửu phẩm: Các cục tượng quan quản, Chánh cửu phẩm bá hộ.

Tòng cửu phẩm: các cục tượng Ty quan, Cửu phẩm bá hộ, Thuế hộ, Nội hộ, Giám hộ, Hộ trưởng.

Năm ấy Lễ bộ Thượng thư Phạm Đăng Hưng khảo định phép lịch. Đăng Hưng cùng Giám phó Nguyễn Hữu Thận tâu định tiết khí thời hậu ở Đô thành, Gia Định và Bắc thành. Theo kinh độ của đất trên địa đồ, trình bày giờ mặt trời mọc lặn, ngày đêm dài ngắn, đều theo địa đồ, địa cực cao độ, định đường vẽ.

Phép đời xưa: ngày đêm 100 khắc, khắc 15 phân. Nay bỏ tứ duy "càn, khôn, cấn, tốn" chỉ dùng 96 khắc. Mặt trời mọc giờ Mão, lặn giờ Dậu, thời khắc hoặc có sớm muộn, ngày đêm khác nhau.

Năm Bính Thân (1836) lập xuân ở Bính Thân. Đô thành: ngày 46 khắc 2 phân, đêm 49 khắc 13 phân. Lạng Sơn, Cao Bằng (cực Bắc): ngày ngắn 45 khắc 9 phân (giảm 8 phân), đêm dài 50 khắc 6 phân (mặt trời mọc sau 4 phân, mặt trời lặn trước 4 phân). Định Tường, Vĩnh Long (cực Nam): ngày dài 46 khắc 14 phân (hơn lên 12 phân), đêm ngắn 49 khắc 1 phân (mặt trời mọc trước 6 phân, mặt trời lặn sau 6 phân). Duy hai tiết Xuân phân và Thu phân đều 48 khắc.

Lấy ngày 15 tháng giêng làm tiết Thiên thọ (nay đổi là tiết Thiên triều)[1], ngày 23 tháng 4 làm tiết Vạn thọ; ngày 27 tháng 11 làm tiết Thánh thọ (sinh nhật thái hậu) đều có nhật kỳ cấm giới, quan Kinh khánh hạ theo đúng lễ nghi, quan ngoại dâng tiến bạc tiền có thư bậc, các thành, trấn, phủ, huyện đều treo đèn, bái vọng. Sau đó, các chiếu sắc đều viết "thừa thiên hưng vận hoàng đế". Bề tôi văn từ phụng chỉ đều dùng giấy hồng, thượng dụ thì viết giấy vàng, sớ biểu thì xưng "thánh lãm", phiến tấu cũng thế. Lịch cũ nhà Lê, về tháng đủ, tháng thiếu, tháng nhuận hơi khác với lịch thời hiến nhà Thanh, lịch nay lại càng tinh tường[2].

---

[1]. Nay: Phan Thúc Trực muốn chỉ đầu đời Tự Đức.

[2]. Phan Thúc Trực chỉ đời Tự Đức.

Nhâm Ngọ năm thứ 3 (1822),
Thanh, Đạo Quang năm thứ 2.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 Đại hàn, mưa. Bắt đầu định cách thức duyệt sổ đinh. Lúc đầu quốc triều theo chế độ Lê, Trịnh, chiếu số đinh chọn lấy lính, sinh không tính thêm, chết không trừ bớt. Định rõ quy thức, cứ 5 tháng một lần duyệt, làng nào đông dân thì thêm lính, làng nào điêu háo thì bớt số lính. Cuối mùa đông, huyện, tổng, xã đều khai báo; đến đầu xuân [năm sau], sai quan Kinh (văn võ đều một), khâm phái đến các trấn làm sổ đinh, đều đặt nhà tranh làm trường sở, làm giáp ất 4 bản sổ. Duyệt lão nhiêu lão hạng, mỗi một lão thêm một tráng. Sổ đinh thì viết là thị bạ, sổ điền thì viết là địa bạ.

Tháng 2, ngày 9, rước thần chủ Cao hoàng đế và Cao hoàng hậu lên thờ ở Thái miếu.

Chiếu rằng: Trẫm nghĩ Thánh nhân đặt dạy, sùng hiếu để hậu nhân luân; vương giả tế thần, thờ miếu để tỏ tôn tự. Cho nên Thiên tụng trong Kinh thi thì ca ngợi sự hữu hưởng, mà điển lễ thì coi trọng việc rước lên miếu thờ. Lớn thay, hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta: thể đủ tam tài, mình mang vạn thiện. Ân ưu nghiệm sấm mây mở thánh, gió núi to, nước biển ngọt, rất là thiêng liêng. Mừng rỡ cả dân chúng đón quân, giỏ đựng cơm, bầu dâng nước, chỉ sợ không kịp. Gặp cơn bĩ thì bày mưu ban đức, vận cơ mưu để đánh giặc phục thù. Sáng nghiệp trung hưng, kiêm cả công to Hán Cao, Quang Vũ, mở mang bờ cõi, đông nhất dư đồ sao Dực, sao Chẩn. Mình Mệnh trời ở thời cơ, dựng hoàng cực không thiên lệch. Chế tác lễ nhạc, tốt đẹp hơn cả bách vương; gây dựng kỷ cương, phép tắc để lại muôn thuở. Hơn bốn mươi năm sâu nặng dấy lên từ năm Mậu Tuất (1778),

vòi vọi từ trước sáng thêm, để ức muôn năm công cả mưu cao, lồng lộng sánh trời cùng lớn. Trẫm kính vâng phó thác, càng thêm nhớ thương. Tuyền thất để lòng muốn báo ân mà rất khó, quân đài nối mối, chỉ làm việc là gian nan. Nay vừa đoạn trở, mới lập miếu đình, tuân theo điển lễ, bèn đặt long nghi. Định lấy ngày mồng 3 tháng ấy kính cáo miếu liệt khánh, điện Hoàng nhân ngày mồng 9, thân đem quần thần rước thần chủ Thế tổ Cao hoàng đế lên thờ ở miếu, và rước thần chủ Hoàng tỷ Cao hoàng hậu thờ chung vào đấy. Chín tầng trời lên xuống thiêng liêng, ngàn vạn năm nối noi mãi mãi. Đã tỏ phúc tốt, lại nên ban ơn. Than ôi! Dâng hương bảo tọa, ngào ngạt đến cả tổ tiên, chúc phúc chén vàng, linh quang lâu dài cùng trời đất. Lễ cả đã thành, con cháu ta đều được nhờ phù hộ, thu phúc ban xuống, trăm họ ngươi kính đón ơn to, bá cáo gần xa, đều cùng nghe thấy.

Các sự nghi nên làm kể ra như sau:

1) Lúc bắc tuần, chư công hoàng tử theo hầu và hoàng tử lưu Kinh đều thưởng mỗi người 50 lạng bạc, quần áo màu đỏ nhạt 1 bộ, nhiễu 1 tấm, bút 1 hộp, mực 1 hộp, nghiên 1 cái, giấy hoa tiên 1 tập.

2) Các đại thần thị vệ, các đại thần lưu Kinh, các quan văn võ Chánh nhị phẩm trở lên theo hầu xa giá, Chánh phó tổng trấn Gia Định và Bắc thành đều cho thăng một cấp.

3) Các quan văn võ theo hầu xa giá từ Tòng nhị phẩm trở xuống, tòng tam phẩm trở lên đều cho kỷ lục một thứ.

4) Các thành doanh trấn có miếu lịch đại đế vương, miếu Văn thánh[1], miếu hội đồng và thần kỳ trong tự điển, đều cho tế một đàn.

---

[1]. Tức Văn miếu thờ Khổng Tử.

5) Năm Minh Mệnh thứ 3, Trực lệ là Quảng Đức, Quảng Trị, Quảng Bình, cho giảm 6 phần 10 tiền thuế thân và tiền đầu lõi. Quảng Nam, Bình Thuận và Phiên An, Biên Hòa, thành Gia Định cho giảm 5 phần 10 tiền thuế thân và tiền đầu lõi.

6) Mười một trấn Bắc thành, cho theo chiếu Chỉ trước, giảm 5 phần 10 tiền thuế thân, tiền đầu lõi, tiền cước mễ.

7) Bản niên[1] cho mỗi huyện tiền công một học sinh, không cứ đã đỗ hay chưa đỗ, từ sau đệ niên hạn mỗi phủ cống học sinh một người. Khi đến Kinh rồi, giao Tế tửu Quốc tử giám hội đồng với Tư nghiệp sát hạch lại văn học uyên bác thông suốt, làm đủ văn thể tứ trường, được bao nhiêu người thì lập tức làm danh sách tâu lên để cấp lương tháng cho ăn học, gọi là Giám sinh. Gặp khoa thi Hội, Tế tửu và Tư nghiệp lại xét thực tâu rõ, sẽ cho cùng với hương cống vào thi. Nếu xét ra người nào văn lý bất thông, thì chiếu nguyên quán cho về, bắt phủ huyện ấy phải chọn người khác điền bổ.

8) Phong tặng cha mẹ quan viên văn võ, cho bộ Lễ theo chiếu trước tra rõ: Trừ những kẻ phạm thập ác và tội lỗi gì đó không nên phong tặng ra, còn thì đều làm danh sách tâu lên đợi chỉ cho phong tặng.

Tháng 3, ngày mồng 10, tế chung trời đất ở đàn Nam Giao, rước thần chủ Cao hoàng đế phối hưởng.

Chiếu rằng: "Trẫm nghĩ: Kinh dịch nói lễ ân tiến, trọng việc tế trời, Kinh thi hát cây ngũ tương", hiếu là phối hưởng. Bởi dạy dân phải trước báo đền từ gốc, mà tôn cha,

---

[1]. Tức năm Minh Mệnh thứ 3 (1822).

chẳng gì bằng sánh với trời. Lớn thay, Thế tổ Cao hoàng đế ta: vui vẻ để lòng thông minh làm phép. Núi biển đúc khí thiêng, có anh tư Chu vương khải thánh, quân dân cùng một dạ, làm thành công Hạ hậu phục thù. Vận truân khi đương hào lục khảm[1]. Mưu hay làm được kế vạn toàn. Đến đâu vui cửa nhà, dân yên như cũ. Tranh nhau xông tên đạn, quân cùng căm thù. Cầm cờ giáo mà giết hung tàn, quét mây mù lấy lại đất nước. Miếu xã thị triều gây dựng, nhất sơ tô đẫm quy mô; điển chương lễ nhạc sửa sang, muôn thuở noi theo cơ nghiệp. Siêng năng đến suốt ngày, thời cơ không bỏ lỡ, phép tắc để lại, thịnh vượng đời sau, công sức xoay vần, thực cùng trời lớn.

"Trầm tuân theo mưu tốt, kính vâng nghiệp to. Tế tự theo nhà Chu trước, tôn Hậu Tắc mà thân Văn vương; hiếu tư tỏ từ đúc này, rước hoàng khảo để đối Thái Tổ, đã xét phép tốt, bèn đặt lễ nghi. Cẩn chọn ngày mồng 6 tháng ấy, sai quan Kinh cáo trời đất, tôn miếu, xã tắc. Ngày mồng 10, tế chung trời đất ở đàn Nam Giao, rước thần vị Thế tổ Cao hoàng đế phối hưởng, bắt đầu từ năm Nhâm Ngọ này. Những be chén đồ thờ đều theo phối vị Thái tổ Gia dụ hoàng đế[2], biên vào *Hội điển*, để truyền lại vô cùng. Ngọc toản dâng lên khâm đế mênh. Giao đàn giáng phúc thực trời cho. Đã xong lễ cả, nên ban ơn to. Than ôi! Đức tốt đối với trời, cùng cao sáng lâu dài mãi mãi, phúc to để con cháu, tưởng thơm tho rực rỡ đâu đây... Lòng thành trời hưởng, một mình ta nối mối không quên; phúc cả ta ban, trăm họ người đội ơn không chán. Bá cáo trong ngoài, đều cho nghe biết.

---

[1]. Hào "Lục" 坎 卦quẻ Khảm trong 易 經*Kinh Dịch* nói lên những cảnh gian khổ, truân chiên.

[2] Tên miếu hiệu của Nguyễn Hoàng.

Các sự nghi nên làm kể ra sau đây:

1) Chư công hoàng đế, hoàng tử và quan viên văn võ ở Kinh từ ngũ phẩm trở lên đều ban yến một tiệc.

2) Quan viên trong ngoài, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên đều cho ký lục một thứ.

3) Khi Bắc tuần hồi loan, những thành, doanh, trấn, đạo ngự giá đi qua ở đâu đã được cho tế thần kỳ, nay cho theo lần trước, lại cho tế một đàn.

4) Kỳ lão bốn doanh trực lệ, tuổi 100 trở lên, đều cho 3 lạng bạc, 1 tấm lụa; tuổi từ 90 trở lên, cho 2 lạng bạc, 1 tấm vải; tuổi từ 80 trở lên, cho 1 lạng bạc, 1 tấm vải; tuổi từ 70 trở lên, cho 1 tấm vải.

5) Từ năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) trở về trước, các học trò nộp quyển tại Quốc tử giám khảo khóa cao đệ bao nhiêu người, thì viên Tế tửu hội đồng với viên Tư nghiệp ra đầu bài cho họ để diện thí, hạn lấy 100 tên, chia làm 3 hạng ưu, bình, thứ, rồi làm danh sách đưa bộ Lễ để đạt đợi Chỉ, cho làm Giám sinh, lại ban tiền và gạo có thứ bậc (hạng ưu 4, hạng bình 3, hạng thứ 2) cho được học ở Giám. Những quyển khảo thí của họ đưa bộ lưu chiểu.

6) Từ năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) trở về trước, quan viên lớn nhỏ nào nhân làm việc quan nhầm lỡ, phải phạt bổng hoặc bị xử phạt đều cho khai phục.

7) Quan viên hưu trí nào đã có quân công, về quê hưu dưỡng, mà không có con cháu nuôi thì cho trình với quan thành doanh, trấn sở tại xét thực, lập tức thay tâu lên đợi Chỉ cấp cho tiền và gạo.

8) Các doanh, trấn đạo Quảng Trị, Phú Yên, Bình Hòa,

Bình Thuận, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên và Thanh Bình đều cho đặt thêm đốc học trong các thành, doanh, trấn mỗi phủ đặt một viên Giáo thụ thất phẩm, mỗi huyện đặt một viên Huấn đạo chánh bát phẩm để dạy học sinh, mở rộng văn hóa. Ở nhà Quốc Tử Giám có các "hiệu" giám sinh, tôn sinh, ấm sinh, học sinh, nhậm tử[1] và viên tử[2] đều cho theo thứ tự thăng bổ.

Trấn thủ Sơn Nam bắt được ngụy chỉ huy Lục và Tư Thanh, giải đến Bắc thành, giết đi.

Trước đây, Lục đánh phủ Ứng Thiên, đốc phủ ra đánh, thua trận, bị chết. Đến bấy giờ, Lục lên Ung Châu, về nằm tại phủ bạn là tổng Biên ở Vị Hoàng. Biên tìm cách bắt Tư Thanh cùng giải. Quan trấn Sơn Nam tra hỏi, thì Lục nói: "Lục vốn là tướng Tây Sơn, vì chủ mà làm việc, chỉ vì gia đông thiếu tiêu dùng, nên phải mượn của công để ăn, chứ không dám tàn dân hại vật". Nhân giải nộp Bắc thành, đều xử tội lăng trì[3]. Đồ đảng của Lục ăn mặc giả làm quan quân trong Kinh, nói đến nha Tổng Biện để khen thưởng, bèn đâm giết Tổng Biện và gia quyến Biện hơn 10 người.

Hình luật tử hình 3: một là thắt cổ, hai là chém bêu đầu, ba là lăng trì.

Bắc thành Tổng trấn Lê Tông Chất đi kinh lược Kinh Bắc[4], lúc bấy giờ Kinh Bắc có nhiều giặc nổi lên: Từ Sơn thì

---

[1]. Nhậm tử: 任 子 con quan văn.

[2]. Viên tử: 員 子con quan võ.

[3]. Lăng trì: 凌 遲tức tội từng xẻo, cắt từng miếng thịt, lóc từng mảnh xương, làm cho người bị tử hình phải chết chậm một cách vô cùng đau thảm.

[4]. Nguyên thư in nhầm là "Bắc Kinh".

Ba Khoa (người xã Quế ổ); Tổng Thái (người xã Phù Chẩn); Thuận An thì Hào Man, Khám Khê; Văn Giang thì Hòa Thiềm, ngày đêm đốt, cướp. Phụ trấn điều Vát Hổ ủy tướng không trị nổi. Thập cơ phó thống Bắc thành vây bắt giặc ở xã Đại Toán và xã Cổ Biện, đều thất lợi, về đóng Đông Hồ. Giặc lại đánh mạnh Vịnh Kiều, bắt tiếp đốc phủ, phá trại, cướp tù. Chánh tổng xã Đình Bảng là tên Ngũ và tên Thất đuổi theo, phá vỡ quân giặc. Tổng trấn khen công, muốn nêu thưởng để khuyến khích các tổng khác, bèn đi kinh lược trấn Kinh Bắc. Đến trấn đường, triệu chánh, phó tổng trong hạt vài trăm người đều họp cả lại, cho ngồi uống trà, rồi gọi tên Ngũ và tên Thất đến hỏi tình hình, thưởng mỗi người 50 quan tiền và sa ta đều một tấm. Lại sức rõ cách thức tuần phòng, sai bắt lũ Ba Khoa, Tổng Thái; còn đều úy lạo cho về. Hẹn lần sau lại đến trấn đường sai chánh Tiền Bảo làm cơm rượu khao thưởng trọng hậu. Lại cho đều đặt xã tuần, để tiện sai bảo. Rồi cho Thất làm cai đội, tuần hành hai phủ.

Ngày 28, bắt đầu cho hội thí các cống sĩ. Ngày mồng 6 tháng giêng, chiếu cống sĩ cũ và mới chưa được bổ chức cùng với cống sinh Quốc tử giám đều đến quan sở tại lĩnh bằng cấp vào Kinh; ai đã được trao chức rồi thì không được thi Hội. Đến bấy giờ Hội thí tại cửa điện Thái Hòa, cộng 174 người (1 Hương cống cũ nhà Lê, 16 hành tẩu, 130 người chư khoa, 27 cống sinh). Lấy bọn Lưu Công Đạo, Phan Huy Diệu[1], Lưu Bảo Tam, Nguyễn Mậu Bách, Tuần Bá, Trần Công Tuân làm khảo quan. Ba kỳ trước, vua ra đầu bài. Đến kỳ đệ tứ, quan ngoại trường ra đầu bài. Nội dung duyệt

---

[1]. Ngờ là Cao Huy Diệu mà nguyên thư in nhầm là Phan Huy Diệu.

được ba quyển trúng cách là Hà Tông Quyền (xã Cát Động), Phan Trần Hiệu[1] (xã Phủ Lý), Nguyễn Ý (xã Vân Bài) đưa ra ngoại trường. Chánh khảo quan xin duyệt lại, lấy thêm 2 quyển: Lê Tông Ngoại[2] (xã Bình Vọng), Phan Hữu Tính (xã Hoàn Hậu) làm danh sách tiến ngự lãm. Vua hiềm ít quá, dụ cho quan nội trường và ngoại trường duyệt lần nữa, lấy thêm 3 quyển là Đinh Văn Phác (xã Kim Hán), Vũ Bá Khuê[3] (xã Hoa Đường), Phan Bá Đạt (xã Việt Yên). Vua ban Chỉ chuẩn y lời tấu, lấy đỗ 5 quyển. Lại gia ơn lấy thêm 3 quyển nữa, cộng 8 người. Còn đều cho vào Quốc tử giám học hoặc vào bộ làm hành tẩu, ai tình nguyện về quê học thêm cũng cho.

Bấy giờ hương cống thành Gia Định vì bị gió trái hướng, không kịp đến thi, và bọn Nguyễn Chu ở Bắc thành cáo vắng mặt, đến đây vào Kinh đều cho duyệt thực. Các cống sĩ Hội thí trúng cách, chỉ truyền lô mà thôi, đến lúc Đình thí, đều cho mặc triều phục, làm văn, trúng cách rồi ra bảng.

Cho Nguyễn Kỷ xã Yên Thái làm Bắc thành Thiêm hình. Kỷ là người Yên Thái, con Cống sĩ Lượng. Lúc trẻ cờ, rượu, du hiệp, trọ phố Bắc khách, đọc sách, thường có chứng đau bụng, uống thuốc của người Bắc khách khỏi. Sau Tổng trấn cũng bị bệnh ấy, Kỷ đem thuốc ấy dâng lên, Tổng trấn cũng khỏi. Kỷ do đấy nổi tiếng danh y. Khi người Bắc khách về nhà Thanh, để vợ con gửi Kỷ. Bắc khách chết. Kỷ lấy vợ của Bắc khách, nhờ

---

[1]. *Quốc triều hương khoa lục* (quyển I, tờ 14a) và *Quốc triều khoa bảng lục* (quyển X, tờ 2a) đều chép là Trần Lê Hiệu.

[2]. *Quốc triều khoa bảng lục*, quyển I, tờ 1b chép là Lê Quang.

[3]. *Quốc triều khoa bảng lục*, quyển 1, tờ 2a chép là Vũ Đức Khuê.

của ấy thành giàu. Khoa Đinh Mão (1807) đời Gia Long, Kỷ đỗ Hương cống, thăng Tri huyện Thanh Liêm, rồi thăng Tri phủ Lạng Giang. Năm Tân Tỵ (1821) đi chấm trường Sơn Nam, vì không bái yết, bị cách chức.

Ban ruộng thờ cho các công thần khai quốc. Mùa hạ, tháng 4, ngày 9, Đình thí tiến sĩ, cho bọn Nguyễn Ý 8 người thi làm một bài văn trường thiên ứng chế, cho mặc triều phục, ngồi chiếu miến, ai đối sách được trúng thì cho cắm một đóa hoa quỳnh. Hoàng giáp tiến sĩ đều xuất thân, ban cho biển thếp vàng 4 chữ "Ân tứ vinh quy" và 1 lá cờ thêu, cho 5 lính đi hầu, qua phủ nào quan sở tại cũng hộ tống về quê, nghỉ ở nhà 3 tháng, sẽ lại vào Kinh hậu tuyển. Rồi cho khắc bia đá ở nhà Quốc tử giám.

Từ năm Đinh Mùi (1787), đời Chiêu Thống đến đây trải 3 kỷ[1] mới lại thấy thịnh điển này.

Tham bổ: Đệ nhị giáp Nguyễn Ý, Hoàng giáp 1 người (đỗ ân khoa Hương cống). Đệ tam giáp Hà Tông Quyền trở xuống, Tiến sĩ đồng xuất thân 7 người. Duy Trần Hiệu đỗ Hương cống khoa Kỷ Mão, Bá Dật trước làm Binh bộ hành tẩu; còn đều là Hương cống ân khoa. (Doanh tượng quan thường nói: "Bọn tôi mở núi phá đá, chưa được vinh quy!").

Sai Hàn lâm viện phiên duyệt sách bí thư. Vua yêu văn học sách vở, thường cùng Kiến an công chơi nhà thủy tạ, ngắm biển, ngâm thơ, lại sai từ thần diễn truyện *Tam quốc chí* để cho ca hát mua vui. Biên tập ngoại thư hơn 100 bộ. Buổi trưa ban yến ở nội các hoặc thưởng bạc làm tiền dầu trà (xem thêm ngày tháng 5 năm Canh Dần).

---

[1]. Mỗi kỷ là 12 năm: 12 x 3 = 36 năm.

Tháng 5, Phó thống thập cơ bắt được Tổng Thái và Tuần Tú giải đến Bắc Thành, giết đi. Ngày 14, từ Đông Hồ rút quân về Bắc thành (Tuần Tú là giặc làng Đại Liễn).

Chiếu bộ Hộ đổi lại tên đất, đổi đạo Thanh Bình là trấn Ninh Bình, Nam Hạ làm trấn Nam Định, Kinh Bắc làm trấn Bắc Ninh, Yên Quảng làm trấn Quảng Yên. Lại đổi phủ Lý Nhân làm Lý Nhân, phủ Ứng Thiên làm Ứng Hòa, Bắc Hà làm phủ Thiên Phúc, Tam Đái làm phủ Vĩnh Tường, Thượng Hồng làm phủ Bình Giang, Hạ Hồng làm phủ Ninh Giang.

Tuyển cống sĩ bổ làm quan ngoài. Đỗ Trọng Dư xã Đại Mạo làm Tri huyện Chương Đức, Phương Đình Uyển xã Ba Khê làm Tri huyện Hoằng Hóa, Nguyễn Ngọc Trác xã Thượng Não làm Tri huyện Yên Phong, Trần Danh Lâm xã Kinh Uyên làm Tri huyện Lang Tài thăng làm Đốc học. Lê Huy Côn người xã Bột Thượng làm Tri phủ châu Bố Chính (Côn đỗ Giải nguyên) năm ấy mất. Chi Điền, trợ giáo Nam Định thăng Đốc học Hoài Đức. Cựu Hương cống xã Vạn Nhuế, Phạm Đăng Cung làm Giáo thụ phủ Thuận An. Nguyễn Giản xã Phúc Thị làm Giáo thụ phủ Thái Bình, Phù Nội làm Giáo thụ phủ Từ Sơn, Nguyễn Ân xã Văn Trinh làm Tri huyện Tiên Minh.

Ngày mồng 10, cấm hào dân làm những việc trục lợi. Vì dân gian bầu hậu bán nhiêu để kiếm lợi, sinh ra kiện cáo, cho nên mới cấm.

Tham bổ (xem ở sau đây).

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 1, có sao đỏ từ phía đông nam vụt sang phương bắc (có tiếng như sấm).

Tháng 9, ngụy giặc Lý Khai Hóa đánh phá Hưng Hóa. Người châu Thủy Vĩ là Tổng Cồ ngầm kết với Trưởng Điêu,

tôn phò Lý Khai Hóa ở Đồn Nhu, từ trại núi Tuyên Quang ra đánh phá Ngân Giang đến phố Hà Dương[1] nói là có quân 30.000. Tổng trấn Bắc thành đem quân đến đóng đồn ở Tuần Quán tỉnh Sơn Tây[2], sai Phó thống đóng đồn chống giữ. Rồi truyền các trấn mỗi tổng đều lập tổng ước[3]: lúc hoãn cấp cứu nhau, đặt giải thưởng bắt giặc. Thập cơ Xuân[4] đến châu Bảo Thắng[5] bày trận dựa lưng về sông nhưng quân vỡ. Tổng trấn tiến phá Đồn Nhu, vây bắt. Tổng Cồ đào đường hầm trốn sang nhà Thanh. Người nhà Thanh bắt giải sang Bắc thành. Tổng Cồ bị chém.

Bắc thành Đốc học Lê Huy Du chết, Cao Huy Diệu thay.

Ban ấn đồng cho các quan phủ, huyện. Lúc đầu quốc triều, các quan thành, trấn mới có ấn đồng; các quan phủ, huyện đều dùng dấu mực, đến bây giờ cho dùng đồng đúc ấn: thành, trấn đóng ấn bằng son, phủ thì ấn đóng màu đỏ, huyện thì ấn đóng màu tía. Phàm thư trát, niên hiệu khoảng cách đều bình đẳng, những chữ số ngày tháng đều dùng chữ kép, cấm không được chỉ biên can chi hằng năm. Phát cho mỗi huyện một quả ấn đồng trong khắc 4 chữ tín triện, một hộp thiếc đựng bông tẩm màu tía để ban ân cho 50 quan tiền kẽm, một bộ luật lệ 12 quyển, phẩm phục văn võ đều một bộ và đều có văn thư các năm về án kiện nghiệm biên các giấy vàng lục Tống, v.v...

---

[1]. Nay là Hà Giang.

[2]. Nay Tuần Quán thuộc tỉnh Tuyên Quang.

[3]. Tổng ước: 總約quy ước hàng tổng.

[4]. Tên Xuân trong cơ Mười.

[5]. Bảo Thắng: nay thuộc Lao Cai.

Mùa đông, tháng 12 không mưa.

Sai sứ sang nhà Thanh. Biểu tạ đại lược: "Lặn lội biển non dâng kính, soi xét lòng tôi, tiểu tử trung thành. Rực rỡ cáo sắc tuyên phong, thương yêu cõi vương phụ tôi gây dựng...".

Quý Mùi năm thứ 4 (1823),
Thanh, Đạo Quang năm thứ 3.

Mùa xuân, tháng 2, ngày 2, Thị giảng Nguyễn Huy Lý chết ở Kinh. Con Lý 5 người đều khoa mục xuất thân, một người Tham tri, một người Hiệp trấn Nghệ An, một người Tri huyện Thanh Oai; môn sinh cũng nhiều quý hiển. Trước kia Lý ở Bắc Thành yêu một người đẹp là Thị Lưu, muốn lấy làm vợ. Con rể là Án Châu ngầm tranh đoạt lấy. Lý giận, không gả con gái cho Án Châu, đem gả cho sinh đồ xã Bao Trung. Ở vài tháng, con gái Lý có thai. Án Châu nhận làm vợ, lại đem về, sinh một con trai. Sau đó vợ cả, vợ lẽ Án Châu ghen nhau, đem việc ấy đi kiện, cung khai liên can đến Lý. Phạm Quý Thích gỡ cho Lý được miễn nghị.

Thập cơ Xuân bắt được ngụy Lý Khai Hóa, giải đến Bắc thành giết đi, tướng của Khai Hóa là Triệu Phi Hổ bị xử tử, lấy đầu đóng hòm đem vào Kinh.

Trưởng châu Phong Thu họ Đèo phải tội, bị bãi quyền kế tập (con là Đèo Doãn An chạy sang Vân Nam nhà Thanh).

Phó thống bắt được ngụy Khoa ở Lang Tài. Khoa tụ tập ở xã Chinh Phú huyện Lang Tài. Phó thống vây bắt, Khoa trốn sang xã Đặng Xá, Phó tướng sai người cầm cờ đỏ trong trận voi đánh chém được Khoa. Dư đảng là Tiền phong Thanh và Hào Chiêm lui giữ chợ Hỗ, huyện Thanh Lâm.

Ban hành lệnh dưỡng lão. Mùa hạ, tháng 4, Bắc thành

hạn hán, dân bị đói (thóc mỗi gánh 2 quan 8 tiền). Vua ban chiếu phát thóc bán cho dân nghèo. Bấy giờ quan trấn Kinh Bắc phát thóc ra bán, làm hao hụt thóc kho, bị giáng bãi hơn 10 người. La Mỗ Lục Long (doanh Quang Trị) phát thóc bán, dụng tình bất công, phải tội, nhưng được lưu nhậm, hạn một năm không lỗi sẽ lại được dùng. Hương cống Lập xã Thời Trung cũng bị truất làm dân hạng.

Chiếu cử những người làm được chức Huyện giáo.

Cho tôn thất Nguyễn Hựu Nhân làm chức Tây đường phủ Thuận An, tước Hiếu Sơn tử. Nhân vốn là con cháu Liễu Khê quốc lão, chi thứ năm họ Tôn thất. Quốc lão trước cai nội quân, thăng Hiệp trấn Cao Bằng, lấy con gái Cao Bằng làm vợ, sinh con thứ 3 là Nhân, làm nhà ở trại Bác Khê châu Thạch Lâm, gọi họ là Bế. Lúc đầu quốc triều, Nhân từ Cao Bằng vào yết kiến: Vua cho lấy lại họ Nguyễn, đến đây Nhân được thăng Tri phủ.

Mùa thu, tháng 7, chiếu phủ cử Cống sinh. Năm trước, mỗi huyện cử 1 người, sau đó mỗi phủ cử một người cho dẫn vào Kinh. Tế tửu và Tư nghiệp duyệt văn sát hạch 4 kỳ đều trúng thì cho họ vào học Quốc tử giám, đều cấp cho tiền, gạo và áo, mũ. Một năm 4 lần sát hạch[1], đều cho miễn thuế thân, gọi là Giám sinh, gặp khoa thi Hội, thi đỗ thì bổ dùng như Cống sinh. Việc này đặt làm phép thường[2].

Bắc thành Đốc học Cao Huy Diệu mất (sinh năm Giáp Thân [1764], năm ấy mất, thọ 60 tuổi).

Bắc thành ngụy Thuận Quang vì mưu phản nghịch, bị

---

[1]. Đến năm Ất Dậu (1825) rút bớt: mỗi năm hai lần sát hạch.

[2]. Xem thêm việc Quốc tử giám tháng 2 năm Minh Mệnh thứ 6 (1825).

giết. Quang trú ngụ ở phủ lỵ, làm ấn tín giả, cùng cháu Nguyễn Chỉnh âm mưu kết ước, định Trung thu tháng 8 phá thành.

Cho bà già xã Tráng Việt biển thếp vàng 2 chữ "Trinh thọ", góa chồng từ tuổi trẻ, đến đây thọ 100 tuổi, chiếu sai phủ huyện thời thường thăm hỏi.

Chiếu: thuế tiền và thóc đinh điền, hạn thu trong 7 ngày xong.

Tháng 9, triệu Nguyễn Đăng Đề làm Tư nghiệp Quốc tử giám.

Duyệt Cống sinh: Người phủ Ninh Giang là Phạm Thời Nghi, người xã Thực Thao là Nguyễn Trụ đều trúng cách, bổ huấn đạo. Con là Chu[1] đỗ Hương cống ân khoa, đến đây xin vào Kinh thăm cha, vua y cho. Sau bổ Tri huyện Thanh Hà, Yên Sơn, lại vào làm Chủ sự, bổ Huấn đạo Nam Chân, Giáo thụ Thiên Trường. Con thứ 3 đỗ sinh đồ ân khoa, làm huyện cống sinh, từ Hành tẩu Lễ bộ trước bổ Huyện thừa Nam Chân, thăng Đồng phủ Khoái Châu, Quyền huyện Thanh Trì. (Lại lấy con gái Gia Định làm vợ lẽ, sinh 1 con gái. Mỗi khi đi làm việc trong huyện, thường sai vợ lẽ, nàng hầu đứng tiễn cửa, cầm tay sờ vú rồi mới ra đi, thường nói rằng: người ta sống 3 vạn 6 nghìn ngày, ta thêm 3 vạn 6 nghìn đêm).

Chiếu cho các giặc ra thú: Những kẻ du thủ bị ép theo làm giặc, dân xã sở tại nên mật tố, không tố thì phải tội; những hạng đầu sỏ nếu biết tự thú cũng cho hoàn lương.

Tháng 12, trấn Bắc Ninh bắt được ngụy Ma Danh Cúc ở

---

[1]. Có lẽ là con Nguyễn Đăng Đề.

huyện Yên Thế, giải đến Bắc thành, giết đi. Cúc từ Thái Nguyên giong quân đến trại Đức Lân, huyện Tư Nông, Chánh trấn Bắc Ninh đánh úp. Cúc thua chạy vào Yên Thế, ẩn ở nhà Tuấn Thiện, trấn quan vây bắt được, giải đến Bắc thành, chém luôn cả với vợ.

Tham bổ:

Tuấn Thiện người Yên Thế, lúc Lê Chiêu Thống chạy sang nhà Thanh, Thiện được những của cải và hành trang bỏ lại trở thành giàu, vợ Thiện cũng khỏe mạnh biết võ, tài cưỡi ngựa và bắn súng. Sau Thiện chết, vợ ra vào cầm binh mã, tranh với bọn hào mục, quan Bắc Ninh thường đến chơi nhà, đến bấy giờ Cúc ra từ Yên Thế.

Kho thóc thành Hải Dương bị cháy (trấn quan bị giáng 2 cấp).

Giặc giết chết quan huyện Vọng Doanh.

Cho Lễ bộ Thượng thư Nguyễn Hữu Thận kiêm quản Nội vụ phủ (chánh ngũ phẩm), Quyền quản Hình bộ sự vụ chánh nhị phẩm, gia kỷ lục một cấp, kiêm quản Khâm thiên giám. Cho Lễ bộ Thiêm sự Hoàng Công Dương, Lang trung Hoàng Công Tài làm Giám chính, Giám phó.

Ngày Giáp Thân, lại cho Nguyễn Danh Bi làm Giám phó; Trần Văn Tố, Hoàng Công Lập, Lê Văn Bảo làm Chiêm hậu quan; Hoàng Công Dương, Phạm Văn Lân làm Linh đài lang.

Trần Lợi Dụng, Phạm Đăng Hưng, Nguyễn Đăng Tuân, Phan Huy Thực, Hoàng Quýnh và Hứa Đức Đệ đều vào bộ Lễ.

Giáp Thân năm thứ 5 (1824), Thanh, Đạo Quang năm thứ 4.

Mùa xuân, tháng giêng (ngày 15), định phép xét công

các Tổng trưởng. Trước thí sai tuần phòng trong tổng, thu nộp tô thuế, hạn trong 3 năm trộm cướp im lặng, không lỗi gì khác, việc bắt giặc cướp phải tư rõ, có khinh phạm, trọng phạm hay không, việc thu thuế phải xét có tiêu mất công tiền, dân tiền hay không, thì lập tức thực thụ làm Cai tổng, cấp bằng có dấu son, phong nam tước, đều có tiền lương. Còn chức Phó tổng thì nên bãi (thu thuế thiếu 5 ly, miễn nghị, thiếu 6, 7 ly phải phạt, có lỗi 1 ly, phạt lương 3 tháng; một phân, phạt bổng 1 năm).

Thự Hình bộ Tham tri Nguyễn Trinh chết. Trinh người xã Đông Dư, huyện Gia Lâm, đỗ Hương cống khoa Đinh Mão (1807), trải Tri huyện, Tri phủ, thăng Nghệ An Hiệp trấn, tham dự bộ Hình, trong năm Nhâm Ngọ (1822) khâm phái đi duyệt sổ đinh thành Gia Định, về đến Quảng Nam, ốm chết. Vua cho tiền đưa hài cốt về táng, tặng hàm Tham tri. Bài văn dụ tế viết vào đoạn 5 dòng tờ, đại lược: Thi tài đỗ Tứ khoa, uẩn súc văn chương kim cổ; làm quan đăng sĩ tịch, tuần lương cai trị nhân dân, v.v... (ngày 20 đưa tang về đến nhà).

Ngày 28, giờ Sửu, phủ Thuận An động đất.

Tháng 2, bắt đầu dựng học đường phủ, huyện, đều phát tiền kho làm trường: nhà phủ học 300 quan tiền, nhà huyện học 100 quan, đều có kiểu mẫu.

Dựng cung Khánh Ninh (xem thêm năm Canh Tý - 1840).

Đốc học Hải Dương trí sĩ. Ông là cựu Hương cống xã Nghi Tàm, về xã Văn Thai dạy học.

Tháng 3, ngày 17, dụ Hình bộ xét rõ việc hình.

Hoàng thượng dụ rằng: "Cứ bộ Hình tâu, Bắc thành và 2 trấn Thanh, Nghệ, năm Minh Mệnh thứ 4 (1823), sách

tâu cuối năm về các hình án hiện tra chưa kết là 328 án, hiện giam là 845 phạm nhân. Đó bởi hạ dân chưa biết tự ái mà tránh xa pháp luật, trẫm rất thương xót. Gần đây, đương mùa cày cấy, mưa không đúng kỳ, ta sớm trưa lo nghĩ thời thường tu tỉnh, nhân nghĩ đến những địa phương đó nay còn phạm cấm nhiều như thế, trong ấy không khỏi có người oan uổng mà bị tù lây. Hiện nay thời tiết không thuận cũng bởi thế đấy. Vậy bộ Hình lập tức truyền Chỉ cho các nha môn xét hỏi việc hình ngục ở các trấn, phủ, huyện Bắc thành và Thanh, Nghệ. Trừ các án quan trọng như án mạng, giặc cướp cần có chứng cớ đối chất phải giam ra, còn các án tầm thường hoặc liên can tội tình hơi nhẹ, thì cho lấy người bảo lãnh cam kết giao về để đợi kết án, chớ để đi lại phiền lụy; đồng thời những người vô tội mà bị can cứu không đáng bị liên lụy giam cầm, cũng lập tức xét rõ thả ra, không được cứ để trì trệ đọng lại. Như vậy mới thỏa ý ta cẩn thận hình ngục".

Dấu chân người khổng lồ thấy ở huyện Đông Ngàn: Trà Hương 3, Phù Lôi 1, đều dài 1 thước 7 tấc, rộng 5 tấc.

Mùa hạ, tháng 4, Bắc thành đại hạn, dân bị đói (mỗi 1 gánh thóc 2 quan 7 tiền). Dịch bệnh lại phát ra (hạ chiếu: phát tiền tuất, vải trắng và chiếu cói).

Bắc thành Phó tổng trấn Trương Văn Minh vào chầu (ngày 25 tháng 5 lại ra Bắc).

Ngày 23, lấy sinh nhật vua làm tiết Vạn thọ, ăn mừng ban ơn. Chiếu lược rằng: "Gần đây, kỳ phụ và các hạt, doanh, trấn, trời ít mưa, dân đói, há không ban ơn để yên lòng dân?". Lập tức xét nơi nào được mùa, nơi nào mất mùa, liệu khoan giảm thuế có thứ bậc, v.v...

Phủ Thừa Thiên thóc tô giảm 2 phần 10, thuế thân giảm 4 phần 10. Quảng Nam, Quảng Bình và Quảng Trị: thóc tô giảm 2 phần 10, thuế thân giảm 3 phần 10. Thành Gia Định, 5 trấn là Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thạnh[1], Định Tường, Hà Tiên: thuế thân giảm 2 phần 10. Bắc thành, 10 trấn là Nam Định, Sơn Nam, Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Quảng Yên và phủ Hoài Đức: thóc tô vụ hạ giảm 3 phần 10, thuế thân giảm 6 phần 10. Trấn Hải Dương: thóc tô vụ hạ giảm 5 phần 10, thuế thân giảm 5 phần 10. Các trấn ấy từ năm Minh Mệnh thứ 4 (1823) về trước còn thiếu thóc tô, thuế thân, tiền đầu lõi, tiền và thóc cước phí, thuế sản vật là bao nhiêu đều cho hoãn đến vụ đông cùng nộp. Trấn Thanh Hoa: thuế vụ hạ, thuế thân, tiền đầu lõi, cước phí đều giảm 5 phần 10; thuế thiếu từ trước bao nhiêu đều cho khoan miễn. Bình Định: thóc tô giảm 2 phần 10, thuế thân giảm 3 phần 10. Quảng Ngãi: thuế thân giảm 3 phần 10. Nghệ An: vụ hạ, thuế thân, tiền đầu lõi, cước phí giảm 4 phần 10; thuế thiếu từ trước đều cho miễn. Phú Yên: thuế thân giảm 3 phần 10. Bình Hòa, Bình Thuận: thóc tô giảm 2 phần 10; thuế thân giảm 3 phần 10. Ninh Bình: thóc tô vụ hạ giảm 2 phần 10, thuế thân giảm 3 phần 10.

Năm ấy, Hải Dương bị lụt vì nước biển tràn vào. Các huyện Kinh Môn, Nam Sách dân bị đói to (giá thóc 6 quan một gánh). Hai huyện Tiên Minh, An Lão bị xiêu giạt, giặc cướp nổi dậy rất nhiều, Tri huyện Tiên Minh là Nguyễn Ân phải bỏ huyện lỵ, về trốn. Cho nên được giảm thuế nhiều hơn các trấn; lại phát thóc cho dân vay, mỗi suất 1 hộc.

---

[1]. Sau đổi là Vĩnh Long.

Thành lập quân chiêu mộ. Các thổ hào, thổ mục tình nguyện hiệu dụng, lập thành hạng ngoại hậu ứng theo để sai phái, cứ 50 người dồn thành 1 đội ngũ, cộng được 6.000 người, chia làm Hiệu Trung, Bắc Thuận 12 cơ thích chữ vào mặt, đều cấp cho khí giới, tư lương gọi là quân chiêu mộ, cho đi thuyền biển vào thành Gia Định, sai Tả quân Lê Văn Duyệt huấn luyện, chia đi 5 trấn.

Lúc bấy giờ quản quan Bắc thành phần nhiều hay thuê người thị tỉnh tòng nghĩa, để lấy quần áo, lương ăn, đến lúc sắp đi, nhiều người trốn mất. Hoặc giả có kẻ man khai quê quán để đánh lộn vào sổ đinh, lấy khống tiền điệu của dân, dân oán thán lắm. Sau đổi tên là lính tứ chính[1].

Triệu Đông đường phủ Thuận An là Lưu Úc làm Lang trung bộ Hình. Úc là người xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, là con cháu Lưu Tiệp, từ văn hàm Tri huyện Đường hào, thăng Tây đường Thuận An, chưa bao lâu, thăng Đông đường, đến đây vào bộ Hình, các bạn hữu và đồng liêu làm thơ tiễn đến vài trăm bài. Úc có 2 anh Tham hiệp, 2 em Cai án, 2 cháu là Lưu Hối và Lưu Diệu đỗ hương cống, 2 em rể cũng đỗ hương cống (con của úc là ổn đỗ giáp khoa năm Mậu Tý).

Triệu Thuận An tây đường Nguyễn Hựu Nhân vào làm Thiêm sự. Rồi cho thư ký Siêu tỉnh Bắc Ninh làm việc phủ Thuận An. Siêu người xã Phù Đổng, vợ quê xã Nhân Kiệt. Mùa thu, tháng 7, ngày 5, sửa thành hào Hải Dương, Bắc Ninh. Bấy giờ 2 trấn ấy dân đói kém, chiếu phát tiền kho

---

[1]. Dưới chỗ "tứ chính", nguyên thư có chua: "người Giao Cốc là Chiêu Bình và người Thanh Miện là Tiến Vũ đều tham gia đám quân "tòng nghĩa" này.

Bắc thành thuê dân làm việc, để cứu đói. Đó là bắt chước việc của Triệu Biện nhà Tống. Mỗi ngày trả công làm thuê là một tiền quý, một uyển gạo.

Huyện Yên Lạc vỡ đê, quan huyện bị cách chức. Trước đây, Cai tổng Thụ Bi vì gặp năm hạn hán xin quan huyện xẻ đê, lấy nước sông vào làm ruộng, đến ngày tháng 7, mưa, bão, đê vỡ, nước tràn vào 5 huyện. Cai tổng phải xử quyết, quan huyện bị cách chức, quan trấn Sơn Tây phát dân đinh đi đắp đê.

Hữu Tham tri bộ Lễ là Nguyễn Du[1] chết. Du vì làm quan bất đắc chí, dặn vợ con táng vào nồi đất bình xương, muốn cho hài cốt chóng nát, lại đi đầu sinh.

Cho Trịnh Định Vũ làm Điều vát trấn Sơn Tây. Định Vũ nguyên họ Nguyễn, người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Hoa. Cuối đời Lê có Doanh hải hầu là em Phó tướng Dĩnh, theo Hoàng Ngũ Phúc, đóng đồn Nghệ An, lấy con gái Công tính, sinh ra Trung Thắng. Thế Tổ dùng làm Cai cơ. Trung Thắng lấy con gái Tông Chất, chưa bao lâu, từ Cai cơ thăng Định vũ phó vệ, rồi thăng Trấn thủ Ninh[2] sai đến đây phụ trấn Sơn Tây. Doanh hải hầu chết, vợ cải giá lấy Phó tướng Đức, sinh phò mã Toán. Nguyên họ chánh vệ Hoa làm Trấn thủ Nam Định.

Thập cơ (lại làm lãnh binh Sơn Tây) Tích làm Điều vát trấn Bắc Ninh (cai quản nghĩa binh Thanh Nghệ).

Đổi Đốc phủ Quốc Oai làm Đốc phủ Thuận An (Đốc phủ người xã Tây Đam[3], trấn Sơn Tây, con rể Trương Chí).

---

[1]. Nguyên thư in là: 阮悠 Nguyễn Du.

[2]. Thiếu 1 chữ.

[3]. Dân gian thường gọi là làng Đăm, nay là xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Cho Nguyễn Ân làm Đốc học Sơn Tây. Ân là người xã Văn Trinh, huyện Tiên Du, lúc bé mồ côi, nghèo, đi cày đi câu để sinh sống, rồi sau đi lính, lúc về làm Xã trưởng, đến khoa Đinh Mão (1807) đỗ Hương cống, tuổi đã ngoài 40, ban đầu làm Tri huyện Tiên Minh.

Chiếu hỏi những nỗi đau khổ và cùng quẫn trong dân gian cùng với giá gạo tình hình đồng lúa.

Câu kê Hồng và Cai án Mỹ có tội, giam vào ngục. Hồng, Mỹ đều là quan lại kiệt hiệt phải tội giam. Hồng uống thuốc độc chết, Mỹ bị tội lưu ở Tam Toàn.

Cho Hoàng điệt tôn Lệ Chung nối phong tước Ứng hòa công. Trước kia anh vua là Anh Duệ thái tử sinh 2 con trai: trưởng là Mỹ Đường (húy Đán) phong Ứng hòa công; thứ là Mỹ Thùy (húy Hạ) phong Thái bình công. Đường sinh Lệ Huấn, Lệ Chung vì tội khuê phòng không tốt, bị phế bỏ làm thứ nhân; vợ Anh Duệ phải trầm mà chết. Mỹ Thùy, Lệ Huấn nối tiếp nhau cùng chết, cho nên đặc cách phong Lệ Chung làm thừa kế Anh Duệ.

Tháng 7 nhuận, Bắc thành Tổng trấn Lê Tông Chất đi kinh lược Bắc Ninh và Hải Dương. Ngày 24, chiêu tập dân xiêu tán, lấy thóc kho phát chẩn cho dân nghèo đói mỗi xuất 1 hộc thóc. Lại cấp cho nông dân 4 suất 1 con trâu giá 5 quan tiền, và cày bừa giá 1 quan.

Tháng 9, Bắc Ninh được mùa to (mỗi gánh thóc giá 1 quan tiền).

Chiếu quan Lục bộ không được mắng nhiếc làm nhục hạ liêu. Trước đây người Nghệ An là Lê Đạo Hoằng - Hương cống khoa Quý Dậu (1813), Tri huyện Phù Dung (nay đổi là Phù Cừ) vào làm Lang trung bộ Binh, hình vóc to béo, mà ý

khí kiêu ngạo. Đến bấy giờ Binh bộ Tham tri giận Đạo Hoàng về nỗi trễ nải việc công, lấy roi đánh và mắng rằng: "Sức lực to lớn như trâu, mươi con hổ không ăn hết thịt!". Đạo Hoằng không tạ mà đi ra, lập tức dâng phiến tâu nói: "Thần vì bất tài, đợi tội Lang trung, bị bộ tướng mắng nhục làm hổ ăn không hết thịt! Thế là làm ô uế quan tước thánh triều, cho nên xin từ chức về". Vua quở rằng: "Ngươi nói mình là bất tài, thì ra tiên đế dùng nhầm người hay sao? Không biết duyên do mắng nhục là lỗi tại ai", lập tức hất tay cho lui ra. Bèn giao việc này cho đình thần hòa giải, nhưng mật dụ Lục bộ: Từ sau không được mắng nhục hạ liêu. Rồi giáng Đạo Hoằng 3 cấp, cho làm Học chính để ức chế tính nóng nảy.

Sai Hàn lâm Chủ sự Nguyễn Quốc Thực đi phát thóc bán cho dân ở Bình Thuận. Quốc Thực là văn hàn xã Hồi Bão vốn tên là Tú Dĩnh, Sinh đồ khoa Đinh Mão (1807), Tri huyện Thanh Ba, sau thăng Tri phủ Vĩnh Tường, đến bấy giờ vâng Chỉ đi phát thóc bán, chưa bao lâu chết.

Cấm tiêu dùng 4 thứ tiền ngụy Tây[1]. Trịnh đề lĩnh trong 5 năm thu bốn thứ tiền ngụy, đem vào công khố, cộng được 360.000 quan đều đem tiêu hủy. Từ đấy cấm dân gian chứa giấu tiền ngụy ấy.

Mùa đông, tháng 11 ngày mồng 8, ngụy chánh Sấm xâm phạm Cổ Bi, quan Tráng uy dụ hàng được, rồi Sấm lại phản.

Ngày 17, thăng Nguyễn Đăng Sở làm Đốc học Nam Định. Cho đốc học người xã Từ Ô thay làm Tư nghiệp.

---

[1]. Bốn thứ tiền mang niên hiệu tiền Tây Sơn: Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh, Bảo Hưng.

Bỏ các chi tuần ở các cửa tuần, các bến. Vì muốn giảm bớt chi tuần, để cách bỏ cái tệ lấy thuế nặng.

Truy tôn đế hậu các miếu.

Quan trấn Hải Dương bắt được ngụy Khán Khê (người Liễu Khê) ở xã Yên Nhân, huyện Đường An và bắt luôn cả vợ Khê.

Giặc giết chết quan huyện Thụy Anh, trấn bắt được tướng giặc là Tuần Tâm, Tam Chiêu xưng Đốc phủ Thái Bình cấp cho binh khí. Đốc phủ do đấy cũng phải tội.

Tuyển các cống sĩ bổ làm quan ngoài. Dương Đức Hoành xã Hồ Khẩu, Tri huyện Hà Tiên; Dương Xuân Chiêu, xã Lạc Thổ, Tri huyện Yên Lão; Nguyễn Tứ, xã Vân Điền, Tri huyện Nghi Xuân; Vũ Hán, xã Tháp Cầm, Tri huyện Nam Chân; Nguyễn Đẩu ở Yên Khoái[1] bị cách chức năm Đinh Hợi (1827), Tri huyện Quế Dương; Ngô Huy Toàn, xã Mão Điền, Tri huyện Thanh Lâm; Lê Trần Thạnh, Tri huyện Phú Xuyên; Lê Hiệu, xã Đông Bình, Tri huyện Thiên Thi[2]; Giải nguyên Nguyễn Cấp làm Đồng Tri phủ Thiên Trường; Nguyễn Bá Thịnh làm Đồng Tri phủ Kinh Môn; Bùi Trần Dự ở Thanh Hoa làm Giáo thụ phủ Hoài Đức; cháu Dự là Trần Đàn, Tri huyện Từ Liêm; Văn hàn Thanh Ba, Nguyễn Đăng Tri làm Tri phủ Kinh Môn; Cống sinh Nguyễn Trụ và Phan Thì Nghi làm Huấn đạo; Lê Quốc Tá, xã Bảo Triện làm Tri huyện Văn Giang. Vì án xong, lúc đầu bị giam (sau được miễn nghị), đổi đi huyện Ý Yên, sau thăng tuần phủ Vĩnh Thanh. Cho Trần Bá Kiên làm Kỷ lục Quảng Bình (năm Mậu Tý [1828] đổi đi Gia Định).

---

[1]. Ở trên, năm Giáp Tuất Gia Long thứ 13 (1814) chép là Yên Quyết.

[2]. Sau đổi Ân Thi.

Thăng Nguyễn Ngọc Trác làm Đốc học Hải Dương. Trác đã trị 3 huyện, đến đây thăng giáo chức, ngày 19 tháng 8 đến lỵ sở, ngâm thơ tự thuật có câu: "*Sĩ lộc bất quan thanh yếu trạch; Khúc lan miên ổn tức phong lưu*". Nghĩa là: "Quan lộc không cần chọn thanh yếu; Nhà trong ngủ yên tức phong lưu". Thường nói: "Ta làm quan không từng can thiệp vất vả, chỉ tiếc chưa biết phong vị Tri phủ!". Nguyễn Đẩu, Tri huyện Quế Dương, thường đến hầu, lúc về, nói chuyện với Cai án Đình rằng: "Nghe tiếng thì ái mộ mười phần, đến nơi trông thấy thì chỉ còn hai phần", bởi vì Trác là người có tính hiếu thắng.

Quan Nghiêm Uy chết.

Ất Dậu năm thứ 6 (1825), Thanh, Đạo Quang năm thứ 5.

Mùa xuân, tháng 2, tế đàn Nam Giao. Ân xá (giảm 3 phần 10 thuế điệu trong cả năm).

Sai Thiêm sự Nguyễn Hựu Nhân sang cống nhà Thanh. Nhà Thanh từ năm Canh Tuất (1790) đời Kiền (Càn) Long định cho 6 năm cung tiến 2 lễ cống. Đến đây mới định 4 năm 2 lần cống. Giờ Ngọ ngày 13 tháng ấy, từ bãi Tây Long sang sông, đến Ái Mộ, qua Bắc Cầu đến Bắc Ninh. Ngày 22, mở cửa Nam Giao, tháng 7 mới đến Yên Kinh.

Tham bổ:

- Lễ cống: ngà voi 2 đôi, tê giác (4 bộ, 90 cân), trừu nam 200 tấm, the 200 tấm, lụa 200 tấm, vải 200 tấm, trầm hương 200 lạng[1], tốc hương 1.200 lạng, sa nhân 90 cân, cau 100 cân.

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là 二 百 匹 "nhị bách sất" (sất匹: tấm).

Vua đến nhà Quốc tử giám sai học quan duyệt cống sinh. Có 260 người tập hợp chỉ được 30 người trúng cách: ưu hạng, cho vào Hàn lâm; bình hạng, thứ hạng, bổ vị nhập lưu, thư lại; hạng liệt cho về, vào sổ làm hạng dân. Duy ấm sinh và sinh đồ vẫn để như cũ.

Bấy giờ Thừa Thiên và ba trực kỳ phía nam khảo khóa học trò, đều cho miễn thuế thân 3 tháng. Bộ Lễ là bọn Phạm Huy Thực tâu xin một năm 2 lần khảo làm thích trung[1]. Vua bàn định tháng 4 và tháng 10 đều lấy ngày 15 làm kỳ khảo khóa. Các thành, trấn, doanh mỗi năm khảo khóa sĩ tử cũng theo thế. Đến kỳ khảo khóa, Huấn đạo thu quyển và sơ khảo, Học chánh phúc hạch: hạng ưu cho miễn thuế thân cả năm; hạng bình, hạng thứ cho miễn nửa năm; năm nào cũng thế.

Học quan các trấn cũng đến tháng quý đông [tháng 12] sát hạch học trò tiến bộ thế nào (lệ chấm văn: 10 khuyên là ưu, 5 khuyên 5 tước[2] là bình, 15 "điểm"[3] là thứ, bất cập một phân là liệt).

Lúc bấy giờ Thừa Thiên ít người văn học, khoa Tân Tỵ (1821) chỉ có 220 người đi thi được 84 người trúng tam trường, đến kỳ thứ 4 thấy đầu đề văn sách, tự nghĩ là làm không nổi, xin ra khỏi trường đến hơn 40 người. Vua bèn lưu ý trấn thành, chọn các người đỗ Khôi giáp làm giáo chức, thời thường vua đến trường đôn đốc khuyên học.

---

[1]. Từ tháng 7 năm Quý Mùi, Minh Mệnh thứ 4 (1823), mỗi năm bốn lần khảo khóa (như nay gọi là kiểm tra) học trò.

[2]. Nguyên thư in: ngũ trí.

[3]. Điểm: nhiều chấm chấm lên câu văn.

Hiệp trấn Sơn Nam là Phụng phải tội, uống thuốc độc chết.

Học sĩ Phạm Quý Thích chết ở Bắc thành.

Sao Chổi mọc ở phương đông, đuôi chỉ phương tây, đến tháng 9, đuôi chỉ phương đông.

Quảng Nam Biện lý Vũ Huy Đạt có tội bị giết. Đạt người Trào Dương, Giải nguyên khoa Quý Dậu (1813), trải làm quan Tri huyện, Tri phủ, đến Tham tri. Khi khâm phái đi giám thí trường Thanh Hóa, có người học trò không làm văn, chỉ điều trần về những hay dở của phép thi. Đạt dâng phiến tấu về việc đó. Triều nghị cho rằng không nên tâu mà tâu, bèn giáng cấp phạt bổng. Sau đi phát thóc bán ở Gia Định, định giá bán Nhà nước là 30 quan tiền, bị đình thần tham hặc vì tấu đối lờ mờ, làm hỏng sự cơ, hai tội ấy phải xử quyết.

Cho Hình bộ Lang trung Lưu Ánh làm Hiệp trấn Tuyên Quang. Cho Trần Danh Bưu xã Báo Triệu thay làm Lang trung.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 8 định ngạch lính. Tháng 4, chiếu: vì ngạch bình tháng 4 đã quá kỳ, nên kể từ năm Bính Tuất (Minh Mệnh) năm thứ 7 (1826), bắt đầu tuân biện thi hành.

Tháng 5, nhắc lại việc cấm đạo phù thủy và trò rối cạn, rối nước.

Trấn thủ Hải Dương đánh giặc. Đốc chiến Cường bắt được (bắt được ở xã Phú Kê, huyện Tiên Minh).

Ngày 27, chiếu: Cho [các thành, trấn] đem nhật ký gió mưa hằng tháng khai báo. Lại nói: phủ, huyện sở tại, hằng tháng giá gạo đắt, rẻ, mưa, gió, nắng, lụt thế nào đều phải làm tờ thân trình.

Mùa thu, tháng 7, ngày 5, hoãn thu tô thuế thiếu năm ấy. Những thóc cho sở tại vay từ năm Giáp Thân (1824) và thóc tô vụ đông năm ngoái, vụ hạ năm nay còn thiếu bao nhiêu, đều cho hoãn đến mùa đông năm ấy nộp cả một thể. Và hỏi tình trạng nhân dân vui mừng cảm ơn thế nào. Tháng 8, chiếu cử người văn học. Trong huyện sở tại có người văn học thì chọn lấy người có tuổi đáng làm thầy, tiến lên.

Ngày 12, chiếu: những ruộng trũng không cấy được, đều làm bản tâu lên.

Ngày 19, cấm Đề lại, Thông lại và Xã trưởng nhiễu sự khoét hại tiểu dân.

Ngày 21, chiếu: huyện nha nhận khám các án đã hoàn kết thì đệ trình.

Tháng 8, chiếu: chọn người xứng đáng giỏi giang làm Xã trưởng.

Ngày 3, định lệ lương cho Cai tổng. Sở tại Cai tổng trưởng khai lý lịch để định lệ, lương. Lại sai các viên huyện nha quan lại, thuộc lệ, Cai tổng và huấn tập từng khai chức hàm, họ tên, tuổi, quê quán, đều cấp cho tiền áo mùa xuân và tiền dưỡng liêm. Chia huyện nha làm 2 ban, mỗi ban Đề lại một, Thông lại bốn, mỗi tháng cho thêm 1 quan tiền để dưỡng liêm.

Ngày 23, Bắc thành Tổng trấn đặt đàn chay tại chùa Linh Tiên Am ở phường An Ninh thuộc tổng Vĩnh Long do nàng ba[1] cầu tự, đặt đàn chay 9 ngày đêm.

Cho Chủ sự Thân Văn Quyền làm Quốc tử giám Tế tửu,

---

[1]. Vợ lẽ thứ ba của tổng trấn.

Tham tán Nguyễn Trứ[1] thụ Tư nghiệp. Quyền là người Hóa Châu trực lệ. Trứ là người xã Bút Sơn[2], huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An[3] đỗ Giải nguyên, giỏi thơ ca quốc âm, các Giám sinh đều ghét, giấu tên để vào cửa nhà Giám một câu đối: "Bao Tề ý Tấn, thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền"; "Ý cẩm cảnh y, quân tử ố kỳ văn chi trứ".

Nghĩa là: Khen Từ Hoàn, trọng Tấn Văn, thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền. Mặc áo gấm, lồng áo ngoài, quân tử ghét văn hoa chi trứ.

Trứ lúc ít tuổi, bạn thân với ông già Bồng Hải. Đến lúc Trứ ra làm quan, ông già kia không bằng lòng. Trứ đưa tặng thức gì, ông già cũng đều không nhận. Trứ thường than rằng chưa báo đền trọng hậu được.

Tháng 9, ngày 6, định cách thức thử thóc lúc thu thóc thuế. Theo đúng phép: thả thóc xuống nước, mỗi một thùng thóc nổi 3 thược, thì cho là thóc tốt.

Ngày 19, bắt đầu sai thi Hội, thi Hương, đều phải qua suốt bốn kỳ. Khoa ấy, Lễ bộ Hữu Tham tri Phạm Huy Thực giám thí trường Thừa Thiên, có Nguyễn Thiên Điều, học trò trực lệ, coi thường pháp luật, phá vỡ luật, bị bắt tống vào ngục. Vua giận quá, ngày 13 tháng 8, dụ đình thần rằng: "Trẫm từ lục thân coi chính sự đến nay, nghĩ dấy văn trị, vẫn lấy việc trọng nho, kén kẻ sĩ làm việc cần kíp: đã đặt thêm học quan để rèn đúc nhân tài, lại mở khoa thi để rộng chọn người giỏi. Trẫm dụng tâm như vậy tưởng đã chu đáo.

---

[1]. Tức Nguyễn Công Trứ.

[2]. Nhiều sách chép Trứ người Uy Viễn.

[3]. Nghi Xuân nay thuộc Hà Tĩnh.

Học thần ở đây không được người giỏi, cho nên sĩ tử ít tấn tới, gần đến kỳ thi, đã có lệ định khảo hạch một kỳ, chớ để tạp nhạp tràn bừa vào trường. Những người đi thi lại không khỏi có số tạp nhạp, mỗi khi nghĩ đến việc ấy, khiến ta buồn quá! Vậy cho đình thần hết lòng hội ban. Phàm những phép ngày thường khóa khảo làm thế nào cho có nhiều học trò giỏi, đến kỳ thi, khảo thí làm thế nào cho được thực tài. Đối với các học thần các hạt, làm thế nào cho biết được người hay kẻ dở, để định án nêu riêng. Vậy cho châm chước ban định từng điều khoản tâu lên, đợi trẫm quyết định thi hành".

Tháng 9, ngày 8, bọn Xuân Thục và Phan Thực đem duyên do tâu lên, định bắt đầu từ năm Bính Tuất (1826):

1) Phụng nghĩ về phép khóa kỳ khảo thứ. Sĩ tử đều qua Giáo thụ, Huấn đạo khảo hạch, học chính lại phúc hạch. Đến nhà quan trường: về nội trường (Giám khảo, tỏa viện, phúc khảo, sơ khảo) vẫn theo như cũ. Ngoài trường đặt thêm Chánh Phó chủ khảo, Chánh Phó đề điệu và 4 viên phân khảo. Tiến trường rồi yết biển lớn ở cửa trường. Mỗi vi 4, 5 biển để tiện cho sĩ tử nhận, đợi gọi phát quyển vào trường. Đến kỳ thứ 4, đóng cả mỗi người 4 quyển đề một hiệu, giao quan Chủ khảo làm sổ viết bảng. Các hương cống trúng tuyển đổi gọi Cử nhân, Sinh đồ đổi gọi Tú tài, những người dự trúng nhất trường, nhị trường đều cho về quê học tập, không đặt lệ cho miễn thuế thân 2 năm hay 3 năm nữa. Lại sĩ nhân ai có tang cha mẹ và tang thừa trọng ông bà hay làm thừa kế người khác, phải để tang 3 năm, đều không được giấu tang đi thi.

2) Phụng nghĩ: Về quy thức học thần khảo khóa để xét những người hay người dở mà định sự nêu khen phân biệt. Những trường học dạy học nên chia ngày lẻ, ngày chẵn. Khi

giảng Kinh, truyện, chính sử, học quan và học sinh đều phải khăn áo chỉnh tề để tỏ có lễ. Người nào học lười, nết xấu cho đánh đòn, mắng nhục. Mỗi tháng 4 kỳ (mồng 3, mồng 9, ngày 15, ngày 17) ra bài tập làm văn theo đề mục 4 trường, lại làm xen cả văn thù ứng việc thời sự. Lệ thường hội khảo cứ vào trung tuần tháng trọng đông (tháng 11) hàng năm để xem tiến bộ, còn đệ niên 2 lần khảo khóa, cho miễn binh đao vẫn theo lệ trước. Đợi mãn 4 năm, thông tính mỗi tên 8 quyển, ai làm đủ văn thể 4 trường, cho theo lệ như tú tài, dấu quan trường chấm văn phải qua sơ khảo, phúc khảo, giám khảo, chủ khảo 4 dấu khuyên điểm (son, tía, đỏ, lam).

Tham bồi Hình bộ là Nghi có lỗi, bị phạt bổng. Nghi vốn có tội cũ từ lúc vua còn làm Thái tử, thăng Tham bồi. Khoa ấy Nghi là Chủ khảo trường Nghệ An, vì tội tư thông việc chạy vạy, bị phạt bổng. Nghi nói: "Khoa này cử nhân không đầy 30 người, không đủ thu hết nhân tài Nghệ An, thì tội đã bị phạt bổng, có hại gì!". Bị quan Hổ uy tham hặc, Nghi phải giáng bát phẩm thư lại, chưa bao lâu lại được khai phục làm Hình tào Bắc thành. Nhân có việc đi Từ Sơn, Tri phủ đem tặng 10 cân củ mài và nói: "Củ mài là thổ nghi quý của làng Đình Bảng". Nghi nói: "Thổ nghi tặng người tên là Nghi, thế là Tri phủ phạm húy!". Tri phủ lạy tạ mãi. Nghi cười nói: "Ngẫu nhiên phạm phải, có ngại gì! Đời trước Hàn Cao (韓 皋) không kiêng chữ 寒 膏 (hàn cao), ông không biết à?".

Sau này, lúc Nghi chết, Lang trung Oánh có câu đối viếng:

"Kiều, Bành ô túc toán, tự hữu nhị thập niên mông đề tạo chi âu.

Giáng, Quán phục hà vi, thả hỉ thiên bách tải vô điên phúc chi họa!".

Nghĩa là:

Sống lâu như Kiều công, Bành Tổ cũng chẳng làm gì, đã được hai mươi năm, nhờ ơn gây dựng.

Võ biền như Chu Bật, Quán Anh có làm gì nổi, mừng được nghìn trăm tuổi, không nạn đổ nghiêng.

Lễ bộ Tả tham tri Nguyễn Đăng Tuân giám thí trường thi Thăng Long, Tiến sĩ xã Bình Vọng Lê Tông Quang và Đốc học xã Từ Ô đều làm quan trường.

Thụ Nguyễn Văn Thục làm Hộ bộ Hữu tham tri, Ngô Bá Nhân làm Đại lý tự khanh, Biện lý Hình bộ sự vụ, giáng 1 cấp, lưu nhậm.

Ngày 13, tháng ấy, Vị nhập lưu thư lại Hồ Xuân Mai viết tờ tấu, làm việc thất thố, phải phạt 20 roi. Hải Dương hiệp trấn Nguyễn Kim Gián vì tội xui giục người ta kiện cáo bị xử trảm, bêu đầu ở cửa đông trong Bắc thành.

Chủ sự huyện Kim Bảng, Tri phủ Thuận An thăng Hiệp trấn. Bùi Phổ, Trấn thủ Vĩnh Thanh; Lê Đại Cương làm Hiệp trấn, Lê Quốc Ta làm Đốc học.

Cho Lê Văn Tiến làm Hải Dương trấn thủ, Nguyễn Kim Bảng làm Hiệp trấn, Đào Đức Lung làm Tham hiệp (sau Lung miễn quan, Nguyễn Hữu thay). Lễ bộ Thượng thư Hưng nhượng hầu quản lý Khâm thiên giám (xem thêm năm Quy Mùi, Hộ bộ Tả tham tri Chân nguyễn hầu Nguyễn Hữu Thận làm phó.

Ngày 15, chiếu xem xét đồng lúa, kê rõ phân số thu thành.

Định lệ biền binh. Những biền binh tài giỏi, cần mẫn, được việc, đã cho bổ thụ thì cho miễn không phải điển cấp. Nếu trốn hay chết, thì bắt nguyên quán phải điền thế.

Ngày 23, xét hạch Đề lại, Thông lại: đều đến trấn sở hạch thực, cho vào hạng ngoại tiêu sai.

Ban cấp ấn triện và dấu kiểm [cho các nha].

Ngày 26, tra khám đê đập các nơi.

Mùa đông, tháng 10, ngày 11, tu bổ sổ đinh điền. Các trấn đều theo chấp bằng năm Giáp Thân, lại làm sổ thị hạ[1] và sổ điền.

Ngày 17, định lệ các trấn đệ án. Các việc án mạng, trộm cướp sở tại và dân các xã xiêu tán lại về đăng bạ, cuối năm khai thành sách, hạn tháng 11 đã đệ đến bộ (Tạp tụng chỉ hạn 3 tháng. Phủ huyện đệ án, mỗi năm cấp thêm 50 quan tiền).

Tháng 11, cấm dân gian không được tự lĩnh binh khí. Trước đây, dân gian có giặc cướp, hương hào sở tại hay đến quan trấn, quan phủ lĩnh binh khí để tuần phòng. Năm ấy giặc cướp nổi nhiều: Thái Nguyên thì đốc chiến Bồi; Bắc Ninh thì Hào Man, Quận Bàng, Thiết, Đại, Quất, Tiểu Quất; Sơn Tây thì Quận Tráng, v.v... đến đâu đốt cướp đến đấy, không kiêng sợ, ban ngày hay những đêm sáng trăng, các địa phương Hoành Lâm, Quỳnh Côi, Ứng Hòa, Đường An, Cẩm Giàng, Thí Lĩnh, Ninh Sơn, Bồng Mạc, chỗ nào cũng có giặc cướp. Bấy giờ mới cấm hương hào không được tự lĩnh binh khí.

Thập cơ Thạch tiến đóng đồn ở huyện Văn Giang, bị giặc phá vỡ. Sau lại đánh Tổng Thái ở xã Đại Vi. Thái trúng đạn súng, tự đâm cổ chết.

Cho: Thập cơ Xuân làm Hiệp trấn Lạng Sơn, Chánh hùng phó vệ làm Đốc phủ Quốc Oai.

---

[1]. Thị bạ: 示簿 tức là sổ đinh, xem năm Nhâm Ngọ (1822) ở trên.

Tháng 12, ngày 11, chiếu các nơi tường khai đền linh thiêng, không cứ số ngày cầu đảo được mưa, thực có hiển ứng, đều cho tiền đèn hương làm lễ tạ được mưa.

Chọn cử nhân bổ làm quan ngoài. Phùng Đắc Ninh xã Dương Quang, Tri huyện Kim Thành, Dương Xuân Chiêm, xã Lạc Thổ, Tri huyện Yên Lão, năm Mậu Tý (1828) gia kỷ lục 4 lần. Đào Nghiêm xã Dục Tú làm Huấn đạo, sau đổi đi huyện An Dương, năm Canh Tý (1840) chết. Nguyễn Tư người Phú Kê, Mậu Uẩn, làm Giáo thụ Lạng Giang, vì học trò không tiến bộ, bị phạt bổng 3 tháng, sau quyền nhiếp Tri phủ Lạng Giang. Thủ khoa xã Đột Lĩnh, Tri huyện Nam Trực, sau phải đổi đi Tam Toàn, tự đề là Đệ nhất lưu nhân. Thủ khoa xã Tạ Xá, Tri huyện Trực Định.

Cống sĩ Bắc thành là bọn Bạch Đăng Diên xin về quê để đi thi. Vua cho về. Diên, người xã Nội Duệ, cùng bọn Đỗ Thanh, Bùi Thụ xã Văn Minh 5 người đều có tiếng hay chữ. Diên học ở Giám dâng bài minh điện Vạn Bảo, có mấy câu rằng:

"Thủy hữu Hương Giang,
Chu lưu bất tức
Ngã hoàng chi thọ
Dữ chi vô cực
Sơn hữu Bình lĩnh
Ngật lập nguy nguy
Ngã hoàng chi thọ,
Dữ chi vô kỳ".

Nghĩa là:

Sông có Hương Giang
Chảy mãi không ngơi

Vua ta trường thọ
Cùng sông cùng dài
Núi có Bình Sơn
Cao cao sừng sững
Vua ta trường thọ
Cùng núi cùng vững.

Vua yêu bài văn ấy cho vào Viện Hàn lâm. Diên từ tạ vì chưa có khoa danh. Vua nói: "Ngươi coi rẻ Hàn lâm à? Ngày này từ Hàn lâm, ngày sau chưa dễ cầu được".

Khoa ấy 5 người tình nguyện về quê, đi thi Hương. Diên về đến nhà, có tang, không đi thi; đến khoa Mậu Tý (1828), mới đỗ Tú tài. Thanh đỗ Tú tài khoa ấy. Thụ vì kỳ thơ phú bất túc, không đỗ.

Cho Hoàng Văn Diễn làm Thông chính sứ, Biện lý Hộ bộ sự vụ. Lê Đạo Hoằng làm Tham hiệp Quảng Yên.

Bính Tuất năm thứ 7 (1826), Thanh, Đạo Quang năm thứ 6.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 12, cho giảm thuế thân các trấn. Chiếu rằng: Hoàng thiên vận hóa, sinh vật tốt bắt đầu mùa xuân; vương giả ban ơn, giúp trời để nuôi dân chúng. Bởi thu năm phúc để ban phát, mà theo đức nguyên làm điều nhân. Trẫm trên nhờ phúc trời, kính nối tông thống, nghĩ tài thành phụ tướng để giúp đỡ dân, thi hành một chính sự, một mệnh lệnh đều theo đạo trời. Nay, năm mới bắt đầu, vật phâm sáng tươi, muốn cho dân ta đều lên cõi thọ, mừng rỡ ban ơn, chính ở lúc này. Than ôi! Đầu xuân ra đức hòa lệnh, đã theo lòng nhân Kiền Nguyên, trời đất hiệp khí ứng tường, sẽ thấy phúc về hanh thái.

Cho phủ Thừa Thiên và 3 doanh trực lệ giảm 3 phần 10 thuế thân. Cho các trấn Thanh Hoa, Bình Định, Quảng Ngãi, Nghệ An, Phú Yên, Bình Hòa, Bình Thuận, Phiên án, Vĩnh Thanh, Định Tường, Biên Hòa, Hà Tiên, Sơn Nam, Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Quảng Yên và đạo Ninh Bình, phủ Hoài Đức cùng các xã, ấp biệt thuộc nạp hạt Gia Định đều được giảm 2 phần 10 tiền thuế thân năm ấy.

Ngày 15, tổng trấn Bắc thành bắt được ngụy Trần Toàn, giết đi.

Tháng 2, Bắc thành đại hạn, cầu mưa. Chiếu rằng: "Trời không mưa, hoa mầu không tốt! Cho các nơi đảo vũ". Ngày 24, mưa.

Ngày 9, Bắc thành lại đặt Phó tổng các tổng: tổng vừa, tổng nhỏ chỉ đặt Cai tổng, duy tổng lớn (ngoài nghìn suất đinh) mới đặt Phó tổng.

Trấn Quảng Ngãi núi lở mất 100 trượng.

Đặt Vạn trưởng các bến sông, lấy người ở bến hoặc ở vạn thuộc các giang phận có thể tuần phòng mặt thủ, đặt làm vạn trưởng, sát hạch cấp bằng.

Ngày 29, vận tải tiền kho Xích Đằng trấn Hải Dương về Bắc thành (rồi tải vào Kinh).

Bắc thành Tổng trấn Lê Tông Chất trí sĩ. Chất thường nghĩ: giận vì mình là võ biền bất đắc chí, nhân lúc vui cười, nói với tam tào rằng: "Mặt người ta có ba phần là mặt, mũi, miệng, đều có phần việc, cùng ghen lông mày có vị cao mà không làm gì cả. Nhưng nếu cạo bỏ lông mày thì bộ mặt sẽ ra sao".

Ngụy Đỗ Bá Vinh[1]huyện Phụ Dực, khởi ngụy ở Hải Dương. Vành là người làng Bắc Trạc[2], huyện Phụ Dực, có sức mạnh, tài lao giáo, cùng với người xã Giá Hộ là Cát, người xã Nhân Dục là Hạnh kết ước tôn phù Lê Duy Lương ở Đồ Sơn, xưng ngụy hiệu là Hoàng Long, áo mặc và cờ đều dùng sắc đen. Tạ Bổng Đài đắp lũy đất vào Nam Định. Thủy Đạo Cát[3], tướng cũ Tây Sơn, tuổi đã ngoài 70, đem 200 chiếc thuyền biển đóng giữ cửa biển Trà Lý, cho người đến báo trấn Nam Định rằng: giặc ở trong cảng Tiền Hải, nước cạn, ta có thể đến đánh úp được. Trấn quan tin lời ấy, đem thủy sư xuống Tiền Hải; Cát chọn đường phục kích: lính trấn bị vỡ tan tành. Thập cơ thống đồn chết trận, trấn quan cũng bị hại, mất hết cả thuyền và khí giới. Đình thần bàn đánh thông trấn quan. Chưa bao lâu, Cát bị thổ hào bắt được, giải đến Bắc thành, chém đi. Con Cát là Chiêu Trường vẫn giữ quân thủy đạo.

Tri huyện Tiên Lữ là Trịnh Vinh đánh nhau với giặc, bày trận voi, bắt được 3 tên giặc, chém được 1 yêu phạm và 20 tên tòng đảng, được thưởng 20 lạng bạc. Chiêu phủ dân lưu lạc, vỗ về cho lại ở yên.

Quan Bắc thành đem đại đội thủy bộ chia quân đóng đồn ở cửa biển Gia Hộ để đánh giặc. Thân sức 10 điều bắt giặc. Lại bắt 50 chiếc đò ngang vận tải lương quân chặt tre, gỗ và cây cau của dân, làm cầu phao ở Nại Xuyên thuộc

---

[1]. Tục gọi là Ba Vành. Nhiều tài liệu khác chép là 潘伯榮 Phan Bá Vinh hoặc 杜顯榮 Đỗ Hiển Vinh.

[2]. Nhiều sách chép là người làng Minh Giám, sau đổi Nguyệt Lâm.

[3]. Tức là Vũ Đức Cát làm chức Thủ ngự ở cửa biển.

huyện Yên Lão. Dân xã sở tại bắt được giặc cướp, cho quan huyện tùy tiện thân giải giám sát.

Đặt pháo đài ở cửa biển để phòng thủ. Vua thân soạn chữ mỹ tự để đặt tên người trong hoàng tông (cấm chữ Tiêm).

Ngày 23, Thái bình Giáo thụ Nguyễn Giản chết, 42 tuổi. Cha rất nghiêm, khoa Quý Dậu (1813), 2 con thi hỏng, cha tự lấy dùi đánh vào 2 đầu gối trách mình không biết dạy con. Đến khoa Kỷ Mão (1819), 2 con đều đỗ.

Chiếu hỏi sự đau khổ của dân, tha các thứ thuế thiếu và tiền vay.

Tháng 3, cho Đồng Tri phủ Kinh Môn là Nguyễn Bá Thịnh quyền nhiếp ấn vụ phủ Nam Sách. Thịnh, năm Đinh Mão (1807) thi hỏng, lại mất trộm, theo Quốc Bảo vào Kinh. Khoa Quý Dậu (1813), phụ thí ở trường Kinh đỗ, được bổ Tri huyện Thanh Liêm, rồi đổi sang huyện Hoa Khê, sau lên Đồng tri Kinh Môn. Năm Ất Dậu (1825) được kiêm Đốc phủ.

Tháng 11, Phí Văn Xuyên, trạm Kim Sơn, xã Dụ Nghĩa, huyện Hiệp Sơn, làm đơn tố giác các trọng phạm là lũ Nguyễn Đức Trung, Mai Quang Bích hơn 20 người. Tháng 12, bắt được Trung, giam vào ngục (Trung tên tục là Ba Liêu).

Cho Lê Tông Dư Tri phủ Bình Giang (Dư là cha của Quang, Tri huyện Duyên Hà, có thuyết nói là Tri huyện Thanh Trì, bị cách chức, lại thi đỗ, bổ Thiêm sự bộ Hình, sau đổi đi Đốc học Quảng Nam).

Mùa hạ, tháng 5, đại hạn. Chiếu khám xét sự thiệt hại của lúa chiêm.

Ngày 27, chiếu: Nêu khen những nhà ngũ đại đồng đường ở dân gian. Người nào đích thân sinh được con, cháu, chắt, chút, đều đem cho bạc, vải và ban cho 4 chữ thếp vàng

vào biểu là "Dịch diệp diễn tường"[1] để làm nhân thụy[2] (dân Bắc thành khai được 3 nhà 4 đời cùng ở một nhà với nhau, cũng được nêu thưởng).

Tháng 6, ngày 4, đặt thêm chức Huyện giáo. Huyện nào học trò đông mới đặt.

Đình thí tiến sĩ, cho bọn Hoàng Tế Mỹ 10 người xuất thân có thứ bậc. Quyển thi thông đóng 4 quyển bắt đầu từ đây. Kinh nghĩa lại dùng bát cổ, cũng từ đây.

Tham bổ: Hoàng giáp Hoàng Đình Thành, người xã Đông Bình, quê mẹ ở Đông Ngạc. Vua đổi tên cho là Tế Mỹ. Ban đầu trao chức Hiệp trấn Gia Định, sau đổi ra Sơn Nam. Đồng tiến sĩ 9 người là: Tô Trân (xã Hoa Cầu), Đặng Văn Khải (xã Lộng Đình), Chu Văn Nghị (xã Yên Phụ), Phạm Quý (xã Kim Đôi), Nguyễn Huy Hựu (Cống sĩ xã Hương Liễu). Khoa ấy tháng 3 hội thí, những cử nhân cáo thiếu, đều chưa xét thực.

Mùa thu, tháng 7, ngày 2, đổi tên Bắc khách làm Minh hương. Tên Tông ở Bình Vọng, tên Hiển (tức Tư) ở Phương Để, đều là Bắc thành, trước gọi là Minh hương (明 香) , nay đều đổi là Minh hương (明 鄉)[3].

Ngày mồng 3, có sao đỏ từ tây chuyển sang Nam.

Trên mặt trời có mây năm sắc.

Nghiêm ngặt nhắc lại các lệnh cấm giới.

Ngày tháng 7, bộ Lễ khâm tống thể lệ các tiết khánh hạ,

---

[1]. Dịch diệp diễn tường: 奕 葉 衍 祥nối đời kéo dài điềm tốt.

[2]. Nhân thụy: điềm tốt của loài người.

[3]. Chữ "hương" trước 香 là thơm, chữ "hương" sau 鄉 là quê hoặc làng.

có treo đèn, và các lễ đại tự, trung tự, cấm hành hình, sát sinh. Khánh hạ là ngày 23 tháng 4, lễ Vạn thọ; ngày 27 tháng 11, lễ Thánh thọ. Đại tự là: 4 ngày lễ hưởng Thái miếu, 20 ngày quốc kỵ[1] cấm hành hình, sát sinh, ăn mừng, hát xướng và mặc các màu đỏ tía. Lại nhật kỳ nghiêm giới 13 ngày là: ngày tế đàn Nam giao (tháng giêng chọn ngày tốt trung tuần tháng 2), đàn Xã Tắc (ngày Mậu tháng 2, tháng 8). Miếu Văn thánh (ngày Đinh tháng 2, tháng 9), truy tự là miếu Lịch đạo đế vương (ngày Quý), miếu Đô thành hoàng (dùng ngày ruộng cày) và ngày các trấn cày ruộng tịch điền, các ngày trên đây đều cấm sát sinh. Nhưng thần dân có lễ quán, hôn, tang, tế thì không cấm sát sinh.

Ngày mồng 10, Bắc thành Tổng trấn Lê Tông Chất chết, cho Tả hùng cự Quyền tổng trấn.

Đặt ty hỏa bảo. Sai sứ đi buôn đồng, tơ, lấy lợi. Lại tìm người thông ngôn Tây dương ngụ cư, phái dẫn vào Kinh, sai đi Tây dương tìm các thợ đưa về nước, chế tạo đồ dùng. Mật sai người Sở đồ gia có ý khéo học lấy nghề. Đóng tầu bọc đồng gọi là tầu long, tầu lân. Chế tạo đồ dùng tinh tế.

Đốc học Nam Định Phạm Đăng Sở trí sĩ.

Tháng 8, ngày 15, cấm người nhà bếp và bọn du đãng không được uy hiếp hàng chợ.

Ngày 17, khám lại các ruộng bỏ hoang. Huyện nha đo đạc, rồi sức cho dân xã yết thị số tiền và thóc thiếu, Xã trưởng không được ăn bớt, phần thu không được gộp vào của cá nhân.

Đốc phủ Thuận An vì bị bệnh được miễn quan. Thường

---

[1]. Quốc kỵ: 國忌 ngày giỗ trọng nhà vua.

nói rằng: "Các việc phủ hạt đều do quan văn giữ làm cả, võ biền chỉ nhọc mà vô công". Đến đây vì cố tật không khỏi, từ chức, vào Kinh dạy võ biền cưỡi ngựa, bắn súng, thành tài được hơn 20 người.

Tháng 9, ngày 6, chiếu răn: Nha lại, dịch mục không được nhiễu sự kiếm lợi riêng, hà khắc hạch sách tiền hành lý.

Treo giải bắt bọn Bùi Đình Hùng (ai bắt được bọn Hùng bao nhiêu người thì thưởng).

Ngày 25, phía đông nam có mây che trời như bức thành. Triệu tú tài Phạm Đình Hổ giữ chức thụ Quốc tử tế tửu. Hổ là tay tài danh, xã Đan Loan. Khoa Kỷ Mão (1819) trúng Sinh đồ [năm Ất Dậu (1825) đổi gọi là Tú tài]; năm Tân Tỵ (1821) vào bái yết, Hổ là người vẫn được vua trọng, đến bấy giờ, vua cho đem bạc, lụa đến đón.

Mùa đông, tháng 10, ngày 11, cho mua vàng, bạc, kim cương (không cứ lớn, nhỏ).

Ngày 18, treo giải thưởng bắt các tướng giặc. Ai bắt được Bá Vành và bọn Hạnh, Bàng đều thưởng 300 lạng bạc.

Tháng 12, Vệ Hùng cự là Phú đánh nhau với ngụy Đỗ Bá Vinh ở Ức Môn, Phú thua, chết trận. Lúc bấy giờ giặc đóng giữ Đồ Sơn, lính trấn Hải Dương đóng ở Hu Mục, Hùng cự đóng ở Cổ Trai. Hùng cự từng phá vây, chém được Phó cơ giặc là Thân và 6 đội trưởng giặc. Vợ Thân xin cho quân để đánh giải vây, quân nó bỏ thuyền xuống bến sông giả làm những người bắt trai ốc. Giặc thuận gió mà bắn. Hùng cự ngược gió mà bắn, đi tuần sông, gặp giặc ấy đến, bị mất cả quân tư và khí giới. Thập cơ Thần sách và Hùng cự đều thu, bị chết. Trấn thủ Huyên chống đánh ở Hu Mục. Giặc dùng bồ quay bằng tre để che đỡ và cầm búa đánh bàn

chân voi và chém vòi voi; lại cho vài mươi người cầm giáo theo ngựa vào trận, ném đánh quan quân, quan quân chạy dạt, Huyên lui về giữ huyện Yên Lạc, giặc bắt được Đốc phủ Tiên Hùng, gọt tóc, tha cho về.

Ngày mồng 6, cho giặc đầu thú. Những kẻ giặc cướp, bất luận nặng hay nhẹ, nếu thành tâm ra thú, tình nguyện bắt kẻ cầm đầu hoặc đồng đảng đều cấp phiếu cho, để chúng chuộc tội.

Ngày 26, đổi cấp cờ lớn, cờ nhỏ, cờ đại bằng vải trừu nam. 3 năm cho đổi một lần, cờ nhỏ treo ngày mồng một và ngày rằm, mỗi năm đổi cấp một lần; cờ nhỏ treo hằng ngày, mỗi tháng cấp đổi một lần.

Ngày 27, ghi chép Bản danh sách tội phạm hạng đầu, hạng cuối. Bấy giờ Hình bộ Cẩn, Lang trung Hào và Hình tào Thiều đều làm việc ở Bắc thành. Thiều trước bị cách chức, đến năm Canh Thìn (1820) làm Bát phẩm thư lại, nay Thiều tự tử, cho Uẩn thay (Hào, người huyện Từ Liêm).

Cho: Trương Văn Minh làm Bắc thành Chánh tổng trấn, Nguyễn Hữu Thận làm Phó, Phó cơ Tủng làm Đô thống chế, Lê Đại Cương làm Hình tào Thiêm sự (tục gọi Cương là huyện Thống).

Phó cơ Tủng, trước kia đi đánh Bá Vành, có đêm đi tuần, gặp thuyền giặc, sai dân binh tài, lội nước thẳng xuống thuyền địch, lấy giáo đâm giặc, rồi xin cho người dân binh ấy làm Cai đội.

Cho Lai Thạch hầu làm Đốc học Bắc Ninh, là con thứ 7 Huy Oánh. Lai Thạch hầu đỗ Cống sinh nhà Lê cũ, trội về lối văn thù phụng, trước làm quan ở Bình Thuận.

Cho Giáo thụ phủ Hoài Đức Bùi Tuấn Dự làm Đồng Tri phủ Thuận An.

Cho: Nguyễn Ngọc Trác làm Lang trung, Lý Văn Phức làm Hộ bộ Thị lang (Phúc, người xã Hồ Khẩu, Bắc thành, trước làm Thiêm sự, là anh Từ Xuyên hầu Văn Hảo).

Chọn cử nhân bổ quan ngoài. Vũ Cầu xã Xuân Nam, Tri huyện Vĩnh An, trấn Vĩnh Thanh. Thế thanh tam vĩnh Phương Đình Đản (trước tên là Uyển) thăng Tri phủ Thạch Hà. Nguyễn Danh Châu xã Du Tràng, Tri huyện Hải Dương, thăng Tri phủ Ứng Hòa. Đào Đức Việp xã Đại Toán, Tri huyện Hà Tiên.

Đặt đội Vi khuẩn sái phu (tức là Đội trưởng đội Thanh Tịnh...) lấy dân Bắc thành quét chợ phố đô thành, cho được sạch sẽ. Đây là phép cũ của Vũ hầu nhà Hán.

Năm ấy bộ Hộ dâng sổ đinh (dân số 555.440 người).

Lễ bộ Hữu tham tri Phan Huy Thực kiêm quản Hàn lâm viện sự vụ, kỷ lục 3 thứ, quyền lĩnh Khâm thiên giám. Bọn Hoàng Công Dương, Lý Văn Tuấn và Lê Văn Bảo đều giáng cấp lưu nhậm.

Tấu định khí tiết thời khắc Bắc thành, Gia Định và giờ mặt trời mọc, mặt trời lặn, càng kỹ càng hơn (xem thêm năm Tân Tỵ).

Đinh Hợi, năm thứ 8 (1827), Thanh, Đạo Quang năm thứ 7.

Mùa xuân, tháng giêng, sai quan Kinh đi đánh Đỗ Bá Vành, dẹp yên được. Cho Binh tào Thị lang Nguyễn Công Trứ giữ chức Tham tán nhung vụ, đem các vệ phi, hổ, trạc đi đánh giặc, tiến quân đến trụ sở xã Cổ Trai. Giặc lui giữ xã Trà Lũ, đắp lũy để giữ. Bốn mặt đồng nước đều có cống mở đóng để cho thuyền ra biển, thuyền giặc vài mươi chiếc bơi ra hồ để xem xét quan quân.

Trước đây, Cai tổng Hỗ xã Quần Anh can việc thông gia với giặc, bị quan quân bắt. Hỗ xin lập công chuộc tội, nhân xin vào đảng với giặc. Ngày 26, tháng 2, Vành ra chơi hồ, khao quân, sai ít cô ca kỹ hầu rượu và hầu đánh bạc. Hỗ mật ước quan quân làm hơn 500 chiếc thúng tre đựng cát, lâm thời Hỗ đốt lửa làm hiệu, quan quân đem các thúng cát lấp đồng nước mà vào, vây lũy. Vinh mở cống cho thuyền bơi ra, nước cạn, thuyền không đi được, quan quân đánh khép lại, bắt được các ngụy là lũ Đán, Liễn, Khương, Thự hơn 10 người, chém vài trăm đầu giặc, nhảy xuống nước chết đến vài nghìn. Vành bị đạn bắn vào đùi, bị bắt. Đồng đảng tên là quận Thường cùng Hạnh và Hương theo cảng ra biển mà tan đi. Vành cùng Đán và Liễn, đều bị đóng cũi giải đi Bắc thành. Vành tự cắn lưỡi chết. Đán và Liễn đều bị xử tội lăng trì. Sau, đảng Vĩnh ngầm giết Cai tổng Hỗ.

Tháng 2, ngụy Chánh Sấm xã Lạc Đạo đánh phủ Thuận An, đốt cướp địa phương Đại Trạch và Quảng Thị. Cai đội chết trận (xem năm Giáp Thân 1824). Sai quan dụ tế đội Hùng cự, xây mộ ở chợ Trà Hương, xã Cổ Trai, đặt thần vị để tế, tặng tước vương, vợ được phong làm Quận phu nhân. Văn tế có câu rằng: Điều khiển sai trái, trách nhiệm khó từ, nhưng thân gặp gian nguy, tiết ngay được tỏ.

Ngày 14, mặt trời đỏ như lửa.

Hải Dương trấn thủ Huyên phải cách chức. Trước đây, Huyên đánh roi chết Cai tổng Đô, bị đóng gông giải đến Bắc thành, giáng 6 cấp. Huyên tự cắt bỏ râu. Đến đấy, vì không cứu đội Hùng cự để đến thua, nên bị đình nghị giải vào Kinh. Vua gọi vào quở, Huyên tâu rằng: "Giặc ở thủy quân, ta đi bộ, không thể vượt sông bắt chém được!".

Cho: Trịnh Định Vũ, Trấn thủ Hải Dương (xem thêm năm Giáp Thân 1824).

Tháng 3, ngày 28, cho Tham tán Nguyễn Công Trứ tuần tiễu các trấn. Đến xã Đại Bái phủ Thuận An, bắt được kẻ đúc tiền giả. Ngày 14 tháng 4, đến Nam Định, trấn thuộc Bùi Khắc Cần, Cai án Thanh và Tri bạ Lý bị kiện trốn thoát. Trứ cho đi tìm bắt. Sau, Thanh trốn về Hoài Đức, làm sư chùa Thiên Hậu, đến năm Giáp Ngọ (1834) mới bắt được, phải tội lột da. Đến đồn Mai Sao, phủ Lạng Giang, Nguyễn Bá Thịnh theo đi đánh giặc, bắt được bọn ngụy Sùng, Tú, Bích, đốc chiến Bồi. Đến Thanh Lâm, bắt được ngụy Quất. Đến Đồng Thành, bắt được Chánh Sấm, Quận Bàng.

Mùa hạ, tháng 4, Bắc Ninh mưa đá. Bắc thành bị dịch bệnh (chiếu cấp tiền tuất theo như lệ).

Tháng 5, sửa lại cửa lầu Bắc thành, phát tiền kho công mua tre gỗ ở bến sông.

Chiếu: các doanh, trấn phát thóc cho dân nghèo vay. Bấy giờ Bắc thành có bệnh dịch và bị đói, gánh thóc trị giá từ 3 quan 2 tiền đến 4 quan 5 tiền. Chiếu phát thóc bán, giá mỗi hộc 1 quan 8 tiền, đợi mùa đông năm sau trả gốc. Và hoãn thu thuế vụ hạ năm ấy. Chiêu mộ quân đi phu thành Gia Định. Ai chết cấp cho 3 quan tiền. Và chiếu có nói: "Ân xá, quyên, miễn, cốt là bớt của nhà nước để giúp cho dân, chứ không kể đến kho thóc đầy hay vơi".

Ngày 7, chiếu răn quan lại Bắc thành, Dụ rằng: "Làm chính trị cốt phải nghĩ cách bỏ tệ hại để được tốt, rồi sau mới có thể nói đến thịnh trị được. Trẫm từ lúc thân chính đến đấy, dậy sớm, ăn trưa, cố gắng mong được thịnh trị. Đối với những việc làm chính sự, cai quản các quan và yêu nuôi nhân dân, càng để ý lắm. Thế mà từ lâu, toàn hạt Bắc

thành quan lại không thể theo ý trẫm, thừa hành không thích đáng, thường thường chồng chất nỗi khổ cho dân. Chắc họ nghĩ rằng cửa vua xa hàng vạn dặm, không soi xét được những chỗ hẻo lánh u ẩn, cho nên lần lữa coi nhờn, tham lam vơ vét, không có chính tích nuôi dân! Trước đây, trẫm đã tùy việc xuống Chỉ, nghiêm răn, nhưng quen thói đã lâu, tệ cũ còn nhiều, thậm chí tội lỗi vẫn điên cuồng tham lam, những người đã bị cách, còn nhờ dựa nha môn, ngầm thông quan tiết, thì lấy gì mà quét mối tệ để nghiêm quan trường được? (hãy nêu những việc có liên quan đến tam tào và các viên quản phủ, lãnh binh, tuần bộ, v.v...). Lại còn những kẻ cường hào điêu toa ở hương lý và bọn thầy cò vô lại, mà thượng ty địa phương không biết nghiêm xét trừng trị, thì lấy gì để lấp nguồn tệ hại được? Trẫm đương đêm nghĩ đến, tức giận vô cùng, chỉ muốn một phen sửa sang chế độ, để bỏ tệ cũ mà răn kẻ ngoan điêu. Nhưng lại nghĩ: trước dạy hãy dỗ, sau nữa trị tội là chính sự của vương giả. Bởi thế, đinh ninh dạy bảo nói không ngại phiền. Vậy ai nấy đều nên rửa lòng cho sạch, cắt bỏ lỗi trước, cốt cho quan to giữ phép, quan nhỏ thanh liêm, dân được yên, giặc cướp im lặng. Từ đấy, thói xấu cách bỏ, phong tục trở thành thuần mỹ thì cũng hưởng phúc thái bình, há chẳng tốt ư?".

Vua lại làm bài thơ để ở điện Cần Chính:

Phiên âm:

Trung ngoại thành liêu đấu cẩm bào,
Thụy tri thiên hạ dĩ ngoa ngao.
Sổ bôi mỹ tửu quân sinh huyết,
Bán chản hòa canh bách tính cao.

Thiên lệ lạc thời nhân lệ lạc,
Ca thanh cao xứ khốc thanh cao.
Quân môn vật vị dao thiên lý,
Cô vọng hoàng ân thị nhĩ tào.

Dịch nghĩa:

Trung ngoại các quan mặc áo gấm,
Biết đâu thiên hạ đã lao đao.
Vài chén rượu ngon, máu trăm họ,
Nửa bát canh lành, mỡ đồng bào.
Trời khóc, cùng dân sa nước mắt,
Hát vang, tiếng khóc lại càng cao.
Chớ bảo cửa vua xa ngàn dặm,
Cô phụ ơn vua những lũ nào.

Lại có mấy câu:

Phiên âm:

Bách quan dĩ thụy, trẫm vi thụy,
Bách quan vị khởi, trẫm tiên khởi.
Hà như thôn dã sất phu nhàn,
Nhật thượng tam can do phú bị.

Dịch nghĩa:

Trăm quan đã ngủ, trẫm chưa ngủ,
Trăm quan chưa dậy, trẫm đã dậy.
Sao bằng thôn dã rất phu nhàn,
Mặt trời lên ba con sào vẫn trùm chăn.

Lại ngầm bảo bọn Trương Văn Minh và Nguyễn Hữu Thận rằng: nên tự sửa mình, chớ để trẫm bị lỗi là không sáng suốt biết người.

Lại nói: "Nên để lòng xếp đặt, dẹp giặc vỗ yên dân, khiến nhân dân toàn hạt cùng được ở nơi an toàn".

Tham bổ:

Tục ngữ bấy giờ có mấy câu rằng: Thiên Phúc ba Tri phủ, Yên Phong năm Tri huyện, nhiều quan tham, lại những nhiễu phép xảo, văn thân, có giặc cướp thì trên dưới che giấu, cho kẻ không đốt giết làm cường đạo, hoặc cho tiên xưng nhà giàu, thượng khẩn nã bắt để đòi hối lộ, xoay phải làm trái, hoặc nhận là gia nhân vào bọn, hoặc cùng lính sai chia tang vật.

Tháng 5 nhuận, ngày 13, Tri phủ Kiến Xương Nguyễn Công Tuy có tội, xử trảm giam hậu.

Tháng 6, ngày 2, có đám mây đen điểm vào mặt trời.

Mùa thu, tháng 7, các huyện Yên Lãng, Từ Liêm, Diên Hà, Nam Sang bị nước lụt.

Ngày 15, ban "thóc quý" cho Bắc thành. Thóc này vốn sản ở thành Gia Định, hột to như hột thóc nếp, dài một phân ta, gạo trắng mà vị thơm, giúp cho phủ tạng được khoan khoái, ban cho các phủ, huyện Bắc thành để làm giống cấy.

Tháng 8, ngày 8, sai quan Kinh là bọn Phạm Thế Mỹ, Nguyễn Chiểu phát chẩn cho các nơi Bắc thành bị thủy tai. Trừ những hạng lão nhiêu, thượng hộ và ngoại tiêu sai ra, chỉ có hạ hộ mỗi suất phát chẩn 1 hộc thóc giá 1 quan 2 tiền. Khi phát thóc công, Dũng làm Chánh đề lĩnh vì lỡ làm cháy kho thóc, bị xử tội giảo. Phó đề lĩnh là Lê Văn Thư phải tội đồ, bị đày đi châu xa.

Sai điều vát Bắc thành đi tuần các phủ. Bấy giờ vì lụt và hỏa tai, thóc đắt, những đám cướp nhỏ thường hay quần tụ. Chiếu lúc lúa chín, các điều vát sở tại hiệp cùng Đốc phủ tuần hành giết cướp.

Tháng 9, Bắc thành được mùa to: gánh thóc giá 1 quan 7 tiền. Chiếu các phủ, huyện đều đong 1.000 quan tiền thóc quyền nghi trữ lại.

Tự Tế tửu Phạm Đình Hổ xin giải chức. Vua y cho. Hổ là người cương trực, dạy học rất nghiêm khắc. Những học trò nào đi học thầy khác thì không cho vào cửa nữa. Lúc dạy học ở Giám, có một công tử không vâng lời, Hổ rút giày ném vào công tử ấy. Công tử hỏi rằng: "Roi dùng làm hình phạt học trò, nay lấy giày mà ném, là nghĩa gì? Rồi cầm ngay giày ấy ném lại, và nói: "Phi đại khoa không đủ làm mô phạm". Hổ thẹn quá, dâng biểu xin về Bắc thành dưỡng bệnh, vua cho 100 quan tiền (xem thêm năm Kỷ Sửu 1829).

Mùa đông, tháng 10, Trì huyện Gia Bình là Lê Tông Vỹ xin từ chức. Vua không cho (Vỹ là ông chú của Quang).

Nguyễn Tú, xã Phương Để làm Trấn thần Quảng Ngãi, rồi đổi làm Trấn phủ Quảng Trị, thăng Lễ bộ Tham tri (Tú đỗ Tiến sĩ qua Bính Tuất 1826).

Ngày 11, cấm lấy gỗ rừng, dân gian không được lấy gỗ làm nhà, chế đồ dùng và chứa riêng.

Tháng 11, ngày 26, vì khánh tiết Từ thọ hoàng thái hậu thọ 60 tuổi, ân xá thiên hạ, trăm quan dâng biểu mừng. Các quan văn võ tứ phẩm trở lên đều cho thăng một cấp. Các quan hưu trí, nghỉ về quê từ tòng ngũ phẩm trở lên, tình nguyện vào Kinh, đều cho quan sở tại cấp giấy để đi. Tô thuế các tuần ty và đầm hồ đều cho khoan miễn, tiền thuế thân, thuế điền cho giảm 5 phần 10. Các quan phủ huyện sở tại đều tế đền thiêng và núi cao, sông lớn. Quân và dân 80 tuổi trở lên, đều được cho 1 tấm vải đỏ, 1 phương gạo; 90 tuổi trở lên, 1 tấm lụa, 2 phương gạo; 100 tuổi trở lên, 2 tấm

lụa, 3 phương gạo. Các hiến tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ đều được nêu khen. Các trấn đều đặt Viện "Chẩn cùng"[1]. Những thổ phỉ bị bắt theo nếu đầu thành quy mệnh, đều rộng tha cả, nha môn các phủ, huyện, cho quan sở tại xét lại dịch chi tiêu, cần lĩnh tiền công, đều có thứ bậc, để chi về bút, giấy, dầu, đèn. Cai tổng, phó tổng trước thiếu thuế đều cho tạm hoãn, để bàn định cho thăng hay truất bãi. Những người tài năng phẩm hạnh ưu trường ẩn náu rừng núi, đều cho khai tên dâng lên. Những thuế thiếu từ năm Minh Mệnh thứ 4 (1823) về trước, đều cho miễn hẳn; những thuế thiếu từ năm thứ 8 (1827) về trước, đều cho tạm hoãn.

Ngoại truyện: Hình bộ Thiêm sự có tội, giáng cấp (sau bổ làm Giáo thụ phủ Hoài Đức).

Tháng 8, Đồng Tri phủ Kinh Môn Nguyễn Bá Thịnh có tội, bị cách chức. Thịnh năm trước, Quyền phủ Nam Sách, bị việc ba Liêu, phải phạt bổng, nộp 60 hộc thóc, bị giam lỏng ở Bắc thành để đợi xét. Sau đó, có người lái buôn gạo mất cướp, Thịnh bắt được tang gạo, lại ăn hối lộ, tha kẻ cướp mà giết lái buôn gạo. Con của lái buôn gạo tên là Bẩm, vào Kinh tố oan. Vua giao việc cho Bắc thành, phân xử bất công, Bẩm lại vào Kinh tâu, để đơn vào trong ống tre gắn sơn kín, đợi lúc xe vua đi chơi, Bẩm ra bờ sông, gieo mình tự tử. Vua trông thấy, cho người vớt lên, hỏi tình trạng, Bẩm tâu rõ đầu cuối việc ấy, và nói: "Định xuống thủy phủ để tố cáo". Vua ban chiếu quở trách Hình tào Bắc thành (Lê Đại Cương) và ban cho Bẩm bài vàng chữ "Hiếu". Thịnh cùng Tri phủ Nguyễn Đăng Chi đều bị cách chức, không được dùng.

---

[1]. Phát chẩn cho người nghèo.

Tham bổ: Năm Ất Dậu (1825), tháng 12, Thịnh bắt được tên trọng phạm Nguyễn Đức Trung, giam ở đồn phủ, tháng 3 năm Bính Tuất (1826) nhân đi quyền phủ Nam Sách, bàn giao lại cho Nguyễn Đăng Chi; ngày 4 tháng 6, Đức Trung ốm, Đăng Chi cho Cai tổng Nguyễn Trọng Tiến cam kết bảo lĩnh Đức Trung ra chữa bệnh. Đức Trung trốn thoát. Năm Đinh Hợi, Minh Mệnh thứ 8 (1827), đều phải cách chức. Tháng 11, trấn Hải Dương đòi lấy đơn kiện, lúc ấy Thịnh đang hậu cứu ở Bắc thành, Lý trưởng cung khai đang trốn. Thịnh lại ngầm nhận hối lộ của 11 dân xã, bí mật cho khai là nhân số hao tán, nên mới có câu "toán lại danh lợi vị tha nhân".

Người bị tội lưu là Vũ Trinh, từ Quảng Nam về, đến nhà thì chết. Đầu năm Bính Tý (1816), Trinh ở Kinh, ăn ở với thị tỳ của Nguyễn Sở. Khi nàng có thai thì gặp lúc Trinh phải phát lưu vào Nam. Thị tỳ ấy xin Trinh viết giấy làm bằng chứng, lại về với Nguyễn Sở, Sở không nhận, sau này sinh con gái. Khi người con gái này đã trưởng thành, nàng gả cho phú thương ở Quy Nhơn. Nhân đến phố Hội An, cầu ra mắt Trinh, xuất trình bút tích, Trinh nhận nàng làm vợ lẽ, lại sinh 1 con trai; đến đây, Trinh đem gia quyến về, tuổi đã 76. (Lúc Trinh bị tội lưu, chưa đi, người thiếp đem việc tố cáo với Đăng Giai, gặp lúc Giai đi làm việc bắt giặc, nhân tâu với vua rằng gia quyến ấy có công, xin miễn tội lưu).

Tham bổ: Trinh là dòng dõi thượng lưu (xem năm Mậu Thìn 1748 đời Cảnh Hưng), xã Xuân Quan. Người họ là Vũ Vịnh làm Lang trung, bổ đi Vĩnh Yên, lại làm Tuần phủ Sơn Tây, gặp việc phải tội lưu đi Quyên Sơn, sau được ân xá. Nguyễn Đăng Giai vì là chỗ anh em rể, tiến làm Tịch điền lang, đổi làm Bố chính Khánh Hòa kiêm Tuần phủ. Hàn lâm Dữu sinh ra 2 con trai, trưởng là Du, thứ là Cận

(Du lại có tên nữa là Thực). Du từ Tri huyện Mỹ Lương, đổi đi Vạn Ninh. Cận đỗ Tú tài. Đĩnh làm Bố chính Nghệ An (có thuyết nói là Nam Định), đổi làm Án sát Lạng Sơn (xem năm Canh Tý 1840). Quyền làm Đốc học Hải Dương, sau xin về nuôi mẹ (mẹ 70 tuổi). Hành do văn hàn làm Thiêm sự bộ Lễ, vì sĩ tử không phục, xin từ chức về Bắc thành nhân đi chiêu thảo Tây thành, bắt được nữ chủ, bị súng bắn, chết trận. Các em, các cháu đỗ Tú tài, Cống sinh, làm Giáo thụ, Huấn đạo đến mươi người.

Vua đi chơi Quảng Nam, tu sửa chùa và cầu đá. Người làng Thái Bình huyện Duy Xuyên là Nguyễn Thế Lương (cũng gọi là Chương) tâu 20 điều, đại lược nói bắt chước Đường, Ngu, Thương, Chu, bãi việc doanh tào, chuộng tiết kiệm, thận trọng tuyển lựa các viên thú lệnh, nhẹ thuế khóa, dùng người hiền tài, loại bỏ kẻ không tốt, chăm lo nghề gốc nước, ức chế mạt nghệ, cầu lời nói thẳng, để trừ thiên tai. Lời điều trần rất thống thiết. Lại nói: Khoảng 7, 8 năm nay nhật thực, hoàng trùng, núi lở, sông cạn, gió bão, dịch bệnh, mưa dầm, sao Chổi mọc, giặc cướp, mất mùa, có đến mươi thứ thiên biến. Vua như thuyền, dân như nước, có thể làm đắm thuyền, chưa bao giờ thuyền làm đổ nước! Đại thần không biết nói, tiểu thần không dám nói, cho nên kẻ tiểu dân này mới phải vượt địa vị mình mà nói đó thôi! Vua ghét là thẳng thắn chướng tai, muốn giao cho đình thần nghĩ xử. Lễ bộ Tả Tham tri Nguyễn Đăng Tuân can ngăn mới thôi. (Tuân là người xã Phù Tông, tỉnh Quảng Bình, là cha Nguyễn Đăng Giai).

Hộ bộ Thị lang Lý Văn Phức có tội, bị cách chức. Trước đây, Phức đã có lỗi, được miễn nghị, cho đi hiệu lực mua hàng. Khi đi Tây dương, Phức để lộ chiếu chỉ, cho nên phải tội. (Phức đỗ

Tham bổ: Năm Ất Dậu (1825), tháng 12, Thịnh bắt được tên trọng phạm Nguyễn Đức Trung, giam ở đồn phủ, tháng 3 năm Bính Tuất (1826) nhân đi quyền phủ Nam Sách, bàn giao lại cho Nguyễn Đăng Chi; ngày 4 tháng 6, Đức Trung ốm, Đăng Chi cho Cai tổng Nguyễn Trọng Tiến cam kết bảo lĩnh Đức Trung ra chữa bệnh. Đức Trung trốn thoát. Năm Đinh Hợi, Minh Mệnh thứ 8 (1827), đều phải cách chức. Tháng 11, trấn Hải Dương đòi lấy đơn kiện, lúc ấy Thịnh đang hậu cứu ở Bắc thành, Lý trưởng cung khai đang trốn. Thịnh lại ngầm nhận hối lộ của 11 dân xã, bí mật cho khai là nhân số hao tán, nên mới có câu "toán lại danh lợi vị tha nhân".

Người bị tội lưu là Vũ Trinh, từ Quảng Nam về, đến nhà thì chết. Đầu năm Bính Tý (1816), Trinh ở Kinh, ăn ở với thị tỳ của Nguyễn Sở. Khi nàng có thai thì gặp lúc Trinh phải phát lưu vào Nam. Thị tỳ ấy xin Trinh viết giấy làm bằng chứng, lại về với Nguyễn Sở, Sở không nhận, sau này sinh con gái. Khi người con gái này đã trưởng thành, nàng gả cho phú thương ở Quy Nhơn. Nhân đến phố Hội An, cầu ra mắt Trinh, xuất trình bút tích, Trinh nhận nàng làm vợ lẽ, lại sinh 1 con trai; đến đây, Trinh đem gia quyến về, tuổi đã 76. (Lúc Trinh bị tội lưu, chưa đi, người thiếp đem việc tố cáo với Đăng Giai, gặp lúc Giai đi làm việc bắt giặc, nhân tâu với vua rằng gia quyến ấy có công, xin miễn tội lưu).

Tham bổ: Trinh là dòng dõi thượng lưu (xem năm Mậu Thìn 1748 đời Cảnh Hưng), xã Xuân Quan. Người họ là Vũ Vịnh làm Lang trung, bổ đi Vĩnh Yên, lại làm Tuần phủ Sơn Tây, gặp việc phải tội lưu đi Quyên Sơn, sau được ân xá. Nguyễn Đăng Giai vì là chỗ anh em rể, tiến làm Tịch điền lang, đổi làm Bố chính Khánh Hòa kiêm Tuần phủ. Hàn lâm Dữu sinh ra 2 con trai, trưởng là Du, thứ là Cận

Hương cống ân khoa, cùng với Phạm Đình Trạc, người làng Liêu Trung, cùng làm Hành tẩu. Phức được thăng chức. Trạc mấy năm vẫn không được lên. Phức khuyên bảo Trạc nên đút lót để được thăng quan, Trạc không nghe. Người ta xem thế, biết là người hơn người kém).

Ngoại truyện: Trạc lúc mới làm Tri huyện Thanh Hà có ngâm thơ rằng:

Phiên âm:

Xích Bích hữu hoài huề dạ nguyệt;

Vu Sơn vô mộng đáo triêu vân.

Nghĩa là:

Xích Bích sẵn lòng chơi dạ nguyệt;

Vu Sơn không mộng đến triêu vân.

Trạc ít tuổi, đi xây đắp cầu đá bị Khán thủ đánh.

Mậu Tý, năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), Thanh, Đạo Quang năm thứ 8.

Mùa xuân, tháng giêng, mồng 2, ngày Nhâm Dần, Lý Công Toàn (tục gọi Cống Thìn) đánh phủ Kiến Xương. Toàn là người khách Minh Hương, tự xưng là tướng cũ của Bá Vinh, có quân thủy 4.000 đóng ở cửa biển Trà Lý, vào vây phủ Kiến Xương, sau 2 tháng, quan quân nã bắt, chém, bêu đầu. Lang trung Nguyễn Huỳnh và Nguyễn Chiểu có tội, bị giáng cấp. Huỳnh có tài về thơ, người đời khen là cách điệu nhập Đường, thờ vua từ lúc vua còn làm thái tử. Quỳnh làm quan đến Lang trung, vì việc lén dùng ấn ngự bảo, hơn 10 ngày, Lang trung Chiểu mới phát giác, bị giáng 6 cấp. Vua giận, nói: "Làm bậy như thế, đồng liêu ngồi ngự không biết. Vậy thì triều đình dùng hạng người mù điếc làm gì nữa! Vả lại, tình bè bạn sao bằng nghĩa

vua tôi? Không nghiêm trị, sợ có họa đưa nhau vào cạm". Do đấy Chiểu cũng phải giáng cấp. Huỳnh là người xã Thạch Lỗi, năm Quý Tỵ (1833) làm Tuần phủ Biên Hòa, bị tội vì bỏ thành, phải giáng làm Y sinh, sau dâng thuộc Hoàng thái hậu được làm Y lang, được thưởng rất hậu (con tên là Tiến).

Mồng 8, ngày Mậu Thân, có đường khí trắng như cầu vồng vắt ngang trời (từ tây nam dần sang đông bắc).

Tháng 3, ngày 3, vua ban rượu, thịt cho thọ ông, thọ bà. Người 100 tuổi trở lên, cứ đầu xuân cho thọ ông 3 cân rượu, 2 cân thịt; thọ bà 2 cân rượu, 1 cân thịt.

Bắt đầu sức cho phủ, huyện đều đắp thành. Chiếu: Lỵ sở phủ, huyện là nơi quan và dân chúng trông vào. Ngày 14, tháng ấy, sai 3 hầu tước là Thịnh đức, Xuân quang và Xướng hòa đi xem xét đo đạc hình thế núi sông, hoặc để chỗ cũ, hoặc dời đi nơi mới, các phủ, huyện đều đắp thành, đào hào, lại ban cho quy thức công đường, tư thất, 21 phủ, 73 huyện đều theo mẫu thành trấn làm bằng một phần tư mở 3 cửa, khắc chữ đá, nhân công, vật liệu đều phát của kho công, thuê người làm. Từ đấy, các phủ, huyện đều sáng sủa đổi mới cả (những nơi thủ dịch đều đặt lệ mục).

Thăng Lang trung Nguyễn Ngọc Trác làm Tham hiệp trấn Nghệ An.

Mở rộng vườn hậu uyển, lấy các cây tố lan, mộc tê và hải đường ở Bắc thành đem vào trồng. Lại tìm các thứ gạch, ngói, phiến đá cổ như ở tháp Báo Thiên đời Lý. Bốn mặt xây tường gạch, làm lưới dây thép chăng lên trên, mua chim trắng đầu và các chim quý lạ nuôi ở đấy.

Ngày 27, Bắc thành cháy to. Bắt đầu cháy từ phố Hàng Mũ, sau đến Kho Gạo, cháy lan vài trăm nhà, người và súc vật phần nhiều bị thương, đều cấp cho tiền tuất và vải trắng.

Bắc thành Tổng trấn Trương Văn Minh có tội, bị sung quân. Minh ở thành 13 năm, cầm quyền chuyên chế. Đào hồ ở Hậu giám bị quân Thần Sách tố cáo, và nói: "Đào hồ làm gãy phạm long mạch, cho nên liền mấy năm bị hỏa tai". Tam tào[1] đem việc ấy tham hặc, Minh phải giáng 1 cấp, Quyền chưởng tổng trấn ấn vụ. Đình thần bàn xử trảm giam hậu. Vua nghĩ Minh là phò mã, cho nên được nghị thân. Lúc ấy sai giải Minh vào Kinh, xử tội bất sung quân, tịch ký gia tài có đến hàng vạn vạn.

Tháng 4, bắt đầu đặt ruộng tịch điền, cho dân giảm điền tô 3 phần 10. Đô thành và các doanh điền có ruộng tịch điền, đàn Xã tắc, miếu Tiên nông, mỗi năm, tháng 5, chọn ngày tốt, vua cày ruộng tịch điền. Trước 4 ngày, đập đất cho nhỏ. Ngày ấy, vua đội nón, mặc áo tơi, cầm cày sơn son, bắc vào 2 con bò đeo vòng vàng, 2 viên đại thần cầm roi, 3 người lão nông làm tả hữu vệ, lễ bộ và quân nhạc đi theo, thiên tử cày 3 đường, hoàng tử cày 6 đường, quan các trấn cày 9 đường, rồi nghỉ ăn cơm, cày xong, gieo thóc, sai lại viên và lính chia phiên tưới nước.

Lại ban cách thức thổ ngưu cho các phủ, huyện, có bản âm, dương (xem *Thông thư*). Hàng năm, ngày Lập xuân, tế mang thần, đánh thổ ngưu.

Tháng 5, đê Kim Quan thuộc Bắc Ninh bị vỡ: từ xã Bát Tràng đến xã Giang Cao vài trăm trượng. Chiếu: Lấy tiền kho công thuê người đắp lấp. Trưng thu thóc dân vay từ năm trước (đều dự thu một nửa).

Tháng 6, ngày 7, chiếu: Dân gian có tiền kẽm đều cho đem

---

[1]. Ba tào ở Bắc thành: Binh tào, Hình tào và Hộ tào.

nộp vào quan (năm sau, cấm chỉ). Cho Văn hàn Đỗ Quang Diễm làm Hình tào Tư vụ ở Bắc thành. Diễm người xã Đại Mão, trước làm văn thuộc của hoàng đệ Kiến An công.

Thành trấn Bắc Ninh bị sụt lở. Lúc ấy nhân mưa to bão lớn, lúa ruộng huyện Gia Lâm bị ngập, thành trấn Bắc Ninh tự sạt vỡ.

Ngày 26, Tri phủ Thường Tín Lê Trần Thạnh phải giáng 1 cấp, lưu nhậm. Thạnh người xã Mão Điền, con Tri huyện Ngự Thiên, đỗ Hương cống khoa Quý Dậu (1813), Tri huyện Phú Xuyên; năm Đinh Hợi (1827) thăng Tri phủ. Đến đây khơi ngòi lấy nước nuôi cá, thành ra nước tràn ngập, bị giáng cấp. Năm Nhâm Thìn (1832) bị cách chức; năm Giáp Ngọ (1834) chết.

Đổi Ký lục thành Gia Định là Trần Bá Kiên về Quảng Bình. Kiên ở Gia Định buồn bã nhớ nhà, bị Biện lý Văn Dong tham hặc. Vua triệu về Kinh, hỏi tình trạng. Kiên đem thực tình tâu rằng: "Thần thực có lòng ấy". Dong tâu đều đúng. Vua bèn đổi về làm Ký lục Quảng Bình.

Dong vốn tính hung hãn, lại phạm những tội dâm phóng bại tục, hại chính tàn quân. Tả quân Duyệt tâu lên, Dong bị giải về Kinh, đi nửa đường, uống thuốc độc chết.

Mùa thu, tháng 7, các phủ Thường Tín, Ứng Hòa và các huyện Yên Sơn, Thạch Thất đều bị lụt to (quan phủ, quan huyện đều phải cách chức).

Chiếu cho các quan trong Kinh, ngoài các trấn từ ngũ phẩm trở lên đều dâng sớ điều trần về chính sự đắc, thất.

Ngày 16, đê Kim Quan lại vỡ, dài hơn 100 tầm. Thuận An, Khoái Châu, Đường An và Đường Hào lúa ruộng ngập hết, người và súc vật phần nhiều bị trôi. Chiếu ban tiền

tuất và vải trắng, lại phát tiền và thóc kho công Bắc thành cấp cho.

Hộ bộ Tham tri Vĩnh có tội, bị giết, bởi Vĩnh can việc giết tù mà cướp lấy vợ hắn. Tuyên Quang trấn thủ có tội, bị đày đi châu xa, bởi tù ở trấn sở ban ngày trốn thoát, tâu rằng tù trốn ban đêm, chưa bao lâu tên tù ấy bị kẻ thù bắt được, nó tự thú là trốn ban ngày, cho nên Trấn thủ phải tội lưu 3.000 dặm, Tham hiệp cùng hiệp trấn Lưu Văn Úc không phát giác, cũng phải tội. Úc uống thuốc độc chết.

Cho Đặng Đình Hòa, Nguyễn Trứ và Nguyễn Nhuận làm Tham tri ba tào Bắc thành (xem năm Canh Ngọ 1810). Hòa trước làm Đề lĩnh, Trứ và Nhuận trước làm tham tán (xem năm Ất Dậu). Nhuận người xã Bột Thượng, đỗ Tú tài.

Bình Định Hiệp trấn Lê Tông Quang chết, năm ấy 30 tuổi. Quang tự làm câu đối rằng:

Phát phu di thể niên tam thập;

Bào hốt chiêm ân tuế lục chu.

Nghĩa là:

Tóc da mẹ để ba mươi tuổi;

Xiêm hốt vua ban mới sáu năm.

(Ông chú là Vỹ, anh là Dư, đều quan to).

Cho: Nguyễn Văn Đản làm Hiệp trấn Sơn Tây; Hoàng Công Tài làm Hiệp trấn Hải Dương (đều tam phẩm); Dương Nhị làm Tham hiệp Lạng Sơn; Phan Thế Chấn làm Tham hiệp Quảng Yên (đều tứ phẩm). Cho: Tô Trân làm Lại bộ Lang trung (sau thăng Ngũ phẩm thái bộc); Hà Duy Phiên làm Hình bộ Viên ngoại lang; Trịnh Đường làm Hộ bộ Viên ngoại lang; Đặng Huy Thuật làm Tri phủ Lâm Thao; Lê Hữu Huệ làm Tri

phủ Đoan Hùng (đều ngũ phẩm); Nguyễn Trọng Dong làm Lễ bộ Chủ sự; Lê Văn Luyện làm Nghĩa Hưng Phủ đồng tri; Hạ Văn Đạt làm Thường Tín Phủ đồng tri; Nguyễn Chí Doanh làm Bình Giang Phủ đồng tri; Nguyễn Năng Tĩnh làm Lạng Giang Phủ đồng tri (đều lục phẩm).

Tham bổ: Lê Thì Bảo, Tri huyện Tứ Kỳ, Vương Hữu Quang, Tri huyện Kim Động, Lê Danh Để, Tri huyện Nam Sang, Nguyễn Danh Bích, Tri huyện Tam Dương, Nguyễn Văn Hy, Tri huyện Đường Hào, Phạm Quốc Trinh, Tri huyện Văn Giang, Nguyễn Hoàng Tương, Tri huyện Quỳnh Côi, Nguyễn Hữu Thái, Tri huyện Thụy Anh, Phan Xuân Hy, Tri huyện Phụ Dực, Nguyễn Thành Hiến, Tri huyện Nghĩa Lộc, Nguyễn Tòng Chính, Tri huyện Phong Doanh.

Cho Thống chế Phan Văn Thúy làm Bách thành Phó tổng trấn. Thúy lấy em gái vua. Thúy yêu người con gái viên Hậu đồn, đem đi chơi và ăn uống. Công chúa đem người nhà đi vây bắt, Thúy chạy cổng sau trốn thoát.

Lang trung Nguyễn Hưng được đổi làm Án sát Nghệ An (cha làm Hộ bộ Tham tri).

Lấy được ấn ngọc ở Quảng Bình. Tôn Thất Sưởng bắt được ở xã Nhan Biều, trấn Quảng Bình, ấn có bốn chữ "Vạn thọ vô cương". Chiếu cho dùng ấn ngọc này đóng vào tờ ân chiếu tiết Vạn thọ. Trước có 6 ấn ngọc như "Quốc gia tín bảo", "Trị lịch minh thời" v.v..., đến đây, tăng thêm 6 ấn ngọc nữa là: "Hoàng đế chi tỷ", "Tôn nhân chi tỷ", "Khâm văn", "Duệ vũ", "Sắc chánh vạn dân" và "Thảo tội an dân" cộng với 6 ấn cũ thành 12 ấn ngọc, đều tùy việc mà dùng.

Tháng 9, Bắc thành Phó tổng trấn Phan Văn Thúy xin đổi kiểu quần áo Bắc thành. Vua y theo. Vua dụ rằng: "Nhà

nước ta bờ cõi thống nhất, phong tục há để khác nhau? Tháng trước, các trấn thần Nghệ An, Thanh Hóa nhiều lần xin đổi quần áo nhân dân bản địa, đã được cho làm theo lời xin. Nay toàn hạt Bắc thành cũng nên kịp thời cải cách, để thống nhất chế độ. Nhưng dời đổi phong tục việc mới bắt đầu, mà dân gian giàu nghèo không đều, những vật liệu may mặc tốt phải xét theo mùa và tháng. Vì thế, khẩn thiết dụ cho các ngươi nên thông sức cho sĩ dân trong hạt, phàm những cách thức quần áo đều nên theo như kiểu Quảng Bình trở vào Nam, chuẩn định từ cuối mùa xuân năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) nhất tề thay đổi để tỏ nghĩa tuân theo phép vua.

Ngày tháng 10, cho sao lục chiếu ấy bằng giấy vàng đưa khắp toàn hạt: Không cứ nam, nữ, già, trẻ, kiểu cách quần áo đều phải sửa đổi lại, hạn 3 tháng, người nghèo thì cho 6 tháng. Bấy giờ lại dịch tự tiện đến các chợ, phố, nhà dân, nhiễu sự khống hách, bậy bạ gây ra mối tệ ở đấy, tiếng oán thán đầy đường, khắp ngõ, nhưng quan lại bưng bít che giấu, vẫn làm biểu tâu là dân tình vui mừng, cảm ơn.

Ngày 28, Bắc thành Hình tào Lang trung Lý Văn Hào có tội bị giết, bởi làm quan ăn hối lộ. Hào bị giam vào ngục, trốn thoát, đi thuyền xuống Nam Định, bị gia đình kẻ thù bắt giải lên Bắc thành. Lê Đại Cương vẫn có hiềm khích với Hào, xếp đặt thành tội, đem chém. (Khoa ấy, con rể của Hào là Bá Thành đỗ Cử nhân).

Mùa đông, tháng 10, đổi Xã trưởng làm Lý trưởng, xã lớn ngoài 100 suất đinh có chánh lý, phó lý; xã nhỏ không đầy 100 suất đinh đặt phó lý. Ba năm không có lỗi thì theo thứ dân cho làm chánh tổng, phó tổng, nếu có lỗi thì bãi dịch (Cai tổng

không lỗi, thực thụ cai đội; Cai tổng khuyết, lập tức lấy chánh lý sung bổ; phó tổng không được tranh giành).

Chiếu cấm thói tục kiêu ngoa. Cấm dân gian trên giấy tờ và nói trong lời nói không được càn bậy tội xưng nhau là "thiên tuế" (天 歲) , là "tiên sinh" (先 生) , và xưng mả là "lăng"(菱), xưng nhà là "điện" (殿).

Tháng 11, mồng 9, ngày Ất Tỵ, sấm phát thanh ở phương tây bắc, sau đấy, chó rồ thường phát sinh.

Ngự chế thơ Đông chí: từ một chữ đến mười chữ, từ tả hữu hai bên đọc xuôi đọc ngược. Lại làm đồ "bách phúc": mỗi trang 5 dòng, mỗi dòng 13 chữ. Lại sau đó năm Canh Dần (1830) làm đồ "bách thọ" cũng như thế. Năm Tân Mão (1831) làm đồ "văn xương âm chất", đều sai khắc ván in thành sách, ban cho cận thần. Vua viết bài *Dưỡng sinh quyết* của Lão Tử vào bình phong. Lại viết chữ "phúc", chữ "thọ" rồi thường hỏi thị thần rằng chữ viết có tốt không. Thị thần tâu rằng: chữ "phúc" to, chữ "thọ" dài. Vua thích lắm. (Thiệu Trị năm Bính Ngọ (1846), cấm không được ban phiếm chữ "phúc", chữ "thọ" vua viết. Lại cho khắc bài văn âm chất của "Văn Xương đế quân". (Tỉnh Tứ Xuyên, phủ Bảo Ninh, huyện Tử Đồng của Trung Quốc có đền thờ Văn Xương đế quân).

Ngày 20, cho Bắc thành Hình tào Lê Đại Cương làm Hà đê chánh sứ, đắp đê Kim Quan. Ngày 2, tháng 12, phát tiền kho công thuế đinh phu 2 phủ Từ Sơn, Thuận An đắp đê, hạn cao 1 trượng 6 thước, mặt đê 5 trượng, chân đê 7 tầm, tổng lý ráo riết đốc thúc dân phu, thuê mướn thợ đấu, lấy tre gỗ làm kè. Phần nhiều viết tờ làm khoán: mỗi một đấu đất giá từ 6 tiền đến 1 quan 2 tiền. Thường thường thầu vơ váo của dân, đến lúc lĩnh tiền công, đinh phu không được

đồng nào, đến nỗi kiện cáo liên miên mấy năm. Cho nên người ta gọi đê ấy là "tàn đường"[1].

Tháng 12, ngày 19, ngày Ất Dậu, có khí trắng như chữ "nhất" ngang suốt phía tây bắc.

Chiếu: Các trấn, doanh bán thóc ra để lợi cho dân nghèo. Những nơi bị nước lụt, lúa tổn hại 3 phần hoặc 7 phần đều liệt cho miễn thuế, những thuế thiếu từ năm trước, tạm hoãn 2 phần 10.

Chiếu: Phụ nữ phải kịp thời lấy chồng, tuổi từ 16 đến 46 đều nên có đôi lứa.

Làm điện Thái Nghiêm.

Sai Lang trung Hy đi dụ nước Xiêm, bấy giờ nước Vạn Tượng, chú cháu là chúa Long và chúa Lân tranh nhau làm vua, Lân đến Kinh cầu cứu, đem quân đánh lại Long. Long chạy sang nước Xiêm, tố cáo với Phật vương. Phật vương đến cứu: đánh vỡ quân Lân. Lân trốn tránh vào rừng sâu, quan quân thua vỡ về Kinh. Vua bèn sai đi dụ Phật vương bãi binh. Phật vương không nghe.

Thiên Quan Tri phủ Phạm Huy (người xã Đăng Đôi, là cha Phạm Tích) và Thuận An giáo thụ Phạm Đăng Cung (người Vạn Nhuế) đều trí sĩ. (ứng mộ công thay làm Giáo thụ Thuận An).

Cho: Phó tướng Hiếu làm Trấn thủ Nghệ An, Nguyễn Hy làm Hiệp trấn Sơn Tây.

Bãi chức Tuần bộ các trấn. Lúc bấy giờ Phó vệ vệ Chánh hùng làm Tuần bộ Bắc Ninh, cùng với Đốc phủ Thiên Phúc

---

[1]. Tàn đường: 殘塘 nghĩa là con đê tàn ác thảm khốc.

vây bắt Đức Thắng, cướp lấy súc sản, bị dân tố cáo. Chánh hùng uống thuốc độc chết. Đốc phủ bị giải đến Kinh biện minh việc ấy. Bởi thế, bãi quân tuần bộ, chuyển giao cho Cai tổng chánh lý chịu trách nhiệm.

Lễ bộ Thượng thư Lương Tiến Tường bị giáng 3 cấp, lưu nhậm, được quyền giữ ấn triện Khâm thiên giám.

Chuyển các ván in Kinh truyện ở Bắc thành vào nhà Quốc tử giám [trong Kinh].

Kỷ Sửu, năm thứ 10 (1829),
Thanh, Đạo Quang năm thứ 9.

Mùa xuân, tháng giêng, sai sứ sang nhà Thanh. Chánh phó sứ Phan Huy Thực và Đặng Văn Khải, Phó sứ Hoàng Tế Mỹ và Nguyễn Hưng, ngày 2 tháng 2 khởi hành. Có tài liệu chép: Nguyễn Trọng Vũ xã Truy Cần và Tam Lang xã Túc Sơn (xem thêm năm Canh Thìn (1820) làm Phó sứ.

Tham tán Nguyễn Công Trứ tấu xin đặt huyện Tiền Hải, ở phủ Kiến Xương, chia làm 70 trại, chiêu tập những dân xiêu tán đến ở, cấp trâu cày và thóc giống cho sinh cơ lập nghiệp. Chọn người hào phú làm Cai huyện canh trưng. Về sau, nước mặn ra vào, nhiều chỗ bỏ hoang không khỏi phải bồi thường.

Sai bọn Vũ Xuân Đĩnh (thủ khoa, người xã Xuân Quan, Tri huyện Thượng Nguyên, rồi thăng Phủ doãn ở Kinh) đi tính xét thuế các cửa tuần. Lệ cũ, thuế cửa tuần, cứ đến cuối năm, cho khách buôn đấu giá, mỗi năm được 520.000 quan tiền. Năm Mậu Tý, không cho đấu giá nữa. Sai bọn Đĩnh 17 người đến xét tính các cửa tuần Hưng Hóa, Sơn Tây. Chuẩn định thành lệ (xem thêm năm Nhâm Thân).

Mùa hạ, tháng 4, Tri phủ Thạch Hà là Phương Đình Uyển có tội, bị cách chức. Uyển cùng Cai tổng tranh nhau lấy một người con gái trong hạt, bị Cai tổng tố cáo. Chưa bao lâu, lại cùng con gái trong hạt đùa bỡn, Cai tổng bắt giải lên trấn. Uyển bị cách chức. Cai tổng vì tội tự tiến bắt giải trưởng quan, phải tội lưu (năm Giáp Ngọ, Uyển chết).

Lại dùng Lê Đạo Hằng làm Hiệp trấn Quảng Yên. Hoằng trước làm Tham hiệp, từng lên Chủ khảo trường thi Hương, đem giấu thị tỳ vào trường; sau vì có tang mẹ, miễn quan, về nhà. Đến đấy, có chiếu vời vào Kinh, thăng Hiệp trấn. Hoằng cùng Lý Văn Phức không ưa nhau, thường bảo Phức làm ưng khuyển cho Phan Huy Thực. Gặp lúc có vài mươi thuyền bắc khách đến đỗ ở phố Quảng Yên, không có bằng phái[1]. Khi hỏi lai lịch, họ chỉ nói là đánh cá, đi qua. Hoằng bắt, đem chém, rồi mới tâu. Vua cũng khoan dung cho.

Triệu Yên Lão Tri huyện Dương Xuân Chiêm làm Binh bộ Chủ sự vào ngày 18 tháng 2.

Thiên Trường Tri phủ Nguyễn Cấp có tội, bỏ quan trốn đi, dân Giao Thủy có việc kiện nhau. Vợ Cấp ăn hối lộ của bên bị, cho người đánh thuốc độc giết bên nguyên. Việc phát giác, phải tội giảo, Cấp không nhận tờ chiếu mà trốn, bị dân phủ bắt nộp giam ở Bắc thành. Cháu gọi bằng chú, bác ở Kinh về nói dối là Cấp được xá, giết trâu mua rượu để khao ngục lại. Ngục lại say rượu, ngất ngưởng xao lãng việc canh giữ, đêm khuya Cấp bẻ khóa lẩn trốn, lấy 2 hốt bạc đãi ngục lại. Sau lại lấy 100 lạng bạc chuộc tội, lánh sang đất nhà Thanh, người nhà Thanh giải về, Cấp lại trốn thoát, ẩn

---

[1]. Bằng phái: 憑 派 giấy thông hành do nhà chức trách cấp cho làm bằng.

náu ở Khám Lạng thuộc Lạng Giang, gọt tóc làm sư. Lại được Tham tán Trứ che chở, cho ẩn náu ở nơi rừng núi. Cấp cùng Đỗ Trọng Dư xã Đại Mão, chơi thân với nhau, Cấp có làm *Quan âm tân truyện*, để tỏ tình trọng, lại làm bài biện luận về việc cắt tóc, cho Dư vặn hỏi [làm đối thoại], Cấp lại làm *Tam tự kinh quốc âm ca* và *Truyện lý trưởng*, (chưa bao lâu, Cấp chết, dặn con cháu không được đi thi).

Đình thí Tiến sĩ, cho bọn Nguyễn Phác 9 người xuất thân, có thứ bậc. Trước đây, hội thí các cử nhân, đều qua kỳ duyệt thực, trúng cách rồi sau mới vào trường, ai hỏng thì bãi về, và đòi lại tiền mũ, áo, ăn yến. Đến hội thí trúng cách, lấy ưu, bình trở lên 9 người làm chính bảng. Bình, thứ trở xuống 5 người làm phó bảng. Đình thí có chánh và phó bảng, là bắt đầu từ đây.

Tham bổ: Hoàng giáp 1 người, hiệu Hương Nghĩa, Đồng tiến sĩ 8 người: Nguyễn Phác, Lê Tông Phiên, Trương Quốc Dụng, Nguyễn Vinh, Nguyễn Chuyên, Nguyễn Thắng, Ngụy Tuần[1]. Lại phó bảng 5 người (chính bảng được vinh quy, phó bảng được về thăm nhà). Sau, Lê Văn Đức tâu xin Hội thí, miễn cho kỳ duyệt thực, vua nghe theo. (Chánh bảng 8 phân trở xuống, dẫu trúng cách trường thi Hội nhưng không được vào đình thí, bất cập phân, là liệt).

Tháng 5, ngày mồng 5, đê mới Kim Quan lại vỡ. Ngày mồng 6, lại lấy đinh phủ 2 phủ đắp lại. Kế đó điều động lính

---

[1]. Chỉ thấy chép có 7 tên người. Chúng tôi đã tra cứu trong các Bia Tiến sĩ triều Minh Mệnh, khoa Bính Tuất (1826) và khoa Kỷ Sửu (1829) thì Phan Thúc Trực đã nhầm lẫn các Tiến sĩ của 2 khoa này như Nguyên Thăng (nguyên là Nguyễn Văn Thăng) và Ngụy Tuần (Ngụy Khắc Tuần) đỗ Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1826), v.v...

Thần sách 5 doanh hộ đắp, gặp bấy giờ mưa dầm không thôi, phải cho đinh phu ngày đêm phòng thủ. Vua sắc bảo Lê Đại Cương rằng: "Đê còn thì người còn, đê mất thì người mất!".

Nghệ An tham hiệp, Nguyễn Ngọc Trác, vì có tang mẹ, miễn quan (sau lại dùng làm Tham hiệp Thanh Hoa).

Triệu Tri huyện Thanh Lâm Ngô Huy Toàn làm Lễ bộ Viên ngoại lang, sau thăng Lang trung (năm Canh Dần làm Tri phủ).

Bắc Ninh đốc học Lai Thạch hầu bị miễn quan. Năm trước khoa thi Hương ra bài Kinh nghĩa để khảo hạch cho học trò là "nhậm thổ tác công chi đồ". Bộ thần đem việc ấy tham hặc nên phải miễn quan (cho Giáo thụ phủ Thiên Phúc quyền thự Đốc học Bắc Ninh).

Tháng 6, cho Lâm Văn Bính làm Đốc học Bắc Ninh, cho Tư vụ Đỗ Trọng Diễm quyền nhiếp Tri phủ Hoài Đức (tước Tú Xuyên tử sau đổi làm Thông phán).

Đặt chức Thông phán cai trưng.

Cho Lê Quốc Tá làm Đốc học Vĩnh Thanh, trước Quốc Tá làm Tri huyện Ý Yên; năm Canh Dần, tháng 4 chết, ngày 14 tháng 6, đưa tang về quê.

Mùa thu, tháng 7, Tuyên Quang ngụy Tương, ngụy Toản làm loạn, trấn quan Sơn Tây đánh được giết đi. Tương và Toản có quân vài nghìn người tản vào Sơn Tây, bị trấn quan bắt được, giải đến Bắc thành, xử chém, bêu đầu.

Tháng 8, lại triệu Phạm Đình Hổ, cho thực thụ Quốc tử giám Tế tửu. Năm Đinh Hợi mời Hổ về Bắc thành dưỡng bệnh. Vua vốn trọng, vẫn để chức Tế tửu để đợi Hổ. Đến đấy, sai Quyền phủ Diễm và y sư khám bệnh, thấy Hổ đã khỏi, lại ban chiếu vời vào. Hổ tư rằng chưa nối mối thánh hiền, chưa thuyết

phục được nguyện vọng của sĩ tử từ sông Gianh trở ra Bắc. Vua không nghe, Hổ bèn lại đến Kinh. Lúc Hổ ở Bắc thành, khoa Hương thí, con làm hộ văn cho người, Giáo thụ phủ Hoài Đức đánh roi. Hổ giận nói rằng: "Ta tiếc không làm được quan to! Còn hạng Giáo thụ, học trò ta cũng có nhiều người rồi". Người đời cho là lời nói kiêu ngạo. Lại có người lính đội Cẩm Y đến xin tiền, Hổ không cho. Lính ấy nói lời không từ tốn, Hổ đánh chảy máu. Lính ấy nằm ra, Hổ lấy nồi đồng buộc vào cổ, vu cho hắn ban ngày vào lấy trộm, đem việc kiện ở Hình tào. Hình tào Nghi giao cho Quyền phủ Diễm xét việc ấy. Diễm đến nơi xét, chỉ trích Hổ về tội khi quân. Lại nói: "Hoàng thượng nhiều lần ban chiếu vời ông, ông cáo là dưỡng bệnh, trong khi dưỡng bệnh mà đánh ngã được lực sĩ, sao mà khỏe thế!". Hổ tức bực lắm, đập đầu vào án. Diễm cười, nói rằng: "Nếu ông cởi khăn ra mà đập đầu, cũng không thể vu cho ta bức tử ông, nữa là đầu còn đội khăn, đập vào án có ngại gì!". Diễm liền lập biên bản về người lính bị trói, và lấy chứng cứ để lập án. Lại bảo Hổ rằng: "Ông có quan phẩm, được vua vẫn trọng, Bắc thành tào không dám phán đoán, đợi làm sách tâu lên, sự thể này phải nên như thế". Hổ sợ, cố xin hóa giải mới được thoát khỏi. Hổ đã đến cung chức, thời thường đi lại Lục bộ đường ngự sử tham hặc. Vua phân giải rằng: "Lúc nghỉ ngơi, đi lại đây đó, là bản sắc nho giả", bèn miễn nghị. Nhậm tử xã Bối Khê thường trách Hổ rằng: "Ông nổi tiếng văn học, được vua dùng, mà lúc xuất, lúc xử đều không đúng, bị triều đình thôn xóm đều chê bai, ông có biết hối không?".

Nhân đó, tặng một bài thơ, trong có câu: "Kim niên xuân sắc, ưng như thử, duy khủng công nhân họa bất thành!". Nghĩa là: Năm nay xuân sắc nên như thế, sợ người thợ vẽ vẽ không thành!

Phó tổng trấn thành Gia Định có tội, tự sát. Ở Gia Định, viên Phó tổng trấn ấy còn trẻ tuổi, nhưng làm việc đâu ra đó. Tả quân Duyệt tâu công lên, vua triệu viên ấy vào Kinh, cho coi việc xây đắp thành. Việc xong, vua yêu và quý trọng, cho thăng Thống chế. Có người tố cáo: lúc đắp thành, tiêu lạm của kho công. Vua giao đình thần bàn, cho khỏi tội chết, nhưng sai đóng cũi giải đi các trấn, các doanh bêu cho thần dân biết để răn kẻ gian tham, đi đến trấn Quảng Trị, Phó tổng trấn ấy uống thuốc độc chết.

Triệu Tri phủ Lâm Thao là Đặng Huy Thuật vào làm Lang trung. Cho chủ sự Dương Xuân Chiêm làm Tri phủ Lâm Thao.

Tri huyện Gia Bình Lê Tông Vỹ bị cách chức. Vỹ người xã Bình Vọng, do văn hàn làm Tri huyện từ năm Nhâm Thân (1812) trong vòng 18 năm, tiểu dân mến phục, nhiều lần về xin từ chức, vua không nghe. Năm Đinh Hợi, đến đây có bọn bậy bạ là tên Ngọc Lý và tên Phi đem bài ngà tiểu hoàng môn giả đến huyện lỵ ngủ trọ. Việc không khám xét ra được. Bọn Lý ra Bắc thành, việc bị phát giác. [Hình tào] hỏi từ đâu đến, bọn Lý khai rằng từ huyện lỵ của Vỹ đến, Hình tào cho là Vỹ cầu cạnh bọn tiểu hùng môn mượn thế lực, bèn đem việc ấy tham hặc, cho nên Vỹ bị miễn quan. Vỹ dâng biểu bày tỏ, đại lược nói: "Tiểu thần cố sức giữ đê Kim Quan, ngoài ra không biết việc gì. Thế mà Hình tào lấy cung của bọn Ngọc Lý, mong cho được việc. Nay xin trình bày bọn ngụy Lý là người thế nào: đi dong trên đường, ngủ đỗ nhà hàng, tên Phi thì nhờ đó để làm kế dung thân, tên Lý thì mượn Phi làm đứa xách đẫy mang nón, lũ cuồng phỉ lãng tử, hai bên gặp nhau, tụ tập, có can gì đến tiểu thần? Nếu không phải thế, thì tiểu thần 25 năm đợi tội (làm quan nhỏ),

qua bao nhiêu quan tổng trấn, gặp bao nhiêu trực thị vệ, sao không xu nịnh, mà nay lại hãnh tiến với tên Ngọc Lý, đứa dùng bài ngà giả, làm gì!".

Vỹ miễn quan về ở nhà viết câu đối tự thuật rằng:

Khôn[1] *sự thiểm thần trung, lục khảo bất thiên vô uẩn sắc.*

Hàm hòa[2] *giai tử lức, nhất phu bất hoạch cách hà tâm.*

Nghĩa là:

Đạo khôn thẹn lòng trung, sáu khóa chưa thăng, không chán nản.

Nghĩa hàm được dân mến, một người không thỏa, có lòng nào.

Tháng 9, cho Nguyễn Cung thự ấn vụ huyện Gia Bình. (Cung người làng Nhị Khê, đỗ ân khoa).

Mùa đông, tháng 10, ngày 10, sai bộ Công liệu nghĩ đặt danh hiệu cho vật dụng, nhà cửa và thuyền.

Trước đây, vua dụ các quan bộ Công là bọn Trương Đăng Quế, Nguyễn Kim Bảng, Nguyễn Văn Phú, Hà Tông Quyền châm chước nghĩ đặt danh hiệu cho các vật dụng: cái gì nên theo tên cũ, cái gì nên đổi tên mới... Bọn Quế tâu rằng: "Các đồ vật, không có tên thì không rõ rệt. Cho nên thánh nhân khó hình tượng mà chế ra các đồ dùng nhân đồ mà gọi tên, đều có công dụng kỳ diệu là mọi vật được thành tên và dân dùng được tiện nghi. Nước ta tạo tác cung điện, dinh đường và thuyền, những vật dụng đó không thể kể ra một hai cái mà hết được, từ trước gọi tên phần nhiều theo dùng quốc âm (tiếng Nôm). Nay thiên hạ gặp hội đại đồng,

---

[1,2]. *Khôn*坤 và *Hàm*涵 đều là tên quẻ *Kinh Dịch*.

khảo xét văn vật, đặt ra pháp độ, chính là lúc này. Đã vâng sắc sai bộ Công chúng tôi theo từng khoản kiểm duyệt chỉnh lý kỹ càng. Bọn tôi đều là hạng người mờ tối, đem hết kiến thức ngu lậu: có cái thì theo nghĩa hội ý, có cái thì lấy nghĩa hài thành, trước gọi tên nọ, nay đổi tên kia, chữ kia, để cho âm nghĩa được ứng".

Tham bổ: Về rường cột 37 khoản, như: "trình" đổi là "lương" (rường nhà), "duyên" đổi là "chấn", "đầu sà" đổi là "trụ kê", "cái hoành" đổi là "cái hành"... Về cửa 34 khoản, như "bản khoa" đổi là "quách môn" (cửa bức bàn), "bàn tọa" đổi là "bằng tọa" (ghế ngựa), "ngạch cửa" đổi là "quốc", "then" đổi là "kiện"... Về đồ dùng 13 khoản, như: "bản tọa" đổi là "thừa tọa" (cái phản), "chấn quỳ" đổi là "quỳ túc", "lan can" đổi là "can thuấn" (câu lơn), "con tiện" đổi là "tuyền đẩu"...

Năm ấy, tháng 4, ngày 22, Hoàng đệ Quảng Oai Công chết. Công, do đệ tam cung Lê Ngọc Bình sinh ra, làm người hào phóng, yêu người, hay bố thí, nếu ai làm thất ý thì cầm roi sắt đánh, hoặc xẻo tai, hoặc chặt ngón tay. Mỗi khi thấy võ biền bàn tán phân biệt nhân phẩm người đường trong, đường ngoài, Công liền mắng rằng: "Lũ mày không biết người đường ngoài tức là ông cha người đường trong à?". Công có sức khỏe, thích võ, tay không dám đánh mãnh hổ, thường nuôi con trâu "như ý", cho phục sức như voi, lại đem trâu trắng vẽ xanh đỏ cho đánh nhau với voi để mua vui. Công dùng gia đồng làm ghế ngồi, làm gối dựa, làm bàn để ngồi khiến cho gia đồng ấy liệt dương không đứng lên được. Những chó săn, gà chọi con nào chết thì lấy gấm lụa khâm liệm mà chôn. Lương năm 4.000 quan tiền, chi dùng có thừa, thì gửi vào kho Nhà nước. Vua thường răn chớ kiêu xa, Công khóc, nói rằng: "Cha mẹ mất cả, không còn lấy gì

làm vui, cho nên phải như thế". Vua bèn không nói về điều đó nữa. Năm ấy, 21 tuổi mới lên đậu mùa, vua sai đặt giường màu và những người hầu đều dùng đồ màu đỏ, màu tía. Y viện dâng thuốc bao giờ cũng tâu vua coi. Vua thường khuyên giải để cho vui, hỏi Công muốn gì. Công nói muốn chóng khỏi bệnh đậu để càng được phá gia sản thôi. Vua cười to cho Công thích chí. Sau đó, bệnh đậu không chữa được, Công chết. Vợ và nàng hầu hơn 30 người, chưa có con. Vua rất thương, phát của kho 40.000 quan tiền làm lễ mai táng. Gia sản giao cho em ruột là Thường Tín Công (18 tuổi).

Thự Lại bộ Thượng thư, quân công kỷ lục một thứ. Lê Đăng Doanh kiêm quản Khâm thiên giám. Hoàng Công Dương, Đinh Sưởng đều bị giáng cấp, lưu nhậm. Lúc bấy giờ Khâm thiên 13 người, Duy Văn Tố, Công Lập và Văn Tuân được giữ chức như cũ, còn đều bị giáng cấp.

Phủ Thuận An có giặc, Tri phủ người xã Hương Trà bị cách chức, Đồng tri phủ bị giáng cấp lưu nhậm, đều bởi việc cướp.

Canh Dần năm thứ 11 (1830), Thanh, Đạo Quang năm thứ 10.

Mùa xuân, tháng 2, ngày 13, lúc chập tối có khí trắng ngang suốt nam bắc như sông Ngân hán.

Tháng 3, thăng Tham hiệp Thanh Hoa Nguyễn Ngọc Trác làm Hiệp trấn Vĩnh Thanh. Chưa đi đến nơi, Trác đã chết (chết ngày 17 tháng 4). Chiếu tặng hàm Tham tri, thụy Trang khải, đưa đám tang về quê, đi đến cửa biển Thần Phù, thuyền đắm; quan địa phương cho lính đến vớt lên và đi hộ tống, ngày 6 tháng 8 về đến quê quán.

Thăng Đốc học Gia Định Hoàng Tế Mỹ làm Tham hiệp

Sơn Nam; chưa bao lâu lại thăng Hiệp trấn Hải Dương. Vì xử án thư ký loạn luân, bị cựu quan tham hặc, phải giáng cấp lưu nhậm. (Mỹ đỗ Đình nguyên khoa Bính Tuất 1826).

Cho: Hồ Bảo Định làm Hiệp trấn Nghệ An, Trần Trọng Tuân làm Đốc học, Nguyễn Văn Bảo làm Thông phán, Đỗ Huy Châu làm Tri phủ Diễn Châu, Nguyễn Huy Chuẩn làm Đồng tri; Thanh Xuyên bá Tri phủ Anh Sơn, Nguyễn Thời Trị làm Đồng tri, Bùi Ngạn Cơ quyền Tri phủ Tương Dương, Ngọc Lâm làm Tri phủ Đức Thọ, Tòng Khê bá Tri huyện Hà Hoa, Trần Hữu Đôn làm Tri huyện Quỳnh Lưu, Nguyễn Tuân làm Tri huyện Nghi Xuân, Giáng Túy làm Tri huyện Hương Sơn, Vũ Xuân Đạo làm Tri huyện Châu Lộc, Hoàng Cao làm Tri huyện Thạch Hà, Phạm Kiểm làm Tri huyện Thanh Trì, Nguyễn Trí làm Tri huyện Thiên Lộc (Trí, chưa bao lâu, vì có tang cha mẹ, miễn quan, lại triệu vào Kinh thì chết).

Tham tán Nguyễn Nhuận, quyền thự Hiệp trấn Bắc Ninh, Nguyễn Kiệu làm Tham hiệp. Cho Giáo thụ Thuận An Nguyễn Toàn quyền nhiếp huyện Gia Bình. Toàn, người xã Nghi Khúc, cử nhân khoa Ất Dậu[1], trước Tri huyện Phù Dung thăng Giáo thụ.

Thăng Tri huyện Vĩnh Yên Nguyễn Trực Phương làm chủ sự. Phương người xã Nghi Khúc, cử nhân khoa Ất Dậu (1825), tính người ngay thẳng cứng nhắc, đêm đi ra huyện, cho đem 2 đèn làm hành nghi, đi đến đâu lý dịch hỏi thì đánh, không hỏi cũng đánh. Lúc thẩm vấn tù, tự xin đổi lỗi, không nghe, xin tái phạm thì cho. Phương nói: "Ta cùng mày không có tư ân, cũng

---

[1]. Tức năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), nguyên thư in nhầm là 己 酉(Kỷ Dậu).

không có tư thù, chỉ lấy đánh tù làm vui thôi!". Người bấy giờ cho là bất cận nhân tình.

Ngày 19, Sơn Tây mưa đá to. Các phủ Lâm Thao, Đoan Hùng, các huyện Thạch Thất, Chương Đức, những hòn mưa đá to bằng nắm tay, người và súc vật bị thương nhiều, khoai, đậu mất sạch.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 23, tiết Vạn thọ. Vì gặp tiết Tứ tuần đại khánh, từ ngự điện đến cửa thành đều cho kết hoa vào lâu đài, bày đồ chơi và thi họa, linh đình mở yến tiệc và cuộc vui. Sai bách man dâng vật lạ và hai kỳ Nam - Bắc người mặc áo lông, mỗi đội 50 người, trăm trò tập kỹ, voi ngựa múa chơi. Các quan dâng biểu mừng theo đúng lễ nghi. Tôn thất và quan Kinh đều cho ăn yến. Kỳ hào quanh Kinh thành được ban khăn, áo đi chúc thọ, cũng đều được ban rượu, thịt, bạc tiền; trai, gái đi xem đầy đường đều nói: "Hoàng thượng ban cho, không tính gì phí tổn nhỉ!". Vua nghe biết, nói rằng: "Đấy là những của lúc ta còn làm thái tử, không dự gì đến nhà nước". Các thành, doanh, trấn cũng đều treo đèn, đốt hương, bái vọng.

Bắc thành Đê chánh Lê Đại Cương dâng biểu xin vào Kinh chúc mừng. Vua dụ rằng: "Ngươi coi việc đê, cố gắng giữ đê cho được bền vững, thì còn quý hơn là vào bái mừng".

Các doanh, trấn, nhân dân đều được giảm thuế thân 5 phần 10; những thóc vay chưa trả được từ 7, 8 năm về trước đều ruộng cho miễn; kỳ lão 80 tuổi trở lên đến 100 tuổi được thưởng bạc từ 1 lạng đến 3 lạng; Tú tài 40 tuổi trở lên đều cho bổ giáo chức (xem thêm ở dưới)[1]. Các quan văn võ vì

---

[1]. Xem việc ngày tháng chép ở dưới đây: Tú tài được bổ quan chức.

việc công mà bị lỗi, phải phạt đều cho khai phục. Những giặc cướp bị ép theo cũng đều cho ra thú: hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ đều cho nêu khen. Bách thần các nơi được dự tự điển đều sai các trấn thành làm lễ tam sinh; năm đại hạn, phủ huyện trình trấn quan cầu đảo (như các xã Á Tương, Tam Cực, Kim Quan, Đình Bảng). Nếu có người am hiểu binh thư, biết võ nghệ, giỏi cưỡi ngựa, tài bắn súng, có sức lực hơn người thì cho tùy tài bổ dùng.

Sứ thần là bọn Đặng Khải bị cách chức. Khải cùng Nguyễn Hưng đi sứ Trung Quốc về, vì đã làm 3 khoản không vừa ý vua: một là, mua ngọc khuê để tế Nam giao không được của thực; hai là, tự ý xin nhân sâm để nuôi quốc mẫu; ba là, tự tiện lấy tiền ăn yến ở công quán. Họ đều bị cách chức. Vua nghe nói ngoại quốc có xe hỏa, tàu thủy và nhiều vật lạ, sai lũ Khải đi Lã Tống, Tây dương để mua. Khải đi thuyền theo hướng đông nam ở giữa biển, bị ốm chết. Cai đội xin vứt xác xuống nước. Nguyễn Hưng không nỡ làm, sai đốt xác lấy xương đem về mai táng. (Khải người xã Lộng Đình, huyện Văn Giang, Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1826), có tập thơ *Đông Nam tiến sử* lưu hành ở đời; em là Thân, đỗ cử nhân khoa Mão).

Tháng 5, Bắc thành đại hạn, bị đói, thóc mỗi gánh 4 quan 2 tiền, cho tải gạo kho Gia Định ra Bắc thành bán cho dân.

Ngày 21, Bắc thành Phó tổng trấn Phan Văn Thúy lại sức thi hành điều cấm về quần áo. Cấm đàn ông không được đội mũ dài, mũ bình thiên, mũ đuôi én, áo cổ tràng, tay rộng và đóng khố. Đàn bà không được dùng vải, lụa ngắn bịt đầu, thắt lưng to, thắt lưng nhỏ và mặc váy[1].

---

[1]. Nguyên văn chữ Hán: 無 底 裙 "Vô để quần" (Quần không đáy). Đương thời có

Trấn thủ Sơn Nam bị giáng cấp lưu nhậm. Lúc bấy giờ con phỉ đồ Tổng Thái bị giam ở thành trấn Sơn Nam, nhân Trấn thủ đi khám đê, bọn tù bèn đánh giết lính canh ngục, bẻ gãy gông xích, cướp binh khí, phá thành chạy ra. Hiệp trấn đem lính đi đuổi, bắt được, cho nên chỉ Chánh trấn bị giáng cấp.

Làm chuồng hổ ở núi Thiên Mạc. Vua thích làm cung điện và ngự uyển, xây nhà thủy tọa, nhà chơi mát ở phố Chợ, sai cung nhân bán hàng, có nội giám làm cung sứ, mua bán theo giá. Vua thường ngự thủ liễn đi chơi chợ, đến thì ăn uống để mua vui. Lại làm chuồng hổ ở núi Thiên Mạc: bốn mặt xây tường để nuôi hổ, thường ngự trên tường xem voi đánh nhau với hổ, voi không chịu đấu, sai Thống chế đốc thúc voi, có người lính tự xin đốc voi đánh được hổ, vua liền ban thưởng. Một hôm, vua ngự thuyền rồng, có hổ xổng ra, đến gần thuyền vua, vua tự cầm lái bơi theo để giữ mình, có người lính đánh bắt được hổ, vua gia thưởng quân công một thứ.

Đặt lầu sách ở Nội các. Vua thích xem sách Trung Quốc, thu nhặt được vài nghìn quyển, sai quan Nội các soạn đề thư mục để vào thư lầu, mỗi ngày dâng vài quyển vua xem. Mỗi khi vua ra chơi ngoại thành, sai lính đem sách đi theo để hầu vua hỏi đến.

Tháng 6, ngày 28, phía chính nam có mây mầu chàm, có dáng tía bao bên ngoài.

Chiếu bãi thuế thổ sản trá mạo ở Bắc thành. Cho những người ấy về sung ngạch lính. Vua dụ Hộ tào Đặng Đình Hòa

---

bài ca dao nói ta oán về việc này: "Tháng tám (?) có lệnh vua ra: Cấm quần không dáy người ta hãi hùng! Chẳng đi thì chợ không đông. Đi thì bóc lột quần chồng sao đang!...".

rằng: "Buổi đầu quốc triều đặt ra thuế thổ sản (năm Nhâm Tuất 1802) lấy những đồ sẵn có nghề làm, không bắt nộp thuế ở những chỗ không có thổ sản. Gần đây, nghe nói Bắc thành nhà không có khung cửi mà bắt nộp vải trắng, diêm tiêu; nhà không có lò rèn mà bắt nộp đồ sắt, thuốc súng. Như vậy, thuế thổ sản không ích gì mà ngạch lính thiếu nhiều. Chi bằng những người nộp thuế thổ sản ấy sung vào ngạch lính để chịu binh lính dao dịch". Bởi thế, các nơi ai thực có nghề gốc mới cho nộp thuế thổ sản, còn những người trá mạo đều đình chỉ.

Đặt đội Bắc An (lấy những dân đinh trước nộp thuế thổ sản).

Chuẩn định thuế vụ hạ năm ấy, chia làm 3 hạn.

Sai quan đi Ninh Bình, phát thóc kho bán cho dân (mỗi hộc thóc giá 1 quan 5 tiền). Lúc bấy giờ, trấn Ninh Bình tâu giá thóc đắt quá, cho nên vua sai phát thóc kho công ra, riêng bán cho dân Ninh Bình, còn các trấn khác khai giá thóc trung bình, nên không bán.

Cho Hà Tông Quyền làm quan Nội các. Quyền, người xã Cát Động, huyện Thanh Oai, đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Ngọ (1822), cha đỗ Hương tiến nhà Lê cũ, vợ lẽ sinh ra Quyền. Quyền người thấp bé, tục truyền là thần ếch giáng sinh, lúc lên 4 tuổi, chăm học, văn từ tốt đẹp, có tiếng là thần đồng; đến đây giữ chức khoa mục được vua yêu. Lúc bấy giờ khách buôn Tây dương dâng áo gấm, giá đáng nghìn vàng. Quyền tâu nói của lạ ngoại quốc, không nên vội tin, xin cho tên tử tù hãy mặc thứ áo ấy. Khi tên tù mặc áo ấy, cài cúc vừa xong thì hỏa phát, áo cháy, tên tù bị chết cháy. Vua kinh hãi quá ban khen Quyền. Sau, lại có người nước Hoa Lang (Hà Lan) dâng một đôi cây sáp lớn vẽ tứ linh. Quyền

tâu xin cắt ngang một cây ra thấy có chứa đạn súng và thuốc hỏa mù. Vua càng lấy làm lạ về tài thực của Quyền, thường nói: "Triều đình không thể một ngày nào vắng Quyền!". Vua lại nói: "Chính sự của Tông Quyền, văn học của Tế Mỹ, thao lược của Nguyễn Trứ có thể nói là không thẹn với khoa danh". Vua đi chơi thuyền, cho Quyền theo hầu: lúc lên thuyền, vua sai lính Cẩm Y dắt tay Quyền lên thuyền. Mẹ Quyền cùng tuổi với thái hậu, vua thường hỏi thăm, nhân triệu mẹ Quyền và em gái Quyền vào Kinh, ban tiền và gạo cấp dưỡng. Lúc mẹ Quyền 70 tuổi, vua cho lính thị vệ hộ tống về quê, ăn mừng thượng thọ, về sau, chiếu cho quan phủ, huyện mỗi tháng một lần đến vấn an. Người đời bấy giờ cho là vẻ vang.

Có kẻ lấy trộm điếu ống ở Thái miếu. Trước bàn thờ Thế tổ có thờ một cái điếu ống bằng vàng. Có kẻ lấy trộm đi, lại làm điếu mạ vàng thay vào. Từ tế sử không biết, gặp có việc làm lễ ở Thái miếu, Phan Huy Thực trông thấy, biết ngay là đồ mạ, tâu xin khám xét, quả không phải là đồ vàng thực. Vua khen rằng: "Người điển lễ, không phải Thực không ai làm được", lập tức cho thăng thượng thư bộ Lễ kiêm Thái thường tự, còn người giữ lễ vật ở Thái miếu thì bị giáng một cấp.

Bắt đầu cấp triện gỗ cho Tổng lý. Phép cũ: các Chánh, Phó tổng lý đều cấp cho con dấu nhỏ. Đến bấy giờ thu con dấu mà phát triện gỗ.

Mùa thu, tháng 7 (ngày 17), phủ Thuận An có giặc, Đồng Tri phủ Bùi Trần Dực bị giặc đâm chết. Trước đây, Cai tổng Đoan Bái là Phạm Bá Mật bị bãi dịch, thường chứa chấp giặc cướp. Người dân Đoan Bái huyện Gia Bình là Hương Khán Xuân chạy đến báo phủ. Bùi Trần Dự đi một mình vội đến, bị Mật đâm chết. Mật bèn trốn đi làm

giặc. Vua xuống chiếu hoàn lại cấp trước mà Dự bị giáng, cho tiền đưa tang về Thanh Hoa chôn. Ngày 9 tháng 9 đưa đám tang về đến quê. Đốc phủ người xã Tây Đam vì đến cứu chậm, bị phạt bổng, lưu nhậm. Khán Xuân bị giam ở trấn Bắc Ninh mấy năm không được tha, ngầm sai vợ và anh vợ là Tứ Vân vào Kinh kêu oan. Bộ thần không nhận đơn, vợ Xuân liền mang đơn ngầm chui đường cống xuyên vào sân điện. Vua kinh ngạc, giao cho ngục sở xét. Vân bị tội viết đơn, phải phạt lưu đi Hà Tiên. Vua sai chém 4 người canh cổng. Từ đấy cấm sĩ dân không được đón xe vua mà dâng đơn. Rồi lập thự phủ, tiết chế, để phòng bị có việc cơ mật, sai Lục bộ thay phiên nhau nhận đơn từ và chọn người giữ Viện Hàn lâm vào Nội các.

Tri huyện Gia Bình Nguyễn Cung bị giáng 3 cấp, vào kinh điều dụng.

Quyền Hiệp trấn Bắc Ninh [Nguyễn Nhuận][1] bị phạt bổng. Lúc bấy giờ dư đảng Bá Vành là Chánh tiền Ngân (người xã Đông Tạ, huyện Tứ Kỳ, là con Đốc chiến Lăng) và lũ tên Hương cướp bóc phủ Lạng Giang. Vua phạt bổng Nguyễn Nhuận. Nhận dâng biểu xin trong một tháng bắt giặc. Vua ưng cho, gia hạn 2 tháng. Sau, quan trấn Sơn Tây bắt được tên Hương ở đồn Bảo Thắng. Ngày 7 tháng 9, chém Hương, bêu đầu [xem thêm năm Tân Mão (1831)][2].

Tháng 9, Bắc thành được mùa to.

Bắt đầu duyệt các Tú tài, bổ giáo chức tuổi từ 40 trở lên được 84 người. Vũ Trọng Tuấn xã Mão Điền, Vũ Đình Sưu

---

[1]. Nguyên thư in sót tên người.

[2]. Chỉ việc Chánh Ngân bị bắt và bị chém ngày tháng 9 năm Tân Mão (1831).

xã Xuân Quan, Lê Doãn Tố xã Đại Mão và các Tú tài làng Bao Trung huyện Tân Minh, làng Thanh Lãng huyện Thần Khê, làng Cách Bi huyện Võ Giàng, cùng một số ở huyện Gia Lộc, Cẩm Giàng, Từ Liêm đều được bổ giáo chức.

Cho các hoàng tử chia ở ngoại phủ (xem thêm năm Tân Sửu (1841) ở sau). Hoàng tử Miên Tông, sinh năm Mậu Thìn (1808), Miên Nghị, Miên Ninh, Miên An, Miên Định, Miên Hoằng tuổi đều đã lớn, phong tước công, ra ở ngoại phủ.

Tham bổ: Chính cung húy Kiều, con gái Doanh tượng quan chưa có con, Đệ nhị cung húy Hinh là con gái Lê Tông Chất, sinh 3 con trai: con trưởng hiền tính, con thứ ba anh minh, chết sớm. Lúc vua ra Bắc, lấy người con gái xã Hương Canh, sinh 2 con trai, thiếu phi sinh 1 con trai. Có lần vua hơi se mình, chính cung cùng đệ nhị cung cùng đi cầu đảo ở chùa Thiên Mạc[1]. Nhị cung nói rằng: "Nếu phải tội với trời, thì không cầu đảo vào đâu được!"[2]. Đến lúc vua khỏi, chính cung đem câu nói ấy tâu với vua. Vua giận lắm! Cho nên ngôi hoàng hậu vẫn để trống, bàn mãi không quyết định được.

Mùa đông, tháng 10, lập cách thưởng công. Ai bắt được giặc đều thưởng bạc, có thứ bậc. Lại, người đã bị án nếu bắt được 10 tên giặc thì được miễn tội.

Tri phủ Ứng Hòa Nguyễn Danh Châu có tội, bị cách chức. Từ năm Đinh Hợi (1827), Châu giữ chức Tri phủ, trong phủ giam tù 10 người không xử quyết, đã chết 9 người mà vẫn không khai báo, cho nên phải tội. (Lại có thuyết nói trong phủ

---

[1]. Chùa Thiên Mụ?

[2]. Lấy chữ trong sách *Luận ngữ*: 獲罪於天, 無所禱已 "Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dĩ!".

có giặc xã Cao Lãm, Châu không bắt được, lại tự tiêu công thuế, phải bồi thường vài trăm hộc thóc).

Tháng 11, sao Chổi mọc ở phía đông nam.

Triệu Tri phủ Quốc Oai Ngô Huy Toàn (chưa đến phủ đã triệu) làm Tham hiệp Hưng Hóa là theo Tả tham tri bộ Lễ Nguyễn Đăng Tuân đề cử. Lời tạ rằng: "Ân tác thành cùng ân sinh dưỡng bằng nhau" (ngày 9 tháng giêng năm sau, đến lỵ sở). Toàn phụng chỉ mua sơn ở Hưng Hóa 1.000 tạ hết 200 hốt bạc, và tâu xin hoãn thuế thiếu cho thổ nùng. Có người nói Toàn hay sách nhiễu, vua cũng không nghi.

Cho: Phùng Nhân Kiệt, Tri phủ Thuận An, Phùng Nghĩa Phương, Tri huyện Gia Bình. Họ đều là cử nhân châu Bá Chính. Nguyễn Cung vì việc Đoan Bái, bị giáng cấp. Tổng Công xã Xuân Lai thù việc thiếu thuế bị đánh trượng, bèn thừa nguy thêu dệt ra để tố cáo. Cung còn liên can, bị giam ở Bắc Trấn.

Ngày 17, người trốn tránh là Nguyễn Bá Thịnh ra thú. Thịnh từ năm Đinh Hợi (1827) bị cách chức, dựa dẫm cửa quyền hoặc xúi bẩy kiện cáo, hoặc thỉnh thác việc quan, khi ra đi, tất sai người nhà mang nam trượng (?), người đời đều khinh. Đến đây, lên Bắc thành, dâng tờ biện minh.

Tháng 12, ngày 22, ngụy Hải đánh Quảng Yên, vào chợ Giá, cướp bóc. Trấn quan cùng con ra châu Vạn Ninh, đón đánh, bất lợi, đều chết trận. Bấy giờ Cai huyện, Ký huyên điều động hết dân đinh đi đuổi đánh, bắt được đồ đảng là tên Đạc và 5 chiếc thuyền.

Hiệp trấn Bắc Ninh Nguyễn Nhuận được phục chức. Người trong gia thuộc của Nhuận là Đỗ Hữu (người xã Phù Đổng) thường sách nhiễu hàng quế, bắt đám đánh bạc, bị

quan huyện Trần Quang Tiến bắt giam, rồi giải lên Bắc thành. Phan Văn Thúy vốn cùng Nhuận bất hợp nhau, xử tội Hữu phải lưu Nghệ an và đưa việc ấy tham hặc. Vua dụ rằng: "Việc này tình tiết nhẹ và nhỏ, không nên tham hặc mà cũng tham hặc!". Nhuận được miễn nghị (xem thêm năm Tân Mão (1831).

Trấn thủ Sơn Tây phải tội, bị phạt bổng. Lúc ấy xã Tứ Mỹ, huyện Tam Nông có nhiều giặc cướp tụ tập. Quan trấn ra quân vây bắt, không bắt được. Đốc phủ Lâm Thao bắt lý dịch, tra tấn đến chết. Tri huyện Tam Nông cũng vì liên can việc này, phải phạt.

Phó tổng trấn Bắc thành Phan Huy Thúy[1] tu tạo cửa kho. Thúy cùng bọn Nguyễn Kim Bảng, Nguyễn Lệnh Gia, Trương Thiên Tải tâu nói: Bắc thành, phía đông cửa kho và nhà chứa kho lâu ngày mục nát, xin mua gỗ sửa chữa, gỗ lim, không cứ dài, ngắn, cành, ngọn, dân gian không được tự tiện mua (đến năm Ất Mùi (1835) lại sửa chữa phía nam cửa kho).

Thượng thư Nguyễn Khoa Minh kiêm Chưởng khâm thiên giám và Thái thường tự.

Cấm đánh vật. Do phường Trà Lũ mở cuộc đánh vật, học trò làm thầy bị thương. Trấn quan tâu bản án lên. Vua xuống Chỉ dụ cho miễn tội, mà nghiêm cấm đánh vật (xem chú thích ở Quang Thuận Vũ Phong truyện).

---

[1]. Nguyên thư ở trên in là Phan Thúy, ở đây in là Phan Huy Thúy, thực ra chính là Phan Văn Thúy.

Tân Mão, năm thứ 12 (1831),
Thanh, Đạo Quang năm thứ 11.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 Nhật thực. Lịch Đại Thanh thời hiến nói tháng ấy có Nhật thực, nay Nhật thực về đêm, không trông thấy.

Tháng 2, ngày Kỷ Sửu (mồng 6), Bắc thành mưa đá.

Phan Văn Thúy cho giải người Bắc thành bị tội lưu vào Quảng Nam. Tử tù đều được giảm nhẹ xuống 1 bậc, cộng 74 người.

Tháng 3, chiếu sai các thành trấn, thành phủ và đường quan bao đều trồng cây mít (cách 5 thước trồng 1 cây); đê sông lớn, đê sông nhỏ đều trồng cây liễu; các vườn tược bỏ hoang đều trồng đay gai.

Ngày 16, ngày Mậu Thìn, giờ Thìn, mặt trời có khí trắng vắt ngang, thẳng như chữ "nhất", hai đầu ngời sáng, ngoài có vầng tròn viền quanh.

Mùa hạ, tháng 4, cho giảm 2 phần 10 thuế vụ hạ. Lại vì Hải Dương, Sơn Nam gạo đắt, cho lấy bạc, tiền nộp thay thóc thuế. Lại quở trách tiểu dân không biết trình báo tai họa, quan phủ, huyện không thân hành xem xét, quan ở hai trấn ấy không khám thực.

Tri huyện Đăng Xương bỏ huyện, trốn đi, do cáo bệnh xin giải chức không được, mà trốn. Chiếu cho mở rộng cuộc tìm bắt.

Triệu Hiệp trấn Quảng Ngãi Trần Danh Quán làm Binh bộ Thị lang, sau đổi sang bộ Lại, cùng bộ Lại sửa luật lệ.

Bắc thành Binh tào Đặng Đình Hòa phải giáng cấp, phạt bổng. Trước bị giáng 3 cấp, phạt bổng 6 tháng, Hòa dâng sớ bày tỏ và nói: "Nhà thần nghèo có tội thì nên cách chức, nay không

cách chức mà phạt bổng thì lấy gì mà sống? Xin giáng 6 cấp, nhưng cho lương tháng để được nhờ đức tốt".

Tháng 5, triệu Trấn thủ Hải Dương Trịnh Định Vũ làm Bắc thành Thập cơ chánh thống chế. Trước ở trấn Hải Dương, Vũ truyền cho các xã thôn đều lập đình Thân minh treo bảng gỗ để ghi tên người thiện, người ác.

Cho Nguyễn Đình Phổ làm Hiệp trấn Hải Dương (Phổ, Cử nhân, xã Cổ Đô), Nguyễn Chấn làm Tham hiệp Bắc Ninh (đến lỵ sở thì chết).

Tháng 6, Bắc thành đại hạn, dân bị đói (cầu đảo được mưa).

Hoãn thu thuế vụ hạ để cả đến vụ đông. Từ năm Minh Mệnh thứ 9 (1828) trở đi đều phải nộp thuế như lệ.

Trấn Bắc Ninh bị kẻ trộm lấy mất bằng khoán và sổ sách.

Giáng Tham tán Nguyễn Công Trứ làm Huyện thừa, do năm Kỷ Sửu (1829) tâu đặt huyện Tiền Hải, viên huyện ấy bất lực, không làm nổi việc, bộ thần tham hặc, cho nên Trứ bị giáng chức.

Triệu Phan Văn Thúy vào chầu, cho Lê Đại Cương quyền thự Phó tổng trấn.

Sai quan trấn Hưng Hóa đi kinh lý việc ngoài biên, châu Phong Thu[1]. (Chiếu khen rằng: "Nước sông thuận dòng, nhân vật đông thịnh, trẫm xem tờ tâu, thực rất mừng và được yên ủi").

Trước kia cuối đời Lê, châu Phong Thu thuộc Hưng Hóa mất về nhà Thanh. Dân trong châu lưu tán lại về bản quốc. Thế Tổ thiết lập châu trưởng, đóng đồn quân để chiêu an.

---

[1]. Tức Phong Thổ ngày nay.

Đến năm Nhâm Ngọ (1822), châu trưởng họ Đèo cùng với Lý Khai Hóa làm loạn, triều đình bèn bãi chức kế tập. Con Đèo là Doãn An chạy sang Vân Nam, gả chị cho quan Vân Nam, cùng nhau đề kết, xin phụ vào nhà Thanh; quan Vân Nam đem quân đóng giữ châu Phong Thu, đuổi lính đồn của ta đi. Việc ấy đưa đến triều đình, vua dụ Trấn thủ Hưng Hóa cùng Hiệp trấn Ngô Huy Toàn điều động 800 lính Bắc thành đóng giữ địa giới, làm giấy tư sang nhà Thanh để thân biện. Tháng 8, Ngô Huy Toàn đến châu ấy, dỗ Doãn An đến, giải về Bắc thành và tịch thu gia tài. Mẹ An lại kêu với quan Vân Nam, quan Vân Nam dưa thư trách ta, và đòi hỏi đích danh người tịch thu ấy. Vua chiếu cho Bắc thành thả Doãn An và triệu Toàn về trấn.

Từ Hưng Hóa đi đường bằng phẳng 4 ngày đến Hà Dương[1], lại đi đường thủy 4 ngày đến châu Chiêu Tấn, lại đi đường núi 14 ngày đến Vân Nam. Lúc bấy giờ tướng hiệu phần nhiều nhiễm lam chướng, Chánh trấn ốm chết, quan thầy thuốc cũng ốm chết, binh lính chỉ còn có 400 người. Toàn cũng phát lở ghẻ ngứa ngáy, đầy năm mới khỏi.

Ngày 17, cho Binh tào Đặng Đình Hòa làm Lưu thủ Hưng Hóa. Bắc thành hộ tào Lang trung Nguyễn Vinh quyền nhiếp Hiệp trấn Bắc Ninh. (Vinh là em thủ khoa Thái, Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1829). Đến năm Giáp Ngọ (1834) đổi dùng Ngụy Tuấn (tức Ngụy Khắc Tuấn).

Mùa thu, tháng 7 (ngày 12), triệu Hiệp trấn Bắc Ninh là Nguyễn Nhuận vào chầu. Lúc dẫn vào chầu, vừa lúc vua đứng ở thềm điện, ngạc nhiên hỏi: "Sao ngươi đến chậm". Nhuận lạy tạ. Hôm khác, Nhuận lại vào yết kiến, vua cho

---

[1]. Tức Hà Giang ngày nay.

ăn yến ở sân điện, có món ăn lạ là cá sấu. Vua đi đi lại lại mời uống rượu, nói rằng: "Thịt cá sấu rất ngon". Nhuận vui mừng cảm kích khôn xiết. Xong bữa tiệc, xin cho một mình vào tâu ở điện Cần Chính. Nhuận vừa lạy vừa khóc, nói rằng: "Thần cách xa cửa vua đã lâu, lo về đình nghị lắm!". Vua nói: "Đình nghị thế nào, trẫm chưa biết!". Sau đó, đình nghị nên xử Nhuận tội đồ. Vua vỗ về yên ủi, rồi đặc cách giáng làm Tư vụ, cho về Bắc thành hiệu lực. Ngày 9 tháng 9, Nhuận đến Bắc Ninh, bắt được chánh Tiền Ngân ở phủ Lạng Giang, đem chém đi, bèn được thăng Lang trung, phục chức Hiệp trấn.

Ngày ấy, có khí tía ngang suốt đông nam như sông Ngân Hán, rồi chốc lát biến thành trắng.

Ngày 14, ngày Giáp Tý, mặt trời xanh như chàm. Lúc mặt trời mọc, không có mây lờ mờ, không sáng, buổi hoàng hôn cũng thế. Đêm ấy, mặt trăng có cái quầng màu tía, dưới có ngôi sao to đi theo.

Sửa đắp đường quan báo (rộng 5 thước, cao 1 thước 5 tấc)[1]. Trước chỉ có đường đi sứ từ Kinh đến Nam Quan, đến đây các trấn đều đắp đường quan báo cho liên lạc để tiện sai phái việc công. Hằng năm thường phải sửa chữa. Dân dẫu phải khó nhọc trong việc cuốc đào, gồng gánh, nhưng được hưởng lợi.

Mưa to, các huyện Chương Đức, Duy Tiên đê vỡ. Chiếu tìm người lão nông để hỏi sự cấy gặt khó nhọc.

Tháng 8, Bắc thành các thứ sâu ăn lúa đều phát sinh, lúa ruộng bị hại càng dữ, có nơi chỉ còn gốc khô mà thôi.

Tháng ấy, ngày 14, các sâu bay loạn lên. Ngày 26, bão to.

---

[1]. Theo tấc thước ta.

Hà Tông Quyền bị giáng cấp, phải đi hiệu lực ở Tây dương. Quyền ở Kinh, lấy con gái phú thương làm vợ lẽ, ngày đêm say đắm, vợ cả ghen, đem người nhà vây bắt được Quyền. Hai vợ chồng chửi mắng, mẹ già can ngăn, vợ Quyền nổi giận đổ cả mâm cơm của mẹ. Gặp bấy giờ quan Kinh đến nhà Quyền, thấy việc thế cũng khuyên giải. Vợ Quyền nói lấn át xâm phạm đến quan Kinh, quan Kinh lập tức đem việc ấy tham hặc. Có chiếu cho nghiêm xét vợ Quyền. Vợ Quyền tự thủ, phải tội xử giảo, đày đi trại Cau. Sau, cho Quyền đi hiệu lực Tây dương.

Tham bổ: Vua thường xem sách Trung Quốc, hỏi Quyền về chữ "Quảng Xuyên". Quyền tâu là "Quảng Châu", rồi biết là mình nhầm, lấy bút mực điểm thêm vào cho thành chữ "châu"[1]. Quan khởi cư chú hặc rằng: "Quyền tấu đối ở trước mặt vua, lời nói đều dối cả", cho nên bị biếm truất. Sau vài tháng, vua lại triệu Quyền vào Nội các và nói: "Ngươi đi 3 tháng, trẫm ăn cơm không ngon. Trẫm thống ngự bốn phương, điều động mọi người, không có ngươi không được".

Tháng 9, Bắc thành cháy to (các ngày 5, 15, 19, cộng 3 lần cháy).

Ngày 7, Bãi ty Tổng trấn Bắc thành; đặt lại tỉnh hạt, chia đặt chức quan.

Trước đây, vua dụ rằng: "Đặt quan, dựng trấn là đại chính của triều đình mà nhân thời thù ứng, nên hợp cách kinh lý. Nhà nước ta gây nền cõi nam, các trấn đều thiết lập ty, đặt chuyên viên. Đến Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế

---

[1]. "Xuyên" 川 và "châu" 州: tự dạng giống nhau, chỉ điểm thêm mấy nét chấm vào chữ "xuyên" thì thành ra "châu".

ta: thống nhất xa thư[1], có cả toàn Việt, thuộc hạt Bắc thành 11 trấn (xem năm Quý Hợi 1803), đất rộng, việc nhiều. Khi đại định, đặc cách đặt một đại viên chuyên khổn và chia đặt các tào; việc các trấn đều thống thuộc vào thành. Đó là lúc mới bắt đầu, tạm thời xếp đặt, xem ý thánh minh tính xa vẫn muốn sửa đổi lại, nhưng buổi đầu khai sáng còn chưa kịp làm. Trẫm kính nối phép cũ, noi theo chí cha, nghĩ các địa phương này việc quân, việc dân, ngục tụng, lương tiền, thuế khóa, thực là bộn nhiều, tất phải chia địa hạt, đặt quan chức khiến cho chuyên trách. Và, các hạt Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình về Hữu kỳ, cũng nên một thể đổi định, chia đặt quy trình, thì chức nhậm không đến phiền quá, sự vụ cũng được ổn tiện, mới có thể để lâu không tệ, giữ mãi ức vạn năm tốt đẹp vô cùng. Nay cho đình thần hết lòng bàn bạc: từ Quảng Trị trở ra Bắc đến các trấn Bắc thành nên chia địa hạt, đặt quan chức thế nào, và tất cả những việc nên làm ra sao, bàn rõ từng khoản, làm tập tâu lên, đợi Chỉ thi hành".

Đình thần bèn hội đồng bàn rằng: "Phụng xét: đời xưa có các chức phương bá, châu mục, xuống đến Hán, Đường, Tống xếp đặt mỗi đời một khác, đến Minh, Thanh tham bác châm chước ngày càng rõ ràng, đầy đủ. Các tỉnh có chia đặt Bố chính (phiên ty), án sát (niết ty), hai ty chia giữ tài chính, phú thuế và hình ngục; lại có tuần phủ, Tổng đốc để thống trị. Trong đó khinh trọng kèm nhau, lớn nhỏ giữ nhau, thực là chính sách cai trị tốt. Nay nếu mô phỏng làm theo có 15 điều lợi:

---

[1]. Xa, thư: do chữ trong sách Trung dung: 車 同 軌, 書 同 文 "Xa đồng quỹ, thư đồng văn" (Xe cùng một lối đi, sách cùng một văn tự). Ý nói thống nhất hoàn toàn.

1) Từ trước, thành hạt 11 trấn thuộc vào một đại viên; quyền rất trọng. Từ nay có thể không lo đuôi to không vẫy được nữa.

2) Từ trước, công việc quân sự, dân sự đều do đại viên một thành, kể cũng khó làm. Từ nay, người chịu trách nhiệm không đến nỗi nặng quá, không gánh nổi.

3) Từ trước, số chức viên các tào đông nhiều bề bộn. Từ nay, đã khỏi phải bổ khảo, cũng không chậm trễ.

4) Từ trước, việc các trấn đều qua thành chuyển vận đến. Từ nay, quan có chuyên nha, việc được đến thẳng.

5) Từ trước, những cuộc thương biện của các trấn không có phân biệt. Từ nay, đều có chuyên ty.

6) Từ trước, các trấn thủ có việc đùn đẩy cho nhau. Từ nay, Đốc, Phủ nắm đại cương, Bố, án ty chia việc làm.

7) Từ trước, lính thành phái nã, động tí là phải đến mươi ngày, một tháng. Từ nay, cầm chế để làm, giặc cướp có thể im tắt.

8) Từ trước, bộ biền tra nã bất lực. Từ nay, biền binh đều là người thổ trước.

9) Từ trước, binh lính thăng bổ, tất do thành tào. Từ nay, khuyết đâu bổ đấy, dễ đủ ngạch.

10) Từ trước, tiền và lương thực do trấn, do thành. Từ nay, không phải chuyển vận phiền phí.

11) Từ trước, chi lương lính, dễ sinh chiếm dụng. Từ nay, cấp phát tại hạt rất tiện và dễ.

12) Từ trước, nhân dân kêu oan phải kêu ở thành xin phúc thẩm. Từ nay, địa phương làm việc tra biện, không phiền di chuyển.

13) Từ trước, văn án qua thành rồi mới đệ đi. Từ nay, địa phương làm xong, được đệ tấu ngay.

14) Từ trước, các quan phủ, huyện mượn cớ phải đi theo án. Từ nay, không vin cớ gì mà bỏ việc được.

15) Từ trước, các việc tất phải qua thành. Từ nay, đều có chuyên ty, trích phát các viên gian, ẩn.

Nay kính bàn: Các hạt Bắc thành và Hữu kỳ đều theo xa, gần, lớn, nhỏ mà định địa phận từng hạt. Quan chức thì nên đặt Tổng đốc, Bố chính, Án sát và Lãnh binh quan, đều có chuyên trách. Còn Tổng trấn Bắc thành, chức viên các tào và các chức Trấn thủ, Hiệp trấn, Tham hiệp đều bãi bỏ đi.

Phụ bổ: Kỳ tháng 2, xuất binh; tháng 12 tế chạp, lại có tế hội đồng; ngày mồng 5 tế trận vong tướng sĩ. Mỗi tỉnh cơ Thịnh Thắng 5.000 người, Vệ binh 2.000 người và Phụ ngoại binh đến 10.000 người.

Đổi định địa phận các hạt: từ Quảng Trị trở ra Bắc đến các trấn Bắc thành đặt làm 9 tỉnh lớn: 1) Bình Trị, 2) An Tĩnh, 3) Thanh Hoa, 4) Hà Ninh, 5) Yên Định, 6) Hải Yên, 7) Sơn Hưng Tuyên, 8) Ninh Thái, 9) Lạng Bình.

Duy Thanh Hoa để nguyên như cũ. Sơn Hưng Tuyên gộp 3 làm một, còn các xứ đều 2 làm một. Hà Tĩnh là nơi mới đặt. Hà Nội, Hưng Yên cũng là mới đổi (cộng 18 tỉnh).

Đặt quan chức: Tổng đốc viên: từ Bình Trị đến Ninh Thái mỗi tỉnh một viên; duy Lạng Bình không đặt Tổng đốc, thảy đều lấy Binh bộ Thượng thư kiêm Đô sát viện Hữu đô ngự sử Tổng đốc bản tỉnh địa phương, Đề đốc quân vụ, kiêm lý lương sướng, lĩnh bản tỉnh Tuần phủ sự. Do trong các Đô đốc, Thượng thư, Thống chế được vua giản phái (tức là đốc bộ đường). Tuần phủ 7 viên: bổ đi các tỉnh Quảng Bình, Hà

Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Yên, Hưng Hóa 6 tỉnh và Lạng Bình; còn thì đều lấy Tổng đốc lĩnh cả. Duy Tuyên Quang, Thái Nguyên không đặt Tuần phủ, đều lấy Binh bộ Tham tri kiêm Đô sát viện Hữu phó đô ngự sử, Tuần phủ bản tỉnh địa phương, Đề đốc quân vụ, kiêm lý lương sưởng, lĩnh Bố chính sự, do trong các Tham tri, Thị lang được vua giản phái (cộng 15 viên).

Bố chính 7 viên bổ đi các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoa, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Thái Nguyên. Duy bố chính Thái Nguyên Thự lý tuần phủ ấn vụ, còn đều Tuần phủ kiêm lĩnh Bố chính. Sơn Tây, Tuyên Quang và Bắc Ninh không đặt Bố chính. Bố chính, trật chánh tam phẩm (tức là Phiên ty, cộng 14 viên).

Án sát sứ 13 viên bổ đi Quảng Bình, Quảng Trị, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng. Duy Quảng Yên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Bắc Ninh không đặt Án sát. Án sát, trật tòng tam phẩm (tức là Niết ty, cộng 13 viên).

Lãnh binh quan 18 viên, từ Quảng Bình đến Cao Bằng mỗi tỉnh 1 Lãnh binh quan; duy Nghệ An, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây và Bắc Ninh đều 2 viên; còn Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoa, Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương và Quảng Yên lại có Thủy sư quan. Lãnh binh, trật tam, tứ phẩm (cộng 32 viên).

Cho Đặng Đình Hòa làm Yên Định tổng đốc, kiêm lĩnh Tuần phủ Nam Định, Nguyễn Nhuận làm Hưng Yên tuần phủ, Lê Đạo Hoằng làm Nam Định bố chính: đều cho mỗi năm 2 kỳ vào Kinh chầu, thỉnh an, bày tỏ mọi việc hay dở được, hơn trong hạt. Hai ty Bố, Án đều đặt 1 Thông phán, 1

Kinh lịch, 2 hay 3 đến 6 bát cửu phẩm thư lại, 20, 30 đến 60 vị nhập lưu thư lại, Lãnh binh quan cùng đóng trong một thành. Duy thủy sư quan Nam Định đóng đồn thủy. Các binh lính, chia 3 phiên: 1 phiên nghỉ ngơi, 2 phiên làm việc. Đổi đốc phủ làm Trú phòng. Phủ huyện Đồng tri đều có nha môn. Những huyện kiêm lý đều có đặt thêm Huyện thừa. Con đường quan báo liên lạc, trong hạt xe cộ có thể cho công đồng qua lại. Các trạm dùng ngựa "long phi" hoặc lính lệ truyền đệ công văn, đeo nhạc làm hiệu. Chế độ chạy trạm có chia: khẩn hành, thứ khẩn, thường hành và hoãn hành, cách thức đều đủ. Công việc các tỉnh đều bắt đầu thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm ấy. Phàm các hạng tiền và thóc: 15 ngày trở về trước nộp tại thành, 15 ngày trở về sau nộp tại tỉnh (Đặng Đình Hòa tâu xin bỏ những nha lại hạng liệt mà bổ Tú tài thay vào).

Bổ: Trịnh Đình Vũ làm Ninh Thái tổng đốc kiêm lĩnh Tuần phủ Bắc Ninh; Nguyễn Đình Phổ làm Bắc Ninh bố chính (hoặc nói là Nguyễn Vinh).

Tham bổ: Phổ là Cử nhân huyện Tiên phong, có câu đối rằng:

Nguyên văn chữ Hán:

浩浩山泉充國科
清清秋水見臣心

Phiên âm:

Hiệu hiệu sơn tuyền sung quốc khóa;
Thanh thanh thu thủy kiến thần tâm.

Nghĩa là:

Suối núi mênh mông sung quốc khóa;
Nước thu trong vắt tỏ lòng tôi.

Phó tướng Hiếu làm Hà Ninh tổng đốc kiêm lĩnh Tuần phủ Hà Nội; Nguyễn Hy làm Ninh Bình tuần phủ kiêm Bố chính sứ; Nguyễn Kim Bảng làm Hà Nội án sát; Đỗ Trọng Diễm làm Hà Nội thông phán.

Nguyễn Vinh làm Hải Yên tổng đốc, kiêm lĩnh Tuần phủ Hải Dương; Phùng Đắc Ninh làm Quảng Yên tuần phủ, kiêm lĩnh Bố chính sứ; Nguyễn Công Trứ làm Hải Dương bố chính.

Lê Đại Cương làm Sơn Hưng Tuyên tổng đốc, kiêm lĩnh tuần phủ Sơn Tây; Ngô Huy Toàn[1], làm Hưng Hóa tuần phủ kiêm lĩnh Bố chính sứ; Hồ Bảo Định làm Sơn Tây án sát (xem thêm ở dưới); Tạ Quang Cự làm An Tiết tổng đốc, kiêm Tuần phủ Nghệ An; Lang trung Quế làm Nghệ An bố chính; Đĩnh ở Xuân quan làm Nghệ An án sát.

Tham bổ: Trước kia Hiệp trấn Hưng Hóa vì tâu nhập nhằng về công bắt Doãn An ở châu Phong Thu, vua xuống chiếu phạt bổng 3 tháng Huy Toàn. Chưa bao lâu Huy Toàn lại bị việc tù trốn, phụng chỉ lặc hạn đi bắt, Toàn lại bắt được tên tù ấy, chiếu triệu về Kinh, sau bổ đi Tuần phủ (còn các người khác thì không rõ).

Bổ: Trần Danh Thị làm Án sát Quảng Trị, Dương Tam làm Án sát Cao Bằng, Dương Tam hơn 60 tuổi, dâng biểu xin trí sĩ. Vua thấy sức Tam còn khỏe, không cho hưu. Sau đổi đi Lạng Sơn, Tam có tội bị giáng làm Thư lại để hiệu lực. Án sát Phi cam tội không phát chẩn, bị giáng cấp.

Bổ Lang trung Thuật làm Án sát Hà Tiên.

Mùa đông, tháng 10, nhắc lại lệnh cấm quần áo Bắc thành,

---

[1]. Nguyên thư in là Ngô Hòa Toàn.

cấm đàn bà không được bịt khăn vuông và thắt lưng, ai trái lệnh này phạt 100 trượng, đóng gông bêu riếu 1 tháng.

Khoa ấy Hương thí: Chiếu cho học trò đi thi cùng khai sự trạng ông cha 3 đời.

Chiếu truyền thêm lính 5 cơ. Từ năm Nhâm Ngọ (1822), duyệt sổ đinh, trở về sau, truyền thêm làm lính đều chiếu số đinh, cứ 7 đinh lấy 1 người làm lính, 50 người làm 1 đội, 500 người làm cơ. Hai huyện thuộc phủ Hoài Đức tăng 600 suất, tuyển lính đặt làm cơ Hà thanh.

Giảm 2 phần 10 thuế vụ đông năm ấy, vì mấy năm luôn bị sâu cắn lúa, khô hạn, lại bị nước lụt, những thuế thiếu từ năm Minh Mệnh thứ 10 và thứ 11 (1829-1830) đều cho giảm 5 phần 10. Thuế thóc vụ hạ năm ấy cho nộp thay bằng tiền: mỗi hộc thóc giá 1 quan 8 tiền; vụ đông cho giảm 2 phần 10.

Bãi tràng đúc tiền ở Bắc thành.

Giáo thụ Từ Sơn Nguyễn Can có tội, bị cách chức. Can, người xã Phù Nội, trấn Sơn Nam, ở Viện Hàn lâm 3 năm, bổ Giáo thụ 5 năm. Can muốn xin về hưu, mượn cớ là về nuôi cha mẹ già, có người hặc là dối vua, cho nên bị cách chức.

Tháng 11, ngày 5, mây đen suốt mặt trời.

Tháng 12, phía tây nam có mây thành, suốt đêm không tan.

Cho Hình bộ Thượng thư kiêm Quang lộc tự Hoàng Kim Xán quản lĩnh Khâm thiên giám. Bấy giờ mới đổi định địa phận các hạt, mọi việc bộn bề. Chiếu cho giờ Dậu ngày 30 Tết đóng hòm ấn, giờ Dần ngày mồng 1 Tết khai ấn.

Năm ấy, sinh hoàng tôn (có sách nói là năm Canh Dần [1830], trưởng là Hồng Bảo, thứ là Hồng Nhậm).

Nhâm Thìn năm thứ 13 (1832),
Thanh, Đạo Quang năm 12.

Mùa xuân, tháng giêng, Ninh Thái tổng đốc Trịnh Định Vũ đi tuần bắt giặc cướp. Bấy giờ Ninh Thái có các giặc là Tổng Cầm (người Yên Xúy) chiếm giữ Lạng Giang, Khán Lỗi (người Xuân Canh) chiếm giữ huyện Đông Ngàn, Tổng Nương (người Cổ Giác) chiếm giữ huyện Lang Tài. Có chiếu chỉ cho Định Vũ phải đi tuần lùng bắt, hạn cho 2 tháng. Định Vũ dâng biểu xin được tiện nghi làm việc: hoặc dụ ra thú, hoặc đem quân vây bắt. Việc xong, lĩnh Chỉ, rồi sai Phó cơ đóng đồn Đặng Xá, lại sai Tổng, Lý sở tại tịch ký niêm phong gia tài của bọn giặc ấy cho giảm bớt thế lực của chúng đi.

Tổng Nương họp quân ở huyện Lang Tài mấy năm, chiêu dụ hào mục, cất giữ tô thuế, làm nhà để tuyển những người cường tráng, cấm chỉ trộm cắp. Có Nho Biền và Chiêu Phấn phạm cấm, Nương lập tức bắt đem chôn đi, không cho vợ con phát tang, bởi thế trong thuộc huyện, cổng ngoài không phải đóng, dân nhờ được yên, không ai nỡ cáo giác.

Tham bổ: Tổng Nương, trước kia, bí mật ngầm đóng quân ở Nhẫm Sơn, ra vào Chi Lan, Ngọc Cục và Cẩm Giàng, đốt phá Hoành Lộc, cùng với Sắt ở Hải Dương, Hải ở Đường An, Tuần Đề ở Quỳnh Côi, Chiêu Cốc ở Khoái Châu, Tuần Bột ở Sơn Tây và Tổng Đại ở La Phù thường ngày đêm hoành hành.

Thăng Giáo thụ Thuận An Nguyễn Toàn làm Đốc học Thái Nguyên, rồi lại đổi đi Đông An. Chưa bao lâu, Toàn về Kinh thì chết.

Án sát Lạng Sơn là Lê Tông Phan có tội, bị giáng cấp

làm Giáo thụ Thuận An. Phan, tổ quán ở xã Hoa Đường, cư trú ở phường Báo Thiên, phủ Hoài Đức; cha làm đô lại, sinh được 3 con trai đều đỗ khoa đệ (2 em đỗ Cử nhân), từ Lang trung thăng Hiệp trấn Thái Nguyên, Lạng Sơn. Phan vì giấu cướp không báo, lặc hạn cho bắt lại không bắt được, đình nghị cách chức, được Chỉ cho giáng cấp mà thôi. Phan bèn ở phủ Hoài Đức dạy học.

Đưa tù các tỉnh bị tội lưu vào Hà Tiên. Vợ con muốn đi theo đều cấp cho tiền và gạo, cho 4 chiếc thuyền biển đưa đi đường thủy vào Hà Tiên.

Tháng 2, ngày 29, Sơn Tây, Hưng Hóa mưa đá; vỡ đê Văn Giang, thuê đinh phu 2 phủ đắp đê. Làng Dương Liệt và làng Phù Liệt cũng vỡ đê dài hơn 1.000 trượng. Chiếu phát tiền kho thuê đinh phu 2 phủ Từ Sơn, Thuận An đắp lấp, đóng kè.

Từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau không mưa, cầu mưa ở các đền thiêng 20 ngày như trước.

Hai huyện Đông Ngàn và Gia Bình mưa đá.

Ban khắc *Ngự chế thi tập*. Vua khi rỗi muôn việc, gửi tình bút mực, để ý nghệ văn, từ lúc lên ngôi đến nay làm được 1 quyển *Thi tập*, 10 quyển *Dụ chỉ*, 1 quyển *Tạp ký* và 10 quyển *Thi tập cổ kim thể*. Những bài thơ phần nhiều là những việc kính trời, yêu dân, ghi ngày tạnh, ngóng ngày mưa, một câu một chữ đều tự ý mình sáng tác, không mượn tay các bề tôi văn từ làm hộ. Vua có trích ra những tờ in bằng chữ son, ban cho bồi thần, ai cũng cho là của rất quý báu. Năm Canh Dần (1830), các quan Lục bộ và Nội các xin khắc thánh chế thi văn để sáng tỏ văn hóa. Vua phê rằng: "Lời xin này bất tất phải làm". Đến mùa xuân năm Tân

Mão (1831), quan Nội các lại khẩn khoản xin khắc in, mong được y cho. Vua phê rằng: "Đã xin đến hai lần, chuẩn y cho làm". Đến đấy, vua làm bài tựa, nhan đề là *Ngự chế thi* sơ tập, giao cho khắc in. (*Thánh chế thi* 6 tập, *Chế văn* 2 tập, Thiên hạ truyền làm báu vật, giữ làm đồ quý), cộng 845 bài, chia làm 119 quyển và 2 quyển *Mục lục*. Vua lại nói: "Ban thi văn ra cũng là việc tốt của nghệ lâm nước Nam. Về lý, không trở ngại gì cả, sau này có trước tác bài nào, thì cứ đến đầu năm, các từ thần sẽ kiểm hiệu đề mục, lại cho khắc in". (Trong tập thơ trên từ gò tròn, chằm vuông[1], thanh miếu, Minh đường, dưới đến mâm chậu, dao, gươm, hoa, cỏ, chim, sâu đều là đối tượng ngâm vịnh). Sách in xong, quan Nội các dâng biểu mừng. Đại lược nói: thanh âm cùng chính giáo để lại, họp phép tốt lễ nhạc thi thư, văn chương và võ công đều hay, truyền tiếng tốt ân ca nhã tụng.

Mùa hạ, tháng 4, Thư ký Hải Dương là Thạch Nham có tội, phải giết. Án sát Hoàng Tế Mỹ bị giáng cấp, lưu nhậm. Thạch Nham người xã Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, làm thư ký Hải Dương, coi việc thu tô cho Nhà nước, làm hộc to gạt thóc thừa ra để lấy lợi riêng. Bấy giờ có Khâm phái tiểu hoàng môn đem việc ấy phát giác, Nham ngầm đem thóc thừa đổ xuống hồ lớn. Tỉnh thần khám thực, bắt được tang chứng, Nham phải tội lột da, cả vợ cũng phải tội. Tế Mỹ không phát giác được, cũng bị giáng cấp và phải bồi thường số thóc tô ấy. Rồi vua xuống chiếu cho các trường, các tỉnh, các hộc đong thóc làm hộc to hơn. (Năm Canh Tý, Minh Mệnh thứ 21 [1840], Tế Mỹ được khai phục).

---

[1]. Gò tròn: chỗ tế Trời, chằm vuông: chỗ tế Đất.

Tiến sĩ Nguyễn Thắng và Lang trung Huỳnh vì trái Chỉ vua, phải tội xử trảm giam hậu (do phụng Chỉ hơn 10 ngày không nộp bạc).

Trì phủ Lâm Thao Dương Xuân Chiêm có tội bị cách chức, bởi sửa thành phủ, Chiêu làm không hợp thức. Và, Đốc phủ làm bậy nhiều khoản, Chiêu không tố giác, cho nên phải tội.

Tháng 5, Bắc thành đại hạn, sâu cắn lúa, dân bị đói (mỗi gánh thóc giá 3 quan tiền). Chiếu cho hoãn thuế đến mùa đông, hoặc cho phát thóc kho công bán cho dân, giá mỗi hộc 2 quan tiền.

Triệu Giáo thụ Thuận An Lê Tông Phan, Phan cố từ. Vua cho thăng Đốc học Bắc Ninh, rồi lại đổi làm Bố chính Thái Nguyên, Phan đi đến Nghệ An, cáo ốm, cố từ không đến.

Đình thí Tiến sĩ, cho bọn Đỗ Tông Quang 11 người đỗ Tiến sĩ xuất thân có thứ bậc: Hoàng giáp Đỗ Tông Quang (xã Hoa Hương), Đồng tiến sĩ: Phan Trứ (xã Phù Ủng), Nguyễn Mậu Trạch (xã Như Lân), Nguyễn Tán (xã Cẩm Chương), Trần Văn Sàm (xã Trinh Thái, huyện Thanh Trì), Vũ Công Độ (xã Vụ Hoàng), Nguyễn Bá Nghi (xã Mộ Trạch), Phan Bá Thiều (xã Kim Đôi), Nguyễn Văn Lý (xã Đông Tác), Phạm Sĩ ái (xã Trung Lập), Phạm Gia Huệ (xã Đông Ngạc). Lúc bấy giờ Cử nhân xã Gia Thị là Trần Công Tốn, vì mạo họ đi thi, việc phát giác, bị bắt vào Quốc tử giám học. Lại, Cử nhân xã Đông Tác quyển thi làm không đủ bài, bị xử phạt đi quét trường Quốc tử giám 3 năm. Còn các Cử nhân khác thi Tiến sĩ không đỗ, đều cho về hậu bổ ở tỉnh.

Trì huyện Gia Bình là Phùng Nghĩa Phương được miễn chức (do có tật, từ chức). Cho Huyện thừa huyện Văn Giang

quyền nhiếp huyện Gia Bình (Huyện thừa là cống sinh, sau đổi đi 3 huyện là Kim Hoa, Cẩm Giàng và Văn Giang).

Vua đến nhà Quốc tử giám, diện thí các học quan, duy Thân Văn Quyền làm bài còn đáng xem. Đến như Nguyễn Thanh không làm được câu văn nào và Đào Quốc Trinh nát rượu, đều phát làm nô ở Thừa Thiên lâu. Rồi, chiếu cho học trò đi thi, mặt quyển phải khai họ tên nghiệp sư, hoặc tư thục. Ai thụ nghiệp ác sư thì phải tội.

Tháng 6, ngày 2, Ninh Thái tổng đốc Trịnh Định Vũ bắt được giặc Khán Lỗi ở xã Cao Đường, huyện Tiên Du và bắt được đồ đảng của Lỗi là bọn Tổng Cầm, Tổng Tần.

Đắp thành phủ Hoài Đức. Trước kia, phủ Hoài Đức phụ thuộc vào thành Thăng Long; đến lúc đặt tỉnh Hà Nội, lấy Thăng Long làm tỉnh thành, đắp riêng thành phủ ở xã Yên Quyết.

Mùa thu, tháng 7, mưa to. Nam Định, Hưng Yên bị lụt, hơn 10 huyện Mỹ Lộc, Thư Trì, Thượng Nguyên, Hưng Nhân, Thần Khê, Diên Hà, Kim Động, Phù Dung, Thiên Thi và Nam Xang vài nghìn nhà dân bị trôi vào biển. Chiếu: 5 ngày một lần phát gạo cứu tế, mỗi suất 1 uyển gạo. Chỉ có Nguyễn Thanh ở Hải Dương làm việc được ứng chỉ, được thăng 1 cấp. Bắc Ninh thông phán Lượng bị cách chức.

Đắp thành tỉnh Hưng Yên ở xã Nễ Châu.

Ngày 28, Tổng trấn thành Gia Định Lê Văn Duyệt chết. Vua sai Phó tướng thay thế coi quân. Duyệt bàn giao công việc có giấy đóng ấn sẵn vài mươi tờ. Vua triệu bộ thần hỏi. Bộ thần nói: Phép cũ nhà nước vẫn noi theo làm như thế. Vua nghi, cho nên bộ Phương và án Liêm đều phải tội. (Có thuyết nói: Duyệt nhận riêng 8.000 thuyền biển của Tây

dương, lại lĩnh 100 tờ.....[1], chỉ tìm được 60 tờ, còn 40 đạo bị giấu kỹ, không tìm thấy). Phan Văn Thúy vì liên can vụ án Văn Duyệt, bị triệu vào Kinh. Thúy đi chưa đến nơi thì chết. Ba con trai của Thúy đều phải lưu đi Cao Bằng, vì chưa đủ tuổi trưởng thành, đến năm Mậu Tuất (1838) mới phát phối.

Tháng 8, ngày 4, chiếu cho Bắc thành đem tiền kho mua vàng bạc. Chiếu cho rằng các kho Bắc Kỳ tiền nhiều, mà chuyển vào Kinh đi đường biển xa khơi, vận tải rất khó. Vậy hạt nào giá vàng bạc hơi rẻ thì đem tiền mua: vàng mười tuổi, giá 85 quan; bạc, 45 quan (dưới đây đều tính theo giá này).

Ngày 23, ngày Đinh Dậu, có khí trắng ngang suốt đông bắc như sông ngân hán.

Đặt Viện Ngự sử. Cho 3 tháng một lần đàn hặc, trong từ cung điện cho đến hoàng thân và các quan trong Kinh, ngoài tỉnh, 3 tháng không đàn hặc 1 lần thì phải phạt. Chủ sự Nguyễn Trực, Phương Hoàng, Danh Đĩnh, Nguyễn Cung Tiêu đều dự việc ngự sử.

Lễ bộ Hữu tham tri Nguyễn Đăng Tuân trí sĩ. Tuân là quốc sư, hay nói thẳng, có khi nói xúc phạm, vua giận, vua quay đầu đi, không ngoái lại (xem năm Đinh Hợi 1827). Các quan đều sợ. Tuân không tạ mà đi ra. Có người trách Tuân. Tuân nói: "Can mà vua không nghe, là ý vua không bằng lòng với ta; ta có tội gì mà tạ". Năm ấy, Tuân 70 tuổi, vin lệ, trí sĩ. Tuân thường tự than: "Ta ngu mà thẳng, tất không được thăng Thượng thư".

---

[1]. Nguyên thư để khuyết ghi bằng hai vòng tròn. Có lẽ là "giấy đóng ấn sẵn" như đã nói trên.

Mỗi khi Tuân tiến người làm quan, Tuân tất tùy tài cao, thấp, không cho thỉnh thác.

Tuân có câu thơ rằng:

Nguyên văn chữ Hán:

看來世路難為易
說到人心獨自由

Phiên âm:

Khan lai thế lộ nan vi dị;
Thuyết đáo nhân tâm độc tự do.

Nghĩa là:

Xem lại đường đời, khó sai trái;
Nói đến lòng người, riêng tự do.

Con là Đăng Giai do cử nhân làm Lang trung, là bạn của vua. Tuân thường khuyên con liêm tĩnh. Giai vào ngày tư, ngày tết thường đưa biếu Tuân, Tuân liền trả lại, thời thường lại lấy của riêng cho Giai. Ý Tuân muốn Giai đừng tham của, làm giàu (xem thêm năm Ất Mùi 1835).

Tháng 9 nhuận, ngày Mậu Tý, ngày 14, lập đông, phương tây có mâu đen như bức thành. Ngày 21, có sao to sa xuống, ánh sáng chói lòa mặt đất.

Lại nghiêm cấm thuốc phiện. Trước đây, chỉ cấm người hút thuốc phiện, đến đây, cấm cả thương khách nấu bán. Hà Nội có tên khách người Minh Hương phạm cấm, bị tội lưu phát đi Hà Tiên.

Chiếu: Bắc Ninh tải thóc đi chứa ở Lạng Sơn (chứa vào kho để dự bị dùng vào việc biên phòng).

Ngày 25, Tế tửu Phạm Hổ (tức Phạm Đình Hổ) chết. Ở

Kinh, Hổ ốm, xin về Hà Nội, rồi chết; năm ấy 67 tuổi, Hổ dặn con em đem về quê an táng đơn giản thôi.

Án sát Quảng Trị Trần Danh Phi miễn quan, vì có tang cha. Sau, đi hiệu lực Tây dương, đem bạc giả đi, lại không đủ đồng cân, đồng lạng, bị người Tây dương giam giữ, Phi dâng biểu về tâu, vua xem, bèn triệu về, khai phục làm Chủ sự, rồi thăng Tham tri.

Đồng Tri phủ phủ Khoái Châu phải cách chức. Vì Tổng Nương và Chiêu Lân cướp bóc phủ Khoái Châu, vua đình hạn cho đi đánh bắt, ngày 27 tháng 12, bắt được Tổng Nương ở huyện Kim Động, chém đầu, đem bêu các tỉnh; còn Chiêu Lân trốn thoát.

Đốc học Thanh Hoa Lê Huy Phác trí sĩ. Phác là Hương cống cũ xã Bình Vọng, tuổi 70, về hưu dạy học ở phủ Hoài Đức.

Đốc học Sơn Tây Nguyễn Ân do nguyên hàm, về hưu dưỡng. Ân ở Sơn Tây đã lâu, có chiếu thăng làm Tư nghiệp, bấy giờ Ân đã ngoài 60 tuổi, dâng biểu xin cáo lão, vua cho về. Ân ở nhà dạy học, có câu thơ rằng:

Nguyên văn chữ Hán:

父做學官非不教
子為里長僅能編

Phiên âm:

Phụ tác học quan phi bất giáo,
Tử vi lý trưởng cận năng biên.

Nghĩa là:

Cha là học quan há không dạy?
Con là Lý trưởng chỉ biết biên.

(năm Canh Tý 1846 Ân chết).

Bố chính Nam Định Nguyễn Phác bị giáng làm Đốc học. Phác người xã Đôn Thư, huyện Thanh Oai, Hương cống khoa Đinh Mão (1867), trước làm Tri huyện Việt Yên rồi thăng Bố chính (xem thêm năm Mậu Tuất, 1838).

Triệu Tiến sĩ Chu Văn Nghị cho đi coi thuế mỏ bạc Tuyên Quang. Nghị không đến, vua cho thu cờ biển Tiến sĩ. Nghị vì có bố mẹ già, nên không đi làm quan, ở nhà dạy học. Năm Canh Tý (1840), nhà có hai cây đào[1] tác quái, chưa bao lâu Nghị chết.

Chiếu: Cho ấm tử con quan văn giai từ ngũ phẩm trở lên vào học Quốc tử giám, gọi là ấm sinh.

Đặt 2 đội Hoa danh và Giáo dưỡng. Các quan võ từ cai đội (một thập), suất đội (5 thập), thăng Phó cơ, Chánh cơ, Phó vệ, Chánh vệ, Lãnh binh, Thống chế đều phải là những người lâm trận, đi trước sĩ tốt, chém đầu giặc, bắt được tướng giặc, thực có quân công mới được thực thụ. Từ ngũ phẩm trở lên "nhậm tử", "viên tử"[2], không cứ là con đích hay con thứ, chia đặt vào 2 đội Hoa danh và Giáo dưỡng, cho được hậu bổ đều cấp lương tháng. (Hoa danh: sau đổi làm Anh danh).

Cho Hà Duy Phiên, Trương Phúc Dĩnh, Thân Văn Quyền đều làm quan Nội các; Nguyễn Khoa Minh, Lê Đăng Doanh đều thự Hiệp biện đại học sĩ. Minh vẫn làm Thượng

---

[1]. Hai cây đào: Xưa, Tề Hoàn công đi chơi gặp người đem cái gậy đào, hỏi thì nói: "Đấy là nhị đào". Đào nghĩa là trốn. Vì vậy, người ta cho "hai cây đào" là điềm không lành.

[2]. Nhậm tử, viên tử: xem chú thích ở trên.

thư bộ Lại kiêm quản Viện Hàn lâm, Doanh vẫn làm Thượng thư bộ Công kiêm quản Quang lộc tự; Vũ Xuân Cẩn làm Thượng thư bộ Hình; Phan Huy Thực làm Thượng thư bộ Lễ kiêm Thái thường tự; Trương Minh Giảng làm Thượng thư bộ Hộ, quyền giữ ấn triện Viện Đô sát (giáng cấp lưu nhậm); Lê Văn Đức thự Thượng thư bộ Binh; Bùi Phổ (văn hàn, xã Thịnh Liệt) làm Hữu Tham tri bộ Hình; Trương Đăng Quế làm Tả Tham tri bộ Hộ; Nguyễn Trung Mậu làm Hữu Tham tri bộ Công (giáng cấp); Hoàng Văn Diễn làm Tả Lang trung bộ Hộ (giáng cấp); Nguyễn Trọng Vũ thự Hữu Lang trung bộ Binh; Nguyễn Văn Phú thự Tả Lang trung bộ Công; Đặng Văn Bằng thự Hữu Lang trung bộ Lại (quản lính kho Kinh); Nguyễn Công Hoán thự Đại lý tự kiêm lý bộ Hình (giáng cấp); Đoàn Bá Tân làm Quốc tử giám Tư nghiệp; Phan Bá Đạt (Tiến sĩ khoa Nhâm Ngọ 1822) làm Đô sát viện Tả phó đô ngự sử (giáng cấp); Lê Hựu làm Lang trung bộ Công; Ngô Thế Vinh thự Lễ bộ Lang trung, quyền trung Lại bộ thự Lang trung; Phạm Văn Lâm (người Hương Canh) thự Hộ bộ Lang trung; Phan Quỹ làm Binh bộ Viên ngoại lang; Lê Văn Luyện làm Kinh Kỳ ngự sử; Phạm Khắc Trạch thự Hình bộ Viên ngoại lang.

Mùa đông, tháng 10, ngày 20, đổi định phép thi Hương, thi Hội. Thi 3 kỳ, bãi bỏ tứ lục. (Thi Hương 5 trường là Thừa Thiên, Nghệ An, Nam Định, Hà Nội, Gia Định).

Vua dụ rằng: "Trước đã chuyển định, điều lệ trường thi Hương, thi Hội (xem năm Ất Dậu) thực muốn được nhiều nhân tài để nhà nước dùng. Nhân nghĩ: Khoa trường kén lấy người đỗ phải là người kiến thức rộng sáng suốt, từ điệu tinh hoa, mới thích dụng. Thế mà từ trước đến đây vẫn theo lối thi 4 kỳ, đã là phiền nhiễu, mà văn thể đề mục cũng là câu nệ sáo thường. Những người dự trúng cùng theo sáo cũ. Đến lúc đem dùng,

chẳng khỏi viển vông không thiết thực. Nay nên một phen sửa lại để sĩ tập được đúng đắn. Nay cho Lục bộ hội đồng với Viện Đô sát, châm chước nghĩ định quy thức chương trình phép thi: kinh nghĩa, thơ, phú và văn sách dồn vào 3 kỳ, không cần theo sáo cũ cứ phải 4 kỳ. Mỗi kỳ thi phải dùng bao nhiêu đề mục và cách thức văn thể nên đổi định thế nào, bàn kỹ ngay đi tâu lên đợi chỉ thi hành, khiến cho học trò gắng học tập hơn lên để kịp thi Hương khoa Giáp Ngọ năm thứ 15 (1834)".

Các quan Lục bộ và Đô sát viện tuân chỉ bàn tâu: "Kỳ thứ nhất, thi Kinh nghĩa bát cổ, Kinh, Truyện đều một bài. Thi Hương thì mỗi bài Kinh nghĩa 250 chữ; thi Hội thì 300 chữ. Kỳ thứ hai, thơ, dùng ngũ ngôn bài luật, thất ngôn luật thi; phú, dùng luật phú. Thi Hương thì 250 chữ; thi Hội 300 chữ. Kỳ thứ ba, thi văn sách như văn sách Trạng nguyên đời Minh, đời Thanh; thi Hương 1000 chữ, thi Hội 1600 chữ". Thi có 3 kỳ và do Nhà nước phát bản khắc tự dạng là bắt đầu từ đấy.

Tháng 11, ngày Kỷ Hợi (ngày 27) có sấm (phát ra từ phương tây bắc).

Tháng 12, Bắc Kỳ đại hạn, dân bị đói, Bắc Kỳ đêm sương, ngày nắng liên miên: đại hạn, trầu cau héo rụng gần hết, thóc mỗi gánh giá 2 quan 5 tiền.

Lại triệu Hà Tông Quyền vào Nội các. Quyền khéo thù phụng, dâng bài "Tiềm phu" từ dùng điệu "hồi đầu cách" của Trần Kế Minh, có câu: "*Lộ hiểm, lộ di, tâm tự bình*", nghĩa là: Đường hiểm, đường bằng, lòng vẫn phẳng. Vua khen hay mãi, bèn lại cho Quyền cùng bọn Thân Văn Quyền, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Kim Bảng, Nguyễn Quốc Cẩm, Trần Danh Phi, Nguyễn Tán và Nguyễn Bá Thân cùng vào Nội các.

Năm ấy, vua 42 tuổi, có 49 con trai, 51 con gái. Vua ngâm thơ rằng: "Bất hữu Chu công, Chu Vũ thánh. Diệc vô

Thúc Độ, Thúc Tiên ngu"... Nghĩa là: Không có con nào thánh bằng Chu công, Chu Vũ vương, cùng không có con nào ngu như Thúc Độ, Thúc Tiên. Lại đem việc Hoàng tôn 3 tuổi đã biết bám vào xe vua, bá cáo trong ngoài.

Triệu Trì phủ Thuận An là Phùng Nhân Kiệt vào Kinh; cho Phó bảng[1] Nguyễn Văn Lý thay. Kiệt đến Kinh, vì mắt mờ, đi qua cung sảnh không biết, phải cách chức. Quan bộ đề cử cũng bị liên can. Kiệt, Cử nhân, người xã Yên Thái, sau đến làng Nghi Khúc dạy học. Lý vì việc dâng quả, chậm 2 khắc, bị giáng cấp.

Cho Tri huyện Yên Thế là Ngô Cảnh Chấn, quyền Tri huyện Gia Bình. Chấn người xã Dương Liễu, là cháu rể Trịnh Định Vũ. Trước làm Huấn đạo huyện Đường An, thường vu cho Trang Liệt đạo nhân là tổ chức giặc cướp để ăn tiền hối lộ, nhân ngâm thơ rằng: "*Thế giáng, mạt lưu tri đức tiểm! Nhân phi thượng thánh cố cùng nan*", nghĩa là: Đời đến mạt vận ít có đức, người không phải thượng thánh khó giữ liêm khiết trong lúc khốn cùng.

Cho Thượng thư bộ Hộ Trương Minh Giảng quản lĩnh Khâm thiên giám. Lúc bấy giờ có Cống sinh xã Xuân Lũy[2] học ở Giám nói dối rằng chưa có vợ con. Giảng yêu cống sinh ấy học giỏi, người đẹp gả cho con gái. Rồi tự giúp cho Cống sinh được bổ làm Tri huyện Duy Tiên. Vợ cả Cống sinh nổi ghen đánh con gái Giảng trụy thai. Con gái Giảng phải trốn đi, ăn xin về Kinh, nói việc ấy cho Giảng biết, Giảng chỉ nuốt giận, tự trách mình mà thôi.

---

[1]. Nguyễn Văn Lý người xã Đông Tác, đỗ Tiến sĩ, không phải phó bảng.

[2]. Tên là Chiêm. Về sau, vì việc trá tang, Chiêm bị tử hình (xem dưới).

Đặt lễ tế thần Câu mang và thần Tiêu tàm[1]. Chiếu: cứ tiết Lập xuân, làm lễ đón xuân, thì thờ vọng thần Câu mang và Tiêu tàm.

Đặt Tam pháp ty[2] để xét xử kiện tụng.

Quý Tỵ năm thứ 14 (1833),
Thanh, Đạo Quang năm thứ 13.

Mùa xuân, tháng 2, sai Nguyễn Đản, Nguyễn Chiểu sang cống nhà Thanh. Đản về tâu rằng: Vua Thanh vì năm ấy tỉnh Chiết Giang núi lở, sông Hoàng Hà nước lụt, bãi lệ mừng sinh nhật. Đản vì việc triều ban đứng dưới sứ Triều Tiên mà tự giãi bày không biện bạch, bị phạt. Chiểu, "trì gian bất tố", cũng bị phạt.

Tham bồi bộ Lễ: Đinh Kim Khê bị giáng cấp. Kim Khê là cha Đinh Phác, bị giáng làm Giáo thụ Gia Định.

Gia Định chánh vệ Lê Văn Khôi làm phản. Trước kia cõi Tây có nước Cao Miên thần phục Lê Văn Duyệt, mỗi năm dâng lễ cống. Từ khi Duyệt chết, Cao Miên không cống nữa. Lang trung Bính đem việc ấy tâu lên. Vua quở trách bọn thuộc lại cũ của Duyệt là Chánh vệ Khôi và cùng con nuôi Duyệt là Đinh Viễn. Bọn Khôi bèn tha hết tù trong thành, đem đốt phủ, làm loạn, giết Thống lĩnh[3], bắt Bố chính[1] và

---

[1]. Câu mang: 勾芒 vị thần coi việc canh tác đầu xuân; tiêu tàm: 蕭 蟾 vị thần coi việc tàm tang (theo quan niệm tôn giáo ngày trước).

[2]. Tam pháp ty: 三 法 司 gồm có Hình bộ, Đô sát viện và Đại lý tự.

[3]. *Đại Nam chính biên liệt truyện* (大 南 正 編 列 傳), sơ tập, quyển 23, tờ 17a chép là Tổng đốc, tên là Nguyễn Văn Quế.

Giáo thụ[2]. Vừa được nửa tháng, chiếm giữ cả 5 thành Gia Định (Duyệt bị đào mả, đánh vào thây, rồi lại đắp đường đi lên trên mả).

Chiếu cho bắt dân đi theo đạo Giatô.

Phó lãnh binh Bắc Ninh Đào..... bị giáng cấp. Đào phái người nhà buôn chứa thuốc phiện là đồ quốc cấm, bị giáng làm cai đội, cho Tri huyện Quế Dương Nguyễn Đẩu làm Án sát Lạng Sơn (chưa bao lâu, Đẩu chết).

Lang trung Nguyễn Quốc Cẩm miễn quan (vì có tang cha mẹ). Án sát Cao Bằng Dương Tam bị cách chức, cho Phạm Đình Trạc thay. (Trạc tự là Bạt Khanh, người xã Liêu Xuyên, huyện Đường An, Cử nhân khoa Tân Tỵ).

Ngày 29, Bắc Ninh mưa đá. Bắc Ninh, Nam Định, Hưng Yên, dân đói to, một gánh thóc giá 1 quan 8 tiền[3]. Chiếu: phát 30.000 hộc thóc ra vừa phát chẩn vừa cho vay. Đưa các tù tội lưu vào Hà Tiên. Cho: Phạm Đăng Quỹ làm Án sát Lạng Sơn; Phạm Bá Thiều làm Binh bộ Lang trung; Phạm Sĩ Ái làm Án sát; Nguyễn Chuyên, Vũ Công Độ, Đỗ Tông Quang chia đi Tri phủ các phủ.

Tháng 3, ngày 11, giờ Thân, có khí đỏ ngang suốt phương tây.

Ngày 20, Lê Duy Lương ở rừng ngang nổi loạn đánh phá thành Hưng Hóa. Con Duy Hoán là bọn Duy Lương, Duy Nhiên tức giận về việc họ Lê không được quan chức (xem năm

---

[1]. Tên là Bạch Xuân Nguyên.

[2]. Tức giáo thụ Kim Khê, sau bị triều Nguyễn xử chém.

[3]. Có thể là nguyên thư in nhầm, vì những năm kém đói, giá thóc thường từ trên dưới 3 quan 1 gánh.

Bính Tý, 1816) trốn vào rừng sâu, ngầm cùng thổ tù rừng ngang là Quách Tất Tại, tụ họp ở sách Thạch Bi, khai khẩn ruộng nghìn khoảnh, tích lũy tài sản. Vùng ấy núi cao đứng dựng như bức vách, đường đi quanh co như ruột dê, chân chim, có thể thông đi các tỉnh; đằng trước có suối có thể chứa nước hoặc tháo nước để làm hiểm trở. Duy Lương lại xưng là dòng dõi nhà Lê, dùng con Tất Tại là Tất Công, Tất Tế cùng với Đinh Công Tiến và Đinh Công Dụng làm đại tướng. Đảng ngụy Chiêu Lân, Tiền Bột, Đội Thự, Ba Nhân (xem thêm năm Mậu Thìn, 1808) đều phụ thuộc vào đấy. Tháng ấy, từ sông Thanh Quyết, chúng đánh phá Ninh Bình, giữ đèo Ba Dội (Tam Điệp) để cắt đường vào Kinh. Lại đánh phá các huyện Bất Bạt, Tam Dương, Đà Bắc, Mỹ Lương đến phủ Quảng Oai. Hai Đốc phủ Vĩnh Tường, Quảng Oai đều bị giặc bắt. Lâm Thao đốc phủ Hương cũng bỏ thành chạy; giặc đốt phủ Lâm Thao. Các trại, huyện Thanh Hà, Hoa Khê, Hạ Hoa đều sợ uy mà trốn. Ngày 20, vây thành Hưng Hóa. Những giặc nhỏ ở Trung Hà thường thường mật sức làm nội ứng, đón đánh quan quân. (Có thuyết nói: Khi giặc đánh Lâm Thao, Tri phủ Nguyễn Khắc Mẫn ngầm trốn ra ngoài. Bọn hào mục nhân lúc loạn, cướp của cải, đốt phủ đường. Sau, Mẫn lại về phủ, đổ tội cho Đốc phủ Hương, Hương bị xử trảm).

Sai Tuần phủ Hưng Hóa Nguyễn Nhuận kinh lý Ninh Bình. Rồi cho Vũ Hân Tộ quyền thự Hưng Yên. Tộ, người xã Mộ Trạch, năm 15 tuổi đỗ Cử nhân, sau đổi tên là Vũ Tộ, lại đổi tên là Tuấn.

Ngày 27, Phó cơ người Tây Đam[1] đánh nhau với giặc ở

---

[1]. Tây Đam (sau đổi Tây Tưu): tục gọi làng Đăm.

Quảng Oai: thua trận, đem nghĩa binh Tây Lĩnh chống cự và chiến đấu, giặc Tiền Bột xông lên, chém tướng sĩ: cha con Phó cơ đều thua, chạy vào Thao Giang.

Án sát Sơn Tây là Hồ Bảo Định, Án sát Hà Nội là Nguyễn Kim Bảng, Bố chính Hải Dương là Nguyễn Công Trứ đều đem quân đến cứu Hưng Hóa, tiến đóng đồn phủ Quảng Oai[1]. Rồi lại cho Trịnh Định Vũ lưu thủ Hà Nội. Hồ Bảo Định sai bắt Đốc phủ Lâm Thao là Hương, khép tội bỏ thành chém đi. Quyền nhiếp Tri phủ nói Cai Phó tổng ở Kinh Kệ thuộc Sơn Minh theo giặc, và già trẻ làng Á Nguyên vài mươi người bị nói là theo giặc đều bị chém cả. Lại làm cỏ cả làng Trung Hà.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 3, cho Binh bộ Thượng thư Lê Văn Đức chiêu thảo Hưng Hóa, dẫn đầu Thống chế Đản và Phó cơ Tủng đem 2 vạn quân Lâm Thao, Báo lược đi đánh Lê Duy Lương. Đến Ninh Bình, đẵn cây mở đường, lấy 500 lạng bạc treo thưởng. Đức trước họ Nguyễn, sau đổi họ Lê, người làng Bắc Vọng, thành Gia Định, cùng Nguyễn Văn Đan và Nguyễn Bá Thịnh đều là văn thuộc của Trung quân Thành, học Trần Bá Lãm và Trần Quốc Bảo, đỗ Hương cống khoa Quý Dậu (1813) do chức Thiêm sự được dùng. Đức có tài và mẫn tiệp hơn người: thường đang đánh tổ tôm, mà tai thì nghe ca kỹ hát, tay thì phê trát phái. Người đời ấy ví như Lưu Mục Chi.

Ngày 9, Tuần phủ Hưng Hóa là Ngô Huy Toàn đánh nhau với Lê Duy Lương: thắng trận to, lấy lại thành Hưng Hóa. Trước đây, giặc vây thành, từ Thuần Nghệ đến Tam Sơn, lấy 14 đồn. Toàn đóng cửa thành, chống giữ, chỉ có 370

---

[1]. Nguyên thư in là Quảng Yên 廣安.

người. Giặc chia quân làm 4 dực ngày đêm đánh trống hò reo, lấy vài nghìn nỏ cứng và súng lớn bắc thang dài để bắn vào trong thành. Toàn sai đem súng thần công bắn trả; lại lấy hỏa hổ bắn vào những chỗ hàng quán và nhà cửa ở ngoại quách, giặc bị thương vong khá nhiều. Toàn lại phá cột cờ, lấy đá ong mang lên thành ném xuống để phá thang của giặc, đạn hết, Toàn sai lấy đồng chặt ra làm đạn. Giặc viết thư bắn vào trong thành, nói rằng: "Đường vào Kinh đã bị nghẽn, các thành Ninh Bình, Hà Nội và Sơn Tây đều bị đánh phá, Hưng Hóa trơ trọi không thể giữ được, nên sớm ra đầu hàng". Toàn trả lời: "Ta chỉ biết giữ thành, không biết hàng giặc, nay trong thành ta chỉ có 300 người thôi. Bay phá được thì cứ phá, chứ đưa thư làm gì!". Thành bị vây hãm đã 2 tuần rồi, muối, tương hết cả. Chợt có quan chiêu thảo[1] kéo đến; giặc giãn vây, rút vào rừng để giữ. Toàn cho mở cổng thành, đuổi đánh, chém được không thể đếm xiết. Gia thuộc là bọn Vương Đặng, người xã Bình Ngô công lao xếp hàng đầu. Người ta nói rằng trong 3 ngày nữa nếu quân cứu không đến, thành tất vỡ. Trước kia thành Hưng Hóa bị vây, vua ngự tiện điện, ngày đêm mong phiến tấu, thường một ngày 4 lần ban dụ Chỉ: lúc mới, giáng Toàn 2 cấp, rồi lại trả 2 cấp, lại một lần nữa gia quân công 2 cấp, sau cũng thưởng 3 kim tiền, 7 ngân tiền. Gia thuộc của Toàn là bọn Vương Đặng 3 người đều cho làm cai đội. Vua bèn châu phê khen Toàn rằng: "Vốn theo nghề văn, chưa tập nghề võ. Mới đây chỉ có lính trong châu, viện binh chưa đến, ngươi vì Trẫm mà giữ được cô thành, bắn súng, ném đá, giết giặc đến hơn nghìn tên thì vẻ mặt đại thần có thừa quang vinh rồi!".

---

[1]. Quân của Lê Văn Đức.

Lê Văn Đức tiến quân đến đánh huyện Thanh Xuyên dư đảng giặc đều tan hết. Ngày 5 tháng 5, Phó cơ Tủng tiến đóng đồn ở Văn Thịnh, bị giặc vây qua 10 ngày; quân Văn Đức đến, giặc giãn vây, lui giữ. Văn Đức bắt bọn trưởng châu Văn Bàn 5 người, chém đi. Lại bắt Chiêu Lân ở đồn Mỏ Quạ[1], Hưng Hóa dẹp yên, Duy Lương trốn vào Ninh Bình.

Hồ Bảo Định bị giáng cấp. Bảo Định vì việc tự tiện giết lũ Đốc phủ Hương bị Văn Đức tham hặc, vua có Chỉ nghiêm quở rằng: "Ngày thường thì bàn nói như gió, gặp việc thì lòng dạ hoang mang, lâm sự chả được chút việc gì, thực đáng bỉ, đáng ghét quá", bèn giáng cấp, cho đi hiệu lực ở châu Ninh Biên.

Tháng 5, Bắc thành đại hạn (ngày mồng 10 đảo vũ, đến ngày 25 mưa).

Ngày 15, giờ Dậu, dưới mặt trăng có mây đen như bức thành.

Đổi Tri huyện Kim Bảng Nguyễn Kim Xuyến đi Tri huyện Tiên Du. Xuyến đỗ thủ khoa, người xã Nhân Mục, vì cùng Đề Trực người Đông Sơn không hợp nhau, tâu xin dời huyện lỵ đến xã Hoài Bão.

Thăng Nguyễn Công Trứ làm Tổng đốc Hải Yên. Trứ chiêu dụ những kẻ can án ra thú cho làm đội nghĩa binh, được hơn 1.000 người, đều cho mặc áo xanh, cầm binh khí tinh nhuệ và đẹp đẽ. Thủ hạ là lũ Ba Hổ và Chiêu Dong vây bắt châu thổ, bị người thổ tố cáo. Trát xuống thẩm vấn, tra xét, Hổ được miễn nghị, Dong bị xử tội đồ đi cắt cỏ voi 3 năm. Lại bắt được ngụy Tiếp. Tiếp cung xưng có các thứ voi vàng gửi ở Cai tổng Ba Tý xã Hội Xuyên. Tý cũng bị giam.

---

[1]. Hán văn: Ô Chủy 乌嘴.

Trứ đến ngục, thả Tý ra, rồi dâng biểu bày tỏ. Vua xuống Chỉ sai giải Ba Tý đến Kinh, chưa được bao lâu, cho Ba Tý theo Bảo Định đi hiệu lực.

Cho Nguyễn Hài làm Bố chính Bắc Ninh (Hài người Nam Kỳ), Trần Thế Nho làm Án sát Bắc Ninh. Nho là Cử nhân xã Đông Khê, huyện Nghi Dương, trước Tri huyện Tứ Kỳ, rồi Tri phủ Ninh Giang, sau Hiệp trấn Sơn Tây.

Ngày 24, sai Phan Bá Đạt chọn lọc văn thể ba kỳ. Vua dụ rằng: "Trước đã chuẩn định phép thi Hương, thi Hội, văn bài phải có mẫu mực quy thức, khiến cho học trò dễ thể nghiệm mà suy rộng ra. Nay cho Đô sát viện Tả phó đô ngự sử Phan Bá Đạt đứng đổng lý việc ấy và trong các thuộc viên Đô sát viện, Nội các. Người nào khoa mục xuất thân, quen thông văn học, thì mỗi nơi chọn lấy 1 người để tùy biện. Lại lấy trong Lục bộ mỗi bộ 2 người thư thủ để biên chép. Rồi ban cho quan thủ cùng với các thứ giấy, bút, mực và dầu. Các thuộc viên trên đây đều tập hợp ở dinh quan đổng lý. Xét kỹ văn thể tam trường, lấy những bài văn bình chính, thông xướng, có thể làm khuôn mẫu cho thi cử, chọn được 30 bài kinh nghĩa bát cổ, 20 bài ngụ ngôn, thất ngôn, 20 bài phú luật, 10 bài văn sách[1], biên thành bản thảo, do viên đổng lý thẩm duyệt, rồi giao thư thủ viết ra 32 bộ, hạn trong 20 ngày làm xong, do bộ phân phát cho Quốc tử giám và quan các địa phương trong Kinh ngoài tỉnh kính lĩnh, để các học quan nhận kỹ thể chế mà dạy học. Lại truyền họp các học trò trong hạt cho sao lục về xem để kịp thời tiến triển về học nghiệp. (Tứ lục từ nhà Đường đặt ra, đến giữa niên hiệu

---

[1]. Các bài kinh nghĩa, thơ, phú đều chép ở *Hội điển*, các quyển 109, 110, 111.

Hồng Vũ nhà Minh đem bài tạ biểu bằng tứ lục, ban cho thiên hạ). Bọn Bá Đạt phụng duyệt 80 bài, chia làm 7 quyển (cộng 300 tờ), ngày tháng 7 sao chép đưa đi.

Tri huyện Cẩm Giàng là Chiêm có tội, phải giết. Chiêm, tức là Cống sinh Xuân Lũng, Tri huyện Duy Tiên[1], nhà có cô chết, nói dối là tang mẹ, cáo về. Khi đoạn tang, được bổ Tri huyện Cẩm Giàng. Giám sát Lê Đức Tiệm là thuộc lại của Trương Minh Giảng, phát giác việc trá tang đó, Chiêm phải tội nặng. (Có thuyết nói do Cử nhân đồng môn phát giác).

Sai Thượng thư bộ Hộ Trương Minh Giảng đi đánh Lê Văn Khải, phong làm Chinh lỗ tướng quân, trao cho phương lược đánh dẹp, cùng hoàng tử đốc suất thủy bộ 20.000 quân, theo đường đèo Hải Vân mà tiến. Vua đi bộ tiễn ra cửa Ngọ Môn, phủ dụ ân cần, nói: "Từ sông Gianh trở ra Bắc, không có người nào thuần hậu, Trẫm không biết phó thác cho ai!". Lại nói: "Đại thần không chăm việc nước thì là tự làm mất lương tâm, còn lấy gì mà đứng ở trong trời đất nữa?". Minh Giảng đến phố Hội An, Khôi triệt hết binh lương 5 thành, rút vào thành Gia Định, đóng cửa thành chống giữ. Quan quân tiến vây thành Gia Định, làm cầu phao, đắp núi đất, bắn vào trong thành. Khôi ở trong thành, đào đất dùng kế hỏa ngưu. Quan quân lui ra, đóng cách 20 dặm; nhân lúc giặc mỏi mệt, bèn đánh. Lê Hựu bỏ thành. Khôi bắt được Giáo thụ Kim Khê, cho làm Thiếu khanh; sau Kim Khê trốn về Kinh, vì tội theo giặc bị xử trảm. Những học trò làm quan ở Kinh hơn 10 người đều vì thụ nghiệp ác sư, phải đuổi về làng, làm hạng tráng. Tuần phủ Biên Hòa Giác, bỏ

---

[1]. Chiêm, trước đây đã nói dối là chưa có vợ, để được Trương Minh Giảng gả con gái cho.

thành chạy đến huyện Phúc Long, gặp Thiêm sự Quýnh đến, lập tức xin quân, thu phục thành Biên Hòa.

Trịnh Đường vì tội lấy cắp 1.000 quan tiền kho công, phải tội bắt thắt cổ chết. Đường, người xã Phù Đổng, có câu thơ rằng: "*Sổ đôi thanh thảo mai tàn cốt; Nhất thẩm hoàng lương tỉnh mộng hồn*". Nghĩa là: Vài đống cỏ xanh chôn xương nát, Một gối kê vàng tỉnh giấc mê.

Án sát Hà Tiên là Thuật, bỏ quan về. Vua triệu đến hỏi tình hình Hà Tiên, Thuật đều không biết gì cả. Vua bèn giáng làm Tri huyện Thất Tuyền. Có người ban tặng bài thơ, có câu:

Nguyên văn chữ Hán:

不識九泉何處是
如今已到七泉州

Phiên âm:

Bất thức cửu tuyền hà xứ thị;
Như kim dĩ đáo Thất Tuyền châu.

Nghĩa là:

Chẳng biết cửu tuyền đâu ấy nhỉ?
Mà nay đã đến Thất Tuyền đây!

Phan Tú, người xã Thời Trung, theo đi đánh dẹp ở Phiên An, có công phá giặc, được thăng Cẩm y Cai đội, sau đi thi, đỗ Tú tài.

Lê Văn Khôi chết, hạt Gia Định đều yên.

Trước kia, quan quân vây thành Gia Định, lâu không hạ được. Khôi giả cách chết, cho tướng và quân phát tang. Quan quân cho Khôi là con cá sắp hết thở. Quả nhiên, Khôi vì buồn bực mà chết. (Có thuyết nói: Chánh vệ Nghiêm đi

ra, gặp quan quân, bị bắt, Nghiêm xin hàng, tự xin trong 3 tháng sẽ chém đứt Khôi. Khôi bởi thế, lo nghĩ mà chết. Sau khi thành bị hạ, các kho tàng còn có thể cung cấp lương thực được 40 năm nữa, quan quân vào thành bắt được đàn ông, đàn bà 1.400 người, đều đem chôn sống cả. Cho Nghiêm làm Phó tướng, theo Nguyễn Năng đi dò là nước Xiêm rồi liền giết chết (xem năm Kỷ Hợi, 1839)[1].

Đến đây, Khôi ốm chết, đảng Khôi giữ thành cố thủ, quan quân dùng chiến xa làm đồ đánh thành, bèn vào được thành, đánh mạnh khá lâu, bắt sống được 300 người và con Khôi. Báo cáo các tỉnh về việc giặc man dần yên, Cam Lộ dần yên, Trấn Minh và một dải ven biển Hà Tĩnh, đều dẹp yên sạch cả.

Lại đặt quan lại 5 thành như cũ.

Chiếu sở tại [những người theo Khôi] bắt tộc thuộc. (Những người tội lưu Hà Bắc, ai theo Khôi làm loạn đều bị trích biên họ tên đưa về các tỉnh để điều tra. Lúc bấy giờ lại bắt được tướng Xiêm là Chất Tri).

Cho Lang trung Nguyễn Đăng Giai làm Án sát Thanh Hoa. Giai, người Quảng Bình, là con Hữu Tham tri bộ Lễ Nguyễn Đăng Tuân, là bạn cùng chiếu, cùng nghiên với vua. Giai tài cưỡi ngựa và bắn súng, được vua yêu dấu cho từ Lang trung bổ đi án sát. Tuân nghĩ Giai còn ít tuổi, không muốn vội cho cai trị dân, nhưng vua không nghe. Tuân nói: "Bệ hạ vội dùng Giai, nếu nó có nhầm lỡ, xin đừng bắt Tuân liên can!". Vua nhận lời, lúc Giai đến tỉnh, nhầm nghe nha lại bậy bạ, có làm những việc trái phép.

---

[1]. Nguyên thư vì in xếp nhầm đã đặt việc bọn Lê Văn Đức đi đánh Nông Văn Vân ở Vân Trung vào đây. Chúng tôi theo thứ tự ngày tháng, xin đem xuống dưới cho có mạch lạc hệ thống.

Vua sai Tuân đi dụ bảo, bấy giờ Nghệ An có giặc, Giai vì việc vận tải, bị Thủy sư tham hặc. Giai tâu rằng: Thủy sư thấy giặc, dựa vào voi để giữ mình. Thủy sư phải cách chức.

Lê Duy Lương trốn vào Ninh Bình bị Giai bắt được.

Phụng chỉ khai cảng Bố Vệ, lấy 6.000 quan tiền kho thuê người làm. Lại sửa đắp lũy cũ Quận Ninh.

Chiếu: Cắt lương tháng của dòng dõi nhà Lê và chiếu theo số dân mà thu tiền thuế thân, thuế điệu (vì có Duy Lương làm loạn).

Đắp thành Nam Định. Cho ngự sử Nguyễn Trực Phong và Nguyễn Cự đứng làm.

Tháng 6, mồng 8, ngày Đinh Mùi, thành Hải Dương cháy to (từ giờ Mùi đến giờ Dậu).

Hải An (Yên) tổng đốc Trứ bắt được ngụy Hoành ở xã Trung Am. Trước đây, dòng dõi Trình quốc công [Trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm] tên là Hoành, sinh ra có tướng lạ: hai tai trái rủ xuống như hạt châu, tay dài quá gối. Hào mục xã Trung Am thấy cây đa trước miếu mọc cành non, cho là điềm hưng vương, bèn suy tôn Hoành làm tướng, yết miếu dấy quân. Trứ đem quân đến vây, bắt được Hoành, bèn đi kinh lược làng Am[1], lũy miếu và tượng Trình Quốc công, rồi lại sửa chữa lại[2].

Mùa thu, tháng 7, mồng 1, ngày Kỷ Tỵ, Bắc Kỳ mưa to. Các tỉnh Ninh Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Sơn Tây

---

[1]. Mười bảy làng Am, như: Trung Am, Cổ Am tỉnh Hải Dương; Thanh Am huyện Gia Lâm; Phúc Am tỉnh Ninh Bình đều thờ Trạng Trình.

[2]. Đời truyền rằng: Đương thời có câu: "Minh Mệnh thập tứ (Quý Tỵ, 1833), thằng Trứ phá đền; phá đền lại phải làm đền".

đều bị nước lụt. Trước đây, Hưng Yên, xã Quy Thần, Quan Xuyên vỡ đê, nước ngập đến xã Hàm Giang, tràn sang cả xã Lâm Du tỉnh Bắc Ninh và xã Hải Bối tỉnh Sơn Tây; phủ Quốc Oai bị ngập, người và súc vật lên cả ngọn cây. Các quan từ Hoài Đức đến Lý Nhân đều ngập, trông xa nghìn dặm sóng nước lụt trời, không thuyền không đi đâu được! Chiếu chỉ: Cho lấy tiền và gạo kho công phát chẩn: mỗi suất 1 uyển gạo, 1 tiền quý. Lại cấp thóc giống cho nông dân mỗi mẫu 1 hộc.

Bố chính Bắc Ninh Nguyễn Hài không tâu báo về thủy tai. Có người hỏi Hài, Hài đáp rằng: "Lạng Giang hơi được mùa, mà Từ Sơn và Thuận An bị tiêu khô, không phải là thủy tai, cho nên không dám báo".

Chiếu: Cho nhà giàu, nhà nghèo giúp đỡ lẫn nhau. Những nhà giàu có quyên của cải hoặc có ruộng vườn cho người cấy trồng, không cứ quan, quân, sĩ, thứ, quan địa phương sở tại không được dìm đi, đều phải làm biểu tâu lên, liệu cho khen thưởng.

Tuyên Quang coi châu Nông Văn Vân làm phản. Trước kia, Vân cùng Bố chính Phổ đánh bạc. Vân thua, nợ vài trăm. Phổ sai người nhà đến đòi nợ. Vân giam người nhà lại. Phổ giận, tâu Vân có ý làm phản, tước bỏ chức thế tập của Vân. Vân bèn cùng em vợ là bọn Văn Cẩn (người Thượng Pha), Ma Ngọc Lý (người châu Đại Man) dụ đám lính khiên mây[1] 3 châu vây thành Tuyên Quang, Bảo Lạc, Vân Trung và Ngọc Mạo[2] đều hưởng ứng. Phổ tự thắt cổ chết, bị khép tội đánh roi vào thây, vợ phải tội lưu, con bị đi hiệu lực.

---

[1]. Nguyên văn: Đằng bài binh 藤牌兵.

[2]. Nguyên thư in là Ngọc Mão 玉 卯. Phần dưới cũng chép nhầm như thế.

Tháng 8, Nông Văn Vân đánh phá Lạng Sơn. Vân từ Hưng Hóa ra Thái Nguyên, đem lũ Lý Nhân Hồng, Lý Duy Thanh và Lý Chử (người Thái Nguyên) chia đường mà tiến, theo đường Hoàng Già, Đức Lễ, qua vài lần núi đến làng Thượng Pha thuộc Lạng Sơn. Tuần phủ Thái Nguyên đem 500 lính đến cứu, tiến đồn Triên Lệ, bị quân giặc đánh dữ, Tuần phủ chết trận. Án sát thu quân về, giữ đồn, rồi lại bị giặc đánh, bị bắt; giặc bèn chiếm giữ thành Lạng Sơn. Tướng giặc Quảng Yên là Ba An cũng phụ thuộc vào đám Nông Văn Vân.

Nông Văn Vân đánh phá Cao Bằng. Án sát Phạm Đình Trạc tử tiết. Vân cùng lũ Ngọc Lý, Ba An hợp sức đánh Cao Bằng, bắt được Án sát Thái Nguyên đem cho trong thành Cao Bằng biết, để dụ thành này sớm đầu hàng, hơn 1 tháng án sát sức không chống nổi, bèn đặt bàn thờ bái vọng. Vua và cha ngâm thơ rằng: "*Tam thập hựu tam nhật; Thần lực dĩ kiệt hĩ; Bất năng bảo toàn thành; Đãn nguyên tử vương sự*". Nghĩa là: "Một tháng lại ba ngày; Sức thần đã kiệt rồi; Không giữ được toàn thành; Xin chết về việc vua". Rồi ông tự chôn sống cả nhà 7 người. Việc này đến tai vua. Vua khen là trung, nhưng lại trách rằng chỉ biết vì thân mình, không biết dựa vào thành mà đánh một trận. Tạ Quang Cự phải giải cứu cho. Vua ban 4 chữ "thong dong tựu nghĩa". Tuần phủ Cao Bằng Hoàng tự thắt cổ chết, lãnh binh quan cũng tự vẫn. Chiếu làm miếu Tam trung[1] để thờ chung, và tế bằng cỗ thái lao.

---

[1]. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, Q. XXV chép: Đền Tam Trung ở xã Gia Cung, huyện Thạch An về phía đông nam tỉnh thành. Năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), thổ phỉ Bế Văn Cận theo nghịch Nông Văn Vân ở Tuyên Quang tụ tập dân chúng định vây tỉnh thành. Bố chánh sứ Nguyễn Huy Tăng, Án sát sứ Phạm Đình Trạc và Lãnh binh Phạm Văn Lưu, đều tử tiết. Triều đình cho lập đền thờ, biển đề là "Tam Trung từ", mỗi năm 1 lần tế về tháng trọng xuân.

Nông Văn Vân chiếm giữ tỉnh Cao Bằng, đón mẹ và những người cố cựu đến, ngày đêm ăn tiệc. Sai bọn quan quân là Phó đội Thước (người Sơn Tây) cùng với bọn đô lại 6 người và 300 lính bị bắt trước đây đi đóng đồn ở Triên Lệ để phòng ngự quan quân.

Sơn Hưng Tuyên tổng đốc Lê Đại Cương bị giặc bắt, trốn về được. Chiếu giáng Cương làm Thập cơ quản lĩnh cho đi hiệu lực. Sau, Cương tìm được cây quế ở Hưng Hóa, không tâu lên, ngầm sai Cai đội chiếm lấy lại, đánh giết Lý trưởng và 7 người thổ.

Tháng 9, sai Binh bộ Lê Văn Đức và Tổng đốc Nguyễn Công Trứ cùng Trịnh Định Vũ đi đánh Nông Văn Vân. Họ đem 30.000 quân tiến đến đồn Xã Tắc, tỉnh Thái Nguyên, đóng đồn rải rác từ Đảng Đồn, Đô Giàng, Quán Triều đến phố Hoàng Thị, trát sức Cai tổng các huyện đem nghĩa binh làm tiền phong. Văn Đức đến đồn Triên Lệ, bọn Phó đội Thước bắt đồn trưởng quay về với quan quân. Vân bèn giết cả 300 lính hàng, đốt cửa nhà, bỏ Cao Bằng, lui giữ Vân Trung, Ngọc Mạo. Văn Đức bèn đóng giữ Lạng Sơn, vừa đi vừa đánh, chiêu an dân các châu, qua 17 ngày, Nguyễn Trứ tiến đến đồn Triên Lệ, theo đường núi Cao Xiển, quanh ra phía Bắc Thái Nguyên, Cao Bằng, đánh 5 trại Nà Dương. Tiến đánh Lũng Lếp, Lũng Lợi, vây mãi không hạ được. Tháng 10, ngày 28, Trịnh Định Vũ tiến đánh Vân Trung, bất lợi, mất quân voi, không xiết kể.

Tháng 11, Lê Văn Đức vào Cao Bằng, thu nhặt 300 xác chết, đem đốt và chôn. Rồi từ Hưng Hóa, núi Khâu Kha đến thành Ba Vạn, đi 23 ngày, rừng rậm man mác, không trông thấy mặt trời. Đường nhiều voi rừng, thú dữ, lại nhiễm lam chướng, quân chết mất quá nửa, bỏ xác trong hang rừng. Lại bị Đội Tiến phản gián: đi lạc vào khe suối bị nước lũ, tiến thoái lưỡng nan ở chỗ đất khách xa lạ, bị mất 2 cỗ xe súng.

Bấy giờ nhiều đám nhân dịp nổi loạn, như bọn Đông Kim Bách, Hữu Dục Tú, Trương Trại, chỗ nào cũng nhiễu nhương, trát hịch chạy đi rối ren.

Bắc Ninh đại hạn, đồng lúa tiêu khô. Chiếu: phát tiền kho cho dân vay: từ nhà trung hộ trở xuống mỗi suất 1 quan tiền.

Chỉ dụ: Các quan trong Kinh và ngoài tỉnh vì làm việc công mà nhầm lỡ, bị phạt, bị giáng, đều cho khai phục.

Cho Nguyễn Phổ quyền Hộ tổng đốc.

Bố chính Nam Định là Lê Đạo Hoằng có tội, bị cách chức (đi hiệu lực ở Lạng Sơn, chưa bao lâu, chết). Cho Tiến sĩ Ngụy Tuần (Ngụy Khắc Tuần) thay làm Bố chính.

Ký lục Quảng Bình là Trần Bá Kiên có tài, tự sát. Kiên đi làm quan xa, nhớ nhà, thường nói với người ta rằng: "Biển quan trường sóng gió bất trắc, chi bằng về Hoài Đức, bán tương, bán bánh vui hơn!". Đến đây, vì vợ lẽ ăn hối lộ 2 nén bạc, sai quan thẩm vấn xét, Kiên uống thuốc độc chết.

Ngự sử Nguyễn Trực Phương và Nguyễn Cự bị giáng cấp. Cự, người Yên Thái, cùng Trực Phương làm việc thành Nam Định, thấy Tổng đốc Đặng Đình Hòa có vẻ kiêu ngạo; sau hai người đi phát chẩn Hưng Yên. Cự hay bớt xén bạc công và cưỡng ép lấy con gái dân làm vợ. Đình Hòa tham hặc, Cự bị cách chức. Trực Phương vì là đồng liêu, không phát giác, bị giáng 4 cấp, cho thự Cao Bằng ấn vụ, cùng hiệu lực với Hoàng Tế Mỹ. Năm Giáp Ngọ (1834), Trực Phương - Quyền án sát, có tang mẹ, miễn quan. Tế Mỹ được khai phục[1], làm Án sát Hải Dương.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13, phía tây bắc có đám mây đen như bức thành.

---

[1]. Phần trên sách chép năm Canh Tý (1840), Hoàng Tế Mỹ được khai phục.

Chiếu: Giảm thuế thiếu cho Bắc Kỳ. Những thuế thiếu từ năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) trở về trước, cho giảm 5 phần 10, và thuế các tuần ty cũng cho giảm.

Tháng 11, ngày 18, khai phục Dương Xuân Chiêm làm Tư vụ ty Thanh Lại.

Tháng 12, ngày 27, quan quân tiến đánh Vân Trung: tung quân ra, đốt sạch nhà cửa, không còn sót lấy cái cối xay hay cái cối giã. Quân Văn Đức từ phía chính bắc, đạo binh Thái Nguyên tiến từ phía tây bắc, đạo binh Sơn Tây tiến từ phía tây nam, đạo binh Bắc Ninh tiến từ phía đông nam. Nguyễn Công Trứ xông thẳng vào Vân Trung, đánh thắng một trận lại quay về đóng quân ở Khi Bác. Bắt được 22 người thổ, Trứ dùng 12 người làm hướng đạo, băng qua núi đá, vào ngoại đồn,... bèn sai 500 quân tấn công Vân Trung, rồi sai phi báo cho quân bốn trấn đồng thời cùng tiến. Trứ tiến vào trước, Nông Văn Vân tự trốn. Có lệnh ban cơm rượu cho chư quân mỗi tháng 1 lần.

Tháng 12, ngày 28, chiếu bộ Hình không được nhận xét xử tạp tụng. Chỉ dụ cho rằng: Việc hình án quý ở chóng xong và tinh giảm, thì việc không phiền nhiễu mà dân được yên. Nay giấy tờ tòa án chồng chất bề bộn đến đầy xe trâu, để chật nhà, người giữ việc không thể xem khắp được, từ nay về sau, những tạp tụng đều cho hương mục, phó lý xét xử, bộ Hình không được nhận tràn.

Đổi tên tỉnh Phiên An làm An Giang, tỉnh Vĩnh Thanh làm Vĩnh Long, tỉnh Bình Hòa làm Khánh Hòa (cộng 31 tỉnh).

Cho Thượng thư bộ Hộ Trương Minh Giảng quản lĩnh Khâm thiên giám.

Giáp Ngọ, năm thứ 15 (1834),
Thanh, Đạo Quang năm thứ 14.

Mùa xuân, tháng giêng, đêm mồng 9, có khí trắng ngang suốt đông tây.

Chỉ dụ tư hỏi Học chính các tỉnh: "Từ khi đổi định phép thi 3 kỳ (xem năm Nhâm Thìn, 1832) đến đây, học trò có phấn khởi học tập, học nghiệp tiến tới thế nào, hay là vì phép thi mới mà trễ nải ra sao, làm sớ tâu lên". Bởi thế, Giáo thụ, Huấn đạo các tỉnh đều hội họp học trò, khảo duyệt cả một lượt.

Bấy giờ chức Giáo thụ khuyết nhiều. Chiếu cho Tú tài 40 tuổi trở lên thì hậu tuyển ở bộ. Cử nhân thì hậu bổ ở tỉnh. Duy Nam Kỳ không chung lệ này.

Chiếu về cách thức ban thưởng cho Cai tổng các tỉnh làm việc nước, bắt được giặc. Tổng lý sở tại, ai bắt được các tên giặc như Thể, Mạt, Mật, Phan, Tề, v.v... thì ban thưởng từ 30 đến 50 lạng bạc. Các quan phủ, huyện phải để tâm đốc sức hơn lên (xem thêm năm Đinh Dậu, 1837).

Sai Tôn Thất Nghị và Tôn Thất Bạch chia đi các tỉnh (Sơn Tây, Hà Nam) làm việc giấy tờ.

Chia huyện Thanh Xuyên làm 2 huyện: Thanh Thủy, Thanh Sơn. Bấy giờ nước Ai Lao xâm lấn đất Sơn La và Thuận Châu. Chiếu: Tổng đốc tiến đóng Thanh Xuyên, chia làm 2 huyện.

Bốn phủ tỉnh Bắc Ninh lấy đinh phu tải gạo và muối đem chứa ở Lạng Sơn và Cao Bằng.

Tháng 2, lại đặt tràng đúc tiền ở Hà Nội (đặt 5 lò đúc tiền, cho 5 xã coi làm).

Tải sơn sống ở Hưng Hóa vào Kinh (do năm Canh Dần, 1830, Tuần phủ Toàn mua 1.000 tạ).

Tháng 3, ngày 18, đổi Dương Xuân Chiêm làm Giáo thụ phủ Kiến Xương (năm Ất Mùi, 1835, Chiêm quyền Tri huyện Thượng Nguyên).

Ngày 20, dụ Chỉ về việc các viên nhân được sai phái: Từ năm thứ 14 (1833) trở về trước, có chiếu sắc lục chỉ châu phê hồng bản và văn bằng do bộ cấp, nhất thiết đều phải soạn đem nộp để đề phòng sự lạm dụng. Bởi có những kẻ lại viên càn bậy, con cháu hư hỏng lợi dụng làm càn.

Tư nghiệp Quốc tử giám là Nguyên bị cách chức. Nguyên, người huyện Văn Giang, giữ việc Học chính, thường bênh vực Cống sinh Bắc Kỳ. Do đấy, Cống sinh Nam Kỳ không bằng lòng, nói xúc phạm đến Nguyên: Vợ Nguyên nói lại, rồi đến chửi bới nhau. Việc này bị Ngự sử tham hặc, có Chỉ cho Nguyên về quê; các Cống sinh cãi chửi vợ Nguyên ấy cũng phải đuổi về.

Binh bộ Lộ Văn Đức, Tổng đốc Nguyễn Công Trứ, Trịnh Định Vũ đều bị giáng cấp. Ba người đều vì thua trận thiệt quân, nên phải giáng cấp. Đức là Sơn Hưng Tuyên tiễu bộ quân vụ, Trứ làm Cao Bằng kinh lược, Định Vũ đi hiệu lực. Lang trung Bích làm việc thảo chiếu, thiên tư, cũng bị phạt.

Mùa hạ, tháng 4, bãi chức Cai châu thế tập, đổi châu làm huyện, đều đặt Tri huyện, huyện thừa. Đình thần tâu rằng: Các châu ở xa, sơn lam chướng khí, đời Trần đời Lê về trước, cai trị bằng cách ki mi. Nay đặt quan lại đều chỉ ở lầu tại tỉnh lỵ, không dám đến trị sở, thì đặt quan lại cũng vô ích. Vậy nên thôi, không đặt quan lại, cứ để cho Cai châu lĩnh chức ấy. (Vua lại giữ theo chế độ cũ, không bãi chức thế tập nữa).

Chia phủ Trường Khánh, đặt thêm phủ Trường Định. (3

huyện làm phủ Trường Khánh, phủ lỵ vẫn ở chỗ cũ. 4 huyện làm phủ Trường Định, phủ lỵ đóng ở Thoát Lãng).

Chia phủ Kinh Môn, đặt thêm phủ Kiến Thụy (4 huyện làm phủ Kinh Môn, phủ lỵ ở chỗ cũ. 3 huyện làm phủ Kiến Thụy, phủ lỵ đóng ở An Lão).

Ngày Bính Thìn (ngày 21), giờ Dậu, Bắc Ninh động đất.

Bắc Kỳ, lúa được mùa to (mỗi gánh thóc giá 1 quan tiền).

Cho Tiến sĩ Hiển làm Án sát (xem năm Bính Tuất, 1826).

Lê Tông bị giáng cấp. Tông, Tiến sĩ, xã Bình Vọng, là em Quang, ra vào tiếm dùng nghi thức tiền hô, bị Đô sát Bá Đạt tham hặc, Tông bị tấu, tự tử.

Tháng 5, ngày 7. Hai phủ Khoái Châu, Bình Giang bị lụt to. Tháng 7 năm trước, hai phủ ấy vỡ đê, quan phủ cho dân gặt lúa. Lại tâu xin khai đào hạ lưu sông, đến xã Đào Xá, xã Đồng Xá, cho giảm bớt sức nước, chưa kịp đắp lấp thì mưa to luôn mãi, hai phủ ấy lại càng bị ngập nhiều hơn.

Ngày 15, ban 10 điều thánh huấn. Vua dụ rằng: Từ đời xưa, thánh đế minh vương lấy đạo trị thiên hạ, tất lấy hóa dân thành tục làm việc trước tiên, lời nói và việc làm của mình đều là khuôn mẫu. Lại lo dân cảm hóa không đều, tai mắt khó rõ thì đầu xuân đặt người đi rao ở các đường (xem sách *Hán thư*). Tháng giêng, Châu trưởng đọc pháp lệnh (xem sách *Chu lễ*) để cho nhà nào cũng hiểu thành thói nhân nhượng, để được thịnh trị vui vẻ lâu dài.

Nhà nước ta gây nền cõi nam thần truyền, thánh kế hơn 200 năm (xem đời Lê Trang Tông), đức hóa thấm thía tốt đẹp về lâu. Hoàng khảo Thế Tổ Cao hoàng đế ta đại định đất nước, lập nhà học hiệu để nuôi nhân tài (Quý Hợi), ban điều lệ để sửa phong tục (Giáp Tý). Chính giáo

tốt đẹp thấm vào lòng dân, đạo thường trung chính, sánh được với đời xưa.

Trẫm nối giữ nghiệp to, tuân theo phép lớn, nghĩ rằng dân giàu rồi, phải lo đến giáo dục, từ trước đến đây, thương dân điêu háo, trẫm thường giảm tô thuế, chăm chăm việc nuôi lê dân. Dẫu chưa làm cho dân đều giàu của, đông người, nhưng nuôi dưỡng cho dân được an nhàn, đến đấy đã 15 năm rồi, giáo huấn cho phong tục được đúng đắn, chính ở lúc này. Nhiều lần đã dụ các địa phương tìm xét những hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ, một khi tâu lên, lập tức khen thưởng ưu hậu; lại sai tìm kiếm những người hiền lương phương chính, thực đã tìm cách khuyến khích làm cho nhân tâm phong tục được tốt đẹp. Trẫm lại nghĩ: người ta sinh ra, có người là có tính, ai cũng có lương tri, lương năng, nhà tranh, cửa cỏ, tất có người trung tín. Trong chỗ ấy chẳng thiếu chi người thuần hậu. Nhưng còn có người khí bẩm bị che lấp, vật dục làm tối tăm, cho nên không thể không dạy. Trẫm thường duyệt các án bộ Hình dâng lên, thấy có kẻ ngoan ngu không biết gì, chỉ vì nhẹ dạ mà phạm pháp luật, thực đáng thương, lòng Trẫm rất không nỡ. Lại kẻ ác dân vô lại, cuồng giảo bất nhẫn, hay làm những việc trái phép, rồi bị chém giết ngay! Đấy thì lẽ thuận nghịch cũng đã rõ ràng. Phàm người có tai mắt, ai cũng trông thấy, nghe biết, không còn phải đợi nói nhiều mới hiểu. Nhưng lại nghĩ: dạy bảo dân, cái dịp rất dễ là ở thời bình, bèn sai soạn huấn từ 10 điều ban hành trong nước. Lại sắc sai bộ Lễ nghĩ soạn "nghi chú" chia ban cho các địa phương trong Kinh ngoài tỉnh. Các người là Kinh doãn và các Đốc, Phủ, Bố, án đều nên thể tất ý ta, đem những bản nguyên này đưa khắp cho các tổng lý xã thôn thuộc hạt và sức cho Học

chính của phủ, huyện thuộc hạt cùng Cai tổng, Lý trưởng đều theo "nghi chú" do bộ đã đưa mà thông sức khắp các sĩ, thứ, quân, nhân, đem huấn điều ấy thời thường tuyên đọc, giáng rõ, khiến cho nhà nào, người nào cũng hiểu, cũng truyền tụng, để họ khuyên bảo nhau, ngày thường thấm nhuần ngắm nghĩa cũng đi đến đường thiện. Các sĩ, thứ, quân nhân chớ nên coi thường, mà phải chính mình làm theo, ai ai cũng thế, cốt cho đổi thói khinh bạc trở thành trung hậu, hun thành tục tốt, lâu đón ơn trời cùng hưởng phúc lành tất cả. Thần dân các ngươi sẽ đều được hưởng đài xuân, cõi thọ, mà triều đình cũng được trường trị, cửu an, thì mới không phụ một tấm khổ tâm của Trẫm, về việc giáo huấn thành toàn do lòng yêu mến nhớ nghĩ đến thần dân các ngươi.

1) Chuộng luân thường (quân tử giữ đạo, là để giữ phúc tốt mãi);

2) Chính tâm thuật (thuận đạo thì được tốt, trái đạo thì gặp dữ như bóng theo hình, vang theo tiếng);

3) Chăm nghề gốc (muốn mở rộng nghề nghiệp, chỉ có siêng năng);

4) Giữ tiết kiệm (cần giữ đức tiết kiệm, chỉ mong mưu tính những việc lâu dài);

5) Hậu phong tục (chớ bè đảng dâm dật, phải có đức tốt);

6) Dạy con em (không dạy để chơi rỗi, thì gần ra chim muông);

7) Sùng chính học (dập tắt đạo tà, bỏ nết bậy, chống lời gian dâm);

8) Răn tà dâm (đạo trời giúp người thiện, hại người dâm);

9) Cẩn thận giữ pháp luật (đều giữ pháp điển để đón phúc trời);

10) Rộng làm điều thiện (làm thiện, trời cho trăm điều lành).

Nghi chú: ở gian giữa, đặt hương án sơn son, để bản Thánh huấn. Khăn áo chỉnh tề lạy 5 lạy, ngồi yên, tuyên đọc: trước đọc lời dụ 3 lần, sau đọc thánh huấn 7 tờ. Giảng xong, đặt bản Thánh huấn lên án, lại lạy 5 lạy mà lui, rồi đem bản Thánh huấn kính cẩn cất đi.

Sau, Tri huyện Yên Phong làm bài giải nghĩa và diễn ca quốc âm.

Phủ Thừa Thiên và nha phủ, huyện châu các tỉnh, mỗi năm chọn ngày tốt trong tháng Mạnh xuân, Mạnh thu hội nhau để giảng các học thần trong Kinh, ngoài tỉnh thì cứ ngày mồng 1 trong 4 tháng trọng, các dân xã thì cứ ngày mồng 1 trong 4 tháng quý, hội giảng.

Năm Ất Mùi (1835), mùa hạ, chiếu hỏi về Thánh huấn ban ra, nhân tâm cảm mộ thế nào.

Ngày 20, Bắc Ninh có giặc, Bố chính Nguyễn Hài bị giặc giết chết. Hài đi khám đê, đến thành Gia Lâm, ăn tiệc, hát xướng. Lúc ấy, lũ giặc là Đồ Khâm, Trường Trại tụ họp ở xã Đông Dư. Hài không biết, lên đường về tỉnh. Bọn Trại đón đường đánh. Hài chạy vào xã Long Tửu huyện Đông Ngàn, bị giặc đâm chết. Án sát Trần Thế Nho, từ tỉnh đến cứu, không kịp, bèn đốt phá 2 làng Đông Xá và Long Tửu, bắt và tra tấn hơn 50 dân đinh. Việc đến tai vua. Vua giận quá, nói rằng: "Giặc sao không giết Nho, mà lại giết Hài". Ngày 1 tháng 6 làm lễ thành phục Nguyễn Hài, đem đám tang về làng chôn.

Vua vẫn không bằng lòng Nho, mỗi khi Nho có biểu thỉnh an, vua nói: "Trẫm vẫn bình an, ngươi đừng cho kẻ có tiền được sống, người không tiền phải chết thì Trẫm bình an thôi!".

(Đồ Khâm người làng Quần, cậy nhà giàu giết người, bị chú tố cáo, bèn đốt nhà trốn đi làm giặc. Đến lúc tịch ký gia tài, tiền 25 vạn, các thứ khác không kể).

Thăng án sát Thanh Hoa là Nguyễn Đăng Giai làm Bố chính Bắc Ninh, Nguyễn Trấn Khâm làm Kinh lịch. Trước đây, Nguyễn Hài bị chết, cho Bố chính Nam Định Ngụy Tuần quyền thự; đến đây, cho Đăng Giai làm Bố chính. Tuần cùng Giai là chỗ liên hôn[1].

Tri huyện Gia Bình Ngô Cảnh Chấn vây bắt giặc Dục ở làng Quỳnh Bội, không bắt được. Trước kia, Tổng Nương làng Cổ Lãm chết, Tổng Đô làng Dị Sử ngầm giấu tài sản của Nương, em Nương là Dục đòi mãi, Đô không chịu trả. Dục bèn tụ họp đồ đảng ở làng Quỳnh Bội, bắt Đô, giết đi. Huyện Lang Tài giới nghiêm, Tri huyện đưa công văn cho huyện Gia Bình. Cảnh Chấn đem dân phu đóng đồn ở xã Ngọc Xuyên, sai Cai tổng làng Bình Ngô và Cai tổng Hỗ làng Quỳnh Bội vây bắt Dục, không được. Dục đang đêm phá vòng vây, chạy về phía đông, Bố chính Giai và Án sát Nho đuổi theo, không kịp.

Tháng 6, ngày 8, có mây đen suốt mặt trời.

Ngày 12, giặc Phạm Bá Mật đánh huyện Gia Bình, bọn tên Mật, tên Phiên tụ họp ở xã Nhật Trai huyện Lang Tài,

---

[1]. Liên hôn: 連 婚 hai nhà thông gia với nhau: trai nhà nọ lấy gái nhà kia, gái nhà kia lấy trai nhà nọ.

cướp thuyền buôn, lấy trâu bò, cày bừa, tài sản của dân, chở vào Tam Tổng huyện Chí Linh. Ngày 27, lại cướp xã Tiên Xá, Du Tràng, Yên Thành, Đông Cao, cắm cờ ở trên núi Thiên Thai. Mật ngụy xưng làm Bình Nam đại tướng quân, Phiên ngụy xưng làm Tổng tiểu quân. Trú phòng phủ Thuận An đem quân đóng ở xã Ngâm Điền khiêu chiến. Đồ đảng Mật là Tề từ xã Mao Điền ra đánh tập hậu: cai đồn và quản tượng đều bị chết, mất một cỗ súng thần công. Tri huyện Gia Bình là Ngô Cảnh Chấn đem dân phu đóng đồn ở xã Nghi Khúc, sai thổ hào chia đóng ở các xã Bình Ngô, Quỳnh Bội và Đại Than. Quan tỉnh từ xã Dị Sử, Trung Trinh đem quân đánh dẹp, vây xã Mao Điền không bắt được giặc. Lũ Mật chạy sang xã Đại Lai và Tri Nhị mà tan đi, quan tỉnh bắt Tổng Công tổng Xuân Lai đem về.

Tháng 7, Nông Văn Vân lại đánh phá Cao Bằng. Chiếu cho An Tĩnh tổng đốc Tạ Quang Cự đem quân 5 tỉnh đi đánh. Trước đây, Lê Văn Đức là Tiễu bộ quân vụ, từ tháng 12 năm trước đến đây đã đánh 18 trận đều bất lợi. Vua nghe tin, than rằng: "Nhân tài Bắc Kỳ làm phụ lòng Trẫm đã cử như thế ư?". Lập tức sai Quang Cự đem quân 5 tỉnh là Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây, Thái Nguyên, đem cả đội quân Chánh tiền nhuệ nón lông chóp vàng, tiến đi đánh Văn Vân. Cự chia quân làm 5 đạo. Tháng 8, tiến quân đến Đồn Cóc[1].

Em Vân là Cẩn đón đường cướp lương. Hải Dương Nguyễn Công Trứ đi trước, bị vây hơn 10 ngày, tướng sĩ thiếu ăn, phải ăn cháo nấu bằng bí đỏ với gạo xay. Sau 5

---

[1]. Hán văn: Thiềm thừ đồn 蟾蜍屯.

ngày, quân các đạo đều đến, bắn phá thăng thiên làm hiệu, lính man sợ trốn. Quan quân dùng kế phá vòng vây, tiến đóng Cao Kha, được 12 người thổ hướng đạo, đi theo đường tắt nhỏ ở sau núi, đêm đi, dẫm phải gai góc, đánh phá được đồn ngoài của giặc, bắt được giặc trong đồn, đem chém hết cả. Giặc vẫn không biết. Quan quân bèn lấy đường vào Cao Bằng.

Lúc ấy, Vân cùng Cẩn tranh núi giữ hiểm, ý không hợp nhau. Ma Ngọc Lý bất phục, bèn đến hàng Quang Cự, xin làm tiền phong, bắt Cẩn, đem xuống cửa quân. Cự chém Cẩn, mà đem tiền bạc nêu thưởng Ngọc Lý.

Lê Văn Đức từ Hưng Hóa, tiến đóng cửa tây bắc, đêm rải chông sắt, lấy thang dài bắc lên cửa đông nam, vào đánh giặc. Giặc mở cửa tây bắc mà chạy, giẫm phải chông sắt ngã ra. Quan quân chém được hơn 100 thủ cấp giặc, thu được tài sản, khí giới rất nhiều. Vân chạy sang đồn Hồng La.

Trịnh Đình Vũ từ Thái Nguyên tiến quân. Từ hai núi ở Yên Bác lội suối mà đi, hợp binh với quân các đạo đốt lửa mà đánh. Vân sai đồ đảng bỏ giáo đầu hàng. Quân Định Vũ qua núi, quân phục của giặc vụt dậy: ném đá lấp suối, quan quân đều vấp ngã. Thập cơ cai đội thua, chết. Nguyễn Công Trứ đem quân đi sau cùng, đánh 7 trận đều thắng, đuổi đến châu Bảo Lạc, phá được 18 trại giặc, đốt các kho tàng, thành phủ của giặc đều như ngói tan vỡ.

Tháng 9, ngày Mậu Thìn, mồng 6, giờ Thân, có ráng đỏ ngang suốt phương Kiền Tốn[1] rồi dần biến thành sắc trắng.

Mùa đông, tháng 10, Nông Văn Vân chết, Cao Bằng được yên. Vân tiến thoái đều cùng đường, tự đốt mà chết.

---

[1]. Tây Bắc - Đông Nam.

Quan quân chặt lấy đầu, truyền đưa các tỉnh. Bắt được mẹ và thê thiếp của Vân đều giải vào Kinh. Vua mừng lắm, truyền mở tiệc rượu mua vui, sai cung tần, quanh tay nhau làm kiệu, rồi vua ngồi lên mà múa, hô liền mấy tiếng "Cao Bình yên rồi! Cao Bình yên rồi!".

Tham bổ: *Ngoại truyện* chép rằng: "Quân 5 tỉnh hợp lại bao vây, đốt lửa. Vân ẩn vào trong vách đá, bị nóng dữ quá mà chết". Lại có thuyết nói: Vân từ đồn Hồng La trốn sang nhà Thanh. Tỉnh thần nhà Thạnh bắt giải về, quan quân giết đi.

Đốc phủ Từ Sơn theo đi đánh giặc, có công, được thăng Lãnh binh Nam Định.

Đổi Vân Trung làm huyện Để Định, đất này nhiều suối độc, quan lại không thích nhậm chức ở đó, thường hay hà khắc dùng roi, gậy đánh dân, mong được cách chức.

Cho Nguyễn Công Trứ, Trịnh Định Vũ lưu lại đóng đồn ở Cao Bằng. Cho tướng sĩ các tỉnh đều về tỉnh nghỉ ngơi, ban cho thuốc thang, tiền, gạo và ban tiền tuất cho những người chết trận.

Trứ tâu xin dùng những kẻ can án ra thú làm thủ hạ và nên khao thưởng thêm. Chiếu phát tiền kho 3.000 quan cấp cho. Lúc ấy những kẻ can án phần nhiều ra thú. Duy lũ Tiền Bột, Tiền Nam, Phó Trung và Suất Sở không chịu ra thú.

Tham bổ: sách *Chính yếu*[1] có chép: Sau khi Nam - Bắc đã bình định, vua cho rằng Tướng quân, Tham tán phai khó nhọc ở ngoài đã lâu, nên đặt ra lễ "ôm gối vua" để tỏ tình nghĩa thân mật, lập bia để lưu về lâu dài. Cơ mật, bộ Binh

---

[1]. Tức là *Minh Mệnh chính yếu* (明命政要).

và Nội các hiệp sức giúp đỡ ở trong thì làm thơ ban khen, gia cấp cho vinh hiển đều là để đền đáp công lao.

Cho Thông phán Hà Nội là Đỗ Trọng Diễm quyền thự Đồng Tri phủ Vĩnh Tường.

Chủ khảo trường Nghệ An Nguyễn Vĩnh Lại và Nguyễn Tú phải giải về Kinh, đợi xét. Trước đây, tháng 9 thi Hương, bọn Nguyễn Vĩnh Lại, Nguyễn Tú, Ngô Tăng Diễn và Dương Đăng Dụng đều làm quan chấm trường Nghệ An. Kỳ tháng 10, Lại và Tú lại đi chấm thi trường Hà Nội, Diễn và Dụng lại đi chấm thi trường Nam Định. Đề điệu Nghệ An thấy bọn Lại, Tú khi chấm văn, tư vị trong việc lấy hay bỏ, còn mình là võ biền, vô quyền không được tham dự. Nhân say rượu, Đề điệu nói lộ chuyện, tiếng bay ra ngoài. Vua nghe biết triệu Đề điệu đến hỏi tình trạng. Đề điệu nói hết đầu cuối. Vua giận họ thông đồng làm bậy, bán chác lấy lợi riêng, đáng ghét quá! Bèn sai 2 Đội cẩm y chia đi Hà Nội, Nam Định, xích tay bọn Lại giải về Kinh, giao cho bộ Hình khép vào tội thập ác mà tấn tra. Bọn Lại không thú. Hà Tông Quyền tâu xin cách chức. Còn phó khảo và các viên sơ khảo, phúc khảo vì liên can đều bị giáng cấp, phạt bổng có thứ bậc. Phó chủ khảo bị lưu đi Hà Tiên, Cử nhân do vua ra Chỉ dụ lấy đỗ, cùng bắt đầu từ đấy.

Khoa ấy, trường Thanh Hoa bị nước ngập, sĩ tử đều ra Hà Nội hợp thí.

Tham bổ: Những thí sinh trường Thừa Thiên có người bị gió bão ngăn trở không kịp đến thi được. Vua sai quan Quốc tử giám khảo duyệt, những người ưu, quyền cho đỗ cử nhân; hạng bình thứ, đặc cách cho đỗ Tú tài.

(Trước đây, Giám khảo cùng sĩ nhân là Dao và Dĩnh gửi

gắm riêng nhau. Tú không tố cáo ra, bị Ngự sử tham hặc, lũ Dao phải tội lưu. Sau đến năm Tân Sửu (1841) Tú chết).

Triệu Trị phủ Thuận An Nguyễn Văn Lý vào làm Viên ngoại lang (xem năm Nhâm Thìn, 1832), cho Chính bảng Vũ Công Độ thay (làm Trị phủ Thuận An).

Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Nhuận chết, do tù bị giam là Đồ Khôi trốn thoát. Bộ bàn cho đóng gông Nhuận vào bên ngoài quan tài. Con Nhuận tự đến xin hiệu lực chuộc tội (đến năm Mậu Tuất (1838) mới bắt được Đồ Khôi).

Từ tháng 9 đến tháng 10, không mưa.

Chiếu: những quan bị cách chức về dân làm hạng tráng, dân gian không được gọi theo nguyên hàm.

Tháng 11, phía tây bắc có mây nổi như thành.

Cho Yên Định tổng đốc Đặng Đình Hòa được gia kỷ lục 3 thứ. Hòa cai trị thanh liêm, giản dị, trong hạt yên ổn. Vua cho rằng có lòng tôn vua thân với người trên, có điềm được mưa, cho nên cho kỷ lục. (Trị phủ Kiến Xương Nguyễn Chuyên theo lời dân mời, đi đề chủ[1]. Hòa quở mắng. Chuyên lạy tạ, tự trách Hòa miễn cho không để tham hặc)[2].

Tháng 12, ngày 12, chuẩn định thể lệ nha môn trong Kinh, ngoài tỉnh đệ tư công văn đi lại có các mục ngang hàng, hàng trên, hàng dưới khác nhau. Bắt đầu thi hành từ ngày khai ấn[3] năm Minh Mệnh thứ 16 (1835).

---

[1]. Đề chủ: 題主 viết họ, tên, tự, hiệu người chết vào các thần chủ, bằng bài gỗ để con cháu người chết thờ cúng.

[2]. Có lẽ vì tư tưởng khinh dân, Hòa cho việc Chuyên làm ấy là không xứng đáng, nên mới quở trách Chuyên.

[3]. Tức ngày mồng 7 tháng giêng.

Nội các là bọn Hà Tông Quyền[1] phụng chỉ chước nghĩ: Các quan ngang hàng nhau thì dùng chữ "tư di", gửi lên trên thì dùng chữ "tư trình", đưa xuống dưới thì dùng chữ "giáo thị", "truyền thị", "chiếu hội" và trát.

Định lệnh biên tịch ký những người thiếu thuế. Thuế thiếu từ năm thứ 13 (1832) trở về trước giảm cho một nửa phần. Thuế thiếu từ năm thứ 14 (1833) trở về sau, trách cứ vào Tổng lý kinh trưng và người tín thực, đều tùy theo niên phận mà niêm phong, tịch ký gia tài; còn thiếu thì biên cả những người có gia sản[2] để họ chia nhau đền.

Đặt thêm tỉnh Cao Miên. Cõi đất Thuận Thành, Cao Miên đều chia làm châu huyện và đặt thêm làm tỉnh. Rồi lại đổi Cao Miên làm Trấn Tây tỉnh. Cho Lê Đại Cương đi hiệu lực ở Trấn Tây.

Thăng Nguyễn Khoa Minh làm Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Hộ bộ Thượng thư kiêm quản Tào chính, quản lĩnh Khâm thiên giám Sự vụ. (Trước đây, Minh bị giáng cấp, lưu nhiệm).

Đặt thêm ty Cẩn Khác (chánh bát phẩm thư lại 3 viên, chánh cửu phẩm thư lại 3 viên).

Đặt giao tử vụ để làm cho kho ngoài biên được sung túc.

Tham bổ: Tri huyện Tiên Du Nguyễn Kim Xuyến, ban đêm thường từ phủ đi về nhà giữa đường gặp lũ Tổng Lạc đuổi bắt, Xuyến bỏ nghi trượng trốn ẩn vào trong áo. Nhân thế, bẩm xin giết Tổng Lạc.

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là Hà Văn Quyền.

[2]. Chỉ những Tổng lý tư trưng và những người tín thực đã bảo đảm cho.

Ất Mùi, năm thứ 16 (1835),
Thanh, Đạo Quang năm thứ 15.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 17, giặc Phạm Bá Mật đánh huyện Yên Phong, đốt cướp 2 xã Trần Xá, Yên Lãng. Quan tỉnh là Nguyễn Đăng Giai và Trần Thế Nho đem tuần huyện, thổ hào, chia đường chặn bắt. Giặc chạy sang Tam Sơn, huyện Đông Ngàn.

Ngày 18, quan tỉnh hội vây xã Cẩm Chương. Hào mục Lê Hữu Luân bắt được em vợ Mật là Đình Xuân 14 tuổi, giải nộp, đem giam ở tỉnh.

Sức cho hạt ấy: mỗi khi có giặc, cho đánh trống, thổi ốc, từ làng giáp đến làng ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nếu không bắt được giặc thì sẽ bị triệt hạ làm tội.

Lúc bấy giờ lũ Tổng Lạc ở Vân Khám, Hào Ty ở Tam Trảo, Tổng Tường ở Phú Thọ, Tổng Thân ở Phú Thị, Tổng Sương ở Dương Xá, Tổng Tế ở Đại Mão, Tổng Lưu ở Vân Lệ, Tổng Khoái ở Đông Đồ, Hào Hiến ở Phong Xá, Tổng Tiến ở An Đinh, v.v... khi ở dân gian thì chúng chứa giặc để kiếm ăn, khi lên quan thì lấy vô tang làm đắc sách. Chúng lại đặt sở tuần sông ở các nơi: những thuyền buôn đi lại, chúng đòi tiền mãi lộ, không thì giết chết, ném xuống sông. Dân địa phương sợ chúng vừa là cường hào giàu có, lại vừa hung dữ như cọp, nên không dám tố cáo. Nếu có ai phát giác thì một mặt báo quan, một mặt theo giặc. Không ngày nào quan tỉnh không phải phát lính đi lùng bắt. Chẳng hạn như các xã Cự Linh, Lâm Du, Giao Tất, Trân Tảo...

Nghệ An có giặc. Chiếu Lê Văn Đức, Tạ Quang Cự vào giữ, đốc lính 5 tỉnh: mỗi tỉnh 700 người, cộng 3.500 người.

Án sát Lạng Sơn bị cách chức. Trước miếu sông Kỳ

Cùng tỉnh Lạng Sơn có chỗ đất nứt ra, án sát sai nha lại và lính đào làm giếng, đào lên đất lại lấp xuống: án sát giận, bắn súng đốt miếu, chưa bao lâu, phát bệnh điên, đánh đập giết chết người thị tì, cho nên bị cách chức.

Cho: Lê Phúc An làm Bố chính Thanh Hoa, Ngô Nhật Tỉnh làm Tri phủ Từ Sơn, Nguyễn Văn Mão làm Tri phủ huyện Võ Giàng, Đỗ Thanh Thiếp làm Tri huyện Yên Phong, Nguyễn Huy Tốn làm Tri huyện Hoằng Hóa, Hoàng Đình Trạm ký lục 5 thứ gia 1 cấp, Nguyễn Tiến Tá làm Vệ úy vệ Túc vũ, Nguyễn Đức Mục làm Phó vệ úy, Lê Văn Chấn thự Phó vệ úy, Nguyễn Văn Vy làm Tuần thành Suất đội, Nguyễn Hữu Quyến làm Đội trưởng vệ Anh vũ.

Tháng 2, tế Nam Giao.

Cho giảm 6 phần 10 thuế thiếu năm trước. Bắc Ninh, thuế vụ hạ, cho nộp vào mùa đông, chỉ thu hạng tiến, vì có thiên tai hạn hán.

Sửa thành Hà Nội. Bộ bàn rằng, về cuộc loạn Văn Khôi, vì thành Gia Định cao, đặt súng trên núi đất ở ngoài không bắn vào được. Rồi sai thành Hà Nội và các tỉnh, mỗi thành hạ thấp xuống 1 thước 8 tấc, quách ngoài đắp cao thêm 2 thước, đắp núi đất để phòng sự bất ngờ.

Nguyễn Công Trứ tâu rằng, võ biền ra trận, không quen cưỡi ngựa, gặp giặc thường cứ chần chừ. Vậy từ nay về sau, chỉ cho cưỡi ngựa không cho ngồi xe. Vua chuẩn y.

Tháng 3 ngày 9, quan tỉnh Bắc Ninh bắt được Phạm Đức Mật ở huyện Lang Tài, giết đi. Mật tụ tập ở xã Đỗ Xá. Các cai tổng xin quan tỉnh vây bắt: bắt được Mật giải vào Kinh, xử trảm quyết. Người tố cáo là Khán Xuân được miễn nghị, được tháo xích. Ba cai tổng đều được thực thụ, thưởng

tiền 500 quan (3 cai tổng xã Bình Ngô, xã Bội Quyền, xã Đại Lai).

Huyện Tiên Lữ bị nước tràn vào, vì đê Bình Giang vỡ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 12, Tân Sửu, mây mù mịt mờ.

Ngày Nhâm Dần (ngày 13), rét dữ.

Cao Bằng lưu đồn Trịnh Vũ chết. Cho cất đám về táng Hà Nội. Cho những quân sĩ lưu đồn mỗi người 1 quan tiền.

Cho Hoàng Văn Trạm làm Tổng đốc xã Ninh Thái.

Triệu Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ, Tạ Quang Cự về Kinh, chầu vua (đều cho giảm bớt lính hầu).

Tháng 5, Đình thí Tiến sĩ. Cho bọn Nguyễn Hữu Cơ 11 người đỗ Tiến sĩ và 2 người phó bảng, xuất thân có thứ bậc. Khoa này hội thí chia làm 2 hạng: Nam Kỳ, mặt quyển, đánh dấu đỏ; Bắc Kỳ đánh dấu trắng, trúng cách 15 người. Đến lúc thi Đình, có người nào tuổi không phù hợp với diện mạo thì cho cải chính niên canh. Sĩ tịch được cải chính bắt đầu từ đây.

Hoàng giáp: Nguyễn Hữu Cơ (xã Lai Xá), Phạm Văn Huy (xã Giác Chiêm), Bạch Đông Ôn (xã Tử Tràng); Đồng tiến sĩ: Hoàng Văn Thu (phủ Thừa Thiên), Nguyễn Hoằng Nghĩa (tỉnh Hà Tĩnh), Lưu Quỹ (tỉnh Hà Nội), Bùi Đình Bảo (tỉnh Hà Tĩnh)[1], Nguyễn Đức Hoan (tỉnh Quảng Trị), Nguyễn Tông Thổ[2] (tỉnh Thanh Hoa), Nguyễn Thế Trị (tỉnh Quảng Trị), Lê Văn Chân (tỉnh Bình Định) đều là chánh

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là Hà Phấn 何芬. Chúng tôi tra trong *Quốc triều khoa bảng lục* mà đính chính lại.

[2]. *Quốc triều khoa bảng lục* 國朝科榜錄, quyển I, tờ 8b vì kính húy chữ "Tông" 宗, chỉ chép là Nguyễn Thố 阮措.

bảng. Vũ Ngọc Giá (tỉnh Hà Tĩnh), Đinh Văn Minh (tỉnh Định Tường) đều là phó bảng. (Hoàng giáp Cơ, lúc đi hạch, lễ Huấn đạo 5 quan tiền, chấm văn lấy đỗ hạch. Đến lúc đỗ, Huấn đạo mừng lại 5 quan tiền).

Ngày 14, Bắc Kỳ mưa dầm to: đất bằng nước sâu 1 thước. Nhà nông gần để không, mà cuối cùng thu được đại lợi.

Tháng 6, Thanh Hoa bị đói, đem 1 vạn phương gạo Nam Định vào phát chẩn.

Cấp thêm lương tháng cho biền binh: mỗi tháng 1 suất 1 phương gạo, 5 quan tiền, tiền sưu sai đều 18 đồng.

Chiếu: Không được bầu cử người bậy làm Tổng lý. Vì cớ dân gian phần nhiều lấy hào đảng ra làm Tổng lý, lấn hiếp những hộ thấp kém. Cho nên mới có Chiếu dụ như thế. (Lại cấm ngày thường không được đánh chuông khua trống, khi tế lễ, chỉ cho đánh trống con).

Tháng 6 nhuận, Án sát Bắc Ninh là Trần Thế Nho bị giáng cấp, phải đi hiệu lực. Nho từ lúc bắt được đầy tớ của Phạm Bá Mật là Đình Hương, nuôi làm gia thuộc, cho Xuân đội khăn lĩnh dỏ, mặc áo lĩnh đỏ, cưỡi đầu voi, tùy ý chỉ huy, nã bắt dân thường, vơ vét của cải để làm giàu. Có cai tổng huyện Vĩnh Bảo cũng ở trong số người bị bắt, người họ Cai tổng là Ngự sử Chân đem việc ấy tham hặc. Có chỉ dụ cho Nho nghỉ việc, giao Hà Ninh tổng đốc Đặng Đình Hòa thẩm vấn tra xét. Bố chính Nguyễn Đăng Giai cũng bị giáng 1 cấp, lưu nhậm. Nho, năm trước có người vợ lẽ yêu, đi theo tả đạo, Nho quở trách nặng, vợ lẽ ấy tự tử. Nho dùng voi đưa đám về huyện Nghi Dương, hậu táng. Ngự sử Chân cũng tâu hặc cả việc ấy.

Trì huyện Gia Bình là Ngô Cảnh Chấn có tội, bị giải vào

Kinh. Trước đây, ngày tháng giêng, làng Lũng Giang mở hội (Hội Lim), bày nhiều trò chơi. Chấn vượt cõi, đi xem, bị Lý trưởng Nguyễn Công Thi mắng nhục. Về tỉnh, Chấn vu khống cho Công Thi rằng: "Gia Bình có giặc Bá Mật đến cướp (xem năm Canh Dần 1830). Chấn đi bắt giặc, nghe nói người xã Tiên Sơn là bọn Ba Bách và Tư Khánh chứa chấp tướng giặc Mật, Chấn đi do thám, đường đi qua Lũng Giang, bị Công Thi trói đánh, người nhà Chấn đi đến phân giải, bị Công Thi lại chửi mắng hơn nữa!". Quan tỉnh là Đăng Giai, Thế Nho phái lính tỉnh bắt Công Thi về để xét xử. Thế Nho theo ý Chấn, muốn buộc tội Công Thi. Đến lúc bắt được Bá Mật, Đình Xuân, tức là Đình Hương, ngầm xui Mật tiên xưng Công Thi cùng đi ăn cướp. Làm án xử Công Thi vào tội bị chém bêu đầu. Tháng 11, bộ Hình đã duyệt nghị, xin y án. Anh trai Công Thi là Tổng Thặng vào Kinh kêu oan cho Thi. Ngự sử Chấn phúc tấu. Tháng 12, Chỉ dụ Cảnh Chấn, Công Thi và Đình Hương đều phải áp giải về Kinh giao bộ nghiêm thẩm định nghĩ.

Trước kia, Cảnh Chấn ở huyện, làm chính sự hà khắc, lại và dân phần nhiều oán giận. Nhưng vì trong hạt đang bận rộn, ngục tụng nhiều. Chấn muốn cáo bệnh, nghỉ việc, không được. Vợ là Trịnh thị, cháu gái Định Vũ hầu, bèn lần mò dựa dẫm quan tỉnh, không về huyện. Sau Chấn nhân lời nói lờ mờ, bắt tên Sào làng Bình Ngô, tên Thẩm làng Thư Phát, buộc cho là đảng ngụy, đến tỉnh đối chất. Quan bị cách là Nguyễn Bá Thịnh giải cứu cho Sào, Thẩm được tha. Người đời vì thế khinh Chấn. Tổng Hỗ ở Quỳnh Bội thấy Tổng Công ở Đại Lai bị Cảnh Chấn đánh roi, lấy quạt rải xuống đất, nói rằng: "Chớ làm bẩn râu ta!", rồi nói khích cho Tổng Công đem việc kêu quan trên.

Mùa thu, tháng 7. Cho Lê Văn Đức làm Sơn Hưng Tuyên tổng đốc, Tạ Quang Cự lại làm Tổng đốc An Tĩnh, Nguyễn Công Trứ lại Tổng đốc Hải Yên.

Tháng 8, ngày mồng 1, giảm một nửa tô cho dân. Chiếu: Vì 2 cõi tây - bắc được yên là trên nhờ phúc trời, đất, tổ tông. Cho dân giảm một nửa tô. Và những tiền thuế thiếu từ năm thứ 13 (1832) trở về trước đều cho giảm 5 phần 10.

Thăng Tri huyện Lang Tài là Trần Danh Lâm làm Đốc học trường Quốc tử giám. Lâm là người xã Kinh Uyên, huyện Cẩm Giàng. Sau đó, vì có tang cha mẹ, Lâm miễn quan, rồi được khởi phục, làm Viên ngoại lang.

Tham bổ: Có chỉ cho Cử nhân Bùi, người xã Đông Đôi (thuộc huyện Phong Doanh) làm Tri huyện Lang Tài. Cha của Bùi rất nghiêm, con trưởng làm Án sát Ninh Bình, thường gửi lụa về biếu cha, cha xé lụa ra mà trả lại. Con thứ làm Tri huyện Lang Tài. Cha răn con rằng: "Làm quan không được hà nhiễu dân". Mỗi tháng, cha sai người nhà đem tiền và gạo cấp cho con đi làm quan, đuổi hết nô bộc, chỉ để một Thông lại, một Cai mục. Có sai phái đi đâu chỉ dùng cái gậy và hộp sừng làm tin, không dùng trát phái. Việc không để lâu, trại giam không giam ai, cũng không có người nào đến kiện cáo gì, huyện thường có cai quần đỏ, nghe nói cha đến, bèn thay ra giấu đi. Vay nợ cho dân nộp thuế thiếu. Lại và lệ kêu túng thiếu, ông bảo vợ cả dệt vải cho, vợ lẽ giã gạo cho. Người bấy giờ khen là phúc tinh, sau đổi đi Tri huyện Thiên Phúc.

Ngày 20, Gia Bình dời huyện lỵ đến xã Đông Bình. Cử nhân Nguyễn Trọng Côn người xã Dương Liễu, làm Tri huyện, cho rằng xã Đông Bình là giữa huyện hạt ấy [nên dời đến].

Ngày 21, mưa rét. Đêm ấy sao trường tinh hiện ở phương tây bắc, đuôi chỉ chính đông, chuyển dần đến sông Ngân Hán, giữa tháng 9 mới lặn, cộng 20 ngày.

Tháng 9, đặt trai đàn ở cửa biển tế trận vong tướng sĩ. Chọn những người cao tăng 2 kỳ Nam, Bắc tinh thông kinh giới, cho đứng chủ đàn chay này. Người trúng tuyển đều được cấp giới dao, độ điệp[1] và ban phát lương tháng cho hòa thượng.

Chiếu: cho các quan tại chức đều thăng một cấp. Những người bị bãi chức đều cho khai phục. Những người phạm tội ngũ hình đều cho giảm nhẹ xuống 1 bậc. Giặc cướp muốn ra thú, cho đến cuối năm là hết hạn. Xét hỏi hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phụ, tiết phụ, nêu khen ở cửa nhà.

Lại chiếu hỏi năm trước ban hành thánh huấn 10 điều, lòng người vui mừng cảm khích thế nào, làm biểu tâu lên.

Khai phục Hồ Bảo Định làm Thừa Thiên phủ doãn.

Ngày 11, có sấm. Đêm ấy sao trường tinh lặn.

Ngày 20, phủ Thuận An mưa, sâu đỏ như con tằm mà nhỏ, sa xuống đất liền nhảy được.

Ngày 24, giờ Sửu, có sao sa sáng lòa mặt đất.

Tuần phủ Hưng Hóa Ngô Huy Toàn bị giáng cấp, lưu nhậm. Trong năm Quý Tỵ (1833), Tổng đốc Lê Đại Cương đánh giết thổ châu. Huy Toàn không phát giác; đến đấy, việc vỡ lở, Toàn bị giáng 4 cấp, lưu nhậm. Những người riêng, vì sách nhiễu, phải tội lưu đi nơi xa, có đến 4 người.

Tuần phủ Ninh Bình là Nguyễn Hi bị giáng cấp, hậu tra. Vì Hi xẻo xén lương tháng của biền binh, bị Bố chính Thản

---

[1]. Giới dao: 戒刀 dao dùng để cắt áo cho sư.

tham hặc. Hi lại tham hặc Thản về 5 việc sách nhiễu trong năm trước. Chiếu cho Tổng đốc Hà Ninh Đặng Đình Hòa phụng mệnh tra xét.

Ngày Kỷ Hợi, Án sát Bùi (xem trên), vì tội làm chủ khảo trường thi mà thất cách bị giáng làm Lang trung. Sau đó, Bùi cáo về nuôi cha mẹ.

Tổng đốc Hải Dương Nguyễn Công Trứ bị giáng chức, đi hiệu lực. Bấy giờ giặc Đoàn Danh Lại (tục gọi Trương Thận), người Tiên Lữ, vượt ngục, trốn thoát; Trứ phải xử đi hiệu lực. Con trai Trứ lúc ấy ở Kinh làm Cẩm y Chánh vệ, tâu xin vì thế mà đi tìm bắt tên tù trốn ấy. Vua khen và cho đi hơn 3 tháng, không bắt được. Trứ xin triệt Chánh vệ về và nói: "Tôi dẫu hèn kém dần độn, không cần phải nhờ sức con". Bèn sai xây thêm tường nhà ngục cao lên 2 thước nữa. Hoàng Tế Mỹ cũng vì liên can bị giáng cấp lưu nhậm.

Trứ vốn tính hào phóng: thường đắp phương trượng tam sơn ở sau công đường, trên núi làm chùa, đào hồ thả sen, bắc cầu trên hồ, nuôi 25 đồng nữ sớm tối cúng Phật. Trước kia đóng đồn Vân Trung, bắt được 3 trai, 7 gái người thổ nuôi làm gia thuộc, cho hát xướng[1], ngày đêm cùng tân khách và bè bạn đánh tổ tôm, hút thuốc phiện, nghe truyện Kim Vân Kiều tự xưng là Lão Trang. Thường nhân họp nhau uống rượu, làm thơ ca quốc âm, có y coi rẻ miếng đỉnh chung. Việc này lọt đến tai vua. Vua cười, nói rằng: "Thói cũ thằng cuồng vẫn hào phóng như thế đấy!".

Mùa đông, tháng 10. Bắc Kỳ được mùa to (1 gánh thóc giá 1 quan 2 tiền).

---

[1]. Nguyên văn: 演 戲 "diễn hí".

Ngày 20, ngày Ất Dậu lại có sấm.

Chiếu: mua thóc Nam Định, phát tiền công 4 vạn quan mua thóc, giá mỗi gánh 1 quan 6 tiền.

Cho tên Huy làm Chủ sự. Huy người xã Bảo Triện, là cháu gọi Bưu bằng chú bác.

Cho: Nguyễn Trung làm Án sát Hưng Yên (Trung người làng Văn Thai), Đào Đình Việp làm Án sát Hưng Hóa (Việp người làng Đại Toán).

Ngự sử Hoàng Danh Đình miễn quan (Đình người làng Phù Lưu, tự hiệu là Tư Hiên, có tập thơ *Đình nam thi tập*).

Thượng thư bộ Hình Bùi Phổ người xã Thịnh Liệt, Bố chính Bình người xã Nội Duệ đều nghỉ việc, hưu trí.

Chọn Cử nhân, Tú tài bổ làm quan phủ, huyện. Vũ Trung Tuấn xã Mão Điền, trước làm Huấn đạo Gia Định, năm Canh Dần (1830) đổi Tri huyện Yên Lãng; đến năm Đinh Dậu (1837) thăng Chủ sự, rồi thăng Tri phủ Vĩnh Tường, năm Nhâm Dần (1842) giáng Giáo thụ Yên Khánh, đổi lên Mai Châu; năm Quý Mão (1843) chết. Mậu Uẩn Nguyễn Đường xã Cẩm Xá làm Giáo thụ phủ Trường Định; Cử nhân Nguyễn Đôn (xã Thụy Ngang) làm Tri huyện Tiền Hải; Lê Công (xã Gia Cùng) Tri huyện Để Định; Nguyễn Kiên (xã Mao Điền) Tri huyện Tiên Yên; Nguyễn Hoằng (xã Lệ Chi) Tri huyện Tam Dương; Ngô Đức (huyện Thanh Oai) Tri huyện Thủy Đường; Huy - Tri huyện Phong Doanh.

Tháng 11, châu Tụ Long có giặc, Châu trưởng là Dũng dẹp yên.

Chiếu: quan tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh đóng giữ tỉnh Cao Bằng, điều vát binh lương, để phòng bị biên giới.

Ngày 20, chiếu: cầu người thông tinh lịch. Dân gian có ai

hơi hiểu bói toán, tinh thông tinh lịch, suy trắc gió mưa, biết đúng triển độ thất tinh đều cho vào Kinh đợi dùng.

Tháng 12, mồng 1, ngày Ất Mão, giờ Dần, Bắc Ninh động đất, có tiếng như sấm. Đêm ấy có sao sa sáng lòa mặt đất.

Chiếu: việc tạp tụng không được vượt bậc đi kiện. Vua dụ rằng: Năm thứ 13 (1832) trước đặt ra Tam pháp ty để thông hiểu tình hạ dân (xem năm Nhâm Dần, 1832). Gần đây, những việc tạp tụng tầm thường rườm nhảm tai ta. Từ nay, việc nào không phải là việc lợi hại quan trọng và tham tang nhiều khoản, thì ở Kinh đã có nha môn Lục bộ, ở các tỉnh đã có Đốc, Phủ, Bố, Án, không được vượt bậc mà đi kêu.

Phép cũ: thần dân các tỉnh ai đến Kinh tố cáo thì cho đến Tam pháp ty, đánh một hồi trống. Các pháp quan tề tựu nhận đơn rồi, cấp cho tiền và gạo, giải về quan địa phương giữ lại, đòi hai bên nguyên bị đều phải đến nơi đợi tra xét.

Lại triệu Trí sĩ Nguyễn Đăng Tuân làm Thái tử Thiếu bảo.

Án sát Hưng Yên Nguyễn Trung bị cách chức, phải đi hiệu lực. Trước đấy, Đoàn Danh Lại vượt ngục, có Chỉ dụ Bắc Kỳ ai bắt được Danh Lại thì thưởng 100 lạng bạc, nhưng chưa ai bắt được! Bỗng nhân đinh của Lại trốn ở nhà Cai tổng tỉnh Hưng Yên và làm nghề đóng cối xay. Lý trưởng bắt giải lên phủ. Quan phủ cho là công của Cai tổng. Nguyễn Trung vì tội bất minh, bị cách chức, đi hiệu lực Nam Định, bèn dựa vào Bố chính Vũ Đính. Mà Bố chính Hưng Yên Hà Thúc Lương cũng liên can.

Bính Thân năm thứ 17 (1836), Thanh, Đạo Quang năm thứ 16.

Mùa xuân, tháng giêng, Đồng tri phủ Từ Sơn Nguyễn

Mậu bị cách chức. Trước đây, Cai tổng Mộ Đạo là Tín thiếu thuế chính cung hơn 200 hộc thóc, bị Đồng tri phủ bắt giam ở lỵ sở. Ngày mồng 3 tháng ấy, Tín đút lót người canh giữ mà trốn. Đồng tri phủ tức giận, đem lính lệ vây bắt: lính lệ đâm Cai tổng Tín bị trọng thương. Tín làm tờ bẩm trình Tổng đốc Hoàng Văn Trạm. Án chưa thành thì Tín đã chết, cho nên Mậu bị cách chức.

Triệu Nguyễn Trực Phương làm Viên ngoại lang.

Tháng 1, lập phép thay đổi nha lại. Trước đây, Tri phủ Tiên Hưng Hoàng Dũ Quang (người xã Lực Canh) tâu rằng Đề lại, Thông lại sở tại giữ lâu sổ sách, quen thuộc nhân tình, nên đổi đi nơi khác, cứ mỗi hạn là 3 năm. Và, bát cửu phẩm thư lại, về hành nghi tiếm vượt đến bằng trưởng quan, nên ức chế đi. Bấy giờ có Chỉ chuẩn định: thuộc lại, lọng: dùng dù đen, trên có chóp bằng hồ lô, dưới không bông rủ bằng nấm tơ nhuộm; võng: đòn thẳng, sơn quang dầu, không được chạm đầu thú. Mỗi phủ, huyện: Đề lại 2 người, Thông lại 8 người, chia 2 phiên ứng vụ, trong số ấy một người làm hầu phiên ở tỉnh thành, chủ việc báo tin động, tĩnh. Sau chỉ lưu 1 Đề lại, 2 Thông lại. Rồi cho Hoàng Dũ Quang giữ việc Cơ mật viện Đô sát.

Ngự sử Bùi Cung Tiên tâu xin sửa đổi dân tục Bắc Kỳ như các việc thờ thần, tang ma, quần áo, ăn uống.

Ngày 15, mặt trời đỏ như lửa.

Tháng 3, lại sai Bắc Ninh bố chính Nguyễn Đăng Giai coi sửa cảng Bố Trì. Năm Quý Tỵ (1833), mùa hạ, Giai vâng mệnh vua, khai cảng không thành công. Họ Thái huyện Hiệp Sơn đem việc ấy tham hặc. Giai phải đền tiền kho 6.000 quan. Giai viết thư trình cha là Tuân xin cho của nhà ra đền.

Tuân thở dài đến vài lần. Các hoàng tử đến nghe giảng sách, hỏi cớ sao mà Tuân thở dài. Tuân đem sự việc nói rõ với họ. Các hoàng tử xin đem tiền bạc nhà ra giúp. Hoàng tử thứ 5 cố chấp cho là không nên giúp bằng tiền riêng, lập tức vào cung dâng phiến tâu vua. Vua lại cho phát tiền kho ra thuê người làm hạn cho 3 tháng phải sửa sang cảng ấy, không cứ là hết bao nhiêu tiền.

Mùa hạ, tháng 4. Nước sông Cửu An[1] tràn vào, các huyện Hưng Yên đều ngập. Hưng Yên từ năm Nhâm Thìn (1832), vì nhiều lần đê vỡ, quan tỉnh Hưng Yên, Hải Dương không cho đắp lấp, sai dân cấy lúa mạch. Rồi tâu xin đào sông mới: trên từ huyện Đường Hào, dưới đến giáp huyện Thanh Miện, gọi là sông Cửu An. Đến đây, mưa to, nước tràn ngập. Quan tỉnh Hưng Yên tâu xin thử để nước chảy vào sông Cửu An. (Nước to tràn vào, đê lớn, đê nhỏ đều vỡ. Các huyện Đường Hào, Đường An, Thanh Miện, lúa mạch phần nhiều bị ngập).

Ngày 18, Ngự sử Bùi Cung Tiên tâu xin ban cấm giới chương trình (chương là điều lệ dân chính; trình là phép cân, thước, hộc, đấu).

Cung Tiên lại nói các hạt Bắc Kỳ đặt bậy ra Cai huyện, Ký huyện, Trương huyện, Tuần huyện và Tổng hào, Tổng tuần để dọa nạt bình dân, như lũ Tuần Đồ huyện Quỳnh Côi, Trương Thận huyện Tiên Lữ, tệ ấy nên bỏ đi. Vua nghe theo.

Tháng 5, Hà Ninh tổng đốc Đặng Đình Hòa tâu định hạn nộp thuế chính cung. Các hạng điền tô, các thuế thân, thuế điệu, cứ trách vấn cai tổng, hạn trong 2 tháng nộp

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là 乂 安 "Nghệ An".

xong. Quan phủ, huyện không được dùng lính lệ thúc giục hà nhiễu.

Định lệ báo thiên tai và đến khám. Năm ấy, mùa hạ, đại hạn: từ tháng 5 đến tháng 7 mới mưa, đồng ruộng lúa mạ tiêu khô không cấy được, đặc biệt là Bắc Ninh lại càng hại lắm, giá thóc mỗi gánh 3 quan. Có Chỉ dụ những nơi thiệt hại từ 5 phần đến 6, 7 phần đều cho hoãn nộp thuế. Đợi sau ngày thu xã, lúa không ngậm màu trổ gié, thì phát chẩn, tuất tai, sai quan đến khám, đợi cho xá thuế.

Tháng 6, ngày 5, cảng Bố Vệ đào xong. Nguyễn Đăng Giai lại về Bắc Ninh. Giai yêu trọng văn học, vẫn ân hận rằng Bắc Ninh thi Hội chưa ai đỗ đại khoa, bèn sức cho tú tài, sĩ nhân trong hạt mỗi tháng 3 kỳ theo đầu bài, làm văn, rồi giao cùng Đốc học Bùi Trần Đàn hội chấm văn, treo giải thưởng, để cổ động sĩ phong. Hoặc tự làm bài đưa cho Đàn chấm, học trò phần nhiều đều ái mộ phong tiết của Giai.

Tổng Trạch, người xã Phù Đổng, ẩn giấu 120 cây gỗ lớn. Giai che chở cho, không phải đòi hỏi gì. Mỗi khi có quân vụ đi đánh dẹp, Giai cho tổng lý chọn lấy thổ dõng địa phương đi theo. Các tướng giặc như Lôi xã Nông Vụ, Khám xã Giá Lâm đều bị giết đi.

Mùa thu, tháng 7, Tri huyện Gia Bình là Nguyễn Trọng Côn được miễn quan. Côn vì ốm, xin nghỉ việc. Có Chỉ sai Nguyễn Thân quyền nhiếp huyện ấn. Tháng 5 năm sau, Côn về quê được 6 tháng thì chết.

Chiếu cần người chữ tốt, vẽ khéo. Ai chữ viết tốt đẹp và ai vẽ khéo, cho vào Kinh đợi tuyển. Đăng Giai cho Thủ hợp Giai ứng cử.

Ngày 9 tháng 9, có khí vàng 3 đường ra từ đông nam, qua 1 giờ biến thành khí đen thì mưa.

Nguyễn Đăng Giai bắt được giặc trốn là Đoàn Danh Lại ở Gia Lâm. Lúc bấy giờ Lại thay tên họ, làm đạo sĩ. Có tú tài Kỳ ở Hưng Yên quen biết mặt Lại gặp Lại ở quán trọ Gia Lâm, liền bảo 2 người thợ gặp trói lại, giải về quan tỉnh. Lại tự tử. Thưởng Kỳ 1 trăm lạng bạc, sau bổ làm Chủ sự.

Ngày 20, ngày Canh Tý, nửa đêm, thiên pháo nổ ở phương đông.

Giáo thụ phủ Kiến Xương là Dương Xuân Chiêm được miễn quan. Nhiều lần Chiêm xin nghỉ việc, Chỉ dụ cho lấy nguyên hàm Giáo thụ về hưu dưỡng. Năm Nhâm Dần (1842) Chiêm chết.

Sơn - Hưng - Tuyên tổng đốc Lê Văn Đức tâu xin đặt phép xét Cai tổng giỏi hay kém. Trước đây, Cai tổng về việc bắt lính, thu thuế, đều lấy 3 năm làm hạn xét công; nhưng nhiều người thường hay để chậm lại để mong được xá thuế, thành ra đọng thiếu thuế rất nhiều. Đến đây, Lê Văn Đức tâu xin cứ hạn đến cuối năm thì xét: ai thiếu 5 ly, không phải lỗi; thiếu 6, 7 ly trở lên, thì không cứ là thực thụ hoặc quyền sai, đều lưu dịch đình lương 1 năm; không xứng chức thì bị bãi dịch. Xét định người ưu, người liệt, là theo phép cũ của Đỗ Dự.

Mùa đông, tháng 10, đêm Quý Hợi (ngày 13), phía tây nam có mây đen như thành.

Sớm ngày Giáp Tuất (ngày 24), phía tây nam mây đỏ như thành.

Sớm ngày Kỷ Mão (ngày 29), phía chính nam có mây đen như thành.

Ninh Bình có giặc, sai Bố chính Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai đi đánh. Bọn Tất Công, Tất Tế từ Long Âm, Sơn Âm đi

ra. An - Tĩnh tổng đốc Tạ Quang Cự 3 trận đánh đều bất lợi. Ba Nhàn lại đem người Man ở Mộc Châu đến cướp huyện Tam Dương. Bắc Kỳ rất náo động. Sơn - Hưng - Tuyên tổng đốc Lê Văn Đức đem quan đóng đồn ở núi Tản Viên, phòng ngự đầu địa giới. Chiếu: cho Nguyễn Đăng Giai đem Lãnh binh Hà Nội đi đánh. Trần Danh Bưu, Hồ Bảo Định và Bùi Phong đều lệ thuộc.

Tháng 11, Án sát Bắc Ninh Trần Thế Nho bị cách chức, đợi xét. Năm trước, Cảnh Chấn, Công Thi và Đình Xuân [tức Hương] đến Kinh đợi xét. Đình Xuân kể rõ việc Thế Nho ngầm xui chiêu xưng cho Công Thi, Công Thi không chịu. [Thế Nho] sai Thư lại Thấu cầm tay ép lấy điểm chỉ. Cảnh Chấn lại khai Thế Nho là chứa chấp dung ẩn cho viên quan bị cách là Nguyễn Bá Thịnh chạy vạy thỉnh thác. Vua sắc sai tỉnh Hà lập tức áp giải Thế Nho giao bộ tra xét. Thế Nho đối chất với Xuân, không nhận tình tiết ngầm xui, cố ý kêu mãi mong thoát tội. Lại, mọi việc đều viện chứng Đăng Giai là người sung làm việc. Bộ Hình tâu xin hãy cách chức Nho, để tiện tra xét thẩm vấn. Lại sức cho Đăng Giai tâu trả lời minh bạch để xét nghĩ kết án. Đăng Giai nói rõ: Vì án cướp của Công Thi, có cùng Thế Nho hiệp đồng tra xét thẩm vấn, quả có thực tình bọn cướp cung xưng cùng đi ăn cướp. Đăng Giai lại nói kèm các sự bậy của Ngự sử Chấn. Vua xem tờ tâu, châu phê: "Đã rõ, đã rõ kỹ rồi!". Bởi thế, Thế Nho bị cách chức, Cảnh Chấn phải tội lưu đi Bình Thuận, Công Thi bị xử trảm. Đình Xuân phải bị sung quân đi Cam Lộ. Ngự sử Chấn cũng phải lưu nơi xa. Thư lại Thấu bị tầm nã rộng khắp. Bá Thịnh được miễn nghị. Trước kia, vợ Cảnh Chấn là Trịnh thị, vào Kinh nộp đơn tại Tam pháp ty nói Thế Nho khi làm án sát, Cảnh Chấn bắt được đảng ngụy là Sào và Thẩm. Lúc ấy, viên quan trốn tránh nhà Bá Thịnh mày mò

đút lót, tha tên Sào, tên Thẩm mà làm tội Cảnh Chấn, đòi lấy 20 hốt bạc, những lạm nhiều khoản!

Người huyện Vĩnh Bảo là Lê Bá Liêu có đơn kêu tại tỉnh Hà, nói Ngự sử Chấn cùng tên bị án tử hình là Nguyễn Trù là bạn đồng môn, mong gỡ án cho Trù. Lại có các khoản hiếp em, cướp vợ. Cho nên tư Hà Nội giải Chấn vào bộ kết án. Cảnh Chấn sau được xá, không về nhà, xin lưu ở Bình Thuận dạy học. Công Thi cũng được xá về.

Định lệ các hạng thuế nộp thay bằng thóc.

Từ năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), thứ 10 (1829) về trước, mỗi hộc thóc giá 1 quan 5 tiền; năm thứ 11 (1830) trở về sau, mỗi hộc thóc giá 1 quan 6 tiền.

Tỉnh thần Hải Dương tâu xin khai cảng Tráng Liệt ở huyện Đường An, thông xuống hạ lưu sông Ngọc Cầu. Ngọc Cầu đắp đê mới. Lập tuần ty xã Pháp Chế (Pháp Chế thuộc huyện Đường An).

Chiếu: xã nào có lính chiêu mộ đều cho đăng vào sổ đinh. Năm Giáp Thân (1824), đặt quân chiêu mộ, nhiều người không phải là thổ trước, có khi trốn đi, không tra xét vào đâu được. Đến bấy giờ, cho các xã biên vào dân tịch cũng như thực hộ. Họ tên biền binh ai đặt lẫn tên nôm và niên canh sai nhầm, đều cho cải chính.

Tháng 12, định lại lệ thần hiệu và nghi trượng [thờ thần]. Do Bùi Dung Tiên tâu xin, bèn giao bộ Lễ chước nghị. Bấy giờ Nội các là bọn Lê Bá Tú, Lâm Duy Nghĩa và Nguyễn Đức Hoạt phụng chỉ sửa đổi: Bách thần đã được sắc phong, hoặc vẫn linh ứng mà chưa được sắc phong, đều cho được thờ phụng. Còn những thần dâm tà đều bỏ đi không được thờ. Miếu thờ chỉ cho làm 1 gian, hoặc 1 gian 2 chái. [Tiền đường] ở ngoài 3 gian hoặc 3 gian 2 chái. Nghi trượng:

chỉ cho vẽ giao long, mây, nếu đã trót chế tạo, thì phải theo khoản đăng ký. Hát thờ: chỉ cho 3 ngày đêm, trống dùng trống vừa và trống nhỏ, tế xong thì thôi, không được ngày nào cũng đánh trống, điểm ba, điểm sáu. Từ đấy, những đồ vẽ rồng, phượng đều bỏ đi, chỉ vẽ hình con giao, con ly, con mãng, cẩm kê và con công. Những thần chưa có sự trạng rõ ràng, lại cho kê khai.

Cho Hoàng giáp Bạch Đông Ôn làm Tri phủ Lạng Giang. Ôn là người xã Lạc Tràng, Hà Nội, 25 tuổi, lấy vợ là con gái Trần Danh Bưu. Cha Ôn trước cũng làm nha lại. Đến lúc Ôn làm quan, thường nhân việc mắng Đề lại Tiêm. Tiêm nói: "Tôi là lại già, xin quan thương cho!". Ôn giả cách làm không nghe rõ. Tiêm lại nói: "Giải phán với trẻ con, quyết không xong việc!".

Chiếu: cho những giặc ra thú đều sung làm lính. Lúc ấy, giặc ra thú có đến hàng nghìn. Những tên đầu mục thì bị chém, những người tội nhẹ, cho dân quản thúc để yên nghiệp làm ăn. Còn đều cho về sở tại đi lính, gọi là "Bảo binh". Vợ chồng Tri phủ Trường Định cũng ở trong đám tội phạm ấy, giết người hộ tống, trốn đi.

Chuẩn định nghi trượng quan tỉnh: Tổng đốc ngồi kiệu, 2 tán vàng, 2 lọng xanh, 2 cờ phi hổ, 4 biển vàng (2 biển "hồi tỵ", 2 biển "thanh đạo tĩnh túc"). Mỗi năm tập hợp (hộp sớ tấu) 4 kỳ. Tuần phủ đi song loan 2 tán đỏ, 2 lọng xanh; Bố, án đi võng, 1 tán đỏ, 1 lọng xanh. Mỗi năm tập hợp 2 kỳ. Đi đường gặp nhau, đều vái chào. Trước kia tỉnh thần lấy chính chức làm tôn, dẫu Đốc học vào yết kiến Bố, án, cũng phải lễ. Đến đấy, cho Đốc học cùng Bố, án ngang nhau, Giáo chức cũng hơi được trọng.

Nguyễn Đăng Giai đến Ninh Bình, các đám giặc đều

tan. Giai đến Ninh Bình, cùng Lãnh binh chia nhau đóng đồn. Giặc lui giữ phủ Thiên Quan, bắt được chiêng, trống, cờ bài của giặc mỗi thứ một cái. Thổ dân tản trốn vài trăm dặm không có khói bếp. Giai bèn đốt đồn giặc. Năm sau, theo đến Cẩm Thủy, đuổi nã giặc, Tất Công, Tất Tế chạy vào Nghệ An. Tạ Quang Cự bắt được Phòng ngự giặc. Giai lại về Bắc Ninh.

Cho Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Khoa Minh kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ.

Đinh Dậu năm thứ 18 (1837),
[Thanh, Đạo Quang 17].

Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1. Vì lễ đại khánh hoàng thái hậu, ban ân chiếu 8 điều: Quan văn võ đều được ban yến và ngân tiền. Các miếu lịch đại đế vương đều cho tế 1 đàn. Các quan trong Kinh, ngoài tỉnh ai bị cách chức, phạt bổng, đều cho khai phục. Thuế thân, tiền đầu lõi, thuế điệu đều giảm 5 phần 10. Hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phụ, tiết phụ đều cho nêu thưởng. Những người tài phẩm ưu trường, ẩn ở núi rừng, đều cho kê tên tâu lên. Những người có võ nghệ hơn người đều tùy tài bổ dụng. Lính trạm các thành, doanh, trấn đều cho cấp thêm tiền và gạo có từng bậc.

Ngày 6, điều động đinh phu phủ Thuận An sửa đắp đê Văn Giang. Đê Dương Liệt và Phù Liệt lại vỡ. Phát tiền thuê dân đắp. Từ đấy, năm nào cũng đặt làm thường lệ (Gia Lâm vì gần đê, được miễn).

Tháng 2, Bắc Ninh đại hạn, dân bị đói. Mỗi gánh thóc giá 2 quan 5 tiền. Chiếu: vì đương lúc giáp hạt, giá gạo ngày một đắt, dân gian tình hình gay go, nên phát thóc kho ra bán cho hạ hộ: mỗi suất được mua 1 hộc thóc giá 1 quan 8

tiền, hạn thu hoạch xong, trả bằng tiền. Ai không muốn đong thóc chịu, cũng thôi.

Tháng 3, sai Đô sát viện đi tuần tra Bắc Kỳ, xét các khoản binh, lương, phong tục và quần áo ăn mặc. Bấy giờ xã Phù Lưu mở hội, chiêng trống huyên náo, bị quan tuần tra bắt. Quan bị cách là Ngự sử Đĩnh [người Phù Lưu] và Tri phủ Từ Sơn đều phải phạt.

Ngày 22, Tuần phủ Hưng Hóa là Ngô Huy Toàn chết. Toàn vâng mua bạc vàng, nợ của Bắc khách 700 hốt bạc, bắt phải trả đủ số. Con trưởng là Du, do nhậm tử, được vào làm Tư vụ; con thứ hai là Cận, vì việc án mạng, hiệu lực, được miễn nghị, sau đỗ Tú tài.

Tháng 4, ngày 15 đưa đám tang Toàn về bản quán, cho khai phục 4 cấp, tặng hàm Binh bộ Tham tri.

Cho Trịnh Văn Nho làm Án sát Hưng Hóa.

Cấm hàng tơ lụa ta không được bán ra ngoại quốc. Do Gia Định đem hàng sa vân nửa đường tơ, mua ở ngoại quốc về, xét ra là hàng ta, bởi thế có Chiếu chỉ: dân gian dệt hàng sa và các thứ hàng bằng tơ sống, tơ chín, không được bán cho các lái buôn nhà Thanh và Tây dương xuất khẩu.

Ngày 23, Hà Nam cháy to (từ chợ huyện đến phố Hàng Đậu).

Thăng Trần Danh Huy làm Tri phủ Kinh Môn (do trước Tri huyện Phong Doanh). Đổi Nguyễn Đoàn làm Giáo thụ phủ Thiên Phúc (trước ở phủ Bắc Hà).

Mùa hạ, tháng 4. Cấm lò rèn, thợ may không được làm thuê cho giặc cướp (Tổng lý sở tại phải gia tâm quản).

Tháng 5, ban sách công cho các học quan. Các sách *Ngũ kinh*, *Tứ tự bị khảo*, *Thông giám* và *Tân sách pháp trình*

cộng 40 bộ, giao tại Quốc tử giám và Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo các tỉnh, để cho học trò học tập.

Bắc Kỳ, lúa chiêm được mùa to (mỗi gánh thóc giá 1 quan 5 tiền).

Ngày 19, chiếu cầu các sách lạ lý thú.

Vua dụ rằng: "Nước ta từ đời Hồng Bàng về sau, hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ thường chẳng thiếu gì. Nhà thế gia có các loài long, quy, điểu, thú tốt đẹp, kỳ dị dưới đến các việc tầm thường cũng lại không ít, đều có lý thú để làm chuyện vui, không nề lời nói nôm na quê kệch, đều cho biên chép thành tập, lục tục tiến tâu, như sách *Thái Bình quảng ký* nhà Tống ấy (sách của Lý Phỏng)".

Năm sau, có Tuần phủ tâu dâng sách *Tục ngạn lý ngữ*. Ngự sử là Vũ Thành, Phong Địch và Nhật Chiêu tham hặc là sách phỉ báng, nhưng cuối cùng được miễn nghị.

Tháng 6, mưa to. Đê Quan Xuyên vỡ, nước sông Cửu An tràn vào các huyện Đường An, Cẩm Giàng, Gia Lộc lúa đều chìm ngập. Quan tỉnh Hưng Yên phát đinh phu đắp đê lớn và tiểu bối.

Cấm dân chê bai ngân tiền Long văn. Lúc bấy giờ ngân tiền Long văn cho quan, quân, vì thợ bạc pha lẫn chì, kẽm vào đúc làm cho ẩu kém, dân gian chê bai, cho nên cấm.

Tổng đốc Ninh Thái là Hoàng Văn Trạm tâu xin cho dân nộp nợ thóc gạo bằng tiền. Trạm nói: "Lúa không được mùa, giá gạo đắt. Vậy thuế vụ hạ năm nay và những thóc dân mua chịu năm ngoái, xin đều cho dân nộp thay bằng tiền: mỗi hộc thóc giá 2 quan tiền". Lại định: lệ thuế vụ hạ, cho nộp 4 phần thóc, 7 phần tiền; thuế vụ đông, 7 phần thóc, 3 phần tiền. Từ đấy, năm nào cũng thế.

Triệu tổng đốc các tỉnh vào chầu.

Mùa hạ, tháng 7, Bố chính Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai bắt được giặc Phan. Phan là người thôn Trần, xã Nghi Vệ, huyện Tiên Du, đã làm Cai tổng, vì say rượu giết chết vợ, can án bị giam, sau trốn ra, đi làm giặc nhập đảng với Bá Mật. Đến đây, ngầm về xã Ngọc Xuyên, Cai tổng Đỗ, xã Bình Ngô bắt được, giải tỉnh. Cai tổng được thưởng 200 quan tiền. (Đến ngày mồng 8, Phan bị hành hình).

Tri phủ Thuận An là Vũ Công Độ bị giáng cấp. Đầu năm Ất Mùi (1835) được triệu vào Kinh, nhưng vì liên can vụ án mạng Đại Đồng Bảo, Triệu, nên không triệu nữa. Đến đây Độ bị giáng cấp.

Tri phủ Từ Sơn là Ngô Nhật Tỉnh bị cách chức, đợi tra. Tỉnh can vào vụ có tên giặc trước thú, sau trốn. Vua cách chức, đòi Tỉnh về Kinh, rồi cho Tri phủ Ninh Giang là Đỗ Công Lãm thay thế. Lãm đến lỵ sở, không theo lệ báo trước, võng lọng công nhiên vào phủ. Tỉnh cự lại không cho vào, Lãm đuối lẽ, phải từ tạ. Bàn giao xong, mới được vào phủ. Tỉnh trở về chưa đến Nghệ An thì chết.

Lãm, trước kia là học trò, ở Kinh, nhờ Thái y viện để dạy học. Một hôm, ngủ ngày ở hiên ngoài, xe vua đi qua, Lãm không biết, lính Cẩm y quát tháo. Lãm vội vàng chạy tránh, lại quay về lạy, nhận tội. Vua khen là người có nho hạnh, bảo Thái y viện cử làm Mậu uẩn. Chưa bao lâu, vua triệu vào, bổ làm Huấn đạo, thống trị huyện Hiệp Hòa, rồi Tri phủ Ninh Giang.

Lập cục Mậu tài.

Sai thợ đúc đồng xã Trang Liệt dạy thuộc viên Đồ gia đem các kim loại thử lửa, lập tức biết được tuổi đồng.

Dùng Nguyễn Trực Phương làm chủ sự Mộc Thương.

Tháng 8, ngày 7, giờ Mùi, có khí trắng ngay suốt phương cấn[1] sang phương khôn[2], như sông Ngân Hán.

Chiếu rộng tha những kẻ phạm luật lệ.

Những tù đồ lưu đến sung quân đều chiểu niên hạn, cho giảm bậc, cho hoàn lương. Những giặc trước thú sau trốn, từ tháng 8 về trước, đều cho miễn nghị; từ tháng 8 về sau, vẫn phải tội.

Tháng 9, Phạm Quỹ, Phạm Thiều đều bị giáng cấp. Khoa thi Hương ấy đều phải đệ quyển đỗ vào Kinh, bị đánh hỏng cũng nhiều. Quỹ, Thiều vì đều là Chủ khảo nên phải giáng cấp: Quỹ về Kinh điệu dụng. Thiều làm Đốc học tỉnh Sơn Tây.

Trước đây, ngày tháng 7, vua nghĩ sau tiết sương giáng, nước cạn, đầm trong, nhưng nước lụt mới xuống, thế tất chưa khỏi lầy ướt. Bèn cho 2 trường Hà Nội, Nam Định lấy tháng 10 vào trường thi, còn nhật kỳ vẫn theo như cũ. Từ đó về sau cứ thế mà làm.

Trường Hà Nội, Phạm Bá Phẩm xã Thổ Khối, Lê Hoàn Hậu xã Bát Tràng đều bị đánh hỏng.

Bắc Kỳ dân đói to (mỗi gánh thóc giá 4 quan tiền).

Đổi Ngự sử Bùi Quang Tiên làm Án sát. Bài biểu tạ của Cung Tiên có mấy câu rằng: "Đại chính Đại sự của nhà nước, thẹn không bằng ngựa chầu một tiếng kêu. Tiểu tỳ tiểu hà của mọi người cũng bắt chước đàn muông cùng đua sủa".

---

[1]. Cấn: đông-bắc.

[2]. Khôn: tây-nam.

Bãi ngạch lính 2 huyện Vĩnh Thuận và Thọ Xương. Đầu năm Tân Mão, lấy lính 2 huyện ấy đặt làm cơ Hà Thanh. Đình thần bàn rằng 2 huyện vẫn làm nghề buôn bán, không quen võ bị, cho thay nộp thuế thổ sản, mỗi suất 8 quan chia làm 2 vụ.

Mùa đông, tháng 10, Bắc Kỳ được mùa to, mỗi gánh thóc giá 1 quan tiền.

Ninh Thái tổng đốc Hoàng Văn Trạm chết, cho Tôn Thất Bật thay. Bật, trước làm Tuần phủ Hà Nam, thăng Nghiêm uy tướng quân thống chế Đô sát viện, tước nam. (Bật và Tôn Thất Bạch rất được vua thân yêu).

Tháng 11, cho Trần Đình Ái làm Tri huyện Gia Bình (dời lỵ sở đến xã Khoái Khê).

Ngày 16, dâng huy hiệu Hoàng thái hậu là Nhân tuyên từ khánh.

Ngày 27, làm lễ Đại khánh.

Ngày 28, chiếu rằng: "Đại đức hưởng thọ, giúp tại lòng trời. Thu phúc cho dân, theo lời Hồng phạm. Về tôn thân là đạt hiếu, mà được thọ bởi lòng nhân. Kính nghĩ: Thánh mẫu Nhân tuyên từ khánh hoàng thái hậu: đồ sử để thơm lâu, cư, hoàng[1] nêu đức tốt. Giúp nghiệp to tái tạo, hàm hoằng tỏ đức khôn nguyên. Dạy nối ngôi sáng thêm, khải địch để mưu phong dĩ. Lòng nhân suy ra cả họ, ơn cả thấm đến nước nhà. Sánh đất vô cùng to rộng, từ trời ban phúc lâu dài. Ngàn thu sao sáng soi, trong ngời biển quế, bảy chục tuổi tiên trường thọ, điềm quyến nhà huyên, thực là tổ tông để phúc, mà cho hoàn hải vui mừng. Trẫm, hầu gần khuôn

---

[1]. Cư, hoàng: hai thứ ngọc tượng trưng cho đức tốt của phụ nữ quý tộc.

phép, kính vẻ sáng tươi. Một lòng noi theo, nơi sáng thơm bảo lục. Chín châu vinh dưỡng, đón phúc cả từ vi. Đủ tôn phú để đón lòng vui, hết tình văn mà bày tiệc thọ. Tính chọn ngày 14 tháng này, cẩn cáo liệt miếu; ngày 16, phụng tiến ấn vàng, sách vàng, kính dâng huy hiệu, điển chương rực rỡ, hòa khí tưng bừng. Trời mưa chuyển thành tạnh sáng, lạnh rét đều tan. Ngày tốt mở ra đẹp tươi, điển nghi hoàn hảo. Càng tỏ ơn to, quyến hựu, còn nhiều phúc cả thọ khang. Nay gặp ngày tốt, bèn làm lễ to. Ngày 24, kính cáo điện Phụng tiên. Ngày 27, thân đem các em, các con và quần thần, dâng kim tiền, làm lễ thọ. Rộng hiếu đạo để ban phúc, còn mong hưởng thụ như nhật nguyệt sáng soi. Vâng từ tâm mà ra ơn, để thỏa lòng dân đều trống chiêng nhảy múa. Than ôi! Đại thọ ban đại ân, trời cho đã khắp. Huệ tâm hợp huệ đức, dân vui vô cùng. Tám ngàn năm làm xuân, ta một người thỏa lòng hiếu dưỡng; cứ mười năm một tiệc, ngươi thần dân đón mãi ân quang. Báo cáo gần xa, để cùng nghe thấy".

Phàm những sự nghi nên làm, ân chiếu kê ra như sau:

- Những thuế thiếu từ năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) trở về trước đều cho miễn.

- Các kỳ lão, 80 tuổi trở lên, thưởng 1 quan tiền, 1 phương gạo; 90 tuổi trở lên 1 tấm vải, 2 phương gạo; 100 tuổi trở lên 1 tấm lụa, 3 phương gạo.

- Gia ân cho Tú tài mỗi người đều 1 phương gạo.

- Cấm hành hình 12 ngày.

- Cấm sát sinh 5 ngày

v.v... (xem thêm các sách khác).

Năm sau, đem vải Tây trắng mà lễ Đại khánh đã dùng,

chia cho quan phủ 2 kỳ Nam, Bắc mỗi phủ 7 tấm, chiếu theo quan giá, bán cho dân.

Tháng 12, ngày Ất Mão (ngày 12, giờ Ngọ), có sấm.

Ngày Đinh Mão (ngày 24, giờ Sửu), Bắc Ninh động đất (núi Lãm Sơn bị xé lở, có tiếng như sấm).

Tri phủ Từ Sơn Đỗ Công Lãm phải giáng cấp, làm tiểu bộ quân vụ. Lúc ấy, Từ Sơn có tên giặc trốn trước thú, sau trốn, rồi lại ra thú. Lãm giao cho Tổng lý quản thúc. Chưa bao lâu, nó lại trốn, cho nên Lãm phải đi tìm bắt tên giặc ấy. Sau, bắt được ở Vị Hoàng, đem giết đi. Đổi Lãm đi Tri phủ Thiên Phúc.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế lĩnh Binh bộ Thượng sư, sung Cơ mật viện Đại thần, gia quân công 1 cấp, kỷ lục 1 thứ, quản lý Khâm Thiên giám sự vụ.

Phụ: Quế khai khẩn 100 mẫu ruộng cỏ ở Đông Sơn. Kẻ cướp vào trại cướp trâu, Quế kiện, quan tỉnh bắt Cai tổng đền trâu.

Mậu Tuất năm thứ 12 (1838), Thanh, Đạo Quang thứ 18.

Mùa xuân, tháng giêng, Lang trung Trụ bị cách chức. Trụ người xã Tử Nê, vì viết tờ chiếu, viết sai mặt, cho nên bị cách chức, năm Nhâm Dần (1842) phải về quê làm dân.

Đô sát Hoàng Dũ Quang, miễn quan, về để tang cha mẹ.

Ngày 19, ngày Nhâm Thìn, giờ Mão, Bắc Ninh động đất.

Điều động đinh phu sửa sang đê Văn Giang. Những chỗ sâu và xung yếu ở ngoài đê đều cho đóng cọc, kè mặt đê, trồng liễu.

Khai phục Trần Thế Nho làm Bát phẩm thư lại.

Tháng 3, ngày 2, bắt đầu đổi quốc hiệu là Đại Nam. Tờ chiếu đại lược: "Triệu Tổ gây nền cõi Nam, đến Thế Tổ có cả Việt Thường, những nơi đầu có tóc, miệng ngậm răng đều lệ thuộc bản đồ, ven biển góc núi đều là đất vua... Vậy bắt đầu từ năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) đổi quốc hiệu là Đại Nam, hoặc xưng là Đại Việt Nam quốc cũng được".

Sai nho thần soạn mục lục sách *Minh Mệnh chính yếu*, độ cẩn thận tinh tường đối với phú lương chế độ gồm 22 điều kính thiên (kính trời).

Thẩm quan (thận trọng dùng người). Thẩm pháp độ (cẩn thận tinh tường đổi mới pháp chương chế độ). Pháp tổ (theo gương tổ tiên) mục thân hòa (thuận với bà con họ hàng) chế hình, trọng năng, sung kiêm giáo hóa, quảng ngôn lộ, cầu hiền, lễ nhạc, cần chính ái dân thể thần, phủ biên nhu viễn, phấn vũ, thận tài phú, cố phong thủ.

Ngày 20, cho đưa những người tội lưu vào tỉnh Bình Thuận.

Ba con Phạm Văn Thúy đã trưởng thành, phải viễn lưu đi Cao Bằng (xem mục Nhâm Thìn, 1832)[1]. Đưa cả dòng dõi nhà Lê vào tỉnh Trấn Tây[2] đều cấp cho trâu cày, điền khí để sinh cơ lập nghiệp.

Chia phủ, huyện các tỉnh. Chia huyện Nam Chân đặt thêm huyện Chân Ninh; chia huyện Vĩnh Lại đặt thêm huyện Vĩnh Bảo.

Cho Viên ngoại lang Trần Danh Lâm người xã Kinh Uyên làm Tuần phủ Lạng Sơn, lĩnh chức Bố chính sứ (xem thêm năm Đinh Mùi, 1847).

---

[1]. Vì Thúy liên can vụ Lê Văn Khôi.

[2]. Tức nước Cao Miên.

Cho Phùng Đắc Ninh làm Bố chính Hà Tĩnh (xem năm Tân Mão, 1831).

Hải An (Yên) tổng đốc Nguyễn Công Trứ sửa sông Cửu An (xem năm Bính Thân, 1836).

Mùa hạ, tháng 4, Đình thí Tiến sĩ. Cho bọn Nguyễn Cửu Trường 10 người, cập đệ xuất thân có thứ bậc. Hoàng giáp Nguyễn Cửu Trường (người huyện Tống Sơn), Phạm Văn Nghị (người tỉnh Nam Định); Đồng tiến sĩ Nhật Thận, Phạm Chân, Lê Thiên Trị (người Quảng Nam); Doãn Khuê (người Nam Định)...

Trước đấy, có viên văn hàn người xã Khắc Niệm, là hàng thần[1] làm Tri huyện Thanh Oai, cố ý tha tên tù trốn mà đốt giết một kẻ ăn mày để thay vào. Việc phát giác, bỏ quan trấn đi, lại dính líu vào án làm giặc. Chưa kịp nã bắt, thì viên ấy ở làng Đông Loan tự trầm chết, xác trôi vào làng Vũ Dương. Khoa ấy con trai là Thành ra thú, thi Hương đỗ Cử nhân, thi Hội đỗ Tiến sĩ. Bộ thần trích ra việc người cha can án liên kết với giặc, mà con là Thành thú không nói hết. Vua giao cho đình thần bàn. Từ công văn đến tỉnh Bắc Ninh[2] bắt giải người trong họ phải để tang nhau 1 năm là tên Hương đến trấn tra xét. Cuối cùng con là Thành bị cách cả Tiến sĩ, Cử nhân, chịu làm tội đồ đi tỉnh Hà Tĩnh.

Tham bổ: Tháng 3 thi Hội. Vua ngự lầu Minh Viễn xem làm văn. Cho các Cử nhân than để sưởi; trưa đến ban bánh và nước trà. Đến lúc Đình thí, trúng cách, cho mỗi người 2 áo thụng, 1 cây lọng, cho cưỡi ngựa vào vườn Quang Thư, xem hoa; vào Trừng Tâm các ăn yến.

---

[1]. Trước là quan văn nhà Tây Sơn.

[2]. Vì làng Khắc Niệm thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Chiếu: học thần trong Kinh, ngoài tỉnh về kỳ khảo khóa vụ hạ, vụ đông. Đổi tháng mạnh thi vào tháng trọng (vì tránh mạnh đông [tháng 10] có kỳ thi Hương).

Tháng 5, ngày 6 phía tây nam có khí trắng dài như cái kích (hồi lâu mới tan).

Bố chánh Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai bao vây huyện Lang Tài, bắt được người đạo Gia-tô đem về. Trước đây, ngày tháng 3, Quảng Yên có 100 thuyền biển đỗ gần tỉnh thành, nói là đi đánh cá. Có gươm giáo sắc bén, quan tỉnh hỏi bắt nộp thuế đánh cá, thì trong thuyền bắn súng ra, bắt lính, cướp bóc, Lãnh binh cùng Chánh vệ đều thua chạy. Việc ấy đến tai vua. Chiếu: các tỉnh gần Quảng Yên, cứ 3 tháng một lần đi tuần. Lại có người nói người đạo Gia-tô phần nhiều ở trà trộn trong các tỉnh, cùng các thuyền biển thông tin tức. Chiếu cho bắt người đạo Gia-tô: ai bắt được thưởng 3 hốt vàng. Đến đấy, Đăng Giai vây làng An Trọng, huyện Lang Tài, bắt được người bên đạo đem về. Người ấy mặt vuông, mũi to, râu tóc đều quăn, hay nói cười cùng quan tỉnh, đối đáp nhanh lắm. Lại nói: theo đạo thì giữ được trị an.

Tham bổ - *Ngoại truyện* chép rằng: Thông phán Quảng Yên là Nguyễn Kiên buôn gạo đem ra cửa biển, bị giặc cướp mất gạo, Kiên chạy về tâu dối rằng: Cửa biển có giặc. Quan tỉnh Nam Định thấy người đạo Gia-tô nhóm họp, yêu sách tiền bạc, gây thành cuộc loạn. Cuối cùng tỉnh thần bị giáng cấp, đợi tra. Rồi cho tỉnh thần Sơn Tây kiêm coi Nam Định.

Tháng 6, ngày 13, phía đông bắc có hai luồng khí trắng vắt ngang trời. Giây lát vòng lại như cầu vồng.

Nghệ An, Hà Tĩnh đại hạn.

Đồ Sơn có lệ khí (xem dưới đây).

Chiếu cầu hoạn quan (lấy từ 13 tuổi đến 65 tuổi).

Mùa thu, tháng 7. Cấm dân gian chứa riêng vàng bạc. Lúc bấy giờ, giá vàng Nhà nước 400 quan, bạc 28 quan (một nén), dân gian nhiều người chứa giấu, giá càng cao vọt, vàng đến 900 quan, bạc đến 60 quan (một nén).

Tháng 8, Thanh Hoa có bão. Đồ Sơn, Tiền Hải đổ cả cây lớn, nhà to cũng đều tốc mái hoặc sụp đổ.

Mùa đông, tháng 10. Bắc Ninh được mùa to. Gánh thóc giá 1 quan 3 tiền. Ninh Thái tổng đốc Bật tâu rằng: Mưa thuận, lúa tốt, các kho thóc đầy. Thuế thóc vụ đông xin cho dân nộp 7 phần 10 bằng tiền. Vua vui mừng, nói rằng: Tôn thất có người khá đấy[1]. Bèn cho Bật gia 3 cấp. Bật lại dâng biểu xin mua thóc. Vua nói: "Mua thóc để chứa, cũng là phép tốt; nhưng chỉ béo cho bọn lại viên coi kho, vơ được đầy túi, còn bình dân chưa chắc được nhờ ơn thực. Chi bằng cứ chiếu nộp bằng tiền mà đặt thêm kho chứa".

Bật thường cùng Bố, án đi tuần 4 phủ, lưu liên hát xướng. Đi qua huyện nào, Tri huyện đều đón tiếp cung đốn trâu, gạo; duy Tri huyện Lang Tài họ Bùi không chịu cung đốn. Sau Bật vì lấp đường nội thành, thê thiếp đố kỵ, bị Đăng Giai trách móc, cho nên người ta đều khinh Bật là võ biền. Có người học trò xã Xuân Lôi đột ngột đến hỏi Bật về chữ nghĩa, lại hỏi: "Cướp thực ấp mà người ta không oán (Quản Trọng), chịu mất trâu mà không tranh biện (Trác Mậu), xuất xứ từ kinh điển nào?". Bật im lặng có vẻ xấu hổ!

Án sát Quảng Yên phải giáng cấp, đi tiễu bộ quân vụ. Trước đây, người châu Mộc, xã Văn Chấn, có tội bị đày ở

---

[1]. Bật là người họ Tôn Thất.

Quảng Yên, quan lãnh binh ăn của đút, tha ra. Chấn trốn về châu, giết nhà có thù hơn 10 mạng. Cho nên Lãnh binh bị nã, án sát phải đi bắt giặc.

Hà Tông Quyền chết. Kiến An công Đài là con nhỏ hoàng thái hậu, được vua yêu. Bấy giờ vua bãi lập thái tử. Gặp lúc đại triều hội, các người thân huân đều có mặt ở đấy. Vua hỏi Tông Quyền việc lập thái tử. Quyền tâu rằng: "Xin bệ hạ lập hoàng hậu trước, ngôi hoàng hậu ổn định rồi thì ngôi thái tử cũng ổn định". Kiến An công Đài không bằng lòng. Lúc bãi triều rồi mời Đài, Quyền đến phủ uống rượu. Quyền dạ dạ nhận lời. Khi Quyền đến, cầm trùy đánh vỡ đầu, ném xác Quyền xuống sông. Đài vào triều, nhận tội, nói rằng: "Tông Quyền là kẻ đại nịnh, thần đã giết và chôn rồi". Vua thương quá, cho đem gấm lụa và quan tài khâm liệm, cho nhiều bạc tiền, sai quan dùng thuyền hải vận hộ tống đưa về quê chôn. Tháng 6 năm sau, thuyền tang về đến Hà Nội, tỉnh thần tế điện. Quyền không có nhà to, vua cho tiền bạc làm nhà. Đến năm Ất Tỵ (1845), con em cải táng, mở quan tài ra, chỉ thấy quan tài trống rỗng, vào Kinh tâu lên. Vua nói: "Chết muốn chóng nát, nghĩa là thế đấy!".

Tháng 11, cho Lê Văn Đức lại làm Binh bộ Thượng thư, kiêm bộ Lại. Đức vào triều, ở Kinh sống trong yêu thương đầm ấm, thường được chầu hầu, ban bút ngoại quốc hàng 10 ngọn. Vua cho Đức cùng Trương Đăng Quế và Hà Tông Quyền[1] tự chọn lấy cái nào tốt. Lại cho Đức bất thời đến Quốc tử giám, cùng Tế tửu và Tư nghiệp khảo duyệt Giám sinh, ấm sinh, cho họ học được tiến bộ.

---

[1]. Tác giả *Quốc sử di biên* nhắc lại sự kiện khi Tông Quyền chưa bị giết.

Cho Đốc học Nam Định Nguyễn Phác làm Tư nghiệp Quốc tử giám (xem năm Nhâm Thìn, 1832).

Cho Hoàng giáp Đỗ Tông Quang làm Án sát (xem thêm năm Nhâm Thìn, 1832).

Cho Trương Đăng Quế quản lý Khâm thiên giám. Ngũ quan chánh 3 người, linh đài lang 3 người, Giám chính, Giám phó đều 1 người, Khác Cẩn ty 7 người.

Thượng thư bộ Hình là Bùi Phổ chết. (Phổ do văn hàn tri 3 huyện, 3 phủ, làm Tham tri 3 bộ rồi lên đến Thượng thư. Phổ là người thanh liêm giản dị, vì ốm xin nghỉ việc, đến đấy chết. Vua cho tiểu hoàng môn hỏi thăm, chiếu sai Tri huyện Thanh Trì làm nhà thờ).

Kỷ Hợi năm thứ 20 (1839),
Thanh, Đạo Quang năm thứ 19.

Mùa xuân, tháng giêng. Lang trung Phạm Gia Lâm bị cách chức (Lâm người xã Hương Canh, làm phân khảo trường thi Hội, mang sách vở vào trường, việc phát giác, bị buộc về hưu trí với hàm Giáo thụ).

Bắc Kỳ có dịch lệ to. Năm tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên và Quảng Yên lại càng kịch liệt. Tháng 2, ban thuốc viên chữa dịch cho 5 tỉnh Bắc Kỳ.

Tháng 3, quan 5 tỉnh biểu tâu những nỗi đau khổ của nhân dân. Tháng 6 năm trước, lệ khí từ Đồ Sơn phát ra, truyền nhiễm 5 tỉnh, nhân dân chết dịch đến hàng vạn người. Đến cả trâu, chó cũng toi vì dịch, ruộng đồng bỏ hoang. Đến đây 5 tỉnh đặt đàn tế "kỳ yên". Biểu tâu vào Kinh, vua cho tiền tuất theo lệ, những người ngoại tịch và hạng đồng ấu, chỉ cấp cho mỗi người 1 quan tiền. Lại hoãn

việc trưng binh cho 5 tỉnh, tô ruộng cho để về vụ đông, thuế vụ hạ, cho nộp 3 phần tiền, 7 phần thóc.

Mùa hạ, tháng 4, sai Đô sát viện Ngự sử 5 người đi xét quan lại 5 tỉnh: nếu có quan lại tham ô, hình ngục oan uổng, dân tình uất ức không được giãi tỏ, quỷ thần bị bỏ không tế, tỉnh thần đều phải kiểm điểm, tu tỉnh, cho làm biểu tâu lên. Các quan 5 tỉnh tâu nói: Từ khi có cuộc binh biến Vân Trung[1] về sau, việc hình án phần nhiều bởi việc kho tàng thóc lúa mà ra, không khỏi có sự làm bậy!

Lại sai Tiến sĩ Bình Định Lê Văn Chân lấy 10 xe, đem đội thị vệ ăn mặc theo lối vi hành, bí mật do thám sự u ẩn dân tình và những điều hào gian ác, biên thành tập sách mang về tâu.

Chiếu các phủ cử Cống sinh, hạn tuổi 40 (Sĩ Tân là Cống sinh Nghệ An, chưa 40 tuổi đã xin ra làm quan. Trung nha giám có câu chế giễu rằng: "Tam tự nhân chi sơ; Tứ thập cường nhi sĩ", ý nói: Chỉ học mấy chữ *Tam tự kinh*; Đến 40 tuổi khắc được làm quan.

Thăng Trần Đình Ái làm Tri phủ Thuận An. Ái là người nóng, thẳng, thường nhân việc công đến huyện Gia Bình, viên Tri huyện Gia Bình cho Ái là Cống sinh, coi thường, không đứng dậy làm lễ. Ái nói: "Ông là Cử nhân, tôi là nhân cử. Cử nhân lại kiêu ngạo với nhân cử hay sao?". Do đấy, Tri huyện hơi tự nén mình đi.

Cho Đại lý tự khanh Nguyễn Công Hoán quyền Án sát Hà Nội. Lúc ấy, Bố chính Tiệm chứa thóc buôn bán với dân, lấy tiền bạc đến hàng nghìn. Hoán đem việc ấy tâu lên.

---

[1]. Chỉ cuộc nổi dậy của Nông Văn Vân.

Tiệm cho người đón đường, ngăn ngừa trạm chạy tờ tấu ấy không kịp. Tiệm bèn tâu quan rằng những tiền bạc ấy để cấp cho người nghèo thiếu, khi vội vàng cũng đủ. Vua giận quá, có Chỉ đợi đến mùa thu đem Tiệm ra chém.

Chiếu: Những quan viên nhân làm việc công nhầm lỡ bị giáng, cách, đều cho khai phục. Từ ngũ phẩm trở lên đều sai phái đi thành Trấn Tây, dạy dân cày cấy (từ Gia Định đi đường thủy đến Trấn Tây). Thăng Án sát Định Tường Tô Trân làm Ngự sử (do trước có tang mẹ, Trân miễn quan). Trân làm quan thanh bạch, giữ gìn, nhưng hầu như không ngày nào là không vay mượn của bạn đồng liêu, cho nên người ta cũng khinh.

Nước Xiêm đến lấn cướp. Vua triệu Tổng đốc Đặng Đình Hòa, Nguyễn Công Trứ và Tạ Quang Cự cho đi kinh lý ngoài biên. Trước đây, nước Cao Miên có núi Đậu Khấu, giáp giới thành Trấn Tây. Trấn Tây, Lê Đại Cương lấn chiếm (xem năm Giáp Ngọ, 1836) lại tuyên bố rằng sẽ giết hết hàng dân Trấn Tây. Những dân đã đầu hàng vì thế sợ hãi, đem chôn sống người già và trẻ con, bỏ đất không, chạy về Cao Miên. Đại Cương phải tội xử lăng trì. Nước Cao Miên cầu nước Xiêm đến cứu, tránh núi Đậu Khấu. Vua sai Trương Minh Giảng đi chống đánh, bất lợi, tướng sĩ chết nhiều. Bèn sai lũ Đình Hòa đi chiêu thảo, bắt được chủ tướng[1] đem về. Lại cho Lê Văn Đức và Doãn Uẩn đem thủy quân đi đánh. Tiền quân Năng làm Xử trí sứ. Sau, Doãn Uẩn cùng với nước Xiêm giảng hòa. (Uẩn đỗ Cử nhân, người xã Ngoại Lãng, huyện Thư Trì, làm Án sát Thái Nguyên. Em đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất - 1838, lại một em đỗ Tú tài).

---

[1]. Nguyên thư in là 獲其主妓以歸 "hoạch kỳ chủ kỹ dĩ quy".

Tháng 5, Tri phủ Thuận An Nguyễn Hữu Tế và Tri huyện Gia Bình đều phải nghỉ việc, đợi tra. Tri huyện Gia Bình vốn dung túng người nhà, bấy giờ trong hạt, xã Du Tràng có lính trốn, Tri huyện cho em vợ đi bắt bức bách người đến chết đuối, bị dân kiện, Tri phủ để lằng nhằng không lập án. Gặp có Đô sát viện Ngự sử đi thanh tra đến Hà Nội, khổ chủ đem việc phúc bẩm, cho nên Tri phủ và Tri huyện đều phải nghỉ việc, đi Hà Nội, đợi tra.

Nguyễn Đăng Giai được thăng Tuần phủ.

Tháng 6, Hà Ninh tổng đốc Vũ Xuân Cẩn xin làm phép quân điền ở Hà Nội. Cẩn tâu tỉnh Hà Nội công điền 5.000 mẫu, mà tư điền hơn 70.000 mẫu, giàu nghèo chênh lệch, cho nên đến nỗi binh lính trốn nhiều. Vậy xin làm phép quân điền. Lục bộ lại bàn rằng: "Khắp gầm trời, chỗ nào cũng là đất của nhà vua, sao nên để cho dân của nhà vua có sự giàu nghèo không đều!". Vua ra Chỉ cho Lục bộ hết lòng nghĩ bàn tâu nên, cho đem tất cả số ruộng chia đôi ra lấy một nửa làm công điền, cấp cho dân đinh, còn một nửa trả cho nguyên chủ giữ lấy làm ăn.

Chiếu: Năm sau gặp lễ Ngũ tuần đại khánh, mở ân khoa: lấy năm Canh Tý (1840) làm ân khoa, năm Tân Sửu (1841) làm chính khoa. Lại sai quan các tỉnh đều làm một tòa rạp kết hoa chứa được vài trăm người, làm sẵn đem vào Kinh dựng. Lại chiếu cho các quan phủ, huyện và kỳ lão 2 kỳ Nam, Bắc đúng hạn vào Kinh chúc thọ theo thứ tự lĩnh thưởng, nếu ai dâng vàng bạc, sẽ phong tước có thứ bậc.

Tuần phủ Bắc Ninh làm rạp kết hoa, đều chạm trổ và trang sức bằng gấm vóc, tốn đến vài trăm. Câu đối dán cột rạp hoa rằng: "Nam phong chi huấn, nam phong chi thời; Cửu bệ tuyên truyền Thuấn đán; Bắc sơn hữu tang, Bắc sơn hữu kỷ,

vạn niên khánh chúc Chu thi". Nghĩa là: Gió nam vừa mát mẻ, gió nam vừa hợp thời. Chín bệ tuyên truyền ngày Thuấn; Núi bắc có cây đậu, núi bắc có cây kỷ, muôn năm mừng chúc thơ Chu. Vua ban khen, thưởng 1 hốt bạc.

Đê Lạng Giang bị vỡ, Tri phủ Bạch Đông Ôn bị giáng cấp.

Cho Tuần phủ Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai quyền giữ ấn quan phòng Ninh Thái tổng đốc.

Ngày 28, ngày Quý Tỵ lập thu, mưa to. Thành Bắc Ninh lở. Mặt đất nước sâu 1 thước. Cửa thành đông bắc sụt lở 50 trượng. Chiếu cho mua củi, nung gạch, để xây thành.

Cho họ Bùi, Tri huyện Lang Tài, thăng Tri phủ Thiên Phúc, sau thăng Án sát Ninh Bình. (Bùi đỗ cử nhân, người huyện Thần Khê, Tri huyện Lang Tài).

Cho Trần Thế Nho làm Huấn đạo Quảng Yên.

Mùa thu, tháng 9, ngày 10, mưa to, huyện Yên Phong bị nước ngập. Ngày mùng 3 tháng ấy, Bắc Ninh mưa to, mưa mãi đến mồng 7 mới tạnh. Đến ngày 10, bão to, nước sông Yên Phong tràn vào xã Đặng Xá và xã Đào Xá, thành tỉnh bị lở, lúa ruộng ngập mất 7 phần 10. Các quan phủ huyện bắt dân phu chở đá ong từ huyện Hiệp Hòa đến xây thành. Quyền Hộ đốc Nguyễn Đăng Giai đội nón, mặc áo tơi, đứng coi cả lúc trời mưa. Rồi tạm hoãn. Tháng ấy đào, mận có hoa.

Mùa đông, tháng 10, phát hành tiền đồng cho 2 kỳ Nam, Bắc, có 2 hạng tiền đồng lớn và nhỏ. Hạng lớn ăn 3 đồng tiền kẽm, hạng nhỏ ăn 2 đồng tiền kẽm. Công, tư mua bán lấy đấy làm chuẩn. Cho bắt đầu lưu hành từ tháng giêng năm ấy.

Phát cho lính chiêu mộ Bắc Kỳ đi thú thành Trấn Tây. Lính nào trốn, bắt nguyên quán phải bổ sung, xăm chữ vào

trán, đều đặt dưới quyền tiết chế của Đặng Đình Hòa đóng thú thành Trấn Tây.

Bắc Ninh, dân bị đói (mỗi gánh thóc giá 2 quan 2 tiền). Chiếu cho hoãn thu thuế vụ đông. Lại nghĩ: dân bị thủy hại nhiều lần, miễn tiền đầu lõi, gạo cước về thuế thân, thuế điệu cả năm. Còn điền tô tính 10 thành, tổn hại 6 phần thì giảm 6, tổn hại 7 thành thì giảm 7.

Ngày Bính Ngọ (ngày 14), có sấm ở phương Tây.

Cấm dân gian không được mặc áo gấm tầu, áo sa hoa ngày thường. (Quan từ ngũ phẩm trở lên không cấm. Dân gian có cát lễ như lễ đội mũ, lễ cưới cũng không cấm mặc áo gấm, sa ấy).

Cho: Vũ Hồng Tộ quyền thự Tổng đốc Hải Yên, Tôn Thất Bật quyền thự Tổng đốc Hà Ninh.

Cho Tri huyện Tiên Du là Hoàng Nho Nhã quyền Tri phủ Thuận An. Cho Mỗ đoàn ngũ lang Nguyễn Huy Quán quyền Tri huyện Tiên Du. (Quán là con Huy Lý).

Tháng 12, ngày 10, phía tây bắc mây nổi như bức thành.

Bắc Kỳ có sản sâm Cao Ly. Nhân sâm Cao Ly lá như lá biển súc, hoa như hoa rau ram (mã đề), sắc tía trắng, cây cao 5 tấc, rễ như rễ mạch môn, vị ôn hòa và ngọt.

Tri huyện Để Định Lê Đình Công bị cách chức, vì cớ xét việc án mạng không xong. Đến năm Đinh Mùi (1847), Công chết.

Phong hoàng tử lên tước Trường Khánh công, coi quản Tôn nhân phủ.

Cho Trương Đăng Quế làm Thái tử Thiếu bảo, Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Binh bộ thượng thư, sung Cơ mật viện đại thần, gia 1 cấp, kỷ lục 6 thứ, tước Tuy Thịnh nam, quản lĩnh

Khâm thiên giám sự vụ. Con gái Quế làm vợ vương tử. Vợ Quế là chị em gái với vợ thái tử (... có câu rằng lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số, vốn được ở Trương Đăng Quế).

Canh Tý năm thứ 21 (1840),
(Thanh, Đạo Quang năm thứ 20).

Mùa xuân, tháng giêng. Chiếu: nhà giàu cho nhà nghèo vay. Vì lúa năm ấy mất mùa, nên ra lệnh cho dân: giàu nghèo giúp đỡ lẫn nhau; nhà giàu chỉ đủ số thóc ăn trong vòng 1 năm, còn thừa thì bán cho Nhà nước hoặc cho dân nghèo vay.

Điều động dân phu đắp đê Văn Giang.

Tháng 2, mồng 1, ngày Nhâm Tuất, nhật thực.

Tháng 3, phủ Hoài Đức cháy to.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 23, cử hành lễ đại khánh tiết Vạn Thọ (ân tứ 18 điều), yến tiệc, nhã nhạc trọng thể, làm to hơn nghi tiết năm Canh Dần (1830). Kỳ lão 2 kỳ Nam, Bắc ai không đến Kinh đô được, đều cho dân đến tỉnh lĩnh yến. Dân giàu cung tiến từ 1 hốt bạc trở lên đều ban cho 10 đồng Long văn ngân tiền hoặc cho chức tuần huyện. Vua thấy quan các tỉnh làm rạp hoa rất xa xỉ, răn rằng chớ lại làm như thế nữa. Sau đó, chuẩn định giá Nhà nước, cho thần dân mua lại những rạp ấy.

Chiếu giảm bớt lại viên (mỗi phủ, huyện chỉ lưu 5 người).

Cấm đẵn cây cối ở rừng Đình Bảng. Đầu năm Gia Long, Nguyễn Văn Thành tâu xin hủy rừng ấy (xem năm Giáp Tý[1], 1840). Đến đây, cây lại mọc lên. Cấm dân không được đẵn làm củi.

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là Giáp Ngọ 甲午.

Bắc Kỳ, lúa chiêm được mùa to.

Nghệ An, đại hạn, nước ngọt đều kiệt hết.

Khai phục: Vũ Xuân Cẩn làm Bố chính Khánh Hòa (xem năm Đinh Hợi, 1827), Nguyễn Hoằng làm Tri phủ Khoái Châu (xem năm Ất Mùi, 1835).

Tháng 5, Bắc Kỳ mưa mãi không tạnh. Các tỉnh Hải Dương, Sơn Tây, Hà Nội, Bắc Ninh vỡ đê. Mưa từ tháng 5 đến tháng 9 không tạnh, lại bão to. Hải Dương thì Kinh Môn, Kiến Thụy; Sơn Tây thì Bạch Hạc, Yên Lạc, Yên Lãng; Hà Nội thì Thường Tín, Thanh Trì, Ứng Hòa, Lý Nhân; Bắc Ninh thì Đông Ngàn, Tiên Du, Hữu Lũng, các phủ huyện ấy đều vỡ đê, lúa ruộng chìm ngập. Dân huyện Thượng Phúc xin xây cống để phòng thủy tai.

Tháng 6, ngày 6, bầu trời có khí trắng suốt Nam - Bắc như sông Ngân Hán.

Ninh Thái tổng đốc Nguyễn Đăng Giai sửa đắp thành Bắc Ninh (bỏ đá cũ, dùng gạch mới. Trước dùng lính tỉnh xây, sau thuê dân phu, đến tháng 12 hoàn thành). Trí sĩ Nguyễn Đăng Sở chết (87 tuổi, an táng ngày 17 tháng 12. Xem thêm năm Bính Tuất, 1826. Vợ Sở là Lê thị chết năm Kỷ Dậu, 1789).

Gia hàm Hàn lâm viện Thị giảng cho Đốc học Bắc Ninh Bùi Trần Đàn. Trước đây, triệu Đàn vào viện làm Thị giảng, Tổng đốc Đăng Giai tâu: Đàn ở giáo chức, sĩ tử ái mộ, xin cứ để lưu ở Bắc Ninh, cho nên đặc cách gia hàm cho Đàn.

Ban sắc bách thần Bắc Kỳ. Các đền thiêng, cầu đảo linh ứng, đều ban sắc cho dân phụng thờ như cũ. Lại ban cho mỗi vị thần một bộ mũ áo chầu và các thứ kim tiền, ngân tiền, hương, sáp.

Tham bổ: Các thần thiêng như Phù Đổng[1], Thụy Hương[2], Tản Viên sơn, Chử Đồng Tử và Liễu Hạnh công chúa, mỗi khi có việc xuất quân đánh dẹp và thuyền biển vận tải, cầu đảo, bèn linh ứng.

Cho Ngô Huy Du làm Tư vụ (Du là viên tử, con Tuần phủ Toàn).

Mùa thu, tháng 7, tải tiền kho Bắc Ninh đến Hưng Yên (chuyển vận vào Kinh 20 vạn quan tiền).

Thuế tiền và thóc vụ hạ năm ấy cùng với thuế 2 vụ năm trước đều cho dân nộp cả.

Tháng 8, ngày 27, Ninh Thái tổng đốc Nguyễn Đăng Giai tâu xin đặt đàn chay. Bấy giờ Đô thành có lệ khí, chiếu tìm pháp môn và lương y. Giai nhân tâu trong hạt bị chết dịch kể đến nghìn người. Xin lấy tiền kho làm đàn chay ở tỉnh thành 3 ngày đêm, cho sư chùa Bồ Sơn trông coi việc này. Tri huyện Quế Dương vì kiêu ngạo với sư, bị tham hặc (xem dưới đây nói về chùa Đại Giác ở Bồ Sơn).

Tháng 9, quan trường Gia Định là Phạm Sĩ Ái chết (chết ở trong trường thi Hương. Ái là người xã Trung Lập, Tiến sĩ khoa Nhâm Thân, 1832).

Chiếu cho biền binh nghỉ ngơi 3 tháng. Sau cho 1 phiên làm việc, 2 phiên nghỉ ngơi (Lính làm việc, mỗi ngày 1 lạng gạo, 1 đồng tiền. Lính nghỉ, không phát lương mà sưu sai cũng không miễn...).

Cho lính 5 tỉnh đi thú tỉnh Cao Bằng (mỗi tỉnh 30 người, cho 6 tháng một lần đổi).

---

[1]. Đền Gióng.

[2]. Đền Chèm.

Mùa đông, tháng 10, ngày Ất Sửu (mồng 9) sấm động, cầu vồng mọc. Từ đấy, mây thành thường nổi lên

Tháng 11, Nguyễn Đăng Giai dựng chùa Đại Giác. Giai có con là Bình, lên 6 tuổi, thông minh hơn người. Giai yêu lắm, nhân Bình bị chết dịch, Giai nghe lời sư, dựng chùa trăm gian ở Bồ Sơn, tô tượng thếp vàng; chung quanh chùa xây tường bằng đá. Ngày 22 tháng ấy đúc 1 chuông, 2 khánh. Lại xây tháp ở sau chùa chứa hài cốt con vào đấy. Lại tạc 2 tượng hai vợ chồng gọi là Pháp Phương, Pháp Thanh, khắc bia đá (làm kỷ niệm). Ngày 19, tháng 6, năm Nhâm Dần (1842), thụ giới sư, tự mặc áo cà sa, đeo tràng hạt, làm pháp sư.

Tháng 12, ngày Giáp Tý (mồng 8), phía tây bắc mây nổi như thành. Từ đất lên trời có một đường sắc vàng, dần quá nửa trời, vàng biến trắng, biến đen, lại lặn về phía tây bắc.

Cho Thống chế Nguyễn Tâm làm Tổng đốc Hà Ninh. Tâm người Nam Kỳ, trước tên là Vận, làm trưởng hiệu, có tội đáng phải chém. Lê Tông Chất tiếc là người có tài lực, xin tha cho, dùng làm hỏa đầu. Đến lúc có loạn Văn Khôi, sai Vận chiêu mộ nghĩa binh đánh giặc lập công, từ Đốc phủ thăng Thống chế, đổi tên là Tâm. Đến đấy, Tổng đốc Bật vào Kinh chầu vua, cho Tâm thay làm Tổng đốc Hà Ninh.

Cho Đặng Đình Hòa làm Tổng đốc Bình Định.

Nhân tiết Đại khánh, Hòa theo ân chiếu, tha những tù tội lưu về quê. Tù phần nhiều đói khổ, được ân xá, liền ra chợ, ức hiếp mua quà bánh. Hòa thấy bọn tù ấy lại tái phạm, muốn chém hết cả đi. Vợ Hòa khấu đầu can ngăn, bọn tù ấy được miễn (xem thêm năm Đinh Mùi, 1867).

Cho Nguyễn Công Trứ làm Tổng đốc An Giang. Chiếu

tặng phong cho cha mẹ của Trứ. Hoàng giáp xã Hoa Điếm là Đỗ Tông Quang làm bài trướng mừng có câu: *"Đại trượng phu dương danh, hiển thân chi vị hiếu; Thánh thiên tử suy ân, tích loại dĩ thù trung"*[1].

Mở phố Khánh Ninh ở cửa đô thành (để cho khách trú Minh Hương ở).

Bãi lệ tỉnh thần dâng bạc về các tục tiết (hoặc chỉ cho dâng phương vật).

Đổi chức Đốc phủ gọi là Trú phòng (năm Tân Mão (1831) cấp cho lính cơ và lính tứ chính quan dần đổi, nhưng lính không đổi).

Chiếu bàn về Trấn Tây thành nên giữ hay nên bỏ. Vì cho Trần Đình Ái đi hiệu lực thành Trấn Tây, Ái có vẻ lấy làm khó khăn không muốn đi.

Đăng Giai nói: "Đó là dịp trượng phu lập công". Rồi vua cấp cho bạc, tiền, sai đi.

Bề tôi trong Nội các là Phan Huy Thực trí sĩ.

Hình bộ Viên ngoại lang Đỗ Trọng Diễm chết (tháng 3 nhuận năm sau đưa đám tang về. Diễm trước làm Thông phán Bình Định).

Trương Đăng Quế quản lĩnh Khâm thiên giám (gia 2 cấp kỷ lục 2 thứ).

Chọn cử nhân bổ làm quan ngoài.

Cho Vũ Đĩnh xã Xuân Quan làm Án sát Lạng Sơn. Con là Cương làm nhà to xa xỉ. Đĩnh nhân đi việc công về qua

---

[1]. Tài trai làm nên, nổi danh tiếng, vẻ vang cha mẹ, thế gọi là hiếu. Thánh tiên tử suy lòng mình ra, ban ơn cho bầy tôi để đền đáp người trung.

nhà, ngồi ngoài cổng không chịu vào nhà, gọi con ra bảo rằng: "Nhà to đục chạm lộng lẫy, là nhà vợ chồng mày ở. Lão phu này thô bỉ, không dám vào nhà này!". Các họ hàng bè bạn phải đến khuyên giải. Đĩnh sai đồng bộc đẽo bỏ những chỗ chạm trổ tô điểm đi, rồi sau mới vào nhà.

Thăng Trần Lâm xã Kinh Uyên làm Tuần phủ Khánh Hòa kiêm Bố chính.

Cho Đào Đình Việp làm Án sát Hải Dương. Việp học trò Nguyễn Tương là nho sinh xã Ngâm Điền. Tương chết đã lâu, Việp làm án sát, lặn lội bùn lầy, đến lễ từ đường, để cả nghi trượng ở ngoài đồng, vào nhà thờ thầy, chính tay pha trà, rót rượu, khóc lạy. Làm lễ xong, gia đồng đem võng lọng đón về, Việp gạt đi, không dùng. Người ta khen là có nghĩa hạnh.

Cho Nguyễn Hưng làm Tuần phủ Hà Nội.

Đổi tri phủ Kiến Thụy đi Tri phủ Thuận An, Hoàng Nho Nhã về Tiên Du, Nguyễn Huy Quán về Bảo Lộc. Quán từ ngày làm quan 5 lần quyền Tri huyện, ở Tiên Du, lập từ vũ huyện. Người nhà bắt trộm lợn đực của dân, Quán giấu đi, sai bắt lợn cái cho dân coi, dân không dám nhận. Quán thức là Đệ ngũ lang[1], tính thích đánh đàn, thường bế con ngồi công đường. Dân chúng bằng tuổi cha mẹ vào lễ cũng không tránh, Quán nói: "Ta làm quan, chỉ muốn có nhiều người lễ, và cầm roi đánh tù là sướng!".

Cho Nguyễn Đôn tri huyện Đại An. Sau vì ăn hối lộ 15 quan tiền, bị lại mục tố cáo, phải bãi chức.

Cho Đỗ Đình Thư xã Lỗ Xá làm Bố chính Bắc Ninh. Cha mẹ là người ty tiện, còn sống cả.

---

[1]. Cậu Năm, chàng Năm.

Cho Vương Hữu Quang, làm Án sát Bắc Ninh[1].

Phùng Đắc Ninh do chức Án sát Quảng Ngãi thăng Bố chính Hà Tĩnh. Vì bàn giao không cẩn thận, Ninh phải tội đồ 1 năm rưỡi. Đến đây được khôi phục làm bát phẩm thư lại.

Trần Thế Nho được khai phục làm Đốc học Quảng Yên. Nho thường nói: "Chỗ đắc ý không nên đi đến 2 lần. Trước đây làm quan ở Bắc Ninh, ân nhiều oán cũng nhiều rồi!".

Cho Trần Danh Huy tri phủ Kiến Thụy. Tô Huy, em Thị lang Tô Trân, Tri huyện Phú Lương, đổi đi Chương Đức.

Cho Nguyễn Báo làm Bố chính Hải Dương.

Đặng Huy Thuật được khai phục làm Tri phủ Khoái Châu.

Người xã Đại Áng huyện Thanh Trì là Lưu Diệu, Lưu Hân, đều đỗ năm Tân Tỵ (1821). Diệu tri huyện Yên Khánh, Hân tri huyện Yên Mô. Đến đây, Hân bị cách chức, về ở xã Đại Bối, huyện Sơn Minh, dạy học.

Lưu Quỹ bộ Lại, người xã Nguyệt Áng đổi làm Ngự sử, trải làm quan 3 triều, dám nói nhà vua thiên trọng về binh pháp. Vua giận, tước lương.

Lê Hựu, Nguyễn Chiểu và Nguyễn Thành đều được ân xá, về quê.

Tham bổ: Chiểu, trước làm Án sát Thanh Hoa, đi tuần trong hạt đến phủ Thiệu Thiên, Đốc phủ sai thổ hào bắt hươu đem dâng. Chưa bao lâu, thổ hào ấy làm giặc, bị tra, cung xưng rằng nó bắt hươu lên phủ dâng quan án. Chiểu vì can tội quan thông với phỉ phải xử trảm giam hậu. Đến đây, được ân xá.

---

1. Nguyên thư có in thừa hai chữ "Tuyên Quang" 宣光 dưới chữ "Bắc Ninh" 北寧.

Đặt sở đồn điền (có nội trạch và ngoại trạch).

Cho Tả kiên Quản cơ Hoàng Lương Đạo làm Đề lĩnh kho công Hải Dương. Lương Đạo là người xã Dục Tú, do biền binh có quân công bắt được đánh giặc Trương Thận, thăng Cai đội. Năm Quý Tỵ (1833) đi đánh Nông Văn Vân, bắt tướng giặc, dâng thủ cấp giặc, do Tín nghĩa đô úy thân quân phó hiệu thí sai lên Tả quân Tả kiên cơ Chánh quản cơ, gia 3 cấp, kỷ lục 3 thứ. Đến đấy làm Đề lĩnh kho công. Đề lĩnh có một viên Chủ thủ, 3 năm 1 lần đổi. Lương Đạo đến năm Nhâm Dần (1842) được thực thụ.

Đổi Vũ Ngọc Phủ xã Thạch Lỗi làm Thái bộc kiêm Thái y viện (xem thêm năm Quý Tỵ, 1833).

Cho: Đô sát Phan Bá Đạt làm Thừa Thiên phủ doãn, Nguyễn Văn Lý làm Đốc học Bắc Ninh (mới được 7 tháng, miễn quan).

Hoàng Tế Mỹ được khai phục làm Bố chính Hải Dương. Trước kia Mỹ làm Bố chính, tự tiện tha tù là tên Ba Tý. Án sát người làng Ân Xá tham hặc là "hữu án, vô tù". Mỹ lập tức triệu Tý. Tý đến, Mỹ cho lĩnh giải Tý vào Kinh để sung án. Bởi thế Mỹ bất bình với viên án sát, sau tìm kế ngầm làm cho án sát bị cách chức. Năm Nhâm Dần (1843), Mỹ bị giáng cấp vì tên điêu toa Thư Ngoạn tố cáo. Ngoạn lấy làm đắc ý, cho người nhà đón đường hỏi mua võng lọng. Đến lúc Mỹ được khai phục, xin chiếu chỉ chém Ngoạn. Ngoạn lúc sắp bị chém, kêu rằng: "Muốn giết Ngoại, phải lập thành án mới được!". Mỹ lập tức chém ngay, nói rằng: "Tao không cần lập án!". Lúc bấy giờ đang nghiêm cấm áo quần, người nhà Mỹ hái củi ở dân gian, chòng ghẹo con gái, bị dân đánh chết. Mỹ đến lập biên bản, cho trung hòa nhân mạng. Đêm đến, dân khiêng xác chết ấy đến để ở địa phận xã Hàn

Giang. Án sát đem lính vây xã Hàn Giang, Thủ hợp Ngoạn đem việc ấy phát giác.

Tiến sĩ Nguyễn Vinh bị cách chức, bởi Vinh nhiều lần dâng biểu xin từ chức, nên có chiếu chỉ cách chức, thu cả cờ, biển. Vinh về làng Bối Dương dạy học. Trước kia, Vinh ở Bắc Ninh, lúc đi chơi, giày đi không vừa chân, gặp một Cai tổng hạch sách, Vinh liền rút giày trao cho. Đi được vài mươi bộ, cai tổng mới biết là Tiến sĩ Bối Dương, bèn trở lại lạy tạ, giao trả giày ấy. Vinh thường vì học trò làm bài phú "Mài chày nên kim" (Ma chử thành châm), có câu rằng: "*Chí độn phản thành chí lợi, tín tất cửu nhi hậu thành. Khả thung giải sử khả phùng, vấn khả kiên nhi bất lận*". Nghĩa là: Rất cùn biến thành rất sắc, lâu mới nên công. Đồ gia dùng làm đồ may, bền không mòn được.

Ngày 19 tháng ấy, vua se mình. Ngày 28, cho hoàng trưởng tử Trường Khánh công Miên Tông nối ngôi. Vua mất.

Chiều ngày 28, vua ốm nặng, tuyên triệu Trương Đăng Quế vào hầu ở điện Quang Minh. Vua dụ Trương Đăng Quế rằng: Hoàng tử Trường Khánh công Miên Tông kể tuổi và đức, nên nối ngôi to. Các khanh nên hết lòng giúp đỡ, để mong dài phúc nhà nước. Ngày ấy, giờ Hợi, vua mất.

Ngày 29, hoàng tử chư công và văn võ đình thần kính theo mệnh lệnh lúc còn sáng suốt tâu với hoàng thái hậu. Thái hậu nói: "Cha truyền, con nối là phép thường xưa nay; lại nhờ các quan cùng giúp tự quân". Ngày ấy, cùng dâng Kim tiên khuyến tiến. Ngày 11, tháng giêng, năm sau, hoàng tử Miên Tông phát lệnh Chỉ: định ngày 20 tháng giêng lên ngôi. Tuân y cổ lễ, để tang 3 năm. Còn cấp bậc áo trở và công việc nên làm, sẽ có đình thần bộ Lễ nghị chuẩn thi hành.

1. Phép mặc áo trở: Quan tam phẩm trở lên, mặc áo sổ gấu 3 năm. Chánh thất các quan này cũng để tang như thế. Lục phẩm trở lên để tang 1 năm, đầu bịt vải trắng, mặc áo cổ tràng vải trắng, chính thất các quan vào cung để tang như thế. Cửu phẩm trở lên để tang 9 tháng, đầu bịt vải trắng, mặc áo vải thâm. Các Giám sinh, ấm sinh, học sinh ở nhà Giám, các Cử nhân, Giám sinh, Tú tài làm hành tẩu hậu bổ và các Tiến sĩ, Cử nhân, Tú tài tại quán đều chiếu theo cửu phẩm trở lên để tang 9 tháng.

2. Cấm mặc màu đỏ, màu tía: Các quan đều chiếu số tháng để trở, không mặc sắc đỏ, sắc tía. Quân dân[1] đều cấm 100 ngày, trong hạn ấy nếu gặp việc tế tự, việc quân đều cho mặc cát phục.

3. Cấm âm nhạc ca hát, trong 27 tháng đều cấm chỉ.

4. Cấm giá thú: tam phẩm trở lên cấm ngoài 100 ngày, tứ phẩm trở xuống cấm ngoài 2 tháng, quân dân đều cấm ngoài 27 ngày. Ngoài hạn, đều cho mặc cát phục, lễ để trở xong thì thôi. Bản sao khải lệnh Chỉ ra một khi đưa đến, các nơi đều thay áo, khóc, lạy 4 lạy. Đến ngày thứ 4 làm lễ thành phục.

Tham bổ - *Ngoại truyện* chép: Thánh tổ ốm, bàn lập con nối ngôi, chưa quyết định. Lúc ấy, Kiến An công đang điều hộ ở điện Quang Minh. Hoàng thái hậu ý muốn lập Kiến An công, triệu vàn võ đình thần hội bàn. Trương Đăng Quế xin lập Trường Khánh công, lập tức thảo chiếu. Vua sai đình thần phụng chỉ bạch hoàng thái hậu. Hoàng thái hậu không trái được, bèn triệu lập Trường Khánh công.

---

[1]. Nguyên thư in là quân nhân.

Trước kia, Trường Khánh công tập làm chính sự ở Thân Đài, Thánh tổ ra câu đối: "Long vi vạn vật chi linh, biến hóa phi đằng mạc trắc" (Rồng thiêng hơn vạn vật, biến hóa bay nhảy khôn lường). Công đối rằng: "Thiên nãi nhất nguyên chi khí, khôi hiệu phú đảo vô ngân" (Trời là khí nhất nguyên, rộng lớn che trùm khắp cả). Thánh tổ cùng Trương Đăng Quế cho là lạ, quý trọng lắm (Vợ Đăng Quế là em gái vợ Trường Khánh công có tình nghĩa anh em rể).

Chính yếu mục lục - Điều "Pháp độ"[1]: "Bọn tôi cẩn xét: Từ xưa nhân thời, lập pháp, trước từ Đường, Ngu, đến nhà Chu thì đầy đủ. Lục phủ, tam sự[2] chép ở *Ngũ thư*[3]. Tám phép, chín chức[4] chép ở *Chu lễ*. Đường lối xếp đặt sửa sang đủ ở đấy rồi, từ Tam đại[5] trở về sau, nhà Hán có chương trình pháp độ, nhà Đường có tô, dung, phủ vệ, nhà Tống có chế binh, lý tài, đời nào cũng có chế độ đời ấy, nhưng tùy thời duy trì, có cái được, có cái hỏng, còn toàn điển của tiên vương, chưa đời nào làm lại được!

Pháp độ các đời nước ta phần nhiều giản lậu! Đến đời Hồng Đức nhà Lê: khảo cứu đời xưa, kiến thiết mọi việc, có

---

[1]. Điều "Pháp độ" này đáng nên đặt chung vào chỗ *Chính yếu mục lục* ở dưới.

[2]. Lục phủ: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cốc.

Tam sự: chính đức, lợi dụng, hậu sinh.

[3]. Ngũ thư: tức là *Kinh thư*, thiên "Thuấn điển".

[4] Tám phép: quan thuộc, quan chức, quan thường, quan thành, quan liêu, quan pháp, quan hình, quan kế (xem *Chu lễ*).

Chín chức: chín quan chức đời Đường Nghiêu: tư đồ, tư mã, tư không, điền trù, nhạc chính, công sư, trật tôn, đại lý, khu cấm.

[5]. Tam đại: ba triều đại: Hạ, Thương, Chu.

nhiều cái đáng xem. Về sau, người mất, chính sự cũng ngừng. Đến đời Lê suy, mọi việc đổ nát hết!

Đức Thế tổ Cao hoàng đế ta: lúc đầu khai sáng, cùng dân đổi mới. Kỷ cương lớn lao, phát triển trọng đại, thảy đều rõ rệt rành rành, nhưng chưa kịp làm tường tận được các tiết của bộ máy chính trị. Đến hoàng thượng ta, cả vâng mệnh sáng, mong làm rạng rỡ sự nghiệp trước, chính là lúc này. Làm việc thì chăm như nhà Ngu, pháp độ thì đúng như nhà Chu. Đại cương đã nêu, tiết mục cũng theo mà thành tựu, lương bổng có thành lệ, pháp chế lộc được tinh tường. Cấp kỷ có định chế, phép khuyến khích được rõ ràng. Chức sự Lục bộ cùng liên thông nhau, mà chính sự không bị cản trở. Ý kiến dị đồng của đình thần đều cho tâu lên mà công việc không bị bưng bít. Dụ chỉ thì đóng ấn ngự bảo, tỏ rõ là nơi khu cơ thì sai đại thần, coi quản, thế là phòng ngừa từ gốc, ngăn chặn từ đầu, cái gì cũng cẩn thận. Chương tấu thì dùng ấn triện, tỏ ra có quan hệ về chính yếu thì sai đình thần định kỹ, thế là xét đến cùng, phòng tệ hại cái gì cũng chu toàn. Còn như cẩn thận công tác thì có lệnh "bồi tụ"; coi trọng của kho thì có phép tra xét. Đặt phường, lập bảo, để dân được yên chỗ ở, đặt cửa ải lập nhà trạm để xét hỏi kẻ gian tế. Đặt giao tử vụ[1] để tích lương thực ở ngoài biên. Cấm đúc tiền giả để phòng ngừa tiền và nạn phiếm lạm. Hằng năm cấp tiền công nhu thì tùy theo việc quan nhiều hay ít, hằng ngày cấp tiền đi đường thì xét theo đường đi xa hay gần. Đó là nhân sự việc mà đặt pháp chế khó kể hết được. Những luật trừ gian cấm bạo, cái gì cũng

---

[1]. Giao tử vụ: Cơ quan cấp giấy biên nhận (tiền giấy) dùng để đong thóc.

đủ; về đường lợi dụng hậu sinh, cái gì cũng có, so với trị pháp của đế vương, thời thế tuy khác, nhưng đường lối vẫn như nhau, chắc có thể truyền đến vạn đời mà không có tệ hại. Kinh Thư có câu: "Mở bảo người đời sau, đều chính đáng, không thiếu" là thế này chăng? (Bài văn sách khoa Canh Tý (1840) của Nguyễn Đắc Huế, người Điện Bàn thuộc Quảng Nam, sẽ trình bày ở chỗ khác).

Lưu Quỹ người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1835), do Lại bộ làm Ngự sử, trải qua 2 triều, tấu đối ngay thẳng. Lúc vua mới lên ngôi, Quỹ không biết tiết độ, tâu đối không hợp ý vua, lại nói nhà vua thiên trọng về hình pháp. Vua ghét, tước mất lương bổng, nhân thiếu ăn, vào xin lương, vua triệu vào hỏi cho 20 đĩnh bạc, 20 phương gạo, cho làm Thị giảng. Rồi Quỹ từ về nuôi cha mẹ.

Tham bổ: *Ngoại truyện*, *Bài biểu mừng sông yên dòng*, năm được mùa, có câu: "Vạn phái cộng Hương giang nhi thuận quỹ, thần hàn thư chí hỉ chi đề. Thiên mẫu đồng tịch dĩ lũ phong. *Thực lục* ký hữu niên chi khánh". Nghĩa là: Muôn phái cùng sông Hương thuận dòng, ngự thì ghi mừng rỡ. Nghìn mẫu cùng tịch điền thu bội. *Thực lục* chép được mùa.

Ân quang hầu[1].....

Lê Văn Đức, người Bắc Vọng, tỉnh Gia Định, anh là Văn Phúc, em là Văn Đức đều là văn thuộc của Nguyễn Văn Thành. Đức là học trò Nguyễn lục sự xã Hát Môn, lúc làm Thượng thư bộ Binh, Đức đi đánh giặc, đường qua Sơn Tây, gặp lục sự theo về nhà, lạy tạ, tôn thờ sư lễ. Văn Phúc sau đỗ Tú tài, tục gọi Đồ Kế.

---

[1]. Xem truyện *Ân quang hầu*, đã chép ở tập Thượng.

Cựu tiến sĩ làng Dục Tú có người con trưởng học nghề cử nghiệp, chỉ đi thi một khoa, lấy một vợ, ẩn cư làm thầy thuốc, đời khen là người hiền.

Bài chiếu phủ dụ hào mục

Gia Long năm đầu (1802), tháng 6, ngày 23, chiếu rằng:

Vừa rồi Tây Sơn nổi loạn, nhà Lê mất ngôi, trong nước không biết thống thuộc vào đâu! Bọn hào mục các ngươi mang lòng trung phẫn, không chịu để đảng ngụy xua làm sai khiến, nhiều người trốn ẩn núi rừng, tụ họp quân sĩ, gián hoặc có người giả mạo danh dự, bắt lính lấy lương đều là phạm cấm quân luật. Rồi tự biết không nên công trạng gì, nhưng không rõ nên theo về với ai! Sự ấy, ta đã hiểu rõ. Nay giống giặc trừ hết, thiên hạ đã yên. Người trí thức biết thời thế, há còn lẩn tránh ngóng trông. Tờ chiếu này ban ra, những người can phạm từ trước, đều không xét hỏi nữa. Còn các thủ hạ nghĩa binh đều cho tan về quê hương làm ăn sinh nghiệp. Các hào mục, viên quân, hễ có súng ống khí giới, công tư đều nên bỏ lại, đem nộp ở các đền, trấn sở tại, để cho các viên Trấn thủ làm biểu tâu lên ta xem, tùy tài bổ dùng. Bọn ngươi đều nên xét kỹ cơ nghi, chớ để chậm lỡ. Nếu người nào chứa giấu khí giới, quan địa phương khám được, sẽ chiêu quân pháp làm tội.

Khâm tai! Đặc chiếu.

Dụ ngày tiết Vạn thọ (Minh Mệnh năm thứ 5 (1824), tháng 4, ngày 23).

Dụ rằng: Tiết Vạn thọ năm nay, đáng lẽ ăn mừng ban ơn, rộng ra mưa móc, vui cùng mọi người. Hơn nữa, gần đây ở chỗ kỳ phụ cùng các doanh trấn, v.v... (đã nói ở trên). Lại

nghĩ những quan viên tại chức, theo làm nhiều việc, lo việc nước quên tình nhà, có cha mẹ ở nhà mà không được rảnh tay nuôi nấng, lòng Trẫm vẫn rất thể tất. Vậy cho các quan trong Kinh ngoài tỉnh từ tam phẩm trở lên, cha mẹ còn sống: nhất phẩm thì đều cho 30 lạng bạc, 5 tấm lụa, 10 tấm vải; nhị phẩm thì 20 lạng bạc, 4 tấm lụa, 8 tấm vải; tam phẩm thì 10 lạng bạc, 3 tấm lụa, 6 tấm vải dùng để nuôi cha mẹ. Phàm những quan viên làm việc trước vì vô tâm nhầm lỗi, đã bị xử phân mà không phải là tình tiết tham tang thì đều cho khai phục. Lính trạm các thành, doanh, trấn, ngày đêm bôn tẩu, chuyển đệ khó nhọc, nay lại gặp năm mất mùa, tình cũng đáng thương! Vậy gia ân cấp cho mỗi trạm mỗi tháng 20 phương gạo, 30 quan tiền, bắt đầu kể từ ngày 16 tháng 5 đến cuối tháng 12 thì thôi. Làm vậy khiến cho thần dân trong ngoài cũng thấm ơn to, đều thêm phấn khởi để làm hết chức vụ.

Chú: Chu Hy nhà Tống chúc thọ có câu: "Thành hiền sẽ chứa áo mũ riêng".

Bài văn bia lăng Trường Nguyên

[Minh Mệnh năm thứ 2 (1821) ngày tháng 9]

Lăng Trường Nguyên ở núi Triệu Tường, tỉnh Thanh Hca, chỗ chứa bảo y của Triệu tổ Tĩnh hoàng đế ta. Tổ ta được khí thiêng núi sông, đặc biệt ra đời. Đương lúc họ Lê suy thoái, Triệu tổ ẩn náu ở Ai Lao, khởi nghĩa ở Sầm Hạ. Trời đất quỷ thần soi xét tấm lòng trung liệt. Họ Lê nhờ đó được trung hưng, tổ ta được lập chức vị Chiêu huân Tĩnh công, mở đầu cho Nhà nước ta. Năm Nguyên Hòa [1533-1548], tinh thần về trời, bèn táng ở núi này. Núi này hình

thế cao ngất, vượt lên tầng mây, cao hơn so với các núi khác. Nhiều động, nhiều núi ôm lấy đằng sau, một dòng sông nhỏ uốn quanh đằng trước. Các núi Tam Điệp, Sơn Trung đứng đối ở tả hữu. Đó là một cảnh phong thủy đẹp trong trời đất. Tổ ta, công đức sánh được với trời; thác về, được táng ở đấy, là trời để phần cho vậy. Trời mở cơ nghiệp ức vạn năm cho nước ta, bắt đầu từ đấy chăng! Các thánh nối nhau, hơn vài trăm năm, dẫu quan hà cách trở, nhưng gió mây phù hộ lâu dài, cây tùng cây thu vẫn xanh tốt mãi. Đến Thế tổ Cao hoàng đế ta nhờ đức các thánh, ứng mệnh trời, thuận lòng người, trả thù tông xã, hả giận thần nhân, giáo trời chỉ ra bắc, kính yết lăng miếu. Khi vũ công đã đại định, lại dựng miếu ở trang Gia Miêu, huyện Tống Sơn, truy tôn hiệu hoàng đế, và gọi tên lăng này là lăng Trường Nguyên. Đó là để tỏ cội gốc ra ở đấy.

Nay, tiểu tử[1] này: kế nghiệp sáng ngời, nối chí làm việc, tháng quý thu (tháng 8) năm Tân Tỵ (1821), nhân việc đi Bắc tuần, về quý hương, yết lăng miếu, lên núi Triệu Tường mà tế lễ, ngắm nước non tốt đẹp mà biết khí chung đúc lạ kỳ: nhớ cội gốc lâu dài mà cảm công lớn lao gây dựng. Trong ngắm giờ lâu, cảm mộ vô hạn... Kính sai quan trấn sở tại làm sẵn một tòa bia đá. Bia xong, làm bài văn ghi lại để tỏ phúc tổ ta mở rộng về sau và lòng thành ta nhớ đến nguồn gốc.

Minh rằng: Tống sơn, Bái trang, núi gọi Triệu Tường... (xem trên).

---

[1]. Chỉ Minh Mệnh.

Bài văn bia thánh đức, thần công

(Minh Mệnh năm thứ nhất [1820]ư ngày tốt)

Giáp Tuất, Gia Long năm thứ 13 (1814), sắc sai dựng Thọ lăng ở núi Thiên Thụ. Khi xong, chế sẵn một tấm bia đá mà chưa kịp bảo làm bi ký, qua 5 năm sau là năm Kỷ Mão (1819), xa giá chầu trời để tờ di chiếu cho thái tử nối ngôi hoàng đế. Cư tang 3 năm, vừa thương vừa kính. Liệu lý việc trọng đại đều theo điển lễ, chọn được năm nay Canh Thìn (1820), tháng 4 ngày Tân Sửu, làm lễ cất bảo y muôn năm: tọa quý hướng đinh, đều kính theo thánh mệnh cả. Ngắm cây tùng, cây thu xanh tốt, trông cảnh triều củng chặt chẽ của núi sông, nhớ lại thánh đức thần công hiển dương khai thác cho có ngày nay: rất cao, rất dày, bằng trời, bằng đất, thế mà Hoàng Xuyên không có chất bền như vàng đá, Nghiêu Thuấn không có tuổi thọ như Kiều Tùng, bóng xa lờ mờ, vin kêu không kịp. Đành chỉ nối chí lớn trước, phô đức sáng to, để lại đời sau đến vô cùng, may ra tỏ lòng thương xót, hết đạo hiếu thành. Bọn thần: trước kia được hầu ấm lạnh, những khi rảnh việc dạy chính trị, thường nhờ thánh huấn được nghe đại khái về những điều ưu cần, cơ lược. Than ôi! Gian nan lắm thay. Từ Thái tổ hoàng đế ta gây nền vương tích, các thánh nối nhau gần 200 năm. Ví như làm nhà: đắp nền mà chưa lợp mái; lại như đóng đồ: làm mộc mà chưa sơn. Cho nên trời xét nhà có đức, đốc sinh hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta, có tư chất tuấn triết, giàu chí khí anh hùng, trẻ tuổi gặp gian nan, lo tính giành lại khi cơ nghiệp đã mất, thề 3 tên nỏ để giết kẻ thù, mặc một áo trận mà dẹp yên loạn. Đương lúc cờ chỉ vào nam đường to nghiêng ngửa, thuận nghịch dẫu khác, nhưng ít không địch nổi nhiều. Gian nan trăm trận, chợt được lại

chợt thua; lật đật một vùng, được đấy rồi mất đấy! Bèn thông hiếu Lãng sa, nương nhờ Vọng các. Bão đen ẩn trong đám mây, rồng thiêng nằm dưới vực thẳm. Thần bộc theo hầu hạ vẫn mong Trùng Nhĩ được ngôi; phụ lão thấy uy nghi, ngày ngóng Hán quan cai trị: tập hợp trung lương, quay về đánh dẹp. Kính ếch giận để cổ động, vác hòn đá chia khó nhọc. Hát thơ "Hồ cừu" bị rối loạn mà ba quân đều nức lòng; ăn cơm hẩm khi vội vàng mà trăm trận thua không núng. Bởi vì nhân đủ giúp người, hiếu đủ cảm thần, văn đủ vỗ dân, võ đủ dẹp loạn. Trời giúp là thuận, người giúp là vì tin. Mưu mô đã giỏi, giúp đỡ có trời. Sông Tân Bình (tức sông Gianh) dòng trong hàng hai tuần, biển Cần Giờ có nước ngọt buổi sáng. Thần võ ứng điềm chả riêng một việc. Trời, đất, người cùng giúp, vận "lục khảm" cũng bằng. Cho nên có thể vượt qua mây, nhảy sang sông, ào ào có tư thế không ai chống được. Uy trời đến đâu, sấm động, gió quét, phá tan tổ chim, bắt hết con nó. Giết kẻ hung cừ khi ngôi theo sao Đẩu (Vương Mãng), thu lại mối đứt khi chỉ còn như dải cờ. Đẹp thay, nước cũ, mệnh trời đổi mới. Cáo công hoàng thiên, tấu nhạc Đại Vũ. Tính từ năm Giáp Ngọ (1774) đến Nhâm Tuất (1802), 20 năm, bắc đến Lạng Sơn, nam đến Hà Tiên, mở đất 29 tỉnh. Lại còn sửa sang nghiệp cả, tô điểm thái bình, ban hành lễ, nhạc, chính, hình đủ cả điển chương, pháp độ. Hiếu phụng cung Trường Thọ, thờ mẹ dạy dân hiếu, khởi hóa điện Khôn Nguyên, từ nhà đến cả nước. Thông hiếu các nước tây bắc để cố kết lân bang; đoái thương dòng dõi Trịnh, Lê để thi ân triều trước. Dụng binh lâu, thu hiệu lớn, thủ thành thật tốt, thật hay, cơ nghiệp ngang với Hán Cao mà dài hơn 5 năm; công việc giống như Quang Vũ mà không mắc 7 lỗi. Than ôi! Thịnh

lắm thay! Công đức của hoàng khảo ta rạng rỡ ở lòng người, sáng ngời như mặt trời, mặt trăng, không ai che lấp được! Trước sau không có tỳ vết gì, vinh ai gồm đủ, sử sách không sao chép hết được. Nay kính cẩn tóm đại lược, khắc bia "Thánh đức thần công" để con cháu đời đời chiêm ngưỡng, đều biết sự gây dựng không phải dễ, nghĩ việc gánh vác là khó khăn, ngõ hầu nhờ ơn phù hộ, đền đáp được lời dạy huy hoàng của hoàng khảo ta. Ngày tháng năm Minh Mệnh thứ nhất (1820).

Minh rằng:

Phiên âm:

Ô mục duy thiên,
Phu hựu hạ dân.
Ô hoàng duy thánh,
Chửng nịch hanh truân.
Tử sắc nhăng thanh,
Duy mệnh chi vận.
Đế vị thánh nhân:
Dụng chẩn quyết uẩn.
Vương sư sở chí,
Như lôi, như đình.
Tội nhân tư đắc,
Đại cáo Vũ thành.
Nhất thập bát niên,
Ngưng đồ bảo trị.
Công đức kiêm long,
Thủy chung toàn mỹ.

Thánh nhân vi thế,
Điển tắc thượng di.
Canh tường tại mộng,
Quân thạch hưng bị
Cố chiêm cảnh sơn,
Miếu hoài phong thủy.
Kính lặc sùng hồng,
Vĩnh chiêm lai duệ.

Dịch nghĩa:

Thẳm nghiêm là trời,
Giúp đỡ hạ dân.
Lớn thay, là thánh!
Vớt [kẻ] đuối, dấy [vận] truân.
Sắc tía tiếng nhặng,
Tạm nhờ mệnh vận.
Trời bảo thánh nhân:
Giết cho hả giận.
Quân vua đến đâu,
Như sấm, như sét.
Bắt được tội nhân
Đại cáo võ thành.
Trong mười tám năm
Giữ nghiệp thịnh trị,
Công đức đều to,
Trước sau toàn mỹ.
Thánh nhân lìa đời.

Điển tắc còn đây.
Cảnh tượng mơ mộng,
Quân thạch gợi thương
Ngước trông lên núi to,
Chạnh niềm phong thủy
Kính khắc cao to
Cho cháu chắt xem.

Chính yếu mục lục

Điều "Kính trời": Từ khi lên ngôi đến đây, năm nắm nơm nớp, một lòng cung kính, nghĩ kỹ để đáp ý trời; đàn Nam Giao sùng báo, hết lòng thành đối với trời, làm quan lịch ban phát, vốn từ lòng khâm kính, trai giới không nói năng, cầu mưa không tế lễ, thờ trời cốt chân thực, không vụ văn hoa. Lụt, hạn, tật dịch, không may xảy từng nơi, người ta cho là thường số, nhưng lòng thánh không cho là thường số, mà khoan dung mình, vẫn thường bớt thức ăn, bỏ ca nhạc, giảm thuế khóa, hoãn hình phạt, rộng phát chẩn, cứu tai họa; phàm những điều dùng để cảm lòng trời, không việc gì không kính cẩn. Nước sông hai lần trong, ngọc báu mấy lần xuất hiện, người đều cho là tường thụy, nhưng lòng thánh không vì tường thụy mà tự mãn, vẫn càng sớm chiều sợ hãi, sửa mình, tu đức, xét quan chúc, công minh trong việc hình phạt, phàm những điều làm để đón phúc trời, chẳng việc gì không kính trọng Thánh đức cảm trời mà trời ứng thuận, bởi thế mới biến tai họa thành tốt lành, trước khi lụt, hạn, tật dịch mà nay thì liền mấy năm được mùa, dân số sinh sôi, xét ra những việc nước sông trong, ngọc báu xuất hiện, nay quả là điềm thái bình.

Điều "Sùng văn": Thân đến Văn miếu, tỏ nghĩa tôn kính hiền triết, chiếu cầu sách sót, nêu rõ tấm lòng chăm lo văn trị. Có lầu chứa sách, có quán tu sử, thế là tôn chuộng văn đức.

Chép thơ Kiền (Càn) Long, mua sách Hồng Đức; "Thụ phong thanh chi ngự sử", có tập thơ văn, là ý lưu truyền Hà đồ, Lạc thư. Bộ, viện đều có tập biên thể yếu là điển hình Chu quan lập chính. Cho rằng học hiệu có quan hệ đến hiền sĩ, thì có phủ cống, huyện cống, tức là phép chọn người tuấn tú. Lại cấp lương cho ăn học và ban mũ, áo, chăn, đệm để tỏ lòng hậu đãi. Thế là việc khuyên sĩ, cái gì cũng chu đáo. Nghĩ rằng khoa mục là đường thẳng của sĩ tử, thì đặt thi Hương, thi Hội, tức là điển lễ chọn hiền năng, lại ban mũ, áo, cờ để được vẻ vang, cho khắc tên vào bia để được long trọng. Thế là việc sùng Nho, cái gì cũng đầy đủ. Định phép thi ba kỳ châm chước thư pháp của Đường, Minh, Thanh là để sửa lại văn thể trường ốc. Giáp trụ đặt chương trình, chọn sai đại thần sửa chính sự cho đính chính là để trọng nơi nghi biểu. Trong thì quan văn từ ngũ phẩm trở lên, ấm tử được vào học nhà Giám, do đấy con nhà thế gia đều được theo đuổi việc học tập. Ngoài thì tỉnh, phủ, huyện đều đặt thầy dạy, do đấy thiên hạ ai cũng là người có học.

Điều "Sùng kiệm": Xây dựng nội điện thì dùng cái cũ cho đỡ tốn; đồ phục dùng trong cung thì hạn chế để tránh xa xỉ. Tuần hạnh là việc long trọng, nhưng không chuộng chạm trổ văn sức ở hành doanh. Đại khánh là lễ tôn trọng, nhưng răn làm rạp xa hoa. Vàng, không cho dát vào áo, chậu đồng không cho bắc đáy chõ xôi, vật có tinh thô mà dùng không xa xỉ, gỗ báu có thể làm rui nhà, gấm vụn có thể viền cạp chiếu, vật dẫu nhỏ nhặt, nhưng dùng đều có tiết độ. Lại còn vì dân mà giảm phí trưng đèn, thương dân mà thôi việc lấy

đá. Phàm những việc quan hệ đến quốc kế dân sinh, cái gì cũng dè dặt, tằn tiện, tùy việc mà răn bảo.

Điều "Giáo hóa": Cử hiền, lương, phương chính để nêu cao đức hạnh. Thưởng hiếu, thuận, tiết, nghĩa để sáng tỏ nhân luân. Quan 80 tuổi trở lên, dân trăm tuổi trở lên, không ai không được khen thưởng ưu hậu, thế là để khuyến hiếu. Ngũ đại đồng đường, tứ đại đồng cư, không nhà nào không được nêu khen, thế là để khuyến khích hòa mục. Bầy tôi tuẫn tiết, sai làm miếu để thờ; quan lại thanh liêm, ban tỷ thư[1] khen thưởng, thế là để khuyên người trung lương. Đầu xuân ra chiếu, dạy dân lễ nhượng, là phép nhà Chu treo giáo lệnh. Mười điều thánh huấn[2] bảo dân trung hiếu, là ban lời vua theo thiên "Hồng phạm".

Điều "Lễ nhạc": Lễ lớn là tế giao, tế miếu, thứ đến trung tự, quần tự[3], rồi đến nghi tiết sách phong, triều hạ và các lễ quân lư, tuần hạnh, cái gì cũng cử hành. Các đồ thờ như liễn vuông, liễn tròn, đĩa đan, đĩa gỗ; các khí giới như cái cân, cái thích, cái vũ, cái thược, đều đủ dụng cụ. Nghi tiết lên, xuống, tiến, lui, trật tự chậm, nhanh, đều có sắp xếp đâu vào đó.

Điều "Cần chính": Mỗi ngày coi chầu, buổi sáng đồng hồ 6, 7 "chuyển" mới bãi chầu. Tấu sớ ngày đến vài trăm bản, đều tùy từng việc mà phê phát: hoặc châu phê, hoặc đề chữ

---

[1]. Tỷ thư: 璽書 tờ thư của vua có đóng ấn ngọc tỷ.

[2]. Xem trên (việc ngày 15 tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 15).

[3]. Trung tự, quần tự: trong lễ thờ cúng thời phong kiến, có chia ba hạng: 大祀 đại tự, 中祀 trung tự và 群祀 quần tự. Trung tự là cúng tế mặt trời, mặt trăng, thần tiên nông (thần dạy dân cày cấy), thần tiên tàm (thần dạy nghề tằm tang), v.v... Quần tự là thờ những thần tiên y, hỏa thần, hiển lương, trung nghĩa...

giao xuống, không để đọng chậm chút gì. Lúc vô sự thì triệu quần thần vào bàn luận, những khi cùng họ ở ngoài cũng có sở tâu việc. Lúc làm xong vạn sự, lại để ý thơ văn, chưa từng có lúc nào ở rỗi.

Điều "Yên dân": Đầu xuân ban ân, là nghĩa theo từng mùa, nuôi muôn vật. Khánh tiết ra ơn, là ý cùng dân đều vui. Đi tuần du để xem xét dân phong, mà cờ thúy hoa qua nơi nào, dân được nhờ ơn giúp đỡ. Đi săn bắn để lấy đồ làm lễ tế tự, vậy mà đường cây cọ đi qua, dân cũng được nhờ ân trạch. Tật dịch là tai biến ngẫu nhiên, thế mà cho thóc, cho tiền, đều chu đáo. Lụt, hạn là biến cố thiên nhiên, thế mà phát chẩn, cho vay, cái gì cũng chuân cẩn. Nạn bão, hỏa tai, thì có lệ chẩn tuất; những người quan, quả, cô, độc thì có sở tế dưỡng. Mùa hè nóng nực, thì thương lính trạm gian lao. Mùa đông rét buốt, thì nghĩ hành khách đói rét.

Điều "Thương yêu nước xa": Nước Miến Điện xin phụ thuộc thì khước từ. Nước Vạn Tượng có hoạn nạn thì đến cứu. Các nước Đa Hán, Nam Chưởng, Hỏa Xá mộ nghĩa đến xưng thần thì khuyên bảo họ giữ bờ cõi, vỗ yên dân. Đến như các di ngoài biển như Anh Cát Lợi, Phú Lăng Sa bị nhà Thanh và nước Xiêm vẫn khinh thường, cũng đều nghe oai phong mà thần phục.

Điều "Cẩn thận tài phú": Thuế đinh, thuế điền là chính cung, thì định phép trưng nộp tính theo nhân số. Thuế thổ sản là phận sự của dân, thì xét rõ nghề nghiệp, thu thuế đích đáng. Bắc Kỳ sau khi được nuôi dưỡng, yên nghỉ, sổ đinh nên sửa sang thì chia sai đại thần duyệt tuyển, xét làng đông dân, làng ít người, chia ra hạng lão, hạng tráng, hộ khẩu, do đấy được rõ ràng mà thôn xã không có dân du thủ. Nam Kỳ sau khi dẹp loạn, sổ điền cũng nên sửa sang,

thì chia sai đại thần phúc duyệt, tính chất cao thấp chia thành ấp lý, do đấy ruộng tốt, xấu được phân minh mà đất không chỗ nào bỏ hoang. Các mỏ vàng, bạc, đồng, chì, thuê khai mỏ thì trả giá đất, [.....] lại khấu trừ phú thuế, do đấy của báu ở đất không có gì giấu kín được. Đối với các hộ lấy sâm, bóc quế, đi săn, lấy giãi yến, hoặc tha thuế thân để bù cho, hoặc cấp tiền vốn để giúp đỡ, do đấy nguồn lợi núi, chằm khai thác được cả. Đặt cửa tuần, cửa ải để nghiêm cấm mà không cho thu thuế quá lệ. Cấm đúc trộm tiền thì tiền không mỏng, xấu và phiến lạm. Những người giữ kho làm việc nặng sinh ra xảo trá mà trộm cắp thì hạn cho một hai năm thay đổi khiến đến kỳ giao nhận đều phải làm cho xong khóa, mà mất sự gian tham. Người giữ nội khố hội với các thợ mà phát lĩnh sinh ra thông đồng làm bậy, đen trắng lờ mờ; cho bốn nha[1] hiệp đồng xem xét đóng ấn triện làm bằng thì tệ không có nữa. Cửa tuần, cửa ải không phải chỗ giao thông đông đúc thì bãi đi, khiến cho giao dịch đều lợi, để giúp cho thuế khóa. Đầm, chằm, hồ, ao không ví như việc buôn bán thì bãi sự đấu giá, cho dân được chuyên lợi để làm ăn, có thể bù vào thuế chính cung. Thu và phát ra, là cái tệ của người giữ kho. Chế hộc, phương mới để hạn chế, kẻ gian không thò ngón gì được. Thu vào cân nặng, phát ra cân nhẹ, là cái tệ của kẻ giữ kho. Chế cân mới để thống nhất, đứa gian xảo không thi thố được. Tinh như vàng, bạc thì xét sắc chất. Thô như sắt, chì, cũng chia ra hạng chắc và hạng xấu, thì các vật được tinh mà thành số được định. Tải gạo đến thì đóng nhẹ thuế, tải gạo đi thì nghiêm ngặt cấm, khiến gạo lưu thông mà dân đủ ăn.

---

[1]. Bốn nha: bộ Hộ, Nội vụ, Đô sát viện và Thị vệ sở.

Tổng trấn truyền cấm hào dân

(Minh Mệnh năm thứ 3 [1822], tháng 5, ngày 10)

Truyền cho dân nhân[1] các phủ, huyện 5 nội trấn tuân trị: Nay, hậu thần là bậc phải có công đức với dân; "nhiên thần" là người phải có công lao với nước. Gần đây: xã trưởng, hương hào nhũng lạm, thường hay lập đền, bầu hậu, viết khoán bán nhiêu. Xét cho cùng ra về khoản bầu hậu, là biển thủ tiền tài của nhà giàu, nịnh nọt tế lễ bậy bạ; về khoản bán nhiêu, là bán dân đinh có sức khỏe, cho miễn dao dịch, đều là bóc lột của dân, mượn cớ chi tiêu việc làng, lấy tiền của, chia lợi với nhau. Đó là làm gian, trái phép, có can phạm đến pháp luật không phải nhỏ. Từ sau, đều cấm chỉ cả. Sự việc ấy nếu còn phát sinh, thì số tiền mua sẽ bị sung công, hương hào, xã trưởng và dân đinh đều bị trị tội nặng; rồi điều tra kẻ mua nhiều, biên vào sổ đinh, thu tiền thuế thân các năm ấy, v.v...

Bài dụ nhân tiết Đại khánh năm Đinh Hợi

(Minh Mệnh năm thứ 8 [1827] ngày tháng 12)

Dụ rằng năm ấy gặp tiết Hoàng thái hậu 60 tuổi, văn võ quan chức tại Kinh và các viên thành, trấn được triệu đều được dự lễ khánh chúc, và được yến thưởng, ân điển chứa chan. Duy đại viên các thành và các tào viên thuộc thành cùng các tư mục các trấn, đạo đều là làm việc siêng năng ở ngoài mà chưa được ban ân một loạt. Nay cho gia ân thưởng bằng các hàng tơ lụa có từng bậc để thấm ơn to.

---

[1]. Người dân, kẻ làm dân (danh từ quen dùng dưới thời phong kiến).

Bọn trấn thần Quảng Ngãi Trần Văn Dưỡng, Nguyễn Tú, Lê Công Tường: sa hoa mẫu đơn to, mình sa hoa ướt, nửa đường tơ, mỗi người 1 tấm; đoạn trơn tám đường tơ, bóng loáng, mỗi người 1 tấm; trừu màu hồng hoa phượng ở hai hàng, mỗi người 1 cuốn nhỏ. Tờ biểu tạ ơn, có câu: "Cung ngọc mới lên cõi thọ, ngước trông thánh đức đủ điển lễ tôn sùng; Tiệc đào mừng mở chiếu hoa, khắp cả thần công nhuần ân quang thưởng tứ. Cảm trong lòng sao xiết ân to, thân tại ngoại lại đeo số lạ", v.v...

*

* *

Tỉnh Bình Thuận

(Theo tài liệu trong thi tập của Đặng Văn Khải)

Từ trước, để đi sang Tân Gia Ba (hòn đảo trong biển), tất từ cửa biển Vị Nê thuộc Bình Thuận (xưa là đất Chiêm Thành) nhằm đường đảo Côn Lôn đi đến núi Địa Bàn tiến đến các núi Đông Trúc, Tây Trúc, vào Tân Gia Ba. Bên hữu trông các núi Mũ tướng quân, Hỏa Thiêu, Chư Mẫu, Trường Yên và La Khê. Bên tả trông các núi Mã Yên và Nam Biên. Lại chép: Tân Gia Ba là chỗ người Đại Tây Dương, Hồng Mao ở và là nơi người Trung Quốc, người Chà Và, người Bồ Hống tụ họp buôn bán.

Giang Lưu Ba, tức là chỗ ở của người Tiểu tây dương Hoa Lang đê. Nguyên trước các nước Chà Và tụ họp buôn bán, nước Hoa Lang đê chiếm lấy cửa biển Bồn Tố cũng thuộc đất Hoa Lang đê, có 4 đảo rậm từ Tân Gia Ba nổi lên.

Lại cửa biển Đà Nẵng thuộc Quảng Nam ở phủ Điện Bàn, có 2 đài Điện Hải và An Hải. Một đài ở huyện Hòa Vinh, một đài ở huyện Diên Khánh, đều là nơi cổ họng. Bắc

giáp đèo Hải Vân, nam giáp núi Ngũ Hành, trên núi có chùa Tam Thai.

Thịnh Liệt Bùi Huy Bích có 10 bài thơ vịnh Hải Đài. Văn Giang Đặng Văn Khải có các thơ vịnh cửa biển Đà Nẵng, Trà Sơn và chùa Tam Thai.

Phụ lục: Ngô Thế Lân trong *Phong trúc thi tập* có viết: Trúc nhân gió mà có thanh âm, gió nhân trúc mà thành dấu vết. Lại có 10 bài thơ "Nhàn cư":

1. Chơi trăng lúc hồ lặng sóng
2. Ngắm mây núi xa
3. Hỏi lan sau khi mưa
4. Hái can lật trước sương
5. Đêm câu khe mương
6. Sớm làm cỏ vườn thuốc
7. Hóng mát dưới cây xanh tốt
8. Gội tóc suối trong
9. Ngủ trưa hiên trúc
10. Chiều tản bộ trên bến cát

Trần Am Nô có 8 bài thơ vịnh bãi biển:

1. Đêm vắng nghe thủy triều
2. Tản bộ ngắm trăng trên bãi phẳng
3. Trông trăng biển Đông
4. Ngắm thủy triều Nam phố
5. Chuông sớm chùa trên bãi cát
6. Đêm mưa xóm chài
7. Rau thơm bên suối khơi
8. Suối ngọt gò cát

*

* *

Tỉnh Hà Nội

Phủ Hoài Đức

Huyện Thọ Xương, gồm 8 tổng: Tả Túc, Tiền Túc, Hữu Túc, Hậu Túc, Tả Nghiêm, Tiền Nghiêm, Hữu Nghiêm, Hậu Nghiêm.

Huyện Vĩnh Thuận có 5 tổng: Thượng Tổng, Trung Tổng, Nội Tổng, Hạ Tổng, Yên Thành Tổng.

Huyện Từ Liêm có 13 tổng: Thượng Hội, Thượng Trì, Hạ Trì, Phú Gia, Minh Tảo, Cổ Nhuế, Dịch Vọng, Hương Canh, Tây Đam, Thượng ốc, Yên Lũng, La Nội, Thiên Mỗ.

Phủ Thường Tín

Huyện Thanh Trì gồm 12 tổng: Thanh Trì, Hoàng Mai, Quang Liệt, Cổ Điển, Phù Liệt, Vĩnh Hưng, Hà Liễu, Vạn Phúc, Châu Thị, Vân La[1].

Huyện Thượng Phúc gồm 12 tổng: Cổ Hiền, Thượng Hồng, La Phù, Hạ Hồi, Bình Lăng, Đông Cứu, Triều Đông, Tín An, Vạn Điểm, Chương Đức, Thụy Phú, Phượng Dực.

Phủ Ứng Hòa

Huyện Phú Xuyên gồm 11 tổng: Hòa Mỹ, Đường Hoàng, Lương Xá, Già Cầu, Thịnh Đức, Mỹ Lâm, Đường Xuyên, Biện Thủy, Khai Thái, Mộc Hoàn, Chuyên Nghiệp.

Huyện Thanh Oai gồm 12 tổng: Hữu Thanh Oai, Tả Thanh Oai[2], Thắng Lãm, Đồng Dương, Bảo Đà, Đại Định, Bối Khê, Nga My, Thời Trung, Đồng Cứu, Ước Lễ, Tuyền Cam.

---

[1]. Nguyên thư nói 12 tổng, nhưng chỉ thấy kê ra có 10 tổng.

[2]. Nguyên thư in nhầm là ba tổng (Phượng Thành, Oai Tả, Thanh Oai) nên đã trở ra thành 13 tổng. Khi dịch, chúng tôi đính chính lại.

Huyện Sơn Minh gồm 8 tổng: Sơn Minh, Bạch Sam, Xà Kiều, Hoa Đình, Đạo Tú, Trầm Lộng, Đại Bối, Đông Lỗ.

Huyện Chương Đức gồm 9 tổng: Lương Xá, Chúc Sơn, Quảng Bị, Bài Trượng, Văn La, Hoàng Xá, Viên Nội, Bột Xuyên, Tuy Lai.

Huyện Hoài An gồm 4 tổng: Thái Đường, Phù Lưu Tế, Phù Lưu Thượng, Trinh Tiết.

Phủ Lý Nhân

Huyện Nam Xang gồm 10 tổng: Trần Xá, Vũ Điện, Công Xá, An Chiền, Ngu Nhuế, Tràng Thủy, Thổ Ốc, Trác Bút, Ngô Khê, Phương Trà.

Huyện Duy Tiên gồm 6 tổng: Bạch Sam, Hoàng Đạo, Hồng Khê, Nguyễn Xá, Đội Sơn, Lam Cầu.

Huyện Thanh Liêm gồm 7 tổng: Mỹ Tràng, Đổng Xá, Kỷ Cầu, Hương Ngải, Mỹ Xá, Cẩm Bối, Mai Kiều.

Huyện Bình Lục gồm 4 tổng: Ngô Xá, Bổ Xá, Yên Đổ, Mai Động.

Huyện Kim Bảng gồm 6 tổng: Kim Bảng, Thụy Lôi, Phù Lưu, Phù Diệm, Hương Đàn, Quyển Sơn.

*

* *

Tỉnh Hải Dương

Phủ Bình Giang

Huyện Đường Hào gồm 9 tổng: An Nhân, Trương Xá, Bạch Sam, Phong Cốc, Sài Trang, Liêu Xá, Phù Vệ, Đỗ Xá, Chiêu Lai.

Huyện Đường An gồm 10 tổng: Tông Tranh[1], Thời Cử,

---

[1]. Sau đổi Thị Tranh.

Đường An, Vĩnh Lại, Minh Loan, Ngọc Cục, Phúc Cầu, Chiền Đổ, Bằng Dã, Nam Khê.

Huyện Cẩm Giàng gồm 14 tổng: Ngọc Xá, Hòa Đam, Ngọc Trục, Kim Quan, Mao Điền, Thạch Lỗi, Bình Quân, Văn Thai, Trường Kỹ, Vĩnh Lại, Lai Cách, Tứ Tự, Đan Trường, Hàn Giang.

Phủ Ninh Giang

Huyện Tứ Kỳ gồm 13 tổng: Nguyễn Xá, Phan Xá, Mặc Xá, Toại An, Chân Lại, An Đường, Hà Lộ, Ngọc Lâm, Yên Bồ, Viên Lang, Đông Tạ, Bắc Tạ, Hu Trì.

Huyện Gia Lộc gồm 9 tổng: Hồng Thị, Đoàn Bái, Phương Duy, Hội Xuyên, Đoàn Lâm, Thạch Khôi, Tông Đức[1], Bao Trung, Hậu Bổng.

Huyện Thanh Miện gồm 8 tổng: Từ Ô, Phú Mễ, Phù Nội, Thọ Trương, La Ngoại, Phí Xá, Đặng Xá, Nà Động.

Huyện Vĩnh Lại gồm 11 tổng: Văn Hội, Bồ Dương, Xuyên Hử, Đông Cao, Bất Bế, Kệ Sơn, Yên Lạc, Thượng Am, Hạ Am, Đông Am, Ngải Am.

Huyện Vĩnh Bảo mới đặt thêm, gồm 5 tổng[2].

Phủ Nam Sách

Huyện Chí Linh gồm 7 tổng: An Hộ, Cao Đôi, Cổ Châu, Chi Ngại, Đông Đôi, An Điền, Kiệt Đặc.

Huyện Thanh Lâm gồm 12 tổng: Lại Thượng, An Trụ,

---

[1]. Sau đổi là Thị Đức.

[2]. Nguyên thư không chép 5 tổng là những tổng nào. Chúng tôi khảo ở *Đại Nam nhất thống chí*, tỉnh Hải Dương, thấy huyện Vĩnh Bảo đặt sau đó gồm 11 tổng, là do cắt lấy một số tổng của huyện Tứ Kỳ và huyện Vĩnh Lại mà lập thành.

Hoàng Kênh, La Đôi, La Vạn, Tải Trác Châu, An Dật, Mạn Đê, Thượng Triệt, Dược Thực, An Lương, Vũ La.

Huyện Thanh Hà gồm 10 tổng: Cập Nhất, Tiền Liệt, Hương Đại, Du La, Đại Điền, Hoàng Xá, Hạ Vĩnh, Lập Lễ, Lại Xá, Hoằng Lại.

Huyện Tiên Minh gồm 12 tổng: Đại Công, Kinh Khê, Ninh Duy, Hà Đái, Kinh Thanh, Khê Nam, Phú Kê, Tử Đôi, Kỳ Vĩ, Cẩm Khê, Diên Lão, Đương úc.

Phủ Kinh Môn

Huyện Hiệp Sơn gồm 7 tổng: Hà Tràng, Đích Sơn, Cổ Biện, Kính Chủ, An Lưu, Vụ Nông, Quỳnh Hoàng.

Huyện Đông Triều gồm 11 tổng: Mễ Sơn, Kim Lôi, Yên Lãng, Nội Hoàng, Khê Thủy, Vĩnh Đại, Thu Giang, Sơn Chiếu, Hạ Chiếu, Yên Khánh, Tứ Trang.

Huyện Kim Thành gồm 11 tổng: Lai Vu, Cam Đường, Bất Nạo, Phù Tải, Phí Gia, Nại Xuyên, Hà Nội, Quan Trang, Ngọ Dương, Đàn Kiên, Du Viên.

Huyện Thủy Đường gồm 12 tổng: Phù Lưu, Thượng Khôi, Dưỡng Chân, Thủy Đường, Trịnh Xá, Thái Lai, Trúc Động, Kênh Trào, Song Mai, Lâm Động, Dưỡng Động, Phục Lễ.

Phủ Kiến Thụy

Huyện An Lão gồm 10 tổng: Phương Chử, Văn Đẩu, Đại Hoàng, An Luận, Phù Lưu, Tuân Thượng, Văn Hòa, Phương Lang, Cao Mật, Biều Đa.

Huyện An Dương gồm 9 tổng: Văn Cú, Hạ Đoạn, Đông Khê, Trung Hành, Lang Sâm, Trực Cát, Gia Viên, Đào Yêu, An Dương.

Huyện Nghi Dương gồm 12 tổng: Nghi Dương, Cổ Trai,

Trà Hương, Đại Trà, Sâm Lính, Tiểu Trà, Phúc Hải, Đống Khê, Đại Lộc, Nãi Sơn, Đồ Sơn, Lão Phong.

Tỉnh Nam Định

Phủ Thiên Trường

Huyện Nam Trực gồm 13 tổng: Thần Lộ, Đô Liệu, Cổ Gia, Chân Nguyên, Bái Dương, Sa Lung, Diên Hưng Thượng, Diên Hưng Hạ, Cổ Nông, Phương Lang, Trung Lao, Quần Lãng, Kim Giả.

Nay[1] chia làm huyện Chân Ninh.

Huyện Mỹ Lộc gồm 7 tổng: Đệ Nhất, Như Thức, Quả Môn, Kim Lâu, Mỹ Trọng, Ngũ Trang, Đông Mặc.

Huyện Thượng Nguyên gồm 5 tổng: Cổ Viễn, Cao Đường, Hư Tả, Đồng Phù, Bách Tính.

Huyện Giao Thủy gồm 9 tổng: Đỗ Xá, Hộ Xá, Hành Cung, Thủy Nhai, Kiên Lao, Hoành Nha, Cát Xuyên, Trà Lũ, Hà Cát.

Phủ Thái Bình

Huyện Thụy Anh gồm 9 tổng: Hổ Đội, Quảng Nạp, An Bái, An Định, Vạn Xuân, Bích Du, Ninh Cù, Cao Dương, Hoành Đường.

Huyện Quỳnh Côi gồm 6 tổng: Đồng Chân, Sơn Đồng, Quỳnh Ngọc, Tang Giá, Quỳnh Côi, Tiên Bố.

Huyện Phụ Dực gồm 6 tổng: Địa Linh, Lương Xá, Đào Xá, Tô Xuyên, Bất Nạo, Vọng Lỗ.

Huyện Đông Quan gồm 8 tổng: Đồng Vi, Hoàng Quan, Bình Cách, Thượng Liệt, Yên Tiêm, Hóa Tài, Đông Triều, Hạ Đồng.

---

[1]. Chỉ thời đầu Tự Đức.

Phủ Nghĩa Hưng

Huyện Đại An gồm 11 tổng: Ngôi Thượng, Ngôi Trung, Ngôi Hạ, Thượng Kỳ, Trạng Vĩnh, Tử Vinh, Thanh Khê, Kim Tắc, Cổ Liêu, Vỉ Nhuế, Hải Lãng.

Huyện Phong Doanh gồm 7 tổng: Ngô Xá, Thượng Động, Mỹ Dương, Cát Đằng, Bồng Xuyên, Vũ Xá, Nguyễn Xá.

Huyện Thiên Bản gồm 10 tổng: Thiên Bản, Hoàng Lão, Hiển Khánh, Đồng Đội, Bảo Ngũ, An Cự, Trình Xuyên, Hào Kiệt, Đăng Khôi, Hổ Sơn.

Huyện Ý Yên gồm 6 tổng[1].

Phủ Kiến Xương

Huyện Thư Trì gồm 8 tổng: Vô Ngại, Cự Lâm, Thượng Hộ, Vị Sĩ, An Lão, Nội Lãng, Khê Cầu, Bổng Điền.

Huyện Chân Định gồm 8 tổng: Phụng Vũ, Nam Đường, Thụy Lũng, Thịnh Quang, Đường Sâm, An Bồi, Cao Mại, Đại Hoàng.

Huyện Vũ Tiên gồm 7 tổng: Ô Mễ, Đội Trạch, Lạc Đạo, Hội Khê, Tri Lại, Lịch Bài, Đa Cốc.

Huyện Thanh Quan gồm 10 tổng: Đông Động, Cát Hộ, Động Hối, Thượng Tầm, Lê Thần, Vị Dương, Trừng Hoài, Phú Khê, Hà Nội, Thần Nhuệ.

Huyện Tiền Hải mới đặt thêm.

Tỉnh Sơn Tây

Phủ Vĩnh Tường

---

[1]. Nguyên thư không chép tên 6 tổng.

Huyện Yên Lạc gồm 14 tổng: Lương Điền, Đông Lỗ, Đường Xá, Hương Ngô, Xa Mạc, Hoàng Chuế, Đạo Tú, Quan Đài, Hội Thượng, Hội Hạ, Đồng Hồn, Nguyễn Xá, Lường Quán, Hưng Lục.

Huyện Yên Lãng gồm 9 tổng: Yên Lãng, Kim Đà, Hạ Lôi, Hương Canh, Bạch Trữ, Mai Cầu, Thiên Lộc, Hải Bối, Võng La.

Huyện Bạch Hạc gồm 8 tổng: Đồng Phú, Mộ Chu, Nghĩa An, Đồng Vệ, Thượng Trưng, Nhật Chiêm, Tuân Lộ, Kiên Cương.

Huyện Lập Thạch gồm 11 tổng: Đông Mật, Sơn Đông, Hạ Ích, Bình Hòa, Tĩnh Luyện, Thượng Đạt, Tử Anh, Yên Xá, Đạo Kỷ, Nhân Mục, Bạch Lưu.

Huyện Phù Ninh gồm 9 tổng: Tử Đà, Phù Lão, Phượng Lâu, Lâu Thượng, Hạ Hoàng, Minh Nông, Kim Lăng, Khải Xuân, Trậm Nhị.

Phủ Lâm Thao

Huyện Sơn Vi gồm 9 tổng: Vĩnh Lại, Cao Xá, Sơn Minh, Do Ngãi, Chu Hóa, Xuân Lũng, Phú Yên, Hạ Mạo, Yên Lãnh.

Huyện Thanh Ba gồm 9 tổng: Vĩnh Chân, Yên Kỳ, Thanh Cù, Hoàng Cương, Mạn Lạn, Trí Chủ, Ninh Dân, Phao Thanh, Lương Lỗ.

Huyện Cẩm Khê gồm 6 tổng: Điêu Lương, Trương Xá, Phú Khê, Nga Phú, Tạ Xá, Nguyễn Xá.

Huyện Hạ Hòa gồm 8 tổng: Động Lâm, Văn Lang, Nhữ Hạ, Đan Thượng, Đại Phạm, Áng Xuân, Lãnh Sơn, Văn Chiếu.

Phủ Quốc Oai

Huyện Yên Sơn gồm 7 tổng: Hoàng Xá, Thạch Thán, Yên Kiện, Tiên Lữ, Lật Sài, Bất Lạm, Liệp Thượng.

Huyện Mỹ Lương gồm 7 tổng: Mỹ Lương, Cao Bộ, Phương Hương, Dã Cát, Yên Lạc, Kim Bôi, Minh Lương.

Huyện Thạch Thất gồm 7 tổng: Tường Phiêu, Lạc Chiền, Đại Đồng, Kim Quan, Hương Nghĩa, Nguyễn Xá, Cần Kiệm.

Huyện Đan Phượng gồm 9 tổng: Sơn Đồng, Hạ Hiệp, Thượng Hiệp, Kim Thìa, Dương Liễu, Đan Phượng, Đắc Sở, Thiên Hán, Địch Vĩ.

Phủ Quảng Oai

Huyện Tiên Phong gồm 7 tổng: Thanh Lãng, Mộc Hoàng, Chu Chàng, Thanh Mai, Phúc Xuyên, Tang Giá, Tây Đằng.

Huyện Minh Trù gồm 5 tổng: Thanh Vị, Phú Kỳ, Cẩm Đới, Bối Sơn, Mỹ Lương.

Huyện Bất Bạt gồm 6 tổng: Hạ Bì, Khê Thượng, Lương Toàn, La Phù, Tu Vũ, Hoằng Duyệt.

Huyện Phúc Thọ gồm 11 tổng: Cam Giá, Nhân Lý, Thịnh Thượng, Thụy Phiêu, Phù Xa, Cựu Đình, Xuân Vân, Quả Thượng, Phù Long, Võng Phú Châu.

Phủ Đoan Hùng

Huyện Đông Quan gồm 3 tổng: Ngọc Chúc, Vân Nham, Nghĩa Khê.

Huyện Tây Quan gồm 6 tổng: Nghĩa Quân, Đại Thân, Thượng Khê, Ca Đình, Lũ Độ, Minh Doãn.

Huyện Sơn Dương gồm 9 tổng: Quan Sơn, An Lịch, Đồng Chương, Linh Xuyên, Mẫn Hóa, Lương Viên, Cối Kê, Hữu Vu, Gia Mông.

Huyện Tam Dương gồm 7 tổng: Quyết Trung, Tam Lộng, Lưu Duệ, Quan Ngoại, Phẩm Lương, Hoàng Chỉ, An Dương.

Huyện Đăng Đạo gồm 7 tổng: Kim Quan, Khang Lực, Tứ Lân, Phượng Liên, Hồng La, Bắc Hoàng, Đồng Liêu.

Tỉnh Bắc Ninh

Phủ Từ Sơn

Huyện Đông Ngàn gồm 10 tổng: Gia Lộc, Dục Tú, Kha Lỗ, Mẫn Xá, Nghĩa Lập, Yên Thường, Phù Lưu, Tam Sơn, Phù Chẩn, Hạ Dương.

Huyện Yên Phong gồm 6 tổng: Hương La, Nội Trà, Dũng Liệt, Mẫn Xá, Nguyễn Xá, Châm Khê.

Huyện Tiên Du gồm 9 tổng: Đông Sơn, Thọ Chiền, Chi Nê, Khắc Niệm, Dũng Vị, Nội Viên, Đại Vị, Phù Đổng, Nội Duệ.

Huyện Quế Dương gồm 9 tổng: Vân Mẫu, Giác Sơn, Quảng Giác, Mộ Đạo, Đại Toán, Võ Dương, Bồng Lai, Tri Nhị, Đào Tai.

Huyện Võ Giàng gồm 6 tổng: Đỗ Xá, Đạo Du, Đại Liễn, Bất Phí, Quế Tân, Phù Lương.

Phủ Thuận An

Huyện Gia Lâm gồm 10 tổng: Như Kinh, Kim Sơn, Đặng Xá, Gia Thụy, Cự Linh, Lạc Đạo, Đông Dư, Đa Tiến, Cổ Biện, Nghĩa Trai.

Huyện Văn Giang gồm 9 tổng: Phụng Công, Hòa Bình, Đa Ngưu, Động Than, Xuân Cầu, Thái Lạc, Đại Từ, Đại Lan, Yên Phú.

Huyện Gia Bình gồm 8 tổng: Tam Á, Bình Ngô, Đông Cứu, Tiên Xá, Xuân Lai, Đại Lai, Vạn Tư, Quỳnh Bội.

Huyện Siêu Loại gồm 10 tổng: Dương Quang, Liễu Lâm, Khương Tự, Đại Trạch, Đông Hồ, Lạc Thổ, Động Xá, Đạo Mão, Nghĩa Xá, Đề Kiều.

Huyện Lang Tài gồm 9 tổng: Lang Tài, Ngọc Trì, Quảng Bá, Phả Lãng, Lương Xá, Đặng Xá, Tì Bà, An Trang, Lâm Thao.

Phủ Lạng Giang

Huyện Yên Dũng gồm 11 tổng: Bật Ninh, Sính Sơn, Tự Lan, Ngọc Cục, Thiết Sơn, Đa Mai, Mỹ Cầu, Phúc Tằng, Tư Mại, Yên Dũng, Hoàng Mai.

Huyện Yên Thế gồm 8 tổng: Vân Cầu, An Lễ, Quế Nham, Bảo Lộc, Mục Sơn, Lan Giới, Nhã Nam, Yên Thế.

Huyện Bảo Lộc gồm 8 tổng: Trụ Hựu, Thọ Xương, Cần Dinh, Mỹ Thái, Thịnh Liệt, Phi Mô, Tam Dị, Đào Mịch.

Huyện Việt Yên gồm 5 tổng: Quang Biểu, Đông Lỗ, Ngọ Xá, Tiên Cức, Hương Tảo.

Huyện Hữu Lũng gồm 4 tổng: Nguyễn Thượng, Hương Hựu, Thúc Sơn, Vân Nham.

Huyện Phượng Nhãn gồm 11 tổng: Trí An, Nhẫm Sông, Lan Mẫu, Chu Điện, Sơn Đình, Dĩnh Kế, Thái Đào, Xuân Áng, Đan Hội, Trạm Điềm, Đại Bộ.

Huyện Lục Ngạn gồm 7 tổng: Cương Sơn, Vô Tranh, Mỹ Nương, Kiên Lao, A Hộ, Bản Động, Niêm Sơn.

Phủ Thiên Phúc

Huyện Thiên Phúc gồm 7 tổng: Xuân Lai, Phổ Lộng, Đan Tảo, An Tàng, Tăng Long, Thượng Liên, Tiểu Lễ.

Huyện Kim Anh gồm 9 tổng: Kim Anh, Phù Lỗ, Gia Thượng, Đông Đồ, Cổ Bái, Ninh Bắc, Lan Đình, Sơn Dược, Xuân Bảng.

Huyện Hiệp Hòa gồm 8 tổng: Mai Đình, Đức Thắng, Cẩm Bảo, Hà Hoán, Hoàng Vân, Gia Định, Quế Trạo, Tiên Trù.

Tỉnh Hưng Yên

Phủ Khoái Châu

Huyện Đông An gồm 10 tổng: Mễ Sở, Vĩnh Hưng, Tử Dương, Đông Kết, An Lịch, Bình Dân, Khóa Nhu, Yên Cảnh, Đại Quan, Lưu Xá.

Huyện Tiên Lữ gồm 7 tổng: Cao Lăng, Dị Chế, Tiên Châu, Tiên Hoa, Hải Thiên, Canh Hoạch, Thụy Lôi.

Huyện Kim Động gồm 8 tổng: Yên Lạc, Yên Xá, Tạ Xá, Bằng Ngang, Đức Thông, Thành Cù, Tiên Cầu, An Tảo.

Huyện Phù Cừ gồm 6 tổng: Hoàng Tranh, Ba Đông, Quang Liệt, Cát Dương, Kim Hoa, Võng Phan.

Huyện Thiên Thi gồm 8 tổng: Cổ Việt thượng, Cổ Việt hạ, Đặng Xá, Thổ Hoàng, Yên Canh, Nhân Vũ, Văn Nhuệ, Thiên Thi.

Phủ Tiên Hưng

Huyện Hưng Nhân gồm 6 tổng: Đặng Xá, Hà Lão, Thanh Trào, Tống Súc, Bế Quan, Hồng Vũ.

Huyện Thần Khê gồm 8 tổng: Xích Bích, Ỷ Đốn, Yên Lạc, Cổ Quán, Phú Khê, Cao Mỗ, Cổ Cốc, Hoàng Nông.

Huyện Diên Hà gồm 5 tổng[1]: Canh Nông, Hà Lý, Thượng Bái, Lập Bái, Diên Hà.

Tỉnh Quảng Yên

Phủ Hải Đông

Huyện Hoàng Lũ gồm 3 tổng: Vạn An, Yên Khoái, Trí Xuyên.

Huyện Hoa Phong gồm 2 tổng: Yên Khoái, Hà Liên.

---

[1]. Nguyên thư in là 6 tổng.

Huyện Yên Hưng gồm 2 tổng: Hà Bắc, Hà Nam.

Huyện Tiên Yên gồm 6 tổng: Hà Nam, Kiến Diên, Đồn Độ, Bác Lãng, Vô Ngại, Hậu Cơ.

Huyện Vạn Ninh gồm 2 tổng[1]: Hà Môn, Bát Trang.

Châu Vân Đồn, không lập tổng, có 2 xã: Minh Châu, Quan Lan.

Tỉnh Tuyên Quang

Phủ An Ninh

Huyện Để Định gồm 8 tổng: Trung Môn, Yên Lũng, Yên Lĩnh, Hùng Dị, Kim Đô, Đồng An, Lang Quán, Bình Ca.

Châu Thu Vật gồm 4 tổng: Thời Ngạn, Vĩnh Kiên, Đại Đồng, Ẩm Phúc.

Châu Đại Man gồm 4 tổng: Vĩnh Ninh, Côn Lôn, Cổ Linh, Thổ Hoàng.

Huyện Vị Xuyên gồm 9 tổng: Gia Tường, Phương Độ, Phú Linh, Tiên Yên, Mục Hà, Nhân Mục, Phù Loan, Bằng Hành, Lâm Đường.

Châu Bảo Lạc gồm 4 tổng: Yên Phú, Mông Ân, Đông Quang, Vân Quang.

Châu Lục Yên gồm 4 tổng: Lương Sơn, Lâm Tràng, Thạch Quả, Trúc Lâu.

Tỉnh Lạng Sơn

Phủ Trường Khánh

---

[1]. Nguyên thư in là 3 tổng.

Huyện Thất Tuyền gồm 7 tổng: Hoa Sơn, Nam Sơn, Khánh Nham, Bằng Quân, Nghĩa Điền, Kim Tông, Nghiêm Lật.

Huyện Văn Quan gồm 10 tổng: Mãnh Xá, Chu Lật, Địa Linh, Bình Gia, Vân Mạc, Uy Mãnh, Hội Hoan, Huân Phong, Nghĩa Liệt, Cam Toàn.

Châu Ôn gồm 5 tổng: Vân Thê, Sơn Trang, Trường Quế, Bằng Mịch, Mai Pha.

Phủ Trường Định

Huyện Thoát Lãng gồm 4 tổng: Trừ Trĩ, Yên Hóa, Hữu Thu, Xung Minh.

Huyện Lộc Bình gồm 7 tổng: Cẩm Giá, Khuất Niệm, Đồng Bộc, Hoài Viễn, Vân Mộng, Trinh Nữ, Cao Lâu.

Huyện Yên Lạc gồm 4 tổng: Đông Quan, Lệ Viễn, Yên Châu, Thái Bình.

Huyện Văn Uyên gồm 8 tổng: Hóa Nhân, Yên Hùng, Nhân Lý, Dã Nham, Quang Bí, Yên Mịch, Hành Lô, Vĩnh Dật.

Tỉnh Thái Nguyên

Phủ Thông Hóa

Huyện Cảm Hóa gồm 6 tổng: Thượng Quan, Hạ Quan, Kim Tham, Mã Linh, Lương Thượng, Lương Hạ.

Huyện Bạch Thông gồm 8 tổng: Thượng Giáo, Hạ Giáo, Đông Nhiếp, Nhu Viễn, Quảng Khê, Hà Vị, Nông Thượng, Nông Hạ.

Phủ Phú Bình

Huyện Tư Nông gồm 9 tổng: La Đình, Đức Lân, Thanh Phao, Hắc Nhân, Quang La, Đình Thượng, Nhã Lộng, Mạt Hương, Bảo Nang.

Huyện Bình Toàn gồm 7 tổng: Sơn Lôi, Thanh Trí, Lực Đinh, Khưu Bản, Thiện Kế, Hiển Lễ, Bá Hạ.

Huyện Phú Lương gồm 6 tổng: Ỷ Na, Nha Vân, Sơn Cẩm, Đỗng Đạt, Hữu Lũng, Tức Tranh.

Huyện Võ Nhai gồm 8 tổng: Hoa Lâu Thượng, Hoa Lâu Hạ, Tràng Xá, Quỳnh Sơn, Bắc Sơn, Tân Súc, Vĩnh Yên, Nhất Thể.

Huyện Đại Từ gồm 7 tổng: Tiên Sơn, Hùng Sơn, Phú Minh, Trường Lang, Yên Thuận, Nguyễn Phú, Yên Ninh.

Huyện Phổ Yên gồm 6 tổng: Hoàng Đàm, Thống Thượng, Thượng Vụ, Thượng Kết, Vạn Phái, Nhã Luật.

Huyện Văn Lãng gồm 5 tổng: Văn Lãng, Thượng Lương, Vị Xuyên, Thượng Lãm, Hạ Lãm.

Huyện Đồng Hỷ gồm 8 tổng: Niệm Quang, Huống Thượng, Hóa Hạ, Túc Duyên, Đồng Na, Phi Sơn, Minh Lý, Vân Lăng.

Châu Ninh Hóa gom 9 tổng: Yên Ninh, Thạnh Hồng, Khuynh Tấu, Định Biên thượng, Định Biên trung, Định Biên hạ, Phượng Vĩ thượng, Phượng Vĩ trung, Phượng Vĩ hạ.

Tỉnh Cao Bằng

Phủ Trùng Khánh

Châu Thạch Lâm gồm 14 tổng: Kim Pha, Phục Hòa, Lãn Sơn, Suất Tính, Nhượng Bạn, Trà Lĩnh, Thông Nông, Thượng Pha, Hà Đàm, Tĩnh Oa, Hà Quảng, Tượng An, Phù Đống, Hoa Phố.

Châu Quảng Uyên gồm 5 tổng: Lực Nông, Lạc Giao, Vũ Lăng, Cách Linh, Ngưỡng Đồng.

Châu Thượng Lang gồm 4 tổng: Lệnh Cấm, Điều Lang, Vĩnh Thọ, Toàn Đằng.

Châu Hạ Lang gồm 4 tổng: Lăng Yên, Nga Ổ, Đăng Châu, Ỷ Cống.

Trên đây là tên tổng các phủ, huyện từ tỉnh Hà Nội lên Bắc đến tỉnh Cao Bằng; còn từ tỉnh Ninh Bình vào Nam đến tỉnh Trấn Tây đã chép ở 2 bộ *Nhàn hạ hùng đàm*.

*

* * *

Giờ khắc ngày đêm, mặt trời mọc lặn ở Đô thành phủ Thừa Thiên và các địa phương, theo cao độ Bắc cực địa đồ định đường vĩ, kê ra sau đây:

Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Khoa Minh kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ. Năm Bính Thân tâu định về tiết lập xuân, tháng giêng, mặt trời mọc:

Đầu giờ Mão 3 khắc 4 phân (Quảng Trị, trước Đô thành 1 khắc 1 phân).

Đầu giờ Mão 3 khắc 8 phân (Tuyên Quang).

Đầu giờ Mão 3 khắc 9 phân (Thái Nguyên).

Đầu giờ Mão 3 khắc 10 phân (Hưng Hóa).

Đầu giờ Mão 3 khắc 11 phân (Sơn Tây, Cao Bằng).

Đầu giờ Mão 3 khắc 12 phân (Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Hà Nội).

Đầu giờ Mão 3 khắc 13 phân (Hưng Yên, Ninh Bình, Bắc Ninh, Nam Định).

Đầu giờ Mão khắc đầu (Quảng Bình, Lạng Sơn, Hà Tiên).

Đầu giờ Mão khắc đầu 1 phân (Hải Dương, Biên Hòa).

Đầu giờ Mão khắc đầu 3 phân (Quảng Yên).

Đầu giờ Mão khắc đầu 5 phân (Đô Thành).

Đầu giờ Mão khắc đầu 6 phân (Vĩnh Long, An Giang).

Đầu giờ Mão khắc đầu 7 phân (Quảng Nam, Định Tường).

Đầu giờ Mão khắc đầu 8 phân (Gia Định, Trấn Tây).

Đầu giờ Mão khắc đầu 9 phân (Bình Thuận).

Đầu giờ Mão khắc đầu 10 phân (Quảng Ngãi).

Đầu giờ Mão khắc đầu 11 phân (Bình Định, Khánh Hòa).

Đầu giờ Mão khắc đầu 12 phân (Phú Yên sau Đô thành 7 phân).

*

* *

Bài biểu Quận Thành dâng luật lệ

Chúng thần trộm nghĩ: hình để răn ác mà cấm gian, là công cụ để giúp chính trị. Đời xưa, thời thịnh trị, dân thuần phác, phong tục tốt, thế mà sau khi dân đã giàu và giáo dục đã có rồi, vẫn không dám bỏ hình phạt. Đó vì tính người có thiện, ác, cũng như đạo trời có âm, dương; dẫu đời thánh nhân cũng không thể không có kẻ ác. Cho nên công cụ hình phạt không dám bỏ thiếu. Nước ta, các triều trở đi, đều có lệnh điển. Tham khảo điều luật Hồng Đức, việc thì gọn mà dễ kê cứu, văn thì giản mà không phiền phức. Vừa rồi, vì biến cố Tây Sơn, pháp độ hỏng, kỷ cương nát, phong tục đổi bại, gian tà rông rỡ còn bậy không sao nói xiết! Luật đơn giản thì lý lẽ có khi chưa minh. Kẻ gian ngu mờ tối mà dễ phạm, luật vắn tắt thì sự việc có khi còn sót, kẻ gian ngoan dễ khinh nhờn mà thoát tội; đến lúc kê cứu so sánh bọn nha lại gian giảo lại hay vin luật lệ mà đưa đẩy nặng nhẹ để vơ vét cho đầy túi! Nay trời mở thành minh: đổi loạn làm trị,

thương yêu bốn biển, chấn chỉnh trăm việc. Sau khi dẹp loạn, cắt trừ cỏ giác, tất phải thi hành pháp luật, trong việc theo đạo nghĩa mà bắt tội hoặc giết chết, cũng vẫn ngụ ý xót thương. Xem điều luật nhà Thanh, tập hợp thành pháp mọi đời, so sánh kỹ càng chặt chẽ, làm thành pháp chế một triều đại. Đặc cách sai triều thần cùng tôi tham duyệt chọn lấy những điều thích dụng, soạn làm bộ *Quốc triều điều luật*. Ngước thấy Thánh thiên tử: đức tốt hiếu sinh, ngụ giáo hóa trong hình luật. *Kinh thư* có câu: "Làm tội để cho hết người có tội, dùng hình mong cho không phải dùng hình", là thế chăng?

*

* *

Nguyễn Đăng Sở làm Quốc tử giám Tư nghiệp, tự tiện bổ Giám sinh, có người học trò Sơn Nam tâu Sở dụng tình bất công. Thánh tổ sai Sở duyệt lại, thì chỉ được lũ Bạch Đăng Diên 7 người, còn từ Nguyễn Ngọc Quán trở xuống 30 người đều bị bãi về quê. Ngự sử Trực Phùng hặc Sở không làm trọn vẹn tiết tháo.

*

* *

Tập câu đối của viên ngoại họ Vũ xã Xuân Quan, về các năm Nhâm Thìn, Quý Tỵ.

Viếng Binh bộ Tả tham tri Lê Văn Đức:

Trâm hốt nhi giang hồ, hoàn tiết tiện năng thù cố quốc

Toàn đài diệc bồng đảo, siêu trần hà tất đãi nhi lang.

Dịch nghĩa:

Trâm hốt mà giang hồ, tròn đại tiết tức là báo nước;

Truyền đài cũng bồng đảo, thoát cõi trần hà tất đợi con.

Mừng thự Hộ bộ Thượng thư kiêm quản Khâm thiên giám Trương Minh Giảng:

Về hưu có con đỗ

Văn tiết tùng quân tòng hữu kính.

Thế gia hăn mặc cánh tân phương.

Dịch nghĩa:

Tiết rắn tùng quân vườn có sẵn,

Nho dòng bút mực mới thêm hương.

Viếng Hiệp trấn Biên Hòa Vũ Thạch Lỗi

Xuân lĩnh vân xâm hoa kính tịch,

Thu kiều nguyệt đạm tửu diên không!

Dịch nghĩa:

Núi xuân mây ám vườn hoa vắng,

Cầu thu trăng nhạt tiệc rượu không.

Viếng Tư vụ Vũ Tam Mịch

Giáo dĩ nghĩa phương, yên đỉnh sơ phi kỳ đãi dưỡng,

Lạc hồ thiên mệnh, đấu thiên kim khả úy toàn quy.

Dịch nghĩa:

Dạy lấy nghĩa phương, chung đỉnh há mong con phụng dưỡng,

Vui cùng thiên mệnh, văn chương nay thỏa phúc toàn quy.

Viếng người cùng bộ ty

Kinh ấp đồng du, chung phủ cộng tri tâm thượng sự.

Liên bằng tương phó, quan sơn vô hạn khách trung tình.

Dịch nghĩa:
Kính ấp cùng làm quan, chung phủ biết vì lòng hiếu dưỡng.
Liên bằng nghe cáo phó, quan san khôn xiết cảnh tha hương.

Viếng Tư nghiệp Đoàn Bá Tân
Tri tử, tri sinh, hà dĩ điếu?
Đồng du, đồng quận, bất thăng hoài!
Dịch nghĩa:
Biết chết, biết sống, lấy gì viếng?
Đồng liêu, đồng quận, xiết bao tình!

Viếng Hộ bộ Viên ngoại lang Phạm Phổ
Lục triều khoa nghiệp di anh úy
Thất dật từ lâm ẩn lão thành!
Dịch nghĩa:
Sáu triều vua, khoa hoạn sót anh úy
Bảy mươi tuổi, từ lâm vắng lão thành!

Viếng Đại lý Viên ngoại lang Nguyễn Huy Chuẩn
Tích bồi tôn phạm khâm gia trạch,
Kim tống chất lang niệm cổ nhân!
Dịch nghĩa:
Trước hầu tôn phạm, tin gia trạch,
Nay tiễn chất lang nhớ cổ nhân!

Viếng Hộ bộ Viên ngoại lang Doãn Uẩn
Di lão chí kim lưu trữ trục.
Văn sinh tự thiếu tưởng phong tiêu.
Dịch nghĩa:
Di lão đến nay còn mẫu mực,
Văn sinh từ trước nhớ phong tiêu.

Viếng Công bộ Viên ngoại lang Đỗ Tuấn Đại
Hòe ấm mãn đình hương, hữu tử tằng trưng tích khách.
Liễu kiều đồng bệnh khách, tri sinh quý mạc tương tình!
Dịch nghĩa:
Bóng hòe thơm đầy sân, có con đã biết phúc cả.
Cầu liễu khách cùng bệnh, tri sinh chưa tỏ tình thương.

Viếng Đại lý tự Thiếu khanh Nguyễn Công Hoán
Thị tử như quy, hạn vi môn đình khuy nhã phạm!
Tri sinh tắc điếu, không tương văn tự úy giao tình.
Dịch nghĩa:
Cái chết như về, tiếc chửa môn đình nghe nhã phạm!
Biết còn thì viếng, chỉ đem văn tử tỏ giao tình.

Viếng Hà Tĩnh tuần phủ Nguyễn Thức Thời
Bình nhật mộ nghĩa phương, cữu tại đồng du xưng khắc tử.
Tha phương văn phó tín, vị năng nhất điếu cảm tri sinh.
Dịch nghĩa:
Bình nhật mộ nghĩa phương, đã biết đồng liêu là hiếu tử.
Tha phương nghe cáo phó, chưa hay đến viếng tỏ tình riêng.

*
* *

Tỉnh Cao Miên

Năm Giáp Ngọ (1834), vua nước Cao Miên chết. Cô chúa lấy tư cách là con gái đứng coi việc nước. Trong nước loạn to, cô chúa sai sứ sang ta cầu cứu. Vua sai Trương Minh Giảng đem quân đến chiêu an, thiết lập quan lại châu huyện, gọi là tỉnh Cao Miên. Trương Minh Giảng nhân dụ cô chúa đến giam ở thành Gia Định. Những hàng tướng [Cao Miên] đều tức giận, chạy sang kêu với nước Xiêm. Nước Xiêm đốc quân và voi cứu nạn, tranh lấy phận núi Đậu Khấu. Trương Minh Giảng bị tội. Đổi tên tỉnh ấy là tỉnh Trấn Tây.

Ngự chế thơ "đa nam"[1]

Phiên âm:

Khánh điển Chung tư[2] khả tín phù!
Hoa phong tam chúc triệu Đường, Ngu.
Cổ xưng bách tử tuy vân biệt,
Kim hoạch bách nhi khởi vị thù?
Bất hữu Chu công, Chu Vũ thánh,
Nguyện vô Thúc Độ, Thúc Tiên ngu.
Mặc trưng nam nữ Lạc Long sự,
Duy ký bản triều Hoàng tổ phù.

Dịch nghĩa:

Phúc bằng chung tư tin được đấy,

---

[1]. Đa nam: nhiều con trai.

[2]. Chung tư: 螽斯 Bài thơ trong *Kinh Thi*, chỉ có nhiều con, đông cháu.

Hoa phong ba chúc tự Đường, Ngu.
Đời xưa bách tử tuy rằng khác,
Nay có trăm trai há lạ du?
Chẳng có Chu Công, Chu Vũ thánh.
Mong không Thúc Độ, Thúc Tiên ngu.
Trăm trứng kể chi chuyện Hồng Lạc.
Bản triều Hoàng tổ cũng tương phù.

Thánh tổ lại có câu đối rằng:

Tại hạ hoặc hữu hà nan chi sự;
Vi quân tắc vô dung dị chi thời.

Dịch nghĩa:

Kẻ dưới hoặc có việc khó khăn;
Làm vua thì không lúc dung dị.

Lại có câu đối rằng:

Đại địa sơn hà, thị đế vương toản bức chân đồ họa;
Mãn không tinh đẩu, nãi thiên địa tạo vật hảo văn chương.

Dịch nghĩa:

Núi sông mặt đất, là họa đồ toàn bức của đế vương;
Tinh đẩu bầu trời, là văn chương tạo hóa của trời đất.

Lại thơ vịnh Bình Đài:

Phiên âm:

Bình Đài cao khởi Thanh cung hậu,
Phúc viện tây lâm thủy tạ đồng.

Hoa ổ xuân hồi đào túy sắc,
Thạch thành vũ quá liễu thư dung.
Kiền khôn cảnh sắc du tình xứ,
Tạo hóa cơ quyền chước nhãn trung.
Tòa lý thanh quang sinh ý tại,
Bất chi cẩm tú khả thiên tùng.

Dịch nghĩa:

Bình Đài cao dựng sau Thanh cung,
Thủy tạ tây liền phúc viên nhiễu.
Hoa ổ xuân về say sắc đào,
Thạch thành mưa tới mở mày liễu.
Kiền khôn cảnh sắc thỏa tình du,
Tạo hóa cơ quyền trong mắt chiếu.
Trong ấy thanh quang sinh ý nhiều.
Gấm vóc mấy ngàn ai chả hiểu.

*

* *

Truyện Lê Văn Khôi - năm Quý Tỵ (1833) cho Bạch Xuân Nguyên làm Bố chính Gia Định.

Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

QUỐC SỬ DI BIÊN

TẬP HẠ

Hiến tổ Chương hoàng đế húy Miên Tông[1], tự Tuyển (hoặc Triển).

Tham bổ: Vua tuân theo phép cũ, lấy tâm pháp làm tâm mình, lấy trị pháp làm đường lối chính trị, bảo tồn những bề tôi kỳ cựu, trong ấm ngoài êm. Kho tàng đầy ắp. Bộ thần phụng kê ngân sách, ban phát đi rồi, còn có thể chi dùng trong 50 năm.

Năm ấy, tháng giêng, ngày mồng 4, mở sách Kim quỹ, lấy một chữ, tả chữ 日"nhật", giữa 方"phương", hữu定chữ định (tức chữ 暶Tuyền); chữ nữa trên chữ 宀"miên", dưới chữ 示 "thị" (tức chữ 宗 Tông).

Tháng 2, ngày 16. Bộ Lễ tư công văn rằng: Một chữ, trên chữ 日 "nhật", tả chữ 鬲"cách", hữu chữ 虫 "trùng" (tức chữ 融); khi làm văn, đổi dùng chữ 曦Hi; một chữ: tả chữ "nhật", giữa chữ "phương", hữu chữ "định" (tức chữ 暶Tuyền); khi làm văn, đổi làm chữ 明 "minh". Hai chữ ngự

---

[1]. Vì kiêng tên Thiệu Trị, nên trong tên người, tên đất hoặc danh từ chung, hễ gặp chữ 宗 "tông" hoặc chữ đồng âm với "tông", người ta thường tránh hẳn hoặc đọc là尊 "tôn", hoặc đổi ra chữ khác. Thí dụ: Lê Tông Chất, đổi là Lê Chất; Tông nhân phủ đổi là Tôn nhân phủ, tổng Tông Tranh đổi là tổng Thị Tranh, v.v...

húy, không được dùng liền nhau. Chữ dưới (chữ 宗tông), khi tế Giao miếu, cứ viết nguyên cả chữ; còn chỗ khác đều bớt đi một nét; khi đọc, đọc tránh là "tôn".

Một chữ: trên chữ 華 "hoa", dưới chữ 十 "thập". Một chữ: trên chữ 宀 "miên", dưới chữ 貫 "quán", đọc thì tránh tiếng, viết văn thì thêm chữ 巛 "xuyến" lên trên. Một chữ: trên chữ 艹 "thảo", dưới chữ 化 "hóa", bớt một nét làm chữ 花 "hoa"; các chữ đồng âm, đọc đều tránh tiếng, làm văn không cấm; duy tên người, tên đất không được đặt vào.

Năm Quý Mão [1843], tháng ngày, bộ Lễ phúc nghị rằng: tên các hoàng đệ: Gia Xuân công Miên Định, Ninh Thuận công Miên Điệp. Một chữ trên, đọc tránh là "mân", làm văn thì theo nghĩa đổi dùng chữ khác. Tên các hoàng đệ đều bớt một nét, chữ 棉 "miên", chữ 崇 "sùng" cũng thế. Một chữ dưới, khi làm văn đổi dùng là 尊 "tôn", không được bớt một nét như trước. Duy khi viết văn tế giao miếu và chép sách *Thực lục* thì cứ viết nguyên cả chữ.

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], Thanh, Đạo Quang năm 21.

Mùa xuân, tháng giêng, Bính Ngọ (ngày 20). Hoàng tử Trường Khánh công lên ngôi hoàng đế ở điện Thái Hòa, đổi niên hiệu, đại xá.

Tháng ấy, ngày 13 (Kỷ Hợi) kính cáo giao, miếu, xã, tắc. Ngày Nhâm Dần (ngày 16), kính yết linh sàng [Minh Mệnh]; Giáp Thìn (ngày 18) tâu trình với hoàng thái hậu; đến ngày ấy lên ngôi. Năm ấy, vua 24 tuổi.

Thừa Thiên hưng vận hoàng đế chiếu rằng: Trẫm nghĩ: trời có thành mệnh, truyền gia vấn từ đời Tam vương. Vua

theo đức nguyên, chính thủy để tỏ là nhất thống. Cho nên chủ tế chép ở sách *Chu dịch*, mà "nguyên niên" chép ở kinh *Xuân Thu*, là để tỏ phép thường muôn đời mà rõ nghĩa đổi mới. Nhà nước ta: cõi Nam gây nền, thần thánh nối nhau. Chứa chất công đức, hơn hai trăm năm. Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta dựng lại dư đồ, thống nhất bờ cõi, nhận nền to ấy, để lại đời sau. Hoàng khảo ta kính noi dấu cũ, theo làm phép cả, trị vì hai mươi mốt năm, sửa đặt lễ nhạc, hình chính thanh bình, hộ khẩu mỗi năm một thêm, bờ cõi mỗi ngày một rộng. Võ công văn đức, hơn tiền cổ không ai bằng; hậu trạch thân nhân, cả hoàn hải đều ngưỡng mộ. Thẻ tuổi tiên đương mong chứa đầy nhà biển, xe mui rồng đã vội về nơi đế hương. Cảm thiết núi hồ, thương khắp hang núi. Tiếc vin theo không kịp, nghĩ nối ngôi gian nạn. Trẫm là con trưởng hoàng khảo. Lúc hoàng khảo còn ngự trị, trẫm vẫn sớm khuya chầu hầu, đủ chức vụ làm con. Thường nhờ giáo huấn, chu đáo ân cần, bảo tận mặt, dạy tận tai. Đã cho thử coi chính sự ở Thân đài, lại để thời thường tham dự những việc cơ mật trọng yếu, muốn cho tập quen việc đời để coi thành hiệu. Chắc là thánh định trước sẽ trao cho gánh nặng thiên hạ quốc gia. Việc này thần dân trong ngoài, ai cũng tai nghe mắt thấy cả. Đến lúc hoàng khảo sắp yên nghỉ, truyền triệu các hoàng tử thân công và các cơ mật đại thần, tuyên dương cố mệnh, cho trẫm nối ngôi. Trẫm nghĩ: khó thác rất nặng, gánh vác thực khó, chỉ sợ đức mình còn mỏng! Vừa đây quân công và các quan, tuân theo trị mệnh[1], tâu lên Hoàng thái hậu, kính vâng dụ chỉ, lại đồng thanh khuyến tiến. Trẫm trong khi thương xót, gan ruột bàng

---

[1]. Trị mệnh: 治命mệnh lệnh ban ra khi trong người còn khỏe và tỉnh táo.

hoàng, nhưng lại nghĩ nối chí mới là đại hiếu, ngôi thần khí không thể để trống lâu. Bởi thế, [trẫm phải] nén lòng thương, thuận cảnh biến, kính theo thành mệnh, cúi thuận dư tình, định ngày, tháng, năm ấy, lên ngôi hoàng đế. Trẫm chỉ một lòng kính sợ, để giữ mệnh trời đã thương; siêng năng mọi việc, để noi dựa công hoàng khảo. Vậy lấy năm nay làm Thiệu Trị năm thứ nhất. Đã theo đạo nguyên mà ngồi chính vị, nên ban mệnh lệnh để ra ơn. Nay có ban ơn 22 điều, kê ra sau đây:

1. Các hoàng thân công, quốc công, quận công, hoàng đệ và Tôn nhân phủ đều ban thưởng có thứ bậc.

2. Các Hoàng tử đã phong tước, các Hoàng thân công, Quốc công, Quận công, các quan chánh tứ phẩm trở lên ở trong Kinh, các quan tòng tam phẩm trở lên ở ngoài và các án sát, dưới tên hiệu không phải giáng đều thưởng đồng quân công gia 1 cấp. Còn văn từ chánh thất phẩm trở lên ở các chánh nha Bộ, Viện và từ trong Kinh, quan ngoài từ tòng lục phẩm trở lên và thổ Tri châu, Tri huyện; võ từ Suất đội thực thụ trở lên đều thưởng cho tầm thường gia 1 cấp.

3. Đàn Xã Tắc, miếu lịch đại đế vương, Văn miếu, Võ miếu, miếu Đô thành hoàng và các thần kỳ trong từ điển ở trong Kinh và ngoài các tỉnh đều cho tế 1 tuần.

4. Danh sơn, đại xuyên ở các địa phương đều cho tế 1 tuần.

5. Các tiền và thóc về thuế đinh, thuế điền và các thuế khác ở các địa phương trong năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] đều miễn cả.

6. Các địa phương, về thuế tiền, thóc, sản vật, còn để thiếu và thóc công vay chưa trả, từ năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) trở về trước, đều cho miễn cả.

7. Chánh khảo thi Canh Tý, năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], trước đã chuẩn hoãn đến năm Tân Sửu [1841] mùa thu, thi Hương, đến mùa xuân năm Nhâm Dần [1842] sang năm thi Hội, nay cho lấy mùa thu năm nay thi Hương, mùa xuân năm sau thi Hội, đều là ân khoa. Còn chánh khoa Canh Tý [1840] lại cho hoãn đến năm sau là năm Nhâm Dần, mùa thu thi Hương, năm sau nữa là năm Quý Mão, mùa xuân thi Hội.

8. Các quan viên trong Kinh ngoài tỉnh từ thất phẩm đến cửu phẩm, ai chưa được gia cấp và khai phục, đều thưởng tiền bổng 2 tháng.

9. Những vị nhập lưu thư lại các nha môn ở Kinh và 2 thừa ty phủ Thừa Thiên, ở ngoài thì những vị nhập lưu thư lại 2 ty Bố, Án các tỉnh và ở ty An Biên thuộc Trấn Tây đều thưởng tiền lương 1 tháng. Còn các thuộc lại như lễ sinh, y sinh, tượng y, pháp lục, chiêm hậu và các ty lại tạp ngạch không cứ ở Kinh hay ở ngoài, có lương hay không lương và nha lại các phủ, huyện đều thưởng tiền lương nửa tháng.

10. Học trò nhà Giám là Giám sinh, Tôn sinh, ấm sinh, học sinh, và Cử nhân, Tú tài, sĩ nhân làm việc ở bộ hoặc ở tỉnh đều thưởng tiền học bổng 1 tháng.

11. Các hạng biền binh chính ngạch ở trong Kinh, ngoài tỉnh và thợ các cục ở Kinh hiện đương làm việc đều thưởng tiền, gạo 1 tháng. Còn tất cả binh phu tạp ngạch ở Kinh và ngoài, cùng với lính trạm và người tể sinh ở Kinh, đều thưởng tiền, gạo nửa tháng.

12. Giản binh các hạt, nguyên lệ mỗi tháng 5 tiền, 1 phương gạo, nay cho chiếu hiện số tại ngũ từ tháng giêng đến tháng 6, đều thưởng mỗi tháng đủ 1 quan tiền.

13. Các trạm, đều cấp tiền lương từ giáng giêng đến tháng 6, có nhiều ít khác nhau.

14. Các hộ biệt nạp ở các địa phương, theo lệ không phải nộp thuế thân, nay thưởng: tráng hạng mỗi người 1 quan 2 tiền; lão tật, dân đinh mỗi người 6 tiền.

15. Quan viên lớn nhỏ ở Kinh đã bị giáng cách nhưng được lưu nhậm, không cứ tội công hay tội tư, đều rộng cho miễn.

16. Các địa phương có người tài năng cao, phẩm hạnh tốt mà ẩn náu ở núi rừng, cho thượng ty ở địa phương ấy sát hạch tâu lên, liệu cho bổ dùng.

17. Trong Kinh, ngoài tỉnh, có người vốn thông binh pháp, dũng cảm, biết phép, hoặc tài cứu người, giỏi bắn súng, tinh thông võ nghệ, hoặc sức khỏe hơn người, mang nặng đi xa, không cứ đã đăng quân tịch, dân tịch hay chưa, đều cho các thượng ty ở địa hạt ấy sát thực, đưa bộ phúc hạch, tâu lên, đợi Chỉ tùy tài bổ dùng.

18. Tú tài các khoa từ 40 tuổi trở lên, cho quan địa phương cấp giấy vào Kinh do bộ Lại làm danh sách, đợi chỉ sát hạch, liệu bổ giáo chức, nếu ai tình nguyện ở quê học tập, đợi khoa thi, cũng cho.

19. Các tù tử tội và tù hiện giam, kể từ sáng sớm ngày 20 tháng giêng năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] về trước, cho bộ Hình hội đồng với Đô sát viện và Đại lý tự xét rõ tội trạng nguyên án, liệu bàn tâu lên, đợi Chỉ cho giảm nhẹ tội.

20. Các tội phạm quân pháp, kể từ sáng sớm ngày 20 tháng giêng năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] trở về trước, không cứ đã kết án hay chưa đều cho khoan miễn thả ra.

21. Những người can án đang trốn, kể từ sáng sớm ngày 20 tháng giêng năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] trở về trước,

không cứ là thủ phạm hay tòng phạm, nếu biết hối tội, quay đầu quy thuận, đều cho đến quan địa phương sở tại đầu thú, hạn đến hết tháng 6 năm ấy. Rồi cho quan thượng ty sở tại đem tên tuổi, quê quán, tội trạng các tên ấy làm thành bản danh sách đưa bộ tâu lên, sẽ liệu cho giảm nhẹ tội.

22. Những án phải bồi thường mà chưa đền xong, trừ ra những án rõ ràng có lấy trộm bớt xén, còn ngoài ra ở Kinh do bộ Hình, ở ngoài do thượng ty địa phương, đều đem nguyên án can phạm và số tang phải bồi thường, làm thành bản danh sách tâu lên, sẽ liệu cho khoan giảm.

Tham bổ: Tờ chiếu trên còn thiếu mấy câu cuối như sau:

Than ôi! Chính vị đón mệnh trời, ta một người nối noi không quên; thu phúc cho dân chúng, người vạn họ đội ơn không chán. Vậy rộng báo cáo, khiến đều nghe biết".

Tháng 2, ngày 10, Bắc Ninh mưa đá.

Tổng đốc Giai nghĩ rằng trong hạt nhiều lần bị thủy tai, đương lúc giáp hạt, lương ăn của dân chưa được đầy đủ, bèn cấm lái buôn các tỉnh láng giềng không được tự tiện đến đong thóc gạo đem đi, v.v...

Sai Thị lang Hoàng Tế Mỹ, Lang trung Lý Văn Phức sang nhà Thanh. Trước đây, sai Tế Mỹ sang nhà Thanh báo tang và cầu phong. Quan ngoài biên nhà Thanh cho rằng gặp tiết Ngũ tuần đại khánh vua Thanh không nhận sứ báo tang đến, làm biểu tâu lên Yên Kinh. Đình thần nhà Thanh bàn rằng: Việt Nam dẫu nhỏ, nhưng không thể để một ngày không có vua. Vua Thanh cho sứ sang. Vì thế chậm đến hàng tháng cửa Nam Quan không được mở. Vua sai hỏi Tế Mỹ. Tế Mỹ tâu rằng: Nhà Thanh trước cự, sau nhận, hai lẽ đều có cớ cả. Vua bèn triệu Tế Mỹ về, sai Văn Phức đi sứ.

Phức đến Yên Kinh, vào sứ quán thấy người Thanh viết 4 chữ lớn "Việt di hội quán" (越 夷 會 館) ở trên tường. Phức giận lắm, trách quan ban tiếp ở trong quán, từ tiếng nói đến nét mặt đều giận dữ. Không chịu vào quán, sai người thông ngôn xé bỏ chữ "di", mới đi vào. Rồi làm bài luận "Biện di"(辯 夷 論) cho người Thanh xem. Bài luận ấy đại khái nói: "Việt Nam vốn là dòng dõi thánh đế Thần Nông, là "hoa" chứ không phải là "di", đạo học thì theo Khổng, Mạnh, Trình, Chu. Pháp độ thì theo Chu, Hán, Đường, Tống, chưa từng kết tóc khép vạt áo bên trái như phong tục người di. Vả lại, vua Thuấn sinh ở Chư Phùng, vua Văn Vương sinh ở Kỳ Chu, người đời không dám coi Thuấn Văn là "di" mà lại dám coi ta là "di" à?". Người Thanh cả thẹn, nhận lỗi. Vua Thanh vặn hỏi: đã là nước nhỏ tôn thờ nước lớn, cớ sao lại đổi đặt tỉnh hạt, thiết lập quan chức. Phức tâu rằng: "Việc ấy cha làm, con theo".

Tháng 3, tuyển các viên tử bổ làm quan ngoài. Bọn Ngô Huy Du, Tri châu Đà Bác đều được dự tuyển.

Kỷ Dậu, ngày 24. Dâng miếu hiệu Đại hành hoàng đế là Thánh tổ. Năm ấy, ngày 23 là ngày Mậu Thân, xin mệnh Giao, Miếu; ngày hôm sau, dâng tôn thụy. Lại ngày hôm sau nữa, xuống tờ chiếu. Chiếu rằng: Tiên vương đặt tên thụy để tôn tên húy, làm nổi tiếng tăm, vẻ vang cha mẹ, thế là hiếu. Cổ lễ, tế giao mà chế nghị, tỏ chịu mệnh từ trời. Chỉ những bậc có thịnh đức và chí thiện, dân không quên được, cho nên đối với tên hiệu vẻ vang, tiếng xưng tôn trọng, đời đều ngưỡng mộ. Tán tụng đức cao rộng của vua Nghiêu thì nói là "Thánh thần văn võ"; nêu đức trong sáng của vua Thang thì nói là "trí, dũng, thông sáng". Từ xưa, những bậc thịnh đế hiển vương, dựng được công to một thời, không ai

bì kịp, tất được truyền bá muôn đời vô cùng bằng tên hay, tiếng tốt.

Lớn thay, hoàng khảo ta Đại hành hoàng đế: tư chất gần thượng thánh, bản thể đủ chí nhân; chính trung cương kiện suất nhất thành; bảo hựu thân trùng giữ mệnh cả. Đức tỏ ở chỗ kính trời, theo tổ, thể tất bầy tôi, thương yêu dân chúng. Đạo rõ ở chỗ chế trị, giữ nước, thiết lập kỷ cương. Tế trời, tế tổ, nghĩa cả tôn thân, giương công tỏ sáng, công thành để định. Phụng dưỡng cung Từ Ninh, đem cả chín châu bốn biển để làm vui; rộng ban nhiều khánh điển, theo bách vương nghìn đời mà đủ lễ. Trìu mến theo vua Thuấn, đem đại hiếu làm đại nhân; nhật tân vượt vua Thang, nối thuần đức giữ thuần mệnh. Mọi việc đã thành mà xem xét vẫn cứ ưu cần; muôn dân đều hòa mà chính sự càng thêm nhân đức. Dấy giáo hóa thì tuyên thánh huấn, định các sách, mở rộng học cùng tăng thêm khoa cử, văn phong quạt khắp gần xa. Nghiêm binh uy thì đánh Sơn Âm, bình Để Định, đánh giặc Xiêm, dẹp Phiên An, võ công các thành trong, ngoài. Hồng Lạc nghìn năm vận hội, mở mới văn minh; Bắc, Nam muôn dặm cõi bờ, rộng thêm thống nhất. Bởi vì anh minh, mới vận dụng được đại trí; chỉ có quyết đoán, mới hay làm nổi đại quyền. Dụng binh, chế thắng, xét việc, biện tài, việc gì cũng sớm biết mà không nhầm; tổng chính, nắm quyền, thưởng đúng mức, đều là chí công mà không còn phải ngờ. Vốn ở tinh vi tâm pháp, đạo pháp; làm ra thể thống nội trị, ngoại trị. Phong hóa nghiêm từ cung vi, con cháu có nghi hình *Lân chỉ*, *Quan thư*; Lễ nhạc thịnh ở Giao, Miếu, Triều đình, theo chế tác Lạc thành, Phong Cảo. Bộ, Viện, Tự, Các đều yếu ước mà có cấp bậc. Tỉnh, phủ, huyện, châu đều coi nhau mà giữ giàng. Pháp độ, kỷ cương đều đúng không thiếu; khu cơ, phẩm thức đã đủ lại tường. Xem lễ văn tổn ích đại thành, là thuật giả

lại là tác giả. Nhờ tài thành biến thông tận lợi, theo ý trời mà đi trước ý trời. Cho nên ở trong nhân nghĩa, đạo đức, thân mục chiêu minh mà biến đổi. Không ngoài cao dày che chở, thân hiếu lạc lợi mà không quên. Hun thành hòa khí vũ trụ, tụng nhiều phúc, hát được mùa, tốt đẹp sáng soi sử sách. Hợp thành mỹ lợi thánh nhân, thơ đa nam, hát vạn phúc, thịnh vượng hơn cả đế vương. Nếu không phải đã nhân lại thánh, thỏa được lòng trời, sao hay dựng trước thành sau, sáng thêm công tổ? Hai mốt năm, luôn luôn nơm nớp, đại công, đại đức, rất cao rộng mà lâu dài; ức muôn năm, nối nối nơi noi, đời này, dân này, thương nhớ mãi mà xưng tụng. Tiểu tử[1] này sợ đức không giống, nối nghiệp gian nan. Trông trời thì cao, muốn báo ơn mà chẳng kịp; xưng trời để chúc, thực to quá mà vô cùng! Đã từ ngày 23 tháng ấy, xin mệnh Giao, Miếu, ngày 24, thân đem Tôn nhân phủ văn võ thần công kính đến linh sàng[2], cẩn tiến sách vàng, dâng tôn thụy rằng: thể thiên xương vận, chí hiếu thuần đức, văn võ minh đoán, sáng thuật thiên thành, hậu trạch phong công Nhân hoàng đế, miếu hiệu Thánh tổ. Nghĩa tôn sùng cả rõ, ơn ban cho rộng thêm.

Than ôi! dâng tên thụy phô cùng thiên hạ, hễ chẳng gì to hơn tôn thân, nhân phúc cả ban cho bốn phương, hiệu lại để dạy cho dân chúng. Để thỏa lòng ta một người thương cảm, lại hả lòng người vạn hộ mến yêu.

Bá cáo gần xa, khiến đều nghe biết.

Đây là 12 điều suy ân, kê ra như sau:

---

[1]. Lời tự xưng của Thiệu Trị.

[2]. Bàn thờ Minh Mệnh.

1. Hoàng tử đã phong tước, Hoàng thân công, Quốc công, Quận công và kinh ngoại văn tứ phẩm, võ tam phẩm trở lên, dưới tên hiệu không giáng cấp, đều thưởng gia 1 cấp.

2. Hoàng đệ chưa phong tước công, đợi mãn tang ba năm, cho Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ bàn tâu, xin Chỉ sách phong.

3. Nhân viên Tôn thất hễ ai trội về văn học, tài nghệ hơn người, không cứ đã làm quan hay chưa làm quan, cho Tôn nhân phủ sát hạch, tâu lên, sẽ liệu bổ dùng, cất nhắc.

4. Quan viên trong Kinh, ngoài tỉnh không cứ tội công hay tội tư, bị giáng 4 cấp, đều cho đổi làm giáng 3 cấp; bị giáng 3 cấp, đổi làm giáng 2 cấp; bị giáng 1, 2 cấp, đều cho hoàn toàn khai phục; bị giáng lưu, đổi làm giáng 4 cấp lưu nhậm.

5. Lăng tẩm đế vương các đời do quan địa phương khám xét, nếu có dột nát, thì thuê dân tu bổ hoàn chỉnh. Rồi nghiêm cấm dân sở tại không được xâm phạm hái củi, để tỏ đạo trung hậu.

6. Thần linh cả nước đã được phong tặng rồi, nay cho các quan địa phương khai sự tích, làm sách đợi Chỉ phong tặng nữa. Còn những chính thần có sự tích rõ ràng, cũng cho quan địa phương tra rõ, làm sách, do bộ xét nghị tâu lên, sẽ liệu phong tặng.

7. Các địa phương có hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ, quan thượng ty các địa phương phải dò hỏi kỹ càng, đem việc tâu lên, giao bộ xét tâu, đợi Chỉ nêu khen.

8. Các người công tính ở Thanh Hoa đều ban thưởng tiền thêm.

9. Ở các địa phương, từ năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), những thuế thiếu, những thuế tiền, thuế thóc, thuế sản vật,

đã được triển hạn và nợ vay chưa trả xong, mỗi thứ bao nhiêu, cho bộ Hộ tâu lên, sẽ liệu giảm.

10. Quan viên văn võ trước đã bị cách bãi, từ ngũ phẩm trở lên, và văn lục, thất phẩm, người nào do tiến sĩ, cử nhân xuất thân, trừ đích thực phạm tội tham tang, và những người trên 70 tuổi, không bàn nữa, còn thì đều cho 2 bộ Lại, Binh phân biệt làm sách tâu lên, đợi Chỉ, liệu cho bổ dùng.

11. Gia Miêu ngoại trang huyện Tống Sơn là Ấp thang mộc[1], gia ơn thưởng 1.000 quan tiền.

12. Dân huyện Tống Sơn, những thuế đinh, thuế điền, tiền đầu lãi, gạo cước, sưu dịch, năm trước đã được miễn 3 năm, đến năm Tân Sửu [1841] phải nộp theo lệ; nay trừ bản niên ân miễn thuế đinh điền rồi, còn sưu dịch lại cho miễn 1 năm nữa, đến sang năm sẽ chiếu lệ mà làm.

Đổi tên tỉnh Thanh Hoa gọi là tỉnh Thanh Hóa; đổi tên chùa Trấn Quốc ở phủ Hoài Đức là chùa Trấn Bắc.

Lại đổi huyện Hưng Nhân là huyện Hưng Nhượng; huyện Hạ Hoa là Hạ Hòa; huyện Kim Hoa là Kim Anh; huyện Hoa Khê là Cẩm Khê. Đó đều vì tránh quốc húy.

Lại đổi huyện Phù Dung là Phù Cừ, đổi phường Yên Hoa là Yên Phụ, xã Hóa Hội là Xuân Hội, xã Hoa Cầu là Xuân Cầu, huyện Hà Hoa là Hà Thanh (xem thêm năm Mậu Thân).

Nhâm Tý, ngày 27, dâng tôn hiệu tổ mẫu là Nhân tuyên từ khánh Thái hoàng thái hậu.

Ngày 26, ngày Tân Hợi, năm ấy kính cáo tôn miếu; ngày hôm sau, dâng tôn hiệu, ngày hôm sau nữa, xuống tờ chiếu.

---

[1]. Ấp thang mộc: nghĩa gốc là chỗ đất được nhẹ thuế, chỉ lấy đủ tiền vua tắm, gội; sau dùng để gọi quê quán nhà vua.

Chiếu rằng: Từ xưa đế vương nối mối nhận ngôi, tôn sùng hiếu trị, xét nguồn phúc từ đâu, đem đức to phô tốt. Bà tổ nhà Ân xưng là "tuấn triết". Kinh thất nhà Chu xưng là "tư trai", đạo đời xưa có thể bắt chước. Kính nghĩ Thánh tổ mẫu Nhân tuyên từ khánh hoàng thái hậu: đức hợp khôn sinh, nhân giúp kiền thủy, giúp hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta: ung mục nêu gương cung khổn, nghi hình theo sử tịch đồ thư; hiếu từ làm phép đình vi, đức hóa như *Quan thư*, *Lân chỉ*[1]. Cho nên hay rạng rỡ thêm công trước, mở mang để lại đời sau.

Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta: khi mới lên ngôi, kính dâng tôn hiệu Hoàng thái hậu, xứng đáng tên hay, làm ra phép cả. Lời hay nết tốt, mở bảo nhân từ; đón thuận giữ hòa, rộng to phúc cả. Lần lượt gặp Thánh thọ lục tuần [Đinh Hợi (1827), Đinh Dậu (1837)], thất tuần đại khánh thịnh điển, đã làm lễ văn đầy đủ. Vui vẻ nức lòng vinh dưỡng, tôn sùng thỏa nguyện hiển dương. Năm Minh Mệnh thứ 18 [1837] đã tham khảo di chương, dâng huy hiệu là Nhân Tuyên từ khánh Hoàng thái hậu. Vâng phúc từ mà ban phát, ơn thấm nước nhà; chúc tuổi thọ mà thưởng cho, phúc nhuần cả họ. Trẫm trên nhờ phúc to, nhận giữ nền cả. Để mưu đội nhờ bóng từ, nối noi mong thành đạt hiếu. Thu năm phúc để ban cho, sung ân rộng khắp; hợp bốn biển mà tôn phụng, làm lễ suy sùng. Ngày 26 tháng ấy, kính cáo tôn miếu. Ngày 27, thân đem quần thần, dâng sách vàng, ấn vàng, dâng tôn hiệu là: Nhân Tuyên từ khánh thái hoàng thái hậu. Để tỏ lòng thành, vậy đem kính phụng. Hiệu quý

---

[1]. *Quan thư, Lân chỉ*: Thơ *Quan thư* nói đức tính tốt của hậu phủ; Lân chỉ nói phúc to của hậu phi, đều là vợ Văn Vương.

rỡ ràng cùng ngọc uyển, ngọc diệm soi sáng; ơn to thấm thía khắp gầm trời, quanh biển đón vui. Than ôi! Lễ trọng tôn thân, tỏ lòng hiếu vô tận; trời cho thuần mệnh, hưởng phúc tốt vô cùng. Nay đại lễ đã cáo thành, nên nói ra để dạy bảo. Báo cáo gần xa, khiến đều nghe biết.

Có 7 điều sung ân kê ra như sau:

1. Hoàng tử, Hoàng thân công, Hoàng đệ công, Hoàng đệ, Thái trưởng công chúa, Trưởng công chúa, Hoàng muội và hoàng nữ; các quan Kinh, văn từ lục phẩm, võ từ ngũ phẩm trở lên; các quan ngoài tỉnh hạt thì tướng quân, Tham tán, Đốc phủ, Đề đốc, Bố, Án, Lãnh binh: đều thưởng bạc thay tiệc yến có từng bậc.

2. Các con trai, con của Hoàng thân công, Hoàng đệ công, Hoàng đệ và các mệnh phụ quan văn võ tam phẩm trở lên đều ban ơn có từng bậc.

3. Họ Trần xã Văn Xá, đều gia ân thưởng có thứ bậc.

v.v...

Mùa hạ, tháng 4, Đình thí Tiến sĩ. Cho bọn Ngô Điền 11 người xuất thân có thứ bậc: Hoàng giáp Ngô Điền (Thanh Oai), Nguyễn Giác (Nghệ An), đồng Tiến sĩ Nguyễn Danh Văn (Hưng Yên), Bùi Duy Phan (Nam Định), Nguyễn Bá Đức (Quảng Nam), Nguyễn Xuân Thọ (Quảng Trị), Lê Đức (Quảng Trị), Bùi Tuấn (Hà Nội), Trần Vĩ (Hà Nội), Vũ Văn Lý (Hà Nội), Hồ Văn Trị (Quảng Bình) đều Chánh bảng; Vũ Tá An (Bắc Ninh), Vũ Quang Doanh (Nghệ An), Đỗ Uyển (Nam Định), Phạm Xuân Quế (Quảng Bình) đều Phó bảng.

Bùi Tuấn trước tên là Thuyên, người huyện Sơn Minh, tỉnh Hà Nội, khoa Canh Tý [1840] đi thi Hương, có tiên đồng giáng bút rằng: *"Ngân hà lãng phiếm, tinh vô chuyển; Ngọc khuyết*

phong tràng, thạch hữu văn". Năm ấy, Thuyên đỗ Giải nguyên. Mọi người đến hỏi tiên đồng xin giải nghĩa 2 câu thơ ấy. Tiên đồng nói rằng: "Ngân hà lãng phiếm tức là chữ 河 內 'Hà Nội'. Thiên tinh chuyển mà địa tinh vô chuyển, địa tinh tức là chữ 山 "sơn". Ngọc khuyết tức là chữ 明 "minh". Phong tràng tức là chữ 非 衣"phi y". Phi y tức là chữ 裴 "bùi". Thạch hữu văn tức là chữ 詮 "thuyên". Mọi người đều phục, cho là khoa canh có số tiền định.

Chiếu truy tôn Hoàng tỷ[1], thụy hiệu là: Thuận Đức hoàng thái hậu. Bài chiếu, đại lược: Ngôi cung Trường thu vẫn để trống. Lòng nhớ gươm cũ đã định rồi, v.v...

Bắc Kỳ đại hạn. Từ xuân đến hạ không mưa, giá thóc đắt gấp mấy lần. Sai quan tỉnh cầu đảo bách thần.

Tháng 5, tải tiền kho Bắc Ninh về Nam Định để chuyển vào Kinh.

Tháng 6, ngày 10, triệu Ninh Thái tổng đốc Nguyễn Đăng Giai vào chầu.

Bắt đầu đặt hương thân. Từ trước, cho Tổng lý chia sai binh dân, hương hào phân xử tạp tụng. Đến đây, chọn người tín thực làm hương thân. Hạ lệnh rằng: cứ 4 tháng quý, giảng 10 điều Thánh huấn và phân xử tạp tụng. Duy các việc án mạng và cướp thì phủ, huyện xét.

Mùa thu, tháng 7, ngày Tân Dậu, mồng 9, làm lễ Ninh lăng[2]. Trong đặt 3 điện, xây nghi môn, đồng trụ, đều đắp rồng, đặt quan giữ lăng, cầu hoạn thị 13 tuổi trở lên, cấp bằng cho quét lăng. Rồi dựng bia đá ghi công đức.

---

[1]. Đây chỉ mẹ của Thiệu Trị.

[2]. An táng Minh Mệnh.

Phó bảng Siêu vì viết nhầm giờ Hợi làm giờ Dậu, phải giáng cấp. Ngự sử Lê Văn Luyện liên can bị giáng đi Thanh Trì.

Cấm không được mặc màu đỏ, màu tía, và cấm giá thú.

Từ mồng 3 tháng 7 đến mồng 7 tháng 8 làm lễ Cửu ngụ và lễ Tốt khốc, cộng 35 ngày, bèn cấm mặc màu đỏ, màu tía và giá thú.

Tham bổ: Phó bảng Siêu và Cao Bá Quát xã Phú Thị làm Phân khảo trường thi Hương Thừa Thiên, dụng tình thiên tư, tự tiện chữa chữ trong quyển thi, bị đội Cẩm y phát giác. Nhưng vì không tham tang, nên chỉ phạt 80 trượng, cho miễn nghị (xem thêm năm Ất Tỵ - 1845).

Chiếu các dân xã trước khai điêu hao đều phải chép tiếp ngạch đinh vào sổ đinh. Từ năm Kỷ Hợi [1839], dân bị dịch lệ, phần nhiều khai là điêu hao. Đến đây đều phải chép tiếp cho đủ nguyên ngạch. Sau đó có Chỉ cho hoãn lại.

Tháng 8, ngày 4. Ninh Thái tổng đốc Nguyễn Đăng Giai từ Kinh về, lại làm việc ở Ninh Thái. Giai từ Hà Nội, sang đò, về Bắc Ninh, bỏ nghi trượng, cưỡi ngựa, thẳng đến chùa Đại Giác, lễ Phật rồi mới về tỉnh lỵ. Nguyễn Thành, người xã Khắc Niên, bị tội đồ ở Hà Tĩnh, nay được xá về. Giai đón đến tỉnh thành để dạy con cháu (con là Diễn, đỗ cử nhân khoa Quý Mão - 1843).

Chỉ dụ Hà Ninh tổng đốc Nguyễn Tâm, đại lược: Trẫm khi mới lên coi chính sự, đáng lẽ nên triệu người để hỏi. Nhưng, Hà Nội là then khóa 5 tỉnh, ngươi nên cúi mình làm hết sức, như Khổng Minh thờ chúa Hán mới được. Tâm dâng biểu từ tạ, và nói: "Tôi là Thống chế, xuống làm việc Tổng đốc, há dám không hết sức để đền đáp tiên đế? Thế tức là nhận gánh nặng xã tắc".

Tháng 9, Bắc Kỳ mưa rầm to. Đến tháng 8 bão to. Ngày 24, ngày Ất Hợi lập đông, sấm vang, chớp nhoáng. Từ đấy liền mấy tháng không mưa, lúa bị tiêu khô, tổn hại đến 5 phần 10.

Chiếu thi ân khoa liệu lấy thêm số người đỗ. Thánh tổ vì tiết Ngũ tuần đại khánh, đổi chính khoa Canh Tý [1840] làm ân khoa, năm Nhâm Dần [1842] làm chính khoa: thi Hương, thi Hội đều theo niên thứ. Lại cho các trường đều liệu lấy thêm số người đỗ: cứ 1.000 người lấy thêm 1 cử nhân, 100 người lấy thêm 1 tú tài. Quyển thi các tỉnh từ cuối đều điểm chấm đỏ hay đen làm dấu ghi. Những Tú tài các khoa trước, ai đỗ lại Tú tài vào ân khoa Canh Tý [1842] đều bổ Huấn đạo, cho ở tỉnh đợi bổ, ban phát lương tháng, không phải dẫn kiến (chưa bao lâu, lại do bộ tâu).

Rước thần chủ Thuận Đức hoàng thái hậu đem thờ ở Thái miếu. Tờ chiếu, đại lược: Kiền khôn hợp đức, là đạo thường trời đất. Đế hậu cùng tôn, là nghĩa chung xưa nay.

Rồi cho khoan giảm Cai tổng, Lý trưởng bị giáng, cách. Lại phát thóc kho cho dân địa phương vay vì thiếu ăn.

Mùa đông, tháng 10, đào, mận nở hoa.

Chiếu bộ Lễ điều định điển lễ lớn về việc bang giao. Sứ nhà Thanh sắp sang phong vương. Vua xuống chiếu sai bộ Lễ bàn định tất cả công việc bang giao, thứ tự trước sau thế nào, theo lễ thi hành.

Sửa đường sứ đi từ Đô thành Thừa Thiên qua Quảng Trị, Quảng Bình đến Hà Nội, Lạng Sơn. Từ Hà Nội trở lên Bắc, mỗi tỉnh dựng công quán, thuê dân phu cung trướng làm một tòa nhà "mái đao", một tòa nghi môn đề 2 chữ "Cung nghinh". Tả hữu đều làm hành lang hơn 30 gian lợp

phên nứa, và sửa soạn gạo, thịt, củi, các thứ cung đón. Chợ, phố, cầu, quán đều được sửa sang có vẻ mới mẻ cả. Lối sứ đi, mặt đường san bằng, trải cát. Từ Nam Định đến Hà Nội, đường thủy đi thuyền qua, những làng ở hai bên đê đều đặt đàn bái vọng, cung trướng cờ tàn đủ cả.

Điện Kính Thiên Hà Nội sửa sang tường vách, các cột đều trong sơn, ngoài vẽ cực kỳ tráng lệ. Dựng điện Chu Tước ở dưới cột cờ, làm nhà cầu đến lầu Ngũ môn 57 gian, trên lợp phên nứa, trong căng vải vàng làm trần, làm vách, dưới trải chiếu dài. Lấy các dinh bên thành làm nhà hộ giá và trại quán các vệ. Ngoài phụ quách mở cửa Hà Đông. Dựng bia đá to ở bên cầu Trà Phu, phía đông sông Cái khắc 4 chữ "Nhị Hà tân thứ". Suốt từ Công quán Gia Quất (trước gọi quán Thao) đến các bên sông Thiên Đức, Nguyệt Đức, đều làm như thế. Những đinh phu trực hậu đều dùng người hạt Bắc Ninh, khăn áo đều sắc xanh da trời.

Phái Nguyễn Cẩm xã Nội Duệ, Đinh Huyền và Vũ Thực xã Xuân Quan đi khám lại đường sứ. Lấy cây hoa các tỉnh về bày ở hành cung.

Cho Trương Đăng Quế quản lĩnh Khâm thiên giám sự vụ.

Cho Tiến sĩ Vũ Công Độ làm Đốc học Thanh Hóa (sau đó thăng Án sát Nghệ An).

Nhâm Dần năm thứ 2 [1842], (Thanh, Đạo Quang năm 22).

Mùa xuân, tháng giêng. Lại ra lệnh cấm áo quần Bắc Kỳ. Quan tỉnh Hà Ninh cho rằng: xa giá ra Bắc, mà Bắc Kỳ quần áo chưa được nhất tề, bèn nhắc lại lệnh nghiêm cấm trước, bắt nhân dân Bắc Kỳ đều theo thể chế Nam Kỳ mà may mặc.

Ngày Bính Dần (ngày 17), Bắc Kỳ có mưa tỏ điềm tai dị (nước hồ ao đều đen cả).

Ngày 20, chiếu: khoan giảm các thuế thiếu. Thuế vụ hạ năm ấy, chia làm 10 thành, nhưng nơi có dịch chết hoặc trốn tránh xiêu giạt, đều cho giảm thuế 3 thành.

Ngày 22, xe vua đến Hà Nội. Bấy giờ sứ cầu phong từ nhà Thanh về nước. Vua sai sửa soạn xa giá ra Bắc tiếp sứ. Cho hoàng tử Bảo lưu giữ Đô thành. Các hoàng thúc Kiến An công, Trung Quốc công và Định Viễn công đều theo hầu xe vua. Văn từ Nội các, Cơ mật, Lục bộ, Khoa đạo, hành ty; võ từ hành doanh, Đốc bộ, Cẩm y và thị vệ đều theo thứ tự xuất phát. Hậu doanh sô tụng...[1] ... cộng 50.000 người, ngày 22 từ Kinh ra đi.

Tháng 2, đến tỉnh Thanh Hóa, vua bái yết lăng miếu. Đến Nam Định, vua ngự thuyền đi. Ngày 16 đến bến Hà Nội. Tổng đốc Tâm đi dẫn đường. Ngày 18, giờ Mùi, vào thành. Ngày 19, đặt trống "đăng văn", theo lệ Thánh tổ bắc tuần (năm Tân Tỵ - 1821), cho dân nộp đơn tại Tam pháp hành ty, 5 ngày 1 kỳ. Từ đấy đơn khống tố đưa đến rất nhiều, mỗi ngày đến hàng nghìn lá đơn. Cho Khâm phái quan Hoàng Tế Mỹ và Vũ Xuân Cẩn (Kỷ Hợi - 1839) xét xử, hạn 3 tháng xử đoán xong. Ngày 21, vua đến quán Chấn Vũ, áo mũ đều màu đen. Các quan lục tục đến bái yết. Biền binh chiêm bái, đều được ban cho 4 tiền. Kỳ lão chiêm bái: 90 tuổi trở lên được 3 đồng ngân tiền, 80 tuổi trở lên 2 đồng, 70 tuổi trở lên 1 đồng. Ngày 25, quan Kinh có cờ đỏ báo tin thắng trận, nói giặc Xiêm đã trốn lui. Vua cho chạy ngựa quanh thành, truyền đạt trong ngoài. Ngày 27, vua đến

---

[1]. Chỗ này nguyên thư in nhầm và sót chữ, xin để tồn nghi.

trường bắn, duyệt võ ở bãi Đuôi Cá. Vua mặc áo vàng, ngồi xe hoàng ốc. Phát gạo kho Hà Nội bán cho dân mỗi hộc 1 quan 8 tiền. Khoan giảm thuế thân năm Canh Tý [1840].

Bắc tuần thi tập 5 quyển, 160 bài, sao theo thứ tự biên vào *sơ tập* và trích lục ra.

Tháng 3, ngày 22, nhà Thanh sai sứ sang tuyên phong. Chánh sứ là Án sát Quảng Đông, phó sứ là Tri phủ Thái Bình. Chiếu cho Trương Quốc Dụng làm tiếp bạn sứ, điều động đinh tráng các huyện đi đón; Lý Văn Phức khoản đãi. Ngày 27, đến Hà Nội tuyên sắc. Ngày hôm ấy, sang sông đóng ở công quán Gia Quất. Ngày 28, sứ Thanh về nước. (Trương Quốc Dụng - Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu, người to lớn, cao, áo ban phải dài ra 1 thước).

Mùa hạ, tháng 4, xe vua về Kinh. Lưu quan khâm phái ở lại xử đoán các đơn kiện. Nếu có việc gì phủ, huyện liên can thì giao quan tỉnh xét. Những công quán tiếp sứ, cho đặt giá phát mại. Lúc ấy tướng sĩ mệt nhọc, nhiều người bị chết, cho thiêu xác lấy tro xương đem về chôn, đều cấp tiền tuất.

Chở gạo xay ở Hải Dương vào Nam Định, chuyển vận vào Kinh. Đề lĩnh Hoàng Đạo thuê dân xay gạo và thuyền buôn vận tải, lần đầu 60.000 hộc, mỗi hộc 1 quan 8 tiền. (Về sau, hàng năm lấy làm lệ thường).

Cho chủ sự Nguyễn Trực Phương làm Hải Dương tiểu bộ quân vụ. Trước kia, đời Thánh tổ, Trực Phương làm Ngự sử. Thánh tổ trai giới cầu gió, đến lúc lên đàn, đem cung nữ theo hầu. Trực Phương quỳ tâu rằng: lòng Thánh không thành. Thánh tổ không bằng lòng, rồi đó cầu gió không được linh ứng. Thánh tổ gọi Trực Phương đến, khen và yên ủi.

Năm ấy thi Hương, Trực Phương làm Phân khảo trường Nam Định. Đến kỳ thứ hai, vì ốm, xin từ chức, được miễn quan

về. Trước kia, Trực Phương cùng Tuần phủ Lê Quốc Ta đi hiệu lực, không lợi, phải bồi 27 hốt rưỡi bạc, cho 3 năm đền đủ. Thường cùng người trong huyện bàn luận, cho Đăng Sở và Huy Thự là người không giữ trọn tiết tháo[1].

Cho tỉnh Hưng Yên đắp lấp cửa sông Cửu An[2]. Từ năm Bính Thân [1836], 2 tỉnh khai sông Cửu An, dân nhiều lần bị thủy hại. Đến đây, dân 6 huyện đến Tam pháp ty[3] đệ đơn kêu xin tự đắp lấp cửa sông ấy. Vua bèn phái quan đến khám thực, rồi cho phép làm. Hai bờ tả hữu đều cạp đắp và đóng kè.

Chiếu tìm thợ vẽ và thợ bôi tranh. Vì tiết Trung nguyên, làm áo giấy, đồ mã để cúng tế.

Tháng 5, Đình thí Tiến sĩ. Cho bọn Phan Nhật Tỉnh 40 người đỗ Cập đệ và Xuất thân có thứ bậc. Hoàng giáp: Phan Nhật Tỉnh (người huyện La Sơn), Phan Đình Dương (người xã Trang Liệt); Đồng tiến sĩ 10 người: Phan Hữu Từ, Hoàng Đình Tá[4] (Hà Nội), Nguyễn Quý Tân (Hải Dương); Phó bảng 16 người: Nguyễn Tố trở xuống, v.v...

Quý Tân người xã Thượng Cốc, huyện Gia Lộc, lúc trẻ hay đánh bạc. Cha ghét, yết biển ở làng và chợ rằng: mặt giống văn nhân, lòng là tặc tử. Năm Kỷ Mão [1819], 16 tuổi, đỗ Tú tài; năm Tân Tỵ [1821], 19 tuổi, đỗ Cống sinh. Thánh

---

[1]. Đăng Sở và Huy Thự đều là quan nhà Tây Sơn trước.

[2]. Nguyên thư in là Nghĩa An.

[3]. Hình bộ, Đô sát viện và Đại lý tự.

[4]. Theo *Quốc triều khoa bảng lục*, quyển I, tờ 13b thì Hoàng Đình Tá đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, trên cả Phan Đình Dương và Phan Nhật Tỉnh (vì hai ông này bị xếp vào Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân - xem sách đã dẫn).

tổ hiểm là người học vận còn ít công phu, lòng ham phú quý thì nhiều. Bèn sắc Cống sinh hạn 40 tuổi mới được bổ làm quan. Lệ này là bắt đầu từ đấy. Đỗ Tông Quang người xã Hoa Điềm đã làm quan sang. Tân đêm mặc áo thường, đến gõ cửa, gọi "Anh! Anh!". Tông Quang biết là Tân, sai mở cửa cho vào, rồi ra lệnh cho người nhà đánh 6 roi. Tân không giận, thong thả nói rằng: "Anh muốn cho ta làm quan Lục bộ đấy!". Tân có tính điềm tĩnh, ngạo nghễ là như thế! Khoa ấy thi Hội, ngày ra bảng, Tân say rượu, ngủ ly bì. Tông Quang sai người nhà gọi dậy. Tân quả đỗ thứ 10[1].

Tham bổ: Cử nhân Nguyễn Kim Hoán, người xã Xuân Lôi, ... thi Hội trúng cách, chưa kịp thi Đình thì ốm chết (32 tuổi). Vua hỏi đình thần lệ cũ thế nào. Rồi ban tiền tuất 10 quan. Quan kinh tân cựu 27 người cùng hạt góp tiền làm lễ mai táng.

Tuần phủ Sơn Tây là Vũ Vịnh bị cách chức. Lúc bấy giờ bọn giặc là Bột, Nhàn, Sùng (xem năm Quý Tỵ [1839]), đốt cướp dân gian. Vịnh không đem việc ấy tâu lên. Đến đây, dân làm đơn kêu ở Tam pháp ty. Vua giận, nói: "Một đàn hổ đói, chỗ nào cũng thế, dân ta chịu làm sao được!". Chiếu phạt bổng, hạn cho Vịnh 3 tháng2 phải bắt được lũ giặc ấy, nếu không bắt được thì phải đóng gông xích tay giải vào Kinh.

Cho Tôn Thất Bật thống lĩnh các tỉnh Nghệ An. Bật do chức Lãnh binh Sơn Tây thăng Đề đốc Hà Nội, Tổng đốc Hải - Yên. Đến đây, chưởng Tôn nhân phủ thống lĩnh các tỉnh Nghệ An. Người đời ấy có câu "Một *bách* xách hai *cung*"[3].

---

[1]. Nguyên thư in là thứ 11.

[2]. Nguyên thư in là 3 ngày.

[3]. Chiết tự chữ "bật" 弼 là tên của Tôn Thất Bật.

Nước Xiêm lại quấy rối thành Trấn Tây. Vua sai An Giang tổng đốc Nguyễn Công Trứ dẹp yên. Trước kia, giặc Xiêm đã trốn lui, các đạo Hà Âm lần lượt tâu công. Bàn công bình Tây đã gia quan, tiến tước, bá cáo trong, ngoài. Đến đây nước Xiêm lại đến quấy rối nơi biên giới. Trứ đi đánh, dẹp yên, được thăng Hữu quân. Về sau, vì việc lộ mưu với nước khác, Trứ phải giáng cấp, đi hiệu lực làm lính.

Tháng 6, ngày 12, dưới mặt trời có hai cầu vồng giao nhau.

Mùa thu, tháng 7, Bắc Ninh đại hạn, sâu cắn lúa. Mỗi gánh thóc giá 3 quan tiền. Cuối năm, tâu báo thóc lúa bị tổn hại đến 5 phần 10.

Tháng 9, ngày Nhâm Ngọ (ngày 7), phương Bắc có mây nổi như thành.

Nghệ An, nước biển tràn vào, trôi mất hơn 4.000 nhà. Lấy tiền kho và vải trắng cấp phát cho.

Mùa đông, tháng 10 (ngày 25), phủ Hoài Đức bị cháy to (ngày hôm sau, lại cháy to).

Quan trường Hà Nội Nguyễn Giác, phải giáng cấp, đợi xét. Giác làm giám khảo, cùng sơ khảo Nguyễn Bá Cung chữa văn của người xã Nhân Mục, lại đốt quyển thi của người phường Phúc Lâm, bị ngự sử tham hặc. Vua xuống chỉ dụ: "Về việc Bá Quạt, mắt đã thấy tai đã nghe, sao lại còn cố phạm đến thế!". Bèn giao Nguyễn Hưng ở Hà Nội tra cứu.

Tháng 11, Ất Sửu, ngày 21, tiết Đông chí, mây thành từ phương Đông liền đến Tây Nam.

Có Chỉ sai phái viên đi xét định thu lệ các cửa tuần, bến đò. Lúc bấy giờ trạm Thăng tỉnh Bắc Ninh có 1 cửa tuần chính, 5 cửa tuần phụ (xem năm Nhâm Thân [1812]). Lái buôn Minh Hương đấu giá mỗi năm đến 24.000 quan tiền,

gọi là 12 thành. Năm sau, Quý Mão [1843], có tháng nhuận, nên thu 13 thành. Tổng đốc Giai cho riêng người nhà là Thủ Mân y giá cũ 12 thành[1]. Rồi Giai làm biểu, lại tâu rằng: "Bắc Ninh sông hẹp, không như tỉnh khác sông to, người buôn họp đông, nay nếu cho thu đủ 13 thành, sợ giá cao, thì dân khốn khó, dân khốn khó thì nước nguy!". Vua giao cho bộ bàn. Bộ đều cho rằng: năm nhuận cũng thu như năm không nhuận, tất là có sự thỉnh thác. Nay Tổng đốc Giai lại đem việc lợi nhỏ tâu nhàm, thành ra bất kính. Vậy, nên giáng 1 cấp, điệu về, đợi xét. Sau có Chỉ: giáng 2 cấp, lưu nhậm. Rồi sai phái viên đi các tỉnh xét định lệ thuế. Từ đấy, lái buôn đấu giá thuế các cửa tuần, mỗi năm thu nhiều lên mấy lần nữa.

Cho Thái bảo Tuy Thịnh tử Trương Đăng Quế quản lý Khâm thiên giám sự vụ.

Tháng 12, đêm 30 Tết, mây trắng ngang suốt phương Kiền Tốn[2].

Phụ biên: Giặc cõi Tây lần lượt dẹp yên, mà Cao Miên chưa vào đồ bản; giặc Sơn Tây nữa đã bị bắt, mà phỉ trốn còn chạy vào rừng.

Quý Mão, năm thứ 3 [1843], (Thanh Đạo, Quang năm 21).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 8. Tế hưởng Thái miếu, bèn làm lễ đàm. Rước thần chủ Thánh tổ đem thờ vào Thái miếu. Đại xá. Thuế thiếu năm trước và thuế vụ hạ năm ấy:

---

[1]. Nguyên thư in là 13 thành.

[2]. Kiền Tốn: từ Tây Bắc sang Đông Nam.

phủ Thừa Thiên cho giảm 5 phần 10; Thanh, Nghệ giảm 4 phần 10; các tỉnh Bắc Kỳ giảm 3 phần 10, v.v...

Tháng 2, ngày 16, các quan Bộ, Viện, Nội các tâu xin đổi Nguyễn Đăng Giai làm Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên, đi tiễu ngụy Bột. Ngụy Bột oa tàng ở huyện Phù Ninh, tỉnh Sơn Tây, thường thường đem bông đến bán ở bến sông, lại dụ phú thương đến, bắt cướp lấy của. Án sát Vịnh đem quân vây bắt, không được. Có Chỉ sai Giai đến Sơn Tây, ra lệnh dẫn cây, chọn các đường núi. Đồ đảng của Bột là tên Thạch, tên Sung ra thú. Bột trốn sang Bắc Ninh. Tên Nhàn ẩn náu ở nhà dân; dân bắt đem nộp giết đi. Giai sai đào mộ tổ tên Bột. Lại cho mật dụ thầy học của Bột là người Hà Nội và con Bột đến. Giai đãi thầy Bột bằng sư lễ, bảo dụ Bột hàng, giữ con Bột làm tin. Bột bèn ra thú. Giai làm biểu tâu: Bột dẫn tụ đảng, nhưng chưa kháng cự quân triều. Vậy xin tha, không giết. Có Chỉ cho Bột làm Cai đội, coi quản bọn lính đã theo Giai đi đánh giặc. Cho Giai làm Thần công thống chế, Tổng đốc Bắc Ninh.

Đô thành, dịch lệ to, truyền nhiễm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Trị, Bình Thuận. Chiếu cho tiền tuất. Lại có Chỉ cho cầu đảo ở miếu Lịch đại đế vương và miếu Bách thần. Vua lại giảm các món ăn, bỏ nhã nhạc, hoãn việc tra tấn tù. Sai thầy thuốc đi điều trị.

Tháng 3, Bắc Ninh đại hạn, dân bị đói. Thần công thống chế [Giai] nghĩ rằng năm đói, thóc đắt, người giàu lại giàu thêm, mà người nghèo không khỏi phải "hô canh" (canh là phương tây, chư kim; quý là phương bắc, chư thủy. Sách *Tả truyện* chép: lên núi Thái Sơn gọi "canh quý ơi, thì dạ". Đó là đi ăn xin cơm, mà làm lời ẩn bí)[1]. Giai bèn sức nhà giàu

---

[1]. Dịch theo nguyên chú về hai chữ 呼 庚 "hô canh".

bán thóc ra để cứu hoang. Tính theo nhân khẩu trong nhà để thóc cho nhà giàu đủ ăn, còn thì định giá phải chăng, đem thóc phát mại, hoặc cho vay lấy đủ gốc, không được tích trữ thóc.

Mùa hạ, tháng 4, vua làm bài tựa tập thơ ngự chế.

Chúa đạo Giatô sai sứ đến thông vấn. Trước đây, năm Mậu Tuất [1838], Đăng Giai bắt người đạo Giatô giải vào Kinh, giam giữ cộng hơn 10 người, rồi chết đi chỉ còn 3 người. Đến đấy, đạo Giatô sai sứ thông vấn đi 2 chiếc tàu từ cửa biển Đà Nẵng vào; đưa thư đại lược nói: "Giatô đối với thượng quốc[1] là chỗ lân bang, chứ không phải là nước thần phục. Từ trước sai thầy dòng vâng mệnh Chúa đi truyền giáo: Ai vui lòng theo thì theo, ai không vui theo thì tùy ý. Nay đã không theo thì thôi, sao lại giết các thầy dòng đi?". Thư ấy dâng lên. Vua giao cho đình thần bàn. Đình thần đều xin tha cho những người ấy về. Ba người lên tầu, sứ giả nhảy nhót hoan hô sụp lạy. Rồi lại truy hỏi những người khác. Vua sai Nguyễn Cẩm, Nguyễn Mậu Thật điều đình trả lời sứ giả.

Từ đời Thánh Tổ đến đấy, nghiêm cấm hội đạo Giatô. Ai hối cải, bước qua thập tự giá, đều cho đổi mới.

Đô thành phía tây bắc có khí trắng ngang suốt. Chiếu các quan nói thẳng những điều nhầm lỗi. Vua dụ rằng: "Trẫm đêm xem khí tượng trời, thấy khí trắng từ tây bắc nổi lên, lấn vào phận ngôi sao Khuê, sao Lâu. Hỏi các người chiêm hậu, họ đều không biết là điềm gì. Vả, Trẫm về nhân đạo và hiếu đạo, không có thiếu sót, sao lại đến thế? Vậy ra lệnh cho thần liệu trong ngoài nói hết những lời của Trẫm".

---

[1]. Chỉ nước ta.

Ngày 23, sét đánh lầu cửa thành Bắc Ninh.

Tháng 5, ngày Đinh Mùi (mồng 5), phương đông có khí đen, phương tây có khí trắng, đều dài hơn 10 trượng, ngang suốt, lâu mới tan.

Ngày 28, đào mả cố Lê Công chúa Ngọc Hân. Người làng Phù Ninh là Tổng Phụng bị dân kiện và nói: Phụng ỷ thế ngụy thê[1] tranh lợi với dân. Vua sai đào mả công chúa Ngọc Hân, ném xuống sông Nhị, và phát mại nhà thờ, ruộng đất của công chúa.

Đình thí Tiến sĩ. Cho bọn Thám hoa Mai Anh Tuấn 7 người cập đệ và xuất thân có thứ bậc. Tuấn, người xã Thạch Giản, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Nhất giáp cập đệ, năm ấy 22 tuổi, cha mẹ đều còn thọ. Có Chỉ cho bạc và ăn yến. Chánh bảng 7 người: Anh Tuấn (Thạch Giản), Bá Nha (huyện Hoằng Hóa), Phú Thứ (xã Đông Cái), Đỗ Phát (Quần Anh), Nguyễn Phan (Quảng Trị), Vũ Văn Tuấn (Bát Tràng), Nguyễn Thanh Uy (Thừa Thiên, nguyên hàm Thị giảng). Phó bảng 2 người: Đặng Văn Thái, Phạm Thế Trinh.

Chiếu cho các chợ, các xã ở hai kỳ Nam, Bắc đều khai hóa giá.

Đốc học Hải Dương, Vũ Quyền, trí sĩ (năm Đinh Hợi - 1827, xin về nuôi cha mẹ).

Cho Giáo thụ Thuận An là Nguyễn Danh Vọng làm Tri huyện Tứ Kỳ. (Vọng, người xã Cổ Nhuế, quyền huyện Thạch Thất, sau quyền phủ Kinh Môn).

Đặt hòm thư xin nhận đơn tố giác. Mỗi tỉnh đều đặt 4 hòm, cho các Đốc, Phủ, Bố, Án cùng tố giác lẫn nhau, rồi

---

[1]. Ngụy thê: chỉ Ngọc Hân công chúa là vợ vua Quang Trung.

chạy trạm đệ cả hòm vào Kinh, vua mở hòm, chính mình xem xét các đơn để biết rõ sự tình.

Tổng đốc Hải Dương can việc tự tiện dời đổi cửa tuần, bến đò, bị giáng cấp. Tổng đốc ăn hối lộ 60 hốt bạc của nha lại, tự tiện dời sở tuần, bến đò, bị Bố chính tham hặc. Tổng đốc lại hặc lại Bố chính. Bố chính tự tử. Tổng đốc bị giáng cấp, lưu nhậm. Bố chính bị đánh roi vào quan tài. Án sát Đào Đình Việp bị giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác.

Triệu Tiến sĩ Ngụy Khắc Tuần (Hưng Hóa) vào chầu. Tuần đỗ khoa Kỷ Sửu [1829] cùng Phạm Tích dâng tờ tâu hàng vài mươi vạn lời xin sửa đổi những sự tệ hại.

Mùa thu, tháng 7, đặt kho chứa gạo xay ở Văn Giang. Quan tỉnh Bắc Ninh tâu rằng thóc thuế 2 phủ Lạng Giang, Thiên Phúc nộp vào kho tỉnh, gạo thuế 2 phủ Từ Sơn, Thuận An nộp ở Văn Giang để tiện tải xuống bến Mễ Sở, chuyển vào Kinh (xem năm Nhâm Dần). Vua sắc cho bàn dựng kho. Hà Nội, Đăng Giai tâu rằng kho tỉnh không nên đặt nhờ hạt khác, xin đặt ở Gia Lâm. Dân Gia Lâm xin miễn sự đặt kho ở hạt mình, bèn đặt ở Văn Giang. Sau lại vì đất Văn Giang thấp ướt, bàn lập ở Gia Lâm, nhưng lại không làm nữa.

Tháng 7 nhuận, ngày 18, Bắc Ninh mưa ra cát vàng[1].

Tháng 9, Bắc Ninh được mùa to. Ngày tháng 6, Bắc Ninh đại hạn và bị đói, gánh thóc giá 3 quan 6 tiền. Tổng đốc xin hoãn thu thuế vụ hạ. Đến tháng 9 ấy, được mùa, gánh thóc giá 1 quan 4 tiền, thu thuế cả 2 vụ.

Tri phủ Kiến Xương Ngô Điền bị giáng cấp, về Kinh đợi xét (vì xử việc án mạng, bất công).

---

[1]. Nguyên văn: 雨金沙 "Vũ kim sa".

Ngày 25, giờ Dần, có chớp sáng.

Mùa đông, tháng 10, sớm ngày Mậu Thân (mồng 9), cầu vồng mọc ở phương tây. Đào nở hoa.

Đề điệu trường thi Hà Nội bị giáng cấp, vì đóng nhầm số hiệu quyển thi số 28 vào số 84. Khoa ấy, thi Hương trường Thanh Hóa, con Đăng Giai là Hành đỗ cử nhân thứ 2. Vua cho Giai thơ rằng:

Phiên âm:

Tam phiên quận tề ưng long khổn,
Nhị giáp gia nhi hựu hiển thân.
Hạc toán tiên sinh nhàn tuế nguyệt
Nhạn thư tôn tử vượng tinh thần.

Dịch nghĩa:

Ba lần quận tể tôn quan cả
Con đỗ thứ hai lại hiển thân.
Tiên sinh tuổi hạc, vui ngày tháng,
Con cháu hàng chim, vượng tinh thần.

Lại câu đối rằng:

Mai trưởng xuân trường tư dị ốc.
Lôi hân sói thổ xướng đồng châu.

Nghĩa là:

Mai nở trường xuân thêm ơn lạ.
Sấm vang đất bắc nức cùng châu.

Vua lại cho Giai nhiều tiền, lụa để tỏ hậu đãi (xem thêm năm Giáp Tuất).

Nguyễn Đăng Giai làm chùa Phú Nhi (ở thành tỉnh Sơn Tây).

Tháng 11, ngày Kỷ Tỵ, mồng một, Nhật thực (giữa giờ Ngọ).

Cho Tiến sĩ (Thị lang) Phạm Thiều làm Tế tửu [Quốc tử giám].

Triệu Trấn Tây thượng tướng Lê Văn Đức vào chầu. Chưa bao lâu, Trấn Tây lại có loạn, vua lại sai Đức đi đánh dẹp. Lúc ấy, Đức đã ốm, xin cho con là Hưng đi tòng quân, vua ưng cho, ban thưởng rất hậu. Lúc bệ từ, vua đứng dậy, cầm tay Đức cho miễn lạy. Khi ra cửa, vua đưa đến Ngọ môn, Hoàng tử Bảo tiễn đến cửa thành. Đức đi đến Quảng Nam, ốm chết. Chiếu cho tiền, đem về an táng.

Tháng 12 (mồng 5), Tả giám Quản cơ Hoàng Lương Đạo chết. Đạo có 2 con trai là Lương Hinh và Lương Phức, do lệ ấm tử được bổ vào đội Anh danh, hậu bổ tại Thanh Hóa và Cao Bằng.

Châu Đại Man cầu xin nội phụ, đem lễ cống vào Hưng Hóa. Đảng giặc ngụy xưng là quốc thúc, cướp lấy lễ cống, chạy vào Lai Châu. Tổng đốc Giai thua bắt. Tri châu bị cách chức.

Thăng Trương Đăng Quế làm Thái bảo, Văn minh điện Đại học sĩ, vẫn lĩnh Binh bộ Thượng thư sung Cơ mật viện đại thần, đồng quân công gia nhất cấp, gia tùy đới nhất cấp, tầm thường gia nhất cấp, kỷ lục 8 thứ, tước Tuy Thịnh tử, quản lĩnh Khâm thiên giám kiêm lĩnh Quốc tử giám sự vụ.

Sai Vũ Hồng Tộ đi sứ nhà Thanh.

Giáp Thìn năm thứ 4 [1844],
Thanh, Đạo Quang năm 24.

Mùa xuân, tháng 3, ngày Tân Tỵ (ngày 14), Bắc Ninh động đất có tiếng như sấm.

Ngày 23, tỉnh Bắc Ninh cháy to (cháy từ trại Vệ quân lan đến địa phương xã An Xá).

Lại ban sắc cho bách thần, chia làm thượng, trung, hạ 3 bậc, ban làm 3 lần. Bấy giờ tỉnh thần Hà Tĩnh đệ sách khai bách thần, có thần Nam Đồn (xem năm Cảnh Lạc). Vua xem tờ tâu, xé bỏ đi. Quan tỉnh và quan bộ đều bị giáng cấp. Từ đấy, những thần chỉ có sự tích tầm thường đều bị truất bỏ.

Cho giáo thụ Thuận An quyền nhiếp huyện Lang Tài. (Giáo thụ là Tú tài xã Bao Trung).

Mùa hạ, tháng 5 (ngày 4), Bắc Ninh mưa ra cát vàng. Lúa chiêm được mùa to, gánh thóc giá 1 quan 2 tiền.

Tỉnh Nam được mùa. Khoa thi Hội, lấy được mùa lúa ra đầu bài thi.

Phụ bổ: Đình thí Tiến sĩ. Cho bọn Nguyễn Văn Chương, Nguyễn Văn Phúc 10 người đỗ cập đệ và xuất thân có thứ bậc. Hoàng giáp 2 người: Nguyễn Văn Chương, Nguyễn Văn Phủ (xã Du Lâm). Đồng tiến sĩ Nguyễn Chính (xã Bình Ngộ), 8 người đều chánh bảng. Bọn Nguyễn An (xã Liên Hương) 15 người đều phó bảng.

Lúc bấy giờ Hà Tĩnh có thần đồng, quan tỉnh hỏi: chữ "tam" thêm một nét, thần đồng nói: là chữ "vương", thêm hai nét là chữ "ngọc".

Mùa thu, tháng 8, Bắc Ninh mưa dầm liên miên, mưa từ ngày 13 đến ngày 19, bão to, thuyền biển phần nhiều bị đắm. Vua xuống tờ chiếu, giáng trật bách thần.

Ngày 17, sắc mặt trời nhạt mà không sáng. Đêm ấy, mặt trăng có mây đen như chữ "nhất" che lấp, rồi thình lình cầu vồng mọc và chớp sáng.

Tháng 9, ngày 9, đô thành bị nước lụt. Lúc bấy giờ mưa hàng tuần, lại bão to, nước lũ tràn vào Đô thành, mặt đất ngập sâu 8 thước. Quan xá, các kho phần nhiều bị hư hoại.

Vua tránh nước, lên cột cờ, gió thổi, không chịu được, phải xuống ngay.

Tham bổ: *Ngoại truyện* chép rằng: Nước biển tràn vào, có tiếng như súng, làm nát quan xá, trôi sổ sách. Đem thủy tai báo cho các tỉnh biết.

Ngày 27, lập đông, có sấm.

Hai tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh được mùa to (gánh thóc giá từ 1 quan 3 tiền đến 1 quan 5 tiền).

Phủ Thuận An có gà mái biến thành gà trống. Nguyên là gà mái Siêu Loại[1] sắp nở con rồi, chợt biết gáy như gà trống, lại đạp mái được.

Sơn - Hưng - Tuyên tổng đốc Nguyễn Đăng Giai bị giáng cấp, lưu nhậm. Bấy giờ Tiền Bột đã ra thú, theo Giai đi đánh giặc. Giai sai Bột đi dụ Lý Hồng Nhân, Hồng Thạc quy thuận. Bột bèn liên kết với Hồng Nhân, không về với Giai nữa. Cho nên Giai bị giáng cấp (có thuyết nói Giai bị giáng cấp, là vì việc cho đấu giá ở bến đò bị vỡ lở).

Cho Hàn lâm Vương Hữu Quang làm Nội các Học sĩ. Quang trước làm Án sát Tuyên Quang, bị giáng cấp xuống Cửu phẩm Thư lại, đi hiệu lực, đem thủy thủ đi thuyền biển 180 người sang nhà Thanh. Đến Quảng Đông, bị sóng gió ngăn trở, lạc đường, không biết đi đâu. Thổ quan Quảng Đông tư cho Lạng Sơn chuyển tấu. Có Chỉ triệu Quang vào Kinh, cho miễn nghị, thăng Hàn lâm, rồi cho vào Nội các.

Tháng 10, Án sát Hải Dương Đào Đình Việp chết ở Kinh (do bị giáng cấp triệu vào Kinh, nay ốm chết, ngày 28 tháng

---

[1]. Tức là gà Hồ.

12 về đến làng Đại Toán, đến 19 tháng 4 năm sau an táng. Việp chỉ có 2 con gái).

Tháng 12, triệu Đốc học Bắc Ninh Bùi Trần Đàn làm Lang trung bộ Lại. Học trò đem nhau góp tiền lạy mừng: Tiến sĩ 3 quan, Cử nhân 2 quan, Tú tài 1 quan, sĩ nhân 6 tiền.

Thiếu bảo Nguyễn Đăng Tuân chết. Con là Giai vì có tang, được miễn quan, về quê an táng cha.

Lai Châu có giặc. Chánh cơ, Phó cơ Hưng Hóa đem quân đi đánh: thất lợi. Chiếu cho Ninh Thái tổng đốc đem 2.000 quân đi giữ ngoài biên. Đến tháng 5 năm sau mới về.

Sao Chổi mọc phía tây-nam.

Thái bảo Trương Đăng Quế quản lĩnh Khâm thiên giám sự vụ. Hoàng Công Dương từ năm Canh Thân [1800] đời Tây Sơn đến, đã lão luyện về việc chiêm nghiệm, được gia kỷ lục 3 thứ.

Cho tri huyện Thanh Ba làm Đốc học Bắc Ninh. Đốc học ấy người xã Hành Thiện, tỉnh Nam Định, năm ấy đã 70 tuổi.

Làm sách *Thực lục*[1].

Ất Tỵ, năm thứ 5 [1845], Thanh, Đạo Quang năm 25.

Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 4. Tri châu Đà Bắc Ngô Huy Du chết.

Cho Mai Văn Ngôn làm Tổng đốc Hà Ninh.

Tri huyện Gia Bình bị giáng cấp. Năm trước, trong hạt xã Đại Lại có tên huyện Suất chuyên mưu làm việc trái phép. Có người đem nguỵ bạ mật tố. Viên tri huyện ấy nã bắt tịch biên gia tài những người có tên trong nguỵ bạ. Sau xét ra không

---

[1]. Tức bộ *Đại Nam thực lục* (大南實錄).

đúng sự thực, đều cho miễn nghị. Khi đó, phường làm nghề xã Đại Bái vì việc gò đồng làm ngói, không chịu nổi nhọc nhằn phí tổn, ngày 15 tháng ấy, đương đêm đốt nhà, trốn đi. Quan huyện vì hà khắc sách nhiễu dân, cho nên phải giáng cấp.

Tháng 2 ngày 17, Bắc Ninh mưa đá.

Tháng 3 ngày 26, Nội các tâu xin lấy đinh phu đắp đê Văn Giang. Quan tỉnh tâu kho gạo xay ở Văn Giang địa thế thấp trũng ẩm ướt lại gần sông, và đê Phù Liệt, Dương Liệt cọc kè gần nát. Có Chỉ cho phát tiền kho mua gỗ, mỗi trượng đóng trên dưới 60 cọc, mỗi cọc dài 10 thước, rộng 7 tấc[1]. Sai Lãnh binh Bắc Ninh Giáp Văn Tân đốc đinh phu 2 phủ Từ Sơn, Thuận An, tát nước đắp thêm đê bên ngoài. Đinh phu nhận khoán, tốn đến hàng nghìn.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Giáp Ngọ, mồng 4, lập hạ, mới làm lễ tế đàn Nam giao.

Ngự chế bài tựa *Chỉ thiện đường hội tập*.

Bố chính Hà Tĩnh Phùng Đắc Ninh lấy nguyên hàm về hưu dưỡng.

Chiếu: 5 trường thi Hương đều làm bằng gạch, ngói. Từ đời Lý, đời Trần đến đây, các nhà nội ngoài trường thi Hương đều làm bằng tre, lợp tranh hoặc lấy tiền thuế điền, hoặc lập khoán ước thuê dân làm. Hồi đầu bản triều cũng theo làm như thế. Thi xong, đặt giá phát mại. Đến bấy giờ, mới làm bằng gạch, ngói, chung quanh xây tường, quy chế mới cả.

Lại cho rằng, lệ cũ, kỳ thi chỉ hạn 20 ngày, không khỏi gấp gáp quá, bèn gia hạn kỳ thi đủ 1 tháng, đặt làm lệ thường mãi mãi.

---

[1]. Tấc: (thốn 寸), thước (xích 尺) đơn vị đo lường trước kia của Việt Nam.

Cho Tiến sĩ Nguyễn Hoằng Nghĩa làm Bố chính Hà Tĩnh, được hơn 1 tháng thì chết. Bạn người đồng khoa là Bạch Đông Ôn làm văn tế, có câu:

Giả kỳ tài bất giả kỳ niên,
Chung cổ lựu hoa chi tiếu.
Kiến kỳ uẩn vị kiến kỳ tựu,
Mãn thành loan phượng chi tư.

Nghĩa là:

Trời cho tài hoa không cho tuổi thọ
Một đời thấp thoáng cảnh hoa lựu.
Dân thấy lòng tốt, chưa thấy việc làm,
Cả thành tưởng nhớ vẻ loan phượng.

Chủ sự Cao Bá Quát phải sung quân. Quát người xã Phú Thị, với anh là Đạt là anh em sinh đôi, cùng đỗ Hương tiến. Quát thi Hội, không đỗ, xin học thêm để đợi khoa thi. Thánh tổ thường triệu vào làm thơ, Quát cầm bút viết xong ngay, rất lấy làm lạ về tài của Quát, cho làm Chủ sự, cùng Phó bảng Siêu đều nổi tiếng hay chữ. Vua Thiệu Trị mới lên ngôi, Quát đi sơ khảo trường Thừa Thiên, có lỗi nhỏ, được miễn nghị[1]. Theo Đào Trí Phú, đi hiệu lực mua hàng, Quát ngồi đầu thuyền, uống rượu, ngâm thơ rằng:

Hữu tửu linh nhân túy;
Ná thị khách thi thùy!

Nghĩa là:

Có rượu cứ uống say;
Nào biết khách là ai!

---

[1]. Quát lấy muội đèn chữa văn cho thí sinh.

Lại có câu thơ rằng:

Nhập thế công danh thành trụy tắng;

Xử ứng thời kỹ nghệ học đồ long,

Nghĩa là:

Đời tớ công danh thành chõ vỡ;

Xưa ta kỹ thuật giết rồng suông.

Vì kiêu ngạo, cho trưởng quan là ngu, cho nên phải tội.

Ninh Thái tổng đốc từ bảo biên về, đến tỉnh lỵ thì chết. Vua cho Phó lãnh binh Giáp Văn Tân thay làm Tổng đốc.

Thăng Bố chính Bắc Ninh Đỗ Đình Thư làm Tuần phủ.

Thăng Tuần phủ Khánh Hòa Trần Văn Lâm làm Phủ doãn Quảng Trị.

Tri phủ Kiến Thụy Trần Danh Huy bị giáng cấp, giam ở thành Hải Dương, đeo xiềng sắt nặng 1 tạ. Huy tư thông với lái buôn ngoài biển, cho 80 chiếc thuyền vào đong gạo trong hạt. Gặp có Chỉ dụ cấm xuất gạo, Huy sai tải về. Án sát Hải Dương đi kinh lý, gặp hỏi; thuyền buôn bắn súng cự chiến. Án sát đuổi đánh, bắt được 5 thuyền gạo, đem việc ấy tham hặc. Cho nên Huy bị giáng cấp. Tri huyện Tiên Yên Nguyễn Kiện cũng liên can việc này. Huy lúc mới ra làm quan, tự nói rằng: Được làm Huấn đạo có hành nghi võng lọng là đủ, bất tất phải làm quan to. Lúc thường, yêu thương lính lệ, mỗi đêm, đi coi xét công đường, cho lính lệ giường chiếu, không để nằm đất.

Cho Phan Bá Đạt làm Tổng đốc Nam Định. Đạt đi qua Hà Nội, thấy vợ phó vệ mặc váy lĩnh hồng[1], lấy làm lạ, cho

---

[1]. Nguyên văn là "phục hồng lãng vi đáo" 服紅綾围到, phải in 围"vi" là *váy*, nguyên thư in chữ 帷"vi" là *màn*.

hỏi, người đàn bà ấy ỷ quyền thế, nói điều ngạo mạn. Đạt sai đem chém và tham hặc phó vệ. Phó vệ lạy xin mới được miễn. Bấy giờ việc cấm mặc váy lại càng ngặt.

Triệu Tri phủ Thuận An Tạ Hữu Khuê vào Kinh. Mùa thu, năm Quý Mão [1843] triệu vào, cho dân kiến, vua thấy lý lịch tầm thường, cho về nhận chức cũ. Khuê bèn vì phủ hạt lập huyện miếu, cho Cai tổng và Tú tài chia lượt nhận làm chủ tế. Mùa đông, năm Giáp Thìn [1844] lại làm chùa cho xã Trạm Trai; đến đấy triệu cho làm Bố chính tỉnh Ninh Bình, sau thăng Ngự sử.

Cho Nguyễn Trọng Gia tri phủ Thuận An, Vũ Xuân Ân tri huyện Lang Tài (Ân là viên tử, cháu gọi Vũ Xuân Cẩn bằng chú bác).

Mùa thu, tháng 8, huyện Bình Lục lụt to.

Mùa đông, tháng 11, tiết Đông chí, có khí trắng suốt từ nam sang bắc như hình quạt mở ra.

Cháu trưởng của vua mới sinh (con hoàng tử Bảo, ngũ đại đồng đường).

Cho Trương Đăng Quế quản lĩnh Khâm thiên giám sự vụ (tầm thường gia 3 cấp, còn vẫn y nguyên hàm).

Phủ doãn Trần Danh Lâm bị giáng cấp (vì không hay nghiêm cấm hoàng tộc, phải giáng làm Thư lại bộ Công).

Tri phủ Quảng Oai Nguyễn Quý Tân cũng bị giáng cấp, làm Thư lại.

Bính Ngọ năm thứ 6 [1846], (Thanh, Đạo Quang năm 26).

Mùa xuân, tháng giêng. Chiếu: vì Tứ tuần đại khánh, mở ân khoa. Năm ấy, vua 39 tuổi. Quần thần cho rằng sang năm

Đinh Mùi [1847] gặp đại khánh Hoàng thái hậu, dâng biểu khuyến tiến, xin làm lễ Tứ tuần đại khánh như năm Canh Dần [1830] đời Thánh tổ. Vua nghe theo, bèn mở ân khoa, lấy năm Đinh Mùi làm ân khoa. Sau, đến ngày 11 tháng 5, làm lễ đại khánh, chỉ làm bốn rạp kết hoa, chúc phúc như nghi tiết. Cho kỳ lão 2 kỳ Nam, Bắc: 70 tuổi trở lên, ăn yến; 80 tuổi trở lên, mỗi người 1 quan tiền; 90 tuổi trở lên, 2 quan tiền; 100 tuổi trở lên, 3 quan tiền.

Bổ dùng 73 cử nhân, có bọn Nguyễn Tiến Lục 10 người được Chỉ rồi, đi uống rượu, hát xướng, phải lưu ở Viện Hàn lâm 10 năm.

Các tú tài 40 tuổi trở lên, ai lại đỗ Tú tài thì bổ Huấn đạo.

Cho Hoàng Nho Nhã làm Ngự sử, Nguyễn Khắc Hoành làm Huấn đạo Thư Trì (đổi tên là Hoằng).

Lại nghiêm cấm chữ ngự húy "*miên*"宀 trên, "*thị*" 示 dưới, tức là chữ "*tông*"宗, không cứ âm nghĩa giống hay khác, đều cấm.

Cho mẹ Hàn lâm Đỗ Quang hiệu là Cung nhân. (Quang, người xã Hoa Điềm, Hoàng giáp khoa Nhâm Thìn [1832]).

Sai Viện Hàn lâm hiệu đính sách *Thi vận* (theo bộ cũ các sách *Quần ngọc*, *Tam thai*). Vua thích văn thơ, nhân khi có kỳ thi, vua lấy đầu bài làm thơ phú, đợi đến lúc học trò nộp quyển, cũng nộp lẫn vào đấy, cho quan trường sơ phúc định ưu, liệt. Rồi sai làm sách *Thi vận* để tiện vua tập làm thơ.

Năm ấy, nhuận tháng 5, trường Thừa Thiên, vua ra đề mục: "Sĩ các hữu chỉ thi; Trùng ngũ nguyệt tăng trùng ngũ nhật" phú.

Tháng 2, Bắc Ninh mưa đá. Ngày 28, tiết Xuân phân rét dữ, mưa nước đen.

Tháng 3, mưa mãi không thôi. Ngày 20, huyện Cẩm giàng mưa đá.

Mùa hạ, tháng 4, Đinh Mùi, ngày 22, buổi tối có sắc đen ngang suốt hướng khôn cấn[1] (bên đó có đường trắng).

Ngày 27, văn tập đã hoàn thành. Các quan văn ban dâng biểu mừng.

Ngày mồng 6, xin khắc bài Tổng luận.

Nhân dời chợ lớn đến đấy.

Khắc Kinh truyện theo bản Trung Quốc.

Khởi phục Nguyễn Đăng Giai làm Tổng đốc Hà Ninh. Giai làm chùa Bát Giác ở Tràng Tiền, Hà Nội, 120 gian, cũng cực tráng lệ.

Tâu đào sông Thiên Đức. Bãi lĩnh thú các châu xa, vì lam chướng. Giai tâu lấy dân 5 tỉnh đào sông Thiên Đức, vua sai chỗ nào cong queo thì đào thẳng ra. Ngụy Khắc Tuần can rằng: "Sông Thiên Đức dài không biết mấy nghìn trượng, nay đào cho chảy về phía nam, sợ dân không yên". Việc này do đấy được đình chỉ.

Cho: Tiến sĩ Nguyễn Chính tri phủ Thiên Quan, Phó bảng Nguyễn An tri huyện Bình Sơn.

Hoàng giáp Tố, người huyện Đường Hào, Tri phủ Thái Bình; Phó bảng Phẩm, người xã Vạn Tư, Tri huyện Thọ Xương, rồi thăng Tri phủ ứng Hòa.

Tú tài Trọng, người huyện Bình Sơn, Tri phủ Thuận An. Tú tài Tố làm Kinh lịch tỉnh Hải Dương. Tri huyện Phù Cừ là Hạp, người xã Thạch Khê, đổi đi Tri châu Thạch Lâm.

---

[1]. Khôn cấn tức là từ tây-nam sang đông-bắc.

Nguyễn Hương, Tri huyện Thạch Lâm. Đổi Tư nghiệp Phạm Thiều làm Bố chính Ninh Bình, rồi thăng Tuần phủ. Đào Danh Văn, Tri phủ Lạng Giang.

Tháng 5 nhuận, có thần giáng ở xã Văn Thai, huyện Cẩm Giàng. Trước đó, đời Lý, Trần, người xã Nghĩa Lư là Lê Đức Toàn, tự hiệu là Tuệ Tĩnh thiền sư, hái thuốc nam trị bệnh cho người Nam, tiếng đồn sang Nam Tống. Hoàng hậu nhà Tống ốm, sai sứ sang đón. Tuệ Tĩnh ở lại Giang Nam, sau chết ở nước Tống. Vua nhà Tống chôn cất, lập bia đá. Sau có quan, người xã Văn Thai, sang sứ Trung Quốc, đem bia đá ấy về, dựng làm mốc cho xã Văn Thai. Tuệ Tĩnh làm sách y phương có 13 bài thuốc. Đời Lê Dụ Tông, cho tên là Giác Tư. Bia đá ấy hiển linh, mọi người lập đền thờ. Tháng ấy dịch đậu mùa phát ra nhiều nơi, có người bị bệnh đậu đến đứng cửa đền kêu khóc, chợt có người già hái thuốc cho, chữa bệnh linh nghiệm. Bởi thế xa gần đồn đại, đến cửa đền xin thuốc, Thanh - Nghệ trở ra Bắc, Thái - Lạng trở vào Nam, đường sá đi lại như mắc cửi cúng tiền cúng lễ, xa nghìn dặm cũng đến. Sau đến tháng 8, vua sai quan khâm phái đến đấy, đem bia đá ấy chôn đi, thu tiền để vào kho công.

Tháng 6, Đỗ Đình Thư được miễn nghị. Trước lễ Đại khánh ngày mồng 5, các tỉnh thần dâng cây vàng và quả phật thủ vàng đến chúc thọ. Đến đây xong việc, đem những cây vàng, quả vàng ấy đúc làm đĩnh vàng, ban phát cho quan quân. Cây vàng của Bắc Ninh: vàng chỉ 7 phân, không đầy 10 phân, bị cơ binh tố giác, có chiếu nghiêm quở. Đỗ Đình Thư đổ lỗi cho Thủ Thước là thuộc lại Giáp Văn Tân và người buôn là Thị Điền. Chiếu cho Hà Ninh tổng đốc tra xét, tịch ký gia tài của Đỗ Đình Thư, giáng 3 cấp, lưu nhậm, phát bổng 1 năm (do giá vàng hạng tốt là 1.300, hạng xấu là 1.100.

Thu mua hạng vàng xấu này, tự thú là không biết, đổ lỗi cho thợ bạc. Thợ ấy phải tội đồ 1 năm).

Lập phép thi võ.

Tham bổ: Phép thi võ: kỳ thứ nhất, mang nặng; kỳ thứ hai, đi xa; kỳ thứ ba, bắn súng: 6 phát phải trúng 2. Ra bảng và ban yến đều theo như trường thi văn. Những người đỗ Cử, Tú võ, được cho vào Quốc tử giám học Võ kinh. Kỳ thi này, Mai Văn Ngôn làm Chánh chủ khảo, Hoàng Tế Mỹ làm Phó chủ khảo.

Mùa thu, tháng 7, Lãnh binh Bắc Ninh chết. Ngày 25, đội binh đưa đám về quê chôn.

Bắc Ninh đại hạn. Tỉnh thần cầu đảo được mưa. Lúc bấy giờ có đại hạn và sâu cắn lúa, phần nhiều không tâu báo tai nạn. Các quan phủ, huyện sở tại rước sắc bách thần đến tế cầu đảo, hễ được mưa thì ban sắc cho phụng sự.

Tháng 8, Trương Quốc Dụng và Vũ Hồng Tộ làm Chủ khảo trường thi Hương. Vũ Hồng Tộ đi sứ nhà Thanh về, vua triệu ngay cho làm việc. Khoa ấy trường Nghệ An có thủ khoa người huyện Lôi Dương tự thú rằng ông nội đi theo giặc Khôi, bị giết (xem năm Quý Tỵ), quan trường dâng biểu thanh minh cho. Giám khảo trường thi Hà Nội: Nguyễn Hàm Ninh, Trương Quốc Dụng và Vũ Hồng Tộ vì ra đầu bài bài phú "Hà bạc" không có định kiến, đều phải phạt bổng.

Xây phủ cho các hoàng tử. Đầu xuân, phát điều động lính các tỉnh, mỗi tỉnh 5.000 người đi thú thành Trấn Tây. Tháng 8, triệu về Kinh, xây dựng 7 tòa phủ cho các hoàng tử. Đến tháng 8 xong việc, cho lính về. Hoàng tử Bảo cho lính mỗi suất 5 tiền.

Tháng 9, ngày 18, Thái hoàng thái hậu mất. Từ ngày 12, hậu se mình, đến ngày 18 mất. Cấm dân gian 15 ngày

không được giá thú, 6 tháng không được mặc màu đỏ, tía, hát xướng. Lãnh binh trở lên đội khăn vải trắng 3 tháng. Sau, đến ngày 9 tháng 12, làm lễ ninh lăng. Theo lệ cũ, ban thưởng, thả tù, xá thuế.

Ngày 25, tỉnh thần Bắc Ninh đi khám lúa đồng; Bố, Án chia đi tuần 4 phủ, khám thực, tổn hại 5 phần, miễn thuế 5 phần; tổn hại 7 phần, miễn thuế 7 phần.

Đúc lại bạc nén. Phép trước, bạc nén đúc hình bầu dục, thợ đúc đúc lẫn chì và sắt vào. Vua sai đổi đúc làm hình dài, dẹt, khắc niên hiệu Thiệu Trị (giá cũ 80, giá mới 50).

Mùa đông, tháng 11, triệu Ninh Thái tổng đốc Giáp Văn Tân vào chầu (cho Đỗ Đình Thư quyền thự Tổng đốc).

Ngày 22, Đốc học Bắc Ninh chết.

Tháng 12, không mưa (từ tháng 9 đến đây hạn).

Gia Trương Đăng Quế làm Cố mệnh lương thần theo nguyên hàm năm Quý Mão [1843], tầm thường gia 7 cấp, kỷ lục 9 thứ được Tuy Thịnh bá, quản lý Khâm thiên giám sự vụ. Hoàng công Dương vẫn làm Khâm thiên giám giám chánh, hàm Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, kỷ lục 3 thứ.

Năm ấy đổi phép lịch. Đổi tiết "mang chủng" gọi là tiết "mang thực".

Khai phục Nguyễn Công Trứ làm Tổng đốc Quảng Ngãi.

Tham bổ: Ngoài thành, ruộng bình địa sụt xuống thành đầm, rộng 20 mẫu sâu 20 thước.

Đinh Mùi, năm thứ 7 [1847], (Thanh, Đạo Quang năm 27).

Mùa xuân, tháng giêng, cho Tiến sĩ Ngụy Khắc Tuần làm Tổng đốc Ninh - Thái. Trước làm Tuần phủ Hưng Hóa,

rồi đổi vào Quảng Nam, Tuần phủ đưa gấm vóc về biếu cha, cha đều trả lại.

Cấm dân gian không được uống rượu, đánh bạc. Và cấm buôn bán các thứ dị dạng. Tỉnh thần trước phần nhiều cho lính lệ nghỉ ngơi, lấy tiền cỏ ngựa. Tuần đến nhậm chức, bãi lệ ấy đi. Lại bãi việc khoán đắp đê.

Phụ: Tuần dẫu làm khanh tướng, nhà quê chỉ có vài gian nhà tranh, vợ con vẫn phải đi vay. Đổi bỏ mối tệ, người khen là thanh liêm. Thường có đô lại vào nhà riêng để thỉnh thác. Tuần biết ý, quát to lên rằng: "Mày dám vào nhà tao ăn trộm à?". Đô lại nói: "Xin bẩm một lời thôi, không dám ăn trộm!". Tuần nói: "Ngươi không biết ta không cho tự yết hay sao? Có việc công đến công đường mà nói. Ta không nhận lời nói riêng". Đô lại sợ quá, lạy tạ, đi ra.

Phụ: Huyện Lang Tài có hổ lang, sau sang Cẩm Giàng.

Sau lại đổi Ngụy Khắc Tuần làm Tuần phủ Quảng Nam.

Trước đấy, Án sát Khánh Hòa[1] tế đàn Xã Tắc, có thương khách trong thuyền buôn đến xem. Lễ xong, mời Án sát xuống thuyền chơi, rồi truy hỏi những người đạo Giatô bị giữ ở đâu? Án sát không trả lời, rồi nhảy lên bãi cát trốn về, đem việc ấy tâu lên, triều đình sai 5 thuyền thủy sư đi đuổi bắt thuyền giặc ấy. Giặc bắt súng loạn lên, đánh nhau to. Thủy sư chỉ còn 2 thuyền. Quảng Nam bị rung động. Vua cho rằng Ngụy Khắc Tuần trước Tuần phủ Quảng Nam rất được lòng dân, cho nên đổi Tuần đi Quảng Nam mà sức cho các tỉnh Vĩnh Thanh phải phòng giữ mặt biển.

---

[1]. Nguyên thư in nhầm là "Trấn Tây". Đây chúng tôi theo *Thực lục*, *Đệ tam kỷ* mà sửa lại là Khánh Hòa, và cũng theo sách này, viên Án sát ấy tên là Nguyễn Hàm Ninh, nội dung sự việc chép khác nhiều.

Cho Đỗ Đình Thư quyền thự Tuần phủ Hưng Yên. Thư trước làm quan ở Ninh Thái, của cải chứa như núi. Năm ấy có tang. Bọn cường đạo hơn 100 tên đem theo binh khí, giả danh là đến viếng tang, nhân lúc say rượu, trói hết người nhà tra khảo người cha, giết chết người con trưởng, cướp lấy của báu mà đi. Thư sợ quá, không dám phát giác.

Mùa xuân năm ấy, vua làm bài tựa sách *Lịch đại sử tổng luận*.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 21, mặt trăng có quầng đỏ, lại có khí trắng từ phương Tây xuyên vào.

Tháng 5, ngày 15, lúc chiều cả, có khí trắng ngang suốt phương cấn khôn[1].

Đình thí Tiến sĩ. Cho bọn Thám hoa Phan Dưỡng Hạo[2], Trịnh Xuân Thưởng 7 người cập đệ và xuất thân có từng bậc. Xuân Thưởng người xã Danh Lâm, huyện Đông Ngàn, thi Hương, thi Hội đều đỗ thứ ba. Khoa ấy, kỳ thi phú, vua ra đề mục là "Mệnh tướng chinh Tây, Cao Miên lai phục; hạ chiếu ban sư, luận công hành thưởng", v.v...

Cho Trần Thời Mẫn làm Án sát Bắc Ninh. (Mẫn người Minh Hương, phủ Thừa Thiên, Tiến sĩ khoa Mậu Tuất [1838]).

Hà Nội, Án sát Tôn Thất Kiêm do Đốc học làm Bố chính.

Nam Định, Hà Duy Trinh làm Tổng đốc (có chỗ chép Phạm Mỗ làm Tuần phủ kiêm Tổng đốc quan phòng).

Đốc học Trường Định, người xã Cẩm Xá bị miễn quan.

Tôn Thất Bật lại làm Tổng đốc Hà Ninh. Khách Minh

---

[1]. Cấn khôn: tức là từ đông bắc sang tây nam.

[2]. Tức Phan Thúc Trực, tác giả *Quốc sử di biên*.

Hương có việc tang mẹ, mời Bật đi đề chủ, người đời ấy đều chê cười, sau can việc án mạng, Bật bị xóa tên trong Tôn phả.

Cho: Vũ Hồng Tự làm Tổng đốc Bình Hòa[1]; Nguyễn Mễ làm Tri huyện Tiên Du; Hà Văn Đạo tri huyện Võ Giàng; Mộ Trạch Vũ Huy Tích làm huấn đạo huyện Lang Tài; Thanh Hà Nguyễn Trứ làm đốc học Hải Dương; Đào Danh Văn tri phủ Thiệu Hóa; Phó bảng tỉnh Thanh Hóa làm Đồng tri phủ Từ Sơn; người xã Phúc Thị tri phủ Trường Khánh; Phan Dương tri phủ Thường Tín, thăng Hải Dương; Cống sinh Hinh xã Dị Sử làm Đồng tri phủ Thái Bình; Văn Giang tri huyện Kim Động, Tú tài Đồng Xá làm Huấn đạo (vì mẹ phóng độc, bị cách chức), Hà Tĩnh Chu Văn Uyển đổi làm Đốc học Bắc Ninh.

Triệu Tiến sĩ Nguyễn Vinh, Vinh không đến. Trước ở Nam Định, cáo quan, không được, đến Thanh Hóa, lại cáo từ, rồi Vinh về ở xã Giang Trào, dưỡng bệnh.

Tổng đốc Nam Định Phan Bá Đạt[2] chết. Đạt làm việc quan hà khắc, xét nét, thư lại phần nhiều oán thán, gọi là "hùm xám". Gặp việc con là Quát đi thi, chạy vạy cầu cạnh, phải tội phạt 10 roi sắt. Đạt liên can bị triệu vào Kinh, Đạt uống thuốc độc chết.

Cho Đặng Đình Hòa thay làm Tổng đốc Nam Định. Hòa trước từ Bình Định được triệu vào Kinh thăng Hiệp biện Đại học sĩ. Hòa tự trần tình rằng không am tường việc bộ, lại được ra Tổng đốc Nam Định. Khi làm việc quan, Hòa trước giáo hóa, sau mới hình phạt, án nào cũng đúng. Có

---

[1]. Sau đổi Khánh Hòa.

[2]. Nguyên thư in là Phan Văn Đạt.

chánh cơ đi bắt giặc, nhận hối lộ của quan bản đạo: 1 gánh gạo, 10 quan tiền, bị Phó cơ tố giác. Hà gọi quở Chánh cơ, bắt phải tự gánh gạo và tiền đem trả nguyên chủ. Chánh cơ sức yếu, không gánh nổi, người phố xá cười ồ lên. Chánh cơ xấu hổ, lạy tạ.

Lại có 3 văn sĩ kiêm quan huyện tham tang. Hòa cho gọi hỏi số tham tang bao nhiêu. Ba người nói 3 quan tiền. Hòa nói: "Quan huyện ăn lễ, thực đáng trách! Nhưng làm quan, không nhận đồ biếu xén thì lấy gì mà ăn, mặc? Giả sử bọn ngươi làm quan, tự xử thế nào? Lũ ngươi thực là dân tệ! Ta vâng mệnh vua, làm Tổng đốc, không ngờ Nam Định còn có thói này! Từ nay về sau, không được theo thói cũ như thế nữa". Bèn sai đuổi 3 người ấy ra, sai lính cầm chổi quét sạch dấu bước chân 3 người ấy, và nói: "Dấu chân bọn ngươi làm bẩn công đường ta! Đi mau! Đi mau!". Từ đấy, việc ngục tụng bớt dần đi. Lại có vài bọn cường đạo lén lút tụ tập ở nơi hẻo lánh. Mọi người xin vây bắt. Hòa nói: "Không nên, nay tết đến nơi, lũ kia đói khát, tụ nhau ăn trộm vặt, cầu cho no bụng, bất tất vây bắt, chỉ nhiễu dân thôi!".

Khoa ấy thi Đình, cháu Hòa là Lý đã trúng cách. Nội đình ban cây nến cho sĩ tử làm văn. Lý nói: "Cử tử thì vội, quan trường thì nhàn, không nên thúc bách nhau, không phải người giỏi không tránh nặng đâu". Vì xấu nết, Lý bị đánh hỏng, cho lấy chân Tú tài vào Giám học. Lý về Nghệ An, thi Hương lại đỗ thủ khoa.

Tháng 6, mưa to, đê vỡ. Sau tiết Lập thu, mưa lâu, không tạnh, Bắc Ninh thì Đông Ngàn, Yên Phong, Nam Định thì Mỹ Lộc, Nam Xang, nước tràn đê vỡ, nước mông mênh, hàng nghìn dặm. Quan phủ, huyện bị cách chức.

Thái Nguyên có giặc, sai quan Khâm phái đến tra hỏi. Trước đây, tỉnh Thanh Hóa có tên Cả Phù là dòng dõi nhà Lê, mặt to, tai to lớn, thượng đình vuông, rộng, trên trán có dấu đỏ tròn hơi lõm xuống, râu 5 chòm dài hàng tấc, 2 gò má cao, chân tay hơi dài, mũi cao và dày, tóc dài đến gót chân, 10 đầu ngón tay như búp măng, tuổi độ 35, mặc quần áo vải trắng như nho sinh, tự hiệu là Lê Chân Nhân. Lúc bấy giờ Nguyễn Đình Hoan người xã Phong Lãng, tỉnh Ninh Bình, tự xưng là Tam Điệp công, khâm phụng đại sứ. Cả Lâm người xã Thần Khê, huyện Tiền Hải, tự xưng là Hải Sơn công. Cả Tân người Đồ Sơn tự xưng là Hải Dương công. Chánh Đạo người xã Quần Anh, huyện Nam Chân, tự xưng là Đại tướng quân. Cả Hân người xã Tam Sơn, Hào Thái người xã Mục Sơn, Ngọc Công Tam người xã Bình Ngô, Lý Xuân người xã Ngọc Lâm, Vệ Nhưng người bãi Tự Nhiên, v.v... họp đảng ở trong rừng Thái Nguyên, đưa thư cho giặc biển, hẹn đến ngày 20 tháng 6 khởi binh, thì quan Trú phòng Thái Nguyên phát giác đến bắt được ấn tín, cờ, trống. Chúng đều chạy trốn. Chiếu sai quan Khâm phái đến Thái Nguyên tra xét, bắt được mấy người ở bãi Tự Nhiên thú xưng đạo đông nam có rất nhiều người vào bọn ấy. Quan tỉnh sợ hại lây đến bình dân, chia sai thư lại là bọn Hữu Phú vẽ hình bọn Lê Chân nhân đem đi bí mật do thám. Sau có châu phê rằng: Giam cầm ở ngục Thái Nguyên những phạm nhân đã bị bắt, đợi bắt được Lê Chân Nhân lập án rồi, sẽ hành hình.

Mở ân khoa (7 năm 5 khoa, có lấy Thám hoa).

Tham tri Cẩm vì có tang mẹ, xin từ chức.

Vũ Công Độ làm Thị giảng.

Mùa thu, tháng 9, mồng một, ngày Đinh Sửu, giờ Thân, có Nhật thực.

Sông Thiên Đức nước đen.

Phó bảng Phẩm đổi đi Tri phủ Thường Tín.

Lang trung Bùi Trần Đàn được bổ làm Đốc học Ninh Bình (tháng 10 chết).

Cho bọn Nguyễn Bá Nghi vào Nội các.

Quý Mão, ngày 27, vua băng. Trước đây, ngày 18 tháng 8, vua se mình, thuốc thang không khỏi, vua còn ngự điện Cần chính coi chầu: công việc các ty tâu đến đâu, phê đến đấy. Đến đây, bệnh trở nặng, mà ngôi thái tử chưa định. Lúc bấy giờ hoàng tử Bảo tuổi lớn, nhưng cứng cỏi nóng nảy, ham mê tửu sắc, mà mẹ là con nhà thường dân. Hoàng tử Nhậm, ít tuổi, lại có học hạnh, ý vua muốn lập Nhậm làm thái tử. Bèn triệu Trương Đăng Quế đến tỏ ý ấy. Trương Đăng Quế nói: "Thiên tử vì thiên hạ mà chọn vua, lũ tôi đâu dám không vâng mệnh!". Vua bèn đưa tờ sắc ở trong bọc ra sắc giấy đỏ, đóng dấu kiềm trên chỗ viết tên..., bảo Trương Đăng Quế và văn võ 5 người cùng ký tên, đóng dấu. Bấy giờ mới biết lập Hoàng tử Nhậm làm Thái tử. Giây lát vua tắt nghỉ.

Bính Ngọ, ngày 20, giờ Thân, có khí đỏ từ phương Bắc nổi lên, đầu nhọn, chỉ về phương Nam, đến đêm mới tan.

Phụ: Tháng 8, trong mặt trời có quầng xanh đỏ.

Mùa đông, tháng 10, ngày 5, Hoàng tử Phúc Tuy công lên ngôi Hoàng đế. Trước đó, Trương Đăng Quế định kế trong cung, ngoài triều đều lấy làm ngờ. Đến lúc Hoàng tử Nhậm lên ngôi, có người không chịu xếp vào ban thứ [đến lạy mừng]. Võ thần Hà Văn Chương tuốt gươm ốp việc xếp ban thứ nói rằng: "Lúc tiên đế sắp mất, đã lập sẵn Thái tử. Chúng ta phụng chiếu tôn phò, ai không theo chiếu chỉ, đã có phép nước". Bấy giờ cả đình thần đều xếp ban lạy mừng.

Hoàng tử lên ngôi, chiếu lấy tháng giêng năm sau làm Tự Đức năm đầu [1848].

Những thuế thiếu từ năm Thiệu Trị thứ 6 trở về trước và thuế 2 vụ năm ấy tạm hoãn đến vụ đông năm sau. Lại đối với ấp thang mộc[1], ban ơn cho 1.000 quan tiền, miễn thuế thân, thuế điệu 3 năm. Đối với các tỉnh, miễn thuế thân, thuế điệu 1 năm, những xã nào đã nộp vào kho đều cho kê khai. Lại miễn thuế các cửa tuần và bến đò 1 năm. Các tội tù đều cho giảm nhẹ xuống 1 bậc.

Lại ban sắc cho bách thần, y cựu phụng sự. Còn các việc khác đều theo chế độ cũ.

Mở ân khoa.

Ngày 12 tháng ấy, làm lễ thành phục. Lễ để tang cũng như Thiệu Trị năm đầu.

Tú tài đi thi, viết văn phạm húy, phạt 80 trượng; sĩ nhân, phạt 60 trượng; mỗi trượng cho chuộc 1 tiền.

Ngày Ất Mão mưa to luôn mấy ngày. Mồng 9, bão lớn. Lúa ruộng đều đổ rạp xuống. Trước đây, lúa đã chín, chưa kịp gặt, gặp mưa, bão, lúa đổ hết. Chỗ đất bằng nước sâu 5 thước.

Ngày ấy, các tỉnh thi Hương vào kỳ thứ 2. Chủ khảo trường Hà Nội là Nguyễn Đức Hoan và Nguyễn Trứ yết biển dụ học trò rằng: "Mỗi kỳ vào trường, từ đầu giờ Mão đến cuối giờ Dậu, thừa ra 1 canh, sức làm văn 1 ngày đủ rồi. Phải nên nộp quyển sơm sớm. Nay lấy ngồi dai làm đắc sách, viết lại là lối hay, cả ngày không đủ, lại thắp nến để viết! Nào có biết trường thi đỗ cao, đỗ thấp đã có bảng định sẵn từ lên trời, nên răn đấy, nên răn đấy!".

---

[1]. Quê quán nhà vua. Đây chỉ Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn thuộc Thanh Hóa.

Lúc bấy giờ các tỉnh đều báo tin thiên tai mưa, bão, lúa hỏng để đợi giảm thuế. Duy Án sát Bắc Ninh đi làm Chủ khảo không kịp báo tai, bị quan trong bộ ở Kinh trách hỏi. Tổng đốc Bắc Ninh Hà Duy Trinh bẩm rằng: "Trong hạt lúa chín sớm, thu hoạch đã xong, nay còn báo tai ương làm gì!".

Giáo thụ Thuận An chết. Cho ngự sử Nam Định làm Giáo thụ. Ngự sử bị giáng cấp làm giáo chức, mọi người gọi là "chè phát du" (sau, đem thăng Tri huyện).

Chiếu: Ở Bắc Kỳ, trong các bách thần, thần nào bị thu sắc, chưa phát trả, đều cho phụng sự như cũ. Đầu năm Quý Hợi [1803] đời Gia Long, tường định từ điển bách thần, thu sắc cũ, năm Ất Sửu [1801], đều cho lĩnh về. Những thần có sự tích công đức, năm Tân Mùi đều lĩnh 2 đạo sắc. Chưa bao lâu, lại thu lưu. Đời Minh Mệnh, đầu năm Canh Thìn [1820], phong tặng có thứ bậc. Khoảng năm Đinh Dậu, Kỷ Hợi, lại cho dân khai thực sự tích, công đức, năm Canh Tý [1840], theo thứ tự, ban cấp. Thiệu Trị năm Giáp Thìn [1844] lại chia 3 lần ban cấp. Năm ấy, đem tờ chiếu mới lên ngôi, tuyên bố lại cho những sắc thần thu lưu từ năm Tân Mùi [1811] chưa trả lại, đều cho y cựu phụng sự, lĩnh sắc năm Canh Tý [1840], năm Giáp Thìn [1844] đều 1 đạo. Duy những thần sự tích và công đức không rõ ràng, thì đình chỉ không cấp.

Triệu Tiến sĩ Nguyễn Phan (đi đến.....[1]....., cáo ốm về). Khai phục Ngô Điền làm Tri phủ Nam Sách.

Cho Tôn Thất..... làm Bố chính Bắc Ninh.

Sửa đền Sĩ Vương, ngoài xây nghi môn 3 gian, trong làm nhà quan cư 5 gian (tháng 6 năm Kỷ Dậu [1849] xong).

---

[1]. Nguyên văn in là "Hoàng mệnh" 皇命.

Lại cấm đạo Gia tô.

Phủ Kiến Thụy bắt được các người giảng đạo ở Thanh Hà, có 2 viên tả giảng và hữu giảng. Họ chứa các thứ gạo, muối, duy không có khí giới. Sau được miễn xá. Lại bắt được người huyện An Dương, Đinh Văn Khảm, người huyện Thanh Lâm, Nguyễn Hương bắt được 1 người, huyện Lang Tài cũng bắt được 1 người. Sau đều được xá miễn.

Tháng 12, sai Nhữ Bá Sĩ, Vương Hữu Quang và Bùi Quỹ sang sứ nhà Thanh (trước báo tang, sau cầu phong).

Quần thần xin dâng tôn hiệu cho sinh mẫu vua, bà không nghe, lấy cớ cát lễ không làm trùng với hung lễ, cố từ không nghe. Vua đem ý ấy dụ cho quần thần biết, v.v...

Cho Trương Đăng Quế quản lý Khâm thiên giám sự vụ, tầm thường gia 6 cấp, kỷ lục 14 thứ, còn vẫn theo nguyên hàm năm Bính Ngọ [1846].

Hoàng Công Dương tuổi ngoài 70, được miễn quan, hưu dưỡng.

*

* *

Tham bổ: *Ngoại truyện* chép: Việc thi võ, phép nhà Đường có phép đội gạo rồi đổ tung ra, đời Tống đặt nhà dạy võ. Bản quốc, đời Trần niên hiệu Kiến Trung, đời Lê niên hiệu Quang Hưng cũng có nhà giảng võ. Phép thi võ ngày nay: kỳ thứ nhất: mang nặng, đi xa, 2 tay đều cầm cây trùy bằng chì nặng 1 tạ, đi 30 hay 50 bộ; kỳ thứ hai côn, quyền; kỳ thứ 3 bắn súng.

*

* *

Khoa Bính Ngọ sao gửi tờ bộ Lễ kê khai tôn hiệu liệt thánh quốc triều, tên hiệu sơn lăng và các tên điện, các, đường, lâu, yết thị trường quy: chữ quốc húy và chính chữ tên vua phải

kiêng y như trường quy trước. Những chữ tự dạng giống nhau, như chữ 崇 "*Sùng*", giống một bên như chữ 宗 "*Tông*", không cứ âm nghĩa giống hay khác, đều dùng chữ khác thay vào. Và đoạn văn kim, không được dùng 2 chữ liên nhau như các chữ 聖廟 "*thánh miếu*", 聖壽 "*thánh thọ*", 天壽 "*thiên thọ*", 先壽 "*tiên thọ*", 進明 "*tấn minh*", 進昭 "*tấn chiêu*" và các chữ ngụy hiệu cùng các chữ thô bỉ.

Các chữ tên điện và các là: *Triệu miếu, Hưng miếu, Hiếu tư, Mục tư, Cao minh, Trinh minh, Thần quang, Linh quang, Trung hòa, Chính hòa, Minh uy, Minh thành, Thiên thân, Hoàng phúc, Nhân tuyên, Sùng ân, Hiển lâm, Thường mậu, Đại tự, Chiêu kính, Chiêu tài, Long đức, Tàng hương, Niên phong, Tu sử, Đông các, Hồi lan, Văn minh, Võ hiển.*

Các chữ tên đường [nhà] là: *Tuy thành, Hiển lâm, Duyệt thiện.*

Các chữ tên lầu là: *Quang hưng, Khánh ninh, Ngũ phượng lâu, Nhật thành, Vĩnh ninh, Vạn hoa cốc, Tĩnh tâm hồ, Thường thanh viên, Chỉ thiện đường.*

Năm Giáp Thìn [1844], Đình thí: Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 2 người: Nguyễn Chương[1] (xã Vĩnh Hòa, tỉnh Quảng Trị), Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân 8 người: Nguyễn Dương Huy (xã Mỹ Hòa, tỉnh Quảng Bình), Hồ Sĩ Tuấn (xã Phú Hậu, tỉnh Nghệ An), Hoàng Công Thịnh (xã La Vân, phủ Thừa Thiên), Bùi Văn Phan (xã Thân Thượng, tỉnh Nam Định), Nguyễn Hữu Tạo (xã Đông Ngạc, tỉnh Hà Nội), Văn Đức Giai (xã Phú Hậu, tỉnh Nghệ An), Trần Hữu Thụy (xã Nam Phố, phủ Thừa Thiên), Nguyễn Chính (xã Bình Ngô, tỉnh Bắc Ninh).

---

[1]. *Quốc triều khoa bảng lục*, in là Nguyễn Văn Chương.

Phó bảng 15 người: Nguyễn Văn An (Bắc Ninh), Nguyễn Thời Phẩm (xã Vạn Tư, tỉnh Bắc Ninh), Lê Văn Phổ (xã Thiên Lộc, phủ Thừa Thiên), Phan Tiến Tuyển[1] (xã An Đồng, tỉnh Hà Tĩnh), Lê Thiều (xã Ưu Đàm, phủ Thừa Thiên), Vũ Duy Thành (xã Đại An, tỉnh Quảng Ngãi), Nguyễn Duy Tự (xã Bảo An, tỉnh Quảng Nam), Lê Thế Thứ (xã Ngọc Đôi, tỉnh Thanh Hóa), Phạm Văn Tường (xã Thiên Tùy, phủ Thừa Thiên), Lê Đăng Trạc (xã Kỳ Thuyết[2], tỉnh Nghệ An), Lê Vĩnh Khanh (xã Thanh Bình, tỉnh Quảng Nam), Trần Công Soạn (xã Niêm Phù, phủ Thừa Thiên), Hồ Hằng Tính (xã Phú Mỹ, tỉnh Quảng Nam), Nguyễn Sĩ ấn (xã Xuân Lâm, tỉnh Nghệ An).

*

* *

Năm Đinh Mùi, Sách đề[3].

Tế giao cảm cách, thành thực như lòng Thương Vương. *Thực lục* toản tu, kính cẩn như đức vua Chu. Suy lòng vô dật của Văn Vương mà dậy sớm ăn muộn, chăm việc chính trị. Theo đức thương dân của Ngu Thuấn mà giảm thuế, phát chẩn, nuôi sống dân sinh. Cầu hiền thì mở rộng khoa mục, xét quan lại thì chọn lọc giỏi, hèn. Nghiệm xét ngày mưa ngày tạnh, trọng nông như Chu Vương. Xuân thu xét ngục, đoán hình, cẩn hình như Đế Thuấn. Đặt trường học, ban *Kinh truyện*, là để nuôi thành nhân tài. Nêu hiếu thuận, khen tiết nghĩa, là để gây hậu phong tục. Những

---

[1]. Sách dẫn trên chép là Phan Đình Tuyển.

[2]. *Quốc triều khoa bảng lục* chép là xã Hoàng Trường.

[3]. "Sách đề" và "Hựu thể" ở dưới đây, đều là những bài tán tụng công đức Thiệu Trị.

việc làm đại vinh, lập đại bản, chí thành diệu vận, đều theo tâm pháp và trị pháp của Thánh tổ. Lại còn chế binh thì có các vệ Loan nghi, Loan giá, Kim ngô, Cẩm y, kể tháng thay phiên, tính năm đổi thú, thời thường thao diễn, tức là tiết chế thơ "Cát nhật", thơ "Xa công"[1] đều chu toàn và đủ rõ cả. Cho nên đội tỳ hưu đánh vào cõi sông Lô, núi Tản thì nghê lừa báo chuột đến tận cùng, bọn giặc Nhàn, Thạch tự nộp lòng thành mà quy thuận. Quân hùng hổ đánh vào cõi đông đảo, thì lũy sắt thành đồng hết hiểm trở, các nước Xiêm, Lạp đều khấu đầu mà đến chầu. Đó là văn đức đủ khiến cho người xa quy phục, mà binh uy hùng mạnh có thể trấn áp ngoại di.

Hựu thể:

Đặt quan lại, chọn nhân tài thì các Viện, Các, Bộ, Tự thiết lập có lệ thường. Xuân thi Hội, thu thi Hương, ân khoa mở rộng mãi, những thành quy của Thánh tổ cái gì cũng noi theo. Thương binh lính, yêu nhân dân, phiên trấn có lính cơ, tỉnh có lính trạm, thưởng cấp theo thứ bậc. Thuế điền sản, thuế nhân đinh, thường cho giảm miễn, những thành hiến của Thánh tổ, cái gì cũng tuân giữ. Công phu giữ một chữ "Kính" là tâm pháp của đế vương. Xem nhà Duyệt thiện, ngắm hồ Trừng tâm, đã hợp tinh thần trong sáng, truyền làm phép tắc đời sau, tự rực rỡ, lại viên mãn như mặt trời mặt trăng. Lý hội, tam tài là trị pháp của đế vương. Làm việc kinh luân ở điện Thái Hòa, điện Cần Chính, đã biểu lộ được ánh sáng rực rỡ của trời, lại truyền

---

[1]. Cát nhật, Xa công: hai thơ ở *Tiểu nhã*, *Kinh thi* nói việc Chu Tuyên vương dụng binh đánh giặc.

làm phép tốt thanh bình dài lâu, rực rỡ trở thành văn chương dọc trời, ngang đất.

*

* *

Năm Đinh Mùi [1847], thi Đình. Thám hoa Phan Dưỡng Hạo (tỉnh Nghệ An), Hoàng giáp Nguyễn Văn Ngung[1] (huyện Hải Lăng), Trịnh Đình Thái (huyện Thanh Trì). Đồng tiến sĩ 4 người: Vũ Văn Hiệu (huyện Tuy Viễn), Trịnh Xuân Thưởng (huyện Đông Ngàn), Hoàng Trọng Nguyên (huyện Hương Thủy), Nguyễn Đức Tư (huyện Hải Lăng). Phó bảng 4 người: Trương Xác[2] (huyện Vĩnh Thuận), Nguyễn Huy Dao (huyện Thanh Hà), Hoàng Văn Học (huyện Tuy Viễn), Trần Thời Mậu (huyện Thạch Hà).

Thi Hội, có Đặng Đình Trí[3] trúng cách, đến lúc thi Đình, bị đánh hỏng. Lại, phủ Lý Nhân có Kim Đình cũng trúng cách, đến lúc thi Đình, vì câu văn "Giả tài hoàng khảo" cũng bị đánh hỏng, truất xuống làm sĩ nhân, sau thi Đình lại đỗ tú tài.

*

* *

Gia Long năm thứ 15 [1816], sách phong Hoàng thái tử rằng:

Thừa Thiên hưng vận hoàng đế viết: Trẫm nghĩ con trưởng tượng quẻ Chấn, công tử đức con lân, dẫu yêu con để mưu cho cháu, mà đón mệnh phải nhờ con hiền. Ngươi,

---

[1]. *Quốc triều khoa bảng lục*, quyển I, tờ 21a chép là Nguyễn Văn Hiển.

[2]. *Quốc triều khoa bảng lục* chép là Trương Ý.

[3]. *Quốc triều khoa bảng lục* chép là Đặng Huy Trứ.

hoàng tử Hiệu, tính trời từ tường, độ lượng rộng rãi, đức thông minh lại có khiêm cung, lòng hiếu hữu lại càng cố gắng, kể tuổi, kể đức hiền, có thể gánh vác được. Nghĩ như Trẫm: gập ghềnh cõi Nam, gian lao trăm trận, giết được kẻ thù, mở cõi toàn Việt, rất khó nhọc mới có ngày nay. Nghĩ vì kế tôn miếu xã tắc, tìm người nguyên lương, chí ta định trước, trăm quan cùng theo.

Vậy kính cáo tôn miếu, lập ngươi làm Hoàng thái tử, ban cho sách vàng, ấn vàng. Ngươi nên ngày sáng đức mới, mưu tính lâu dài, sáng nghĩa vua tôi, cha con, thành hiệu tu tề trị bình, để xứng đáng mệnh tốt của Trẫm. Khâm tai! Đặc sách.

*

* *

Gia Long năm thứ 16 [1817], sách phong các hoàng tông: Hoàng thúc Thăng quận công làm Thúc Long công, Hoàng tử Linh làm Kiến An công, Hoàng tử Bích làm Định Viễn công, Hoàng tử Tấn làm Diên Khánh công, Hoàng tử Phổ làm Điện Bàn công, Hoàng tử Chẩn làm Thiệu Hóa công, Hoàng từ Quân làm Quảng Uy công, Hoàng tử Cự làm Thường Tín công, Hoàng tôn Đán làm Ứng Hòa công, Hoàng tôn Kính làm Thái Bình công.

*

* *

Năm Gia Long [1802-1819], sắc phong con trưởng các công thần: Vũ Tông Khánh (con trưởng Thái úy Võ Tính) làm Khinh xa đô úy, Khánh thiện hầu (trật bằng Chưởng cơ); Nguyễn Phúc Trinh (con Quận công Hội) làm Kiêu kỵ

đô úy, Trinh tường hầu (trật bằng chư quân Vệ úy); Nguyễn Hoàng Toán (con Quận công Đức) làm Kiêu kỵ đô úy, Toán thành hầu (trật như trên); Nguyễn Văn Đức (con Quận công Nhân) làm Kiêu kỵ đô úy, Nghiễm quang hầu (trật như trên); Lê Văn Yên (con thừa kế của Quận công Duyệt) chức như trên, tước Yên dực hầu (trật như trên); Nguyễn Đức Thực (con Quận công Xuyên) chức như trên, tước Thiện tài hầu (trật như trên); Nguyễn Thường Tuân (con Quận công Khiêm) chức như trên, tước Hậu đức hầu (trật như trên); Tống Viết Trì (con Quận công Phúc) chức như trên, tước Trì chính hầu (trật bằng Cai cơ); Mai Đức Nho (con Quận công Nghị) chức như trên, tước Huy quang hầu (trật bằng Vệ úy); Nguyễn Đức Long (con Lương âm hầu) làm Vệ úy, tước Tín nghĩa hầu (trật như trên). Các người trên đây đều là các con trưởng công thần.

*

* *

Năm Nhâm Dần [1842] Đình thí:

Hoàng giáp 4 người: Hoàng Đình Tá (xã Hoa Đường)[1], Phan Đình Dương (xã Phẩm Liệt)[2], Phan Nhật Tỉnh (huyện Việt Yên)[3], Phan Hữu Từ (xã Phù Yên).

Tiến sĩ 10 người: Trần Văn Chính (tỉnh Bình Định), Nguyễn Duy Cần (tỉnh Quảng Bình), Nguyễn Danh Vọng

---

[1]. Hoa Đường: sau đổi Linh Đường thuộc huyện Thanh Trì.

[2]. Phẩm Liệt: sau đổi Trang Liệt thuộc huyện Đông Ngàn, Bắc Ninh.

[3]. Theo *Quốc triều khoa bảng lục*, Phan Nhật Tỉnh là người làng An Đồng, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

(tỉnh Bắc Ninh), Nguyễn Kim Hoán (Bắc Ninh)[1], Nguyễn Văn Tố (tỉnh Hải Dương), Ngô Khắc Kiệm (tỉnh Quảng Bình), Nguyễn Quý Tân (tỉnh Hải Dương), Nguyễn Trường Phổ (tỉnh Quảng Nam), Nguyễn Văn Duy (phủ Thừa Thiên), Nguyễn Đăng Trinh (xã Mỹ Khê).

Phó bảng 6 người: Nguyễn Tất Tố (tỉnh Hải Dương), Nguyễn Đức Lân (tỉnh Bắc Ninh), Dương Phúc Vịnh (phủ Thừa Thiên), Đỗ Đắc Đệ (tỉnh Quảng Ngãi), Lê Thế Quán (tỉnh Thanh Hóa), Lê Đức (tỉnh Hà Tĩnh).

*

* *

Thiệu Trị năm Quý Mão thứ 3 (1843), tháng Mạnh hạ, ngày tốt. Ngự chế bài tựa thi cập, v.v... Đình thần xin đem những văn ngự chế năm Tân Sửu, Nhâm Dần [1841-1842] chép làm *Sơ tập*, khắc in, ban hành, cộng 13 quyển, mục lục 3 quyển, thơ 650 bài.

Phụ chép tờ biểu của các quan Bộ, Viện và Nội các tâu xin khắc in *Sơ tập*.

Ngày 16 tháng 2, hoàn thành, cộng 16 quyển, dâng sách kèm tờ biểu tiến lên. Ấn khắc bốn chữ "Thể thiên hành kiện" và bốn chữ "Thiệu Trị kim hàn".

Ngày 15 tháng 5, quan Nội các xin khắc *Bắc tuần thi tập* và *Ngự đề đô hội thi tập*, đều lần lượt ban hành.

Thiệu Trị năm thứ 5 (1845), tháng 3, ngày 26, các quan Bộ, Viện và Nội các tâu xin khắc văn ngự chế.

---

[1]. Theo *Quốc triều khoa bảng lục*, thì Nguyễn Kim Hoán, người xã Xuân Lôi, huyện Võ Giàng (Bắc Ninh). Khoa ấy thi Hội, đỗ thứ 7, chưa kịp thi Đình đã bị bệnh, chết.

Phụ chép việc Lê Văn Khôi:

Bạch Xuân Nguyên, do thư lại xuất thân, được đi tra xét thẩm vấn án Tả quân Duyệt. Nguyên làm nhục quá! Bọn chánh vệ Khôi và Chánh vệ Nghiêm 18 người nhân ban đêm đem quân, voi, phá thành tìm giết Nguyên. Nguyên chạy vào dinh Tổng đốc. Tổng đốc ra cự chiến, bị voi giáng chết. Đến sáng, chúng bắt được Nguyên ở trong cống, đem chém đi. Chúng bàn nên tự thú tội. Có người nói: "Giết một mình Nguyên mà thú thì được, nhưng còn mạng Tổng đốc thì sao?". Bèn vào phá ngục, thả tù đồ 300 người, mở cửa ra ngoài thành, đánh nhau với Lãnh binh: Lãnh binh thua chạy, v.v...

Quốc sử di biên toàn tập hết.
國史遺編全集終

Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỤC LỤC

VÀI LỜI VỀ VĂN BẢN BỘ - QUỐC SỬ DI BIÊN 5

TÁC GIẢ VÀ NỘI DUNG SÁCH - QUỐC SỬ DI BIÊN 8

QUỐC SỬ DI BIÊN - TẬP THƯỢNG 26

Triều Gia Long Quốc triều Đại Nam kỷ Thế tổ Cao hoàng đế 28
Quý Hợi năm thứ 2 (1803), (Thanh, Gia Khánh năm thứ 8) 51
Giáp Tý năm thứ 3 (1804), Thanh, Gia Khánh năm thứ 9. 65
Ất Sửu năm thứ 4 (1805), Thanh, Gia Khánh năm thứ 10. 91
Bính Dần năm thứ 5 (1806), Thanh, Gia Khánh năm thứ 11. 97
Đinh Mão năm thứ 6 (1807), Thanh, Gia Khánh năm thứ 12 101
Mậu Thìn năm thứ 7 (1808), Thanh, Gia Khánh năm thứ 13. 109
Kỷ Tỵ năm thứ 8 (1809), Thanh, Gia Khánh năm thứ 14. 114
Canh Ngọ, năm thứ 9 (1810), Thanh, Gia Khánh năm thứ 15. 116
Tân Mùi, năm thứ 10 (1811), Thanh, Gia Khánh năm thứ 16. 119
Nhâm Thân, năm thứ 11 (1812), Thanh, Gia Khánh năm thứ 17. 126
Quý Dậu năm thứ 12 (1813), Thanh, Gia Khánh năm thứ 18. 133
Ất Hợi, năm thứ 14 (1815), Thanh, Gia Khánh năm thứ 20. 138
Bính Tý năm thứ 15 (1816), Thanh, Gia Khánh năm thứ 21. 140
Đinh Sửu năm thứ 16 (1817), Thanh, Gia Khánh năm thứ 22. 146
Mậu Dần năm thứ 17 (1818), Thanh, Gia Khánh năm thứ 23. 149
Kỷ Mão năm thứ 18 (1819), Thanh, Gia Khánh năm thứ 24. 150

QUỐC SỬ DI BIÊN - TẬP TRUNG 154

Canh Thìn, Minh Mệnh năm đầu (1820), Thanh, Gia Khánh năm 25. 154
Tân Tỵ năm thứ 2 (1821), Thanh, Đạo Quang năm đầu. 161
Nhâm Ngọ năm thứ 3 (1822), Thanh, Đạo Quang năm thứ 2. 180
Quý Mùi năm thứ 4 (1823), Thanh, Đạo Quang năm thứ 3. 191

Giáp Thân năm thứ 5 (1824), Thanh, Đạo Quang năm thứ 4.....194
Ất Dậu năm thứ 6 (1825), Thanh, Đạo Quang năm thứ 5.....203
Đinh Hợi, năm thứ 8 (1827), Thanh, Đạo Quang năm thứ 7.....221
Mậu Tý, năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), Thanh, Đạo Quang năm thứ 8.....231
Kỷ Sửu, năm thứ 10 (1829), Thanh, Đạo Quang năm thứ 9.....240
Canh Dần năm thứ 11 (1830), Thanh, Đạo Quang năm thứ 10.....248
Tân Mão, năm thứ 12 (1831), Thanh, Đạo Quang năm thứ 11.....259
Nhâm Thìn năm thứ 13 (1832), Thanh, Đạo Quang năm 12.....271
Quý Tỵ năm thứ 14 (1833), Thanh, Đạo Quang năm thứ 13.....283
Giáp Ngọ, năm thứ 15 (1834), Thanh, Đạo Quang năm thứ 14.....299
Ất Mùi, năm thứ 16 (1835), Thanh, Đạo Quang năm thứ 15.....312
Bính Thân năm thứ 17 (1836), Thanh, Đạo Quang năm thứ 16.....321
Đinh Dậu năm thứ 18 (1837), [Thanh, Đạo Quang 17].....329
Mậu Tuất năm thứ 12 (1838), Thanh, Đạo Quang thứ 18.....336
Kỷ Hợi năm thứ 20 (1839), Thanh, Đạo Quang năm thứ 19.....342
Canh Tý năm thứ 21 (1840), (Thanh, Đạo Quang năm thứ 20).....348
Chính yếu mục lục.....368

QUỐC SỬ DI BIÊN - TẬP HẠ.....399
Hiến tổ Chương hoàng đế húy Miên Tông, tự Tuyền (hoặc Triền).....399
Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], Thanh, Đạo Quang năm 21.....400
Nhâm Dần năm thứ 2 [1842], (Thanh, Đạo Quang năm 22).....416
Quý Mão, năm thứ 3 [1843], (Thanh Đạo, Quang năm 21).....422
Giáp Thìn năm thứ 4 [1844], Thanh, Đạo Quang năm 24.....428
Bính Ngọ năm thứ 6 [1846], (Thanh, Đạo Quang năm 26).....435
Đinh Mùi, năm thứ 7 [1847], (Thanh, Đạo Quang năm 27).....440

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
Số 43 phố Lò Đúc - Hà Nội
Điện thoại: 04. 3821754

QUỐC SỬ DI BIÊN

PHAN THÚC TRỰC

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm bản thảo:
NGUYỄN VĂN KHƯƠNG
PGS. TS. NGUYỄN VĂN NHẬT
Viện trưởng Viện Sử học
Biên tập: PHẠM MINH THẢO
PHƯƠNG HẢO
NGUYỄN HỮU TÂM
Sửa bản in và phụ trách phần chữ Hán:
HỮU TÂM
PHƯƠNG HẢO
Vi tính: BÍCH TOÀN
Vẽ bìa: Hải Nam

In 1.000 cuốn, khổ 14.5x20.5cm, tại Công ty cổ phần TM In và DL Mê Kông. Giấy đăng ký KHXB số 231-2009/CXB/10-11/VHTT cấp ngày 23/3/2009. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2009.





Phát hành: Nhà sách Đông Tây - 34 Trần Quý Kiên - Cầu Giấy - Hà Nội; 30B Ba Triệu - Hà Nội
Thư viện Café Đông Tây, Nhà N11A, Trần Quý Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội
Sách Hà Nội - 245 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT/Fax: 04.37733041 - Email: sachdongtay@gmail.com - Website: www.sachdongtay.com

QUỐC SỬ DI BIÊN
8 936046 611806
Giá: 72.000đ